DANH HIỆU VÀ CHỨC NĂNG CÁC DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

DANH HIỆU VÀ CHỨC NĂNG

CÁC DOANH NGHIỆP

NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
Hà Nội - 2001

Lời nói đầu

Gần 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới của đất nước, nông nghiệp Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng: Làm chuyển đổi một nền nông nghiệp tự cung, tự cấp, thiếu lương thực sang một nền nông nghiệp hàng hóa, mỗi năm xuất khẩu trên 3 triệu tấn gạo và nhiều hàng hóa, nông sản khác; làm thay đổi tích cực diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống nhân dân; làm cho các tổ chức Quốc tế và nhiều nước trên thế giới ngưỡng mộ. Đóng góp to lớn vào những thành tựu ấy là các Doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các Doanh nghiệp Việt Nam đã có nhiều nỗ lực hội nhập thị trường khu vực và thế giới, đã không ngừng nâng cao chất lượng hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Để ghi nhận những thành tựu của Ngành nông nghiệp và lưu lại những hình ảnh phong phú, sinh động của các Doanh nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chủ trương xuất bản Tập sách:

Danh hiệu và Chức năng các Doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam

Tập sách do Chi nhánh Trung tâm thông tin và chuyển giao tiến bộ sinh học Việt Nam phối hợp với Nhà xuất bản Nông nghiệp và các cơ quan liên quan của Bộ thực hiện.

Nội dung Tập sách được chia làm hai phần:

Phần một giới thiệu về thành tựu, tiềm năng và định hướng phát triển của Ngành. Phần hai giới thiệu các Doanh nghiệp thuộc ngành nông nghiệp trong cả nước bao gồm tên gọi, biểu tượng, chức năng ngành nghề kinh doanh và địa chỉ giao dịch. Sách được biên tập, sắp xếp dễ hiểu, dễ tra cứu thuận tiện cho việc quan hệ thương mại, giao lưu giữa các doanh nghiệp.

Chúng tôi mong rằng Tập sách sẽ góp phần mở rộng cầu nối giữa các doanh nghiệp, phát triển sản xuất, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, hiện đại hóa nền nông nghiệp nước ta.

Thay mặt Ban biên tập sách, chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với lãnh đạo Đảng, Chính phủ, lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT, lãnh đạo các địa phương trong cả nước, chân thành cảm ơn các Nhà Khoa học, các Doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam đã nhiệt tình giúp đỡ viết bài và ủng hộ cho việc ra đời của Tập sách.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng để cuốn sách được xuất bản, nhưng chắc chắn Tập sách sẽ không tránh khỏi những khiếm khuyết. Rất mong được miễn thứ và đóng góp ý kiến xây dựng của quý độc giả.

TM. BAN BIÊN TẬP

NGUYỄN ĐÌNH ANH

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



PHẦN I

TỔNG QUAN

BẢN ĐỒ ĐẤT VIỆT NAM

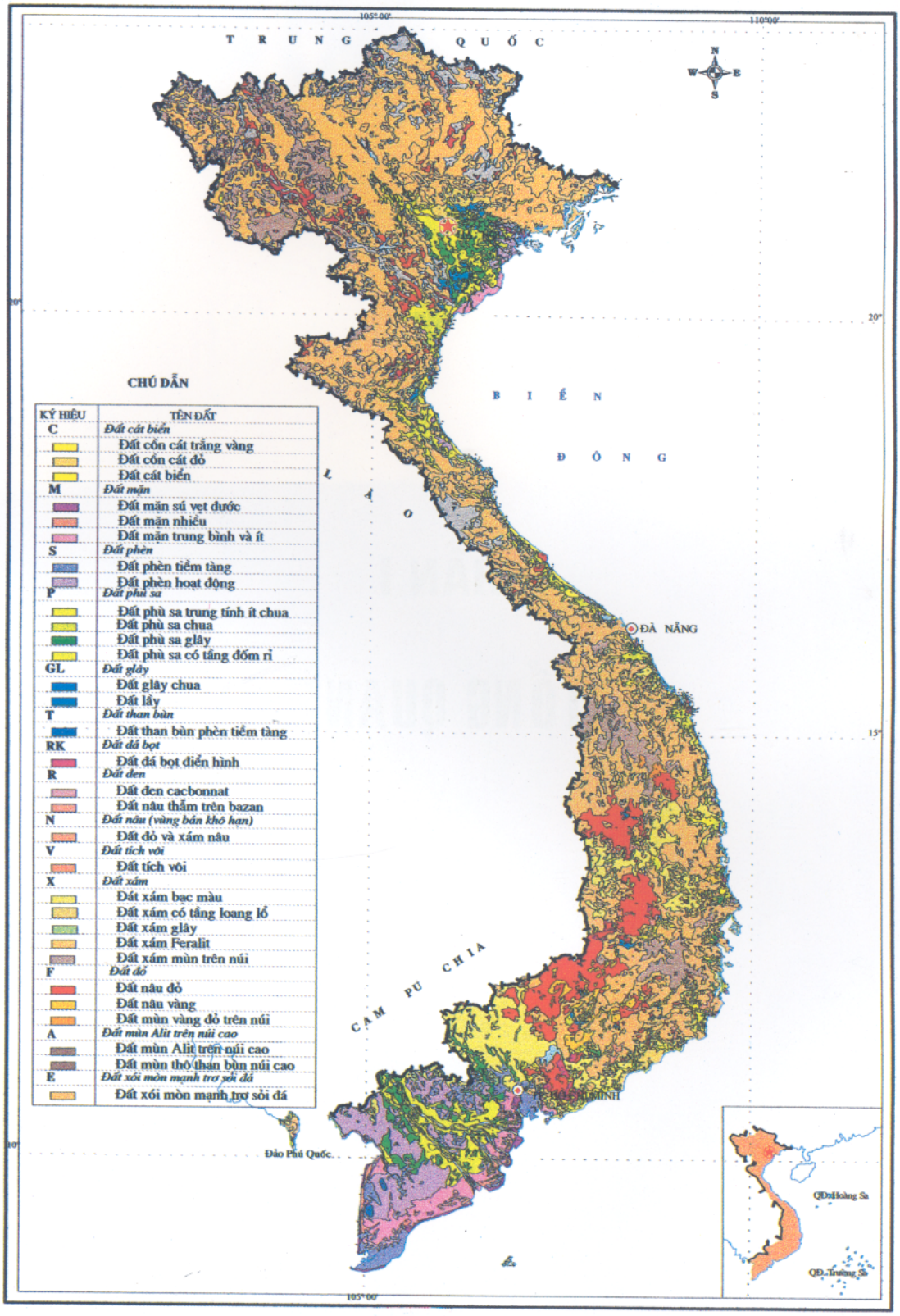

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU	TÊN ĐẤT
C	*Đất cát biển*
	Đất cồn cát trắng vàng
	Đất cồn cát đỏ
	Đất cát biển
M	*Đất mặn*
	Đất mặn sú vẹt đước
	Đất mặn nhiều
	Đất mặn trung bình và ít
S	*Đất phèn*
	Đất phèn tiềm tàng
	Đất phèn hoạt động
P	*Đất phù sa*
	Đất phù sa trung tính ít chua
	Đất phù sa chua
	Đất phù sa glây
	Đất phù sa có tầng đốm rỉ
GL	*Đất glây*
	Đất glây chua
	Đất lầy
T	*Đất than bùn*
	Đất than bùn phèn tiềm tàng
RK	*Đất đá bọt*
	Đất đá bọt điển hình
R	*Đất đen*
	Đất đen cacbonnat
	Đất nâu thẫm trên bazan
N	*Đất nâu (vùng bán khô hạn)*
	Đất đỏ và xám nâu
V	*Đất tích vôi*
	Đất tích vôi
X	*Đất xám*
	Đất xám bạc màu
	Đất xám có tầng loang lổ
	Đất xám glây
	Đất xám Feralit
	Đất xám mùn trên núi
F	*Đất đỏ*
	Đất nâu đỏ
	Đất nâu vàng
	Đất mùn vàng đỏ trên núi
A	*Đất mùn Alit trên núi cao*
	Đất mùn Alit trên núi cao
	Đất mùn thô than bùn núi cao
E	*Đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá*
	Đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá

Tỷ lệ 1:7.000.000

BẢN ĐỒ PHÂN VÙNG SINH THÁI NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

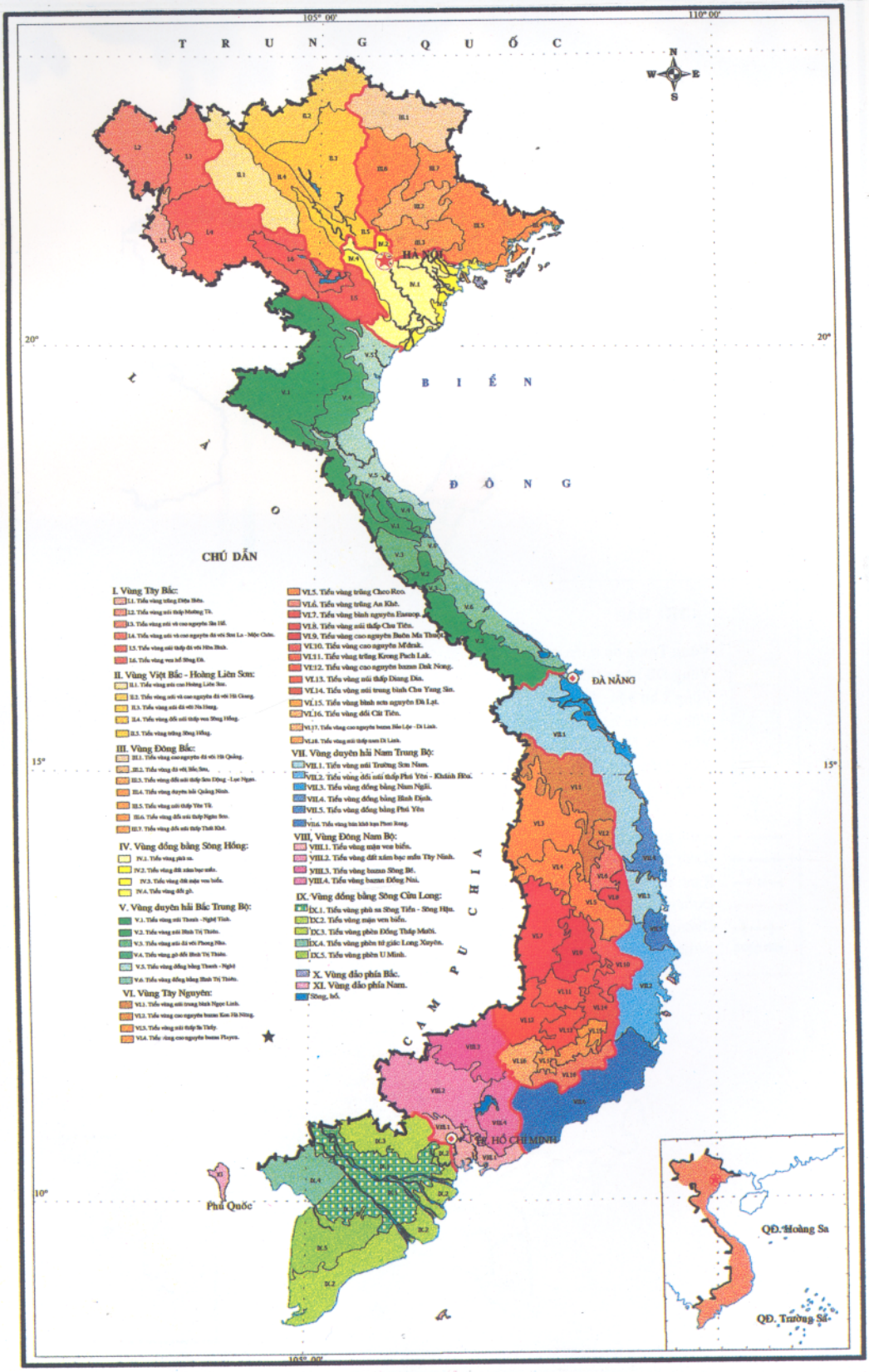

Tỷ lệ 1:7.000.000

BẢN ĐỒ PHÂN VÙNG KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

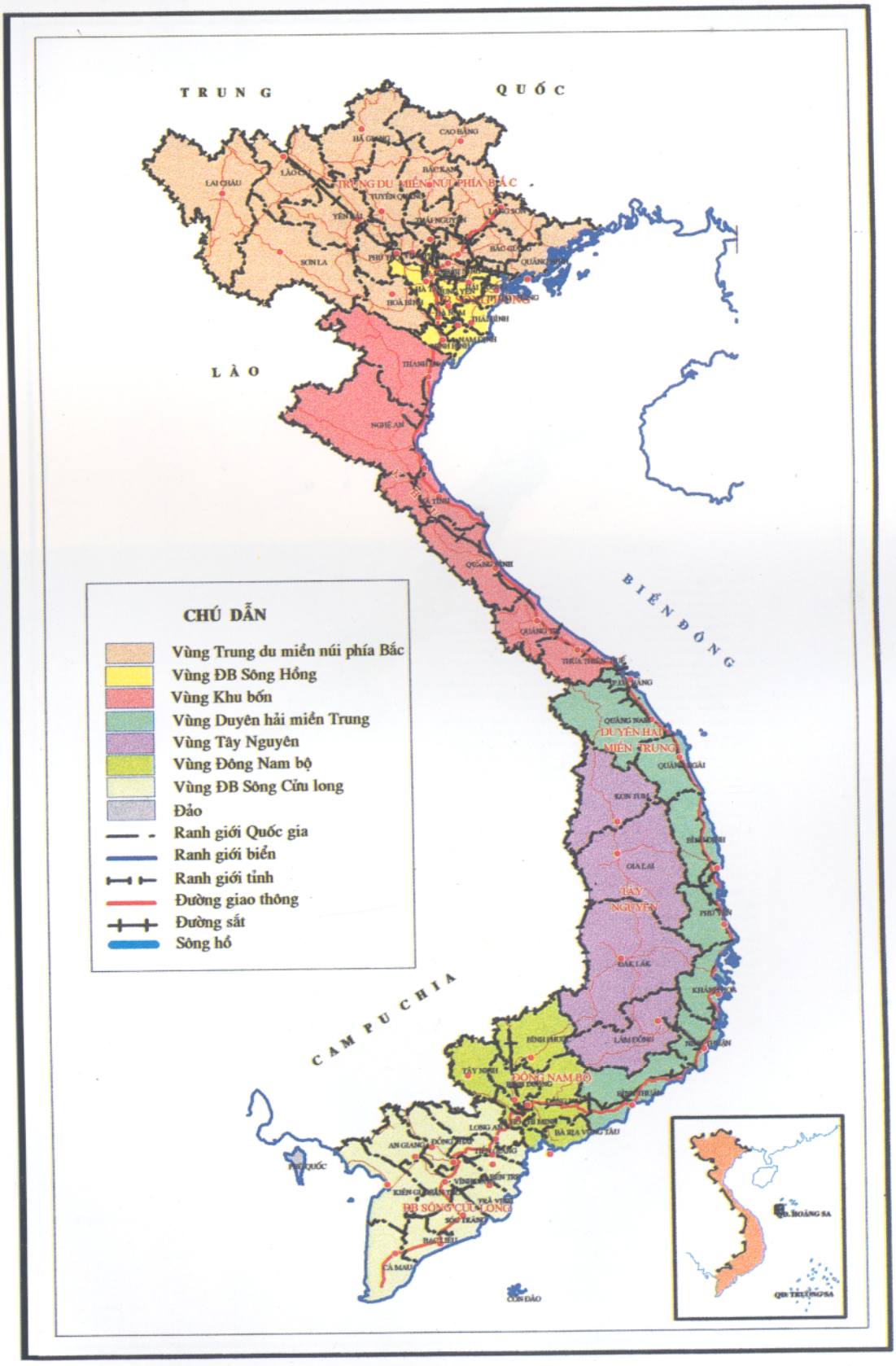

Tỷ lệ 1:7.000.000

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA THEO 7 VÙNG KINH TẾ

1. Trung du - miền núi phía Bắc:

+ Đất nông nghiệp năm 1997 : 1.210.100 ha
năm 2010 : 1.620.000 ha

+Trồng rừng, lâm sản, dược liệu, lúa, chè, cây ăn quả, cà phê, trâu bò.

2. Đồng bằng sông Hồng:

+ Đất nông nghiệp năm 1997 : 721.500 ha.
năm 2010 : 770.000 ha

+ Lúa, cây ăn quả, lợn, gia cầm, nuôi trồng thủy sản.

3. Khu 4:

+ Đất nông nghiệp năm 1997 : 690.600 ha
năm 2010 : 965.000 ha

+ Lúa, mía, hồ tiêu, cà phê, cây ăn quả, lợn, bò, trồng rừng, lâm sản, dược liệu.

4. Duyên hải miền Trung:

+ Đất nông nghiệp năm 1997 : 639.200 ha
năm 2010 : 990.200 ha

+ Lúa, mía, điều, ca cao, hồ tiêu, cây ăn quả, bò, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, lâm sản, dược liệu.

5. Tây Nguyên:

+ Đất nông nghiệp năm 1997 : 875.000 ha
năm 2010 : 1.420.000 ha

+ Cao su, cà phê, lúa, điều, chè, ca cao, hồ tiêu, dâu tằm, bò, trồng rừng, lâm sản, dược liệu.

6. Đông Nam bộ:

+ Đất nông nghiệp năm 1997 : 1.250.200 ha.
năm 2010 : 1.320.000 ha.

+ Cao su, càphê, lúa, điều, chè, ca cao, hồ tiêu, bò, cây ăn quả, bò sữa, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng.

7. Đồng bằng sông Cửu Long:

+ Đất nông nghiệp năm 1997 : 2.880.000 ha
năm 2010 : 2.930.000 ha

+ Lúa, cây ăn quả, dừa, lợn, vịt, nuôi trồng thủy sản.

CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA
TRƯỚC HẾT LÀ CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN(*)



LÊ KHẢ PHIÊU
Tổng Bí thư BCH TW Đảng Cộng sản Việt Nam

Thế kỷ 20 là thế kỷ đấu tranh rất oanh liệt và chiến thắng rất vẻ vang của dân tộc ta. Đảng ta đã thực hiện được một phần sứ mệnh lịch sử của mình, thắng lợi ấy đã khẳng định hùng hồn sự đúng đắn của Cương lĩnh 1930 và Cương lĩnh 1991, của đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thế kỷ 21 là thế kỷ bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; tiếp tục thực hiện Cương lĩnh 1930 và 1991, sau khi đã giải phóng dân tộc thì tiến lên làm cách mạng xã hội, giải phóng con người. Để tiếp tục sứ mệnh lịch sử hàng trăm năm, chúng ta kiên định con đường đã lựa chọn, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bám sát thực tiễn của đất nước, sáng tạo, đổi mới, bổ sung, phát triển, hoàn thiện đường lối và cụ thể hóa trên từng bước đi cho tới đích cuối cùng.

Định hướng phát triển của chúng ta là chủ nghĩa xã hội. Không ngừng bồi dưỡng các nhân tố xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển là mối quan tâm hàng đầu. Chúng ta tập trung vào xây dựng, lấy xây dựng kinh tế là trung tâm. Phấn đấu đến năm 2020, Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta thoát khỏi nghèo

nàn và lạc hậu, cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Với một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, phát huy mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế, kinh tế Nhà nước, hợp tác, hộ gia đình, trang trại, tư nhân, liên doanh với nước ngoài mà kinh tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác làm nền tảng, kết hợp chặt chẽ với nhau thành một thể thống nhất, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, làm cho sức sản xuất được giải phóng luôn năng động, bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng mạnh, cân đối và bền vững.

Đảng ta nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước và tập trung củng cố nó là hoàn toàn đúng đắn, để kinh tế Nhà nước làm trung tâm liên kết, thúc đẩy các thành phần kinh tế khác cùng phát triển, giữ vững sự ổn định trong các tình huống phức tạp, từng bước củng cố nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xóa đói, giảm nghèo là một sự nghiệp xã hội chủ nghĩa cao quí, phát huy truyền thống nhân ái, đùm bọc lẫn nhau, thúc đẩy tiến bộ đều khắp cả nước. Cha ông ta đã để lại cho chúng ta nền văn minh sông Hồng vĩ đại với hàng ngàn ki-lô-mét đê điều. Noi gương cha ông, chúng ta kiên trì xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi phòng chống lũ lụt, hạn hán, nhất là ở miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long, để con người Việt Nam sinh sống và làm ăn bình yên ở những vùng thiên nhiên khắc nghiệt. Khai thác và giữ gìn biển, đảo, phát huy hết tiềm năng của đồng ruộng, đồi rừng, nâng niu và chăm sóc rừng, đồng thời bảo vệ toàn diện môi trường sống, đó là sự đảm bảo hạnh phúc lâu dài cho các thế hệ.

Tích cực phát huy nội lực, đồng thời tiếp tục mở rộng đa phương hóa, đa dạng hóa hợp tác kinh tế, buôn bán với tất cả các nước, thúc đẩy kinh tế đối ngoại phát triển, chủ động xâm nhập thị trường thế giới, thu hút vốn, khoa học - công nghệ hiện đại, học tập kinh nghiệm quản lý của các nước...

... Giai cấp công nhân và Tổ quốc Việt Nam đã sinh ra Đảng ta, nhân dân đã nuôi nấng và bảo vệ Đảng trong những hoàn cảnh hiểm nghèo. Bao nhiêu lời nói biết ơn đối với công sinh thành ấy cũng không đủ. Qua 70 năm chiến đấu, Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, song Đảng cũng vấp phải sai lầm và khuyết điểm. Nhờ nhân dân và vì nhân dân, Đảng sửa chữa được sai lầm và khuyết điểm. Đảng chân thành xin lỗi nhân dân. Nhưng không có lời xin lỗi nào nghiêm túc hơn là nhận cho rõ những khuyết điểm, trung thực tự phê bình, thẳng thắn phê bình và kiên quyết sửa chữa, trau dồi bản chất cách mạng làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, mãi mãi xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân để làm tròn trách nhiệm trước dân tộc trong thế kỷ tới.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xin hứa với nhân dân và Tổ quốc như thế và yêu cầu các Đảng bộ, mọi Đảng viên cũng đều như thế...

(Trích diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2000). Toàn văn bài diễn văn đã được NXB Chính trị quốc gia xuất bản tháng 3/2000 - tr. 23-25 và 33-34.)

(*) *Đầu đề là của Ban biên tập*

AN NINH LƯƠNG THỰC VIỆT NAM – ASEAN



PHAN VĂN KHẢI
Thủ tướng Chính phủ

1. Chúng ta bàn về "An ninh lương thực" đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với mọi quốc gia. Vấn đề này quan trọng hơn đối với các quốc gia châu Á và ASEAN của chúng ta, một khu vực có mật độ dân số cao và tốc độ tăng trưởng dân số cũng vào loại cao nhất thế giới; trình độ phát triển về kinh tế còn thấp, số người đói nghèo còn lớn, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp; độ rủi ro do thiên tai gây ra lại rất cao... là những nhân tố rất bất lợi, dễ gây mất ổn định an ninh lương thực của mỗi nước cũng như của cả khu vực.

Những đặc điểm riêng nêu trên đây của khu vực đang bị làm trầm trọng thêm bởi cuộc khủng hoảng kinh tế.

Chính vì những lẽ đó, vấn đề an ninh lương thực của các nước ASEAN vốn đã rất quan trọng, nay lại càng trở nên vấn đề cốt tử và nóng bỏng hơn, không những đòi hỏi sự nỗ lực lớn lao của từng nước mà còn phải có sự

phối hợp chung giữa các nước ASEAN. Vì vậy, cuộc hội thảo của chúng ta hết sức quan trọng.

Tôi cho rằng đây là cơ hội tốt để trao đổi và học tập kinh nghiệm lẫn nhau, nhưng đồng thời là dịp để cùng nhau đưa ra những khuyến nghị nhằm tạo cho sự phối hợp chung của các nước ASEAN về vấn đề hệ trọng này.

2. Việt Nam là một nước nông nghiệp mà cơ cấu nền nông nghiệp đó cho đến nay vẫn chủ yếu là lúa nước.

mức xuất khẩu gạo 3,5 triệu tấn năm 1997 và năm nay, tuy thiên tai rất nặng, nhưng vẫn có khả năng xuất khẩu khoảng 3,6 triệu tấn.

- Đạt được những thành tựu đó, ngoài nỗ lực chủ quan của Việt Nam, còn có sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là sự hỗ trợ có hiệu quả của Tổ chức Lương – Nông Liên hiệp quốc (FAO), của Viện lúa quốc tế (IRRI). Thay mặt chính phủ và nhân dân Việt Nam, tôi chân thành cảm ơn sự giúp đỡ



Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, Thủ tướng Phan Văn Khải và Thứ trưởng Bộ NN - PTNT Nguyễn Thiện Luân thăm Khu triển lãm Nông nghiệp tại ***Hội chợ triển lãm Việt Nam 2000***

- Trong nhiều thập kỷ qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn.

- Từ đầu những năm 1980, Việt Nam bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới trong nông nghiệp, tạo được động lực mới để khai thác tốt hơn đất đai và các tài nguyên vốn có, đã tạo được những tiến bộ vượt bậc, đặc biệt trên lĩnh vực sản xuất lương thực. Đến năm 1989, Việt Nam bắt đầu có lương thực dư để xuất khẩu và sau 10 năm, mặc dù dân số tăng thêm 10 triệu người nhưng sản xuất lương thực đã tăng nhanh hơn mức tăng dân số, nên Việt Nam đã đạt được quý báu của FAO, UNDP và các tổ chức quốc gia, quốc tế khác đối với nông nghiệp Việt Nam trong nhiều năm qua.

- Chúng tôi đánh giá, nếu trong điều kiện bị tác động mạnh của cuộc khủng hoảng như vừa qua, với một nền kinh tế non yếu như Việt Nam mà không có sự ổn định và phát triển của khu vực nông thôn và nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực thì cực kỳ nguy hiểm đến tình hình kinh tế, xã hội.

Chính vì vậy, chúng tôi tiếp tục chủ trương đầu tư cao hơn cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn để tạo cho được một nền tảng vững

chắc cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm tới.

3. Vấn đề an ninh lương thực của Việt Nam.

Về phần mình, để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia chúng tôi đặt trọng tâm vào hai hướng :

Hướng thứ nhất là phải luôn luôn có sự quan tâm đúng mức đến vấn đề phát triển nông thôn, nông nghiệp để khai thác ngày càng tốt hơn những tiềm năng vốn có của một nước nông nghiệp nhiệt đới, trong đó có những lợi thế về sản xuất lúa gạo.

Do trải qua cuộc chiến tranh lâu dài và do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan khác, đến nay, Việt Nam vẫn là nước có tốc độ tăng dân số tương đối cao. Khi chúng tôi đạt được điểm dừng tăng dân số thì Việt Nam sẽ có quy mô dân số tương đối lớn. Do đó, vấn đề sản xuất lương thực là vấn đề có ý nghĩa chiến lược không chỉ đối với thế hệ hôm nay mà còn đối với nhiều thế hệ mai sau. Chúng tôi chủ trương vừa bảo vệ nghiêm ngặt số diện tích lương thực hiện có và đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, trong đó, khâu thủy lợi, giống mới và các yếu tố kỹ thuật canh tác khác cần được tăng cường; vừa phải tiếp tục khai hoang mở rộng thêm diện tích lương thực ở những nơi có điều kiện.

Vừa qua, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp và dành một thời gian thích đáng để bàn riêng về vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn trong những năm tới. Chúng tôi coi việc đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất lương thực là cơ sở, là nền tảng đóng vai trò quyết định nhất trong việc đảm bảo an ninh lương thực cho một đất nước có quy mô dân số trên 100 triệu dân trong tương lai. Tất nhiên, mọi lĩnh vực đều phải tính toán hiệu quả, nhưng vấn đề hiệu quả trong nông nghiệp nói chung và lương thực nói riêng phải được xem xét một cách toàn diện cả về kinh tế, xã hội, thậm chí cả về chính trị nữa.

Nói cách khác, tuy chúng tôi chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng không thể coi nhẹ nông nghiệp và kinh tế nông thôn mà phải đi bằng hai chân: công nghiệp – dịch vụ và nông nghiệp. Công nghiệp hóa trước hết là công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn để đảm bảo nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, trong đó có lương thực.

Hướng thứ hai là phải bảo đảm được một cơ số lương thực dự trữ hàng năm đủ sức ứng phó với mọi tình huống xấu do thiên tai gây ra. Từ trước đến nay, chúng tôi rất quan tâm đến vấn đề này, nay chúng tôi vẫn coi vấn đề dự trữ lương thực quốc gia là một nhiệm vụ chiến lược.

Tất nhiên đây là một vấn đề hết sức phức tạp. Đối với Việt Nam hiện nay, sự phức tạp không phải do thiếu nguồn lương thực mà việc cất giữ hàng năm một khối lượng lớn là khá tốn kém, hao hụt lớn, chất lượng lương thực nhanh chóng xuống cấp trong điều kiện khí hậu nóng ẩm của khu vực.

Chúng tôi đã phải đầu tư khá lớn cho vấn đề dự trữ lương thực quốc gia hàng năm, kể cả việc áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào khâu bảo quản, nhưng hiệu quả chưa thật rõ. Những khó khăn này dễ gây tâm lý giảm thiểu nguồn dự trữ thấp hơn mức an toàn cho phép.

4. Vấn đề hợp tác giữa các nước và tổ chức quốc tế trong việc bảo đảm an ninh lương thực của các nước thành viên ASEAN.

Đây là vấn đề lớn và mới, tôi mong rằng Hội thảo kỳ này sẽ cùng nhau thảo luận

và đề xuất được nhiều giải pháp khả thi và hữu hiệu cho vấn đề này, ở đây, tôi chỉ xin nêu mấy suy nghĩ bước đầu góp cùng các vị.

- Tôi cho rằng ASEAN là khu vực còn nhiều tiềm năng để phát triển sản xuất lương thực. Không chỉ ở Thái Lan, Việt Nam mà hầu hết các nước khác đều có khả năng này. Vì vậy, sự hợp tác trên lĩnh vực an ninh lương thực giữa các nước chúng ta trước hết và quan trọng nhất là hợp tác trên lĩnh vực sản xuất lương thực, tạo ra nguồn lương thực lớn hơn để giảm bớt sự căng thẳng cung cầu trên thị trường lương thực khu vực.

Chúng ta lại có nhiều khả năng hợp tác trên lĩnh này, kể cả những tiến bộ khoa học – kỹ thuật, đội ngũ chuyên gia. Vấn đề hiện nay là chính giữa các nước ASEAN phải có cơ chế và chính sách để tạo cho được sự hợp tác thường xuyên và có hiệu quả trên lĩnh vực này. Chúng ta có lợi thế là Viện nghiên cứu lúa quốc tế đặt ở Philippine với nhiều thành tựu khoa học rất lớn cần và có thể tăng cường sự cộng tác chặt chẽ với Viện này. Tôi nghĩ FAO còn giúp đỡ chúng ta được thì chúng ta cũng phải nghiên cứu những cách thức để giúp nhau thiết thực hơn, hiệu quả hơn.

- Lĩnh vực thứ hai có thể hợp tác được giữa các nước ASEAN là nghiên cứu và áp dụng công nghệ bảo quản, chế biến lương thực sau thu hoạch, không chỉ có lúa gạo mà nhiều chủng loại lương thực khác. Đối với Việt Nam chúng tôi, đây còn là khâu yếu, gây lãng phí khá lớn và có lẽ các nước khác cũng chưa phải đã giải quyết một cách tốt nhất vấn đề này. Nếu trong sản xuất lương thực, Singapore không có khả năng hợp tác nhiều như các nước khác, thì trên lĩnh vực bảo quản, chế biến lương thực Singapore lại là quốc gia có trình độ khoa học – công nghệ rất cao có thể hỗ trợ các nước khác...

- Về dự trữ lương thực: gần đây, theo sáng kiến chung, mỗi nước phải có và thông báo phần dự trữ của mình để hỗ trợ nhau khi cần thiết, nhưng sáng kiến này cũng đang dừng lại ở khả năng và thẩm quyền của mỗi nước chứ chưa thể tạo được sức mạnh chung. Tôi cho rằng khu vực của chúng ta có nhiều rủi ro về thiên tai hơn, nhưng không phải thiên tai có thể xảy ra cùng một lúc ở tất cả các nước. Vậy thì cũng có khả năng nghiên cứu để từng bước đưa ra những cơ chế chung trong việc huy động dưới nhiều hình thức, một phần nguồn lương thực dự trữ của nhóm quốc gia này cho một, hai quốc gia khác nhau ngay trong lúc gặp thiên tai và có nhu cầu lương thực khẩn cấp. Nếu có một cơ chế chung như vậy thì không chỉ có lương thực dự trữ mà còn có thể huy động được cả một phần ngoại tệ dự trữ cho vấn đề này. Tôi cho rằng chúng ta còn rộng đường suy nghĩ để tìm ra giải pháp, nhiều cách làm có lợi hơn cho các thành viên ASEAN.

(Trích bài phát biểu của Thủ tướng Phan Văn Khải tại Hội thảo An ninh lương thực Việt Nam – ASEAN. Bài đã được đăng trong Tạp chí Kinh tế Nông nghiệp số 1 (7) 1999)

THẾ KỶ 21 LÀ THẾ KỶ RỒNG THIÊNG CẤT CÁNH ĐƯA VIỆT NAM PHÁT TRIỂN NHANH CHÓNG VÀ BỀN VỮNG

NGUYỄN MẠNH CẦM
Phó Thủ tướng Chính phủ



Chẳng còn bao lâu nữa, nhân loại sẽ giã từ thế kỷ 20 để bước vào một thế kỷ mới, một thiên niên kỷ mới với cả những cơ hội và thách thức đều rất lớn. Dù rằng tình hình quốc tế còn những biến động khó lường và có biết bao vấn đề sẽ được đặt ra đòi hỏi phải giải quyết, song điều chắc chắn là với những tiến bộ vượt bậc của khoa học công nghệ, với nền kinh tế tri thức từng bước được hình thành, các dân tộc sẽ vươn lên những tầm cao mới. Ở thời điểm chuyển giao giữa hai thế kỷ đầy ấn tượng, nhìn lại chặng đường đã qua rút ra những kết luận thiết thực để trù liệu những việc cần làm, quyết tâm vượt qua thách thức, kịp thời nắm bắt cơ hội để vươn lên là điều kiện cần thiết cho mỗi dân tộc, cần thiết cho cả cộng đồng quốc tế.

Đối với dân tộc Việt Nam, thế kỷ 20 là một chặng đường rất lắm chông gai, rất nhiều thử thách, song cũng là một chặng đường rực rỡ chiến công, là giai đoạn vẻ vang nhất trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, đánh dấu một sự đổi đời lịch sử từ một thuộc địa bị xóa tên trên bản đồ thế giới trở thành một nước độc lập, tự do, từ chế độ phong kiến và nửa phong kiến kéo dài đến hết thế kỷ này sang thế kỷ khác trở thành một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, được cảm tình và sự ủng hộ của nhân dân trên khắp các châu lục, có uy tín quốc tế không ngừng được nâng cao.

Với truyền thống đấu tranh vì độc lập, tự do của tổ quốc, người Việt Nam yêu nước thế hệ này nối tiếp thế hệ khác đã liên tiếp đứng lên chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân, không quản hy sinh, không nề gian khổ nhưng công cuộc giải phóng đất nước cho đến hai thập kỷ đầu của thế kỷ 20 vẫn chưa tìm được lối ra thắng lợi.

Năm 1930 đánh dấu một mốc son chói lọi, đánh dấu một bước ngoặc lịch sử với sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) mà người sáng lập là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam mới chấm dứt thời kỳ đấu tranh tự phát, chuyển sang giai đoạn mới với phương hướng rõ ràng, bước đi vững chắc là chỉ 15 năm sau đó đã giành được thắng lợi vẻ vang.

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn kết cả dân tộc thành một khối, khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh tiềm tàng tích lũy từ hàng ngàn năm lịch sử. Những tưởng một dân tộc đã bị vắt kiệt sức bởi chính sách cai trị của chủ nghĩa thực dân, bị kiềm hãm trong vòng tăm tối của chế độ phong kiến bảo thủ, lạc hậu, đã bị nạn đói cướp đi hàng triệu sinh mệnh trong thời kỳ chiếm đóng của bè lũ phát xít, đã hoàn toàn kiệt quệ không còn ý chí và nghị lực để vươn lên, nhưng chính dân tộc đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, với sức mạnh thần kỳ, đã nhất tề vùng lên khởi nghĩa giữa những ngày Tháng Tám năm 1945 hào hùng, phá bỏ gông xiềng nô lệ, giành lại độc lập, tự do vươn lên làm chủ vận mệnh của mình, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Châu Á.

Ngày 2.9.1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, trịnh trọng tuyên bố trước toàn thế giới "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập". Thế nhưng, niềm vui thắng lợi mới vừa đến với mỗi nhà, thì cả dân tộc đã lại phải đứng lên cầm vũ khí bảo vệ nền độc lập non trẻ vừa mới giành được, với quyết tâm sắt đá " Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Giữ vững lời thề độc lập, cả dân tộc đã "đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải" tiến hành hai cuộc kháng chiến trường kỳ ròng rã suốt hơn 30 năm chống lại các đế quốc thực dân xâm lược hung bạo, trang bị bằng những vũ khí tối tân nhất, có lực lượng vật chất mạnh gấp nhiều lần.

Bằng thắng lợi của cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống thực dân Pháp tiếp theo chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng, Việt Nam không những đã giải phóng một nửa đất nước mà còn có vinh dự góp phần quan trọng cùng các dân tộc bị áp bức làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi thế giới.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai chống đế quốc Mỹ, với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập tự do" nhân dân ở cả hai miền đất nước đã hợp đồng tác chiến đánh bại cuộc chiến tranh cực kỳ ác liệt bằng vũ khí hiện đại và bằng những chủ trương, biện pháp cực kỳ man rợ ở miền Nam và cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ở miền Bắc.

Với đại thắng mùa xuân 1975 kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Tổ quốc hoàn toàn độc lập và thống nhất, non sông liền một dải. Thắng lợi trọn vẹn đó đã đồng

thời góp phần làm thất bại một bước quan trọng chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

Tuy giành được thắng lợi hoàn toàn nhưng cơ sở nghèo nàn của một nước nông nghiệp lạc hậu cùng với những tàn dư của chủ nghĩa thực dân và hậu quả nặng nề của bao năm chiến tranh đã chất lên vai dân tộc Việt Nam một gánh nặng vô cùng to lớn khi bước vào thời kỳ khôi phục và xây dựng kinh tế. Thêm vào đó chính sách bao vây về chính trị, cấm vận về kinh tế của các thế lực thù địch, những biến động phức tạp của tình hình thế giới đã làm cho khó khăn càng thêm chồng chất, trong khi đất nước lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài.



Cầu Mỹ Thuận tại Đồng bằng sông Cửu Long

Trước tình hình đó, ý thức sâu sắc về trách nhiệm và sứ mệnh của mình đối với dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam, tại Đại hội lần thứ VI (12-1986), đã đưa ra một quyết định mang ý nghĩa lịch sử trọng đại, tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện để đưa đất nước ra khỏi tình thế khó khăn, tiếp tục đi lên. Gần mười lăm năm qua, dù cho trước mắt vẫn còn nhiều việc phải làm, nhiều khó khăn phải khắc phục để chiến thắng đói nghèo và lạc hậu, nhưng những thành tựu giành được trong công cuộc đổi mới là rất to lớn và có ý nghĩa quan trọng, qua đó bè bạn trên khắp năm châu hiểu được cốt cách và năng lực của con người Việt Nam. Chiến công oai hùng trong sự nghiệp giữ nước và những thành tựu to lớn trong sự nghiệp đổi mới toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo là cơ sở vững chắc để dân tộc Việt Nam vững bước vào thiên niên kỷ mới.

Ngày nay cộng đồng quốc tế nói về Việt Nam không chỉ về một dân tộc dũng cảm, kiên cường mà còn nói về một dân tộc có bản lĩnh vững vàng, có ý chí vươn lên mạnh

mẽ trong xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xây dựng đất nước phồn vinh.

Thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ 20 bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản, từ truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc thể hiện trong lời nói bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Không có gì quý hơn độc lập tự do", từ sức mạnh đoàn kết dân tộc, theo phương châm "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công", từ sự kết hợp chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội".

Thắng lợi mà nhân dân chúng tôi giành được trong thế kỷ 20 còn do quán triệt tinh thần tự lực, tự cường hoàn toàn không đồng nghĩa với tư tưởng biệt lập, mà là huy động tối đa sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi trong chiến đấu cũng như trong xây dựng hòa bình. Thắng lợi đó cũng là thắng lợi của tình đoàn kết quốc tế của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Nếu thế kỷ 20 đã đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam như thế kỷ của những cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất với những thắng lợi vang dội trong sự nghiệp giành và bảo vệ độc lập - tự do, cũng như những thành công trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, trên cơ sở đó "Việt Nam - Hồ Chí Minh" được bạn bè trên thế giới trìu mến dành cho danh hiệu "biểu tượng của lương tri thời đại" và hai từ "đổi mới" đã đi vào ngôn ngữ quốc tế, thì thế kỷ 21 chắc chắn sẽ là thế kỷ chứng kiến những thành tựu to lớn của nhân dân chúng tôi trong công cuộc phát triển và bảo vệ đất nước. Với mục đích ôn cố tri tân, tôi tin tưởng rằng Hội thảo Việt Nam trong thế kỷ 20 do Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia cùng với Đại học quốc gia Hà Nội tổ chức được sự tham gia nhiệt tình của nhiều nhà hoạt động chính trị xã hội và nhiều học giả có tên tuổi trên thế giới, nhiều người bạn lâu năm của Việt Nam, đã từng theo dõi và ủng hộ sự nghiệp cách mạng của dân tộc chúng tôi, sẽ là một dịp hiếm có để trao đổi ý kiến rộng rãi, thẳng thắn, nhằm lý giải một cách khoa học và xác thực những gì đã và đang diễn ra trên đất nước chúng tôi, một bộ phận không thể tách rời của tiến trình phát triển lịch sử của thế giới trong thế kỷ qua. Trên cơ sở nhìn lại chặng đường đã qua, chúng ta sẽ có cơ sở vững chắc để nhìn về phía trước, tìm ra những phương sách thích hợp giải quyết những vấn đề quan trọng và thiết thực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới của mình, vừa đáp ứng điều kiện đặc thù và con đường đã chọn của Việt Nam, vừa phù hợp với xu thế của thời đại, đặc biệt trong một thế giới đang có những biến đổi hết sức nhanh chóng và khó lường hết. Tôi cũng mong rằng những ý kiến trao đổi tại hội thảo này cũng sẽ giúp gợi mở trả lời cho câu hỏi thế hệ Việt Nam hôm nay phải làm gì để xứng đáng với quá khứ hào hùng của ông cha, để thế kỷ 21 là thế kỷ rồng thiêng cất cánh, đưa Việt Nam phát triển nhanh chóng và bền vững, sánh vai cùng các cường quốc năm châu trong một thế giới hòa bình và thịnh vượng, góp phần cùng loài người vĩnh viễn bỏ lại đằng sau những cuộc chiến tranh tàn khốc mà thế giới đã phải đương đầu trong thế kỷ vừa qua.

(Diễn văn Khai mạc Hội thảo Quốc tế Việt Nam trong thế kỷ 20 ngày 19/9/2000 tại Hà Nội. Bài đã được đăng trên báo Nhân Dân ngày 20/9/2000).



Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam LÊ KHẢ PHIÊU cùng Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT NGUYỄN THIỆN LUÂN thăm Khu triển lãm Cơ giới hóa Nông nghiệp tại Hội chợ triển lãm Việt Nam' 2000



Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam TRẦN ĐỨC LƯƠNG thăm Khu triển lãm Thành tựu Nông nghiệp Việt Nam tại Hội chợ triển lãm Việt Nam' 2000



Chủ tịch Quốc hội NÔNG ĐỨC MẠNH và Thủ tướng PHAN VĂN KHẢI xem máy cấy tại Hội chợ triển lãm Việt Nam' 2000



Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam LÊ KHẢ PHIÊU thăm vườn cà phê của gia đình anh Đào Văn Quyên ở Điện Biên - Tỉnh Lai Châu



Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam TRẦN ĐỨC LƯƠNG và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT LÊ HUY NGỌ xem các giống lúa chất lượng cao tại Triển lãm AGROMART



Phó Thủ tướng NGUYỄN CÔNG TẠN cùng các đ/c lãnh đạo Cục Khuyến nông - Khuyến lâm và lãnh đạo Sở Nông nghiệp - PTNT Hà Tây thăm mô hình chăn nuôi bò sữa ở xã Phương Đình - Đan Phượng - Hà Tây



Thủ tướng Phan Văn Khải kiểm tra hoạt động của công trình phân lũ đập Dây.



Mẫu cầu mới thay cho cầu khỉ ở Đồng Bằng Sông Cửu Long



Hồ chứa nước Thuận Ninh.



Cà phê



Lúa



Ngô





Cao su



Heo giốngYorkshire



Bò sữa



Heo giống Duroc



Giống ngan Pháp



Gà hướng trứng



Dê mèo được thuần dưỡng để lai tạo













Trái cây Việt Nam























PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA

Tiến sĩ NGUYỄN THIỆN LUÂN
Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT



1. Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới:

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần hiệu quả:

Bên cạnh sự gia tăng nhanh về sản lượng lương thực, nhất là sản lượng lúa,



Thủ tướng Phan Văn Khải, Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn cùng lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT phát động phong trào trồng cây

sản lượng lương thực bình quân 10 năm (1988-1998) mỗi năm tăng 1,2 triệu tấn (bình quân tăng 5%/năm). Do tác động tích cực của hàng loạt các cơ chế, chính sách mới, nội lực trong dân được phát huy hết gắn với sự hỗ trợ của Nhà nước, các

So với năm 1990, năm 1998, diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng 49,8%, cây công nghiệp dài ngày tăng 82,9%, cây ăn quả tăng 55,6%, trong khi đó diện tích cây lương thực tăng 20,1%. Đồng thời bước đầu đã hình thành các vùng sản xuất



Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn về thăm sản xuất lúa lai F1 hai dòng (bồi tạp 77) tại HTX Xuân Kiên 12/9/1999

vùng đất hoang hóa được khai khẩn mở mang thành những vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây rừng có hiệu quả hơn. Trong đó, một bộ phận nông dân có kinh nghiệm sản xuất và quản lý tích tụ được vốn đã vượt ra khỏi quỹ đạo sản xuất tự cấp, tự túc, mở rộng quy mô các trang trại gia đình trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, trồng rừng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, góp phần to lớn làm chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

tập trung quy mô lớn : lúa gạo (vùng đồng bằng sông Cửu Long; vùng đồng bằng sông Hồng), cà phê, cao su (Tây Nguyên; Đông Nam Bộ); chè (Trung du miền núi phía Bắc và Lâm Đồng); mía đường (Khu 4; Duyên Hải miền Trung; Đông Nam Bộ), điều (Duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên). Kinh tế nông nghiệp nước ta đang vươn tới cơ cấu có hiệu quả, hướng ra thị trường thế giới.

Trước những đòi hỏi của thị trường

(kể cả trong nước và ngoài nước); thông qua công nghệ sau thu hoạch và công nghệ chế biến, hiệu suất sử dụng sản phẩm nông nghiệp tăng lên, giá trị sản phẩm nâng cao nhiều lần, phạm vi sử dụng sản phẩm được mở rộng, làm cho hiệu quả của sản xuất nông nghiệp được nâng lên cao hơn. Do đó Nhà nước đã dành sự ưu tiên về vốn đầu tư cho công nghiệp chế biến nông sản, trước hết là chế biến gạo, cà phê, chè, cao su, mía đường, rau quả... Mặt khác, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đã hướng về địa bàn nông thôn nhằm tìm kiếm lợi thế so sánh về đất đai, lao động, dịch vụ... để xây dựng các cơ sở sản xuất gia công, chế biến thô, chế biến quy mô nhỏ. Những hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn có vốn mở mang các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Những tác nhân này đã làm hồi sinh các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn và phát triển khá nhanh trong mấy năm gần đây (bình quân mỗi năm tăng 9-10% về giá trị sản lượng) góp phần đáng kể tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn. Làm cho tỷ trọng giá trị sản lượng các ngành nghề và dịch vụ tăng dần trong cơ cấu kinh tế nông thôn, từ dưới 10% vào những năm đầu thập niên 90 lên 30% như hiện nay.

Sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển liên tục với tốc độ khá :

Từ khi Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về "đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp" (tháng 4/1988) được triển khai thực hiện, sản xuất nông, lâm nghiệp được phát triển toàn diện, liên tục, tăng trưởng cao (đạt tốc độ bình quân 4,3% / năm). Năm 1998 so với năm 1988 sản lượng lương thực tăng 1,8 lần, đưa Việt Nam từ một nước phải nhập khẩu lương thực từ 500-800 ngàn tấn mỗi năm, trở thành một nước sản xuất đủ lương thực đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và mỗi năm xuất khẩu 2-4 triệu tấn. Sau 10 năm, diện tích gieo trồng lúa tăng 27%, năng suất tăng 43,7%; diện tích cao su tăng 61,7%, năng suất tăng 114,4%... tính chất sản xuất hàng hóa và định hướng xuất khẩu của ngành ngày càng cao. Tới nay, hầu hết các loại nông nghiệp sản xuất trong nước đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và xuất khẩu. Năm 1998, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm sản đạt 2,85 tỷ USD, bằng 35% giá trị sản lượng toàn ngành.

Bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng có nhiều tiến bộ. Sau 10 năm đã trồng mới gần 1,5 triệu ha rừng, trên 3 tỷ cây phân tán. Tình trạng phá rừng tự nhiên giảm nhanh từ 100.000 ha mỗi năm ở những năm đầu thập niên 80 xuống còn 20.000 ha vào năm 1989. Màu xanh đã trở lại với nhiều vùng đất trống đồi núi trọc, tỷ lệ che phủ của rừng đã đạt trên 30%.

Hạ tầng cơ sở cho sản xuất nông nghiệp được tăng cường:

Đi đôi với việc củng cố phát triển thủy lợi ở những vùng tập trung đặc biệt là đồng bằng sông Hồng, mấy năm qua thực

hiện Quyết định 99 của Thủ tướng Chính phủ chúng ta đã tập trung làm công tác thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long nhằm cải tạo phát triển các vùng lúa, nâng cao diện tích canh tác, tăng vụ, đồng thời giải quyết một bước việc tiêu thoát lũ hạn chế ảnh hưởng thiên tai ở đồng bằng sông Cửu Long.

Hiện nay ngoài việc thực hiện Quyết định 99 chúng ta đang tập trung làm thủy lợi cho miền núi, Trung Trung bộ, mở rộng mạng lưới tưới tiêu cho cây công nghiệp, cây ăn quả, kiên cố hóa kênh mương.

Đến nay chúng ta đã đảm bảo chủ động tưới tiêu cho trên 80% diện tích lúa nước, sau khi chi hàng chục ngàn tỷ đồng đầu tư.

Nhiều vùng nông thôn Việt Nam bước đầu được đổi mới, đời sống nông dân được cải thiện :

Nhờ sản xuất phát triển, kinh tế nông thôn được tăng trưởng rõ rệt, nên thu nhập và đời sống của tuyệt đại đa số nông dân được cải thiện. Nhiều vùng nông thôn Việt Nam bước đầu đã được đổi mới, ở một số vùng; cơ sở hạ tầng nông thôn như : giao thông, thủy lợi, điện nước, y tế, trường học... được phát triển mạnh. Đến năm 1998 đã có 93% số xã có đường ô tô tới trung tâm xã, 70% số xã và 50,7% số hộ có điện và được dùng điện lưới quốc gia...

Đạt được những kết quả trên là do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

+ Đảng và Nhà nước đã luôn coi trọng phát triển nông nghiệp và nông thôn, ban hành nhiều chính sách đổi mới phù hợp với thực tiễn, hợp lòng dân, như các chính sách đảm bảo quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của hộ gia đình nông dân, chính sách tự do lưu thông, hỗ trợ và khuyến khích kinh tế hộ phát triển, nhất là chính sách giao đất cho hộ sử dụng ổn định lâu dài.

+ Nhà nước đã đầu tư phát triển thủy lợi và cơ sở hạ tầng, dịch vụ nông thôn. Trong 10 năm đã đầu tư khoảng 930 triệu USD (chiếm 8% tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước), tăng thêm năng lực tưới 1,4 triệu ha, bước đầu thủy lợi đã vươn tới địa bàn vùng đồi, tạo điều kiện phát triển và thâm canh cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

+ Do khoa học kỹ thuật đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu sản xuất, nhất là các giống mới được lai tạo, nhập nội đưa nhanh vào sản xuất, nhiều công nghệ mới đã được chuyển giao đến hộ nông dân.

+ Do truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của hàng chục triệu nông dân được khuyến khích bởi các chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, liên tục của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ sở.

Những khó khăn và vấn đề mới đặt ra, đó là :

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, ngành nghề trong nông thôn kém phát triển. Tiềm năng to lớn về đất đai, rừng, biển và lao động trong nông nghiệp chưa được khai thác, sử dụng có hiệu quả.

Kinh tế nông thôn vẫn còn nặng về nông nghiệp (70%) trong nông nghiệp trồng trọt vẫn là chủ yếu (trên 80%) chăn nuôi .mới có gần 20% giá trị trong tổng giá trị toàn ngành. Hiện còn hàng triệu ha đất hoang hóa trên 1 triệu ha mặt nước có thể nuôi trồng thủy sản chưa được khai thác sử dụng, gần 9 triệu lao động ở nông thôn không đủ việc làm, chưa kể mỗi năm tăng thêm 1 triệu lao động.

+ Sản xuất phân tán, manh mún, trình độ công nghệ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp còn lạc hậu, công nghiệp chế biến phát triển chậm, khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa thấp. Tiêu thụ sản phẩm là nỗi lo thường xuyên của nông dân.

+ Cơ sở hạ tầng nông thôn thấp kém, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hàng hóa phát triển với quy mô lớn. Các công trình thủy lợi mới phát huy được 65% công suất thiết kế, nhiều nơi chưa có đường ô tô tới trung tâm xã, cơ sở y tế giáo dục ở vùng núi còn nhiều khó khăn.

+ Chênh lệch về thu nhập giữa thành thị và nông thôn có xu hướng dãn ra, tình trạng nghèo đói ở nông thôn vẫn còn, nhất là ở miền núi và các vùng sâu, vùng xa. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên gồm :

* Một số chính sách của Đảng và Nhà nước đã đáp ứng tốt trong thời gian qua nhưng chậm được đổi mới, điều chỉnh cho phù hợp với nền sản xuất hàng hóa với quy mô lớn và hướng mạnh ra xuất khẩu, nhất là các chính sách về đất đai, khoa học công nghệ, tín dụng, thị trường chưa hội đủ các điều kiện để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiệu quả cao.

* Đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn còn thấp. Trong giai đoạn 1995-1998; hàng năm tuy Nhà nước đã đầu tư trên dưới 3.000 tỷ đồng cho nông, lâm nghiệp và thủy lợi nhưng mới đạt khoảng 8-10% tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước, với mức này còn thấp. Trong cơ cấu đầu tư, chưa chú ý đúng mức tới phát triển khoa học kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi, công nghiệp chế biến và thị trường nên chưa tạo đủ điều kiện cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn có hiệu quả.

* Đưa một nền nông nghiệp lạc hậu tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa với cơ cấu dần tối ưu hóa là công việc mới mẻ, có nhiều khó khăn phức tạp và thực chất là cuộc đấu tranh rất gay go để thống nhất về tư tưởng, đường lối và chính sách trong Đảng và xã hội. Trong khi đó, việc tổng kết kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng, nghiên cứu vận dụng các quy luật kinh tế, các kinh nghiệm quản lý tiên tiến trên thế giới để đưa vào vận hành

thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế còn chậm chạp, bỏ lỡ thời cơ.

* Hệ thống quản lý, chỉ đạo nông nghiệp và phát triển nông thôn chưa tương xứng với yêu cầu của tình hình mới, nhất là chỉ đạo phát triển nông nghiệp, công nghiệp, ngành nghề và thị trường ở địa phương và cơ sở.

2. Định hướng và một số giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn:

- Mục tiêu phát triển :

+ Bảo đảm an ninh lương thực Quốc gia với dân số lên tới 80 triệu người vào năm 2000 và 91-94 triệu người vào năm 2010, với cơ cấu và chất lượng bữa ăn được cải thiện.

+ Tăng nhanh sản xuất nông sản hàng hóa, tăng kim ngạch xuất khẩu, năm 2000 đạt 4 tỷ USD; năm 2010 đạt 8-8,5 tỷ USD.

+ Nâng cao nhanh đời sống của dân cư nông thôn, đến năm 2010 so với hiện nay thu nhập của nông dân tăng gấp 2 lần...

+ Bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nhẹ thiên tai để phát triển bền vững, đưa tỷ lệ che phủ rừng năm 2000 đạt 33% và năm 2010 đạt 43%.

- Một số chương trình lớn của ngành:

Ngành nông nghiệp đang tập trung sức lực và trí tuệ để triển khai thực hiện 12 chương trình trọng tâm, trong đó có các chương trình lớn, đó là:

+ Chương trình đảm bảo an ninh lương thực là cơ sở để phát triển nông nghiệp toàn diện và ổn định xã hội.

Chương trình sẽ được tập trung thực hiện với các nội dung chủ yếu, bảo đảm mức tăng trưởng cao về sản lượng lương thực, ít nhất là 2%/ năm. Duy trì cho được 4,2 triệu ha sản xuất lúa. Tăng thêm khối lượng lương thực dự trữ quốc gia, đồng thời tiếp tục duy trì thực hiện tự do lưu thông lương thực trong nước. Mặt khác, thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo, đa dạng hóa nông nghiệp, phát triển ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn, giúp dân nghèo có việc làm, có thu nhập để mua lương thực.

+ Chương trình mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng cây công nghiệp, rau, hoa, quả tiến tới bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến trong nước và hướng mạnh ra xuất khẩu.

Dự kiến bố trí khoảng 3 triệu ha cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm và khoảng 1,2 triệu ha cây công nghiệp hàng năm. Trên cơ sở hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến và thị trường để nâng cao hiệu quả của các loại cây trồng. Ngoài việc đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và xuất khẩu đạt kim ngạch khoảng 6-6,5 tỷ USD vào năm 2010.

+ Chương trình đưa chăn nuôi thành ngành chính :

Mục tiêu phấn đấu của chương trình đến năm 2010 đạt khoảng 24 triệu con lợn, 10 triệu con trâu bò, 300 triệu con gia cầm, sản lượng thịt hơi các loại 4 triệu tấn, ngành chăn nuôi chiếm khoảng 30% GDP nông nghiệp.

+ Chương trình nâng cao hiệu quả của nghề rừng : Tập trung và bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có và làm giàu rừng trên cơ sở giao khoán 4 triệu ha rừng tự nhiên cho các hộ gia đình, cộng đồng thôn bản, nông, lâm trường. Thực hiện có hiệu quả dự án trồng mới 5 triệu ha rừng đã được Quốc hội phê duyệt. Phấn đấu tới năm 2010, nâng cao độ che phủ của rừng lên 43% để đảm bảo an ninh môi trường sinh thái và đáp ứng nhu cầu gỗ, củi trong nước và xuất khẩu.

+ Chương trình phát triển công nghiệp chế biến, ngành nghề nông thôn, tiến hành cơ giới hóa nông nghiệp, điện khí hóa nông thôn để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

- Một số giải pháp chủ yếu : Để thực hiện được những chương trình này, toàn ngành phải tập trung triển khai một số các giải pháp lớn sau :

+ Trước hết rà soát lại hệ thống các chính sách đã ban hành để bổ sung hoàn thiện, nghiên cứu ban hành những chính sách mới để tạo động lực mới cho phát triển nông thôn, nông nghiệp. Hướng vào các chính sách tạo điều kiện cho nhiều thành phần kinh tế trong nông nghiệp phát triển, đan xen hỗ trợ lẫn nhau chính sách về đất đai, chính sách đầu tư, tín dụng thương mại và thuế.

+ Tăng cường đầu tư và cung cấp tín dụng cho nông nghiệp và nông thôn. Tăng dần tỷ lệ vốn đầu tư vào các chương trình trọng tâm của toàn ngành như : thủy lợi, công nghiệp chế biến, ứng dụng sinh học hiện đại và công nghệ sinh học. Mở rộng tín dụng nông thôn để nông dân được vay vốn trực tiếp từ các ngân hàng nhất là vốn trung hạn và dài hạn, đầu tư phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp, mở mang công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn. Khuyến khích đầu tư các nông dân và các thành phần kinh tế khác vào nông nghiệp và nông thôn, có thể đáp ứng được 50% nhu cầu vốn đầu tư toàn ngành. Khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn.

+ Phát triển khoa học và công nghệ để nâng cao nhanh năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của nông lâm sản Việt Nam.

+ Tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội ở nông thôn, như giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, y tế và văn hóa giáo dục. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển sản xuất như : thủy lợi, giao thông, tăng cường công tác phát triển các cơ sở y tế,

giáo dục, nước sinh hoạt.

+ Thực hiện chương trình bảo vệ môi trường và nâng cao khả năng phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai với các nội dung : nghiên cứu bổ sung quy hoạch các công trình phòng tránh bão lụt, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, nâng cao năng lực dự báo của hệ thống khí tượng thủy văn...

+ Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, trên cơ sở tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với nông nghiệp và nông thôn. Tăng cường quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn trên cơ sở Pháp luật. Kiện toàn lại hệ thống ngành thực hiện việc phân cấp quản lý cho các địa phương. Thực hiện quy chế dân chủ, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, chương trình xã hội, các đoàn thể ở nông thôn cho mặt trận nông nghiệp.

+ Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Nâng cao năng lực quản lý của chính quyền và sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở. Đảm bảo mọi chủ trương của Đảng và Nhà nước phải được quán triệt sâu rộng đến dân để "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Tổ chức nhiều hình thức đa dạng để nhân dân bàn bạc, quyết định trực tiếp việc đóng góp và sử dụng các loại quỹ, giải quyết các công việc nội bộ của cộng đồng thôn bản theo Pháp luật, tham gia ý kiến vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội có liên quan. Xây dựng cộng đồng dân cư, thôn bản, làng, ấp vững mạnh.

+ Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể ở nông thôn, phát động phong trào thi đua yêu nước sản xuất kinh doanh nông nghiệp giỏi, phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng, tương thân tương ái xây dựng tình nghĩa làng xóm, xây dựng nông thôn Việt Nam giàu đẹp, đậm đà bản sắc dân tộc, văn minh và hiện đại theo con đường xã hội chủ nghĩa./.

(Bài đã đăng tại Tạp chí Kinh tế Nông nghiệp số 3 (21) năm 2000 trang 2 - 6)

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2010

Giáo sư, Tiến sĩ **NGÔ THẾ DÂN**
Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tính trung bình trong 10 năm (1987-1997), nông nghiệp Việt Nam phát triển với tốc độ 4,3%; diện tích gieo trồng lúa tăng 27%; năng suất tăng 43,7% góp phần đưa sản lượng lương thực tăng bình quân 5,8%/năm. Sản lượng các cây trồng khác như cà phê tăng hơn 20 lần, cao su 3,5 lần...

Đáng ghi nhớ năm 1999, cho dù gặp nhiều khó khăn về hạn hán, lũ lụt liên tục, ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế tài chính khu vực, giá cả thị trường trên thế giới không ổn định nhưng nông nghiệp Việt Nam vẫn đạt thành tích kỳ diệu: sản lượng lương thực trên 33,8 triệu tấn thóc, xuất khẩu trên 4,5 triệu tấn gạo, kim ngạch xuất khẩu nông sản trên 3,25 tỷ USD. Đó là hành trang để nông nghiệp Việt Nam bước vào thế kỷ 21.

Từ những thành quả trên, mục tiêu tổng quát của Nông nghiệp Việt Nam từ nay đến năm 2010 sẽ đặt ra là:

1.Xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có khả năng cạnh tranh và có vị thế trong khu vực.

2.Nâng cao đời sống của dân cư nông thôn, xóa đói giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động ở nông thôn.

3.Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn

thực hiện dân chủ hóa, công bằng và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Nhà nước cũng đã chủ trương áp dụng nhiều giải pháp, đặc biệt là giải pháp tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ với những hướng ưu tiên nhất định. Ở đây chúng tôi chỉ trình bày những định hướng lớn, những ưu tiên về mặt khoa học công nghệ trong nông nghiệp và PTNT. Trước hết, chúng tôi cho rằng khoa học công nghệ phải được nhận thức là một trong những động lực trực tiếp và ngày càng có vai trò quyết định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát triển khoa học công nghệ phải căn cứ vào các mục tiêu ưu tiên là đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao khả năng cạnh tranh của nông lâm sản, tăng thu nhập cho nông dân, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học và an toàn môi trường. Do vậy mối quan hệ giữa sản xuất và khoa học công nghệ phải là mối quan hệ chặt chẽ. Nhà nước đã và sẽ ban hành các chính sách khuyến khích bảo hộ, hỗ trợ nhằm tạo điều kiện thúc đẩy việc ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật từ các nước trong khu vực và thế giới. Đồng thời phát huy nội lực, tập trung đầu tư nghiên cứu ở những lĩnh vực có lợi thế so sánh để tạo ra những đột phá trong sản xuất hàng hóa nông sản có sức cạnh tranh cao.

Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trương sẽ tập trung giải quyết những nội dung khoa học công nghệ trọng yếu sau :

1.Nghiên cứu hoạch định chiến lược phát triển trong nông nghiệp để làm cơ sở cho việc xây dựng các kế hoạch dài hạn và trung hạn. Đây là nội dung nghiên cứu liên ngành với những thông tin nhiều chiều được xử lý khoa học đảm bảo cho việc định hướng phát triển đúng đắn, không chỉ cho phép phát huy tốt các lợi thế so sánh, các tiềm năng nội sinh cũng như tiên lượng được các thách thức và cơ hội mới.

2.Nghiên cứu rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch đất đai bố trí sản xuất hợp lý theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, sớm hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn được với công nghiệp chế biến để có thể tạo ra những mặt hàng có sức cạnh tranh cao.

3.Nghiên cứu về kinh tế và chính sách trong nông lâm nghiệp và nông thôn, trong đó tập trung nghiên cứu dự báo nhu cầu, hàng hóa nông lâm sản, nhất là thị trường khu vực và nội địa để đề xuất tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp. Đẩy mạnh và phát triển kinh tế nông thôn đa ngành, lấy cơ sở là nông lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến quy mô vừa và nhỏ, đồng thời phát triển công nghiệp, dịch vụ để kinh tế nông thôn phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giảm sức ép về lao động dư thừa trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Với lĩnh vực khoa học công nghệ cụ thể mà Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ tập trung vào các nội dung chính :

Một là, nghiên cứu giống và công nghệ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi :

Tập trung đầu tư nghiên cứu sử dụng ưu thế lai của giống để sản xuất nông nghiệp Việt Nam được áp dụng phần lớn các giống có ưu thế lai. Chương trình tạo ưu thế lai hướng chủ yếu là lúa, ngô, lạc, điều, bông, rau... coi đây là hướng đột phá để nâng cao năng suất sinh học và chất lượng nông sản của nông nghiệp Việt Nam. Việc lai tạo, chọn lọc, nhân giống mới sẽ được triển khai theo 3 hướng : (1) các giống cho năng suất cao, chất lượng tốt, (2) các giống chống chịu sâu bệnh đặc biệt là bệnh đạo ôn, rầy nâu; (3) các giống phục vụ cho các vùng có điều kiện sinh thái đặc biệt như khô hạn, úng lụt, phèn mặn.

Trong chương trình giống cũng sẽ ưu tiên cho công tác thu thập và lưu trữ nguồn gen giống cây trồng, vật nuôi, động vật quý hiếm nhằm tạo ra nguồn tài nguyên di truyền phong phú phục vụ tốt cho công tác lai tạo, chọn giống có định hướng.

Hai là, nghiên cứu về công nghệ sinh học : Nghiên cứu ứng dụng công nghệ gen để tạo các giống mới có những đặc tính theo ý muốn (chịu mặn, chịu hạn...) đồng thời cũng tăng cường ứng dụng và cải tiến, công nghệ tế bào thực vật, nuôi cấy mô tế bào, nuôi cấy bao phấn để nhân nhanh các giống cây trồng quan trọng.

Trong tạo giống vật nuôi, ngoài những kỹ thuật lai truyền thống, sẽ tăng cường áp dụng công nghệ di truyền phân tử , công nghệ gen và các kỹ thuật khác phù hợp với điều kiện kinh tế kỹ thuật của Việt Nam để tạo ra những giống có năng suất cao, chất lượng theo yêu cầu, chống dịch bệnh tốt.

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất các loại phân vi sinh vật, các chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật. Nghiên cứu sản xuất các loại thuốc có nguồn gốc thảo mộc không độc hại đối với người và gia súc cũng sẽ được ưu tiên.

Công nghệ sinh học cũng được nghiên cứu áp dụng trong việc tạo ra các loại thức ăn giàu dinh dưỡng, các loại thuốc thú y, các loại vacxin thế hệ mới và bảo quản chế biến nông lâm sản nhằm tránh tổn thất sau thu hoạch, đồng thời duy trì và nâng cao chất lượng...

Ba là, nghiên cứu công nghệ sau thu hoạch và chế biến nông lâm sản : Tập trung nghiên cứu, giải quyết công nghệ làm khô sản phẩm nhất là lúa, ngô, sắn, cà phê cùng các công nghệ chế biến tiên tiến, quy mô thích hợp. Tăng cường nghiên cứu công nghệ bảo quản nông sản nhất là rau quả tươi để kéo dài thời gian sử dụng. Với các mặt hàng xuất khẩu lớn như : gạo, cà phê, điều... các công nghệ chế biến nhằm nâng cao chất lượng sẽ được đầu tư nghiên cứu.

Bốn là, nghiên cứu về cơ điện. Cơ giới hóa nông nghiệp là một nội dung quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trước mắt sẽ triển khai nhanh các tiến bộ kỹ thuật về máy làm đất ít lượt, các máy móc liên kết với nguồn động lực vừa và nhỏ, nghiên cứu thiết kế, chế tạo các loại bơm nước hướng trục, ly tâm với các vị trí đặt khác nhau nhằm nâng cao hiệu

suất sử dụng và tiết kiệm năng lượng. Triển khai công nghệ tưới tiết kiệm nước. Hoàn thiện công nghệ chế tạo và triển khai ứng dụng có hiệu quả các loại máy sạ hàng, máy thu hoạch. Nghiên cứu cơ giới hóa một số cây công nghiệp ngắn ngày và cây lâu năm.

Năm là, nghiên cứu bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng. Quản lý tài nguyên luôn luôn là một nhiệm vụ quan trọng. Việt Nam sẽ tiến hành đánh giá lại toàn bộ quỹ đất, quỹ rừng, tài nguyên nước cả về số lượng lẫn chất lượng. Trên cơ sở đó tiến hành bố trí kế hoạch sử dụng nhằm phát huy lợi thế so sánh của từng vùng sinh thái. Ngoài ra, những nghiên cứu về các giải pháp cải tạo, bảo vệ, nâng cao độ phì nhiêu của đất, đặc biệt đất đồi núi nhằm khai thác ngày một hiệu quả hơn, bền vững hơn.

Sáu là, nghiên cứu khoa học công nghệ trong lâm sinh và chế biến gỗ. Trong lâm nghiệp cùng với chương trình giống, cần đầu tư nghiên cứu nhằm tạo ra hoặc nhập nội các giống cây mọc nhanh; năng suất cao, phục vụ cho chương trình 5 triệu ha rừng. Đối với rừng sản xuất, hoàn thiện kỹ thuật kinh doanh rừng trồng với cơ cấu cây trồng phù hợp, năng suất cao, chu kỳ kinh doanh ngắn, đáp ứng các mục tiêu nguyên liệu công nghiệp giấy, sợi, ván nhân tạo... Tập trung bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên, phục hồi rừng sau nương rẫy.

Đối với rừng phòng hộ, tập trung nghiên cứu cơ cấu cây trồng, phương thức trồng rừng, kết cấu rừng theo những mục tiêu phòng hộ khác nhau. Xây dựng một hệ thống biện pháp kỹ thuật cho rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển, chống xói mòn.

Đối với rừng đặc dụng: Nghiên cứu cơ sở khoa học để bảo vệ, sử dụng và phát triển các cây con quý hiếm, nghiên cứu các giải pháp kinh tế xã hội nhằm nâng cao đời sống, tăng thu nhập của người dân sống trong vùng đệm để hạn chế tối đa sức ép phá rừng vì nhu cầu cuộc sống của người dân.

Đối với đặc sản rừng : Nghiên cứu nâng cao năng suất và chất lượng các cây đặc sản cũng như công nghệ chế biến phù hợp nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm.

Bảy là, nghiên cứu khoa học công nghệ thủy lợi.

Ưu tiên những nghiên cứu về chỉnh trị sông, thoát lũ, phòng chống và hạn chế thiên tai như đánh giá diễn biến lòng dẫn, sạt lở; các biện pháp củng cố đê, cơ sở khoa học bố trí các công trình cắt lũ, điều tiết nước trên các sông lớn, các giải pháp nâng cao chất lượng hồ chứa, đặc biệt là đường tràn phụ, tràn sự cố. Tăng cường hiệu quả đồng thời hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi.

(Bài đã được đăng trên Tạp chí Kinh tế Nông nghiệp trang 4 -5, số 5 (23) năm 2000)

CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ BẢO ĐẢM AN NINH LƯƠNG THỰC

NGUYỄN XUÂN THẢO
Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

An ninh lương thực (ANLT) là một vấn đề quan trọng không những đối với toàn cầu mà còn đặc biệt có ý nghĩa đối với Việt Nam, một đất nước đông dân, nền kinh tế còn chưa phát triển, khả năng dự trữ ngoại tệ còn hạn hẹp. Do vậy tuy còn nghèo, nhưng chính phủ Việt Nam cũng đã ưu tiên dành những nguồn đầu tư thích đáng cho lĩnh vực này.

Trước hết là đầu tư cho các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến lương thực.

Thủy lợi: là lĩnh vực được ưu tiên đầu tư nhiều nhất. Từ năm 1991 - 1995, đầu tư cho thủy lợi chiếm 75% tổng vốn ngân sách đầu tư cho nông nghiệp. Trong mấy năm gần đây hàng năm từ 1500 - 1700 tỷ đồng được đầu tư cho thủy lợi, riêng năm 2000, hơn 2.000 tỷ đồng, chiếm hơn 60% vốn ngân sách đầu tư cho nông lâm ngư nghiệp.

Hệ thống nghiên cứu khoa học, khuyến nông: Hàng năm hơn một trăm tỷ đồng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách đã được chi để xây dựng mới hoặc nâng cấp các cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao các tiến bộ cho nông nghiệp (Viện nghiên cứu, trạm trại nông nghiệp, trung tâm khuyến nông). Các khoản đầu tư trên được ưu tiên để tạo ra các giống có năng suất và

chất lượng cao trước hết là các giống cây lương thực, thực phẩm.

Hệ thống cung cấp đầu vào: Nhà nước đã có chính sách ưu đãi cho việc nhập các loại vật tư nông nghiệp không phải chịu thuế (như phân bón, thuốc trừ sâu, giống). Hàng năm có khoảng một trăm tỷ đồng cũng đã được chi để trợ giá cước vận chuyển phân bón, thuốc trừ sâu cho các vùng miền núi: Kinh doanh vật tư nông nghiệp (Quốc doanh) khi bị thua lỗ cũng được nhà nước xem xét, hỗ trợ trong những trường hợp cần thiết.

Tiêu thụ, dự trữ, chế biến nông sản : Để đảm bảo cho nông dân có lãi hợp lý, Nhà nước quy định giá thu mua thóc không được thấp hơn một mức tối thiểu nào đó. Giá này được gọi là giá sàn (ví dụ năm 1997, mức giá này là 1500 đồng/kg). Ngoài ra, vào vụ thu hoạch rộ, các công ty lương thực được Nhà nước cho vay vốn với lãi suất thấp hoặc không lãi từ 3-4 tháng để mua thóc nhằm ngăn không cho giá xuống thấp. Hàng năm, hàng trăm tỷ đồng cũng được dành để tăng dự trữ Quốc gia về lương thực. Nhiều nhà máy chế biến, xay xát cũng đã được vay vốn đầu tư từ nguồn của Nhà nước.

Đầu tư cho các lĩnh vực gián tiếp liên quan đến lương thực:

Ngoài việc đầu tư trực tiếp cho sản xuất lương thực, hàng năm Nhà nước còn dành hàng nghìn tỷ đồng vốn ngân sách và vay ưu đãi để đầu tư cho các lĩnh vực gián tiếp liên quan đến lương thực nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập, tăng khả năng tiếp cận nguồn lương thực của người nghèo. Hàng loạt chương trình dự án được nhà nước đầu tư như : Đa dạng hóa sản xuất, phát triển nhiều cây con ngoài lương thực; phát triển ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; Định canh định cư để ổn định cuộc sống cho đồng bào du canh; chương trình 327 về phủ xanh đất trống đồi núi trọc; Chương trình 773 về khai hoang mở rộng diện tích ở các vùng đồng bằng, ven sông, ven biển. Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa (gọi tắt là chương trình 135) xóa đói giảm nghèo (trong đó bao gồm cả công tác định canh định cư, hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, xây dựng trung tâm cụm xã, giải quyết việc làm; phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa); Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, nuôi trồng thủy sản.

Hệ thống ngân hàng hoạt động ngày càng có hiệu quả, đã cung cấp lượng tín dụng lớn cho nông nghiệp và nông thôn, với mức tăng trưởng hàng năm 24 - 27%. Dư nợ cho vay khu vực nông nghiệp nông thôn hiện nay hơn 40.000 tỷ đồng trong đó cho vay trung hạn và dài hạn chiếm 30%, hơn 6 triệu hộ nông dân vay vốn từ ngân hàng chiếm hơn 50% tổng số hộ. Chính phủ đã thành lập Ngân hàng người nghèo để cung cấp tín dụng cho các hộ nghèo với lãi suất ưu đãi (hoạt động từ 1/1/1996). Đến nay đã có hơn 70% số hộ nghèo đã được vay vốn từ ngân hàng này.

Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):

Đầu tư nước ngoài có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế nói chung và nông nghiệp nông thôn của Việt Nam nói riêng . Chính phủ cũng đã có nhiều chính sách để khuyến khích, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Ngày 29-12-1987, Chủ tịch Quốc hội đã ký quyết định phê chuẩn luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Từ đó đến nay Luật này đã được nhiều lần bổ sung, sửa đổi (6/1990, 12/1992, 4/1993, 11/1996, 2/1997, 4/1997). Do đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã chiếm một bộ phận đáng kể trong nông nghiệp nông thôn. Riêng lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp đến hết năm 1997 đã có 363 dự án với số vốn 3,766 triệu USD trong đó : Nông lâm nghiệp có 193 dự án đầu tư với số vốn là 1,56 tỷ USD; ngành thủy sản có 43 dự án với số vốn là 146 triệu USD; chế biến nông sản có 127 dự án với số vốn là 2,06 tỷ USD. Từ năm 1998 đến nay cũng đã có nhiều dự án đầu tư vào lĩnh vực nầy.

Tuy vậy, tỷ trọng vốn FDI trong ngành nông lâm ngư nghiệp còn thấp so với đầu tư chung của toàn quốc (chiếm 11,8% số dự án và 5,1% về vốn); ngành công nghiệp thực phẩm chiếm 6,4% về số dự án và 6,2% về vốn đầu tư.

Mới đây, Chính phủ đã có quy định về một số biện pháp cải tiến một số thủ tục nhằm khuyến khích hơn nữa đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định số 10 ngày 23-1-1998, Nghị định số 11 ngày 16-3-1998) cho một số vấn đề liên quan đến lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp như :

Danh mục các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư : Bao gồm các dự án sản xuất các loại giống mới, giống lai có chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế; chế biến nông lâm thủy sản sử dụng nguyên liệu trong nước; các dự án ứng dụng công nghệ mới về sinh học; xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; các dự án đầu tư theo hợp đồng BOT, BTO, BT.

Danh mục các dự án khuyến khích đầu tư : Bao gồm các dự án chế biến nông lâm sản để xuất khẩu; sản xuất các loại thuốc trừ sâu bệnh hiệu quả cao và an toàn đối với người, vật nuôi, môi trường; sản xuất thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp; các dự án sử dụng nhiều lao động tài nguyên thiên nhiên sẵn có ở Việt Nam

Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện : Bao gồm các dự án trồng rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm; sản xuất, chế biến sữa; sản xuất dầu thực vật, đường mía; chế biến gỗ.

Danh mục lĩnh vực đầu tư không cấp giấy phép : Bao gồm các dự án gây nguy hại đến an ninh quốc gia, gây phương hại đến di tích lịch sử, văn hóa, thuần phong mỹ tục của Việt Nam, các dự án tổn hại đến môi trường sinh thái, sản xuất hoặc sử dụng các chất độc hại theo điều ước quốc tế.

Danh mục các địa bàn khuyến khích đầu tư : Bao gồm địa bàn các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; vùng có nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế và xã hội (thường là các vùng nông thôn)

Danh mục các máy móc thiết bị,

phương tiện vận tải được miễn thuế để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên có tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Chính phủ cũng có quy định cụ thể về việc miễn, giảm thuế, giảm tiền thuê đất nhất là đối với các vùng sâu vùng xa, vùng có nhiều khó khăn.

Tháng 6/2000, Quốc hội cũng đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam nhằm khuyến khích hơn nữa vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Chính sách khuyến khích đầu tư trong nước:

Ngày 22/6/1997, Chủ tịch nước đã ký lệnh công bố Luật khuyến khích đầu tư trong nước (có hiệu lực thi hành từ 1/1/1995).

Sau hơn 3 năm thực hiện, theo thống kê chưa đầy đủ đến hết tháng 6/1998 báo cáo của 53/61 tỉnh thành phố đã có 1198 dự án được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư với tổng số vốn đầu tư trên 14.485 tỷ đồng. Trong đó có 1108 dự án thuộc khu vực doanh nghiệp do địa phương quản lý với số vốn đầu tư 10.968 tỷ đồng (chiếm 92,5% số dự án và 75,7% số vốn đầu tư); khu vực doanh nghiệp tư nhân chiếm 36,1% về số dự án và 17,6% về số vốn đầu tư.

Ngày 1/6/1998, Chủ tịch nước đã ký lệnh công bố Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), có hiệu lực thi hành từ 1/1/1999.

Trong luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) lần này quy định :

Các lĩnh vực được ưu đãi đầu tư như trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng cây lâu năm trên đất hoang hóa đồi núi trọc, nuôi trồng thủy sản, làm muối, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, đánh bắt hải sản xa bờ, chế biến nông lâm thủy sản...

Các địa bàn được ưu đãi đầu tư là các địa bàn kinh tế – xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Các quyền được ưu đãi đầu tư bao gồm được giảm hoặc miễn (có thời hạn) tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất, được hưởng các thuế suất thu nhập doanh nghiệp ưu đãi với các mức độ khác nhau, được trợ cấp một phần lãi suất cho các khoản vay từ các tổ chức tín dụng.

Về vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA):

Từ tháng 10/1993, sau khi khôi phục quan hệ tài chính với các tổ chức quốc tế như IMF, ADB, WB, đến nay Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác đối với hầu hết các nhà tài trợ đa phương và song phương chủ yếu trên thế giới. Các cam kết ODA tiếp tục được công bố tại Hội nghị Nhóm tư vấn hàng năm (qua 5 lần Hội nghị từ 1993-1997). Đến tháng 6/1998, tổng vốn ODA đã cam kết dành cho Việt Nam hơn 10,8 tỷ USD trong đó các cam kết đã được chuyển hóa thành các khoản vốn vay và viện trợ không hoàn lại được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ là khoảng 8,5 tỷ USD. Riêng cho lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp nông thôn khoảng 1,5 tỷ USD (khoảng 130 dự án).

- Thủy lợi khoảng 360 triệu USD.
- Thủy sản khoảng 57 triệu USD.
- Lâm nghiệp 74 triệu USD.
- Giao thông nông thôn 90 triệu USD.
- Tín dụng 403 triệu USD.
- Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến 253 triệu USD.

Trong tổng số vốn trên có 87% là vốn vay, 13% là vốn hỗ trợ không hoàn lại. Một số nhà tài trợ lớn như WB chiếm 33%, ADB chiếm 33%.

Hiện nay một số dự án đầu tư mới cũng đang được tiếp tục xây dựng dự án khả thi và đàm phán.

Do chú trọng đầu tư cho nông nghiệp nông thôn nên đến nay đã có 5,9 triệu ha diện tích gieo trồng lúa được tưới (84%) và 1,4 triệu ha được tiêu bằng công trình thủy lợi. Sản xuất lương thực và lương thực bình quân đầu người đã tăng, tạo khả năng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và đưa Việt Nam từ chỗ thiếu đói trở thành nước xuất khẩu gạo. Sản xuất của ngành nông lâm ngư nghiệp tăng trưởng nhanh và ổn định. GDP toàn ngành tăng bình quân 4,3%/năm. Đời sống đa số nông dân được cải thiện, tỷ lệ hộ đói nghèo từ 30% giảm xuống còn hơn 11% vào cuối năm 2000. Điều kiện về ở, đi lại, học tập và chữa bệnh đã được cải thiện.

Trong những năm tới, Nhà nước tiếp tục coi nông nghiệp nông thôn là một lĩnh vực rất quan trọng, phát huy mọi nguồn lực trong nông nghiệp, nông thôn đồng thời coi trọng sự hỗ trợ của nhà nước và tranh thủ hợp tác của quốc tế để phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Mục tiêu chủ yếu của phát triển nông nghiệp nông thôn trong thời gian tới là ưu tiên phát triển một số lĩnh vực sau:

Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn. Thúc đẩy cả trồng trọt và chăn nuôi, đa dạng hóa sản xuất, nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Về lương thực: đẩy mạnh phát triển lương thực nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, thâm canh lúa, ngô, sắn, mở rộng diện tích ở nơi có điều kiện, chú trọng đi vào chất lượng.

Đối với cây công nghiệp: Hình thành các vùng sản xuất cây công nghiệp tập trung, trong đó một số cây chủ yếu là cà phê, cao su và chè.

Phát triển ngành thủy sản nhất là nuôi trồng, phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản và tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ nông thôn.

Về lâm nghiệp: Tiếp tục bảo vệ, khoanh nuôi, thực hiện tốt dự án trồng mới 5 triệu ha rừng để tăng tỷ lệ che phủ của rừng.

Giải quyết các vấn đề về đời sống, xã hội nông thôn như xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao trình độ văn hóa, giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Về thủy lợi: Chính phủ sẽ tiếp tục ưu tiên đầu tư vào công tác thủy lợi tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển bền vững. Đến 2010 đảm bảo năng lực tưới khoảng 7 triệu ha gieo trồng lúa (tăng 1,1 triệu ha) và khoảng 1,5 triệu ha rau màu, cây công nghiệp (tăng 60 vạn ha so với 1997) cung cấp nguồn nước cho công nghiệp và đô thị khoảng 11-12 tỷ m^3 (tăng 3 lần hiện nay là 4

tỷ m^3), cơ bản giải quyết nước ăn cho 1 triệu đồng bào vùng cao đang thiếu nước, đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững và an toàn trước thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai.

Về giao thông: Huy động nhiều nguồn vốn để xây dựng đường ô tô đến trung tâm của hơn 500 xã hiện chưa có đường ôtô tới trung tâm. Tu sửa và nâng cấp đường giao thông nông thôn đã xây dựng, đưa tỷ lệ đường rải nhựa đến năm 2010 đạt khoảng trên 50%. Đầu tư phát triển hệ thống cầu, cống, nhất là ở vùng ĐBSCL và các huyện miền núi, đảm bảo đi lại thông suốt trong mùa mưa.

Cung cấp năng lượng nông thôn: Dự kiến hết năm 2000 có100% số xã và số hộ ở vùng ĐBSH được dùng điện, các vùng khác đưa điện tới 80-90% số xã với 70-80% số hộ được dùng điện. Lượng điện năng cho nông nghiệp, nông thôn chiếm 18-20% lượng điện thương phẩm cho cả nước. Ngoài điện lưới phải dành vốn ưu tiên để phát triển các dự án thủy điện nhỏ cho những khu dân miền núi.

Đẩy mạnh việc hình thành các thị trấn, thị tứ, các đô thị mới. Đây chính là nơi thu hút lao động, tạo việc làm phi nông nghiệp, giảm lao động trong nông nghiệp, đồng thời cũng là nơi cung cấp các dịch vụ, tiêu thụ nông sản, chuyển giao văn minh công nghiệp cho nông thôn.

PHÁT TRIỂN LÚA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ 21

PGS. TS. BÙI BÁ BỔNG
Viện trưởng Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long

Bước sang thế kỷ 21, sản xuất lúa ở Việt Nam đứng trước cơ hội mới đồng thời thử thách mới. Cơ hội mới bao gồm các tác động của khoa học kỹ thuật đặc biệt là công nghệ sinh học và công nghệ thông tin sẽ sâu rộng trong nông nghiệp cùng với sự phát triển của các cơ chế và phương thức quản trị thúc đẩy sản xuất trong bối cảnh thị trường mở rộng. Các cơ hội này nếu nắm bắt sẽ có ảnh hưởng lớn đến ngành trồng lúa ở nước ta. Bên cạnh, thử thách sẽ không kém. Trước nhất, diện tích đất lúa theo chủ trương của chính phủ sẽ giảm và giữ ở mức 4 triệu ha (hiện nay là 4,3 triệu ha) do chuyển một phần đất lúa sang mục đích khác như thủy sản hoặc xây dựng cơ sở hạ tầng trong khi dân số vẫn tiếp tục tăng (năm 2010, ước lượng 96-98 triệu người), nguồn nước ngọt trong tương lai cho sản xuất nông nghiệp và cây lúa sẽ ít hơn và xâm nhập mặn nhiều hơn, đất lúa có xu hướng nghèo hơn. Trước các bối cảnh trên, cây lúa trong thế kỷ 21 hoặc ít ra là nửa đầu của thế kỷ 21 vẫn chiếm vị trí quan trọng hàng đầu trong nông nghiệp Việt Nam, giữ vai trò bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, qua đó tạo điều kiện cho phát triển bền vững về kinh tế xã hội. Ở khía cạnh khoa học, các mục tiêu cần được đặt ra cho phát triển lúa ở Việt Nam thập niên đầu của thế kỷ 21 là:

- Nâng cao năng suất bình quân của cả nước, đến năm 2010 mỗi ha tăng thêm 1 tấn, hay đạt năng suất bình quân là 5 tấn/ha

(hiện nay là 4 tấn/ha), thông qua nâng cao tiềm năng năng suất lúa lên ngưỡng cao hơn với các giống lúa mới và nâng cao độ đồng đều về năng suất lúa trong từng vùng. Đạt mục tiêu này, nước ta không những giữ vững an ninh lương thực mà còn có khả năng duy trì mức xuất khẩu 3-4 triệu tấn gạo/năm.

-Nâng cao phẩm chất lúa gạo theo hướng đáp ứng thị trường gạo xuất khẩu, cải thiện phẩm chất gạo cho thị trường nội địa và gia tăng giá trị dinh dưỡng của gạo bằng kỹ thuật tạo giống mới.

-Biện pháp canh tác tổng hợp với dây chuyền công nghệ khép kín "hạt lúa giống-hạt gạo" tức từ khi chọn hạt giống để gieo trồng, tiếp theo qua các khâu chăm sóc, nuôi dưỡng cây trồng, thu hoạch và sau thu hoạch, chế biến đến khi làm ra hạt gạo theo hướng đạt hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường sinh thái.

Đối với đồng bằng sông Cửu Long nhiều năm tới vẫn là vựa lúa của cả nước và tiếp tục giữ vị trí trung tâm xuất khẩu gạo với 3-4 triệu tấn gạo mỗi năm. Để phát huy tiềm năng này, cần đẩy mạnh chương trình phát triển một triệu ha vùng lúa xuất khẩu ở ĐBSCL hiện đang được triển khai. Công tác chọn tạo giống lúa mới cần được nhận sự đầu tư của nhà nước cao hơn nhằm tạo ra các giống lúa có chất lượng cao trong đó có giống lúa đặc sản có khả năng cạnh tranh với lúa đặc sản Thái Lan; các giống này lại phải có năng suất cao và kháng sâu bệnh, đặc biệt là rầy nâu và đạo ôn là hai đối tượng sâu bệnh thường xuyên đe dọa sản xuất lúa ở ĐBSCL; một số giống cần có thời gian sinh trưởng cực sớm 85-90 ngày cho vụ hè thu ở vùng bị lũ. Yêu cầu về giống lúa cho ĐBSCL khá khắc khe: giống vừa năng suất cao vừa phẩm chất tốt vừa kháng sâu bệnh (vì nước ta đất ít dân đông, nếu lúa cho năng suất thấp thì không bảo đảm an ninh lương thực, chưa nói có dư thừa để xuất khẩu). Đây là thử thách đối với nghiên cứu khoa học tạo chọn giống lúa cho ĐBSCL.

Công tác nhân giống lúa có ý nghĩa quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp trong gia tăng sản lượng và chất lượng, công tác này cần đặt trong một hệ thống đồng bộ: từ nhân giống cấp siêu nguyên chủng là nguồn giống gốc ban đầu do các Viện nghiên cứu đảm trách, đến giống nguyên chủng và giống cấp xác nhận cung cấp cho sản xuất đại trà. Để hệ thống này hoàn chỉnh cần xây dựng mạng lưới cộng tác viên nhân giống lúa (câu lạc bộ nhân giống, tổ nhân giống, hợp tác xã nhân giống v.v.). Nhiều tỉnh như Cần Thơ đã hình thành mạng lưới nhân giống, cần tiếp tục củng cố và nâng cao. Cần có chính sách ưu đãi người sản xuất giống xác nhận (miễn thuế, tín dụng, khuyến nông v.v.). Đáp ứng yêu cầu về sản xuất lúa giống cung cấp cho vùng lúa xuất khẩu, tỉnh có diện tích lúa xuất khẩu lớn như Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long cần khoảng 1.200 nông dân, các tỉnh có diện tích nhỏ như Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau cần trên 200 nông dân tham gia mạng lưới nhân giống (tính mỗi nông dân đảm nhận 1 ha). Mạng lưới nông dân cần được tổ chức thành

các câu lạc bộ hay hợp tác xã nhân giống để tiện việc quản lý (ở tỉnh Cần Thơ mỗi câu lạc bộ quy tụ 30 nông dân như điển hình câu lạc bộ Vị Đông huyện Vị Thủy). Các nông dân tham gia mạng lưới được huấn luyện và được cấp thẻ công nhận. Mười năm tới sẽ là giai đoạn phát triển và không ngừng củng cố mạng lưới nhân giống lúa để không những đảm bảo cơ bản việc cung cấp lúa giống cho vùng lúa xuất khẩu một triệu ha ở ĐBSCL mà còn cho diện tích lúa còn lại. Kết quả năm đầu tiên thực hiện dự án giống lúa xuất khẩu rất khả quan. Trước nhất là xác định 5 giống lúa chủ lực phục vụ xuất khẩu: OM1490, OM2031, IR64, MTL250, VND95-20. Do xác định rõ giống, các tỉnh đã tích cực chỉ đạo sản xuất các giống này. Trong năm 2000, cơ cấu 5 giống lúa xuất khẩu này chiếm 50% tăng thêm 20% so với 1998-1999. Tỉnh Cần Thơ, theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, diện tích gieo trồng các giống lúa chất lượng cao này đã lên đến 70%.

Cần định hình các hướng nghiên cứu phục vụ cho công cuộc hiện đại hóa nông nghiệp nói chung và hiện đại hóa sản xuất trên nền đất lúa nói riêng. Hiện đại hoá thể hiện ở trình độ áp dụng cơ giới, thâm canh tổng hợp và công nghệ sau thu hoạch, tất cả nhằm vào mục đích khai thác tốt nhất tài nguyên nông nghiệp trên cơ sở bảo vệ lâu dài môi trường sinh thái, tăng thu nhập và hiệu quả kinh tế, làm cho cuộc sống của nông dân hạnh phúc hơn và bớt nhọc nhằn. Hiện đại hoá sẽ được thể hiện ở trình độ canh tác chính xác (như trong khâu sử dụng phân bón, thuốc hoá học, xác định thời vụ v.v.) và trong trình độ tiếp cận thông tin của nông dân. Các nghiên cứu của Viện lúa ĐBSCL đã trở thành tiến bộ kỹ thuật như áp dụng công cụ gieo lúa theo hàng (giảm được 100 kg hạt giống trên ha) hay áp dụng bảng so màu lá để bón phân (tiết kiệm 20% lượng phân đạm) là các kỹ thuật theo xu hướng canh tác chính xác.

Theo các hướng trên, Viện lúa ĐBSCL đã nghiên cứu và phát triển các mô hình sản xuất lúa hạ giá thành bằng cải tiến kỹ thuật canh tác, áp dụng thâm canh, thu hẹp sự chênh lệch về năng suất do trình độ áp dụng khoa học kỹ thuật. Cải tiến phương thức làm đất, gieo sạ, nâng cao hiệu quả phân bón, hiệu quả sử dụng nước, phòng trừ cỏ dại, sâu bệnh, giảm thất thoát sau thu hoạch. Mục tiêu giảm ít nhất 15% chi phí sản xuất hiện nay. Phát triển các loại máy công cụ làm đất, gieo lúa, cấy lúa hoặc ném mạ, công cụ bón vùi phân kết hợp với làm cỏ, máy gặt lúa, lò sấy lúa, kho bảo quản tồn trử. Trong các năm tới cần triển khai mạnh việc áp dụng công cụ gieo lúa theo hàng, bón phân theo bảng so màu lá, áp dụng lò sấy lúa, thử nghiệm máy gặt và máy ném mạ.

Phát triển sản xuất lúa cần tính đến việc bảo vệ sinh thái bền vững lâu dài cho vùng trồng lúa. Sự suy thoái độ phì nhiêu của đất lúa sẽ là xu thế không tránh khỏi, vì vậy cần tiến hành nghiên cứu các giải pháp giúp phát triển một nền sản xuất lúa bền vững lâu dài. Giảm lượng phân, thuốc hóa học

bằng tăng cường sử dụng các sản phẩm sinh học, đặc biệt khai thác lợi ích của vi sinh vật có nguồn gốc địa phương. Cần bắt đầu các nghiên cứu phát triển nền sản xuất lúa hữu cơ (dùng phân, thuốc hóa học ở mức tối thiểu) ở vùng sinh thái đặc thù như vùng lúa mùa đặc sản, lúa-cá, lúa-tôm. Nghiên cứu việc bón bổ sung chất vi lượng vào đất để bảo đảm năng suất và chất lượng lúa gạo lâu dài. Nghiên cứu sự biến đổi sinh thái vùng lúa tăng vụ, đặc biệt quan trọng là nghiên cứu bố trí cơ cấu vụ lúa hợp lý cho từng vùng trong mối quan hệ sinh thái tổng thể và các giới hạn về tài nguyên, theo hướng đa dạng đa canh sản xuất trên nền đất lúa bao gồm lúa-màu-thủy sản-cây ăn trái-chăn nuôi và phát triển bền vững vùng lúa chủ lực là vùng hai vụ năng suất cao, phẩm chất tốt để bảo đảm an ninh lương thực và phục vụ xuất khẩu.

Ở tương lai không xa, ĐBSCL sẽ hình thành các làng hoặc cụm làng sinh thái và thông tin. Làng sinh thái (tăng sản xuất, tăng thu nhập và bảo vệ môi trường) theo dự đoán sẽ phát triển nhanh ở ĐBSCL, vì đặc thù của vùng đồng bằng sông nước này là sự phì nhiêu và màu mỡ của đất phù sa xen kẽ với tính mong manh của môi trường (lũ lụt, mặn, phèn). Sự hình thành làng sinh thái ở vùng ảnh hưởng lũ đang là nhu cầu cấp thiết. Sự phát triển hệ thống thông tin hiện đại ở nông thôn sẽ giúp nông dân tiếp cận nhanh hơn với các tiến bộ khoa học kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe, thông tin về giá cả, thị trường v.v. cần thiết cho sản xuất và cuộc sống của mình, nông dân giành được sức mạnh của xã hội tri thức.

Mười năm sau cùng của thế kỷ 20, sản xuất lúa ở Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao nhất ở Châu Á- vùng trồng lúa chính của thế giới: tăng 2,65%/năm về diện tích, 2,89% về năng suất và 6,33% về sản lượng. Lượng gạo xuất khẩu trong mười năm lên đến 22 triệu tấn. Thế kỷ đang sang trang, tiếp nối thành tựu của mười năm trước, mười năm đầu của thế kỷ 21 sẽ là thời kỳ chứng kiến sự chuyển đổi nền sản xuất lúa ở Việt Nam theo hướng hiện đại và hòa hợp với sinh thái môi trường, và không nơi đâu khác hơn là ĐBSCL sẽ nhận trọng trách đi tiên phong trong bước chuyển đổi đầy thử thách này.

SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ Ở VIỆT NAM

Tiến sĩ NGUYỄN MINH CHÂU
Viện Nghiên cứu Cây ăn quả miền Nam

I. Hiện trạng:

Việt Nam có các điều kiện khí hậu đa dạng từ nhiệt đới, bán nhiệt đới đến ôn đới. Do đó, có thể trồng được nhiều loại quả, bao gồm quả ôn đới như mận, lê, đào, táo tây, cho đến các loại bán nhiệt đới như sầu riêng, chôm chôm, măng cụt, dứa, chuối, bòn bon, vú sữa...

Năm 1997, Việt Nam có khoảng 390.000 ha trồng cây ăn quả (CAQ) và sản lượng đạt gần 4 triệu tấn. Hầu hết diện tích trồng CAQ nằm ở Nam bộ, chiếm 70% diện tích và sản lượng CAQ cả nước. Các tỉnh có diện tích cây ăn quả lớn là Tiền Giang (45.000 ha); Vĩnh Long (25.000 ha); Đồng Tháp (16.000 ha); Bến Tre (25.000 ha); Cần Thơ (32.000 ha); Sóc Trăng, Đồng Nai...

Trong các năm qua, tỷ lệ tăng diện tích CAQ ở Việt Nam là 3,6% mỗi năm (FAO: 1998); điều này có được do kinh tế CAQ mang lại cao hơn lúa, trung bình cao hơn từ 4,5 lần so với lúa, ở ĐBSCL và Đông Nam bộ, mấy năm gần đây, phong trào cải tạo vườn tạp và trồng mới rất phát triển, nhờ làm vườn, nhiều gia đình đã khá lên cất nhà tường từ nhãn, xoài, sapo, dừa, sầu riêng. Ngay cây dứa, mấy năm gần đây cũng đã cho thu nhập cao. Nhiều gia đình trồng dứa ở vùng đất

nhiễm phèn Đồng Tháp Mười đã không còn nghèo như trước, nhờ có đầu ra chắc chắn, giá cả thuận lợi 1 ha cho thu nhập bằng 2-3 ha lúa.

Dự toán hiệu quả kinh tế trong ngành trồng cây ăn quả:

+ Trồng lúa: 7 triệu đồng/ha
+ Trồng nhãn: 60-70 triệu đồng/ha
+ Trồng cam, quýt: 100 triệu đồng/ha
+ Trồng khóm: 20 triệu đồng/ha
+ Trồng xoài: 50 triệu đồng/ha
+ Trồng sầu riêng: 50-60 triệu đồng/ha

Bảng 1: Diện tích, sản lượng các loại quả

Vùng	Diện tích hiện có *(ha)*	Diện tích năm 2000 *(ha)*	Sản lượng *(1.000 tấn)*
Cả nước:	**325.077**	**450.400**	**6.300**
1. Vùng núi Đông Bắc Bắc bộ	25.660	50.000	850
2. Vùng núi Tây Bắc Bắc bộ	6.675	18.265	150
3. Đồng bằng sông Hồng	12.774	37.000	740
4. Duyên hải Bắc Trung bộ	14.430	40.000	400
5. Duyên hải Nam Trung bộ	28.580	40.000	480
6. Cao nguyên Trung bộ	5.330	15.606	156
7. Đông Nam bộ	27.060	44.971	5.396
8. ĐBSCL	204.568	204.568	3.000

II. Hướng phát triển:

1. Đối tượng quả trên các vùng sinh thái:

- ĐBSCL: xoài, nhãn, sapo, vú sữa, cam, quýt, chanh, bưởi, đu đủ; khóm, dưa hấu, ổi, mận, sầu riêng, chôm chôm; bòn bon, trên đất cồn ở Bến Tre, Tiền Giang, Sóc Trăng.

- Đông Nam bộ: tập trung phát triển sầu riêng, chôm chôm, măng cụt, mít, thơm, bơ, chuối xuất khẩu, hồng.

- Duyên hải Nam Trung bộ: thanh long (Bình Thuận); nho (Ninh Thuận); xoài (Khánh Hòa).

- Duyên hải Bắc Trung bộ: cam, quýt, bưởi.

- Miền núi phía Bắc: cây ăn quả ôn đới và á nhiệt đới: vải, mơ, mận, đào, lê, táo tây, bơ, hồng, nhãn.

2. Các chỉ tiêu sản xuất quả của Việt Nam cho đến 2010:

Bảng 2: 1 triệu ha phân ra trên các cây

STT	Chủng loại	Năng suất *(1.000 ha)*	Sản lượng *(tấn/ha)*	Sản lượng *(1.000 tấn/năm)*
1	Xoài	150	15	2.500
2	Cây có múi	200	20	4.000
3	Nhãn	150	15	20.500
4	Vải	50	15	750
5	Mơ, lê, mận, đào, táo tây	150	8	400
6	Chuối	50	25	3.750
7	Sầu riêng	50	10	500
8	Chôm chôm	50	10	500
9	Dứa	50	15	750
10	Các loại khác	100	8	800
	Tổng cộng	**1.000**		**12.000**

2.1 Phân vùng tập trung sản xuất hàng hóa như sau:

- Xoài: Tiền Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Khánh Hòa...

- Cây có múi: Đồng Nai, Bình Dương, Vĩnh Long, Bến Tre, Cần Thơ, Hà Tĩnh, Huế, Phú Thọ.

- Nhãn: Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Bạc Liêu, một số nơi ở Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH).

- Vải: Một số nơi ở ĐBSH

- Đu đủ, chuối: Tiền Giang, Đồng Nai, Đồng Tháp, một số nơi ở ĐBSH.

- Măng cụt, chôm chôm, sầu riêng: Bình Dương, Đồng Nai, Tiền Giang, Bến Tre, Lâm Đồng, Đắc Lắc, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu, Huế, Quảng Nam-Đà Nẵng.

- Dứa (nhóm Queen): Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Cà Mau, TP. HCM.

- Thơm (Nhóm Cayenne): Lâm Đồng, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước, Đồng Giao – Ninh Bình, một số tỉnh ở ĐBSH.

- Bơ: Đồng Nai, Lâm Đồng, Phú Thọ, Đắc Lắc.

2.2 Sản lượng:

- Tiêu thụ trong nước: từ 90-95%

- Xuất khẩu tươi: từ 5-10%

Sau đây là dự kiến diện tích và sản lượng một số CAQ xuất khẩu ở các vùng sinh thái.

Bảng 3: Diện tích, sản lượng và vùng trồng quả cung cấp cho xuất khẩu

Loại quả	Vùng quả	Diện tích hiện có *(ha)*	Diện tích năm 2000 *(ha)*	Sản lượng xuất khẩu *(tấn)*
1. Chuối	ĐBSH	3.600	9.000	270.000
	Ven sông Tiền, sông Hậu	26.000	20.000	600.000
	Vùng phù sa sông Thao miền núi Bắc bộ	3.500	6.000	120.000
	Tổng cộng	***33.100***	***35.000***	***990.000***
2. Xoài	Ven sông Tiền, sông Hậu	12.230	15.000	70.000
	Khánh Hòa	1.000	2.000	5.000
	Tổng cộng	***13.230***	***17.000***	***75.000***
3. Dứa	Bán đảo Cà Mau và Tây sông Hậu	19.500	4.000	35.000
	Bình Sơn – Kiên Giang	4.200	5.000	65.000
	Bắc Đông – Tiền Giang	4.500	3.000	25.000
	Đồng Giao – Ninh Bình	1.400	1.000	13.000
	Tam Kỳ – Đà Nẵng	300	400	2.000
	Tổng cộng	***29.000***	***13.400***	***140.000***
4. Nhãn	Ven sông Tiền, sông Hậu	12.230	15.000	90.000
	ĐBSH	2.000	3.000	10.000
	Tổng cộng	***14.230***	***18.000***	***100.000***
5. Chôm chôm, sầu riêng, măng cụt, bơ.	Đồng Nai – Đông Nam bộ	4.707	6.000	15.000
	Ven sông Tiền – sông Hậu	2.202	4.000	5.000
	Tổng cộng	***6.909***	***10.000***	***20.000***

2.3 Các giống có phẩm chất ngon nên trồng:

Các loại cây trái đã được đánh giá có thể tổ chức sản xuất số lượng lớn, chất lượng đồng đều, dễ dàng tiêu thụ ở các nước châu Âu, đó là:

- Sầu riêng hạt lép
- Mít hạt lép
- Chôm chôm nhãn
- Măng cụt (cần loại 80 g/trái trở lên)
- Chuối cau, dứa (nước dứa cô)
- Nhãn (cần loại cơm dày, ngọt)
- Đu đủ (cần trái đều khoảng 1 kg/trái)
- Thanh long (loại trái), cam sành, bơ, bưởi 5 roi, măng cầu ta, ổi ruột đỏ và xoài cát.

NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
NHỮNG THÀNH TỰU TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

KS. TRẦN THANH CẢNH
Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin và Chuyển giao tiến bộ Sinh học Việt Nam

Ngày 14-11-1945 Hồ Chủ Tịch đã ký sắc lệnh thành lập Bộ Canh Nông để lãnh đạo nhân dân phát triển ngành nông nghiệp tăng gia sản xuất góp phần kháng chiến kiến quốc. Từ đó đến nay đã 55 năm ngành Nông nghiệp Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ và Nhà nước đã không ngừng lớn mạnh. Nông nghiệp Việt Nam là hậu phương vững mạnh cung cấp lương thực cho hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thắng lợi. Qua 55 năm phấn đấu gian khổ, Nông nghiệp Việt Nam đã trưởng thành, xây dựng được cơ sở vật chất để phát triển thành một nền nông nghiệp hàng hóa như ngày nay. 55 năm qua, Nông nghiệp Việt Nam đã trải qua nhiều chặng đường cam go và đạt được những thành tựu to lớn, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới 1988-2000.

1. Thành tựu nổi bật về sản xuất lương thực:

Từ năm 1988 trở về trước, sản xuất lương thực không đáp ứng được nhu cầu đời sống của nhân dân, nạn đói thường xuyên xảy ra năm này qua năm khác.

Trước năm 1980, năm nào cũng phải nhập trên 1 triệu tấn lương thực. Để đổi mới và phát triển trong ngành nông nghiệp, ngày 13-1-1981 Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI đã ra chỉ thị số 100 hướng dẫn các Hợp tác xã thực hiện việc khoán sản phẩm đến Hộ và người lao động, cho phép xã viên được đầu tư vốn, sức lao động trên ruộng khoán và hưởng trọn phần vượt khoán. Chỉ thị số 100 là khâu đột phá mở đầu sự đổi mới đã có tác dụng ngăn chặn sự sa sút tạo đà đi lên trong sản xuất Nông nghiệp ở Việt Nam. Từ đó nền Nông nghiệp bước đầu có sự khởi sắc, sản xuất Nông nghiệp tăng trưởng từ 14,4 triệu tấn (1980) tăng lên 18,4 triệu tấn (1986), bình quân mỗi năm tăng gần 70 vạn tấn, gấp 3 lần mức tăng trước đó. Điển hình năng suất 5 tấn lúa/ha của Thái Bình đã bị mất thế độc quyền, phần lớn các tỉnh trong nước đang vươn tới mô hình 10 tấn/ha. Nhờ sản xuất lương thực tăng, lương thực tiêu dùng trong nước bớt căng thẳng.

Từ sau Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, quá trình đổi mới quản lý trong nông nghiệp được tiến hành đồng bộ, sản xuất lương thực đã có sự khởi sắc đáng kể, từ 19,5 triệu tấn năm 1988 lên 21,5 triệu tấn năm 1989, tăng thêm 2 triệu tấn trong 1 năm , tăng gần 10% một kỷ lục tăng trưởng chưa từng có. Vào đầu tháng 6/1989 những tấn gạo đầu tiên của Việt Nam đã rời cảng Sài Gòn xuất khẩu ra quốc tế, mở đầu cho trang sử xuất khẩu lương thực của Việt Nam. Đến năm 1999 mặc dù thiên tai liên tiếp, nhưng sản lượng lương thực vẫn đạt 33,8 triệu tấn gấp 2 lần so với năm 1980, đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Nhờ sản xuất phát triển, lương.thực bình quân đầu người tăng từ 322 kg năm 1989 lên đến 408 kg năm 1999. Gạo của Việt Nam được xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới. Trong vòng 10 năm qua 1989 – 1998, Việt Nam đã xuất khẩu trên 40 triệu tấn gạo, xếp vào các nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 trên thế giới. Gạo Việt Nam đã đem lại nguồn ngoại tệ lớn cho đất nước, mỗi năm trên dưới 1 tỷ USD.

2. Thành tựu phát triển cây công nghiệp:

- Phát triển cà phê : Thời kỳ 1976 – 1984 sản lượng cà phê cả nước chỉ đạt 5.000 tấn. Đến nay diện tích cà phê đã lên tới trên 360.000 ha, sản lượng trên 400.000 tấn cà phê nhân, tăng 80 lần so với năm 1984. Tuy giá cà phê xuất khẩu có biến động, nhưng cà phê vẫn là cây có giá trị kinh tế cao trong nông nghiệp. Bình quân 1 ha cà phê cho thu nhập từ 25 – 30 triệu đồng, có nhiều hộ nông dân thu tới 50 đến 70 triệu đồng/ha. Trong vòng 10 năm lại đây, đã xuất khẩu gần 2 triệu tấn cà phê nhân.Việc nâng cao chất lượng cà phê đặt ra rất bức xúc, trước hết là phải tập trung đầu tư thâm canh để tăng năng suất, đổi mới công nghệ, kỹ thuật chế biến, bảo quản, đóng gói để tăng giá trị sản phẩm hàng hóa.

- Phát triển cao su :

Sau cà phê, cao su là cây phát triển nhanh ở Việt Nam. Cao su đã được xếp ổn định trong cơ cấu cây công nghiệp dài ngày ở Việt Nam. Trong những năm qua, Việt Nam đã tăng đầu tư để phát triển cao su, đến nay diện tích và sản lượng tăng gần 4 lần năm 1976. Trong tương lai cao su vẫn là sản phẩm xuất khẩu có kim ngạch cao trong các nông sản xuất khẩu của nông nghiệp Việt Nam. Năm 2000 sản lượng cao su đạt 230 nghìn tấn, xuất khẩu khoảng 200 nghìn tấn. Cây chè cũng được phát triển mạnh. Đến nay tuy còn nhiều việc phải làm đối với cây chè nhưng bước đầu chè đã có chỗ đứng tương đối vững chắc trong cơ chế thị trường. Người trồng chè phần lớn là cộng đồng dân tộc ít người đã đóng góp một phần ngoại tệ cho đất nước. Từ năm 1987, cả nước mới sản xuất được 29.000 tấn chè, đến nay đã sản xuất 65.000 tấn chè, và xuất khẩu trên 33.000 tấn chè. Theo chương trình phát triển chè tới năm 2010 đã được Chính phủ phê duyệt trong những năm tới sẽ đưa diện tích chè trên 100.000 ha. Để sản phẩm chè có chất lượng cao việc đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến đã được quan tâm và đầu tư thích đáng.

3. Thành tựu phát triển mía đường và cây ăn quả :

Trong công cuộc đổi mới của Nông nghiệp, ngành mía đường đã phát triển không ngừng, ngoài các vùng mía truyền thống nhà nước đã hình thành nhiều vùng chuyên canh mía trong cả nước. Năm 1987, cả nước mới có 5470 nghìn tấn mía, đến năm 2000 cả nước đã có 20 triệu tấn mía và phấn đấu để đạt 1 triệu tấn đường năm 2000. Cả nước đã có trên 50 nhà máy đường có quy trình công nghệ hiện đại.

Cây ăn quả cũng được phát triển nhanh chóng trong công cuộc đổi mới, đến nay cả nước có khoảng 300.000 ha cây ăn quả và có sản lượng gần 4 triệu tấn. Cây ăn quả được phát triển mạnh ở Nam bộ, diện tích chiếm 70% diện tích cây ăn quả trong cả nước. Rồi đây khi công nghiệp chế biến cây ăn quả phát triển sẽ trở thành một ngành sản xuất lớn cung cấp cho nhu cầu cải thiện cơ cấu bữa ăn của nhân dân và xuất khẩu với mục tiêu đạt 1 tỷ USD vào năm 2010.

4. Thành tựu về chăn nuôi :

Song song với phát triển trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng không ngừng phát triển, Việt Nam có điều kiện phát triển chăn nuôi đa dạng các loại gia súc, gia cầm. Trong đó, đàn lợn có điều kiện phát triển sản xuất hàng hóa lớn nhất. Năm 2000 cả nước có khoảng 20 triệu con lợn, 75 triệu con trâu bò. Từ 1990 đến nay tốc độ tăng đàn lợn trung bình hàng năm là 5,7%, trong đó sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 5,9%. Trong tương lai khi có mức thu nhập cao, sức mua của dân lớn, có thị trường xuất khẩu ổn định, ngành chăn nuôi sẽ có đà phát triển để trở thành ngành sản xuất chính.

5. Thành tựu về lâm nghiệp :

Từ năm 1989 đến 1998, cả nước đã trồng mới gần 1,5 triệu ha rừng tập trung và hàng chục tỷ cây phân tán, khoanh nuôi tái sinh phục hồi gần 2,4 triệu ha rừng, giao khoán quản lý bảo vệ rừng được 1,95 triệu ha, thực hiện giao đất giao rừng được trên 7 triệu ha, mỗi năm cung cấp cho các ngành kinh tế và dân sinh hàng triệu m^3 gỗ và trên 20 vạn tấn nguyên liệu. Để khôi phục lại rừng, nâng cao độ che phủ rừng từ 26% lên 43%, Nhà nước đã chủ trương chuyển hướng từ nền lâm nghiệp chủ yếu dựa vào khai thác nền lâm nghiệp xã hội và thực hiện các chương trình quốc gia khác nhau như : chương trình 327, về bảo vệ và xây dựng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, chương trình trồng rừng kinh tế, chương trình phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, chương trình phát triển giống cây rừng, chương trình điều chế rừng, chương trình đánh giá và kiểm kê lại tài nguyên rừng...Chỉ nói riêng chương trình 327, cùng với nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, cơ chế giao đất khoán rừng đã huy động được nội lực trong dân, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần đẩy nhanh rừng phủ xanh đất trống đồi trọc.

Do đưa thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật vào khâu tạo giống, đổi mới công nghệ gieo ươm, nhân giống và trồng rừng. Những năm trước đây việc trồng mới rừng... tỷ lệ thành rừng chỉ đạt 40%, nghĩa là trồng 10 cây chỉ sống 4 cây, từ năm 1990 trở lại đây, tỷ lệ thành rừng đạt mức chung là 75%. Đây cũng là một kết quả đáng ghi nhận cho lực lượng trồng rừng Việt Nam. Từ những kết quả này, cùng với việc đầu tư chăm sóc rừng trồng tốt hơn, rừng kinh tế đã có mức tăng trưởng khá, đạt bình quân 12m^3/ha/năm.

Tuy nhiên trước những yêu cầu rất bức xúc về môi trường sinh thái, về bảo vệ và làm giàu đất, về phát triển kinh tế... Công việc của nghề rừng còn rất nhiều, đòi hỏi phải có sự quan tâm của các ngành, các cấp, của cả cộng đồng cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng.

6. Thành tựu về thủy lợi :

Những năm qua, trong sản xuất nông nghiệp, Nhà nước luôn giành sự ưu tiên hàng đầu cho thủy lợi. Đây là một trong những chương trình lớn của ngành nông nghiệp – PTNT. Các chương trình phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiên tai, ngọt hóa ở ĐBSCL, nâng cấp các công trình thủy lợi, xây dựng hồ đập ở Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, chương trình kiên cố hóa kênh mương nội đồng đã đem lại hiệu quả to lớn cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là vùng trọng điểm lương thực.

Hàng năm, công trình thủy lợi kết hợp thủy điện lớn nhỏ ở trên khắp mọi miền đất nước đã cung cấp trên 5 tỷ m^3 nước cho công nghiệp và dân sinh. Các công trình thủy lợi lớn sử dụng tổng hợp nguồn nước như Hòa Bình, Trị An, Thác Bà... tham gia cắt lũ, cấp nước cho hạ du, cấp

điện cho lưới điện quốc gia trên 10 tỷ Kwh/năm và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển giao thông, thủy sản, du lịch... Trong quá trình phát triển thủy lợi, hiện nay ở nhiều vùng nông thôn Việt Nam đã tiến hành làm các hệ thống thủy lợi, thủy nông kiên cố bằng biện pháp "gạch và bê tông hóa", vừa thuận lợi cho việc tưới tiêu nước, vừa tiết kiệm được nguồn nước đã góp phần rất quan trọng trong sự phát triển nông – công nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân khác trên địa bàn cả nước.

Thủy lợi đã góp phần cải tạo môi trường sinh thái, tạo nên những cảnh quan phục vụ cho du lịch, nghỉ mát như hồ Suối Hai, hồ Đồng Mô – Ngải Sơn... Nhờ có hệ thống thủy lợi tiêu nước mà xóa bỏ được vùng ngập úng, ẩm thấp quanh năm, đi lại dễ dàng, giảm được nhiều bệnh tật cho nhân dân.

Hệ thống đê điều với trên 5.700 km đê sông, 2000 km đê biển cùng với hệ thống kè, cống và bờ bao chống lũ, đã góp phần bảo vệ sản xuất và dân sinh kinh tế nhất là hệ thống đê sông Hồng, sông Cả. Hệ thống đê biển ở Bắc bộ và Bắc Trung bộ đảm bảo ngăn mặn và chống đỡ bão có gió cấp 8, cấp 9 trong điều kiện không có triều cường. Hệ thống bờ bao ở ĐBSCL bảo vệ lúa hè thu, chống lũ đầu mùa vào tháng 8.

7. Phát triển nông thôn :

Qua quá trình xây dựng, phát triển và trưởng thành, Nông nghiệp Việt Nam chuyển đổi từ nền kinh tế tự cấp, tự túc chuyển sang nền kinh tế hàng hóa, đã thúc đẩy nông nghiệp Việt Nam không ngừng phát triển, thu nhập và đời sống của tuyệt đại đa số nông dân được cải thiện, tỷ lệ hộ giàu tăng nhanh, đã có trên 20% hộ giàu là những tấm gương dẫn dắt các hộ khác vươn lên cùng phát triển; hộ nghèo đói giảm nhanh từ 25% (1990) xuống còn 15% hiện nay. Cơ sở hạ tầng nông thôn được phát triển đáng kể, khu vực nông thôn hiện đã có 93% số xã có đường ôtô tới trung tâm, 70% số xã và 5% số hộ đã dùng điện lưới Quốc gia, trên 70% số xã có điện thoại liên lạc với nhiều vùng trong nước và thế giới, 100% số xã có trường tiểu học, 76% số xã có trường phổ thông cơ sở, 36% số xã có nước sinh hoạt đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Nhìn một cách tổng thể, tuyệt đại bộ phận nông dân được hưởng thành quả của công cuộc đổi mới, nạn đói được đẩy lùi, nhiều hộ nông dân đang vươn lên làm giàu, bộ mặt nông thôn được "thay da đổi thịt". Tính đến nay ở nông thôn đã có tới 37.000 máy kéo lớn, 86.000 máy kéo nhỏ trên 4000 động cơ diezen và xăng, 18.000 động cơ điện, gần 20.000 ôtô tải và chục vạn máy công tác... với tổng công suất khoảng 6 triệu mã lực, bình quân 1 ha canh tác có 0,7 mã lực và trên 20 nhà máy...

Đội ngũ cán bộ và công nhân đã qua đào tạo và tích lũy được nhiều kinh nghiệm với số lượng khoảng 40 vạn người, trong đó có trình độ đại học

khoảng 30.000 người, trên đại học 2.000 người, cùng với hệ thống các Viện và trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, các trường đào tạo cán bộ và công nhân là một nguồn lực rất quan trọng để phát triển nền nông nghiệp tiên tiến và bước vào thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Phát huy những thành tựu đã đạt được, nông nghiệp Việt Nam đang vững bước vào thế kỷ 21 để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Bằng các chương trình cụ thể sau đây:

- Chương trình an ninh lương thực quốc gia, giai đoạn 2000 – 2010.

- Chương trình phát triển cây công nghiệp, rau, hoa, quả giai đoạn 2000 – 2010.

- Chương trình phát triển chăn nuôi, đưa chăn nuôi thực sự trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp.

- Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng.

- Chương trình 1 triệu tấn đường, hoàn thành xây dựng các nhà máy đường và đầu tư phát triển công nghiệp sau đường.

- Chương trình phát triển công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, sản xuất ván nhân tạo.

- Chương trình phát triển 1 triệu tấn muối.

- Chương trình giống cây trồng và gia súc.

- Chương trình phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.

- Chương trình phát triển thị trường và tiếp thị.

- Đổi mới và phát triển quan hệ sản xuất trong nông nghiệp.

- Chương trình xóa đói giảm nghèo.

- Phân công, phân cấp quản lý tài nguyên nước và rừng, quản lý các công trình thủy lợi, cơ sở chế biến, các nông lâm trường, vườn quốc gia và cơ sở đào tạo nhân lực.

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THỜI KỲ 1987 – 1999 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2000

Sản phẩm	Đơn vị tính	1987	1999	2000
Tổng sản lượng quy thóc	1.000 tấn	17.562,8	34.259,3	34.900
Trong đó: + Thóc	1.000 tấn	15.102,6	31.393	32.030
+ Ngô	1.000 tấn	561,0	1.753,1	1.860
+ Xuất khẩu gạo	1.000 tấn	120,50	4.508,2	3.600
+ Sản lượng cao su	1.000 tấn	51,7	249	270
+ Sản lượng chè	1.000 tấn	29,0	70,3	73,0
+ Sản lượng cà phê	1.000 tấn	25,59	510	565
+ Xuất khẩu	1.000 tấn	20,5	482,4	541
- Mía đường				
+ Sản lượng mía	1.000 tấn	5.470,3	17.760	18.500
+ Sản lượng đường, mật			752,0	1.015
- Chăn nuôi: + Tổng đàn lợn	1.000 con	12.050,8	18.900,0	19.800
+ Tổng đàn bò	1.000 con	2.979,1	4.063,5	4.185
+ Tổng đàn trâu	1.000 con	2.752,7	2.995,7	2.965
+ Tổng đàn gia cầm	triệu con	96,0	179,3	190
- Trồng rừng tập trung	ha	150.863	207.944	220.000
- Trồng cây nhân dân	1.000 cây	408.570	236.686	300.000
- Diện tích tưới nước	1.000 ha	5.111,6	7.027,0	1.500,0
- Diện tích tiêu nước	1.000 ha	909,1	7.150,0	1.515,0

NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM HỘI NHẬP QUỐC TẾ

- **Tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản:** (triệu USD).
  - Năm 1987: 410,3
  - Năm 1999: 2.730,8.
- **Số nước và vùng lãnh thổ có quan hệ mậu dịch nông sản với Việt Nam:** 57 nước.
- **Đầu tư nước ngoài trong Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:**

  + Số dự án đang hoạt động : 128

  + Số nước và vùng lãnh thổ có dự án : 31

  + Tổng số vốn đầu tư : 1.729,99 triệu USD

SẢN XUẤT TRÁI CÂY – DIỆN TÍCH (1.000 ha)

Năm	Diện tích 1.000 ha	Sản lượng 1.000 tấn
1998	445	3.800
1999	460	4.570
2000*	470	5.000

** Dự tính*

SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC (1.000 tấn)

Năm	Tổng sản lượng quy thóc	Sản lượng thóc	Sản lượng ngô
1987	17.562,8	15.102,6	561,0
1991	21.989,5	19.621,9	672,9
1993	25.501,7	22.836,6	882.2
1995	27.570.9	24.963,7	1.184,2
1997	30.618,1	27.523,9	1.650,6
1999	34.253,9	31.393,8	1.753,1
2000*	34.990,0	32.030,0	1.860,0

** Dự tính*

PHÁT TRIỂN LÚA LAI

Năm	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1992	11.094	62,15	68.945
1996	127.712	58,45	746.671
1998	200.100	64,50	1.300.000
1999	233.900	64,70	1.513.330
2000*	320.000	65,00	2.080.000
2010**	1.000.000	65,00	6.500.000

* *Dự tính*

** *Kế hoạch*

SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÀ PHÊ, CHÈ, CAO SU, ĐIỀU (1.000 TẤN)

NĂM	Cà phê		Chè		Cao su		Điều
	Sản lượng	Xuất khẩu	Sản lượng	Xuất khẩu	Sản lượng	Xuất khẩu	Xuất khẩu
1987	25,59	20,5	29,0	11,48	51,7	38,54	9,509
1991	100,0	93,47	33,1	7,95	64,6	62,95	30,59
1995	248,09	218,1	40,2	18,83	138,41	122,7	98,90
1996	253,0	239,00	46,8	20,76	146,0	111,14	16,60**
1997	415,0	414,80	52,3	32,29	194,58	186,5	33,30
1998	409,3	382,00	51,0	33,00	225,7	191,00	25,619
1999	487,0	482,46	65,0	36,44	265,33	215,0	18,386
2000*	565,0	541,0	73,0	40,0	281,0	270,0	20,00

* *Dự tính*

** *Từ năm 1996 xuất khẩu hạt điều nhân*

SẢN XUẤT MÍA ĐƯỜNG (1.000 TẤN)

Năm	Sản lượng mía	Sản lượng mật
1994	7.750,1	364,1
1995	10.711,2	517,2
1996	11.372,1	636,5
1997	11.920,9	649,0
1998	13.843,5	657,0
1999	17.840	752,0
2000*	18.500	1.015,0

CHĂN NUÔI (1.000 con)

Năm	Tổng đàn trâu	Tổng đàn bò	Tổng đàn lợn	Tổng đàn gia cầm
1987	2.752,7	2.979,1	12.050,8	96.000
1991	2.858,6	3.135,6	12.194,3	109.000
1993	2.960,8	3.330,0	14.873,9	133.400
1995	2.962,8	3.638,9	16.306,6	142.100
1997	2.943,6	3.904,8	17.635,9	160.600
1999	2.955,7	4.063,5	18.900,0	179.300
2000*	2.965,0	4.185,0	19.800,0	190.000

**Dự tính*

TRỒNG RỪNG

Năm	Trồng rừng tập trung (ha)	Trồng cây nhân dân (1.000 cây)
1987	150.863	408.570
1991	125.576	334.000
1993	131.031	350.600
1995	221.404	253.504
1997	220.533	236.246
1999	207.944	236.686
2000*	220.000	300.000
2010*	300.000	500.000

** Dự tính*

DIỆN TÍCH TƯỚI TIÊU NƯỚC (1.000 ha)

Năm	Diện tích tưới nước	Diện tích tiêu nước
1987	5.111,6	909,1
1991	5.906,6	1.440,8
1993	6.166,5	1.436,1
1995	6.516,7	1.434,6
1997	6.842,0	1.470,0
1998	6.900,0	1.480,0
1999	7.027,0	1.500,0
2000*	7.150,0	1.515,0

** Dự tính*

TRANG TRẠI TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRANG TRẠI

PHÙNG HỮU HẠT
Chủ nhiệm CLB Trang trại Tp. Hồ Chí Minh

Kinh tế trang trại là hình thức kinh tế Nông - Lâm - Ngư. Trang trại tập trung đất, lao động và vốn ở mức cao nhằm sản xuất hàng hóa.

Phân biệt kinh tế trang trại với kinh tế hộ:

KINH TẾ TRANG TRẠI		KINH TẾ HỘ
Sản xuất hàng hóa	**MỤC TIÊU**	Sản xuất tự túc
Thuê lao động	**LAO ĐỘNG**	Lao động gia đình
Có hoạch toán, có quản lý và có tích lũy	**QUẢN LÝ**	Chế độ gia trưởng
- Diện tích rộng - Vốn lớn - Lượng hàng hóa tập trung	**QUY MÔ**	Quy mô nhỏ
- Cơ giới hóa - Hiện đại hóa	**CHẾ ĐỘ CANH TÁC**	Thủ công
Phù hợp với xã hội phát triển cao	**KẾT LUẬN**	Phù hợp cho sản xuất nhỏ

Tiêu chí trang trại:

- ***Qui mô:***

Cây công nghiệp	> 3 ha
Heo	> 100 con/năm
Cây ăn trái	> 2 ha
Gà, vịt	> 5.000 con/năm
Cây hàng năm	> 3 ha
Trâu bò	> 50 con
Cây lâm nghiệp	> 5 ha
Bò sữa	> 10 con
Giống cây trồng	> 2 ha
Thủy sản	1 – 2 ha
Hoa cây cảnh, ***	> 0,3 ha

- ***Lao động:*** Không hạn chế, có thể thuê mướn.
- ***Giá trị sản lượng hàng hóa*** > 18 triệu/ năm/đầu người, tương đương 1.500.000 đồng/người/tháng.

CÁC LOẠI HÌNH KINH TẾ TRANG TRẠI TẠI VIỆT NAM:

1. Phân loại theo ngành nghề:

- Trang trại trồng trọt 24%
- Trang trại nuôi trồng thủy sản 6%
- Chăn nuôi 31%
- Lâm nghiệp 2%
- Dịch vụ nông nghiệp 37%
- VAC và VACR là mô hình trang trại tổng hợp(vườn-ao-chuồng và vườn-ao-chuồng-rừng)

2. Phân loại theo chủ sở hữu:

- Hộ trang trại (hộ nông dân phát triển lên)
- Trang trại hợp tác (các HTX)
- Trang trại Nhà nước (nông trường, lâm trường)
- Trang trại doanh nghiệp công thương (Tư bản tư nhân, Cty TNHH, Cty cổ phần)
- Trang trại viên chức Nhà nước.

NGƯỜI LÀM TRANG TRẠI:

1. Thành phần xã hội:

- Nông dân thuần túy 62,4%
- Công nhân viên chức về hưu 9,4%
- Công nhân viên đang làm việc 8,2%
- Cán bộ xã 8,8%
- Lực lượng an ninh quốc phòng về địa phương 8%
- Các đối tượng khác 3,2%

2. Đất đai:

Điều tra 200 trang trại vào tháng 2/99 cho thấy:

Nguồn gốc đất	Đông Nam bộ	Tây Nam bộ
Thừa kế	7	46
Khai hoang	42	7
Chuyển nhượng	50	45
Hình thức khác	1	2

Theo điều tra của Tiến sĩ Nguyễn Văn Tiêm, một số nguyên nhân chính làm cho nông dân bị mất đất:

- Do tách hộ, lập hộ mới 23,8%
- Đã đem cầm cố nợ 10,33%
- Ốm đau, tai nạn 8,48%
- Không có vốn để sản xuất 9,3%

Với các nguyên nhân trên cho thấy phát

triển kinh tế trang trại là nguyên nhân làm cho nông dân bị mất đất.

Trên thực tế, nhiều người bán đất để mua sắm tiện nghi sinh hoạt, chuyển đổi nghề nghiệp, cho con cái học hành cao hơn. Do đó sự thay đổi sở hữu đất làm thay đổi cơ cấu nông nghiệp nông thôn, dẫn đến sự tích tụ ruộng đất để hình thành kinh tế trang trại là một nguyên nhân tích cực.

Giải quyết tình trạng nông dân thiếu đất và mất đất theo ông Lê Huy Ngọ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có 4 giải pháp:

- *Ưu tiên tuyển dụng họ vào các ngành nghề khác ở nông thôn.*
- *Khai hoang để lấy đất giao cho các trang trại*
- *Di dân*
- *Hỗ trợ vốn để nông dân chuộc lại ruộng đất bị mất*

3. Một số mô hình trang trại:

Hiện nay có nhiều mô hình trang trại:

1. Trang trại trồng cây ăn trái
2. Trang trại trồng cây ngắn ngày
3. Trang trại chăn nuôi
4. Trang trại lâm nghiệp
5. Trang trại nông lâm kết hợp
6. Trang trại nuôi trồng thủy sản
7. Trang trại VAC và VACR

Mặc dù mới phát triển từ sau khi có Luật Đất đai nhưng mô hình kinh tế trang trại phát triển một cách nhanh chóng, đó là một bước phát triển tất yếu của nền kinh tế nước ta, một số xu hướng phát triển không cưỡng lại được.

Đất đai cần tích tụ lớn để có thể hiện đại hóa và công nghiệp hóa, đó là nền tảng tăng sản lượng, tăng năng suất, hạ giá thành và tạo được lực cạnh tranh với nông nghiệp trong khu vực và thế giới.

Hiện nay, các trang trại trên 50 ha không phải ít, nhưng diện tích đó cũng chưa đủ để hình thành những trang trại tạo được hiệu quả cao cho sự cạnh tranh khốc liệt. Do đó, vai trò kinh tế trang trại hiện nay là tập hợp nhiều trang trại sản xuất trong một kế hoạch cây trồng, chế biến, tiêu thụ.

■ **Kêu gọi toàn xã hội tham gia giải quyết đầu ra sản phẩm trang trại**

Sản phẩm do trang trại sản xuất ngày càng nhiều, giá thành bán ra sản phẩm ngày càng hạ và đang có nguy cơ nhiều sản phẩm không bán được. Cụm từ "đầu ra" cho sản phẩm trang trại đang trở nên bức xúc cho những người đầu tư, đã đến lúc kêu gọi những người có vốn đi vào lĩnh vực chế biến trái cây, tìm cách xuất khẩu trái cây và dân trong nước đưa trái cây vào cơ cấu bữa ăn gia đình, toàn xã hội đều có thể góp phần cho đều ra.

■ **Giới khoa học kỹ thuật đồng loạt ra quân với trang trại.**

Trái cây phải sạch, giá phải rẻ mới mong tăng số người dùng trong nước cũng như ngoài nước. Những người làm khoa học bước vào cuộc với sân chơi kinh tế trang trại. Chỉ có những người này mới chuyển tải được công nghệ kỹ thuật cao, đưa phân hữu cơ, đưa công nghệ vi sinh chuyển đổi chất lượng cây trái hiện nay. Chỉ có kỹ thuật cao mới tăng năng suất gấp 10 lần và hạ giá thành xuống 10 lần, mới nói đến xuất khẩu và

người làm trang trại mới có "đường" để sống. Trang trại đang chờ, đang khát khao khoa học kỹ thuật hơn bao giờ hết họ đợi chờ giới khoa học ra quân.

■ Phát huy tính năng động của chủ trang trại

Điều kiện căn bản nhất để lập trang trại là người phải có vốn và vốn phải lớn, nhiều người cho biết ngoài số vốn tiền mặt, vàng, ngoại tệ do tự để dành còn phải bán nhà, xe hơi, vay chạy bạn bè để đầu tư vào trang trại.

Như có một hấp lực vô hình, khi một người có quyết định lập trang trại họ không dừng lại dù gian khổ mấy. Từ bỏ tiện nghi của thành phố họ vào sống ở một nơi không có điện nước, bao vây họ là những muỗi mòng nước độc, đi lại khó khăn. Có những lần xe hư, đường xấu họ phải nằm lại giữa rừng sâu một mình. Không phải người chủ trang trại từ đây ải mình mà lòng tự trọng và kiêu hãnh, họ đã can đảm vượt qua khó khăn để đạt mục tiêu xây dựng trang trại.

Tính năng động của người chủ trang trại còn thể hiện trong việc tìm cây giống, con giống và kỹ thuật mới. Họ có thể bỏ ra hàng tháng trời để học hỏi khắp mọi nơi, nghe nơi nào đó có giống tốt thì họ có mặt. Người chủ trang trại tiếp cận với các nhà nghiên cứu trong nước và ngoài nước, họ không nề hà học hỏi với những nông dân có kinh nghiệm.

Tai họa của thiên nhiên đổ lên vai của họ như hạn hán, lụt lội làm cho đồng tiền bỏ ra bị tiêu tùng không quay trở lại như dự tính nhưng không làm cho họ nản chí. "Được mùa mất giá" cũng liên tục xảy ra, người chủ trang trại lắm lúc đã dở cười dở khóc nhưng không làm cho họ dừng chân.

Trước mắt người chủ trang trại thường xuyên phải đối phó do trộm cắp, một số nhân viên chính quyền địa phương gây phiền nhiễu họ cũng tự chịu đựng, xoay sở không thể chờ đợi ai giải quyết cho mình.

Nhìn tổng quan đầu tư cả nước, mặt dù luật đầu tư nước ngoài đã trải thảm đỏ nhưng không người nước ngoài nào đầu tư vào nông nghiệp. Những tính năng động và tích cực của người đầu tư trang trại trên đây chúng ta cần nâng niu quý trọng, như nâng niu vốn quý của dân tộc.

Trước hết, nên dứt khoát giao cho người chủ trang trại miếng đất mà họ đang khai thác. Tình trạng nửa vời như hiện nay họ khó có thể yên tâm đầu tư. Họ được cấp sổ đỏ hay không được cấp sổ đỏ, không nên có thêm sổ vàng hay sổ xanh. Đất lâm trường, nông trường cho thuê mướn một thời gian 20 năm, 30 năm, 50 năm cũng cấp sổ đỏ có giá trị thời gian đó. Sổ đỏ ở đây được hiểu là một văn kiện pháp lý, người được cấp có quyền đầu tư, chuyển đổi, liên doanh liên kết theo thời gian ấn định trong sổ đỏ.

Vấn đề thứ hai là xác nhận được giá trị đầu tư của người chủ trang trại bằng cơ sở pháp lý. Người làm trang trại bỏ vốn đầu tư gấp hàng chục lần vốn đất đai nhưng chưa được đăng ký kinh doanh. Nhiều chủ trang trại đến các cơ quan chính quyền đăng ký thì không được chấp nhận. Ngân hàng cũng chỉ dựa vào sổ đỏ để cho vay mà không cần quan tâm đến giá trị đầu tư. Các trang trại

muốn tiến hành kiểm toán cũng không thực hiện được. Xác định tính chất pháp lý trang trại đang là một vấn đề bức xúc của chủ trang trại, điều này thực hiện được sẽ tạo được ổn định đầu tư, người chủ trang trại được nhà nước bảo vệ bằng pháp lý, họ yên tâm đầu tư vì còn lập kế thừa được cho con cái họ.

Vấn đề thứ ba là tạo một nền tảng thông tin rộng rãi. Mặc dù chủ trang trại phần lớn cho trình độ tiếp nhận kiến thức mới nhưng tự họ không thể nắm bắt đủ. Hơn ai hết người chủ trang trại tự xoay để chuyển đổi trang trại của họ; những thông tin khoa học kỹ thuật, giá cả thị trường... phải được cơ quan nhà nước thực hiện mới có điều kiện giúp họ quyết định nên chuyển đổi trang trại của mình như thế nào. Có như thế giải quyết được tình trạng các chủ trang trại đang "đói thông tin" một cách trầm trọng.

Hướng đi tất yếu và con đường của các trang trại là liên kết với nhau. Chẳng hạn, một số trang trại gần nhau cùng bàn bạc chuyển đổi cây trồng cho đồng bộ, lập cơ sở chế biến tại chỗ... Họ phải liên kết với nhau, không ai thay cho họ được. Chất men để làm nên sự liên kết này là vai trò của chính quyền cùng với chính sách phù hợp. Như ngân hàng, thay vì cho vay trồng trọt từng trang trại thì cho vay để từng cụm trang trại lập cơ sở chế biến, mua xe vận tải sản phẩm, vật tư. Chính quyền địa phương dành ngân sách để vận động lập các hợp tác xã... Ngân sách Trung ương đài thọ cho chủ trang trại ra nước ngoài học hỏi, tìm đối tác đầu tư, tìm đầu ra sản phẩm.

Bảo hiểm nông nghiệp cũng là một chủ trương không thể thiếu được trong tương lai. Bảo hiểm cây trồng sẽ tạo ra một động lực thúc đẩy để nhà nước thực hiện các chính sách kinh tế. Người chủ trang trại khi được bảo hiểm cây trồng sẽ như có được người bạn đồng hành mạnh dạn đầu tư.

Dù trang trại đang ở vào giai đoạn khó khăn đặc biệt, nhưng đã là một chủ trang trại, ai cũng có niềm kiêu hãnh góp phần nhỏ bé của mình vào nền kinh tế đất nước, Họ mong những vốn liếng, trí tuệ của mình sẽ có điều kiện tốt lành để được sinh sôi nảy nở.

PHẦN II

THÀNH TỰU, TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG VỀ NÔNG NGHIỆP CỦA CÁC TỈNH, THÀNH TẠI VIỆT NAM

Số hóa KH,BN,Q

TIỀM NĂNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH AN GIANG

VƯƠNG BÌNH THẠNH
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT An Giang

I – TIỀM NĂNG VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

1. Vị trí, địa lý kinh tế:

An Giang nằm ở phía Tây Nam của Tổ quốc, trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long được giới hạn từ 10^0 đến 11^0 vĩ Bắc và $104,7^0$ đến $105,5^0$ kinh Đông. Phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp, Tây Nam giáp tỉnh Kiên Giang và Cần Thơ, phía Bắc giáp Campuchia với đường biên giới dài gần 100 km.

Diện tích toàn tỉnh 3.424 km^2, bằng 1,03% diện tích cả nước và đứng thứ 4 ở Đồng bằng sông Cửu Long, có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm thành phố Long Xuyên, thị xã Châu Đốc và 9 huyện với 140 xã, phường, thị trấn.

Hệ thống giao thông thủy bộ liên vùng khá thuận lợi: đường bộ có QL 91 đi từ Nam lên Bắc và nối liền QL 2 Vương quốc Campuchia, QL N1 đang chuẩn bị đầu tư nâng cấp Đông sang Tây để phát triển kinh tế biên giới phía Tây của Việt Nam nói chung và của An Giang nói riêng. Có 2 nhánh sông Tiền và sông Hậu chạy xuyên qua tỉnh thuộc hệ thống sông Cửu Long, đây là tuyến giao thương quốc tế quan trọng giữa khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với các quốc gia láng giềng: Campuchia, Lào, Thái Lan... Cửa khẩu quốc gia Tịnh Biên và quốc tế Vĩnh

Xương huyện Tân Châu, có hệ thống Cảng Mỹ Thới tiếp nhận hàng hóa 0,5 triệu tấn/năm và sân bay Vàm Cống tương lai sẽ được Trung ương đầu tư khôi phục.

An Giang cũng là tỉnh mang những đặc trưng riêng biệt, vừa có đồng bằng, có rừng và núi, có tài nguyên khoáng sản, những di tích lịch sử lâu đời và mang dấu ấn của nền văn hóa lúa nước cổ xưa, giúp tỉnh có thể phát triển một nền kinh tế tương đối đa dạng.

Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình 27,7°C. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.418 mm. Khí hậu trong năm chia 2 mùa rõ rệt, mùa khô có gió mùa Đông Bắc từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau và mùa mưa có gió mùa Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 11. Lũ tràn về hàng năm từ tháng 7 đến tháng 11, mực nước lũ dâng cao lên từ 1 m đến 2 m.

2. Các nguồn lực và hiện trạng phát triển:

2.1. Tài nguyên:

a. Đất đai: Đất canh tác nông nghiệp trên 250.000 ha, đất rừng và đồi núi gần 25.000 ha. Vùng đồi núi thích nghi chăn nuôi bò, phát triển rừng sinh thái và du lịch. Theo đặc điểm thổ nhưỡng, phần lớn đất đai của An Giang rất màu mỡ, trên 70% là đất phù sa hoặc có nguồn gốc cây ăn trái, cây công nghiệp nhiệt đới và phát triển chăn nuôi.

b. Nguồn nước: Nằm ở đầu nguồn so với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long nên nguồn nước mặt dồi dào và ngọt quanh năm đảm bảo phục vụ cho sản xu và sinh hoạt.

2.2 Nguồn lực:

Dân số An Giang cuối năm 1999 là tr 2 triệu người. Mật độ dân số 584 người/k . Lao động của tỉnh trên 80% là nông nghiệ từ 10-14% thương mại dịch vụ, 6% cô nghiệp và xây dựng.

Nền kinh tế tỉnh An Giang trong thời gi qua vẫn duy trì nhịp độ tăng trưởng mức định bình quân trên 7% năm; mặc dù lu chịu ảnh hưởng thiên tai lũ lụt – khí hậu kh nghiệt và tác động xấu của cuộc khủ hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực, ki tế vẫn tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật ch được tập trung đầu tư tương đối mạnh thô qua tiết kiệm và tích lũy.

Những mục tiêu trên từng lãnh vực đ được như sau:

- Nhờ biện pháp thâm canh tăng vụ, nê sản lượng lúa gạo sản xuất ổn định hàng nă 2,2 triệu tấn, trong đó lúa gạo đạt chất lượ xuất khẩu chiếm 60%.

- Áp dụng khoa học kỹ thuật nuôi trồ thủy sản nước ngọt phát triển khá mạnh, sả lượng thu hoạch năm 1999 khoảng 45 ngàn tấ

- Đàn heo tăng trên 10%.

- Hệ thống xay xát chế biến lúa gạ xuất khẩu trên 600 ngàn tấn/năm.

- Hệ thống chế biến đông lạnh thủy sả 8.000 tấn/năm.

- Chế biến rau quả đông lạnh 2.000 tấ năm.

II- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Sau năm 2000 là giai đoạn đặc biệt quan trọng để đưa địa phương bước sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ tăng tốc và hội nhập, phát triển sản xuất hàng hóa theo thị trường hướng ngoại. Mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh An Giang thời kỳ tới được xác định như sau:

- Kinh tế phát triển ổn định và bền vững, đồng thời để hạn chế được xu thế tụt hậu về kinh tế và mức sống các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phải vượt qua mức bình quân chung cả nước. Nhịp độ tăng trưởng GDP trong thời kỳ 2001-2005 là 8,3%.

- Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế. GDP ngành nông nghiệp trong suốt thời kỳ duy trì 3,5-4%; ngành công nghiệp trên 12%; ngành dịch vụ trên 10%. Cơ cấu kinh tế năm 2005: nông nghiệp chiếm 34,6%, công nghiệp – xây dựng 16,5%, dịch vụ là 48,9%.

- Kim ngạch xuất khẩu đạt 350 triệu USD, tập trung những sản phẩm chiến lược có chất lượng cao đủ sức cạnh tranh và tăng giá trị xuất khẩu, thay đổi cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu: lương thực – thủy sản 70%, nông sản chế biến 12%, công nghiệp nhẹ – tiểu thủ công nghiệp 18%.

2. Định hướng phát triển ngành chủ yếu

Nông nghiệp – thủy sản:

Khai thác và phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng cạnh tranh, tăng nhanh tỷ trọng ngành chăn nuôi. Quá trình sản xuất quan tâm đến hình thành và phát triển một nền nông nghiệp "sạch".

- Sản xuất ổn định gắn với áp dụng công nghệ sinh học; đến năm 2005 tổng sản lượng lương thực khoảng 2,65 triệu tấn.

- Khôi phục và phát triển nhanh đàn bò vào năm 2005 đạt trên 60 ngàn con.

- Tăng cường quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản thiên nhiên, đồng thời phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản, trong đó sản phẩm chủ lực là cá Basa, cá Tra và tôm càng xanh. Đến năm 2005 sản lượng nuôi trồng đạt 150 ngàn tấn./.

BÀ RỊA – VŨNG TÀU
THÀNH TỰU VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN

NGUYỄN VĂN NHÂN
Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tiềm năng phong phú về nhiều mặt. Với vị trí địa lý đặc biệt, Bà Rịa – Vũng Tàu có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp dầu khí, phát triển kinh tế biển, xây dựng cảng lớn kết hợp với các tuyến đường bộ, đường không. Là cửa ngõ đối với vùng Tây Nguyên, miền Trung và các nước láng giềng, thuận lợi hoạt động dịch vụ – thương mại – giao dịch quốc tế. Là nơi có nhiều di tích lịch sử công trình văn hóa, danh lam thắng cảnh có sức hấp dẫn về du lịch, nghỉ dưỡng. Cùng với việc khai thác dầu khí là sự xuất hiện công nghiệp năng lượng, công nghiệp hóa dầu từ khí, công nghiệp khí đốt, công nghiệp chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng gắn liền với các khu công nghiệp tập trung, khu dịch vụ dầu khí, các công trình kho, cảng, bưu chính viễn thông, xây dựng cơ sở hạ tầng và nhà ở... Trong tương lai không xa, nơi đây sẽ hình thành một số khu công nghiệp có quy mô lớn, hiện đại với hệ thống cảng biển thương mại quốc tế.

Với chiều dài bờ biển gần 156 km,

oVungtau

có nhiều bãi cát thoai thoải, nước trong xanh quanh năm, trong đó có 72 km bãi biển có thể tắm biển được như bãi Dứa, bãi Dâu, bãi Sau, bãi Trước, Long Hải, Hồ Tràm, Hồ Cốc, Côn Đảo v.v... Diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh chiếm 67.547 ha, trong đó đất có rừng là 34.900 ha, đặc biệt có 2 rừng nguyên sinh nhiệt đới tiếp giáp bờ biển chiếm 17.336 ha, gồm: Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu chiếm 11.293 ha. Vườn Quốc gia Côn Đảo chiếm 6.043 ha. Ngoài ra còn có vùng đệm trên biển và đất liền chiếm 22.358 ha, có 661 loài thực vật và 187 loài động vật. Trong đó có 02 loài động vật biển quý hiếm như dougong và rùa biển cùng với khu di tích lịch sử cách mạng Côn Đảo là những tiềm năng quý giá để phát triển ngành kinh tế du lịch sinh thái tại Côn Đảo. Hàng năm có khoảng 3 triệu lượt khách đến du lịch tại tỉnh trong đó có khoảng 300 ngàn lượt khách quốc tế đến tham quan nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái tại tỉnh.

Trên thềm lục địa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có trữ lượng dầu khí cao. Tại đây đã phát hiện nhiều mỏ có trữ lượng lớn như: Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng, Thanh Long. Trữ lượng công nghiệp các mỏ này đạt trên 300 triệu tấn dầu thô, tỷ lệ khí đồng hành từ 150 – 180 m^3/tấn, cho phép khai thác sản lượng trên 20 triệu tấn/năm. Về khí thiên nhiên, trữ lượng 200 – 300 tỷ m^3, riêng mỏ Thanh Long có thể chứa khoảng 180 – 200 tỷ m^3, tại khu vực lòng chảo Côn Đảo có hai mỏ khí với trữ lượng 60 – 90 tỷ m^3, cho phép khai thác 2 – 3 tỷ m^3/năm. Đến nay Vietsopetro đã khai thác được trên 50 triệu tấn dầu thô.

Sông Thị Vải dài 32 km, phần chảy qua lãnh thổ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu dài 25 km, chiều rộng trung bình 600 – 800 m, sâu 10 – 20 m. Dòng chảy của sông gần như song song với Quốc lộ 51 rất thuận tiện cho việc xây dựng cảng nước sâu cho tàu từ 30 – 50 ngàn tấn có thể ra vào được. Tại ngã tư sông Thị Vải, sông Gò Gia , rạch ngã tư có thể thiết kế cảng tiếp nhận tàu có tải trọng 60 ngàn DWT. Theo tính toán trên sông này có thể xây dựng được khoảng 8 khu cầu cảng với tổng công suất khoảng 50 triệu tấn/năm. Hiện nay đã đưa vào sử dụng cảng Baria Serece dài 132 m, công suất 1,2 triệu tấn/năm, cập tàu 30 ngàn DWT trên sông Thị Vải. Khu vực cửa biển nước sâu Sao Mai – Bến Đình có thể xây dựng cảng cho tàu chở container có trọng tải đến 80 ngàn DWT và tàu dầu 200 ngàn DWT.

Theo tài liệu của các nhà khoa học tính toán, trữ lượng cá ở vùng biển Đông Nam bộ ước tính khoảng 1,3 triệu tấn, khả năng cho phép khai thác 600 ngàn tấn/năm. Riêng ngư trường của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có thể khai thác từ 150 – 170 ngàn tấn/năm. Nguồn lợi thủy sản đa dạng, phong phú với trên 660 loài cá, 35 loài tôm, 22 loài mực. Hiện nay, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang khai thác khoảng 105 ngàn tấn hải sản/năm, trong đó cá khoảng 75 ngàn tấn, tôm khoảng 5 ngàn tấn, mực khoảng 15 ngàn tấn, chế biến hải sản xuất khẩu khoảng 20 ngàn tấn.

Hiện nay, diện tích đất nông nghiệp của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chiếm 81.968 ha, có đất bazan và đất xám tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm. Các cây cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, cây ăn quả đã đóng góp giá trị lớn của sản xuất nông nghiệp. Diện tích cây cao su chiếm khoảng 20 ngàn ha, sản lượng đạt 17.600 tấn/năm, cây cà phê có diện tích 8.700 ha, sản lượng 8.600 tấn/năm. Về công tác thủy lợi, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã xây dựng được 15 hồ chứa nước với tổng dung tích trên 15 triệu m^3 nước; xây dựng 14 đập, 4 kênh tiêu và 01 đê ngăn mặn dài 18 km để tưới cho 15 ngàn ha đất sản xuất nông nghiệp và phục vụ nhu cầu tiêu dùng nước cho công nghiệp và sinh hoạt. Ngoài ra còn xây dựng nhiều hệ cấp nước tập trung cung cấp nước sạch cho nhân dân tại các vùng nông thôn trong tỉnh.

Bên cạnh việc phát triển về kinh tế – xã hội trên các lĩnh vực, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu còn chú trọng quan tâm đến việc quản lý bảo vệ rừng và đẩy mạnh công tác trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc, trồng cây nhân dân, trồng phòng hộ đầu nguồn và ven biển để giữ vững màu xanh cho tỉnh nhà càng ngày càng tươi đẹp. Qua đó phát triển thêm loại hình du lịch sinh thái cho du khách chiêm ngưỡng phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Tính đến nay, diện tích cây xanh và thảm thực vật trên phạm vi toàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đạt độ che phủ gần 45%. Hiện nay, tỉnh đang tích cực đầu tư về cơ sở hạ tầng như: đường giao thông, đường điện , thủy lợi và có các dự án đầu tư du lịch sinh thái trên các vùng ven biển, đồi núi đặc biệt chú trọng quan tâm đầu tư du lịch sinh thái tại các khu bảo tồn Quốc gia nằm trên địa bàn tỉnh.

THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG NÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC KẠN

NGUYỄN VĂN VIỆT
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

♦ **Vị trí, điều kiện tự nhiên, dân số tỉnh Bắc Kạn:**

Là tỉnh miền núi vùng cao, phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng, phía Nam giáp tỉnh Thái Nguyên, phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn, phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang. Bao gồm 6 huyện và 1 thị xã tỉnh lỵ.

Tổng diện tích tự nhiên: 479.554 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp: 25.091 ha chiếm 5,23% diện tích tự nhiên, đất lúa có 13.642 ha, đất trồng hoa màu, cây công nghiệp hàng năm: 11.449 ha. Đất có rừng: 235.247 ha chiếm 49% diện tích tự nhiên, trong đó rừng tự nhiên: 224.110 ha. Rừng trồng: 11.137 ha và còn trên 200 nghìn ha đất núi trọc và đất khác.

Dân số (1989): 275.250 người gồm các dân tộc: Tày, Kinh, Dao, Nùng, Sỏm, Chỉ...

♦ **Một số thành tựu chính của ngành từ khi tái lập tỉnh đến nay:**

Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành trong 3 năm gần đây đạt 4,5%/ năm.

Sản xuất nông nghiệp: Về sản xuất lương thực dự tính năm 2000 đạt 93.000 tấn, bình quân lương thực/ người/ năm ước đạt 330 kg về chăn nuôi, tổng đàn gia súc trâu, bò, lợn từ 1,3 đến 1,5 lần so với năm 1997.

Về lâm nghiệp: công tác bảo vệ và trồng rừng được nhân dân đồng tình hưởng ứng, sau 3 năm trồng được 12.848 ha, dự tính năm 2000 trồng thêm được trên 6000 ha, góp phần nâng tỷ lệ che phủ của rừng đạt trên 50 %.

Về cơ sở hạ tầng: Về thủy lợi đã đầu tư trên 23,5 tỷ đồng để xây dựng các hệ thống thủy lợi, đảm bảo tưới tiêu cho trên 12.000 ha diện tích đất gieo trồng.

Chương trình nước sinh hoạt được chú trọng đầu tư. Trong 3 năm số người dân được sử dụng nước sinh hoạt từ các công trình tăng thêm 6%, dự tính năm 2000 thực hiện thêm 5% đưa tỷ lệ dân nông thôn được dùng nước sạch đạt 21% số dân.

Các hệ thống dịch vụ vật tư, khuyến nông, khuyến lâm được mở rộng đến các trung tâm cụm xã.

♦ **Định hướng phát triển của ngành đến 2010:**

Nông nghiệp – Lâm nghiệp – Công nghiệp chế biến, ổn định duy trì tốc độ tăng trưởng ngành từ 4,5 – 5%/ năm.

Nông nghiệp:

- Lương thực đạt 120.000 tấn

- Đàn gia súc tăng 1,3 đến 1,6 lần so năm 2000 và chú trọng đến chất lượng con giống, đưa chăn nuôi vào theo hướng sản xuất hàng hóa.

Lâm nghiệp:

- Đảm bảo đạt được tỷ lệ che phủ rừng trên 60%.

- Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến lâm sản.

Xây dựng cơ sở hạ tầng:

- Tiếp tục đầu tư cho hệ thống thủy lợi, nhất là việc kiên cố hóa kênh mương

- Đảm bảo toàn bộ số dân nông thôn được dùng nước sạch.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BẮC KẠN:

- ***Địa chỉ giao dịch:*** *Tổ 8 – Phường Đức Xuân – Thị xã Bắc Kạn*

- ***Điện thoại TT:*** *(0281) 870164*

♦ **Cơ cấu Sở NN và PTNT:**

- Bộ phận quản lý Nhà nước: Các lãnh đạo Sở và 8 phòng, ban, văn phòng Sở.

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở bao gồm 3 chi cục: Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục ĐCĐC - KTM và 2 trung tâm: Trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường.

- Các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc sở bao gồm: Lâm trường Bạch Thông, Lâm trường Chợ Đồn, Lâm trường Chợ Mới, Lâm trường Na Ri, Lâm trường Ngân Sơn, Lâm trường Ba Bể và 2 công ty: Công ty Lâm sản Bắc Kạn, Công ty dịch vụ Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn.

PHÁT HUY NỘI LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TỈNH BẠC LIÊU

CAO VĂN ON
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bạc Liêu

Tỉnh Bạc Liêu có diện tích tự nhiên 248.268 ha, nằm trong vùng đất duyên hải Nam Bộ , có vị trí địa lý, các tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động thuận lợi cho việc phát triển mạnh mẽ về kinh tế xã hội, trong đó có 154.322 ha đất tự nhiên nằm trong vùng được hưởng lợi từ chương trình ngọt hóa Quản Lộ - Phụng Hiệp, có khả năng thâm canh, tăng vụ và phát triển nông nghiệp toàn diện.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng hơn mười năm qua, nông nghiệp Bạc Liêu đã thu được nhiều kết quả đáng phấn khởi, sức sản xuất được giải phóng một bước quan trọng, tài lực của dân được phát huy, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường. Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã đi vào cuộc sống, khơi dậy nhiều nguồn lực làm cho sản xuất , kinh doanh, dịch vụ ở nông thôn phát triển năng động hơn, sản xuất nông nghiệp hàng năm đạt mức tăng trưởng khá, diện tích gieo trồng lúa tăng lên 20%, cây công nghiệp lâu năm tăng 20%, cây công

nghiệp ngắn ngày tăng 3 lần, cây ăn quả tăng 6%, đàn gia súc, đàn gia cầm tăng 50 -52% trong giai đoạn 1996 -2000.

Mặc dù có nhiều tiến bộ, song về cơ bản những kết quả đã đạt được vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, sản xuất nông nghiệp vẫn ở dạng sản xuất nhỏ, công nghiệp lạc hậu, tiềm năng về đất đai, hệ sinh thái, cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động, tiền vốn, khoa học công nghệ còn chưa được sử dụng có hiệu quả.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu 1.000.000 tấn lương thực vào năm 2002, trong đó lương thực hàng hóa 500.000 tấn, thu nhập bình quân từ 400 - 450 USD/người/năm, giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 45% tổng giá trị sản phẩm xã hội, cần thiết phải quản lý, phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nội tại, tranh thủ sự đầu tư hỗ trợ của Trung ương và các nguồn lực khác để phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện, bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những công việc cụ thể là:

- Quản lý khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài nguyên thiên nhiên nhất là khai thác và sử dụng có hiệu quả quỹ đất, ưu tiên quỹ đất cho sản xuất lương thực từ 115.000 ha năm 1995 đến 140.000 ha sau năm 2000. Xác định cụ thể cho từng vùng sinh thái:

Đối với vùng nước ngọt cần tăng cường mở rộng diện tích tăng vụ, đẩy mạnh thâm canh, đa dạng hóa cây trồng vật nuôi, thực hiện có hiệu quả dự án chuyển đổi sản xuất hơn 20.000 ha.

Đối với vùng thích nghi cần phải lợi dụng hữu hiệu các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhân lực, tài lực để sản xuất có hiệu quả, rà soát và hoạch định cụ thể các vùng sản xuất tôm, lúa, lâm nghiệp (đặc biệt là rừng phòng hộ). Đảm bảo diện tích sản xuất lúa, tôm, rừng trước mắt và lâu dài.

- Quản lý khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, tiếp tục đẩy mạnh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn đặc biệt là thủy lợi, điện, giao thông nông thôn, gắn với phân bổ lao động dân cư theo phương châm " Nhà nước và nhân dân cùng làm". Đầu tư trang thiết bị, nâng cấp các nhà máy chế biến nông sản, bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Phân bổ và sử dụng có hiệu quả 270.000 lao động nông nghiệp, đẩy mạnh các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp như phát triển kinh tế trang trại, các hình thức hợp tác sản xuất, củng cố các ngành nghề truyền thống tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn để giải quyết lực lượng lao động dư thừa trong nông nghiệp, thực hiện phương châm "ly nông bất ly hương" mỗi năm giải quyết cho 8 - 10 ngàn lao động có việc làm, 9- 10 ngàn lao động ổn định việc làm.

- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, xã hội hóa công tác khuyến nông nhằm giúp đỡ nông dân nâng cao trình độ hiểu biết về khoa học kỹ thuật. Chuyển giao nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất góp phần cải thiện cơ cấu giống

cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật canh tác, thu hoạch, phơi sấy, bảo quản và chế biến để sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Bố trí sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có, đồng thời chú trọng công tác đào tạo nâng cao và đào tạo lại, đáp ứng tốt nhất yêu cầu, nhiệm vụ của ngành trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Sử dụng vốn ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng có trọng điểm, dứt điểm từng hạng mục công trình, từng khu vực để phát huy cao nhất hiệu quả các công trình được đầu tư, những công trình huy động sức dân phải căn cứ vào khả năng của dân theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

-Tạo môi trường thuận lợi và phát huy mọi thành phần kinh tế, thực hiện tốt các chính sách đòn bẩy kinh tế của Đảng và Nhà nước như chính sách về ruộng đất, chính sách khuyến khích sản xuất hàng hóa nông sản xuất khẩu, chính sách về thuế, chính sách khuyến khích toàn dân tiết kiệm để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, chính sách huy động vốn trong dân, tổ chức xây dựng các quỹ tín dụng nhân dân, tạo hành lang pháp lý cho các quỹ tín dụng nhân dân hoạt động an toàn và có hiệu quả, có chính sách khuyến khích vật chất cho cán bộ khoa học kỹ thuật công tác ở vùng sâu, vùng xa....

Ngoài nỗ lực bản thân của ngành nông nghiệp và sự quan tâm đầu tư của tỉnh, ngành nông nghiệp & PTNT Bạc Liêu rất mong được Chính phủ, các Bộ, ngành, Trung ương xem xét, giúp đỡ trên một số lĩnh vực cụ thể như sau :

- Sớm đầu tư chấm dứt chương trình ngọt hóa Quản Lộ - Phụng Hiệp.

- Tăng tỷ trọng đầu tư trực tiếp cho phát triển nông nghiệp - nông thôn bao gồm vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng và vốn đầu tư tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Thông tin kịp thời những tiến bộ khoa học kỹ thuật, thị trường, giá cả, vật tư hàng hóa, nông sản xuất nhập khẩu.

- Giúp tỉnh trong việc tìm kiếm đầu ra của các mặt hàng nông sản như lương thực, cây ăn quả, thực phẩm gia súc, gia cầm...

- Đào tạo nâng cấp và đào tạo lại đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý nông nghiệp.

- Có chính sách về trợ giá nông sản thực phẩm và chính sách khuyến khích sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

- Có chính sách ưu đãi đối với vùng sản xuất khó khăn.

NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BẮC GIANG TRÊN CON ĐƯỜNG CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN VĂN LIÊM
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang

Bắc Giang là một tỉnh nông nghiệp. Diện tích đất đai được quy hoạch cho sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản là: 234.211 ha chiếm 61,2% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Trong đó đất nông nghiệp: 101.309 ha, đất lâm nghiệp: 130.552 ha, đất nuôi trồng thủy sản: 2.350 ha, diện tích đất chưa được quy hoạch sử dụng 86.853 ha chiếm 22,7% diện tích đất tự nhiên.

Có hệ thống đường sắt, đường bộ, đường sông chạy qua tương đối thuận lợi để giao lưu với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận như Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hải Dương, Thái Nguyên.

Từ những điều kiện đặc điểm trên tỉnh đã sớm đề ra nhiều chủ trương, giải pháp cụ thể phát huy thế mạnh về nông nghiệp nông thôn khai thác có hiệu quả tiềm năng sẵn có cùng với việc tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Công nghệ sản xuất tiên tiến chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng nông thôn. Thay đổi quan hệ sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển. Xác định kinh tế hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ

sản xuất đã làm cho nông nghiệp nông thôn trong tỉnh đạt được những thành tựu quan trọng.

Sản xuất nông lâm nghiệp năm 1999 tiếp tục được phát triển ổn định (giá trị sản xuất nông lâm nghiệp bình quân thời kỳ 1988 – 1999 tăng 4,3%). Riêng năm 1999 tăng 5,4% so với năm 1998. Tổng sản lượng lương thực năm 1999 so với năm 1997 (năm 1997 là năm đầu tỉnh Bắc Giang tái lập) tăng 8,29%. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 496.671 tấn, lương thực bình quân đầu người đạt trên 330 kg/người/năm.

Đáng chú ý là diện tích và sản lượng cây ăn quả tăng nhanh, đến nay toàn tỉnh có 3,14 vạn ha cây ăn quả trong đó vải, nhãn 2,23 vạn ha. Trong đó có trên 2 vạn ha đã cho sản phẩm. Sản lượng ước đạt 50 ngàn tấn. Giá trị thu nhập trên 130 tỷ đồng, cây ăn quả của tỉnh Bắc Giang thực sự đã trở thành hàng hóa có giá trị kinh tế cao và là nguồn thu to lớn của các hộ nông dân.

Chăn nuôi được phát triển mạnh trên quy mô rộng, và hướng vào sản xuất những gia súc, gia cầm có năng suất, chất lượng như bò lai sind, gà Sasso... Đàn trâu có xu hướng giảm. Năm 1999 giảm 0,13%; đàn bò tăng 5,2%; đàn lợn tăng 5,1%; đàn gia cầm tăng 16%. Sản lượng sản phẩm chăn nuôi lợn thịt là: 52.919 tấn tăng 5,1% so với cùng kỳ.

Phong trào nuôi trồng thủy sản được phát triển cả về diện tích và sản lượng. Diện tích đạt 6.850 ha chủ yếu là sử dụng mặt nước hồ đập lớn và ruộng 1 vụ. Sản lượng cá thịt đạt 3.860 tấn.

Lâm nghiệp được phát triển nhanh, đa dạng bằng nhiều nguồn vốn đầu tư, như vốn chương trình 327 nay là chương trình 5 triệu, các dự án nguồn tài trợ của quốc tế như dự án CaRe; dự án trồng rừng Việt – Đức, dự án PAM 5322; dự án tổng hợp Việt – Thái được nông dân tiếp nhận và thực hiện đạt kết quả cao. Trong 3 năm (1997 – 1999) toàn tỉnh trồng mới được 19.327 ha rừng tập trung, 20 triệu cây phân tán, khoanh nuôi tái sinh trên 30 ngàn ha. Giao đất giao rừng đạt 84% diện tích rừng và đất rừng. Phong trào quản lý bảo vệ rừng ngày càng được chặt chẽ tới thôn bản. Lao động nghề rừng đã thực sự chiếm vị trí quan trọng trong đời sống của đồng bào dân tộc vùng núi.

Cơ cấu kinh tế nông thôn có bước chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, trong nông nghiệp tăng tỷ trọng chăn nuôi, trong trồng trọt tăng tỷ trọng cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả và cây lâm nghiệp.

Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt và từng bước được nâng cao. Thu nhập bình quân đầu người năm 1998 so với năm 1997 (theo giá hiện hành) tăng lên 1,12 lần, điều kiện ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh được cải thiện. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm rõ rệt 23,9% năm 1997, đến năm 1998 còn 18,5% (trong đó hộ đói còn 6,6%).

Mô hình kinh tế trang trại của hộ gia đình phát triển đa dạng, phong phú. Đến

nay toàn tỉnh có 20.808 trang trại có mức thu nhập từ 5 đến 150 triệu đồng/năm. Kinh tế hợp tác xã dần được củng cố và phát triển, toàn tỉnh hiện có 225 HTX và trên 400 tổ hợp tác liên chi, liên gia (trong đó có 81 HTX nông nghiệp chuyển đổi và thành lập mới theo luật).

Cơ sở hạ tầng nông thôn được cải thiện tới nay 85% diện tích gieo trồng lúa được tưới tiêu chủ động, 96% xã có đường ôtô tới khu trung tâm: 85% xã có điện, 100% số xã phường, thị trấn có trạm y tế, 29% số trường học được xây dựng kiên cố.

Những thành tựu nông nghiệp đạt được trong những năm qua rất đáng phấn khởi, tuy nhiên yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH) nông nghiệp, nông thôn của tỉnh đang đòi hỏi phải chuyển sang một giai đoạn phát triển nhanh. Với năng suất, chất lượng cao vừa đáp ứng được nhu cầu ổn định cuộc sống vừa đáp ứng được nhu cầu thị trường tiêu thụ, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ và hướng tới xuất khẩu.

Là một tỉnh nông nghiệp với trên 90% dân số sống ở nông thôn để thực hiện sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn theo Nghị quyết 06/NQ-TW của Bộ Chính trị về một số vấn đề và phát triển nông nghiệp nông thôn và mục tiêu Nghị quyết tỉnh Đảng bộ Bắc Giang lần thứ 14; từ nay đến năm 2005 và những năm tiếp theo cần tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau :

Bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung như :vùng lúa thâm canh, vùng cây ăn quả, vùng cây công nghiệp ngắn ngày, vùng rau quả, vùng chăn nuôi lợn, gia cầm, nuôi ong... Gắn sản xuất bảo quản chế biến với nhu cầu thị trường , phấn đấu giá trị nông lâm nghiệp tăng bình quân 5% năm trong đó coi trọng sản xuất lương thực để đảm bảo an toàn lương thực trong tỉnh trên cơ sở duy trì diện tích 110.000 ha đất canh tác lúa; bố trí khoảng 20.000 ha cây công nghiệp hàng năm; 40.000 ha cây ăn quả. Tăng cường đầu tư đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính với tốc độ tăng trưởng bình quân 4-6% năm. Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, tăng giá trị lâm nghiệp lên 7%; trồng mới khoảng 35.000 ha rừng, nâng độ che phủ lên 32%.

Tiếp tục coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu, trước mắt đầu tư nâng cấp các công trình thủy nông như các hồ đập, chương trình kiên cố hóa kênh mương, thường xuyên đầu tư kinh phí xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, hồ đập ở từng vùng, từng cụm, chú ý ở các vùng miền núi rẻo cao, vùng khó khăn và những vùng tạo ra sản xuất hàng hóa lớn để thúc đẩy hình thành vùng kinh tế tập trung; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình dở dang thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm thủy lợi.

Ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giống để

tạo ra một bước chuyển biến mới về năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh về sản phẩm nông nghiệp, đầu tư nâng cấp các đơn vị sản xuất giống cây trồng vật nuôi hiện có và khẩn trương xây dựng các cơ sở sản xuất mới như trại giống cây ăn quả, trại giống cây công nghiệp cây màu lương thực, trại giống gia cầm... Chú ý việc thành lập các HTX sản xuất giống đặc biệt là sản xuất giống lúa xác nhận, khuyến khích các hộ gia đình nông dân giỏi sản xuất kinh doanh giống theo quy định của nhà nước. Đồng thời tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực giống.

Trong điều kiện nguồn vốn của tỉnh có hạn, cần tranh thủ xây dựng các dự án để thu hút nguồn vốn đầu tư từ quỹ hỗ trợ quốc gia, của các tổ chức quốc tế và các nguồn vốn tín dụng khác đồng thời huy động nguồn vốn trong nhân dân để đầu tư cho sự nghiệp nông nghiệp nông thôn.

Phối hợp nhiều hình thức tổ chức sản xuất đan xen, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển. Lấy hộ kinh tế gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, các thành phần kinh tế khác hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế hộ. Sắp xếp củng cố lại các doanh nghiệp quốc doanh theo hướng làm dịch vụ cho các hộ trên địa bàn, tiếp tục chuyển đổi, thành lập mới HTX theo luật và phát triển kinh tế HTX.

Tăng cường công tác dự tính, dự báo thị trường tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp, giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ sản phẩm cho hộ nông dân để nông dân yên tâm sản xuất. Tranh thủ liên doanh với các đối tác trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực chế biến, tiêu thụ sản phẩm, trước mắt hoàn thiện nhà máy chế biến rau quả tại tỉnh.

NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BẮC NINH THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

NGUYỄN VĂN THỤC
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh

I. Vị trí, đặc điểm điều kiện tự nhiên - xã hội :

1. Vị trí :

Bắc Ninh là 1 tỉnh thuộc vùng châu thổ đồng bằng sông Hồng , Bắc giáp Bắc Giang, Đông và Đông Nam giáp Hải Dương, Tây và Tây Nam giáp Hà Nội và Hưng Yên.

Bắc Ninh nằm trên dải hành lang đường 18 và trong vùng kinh tế trọng điểm, tam giác tăng trưởng Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, là khu vực có mức tăng trưởng kinh tế cao, giao lưu kinh tế mạnh.

Bắc Ninh nằm trên các trục giao thôn quan trọng :

- Quốc lộ 1A nối Hà Nội - Bắc Ninh Lạng Sơn.
- Quốc lộ 18 nối Nội Bài - Bắc Ninh Hạ Long.
- Trên trục đường sắt xuyên Việt đ Trung Quốc.
- Có mạng lưới sông ngòi thuận lợi cho việc giao thông đi lại giao lưu hàng hóa.

2. Điều kiện tự nhiên – xã hội :

Bắc Ninh có diện tích tự nhiên không lớn (79.626 ha), rất gọn và khá thuần nhất về điều kiện tự nhiên. Toàn tỉnh được phân chia thành 7 huyện và 1 thị xã, với tổng số 124 xã, 5 phường và 4 thị trấn.

Địa hình tỉnh Bắc Ninh tương đối bằng phẳng và nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình 22,7°C – 23,8°C lượng mưa trung bình trong năm 1.800mm; Độ ẩm trung bình 81,3% rất thích hợp cho việc phát triển nền nông nghiệp đa dạng và phong phú.

Năm 1999, Bắc Ninh có 1.160 ngàn người. Người dân Bắc Ninh có nhiều ngành nghề truyền thống như : sản xuất hàng mỹ nghệ đồ gỗ, đúc đồng, dệt gốm, giấy, xây dựng... và cũng rất năng động làm kinh tế.

II. Những thành tựu đạt được của ngành :

Cùng với sự phát triển chung của cả nước, trong những năm qua kinh tế – xã hội Bắc Ninh có bước phát triển đáng kể. Với diện tích 52 ngàn ha, mỗi năm Bắc Ninh cấy lúa, trồng cây rau, cây lạc... trên 104 ngàn ha gieo trồng. Tạo ra một lượng lương thực đáp ứng đủ nhu cầu về ăn cho người và cho chăn nuôi. Sau lúa gạo phải kể tới lợn, bò, gà và cây thực phẩm. Nhiều năm qua Bắc Ninh tập trung phát triển cả nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, hình thành cơ cấu kinh tế nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ, từng bước vươn ra hòa nhập vào nền kinh tế cộng đồng. Việc đầu tư ngân sách mỗi năm hàng chục tỷ đồng để xây mới, cải tạo các công trình thủy lợi, việc cải tạo giống lúa theo hướng đưa các giống có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất. Việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất thâm canh, việc cải tiến cơ chế quản lý ở HTX, việc giao quyền sử dụng ruộng đất cho hộ nông dân... Tất cả những điều đó đã làm tăng sản lượng lương thực, thực phẩm và mở ra những triển vọng mới cho quá trình chuyển đổi hình thái sản xuất tự cung tự cấp sang quá trình sản xuất hàng hóa gắn với cơ chế thị trường. Nhiều địa phương trong tỉnh đã chuyển sang sản xuất hàng hóa rõ nét : mô hình kinh tế VAC phát triển ở hầu hết các địa phương, đã xuất hiện nhiều gia đình chăn nuôi hàng ngàn con gà công nghiệp; hàng trăm con ngan Pháp, hàng chục đàn lợn... Ở huyện Yên Phong, Từ Sơn, Tiên Du đã xuất hiện một số vùng chuyên sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, cây thực phẩm cao cấp đáp ứng cho thị trường và xuất khẩu. Năm 1995, sản lượng lương thực của tỉnh chỉ đạt 300 ngàn tấn, đàn lợn chỉ có gần 290 ngàn con, đàn bò chỉ có 35,6 ngàn con. Đến năm 1999, sản lượng lương thực đạt 414,5 ngàn tấn, đàn lợn gần 390 ngàn con, đàn bò đạt 40,7 ngàn con. Đặc biệt những cây, con mới như bò sữa, ngan Pháp, hoa hồng... đã được sản xuất đại trà ở một số địa phương có hiệu quả kinh tế cao, đang tạo đà cho sản xuất phát triển.

TIỀM NĂNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BẾN TRE

Tỉnh Bến Tre nằm cuối nguồn sông Cửu Long, với diện tích tự nhiên là 2.287 km^2, trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm trên 70%. Dân số khoảng 1,3 triệu người, mật độ trung bình 568 người/km^2. Tỉnh Bến Tre với tiềm năng kinh tế đa dạng và phong phú, nguồn lao động xã hội chiếm 50% số dân, có trình độ học vấn nhất định và cần cù, rất thuận lợi cho Bến Tre phát triển nông nghiệp toàn diện, công nghiệp chế biến, thương mại dịch vụ và du lịch.

I. TRỒNG TRỌT - CHĂN NUÔI

Trong nông nghiệp, ngành trồng trọt rất đa dạng và phong phú. Bến Tre hiện đã hình thành các loại đất như sau:

- Đất ruộng lúa 50.000 ha.
- Đất trồng dừa 32.364 ha.
- Đất trồng mía 15.760 ha.
- Đất trồng cây ăn trái 27.654 ha.
- Đất trồng hoa màu 3.000 ha.
- Đất lâm nghiệp 9.916 ha.
- Mặt nước nuôi trồng thủy hải sản 27.863ha.

Tỉnh đã đầu tư lớn cho thủy lợi nhằm thâm canh, tăng vụ gieo trồng lúa và chuyển đổi cây trồng , vật nuôi. Vấn đề đặt ra để đưa nền kinh tế nông nghiệp Bến Tre phát triển, nâng cao được đời sống nhân dân là phải mau chóng thay đổi giống cây con, kết hợp chặt với chế biến hàng nông sản để tăng hiệu quả kinh tế.

1/ CÂY LÚA :

Cây lúa Bến Tre tuy chưa phải là cây thương phẩm chính, nhưng đến nay tỉnh sản xuất được khoảng 340.000 tấn/năm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và dành một phần cho xuất khẩu. Lai tạo, chọn giống lúa ngắn ngày, năng suất cao, trồng được trên các vùng đất khác nhau (ngọt, lợ, mặn) để vào thế kỷ tới chẳng những đủ lương thực cho tiêu dùng nội địa mà còn đẩy mạnh xuất khẩu nhiều hơn.

2/ CÂY DỪA:

Dừa là cây công nghiệp, và là cây thế mạnh để phát triển kinh tế tỉnh Bến Tre. Diện tích dừa đang thu hoạch ổn định là 29.900 ha, sản lượng trên 200 triệu quả/ năm. Dừa Bến Tre được trồng từ lâu đời với nhiều chủng loại. Trái dừa Bến Tre có ưu thế là dày cơm, hàm lượng chất béo cao đạt từ 50 - 70% . Ngoài sản phẩm chính là chế biến dầu dừa, các sản phẩm khác từ dừa đang được thị trường trong nước và quốc tế ưa chuộng. Trong thời gian qua, tỉnh đã đầu tư các cơ sở chế biến các sản phẩm như dầu dừa thô, than thiêu kết, chỉ xơ dừa, dừa nạo sấy, thạch dừa... Sắp tới, tỉnh có chủ trương phát triển diện tích dừa gắn liền với các cơ sở công nghiệp chế biến: tập trung cho dự án xây dựng nhà máy than hoạt tính, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở chế biến cơm dừa nạo sấy, sữa dừa, nước dừa tươi đóng hộp, các cơ sở chế biến chỉ, thảm xơ dừa có chất lượng cao... nhằm đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

3/ CÂY MÍA :

Cây mía có diện tích 15.760 ha, cho sản lượng gần một triệu tấn mía cây/ năm. Vụ mía đường 1998 - 1999, Bến Tre đưa vào hoạt động một nhà máy đường có công suất chế biến 1.000 - 1.500 tấn mía cây/ngày. Hiện tại tỉnh có hàng trăm cơ sở sản xuất đường bằng nghề thủ công. Tỉnh đang cần xây dựng thêm một số nhà máy đường và gắn với sản xuất đường, có điều kiện xây dựng các nhà máy sản xuất bánh kẹo, rượu, bột giấy...

4/ CÂY ĂN TRÁI VÀ CÂY KIỂNG :

Cây ăn trái của Bến Tre đang phát triển theo chương trình cải tạo vườn tạp. Hiện Bến Tre có 27.654 ha chuyên canh cây ăn trái, với sản lượng cao, nhưng chủ yếu là tiêu thụ trong nước, chưa xuất khẩu được do chưa có các cơ sở chế biến, bảo quản. Việc chế biến trái cây và những sản phẩm hàng hóa khác cho tiêu dùng và xuất khẩu đang được các nhà đầu tư trong và ngoài nước khai thác. Ngoài ra vùng Cái Mơn, Chợ Lách còn có thêm nghề truyền thống ươm chiết giống cây

trồng, lai tạo hoa kiểng bán ra cả nước và xuất khẩu.

5/ CHĂN NUÔI :

Nguồn lợi từ chăn nuôi của Bến Tre khá lớn và có khả năng phát triển trên quy mô công nghiệp, trong từng hộ gia đình nhờ có điện khí hóa nông thôn và nhiều phụ phẩm từ dừa, mía, hoa màu, thủy hải sản...dùng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm. Bến Tre hiện có đàn gia súc 5,2 vạn con, đàn heo 260.000 con, gia cầm trên 4,6 triệu con và 14,4 triệu trứng gà vịt/năm. Đến nay tỉnh chưa có xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc gia cầm để phục vụ cho yêu cầu phát triển ngành chăn nuôi kể cả nuôi trồng thủy sản.

6/ THỦY SẢN :

Bến Tre có 65km bờ biển và mạng lưới sông rạch chằng chịt là một môi trường lý tưởng cho việc khai thác tôm, cá tự nhiên và nuôi trồng thủy sản. Toàn tỉnh có khoảng 1.860 tàu khai thác thủy sản với công suất trên 108.000 CV. Tổng sản lượng thủy sản khai thác hàng năm trên 60.000 tấn, trong đó có 5.000 tấn tôm. Cùng với đánh bắt, Bến Tre có điều kiện thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản. Hiện tỉnh đang có 12.000 ha nuôi chuyên canh và hàng ngàn ha nuôi kết hợp. Tổng sản lượng thủy sản nuôi các loại đạt 49.000 tấn/năm, trong đó thủy sản xuất khẩu chiếm khoảng 5%.

Phương hướng tới của tỉnh là đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ, tập trung nuôi chuyên canh theo hình thức quảng canh cải tiến đạt năng suất cao, gắn với việc bảo quản, chế biến đông lạnh thủy sản với công nghệ hiện đại theo hướng nhập thiết bị IQF sản xuất các sản phẩm lạnh ăn liền, tiêu thụ tại các siêu thị.

THÀNH TỰU QUA 4 NĂM THỰC HIỆN VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NGÀNH NÔNG – LÂM NGHIỆP TỈNH BÌNH PHƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ II (2000 - 2005)

NGUYỄN VĂN NGUYỆN
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT
Tỉnh Bình Phước

A- TÌNH HÌNH CHUNG

Bình Phước là một tỉnh miền núi, thuộc vùng Đông Nam bộ, được tách lập từ tỉnh Sông Bé cũ từ ngày 1/1/1997. Có tổng diện tích tự nhiên 685.393 ha bằng 2% diện tích cả nước và bằng 30% diện tích vùng Đông Nam bộ (ĐNB) (trong đó đất sản xuất nông-lâm nghiệp: 567.000 ha, chiếm 82% diện tích tự nhiên), dân số 653.000 người, bình quân: 1,05 ha/người, mật độ dân số: 94 người/km^2. Về hành chánh, tỉnh được chia thành 5 huyện, 68 xã và 7 thị trấn. Nguồn lao động nông - lâm nghiệp là: 264.056 lao động chiếm 41,05% dân số và chiếm 72,31% lao động toàn tỉnh.

Bình Phước là tỉnh có lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai phù hợp với nhiều loại cây trồng có giá trị như: Cao su, điều, cà phê, tiêu, cây ăn quả, mỳ, bắp, các loại đậu và những loại cây trồng lâm nghiệp như: các loại keo, xà cừ,... Đây là những nguồn nguyên liệu để phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản.

Theo định hướng phát triển kinh tế xã hội vùng Đông Nam bộ thời kỳ từ năm 2000-2010 đánh giá: Đông Nam bộ, trong đó có

Tỉnh Bình Phước là một tỉnh có tiềm năng phát triển về Nông - Công nghiệp - Dịch vụ.

Nghị quyết Đại hội VI Đảng bộ tỉnh Bình Phước xác định: Cơ cấu kinh tế của tỉnh là Nông - Lâm - Công nghiệp và Dịch vụ. Phấn đấu đến năm 2005 và 2010 đạt tỷ lệ: 50-30-20 hoặc 40-40-20, với thu nhập bình quân đầu người từ 300 - 400 USD/người/năm.

B- THÀNH QUẢ QUA 4 NĂM THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

I. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT:

Qua thống kê cho thấy: diện tích đưa vào sản xuất Nông Lâm nghiệp mỗi năm một tăng và việc sử dụng đất ngày càng có hiệu quả hơn.

1/ Diện tích đưa vào sản xuất nông nghiệp: Diện tích gieo trồng: Năm 1997 là 213.653 ha, năm 1998 là 225.346 ha; năm 1999 là 243.130 ha; năm 2000 là 250.462 ha, chiếm 36,53% diện tích tự nhiên của tỉnh.

2/ Đất sản xuất lâm nghiệp: Khu vực quốc doanh quản lý toàn bộ diện tích: 351.302 ha (chiếm 51% diện tích tự nhiên của tỉnh).

II. NGÀNH SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP:

1/ Cây nông nghiệp hàng năm:

Diện tích gieo trồng: *Năm 1997:* 49.015 ha, *Năm 1998:* 53.640 ha; *Năm 1999:* 55.000 ha; *Năm 2000:* 53.847 ha.

Như vậy, diện tích gieo trồng vẫn ổn định ở quy mô: 50.000 ha.

Trong đó: Mỳ cao sản: 18.056 ha, sản lượng: 395.852 tấn (NS: 219,2 tạ/ha).

Bắp lai: 5.250 ha, sản lượng: 14.409 tấn

Mía: 1.161 ha, sản lượng: 44.577 tấn (NS: 384 tạ/ha).

Bông vải: 611 ha, sản lượng: 560 tấn (NS: 8,1 tạ/ha).

2/ Cây nông nghiệp lâu năm: (Năm 2000)

Tổng diện tích gieo trồng hiện nay của các cây trồng chính: 196.975 ha.

+ *Cây điều:* 70.524 ha (trong đất lâm nghiệp: 2.442 ha), diện tích cho sản phẩm: 55.759 ha, sản lượng: 30.000 tấn (NS: 5,9 tạ/ha).

+ *Cây cà phê:* 20.101 ha (trong đất lâm nghiệp: 1.253 ha), diện tích cho sản phẩm: 11.101 ha, sản lượng tươi: 50.647 tấn (NS: 45,6 tạ/ha).

+ *Cây tiêu:* 6.465 ha (trong đất lâm nghiệp: 155 ha), diện tích cho sản phẩm: 6.169 ha, sản lượng: 12.546 tấn (NS: 39,59 tạ/ha).

+ *Cây cao su:* 86.961 ha (trong đất lâm nghiệp: 6.137 ha), diện tích cho sản phẩm: 51.162 ha, sản lượng: 62.686 tấn (NS: 12,25 tạ/ha).

+ *Cây nhãn:* 3.369 ha, diện tích cho sản phẩm: 1.315 ha, sản lượng: 1.604 tấn (NS: 12,2 tạ/ha).

+ *Cây xoài:* 4.154 ha, diện tích cho sản phẩm: 2.808 ha, sản lượng: 5.774 tấn (NS: 20,56 tạ/ha).

+ *Cây sầu riêng:* 1.645 ha, diện tích cho sản phẩm: 368 ha, sản lượng: 1.209 tấn (NS: 32,68 tạ/ha).

+ Các loại cây ăn quả khác: 7.472 ha (trong đất lâm nghiệp: 4.693 ha).v.v...

3/ Cây lâm nghiệp: Tổng diện tích rừng trồng kinh tế: 22.309 ha.

Phấn đấu - Rừng trồng kinh tế năm

đất lâm nghiệp: 7.839 ha.

(Thống kê của các Lâm trường, Ban quản lý rừng)

- Rừng trồng kinh tế nằm trong đất nông nghiệp: 14.470 ha.

(Theo kết quả Tổng kiểm kê đất đai 2000 của Sở Địa chính)

Các loại cây trồng: Keo lá tràm, Keo lá lớn, Xà cừ,...

Dự kiến: từ năm 2003 trở đi bắt đầu thu hoạch sản phẩm.

Sản lượng: 669.270m^3 (NS: 30m^3/ha)

4/ Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc, gia cầm hiện nay: Đàn trâu, bò: 43.593 con; đàn heo: 134.461 con, đàn gia cầm: 1.130.733 con...

III. NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN:

1/ Mạng lưới chế biến: Tính đến cuối năm 1999, toàn tỉnh có 45 cơ sở chế biến Nông sản gồm: Chế biến mủ cao su: 5 nhà máy; chế biến hạt điều: 14 doanh nghiệp; chế biến bột mỳ: 2 nhà máy và 10 cơ sở thủ công; chế biến mía đường: 10 lò thủ công; chế biến nhãn: 10 lò sấy thủ công. Còn lại là các cơ sở chế biến gạo và các nông sản khác.

Công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện nay chủ yếu là chế biến mủ cao su, hạt điều, cà phê, xay xát gạo.

Nhìn chung, ngoài 2 nhà máy chế biến tinh bột mỳ có thiết bị hiện đại , quy trình sản xuất đồng bộ, các cơ sở còn lại chỉ chế biến ở mức độ sơ chế.

2/ Năng lực các cơ sở chế biến:

- Chế biến cao su: năng lực 38.000 tấn/năm

(Bình Long: 11.000 tấn/năm; Đồng Phú: 6.000 tấn/năm; Lộc Ninh: 5.000 tấn/năm; Phú Riềng: 1.120 tấn/năm; cao su Sông Bé: 5.000 tấn/năm).

- Chế biến hạt điều: năng lực 28.000 - 30.000 tấn/năm.

- Chế biến tinh bột mỳ: công suất 90.000 tấn/năm

- Xay xát gạo: năng lực 500 - 2.000 kg/ngày

- Chế biến nhãn: công suất 5 - 10 tấn/ngày

- Các cơ sở chế biến các mặt hàng nông sản như: cà phê, đậu, tiêu... đều có quy mô nhỏ (hộ gia đình)

C- TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NGÀNH NÔNG - LÂM NGHIỆP TỈNH BÌNH PHƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ II (2000 - 2005)

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT:

Tập trung thực hiện 3 nhiệm vụ chiến lược: **Phát triển ổn định, hiệu quả cao, xây dựng cơ bản về cơ chế thị trường theo định hướng XHCN.** Cụ thể:

Phấn đấu tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 9,5 - 10%. Tăng GDP bình quân đầu người đạt 300 USD/năm theo giá hiện hành, với cơ cấu kinh tế: Nông - Lâm - Thủy sản: 54%; Công nghiệp - Xây dựng: 20%; Dịch vụ: 24%, Kim ngạch XNK hàng hóa: 200.000.000 USD/năm, với nhịp độ tăng trưởng ngành từ: 6 - 10%/năm.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN:

1/ Nông nghiệp: Chủ trương và mục tiêu: Chọn phương án đa dạng hóa cây trồng trên cơ sở kết hợp tối ưu về sử dụng đất và về lợi nhuận, đáp ứng được thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Phấn đấu đến năm 2005: đạt giá trị sản xuất ngành nông nghiệp

(theo giá cố định năm 1994): 2.414 tỷ đồng tăng 70% (997 tỷ đồng) so với năm 2000, bình quân mỗi năm tăng: 14% (199 tỷ đồng). Trong đó: trồng trọt: 2.199 tỷ đồng, chăn nuôi: 185 tỷ đồng, dịch vụ nông nghiệp: 30 tỷ đồng. Cụ thể:

**** Trồng trọt:***

- *Cây lâu năm và cây ăn quả:*

+ Cây cao su: 90.000 ha (trong đó: cá thể 30.000 ha, sản lượng bình quân: 70.200 tấn/năm)

+ Cây điều: giữ ổn định diện tích 70.524 ha, sản lượng bình quân: 50.000 tấn/năm (năng suất: 0,8 tạ/ha).

+ Cà phê: 22.101 ha, sản lượng bình quân: 96.900 tấn/năm.

+ Cây tiêu: đạt 8.000 ha, sản lượng bình quân: 26.000 tấn/năm.

+ Cây ăn quả: đạt 15.000 ha, sản lượng bình quân: 40.000 - 60.000 tấn/năm.

- *Cây hàng năm:* Cây mía: giữ ổn định 2.000 ha sản lượng bình quân 100.000 tấn/năm, chủ yếu cung ứng nguyên liệu cho nhà máy đường Bình Dương; cây mỳ 20.000 ha, sản lượng bình quân 475.600 tấn/năm; cây bắp 7.000 ha, sản lượng bình quân 21.800 tấn/năm...

*** Chăn nuôi:** Mục tiêu cụ thể: phấn đấu đến 2005 đạt giá trị sản xuất chăn nuôi: 185 ngàn triệu đồng, tăng 5% so với năm 2000. Cụ thể: *Đàn trâu* đạt 17.650 con; *Đàn bò* đạt 30.500 con; Đàn heo đạt 170.000 con; Đàn gia cầm đạt 1,6 triệu con.

*** Thủy sản:** Mục tiêu: Phấn đấu đến 2005 đạt giá trị sản xuất thủy sản (theo gia cố định năm 1994): 24.000 triệu đồng; tốc độ phát triển: 15%.

- *Diện tích:* 3.000 ha; sản lượng nuôi trồng thủy sản: 5.135 tấn.

Tôm càng xanh: Phát triển nuôi tôm cà xanh để vào năm 2005 đạt diện tích 500 h sản lượng: 2.500 tấn/năm (NS: 5 tấn/ha).

Ếch công nghiệp: đến năm 2005 nu ếch công nghiệp với diện tích: 100 ha, s lượng: 5 - 1.000 tấn (NS: 5 - 10 tấn/ha).

2/ Lâm nghiệp: Mục tiêu cụ thể đ năm 2005:

- Khoán bảo vệ rừng tự nhiên và rừ trồng đặc dụng, phòng hộ: 35.543 ha, trồ rừng đặc dụng, phòng hộ và rừng kinh 16.800 ha.

- Rừng phòng hộ: Tổng diện tíc 190.456 ha, giải pháp thực hiện: khoanh nu phục hồi rừng: 5.000 ha, khoanh nuôi bả vệ: 26.427 ha, khoán quản lý bảo vệ rừn 57.111 ha, trồng rừng mới: 3.200 ha, gia khoán theo NĐ 01/CP: 98.718 ha.

- Rừng sản xuất: Tổng diện tích: 128.39 ha. Giải pháp thực hiện: khoanh nuôi bả vệ: 51.794 ha, giao khoán theo NĐ 01/C 76.445 ha.

Khai thác rừng: Thực hiện chủ trươn của Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Ph triển nông thôn, từ năm 2001 trở đi sẽ đón cửa rừng, không khai thác gỗ từ rừng nhiên. Tập trung khai thác những nông sả ngoài gỗ theo quy trình, quy phạm của B ban hành.

Sản lượng lâm sản dự kiến: Lồ 25.000.000 cây (bình quân: 5.000.000câ năm), song mây 500.000 sợi (bình quâ 100.000 sợi/năm) và các sản phẩm lâm sả phụ khác.

3/ Thủy lợi: Chủ trương tập trung x dựng công trình thủy lợi tạo nguồn cung c nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày: tiế

cà phê, các loại cây ăn quả với biện pháp khai thác và kỹ thuật tưới phù hợp, tiết kiệm; tạo nguồn cung cấp nước sinh hoạt, nước công nghiệp tại các thị xã, thị trấn, khu công nghiệp; ưu tiên xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ phục vụ chương trình xóa đói giảm nghèo trong tỉnh.

* Mục tiêu: Phấn đấu đưa tổng diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới đạt 28.734 ha (tăng 25% so với năm 2000 tăng 5.860 ha). Trong đó: tưới vụ đông xuân 4.400 ha, tưới vụ đông mùa 16.400 ha, tưới cây rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày 1.500 ha, tưới cây công nghiệp dài ngày 10.834 ha, phục vụ nước sinh hoạt và công nghiệp 6.000 m^3/ngày đêm...

- Kế hoạch phát triển: Dự án Bộ quản lý: 6 dự án trong đó có dự án sửa chữa nâng cấp các hồ chứa thuộc Công ty Cao su Phú Riềng bàn giao cho ngành quản lý. Ước tổng vốn đầu tư: 3.050 triệu đồng và dự án tỉnh quản lý: 35 dự án. Ước vốn đầu tư: 9.858 triệu đồng.

- Thực hiện đầu tư: Bộ quản lý 9 công trình, trong đó có dự án sửa chữa nâng cấp các hồ chứa thuộc Công ty Cao su Phú Riềng bàn giao cho ngành quản lý. Ước tổng vốn đầu tư: 531.437 triệu đồng; tỉnh quản lý: 42 dự án. Ước vốn đầu tư: 291.437 triệu đồng.

4/ Chương trình nước sạch nông thôn: Mục tiêu: Đến năm 2005 cố gắng phấn đấu đạt 80% dân số vùng nông thôn được hưởng nước sạch, 50% hộ dân nông thôn có nhà vệ sinh đạt yêu cầu, xử lý 30% chất thải từ chăn nuôi. Xây dựng mới 15.000 nguồn, bình quân mỗi năm 299 nguồn, phục vụ cho khoảng 177.000 người nâng tổng số người được hưởng lợi lên 442.000 người. Ước vốn đầu tư 75.000 triệu đồng.

5/ Chương trình HTX, trang trại tiểu điền: Mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2005 tổ chức thành lập và hướng dẫn cách làm ăn cho 30 HTX và 7.000 trang trại vào năm 2005.

6/ Kế hoạch đầu tư các chương trình dự án giai đoạn 2001 - 2005: Dự án Bộ quản lý (Cục Khuyến Nông): 06 chương trình dự án: với tổng vốn đầu tư: 3.620 triệu đồng; Dự án tỉnh quản lý: 17 chương trình dự án: với tổng vốn đầu tư: 190.840 triệu đồng.

7/ Ngành công nghiệp chế biến: Tổng diện tích cho SP: 180.000 - 250.000 ha với tổng sản lượng ước tính đến 2005: 280.310 - 350.000 tấn/năm. Gồm:

** Cây hàng năm:* Cây mía: 2.000 ha, sản lượng bình quân: 100.000 tấn/năm, chủ yếu cung ứng nguyên liệu cho nhà máy đường Bình Dương; Cây mỳ: 20.00 ha, sản lượng bình quân: 475.600 tấn/năm; Cây bắp: 7.000 ha, sản lượng bình quân: 21.800 tấn/năm.v.v...

** Cây lâu năm:* Điều: ổn định diện tích: 70.524 ha, sản lượng bình quân: 88.400 tấn (NS: 1,3 tấn/ha); Cao su: diện tích: 90.000 ha, sản lượng: 116.910 tấn (NS: 1,299 tấn/ha/năm); Tiêu: 8.000 ha, sản lượng bình quân: 26.000 tấn/năm; Cây ăn quả đạ 15.000 ha, sản lượng bình quân: 40.000 - 60.000 tấn/năm và Dứa Cayen: diện tích 500 ha, sản lượng: 45.000 tấn/năm (NS: 9(tấn/ha).v.v...

Chăn nuôi: Đến năm 2005 đạt số lượng sau: Trâu bò: 40.000 - 45.000 con; Heo thị 156.500 con; Gia cầm: 1,8 - 2 triệu con./.

NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TỈNH CẦN THƠ TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

PHAN TÂN TIẾN
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Cần Thơ

Tỉnh Cần Thơ nằm về phía Tây sông Hậu, thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có tọa độ địa lý từ 9°10'17" vĩ Bắc và từ 105°14'13" đến 106°15'57" kinh Đông. Địa giới hành chính tiếp giáp 6 tỉnh: Bắc giáp tỉnh An Giang và Đồng Tháp; Nam giáp Sóc Trăng; Đông giáp Vĩnh Long; Tây giáp tỉnh Kiên Giang và Bạc Liêu.

Với vị trí trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long, Cần Thơ có hệ thống giao thông thủy bộ khá thuận tiện trong việc giao lưu Kinh tế – Văn hóa với các tỉnh trong vùng; với địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam và cả Phnom Pênh (Campuchia).

Tỉnh Cần Thơ có diện tích tự nhiên 2.962 km^2, chiếm 7,8% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó 84% được dùng vào sản xuất nông nghiệp với diện tích 244.884 ha, là một vùng đất tương đối bằng phẳng với cao độ phổ biến khoảng + 1m, thích hợp cho việc thâm canh tăng vụ các loại cây lương thực, thực phẩm, cây ăn quả, cây công nghiệp nhiệt đới.

NÔNG NGHIỆP

Tỉnh Cần Thơ có tiềm năng kinh tế đa dạng và ngày một phát triển. Với diện tích đất nông nghiệp 244.840 ha (năm 2000), trong đó có gần 70% là đất phù sa được sử dụng hợp lý bao gồm: 175.000 ha trồng lúa, 41.000 ha vườn cây ăn quả, hơn 26.000 ha trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây thực

phẩm và hơn 2.300 ha mặt nước có đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Lúa là cây trồng chính, qua nhiều năm ứng dụng các kỹ thuật canh tác tiến bộ nên đến nay có hơn 98% diện tích gieo trồng 2-3 vụ/năm, sản lượng đạt trên 1,85 triệu tấn lúa hàng hóa có thể huy động để chế biến xuất khẩu 5-600.000 tấn gạo. Sản lượng này sẽ tiếp tục gia tăng nếu có sự đầu tư tốt hơn về các điều kiện canh tác, giống mới, công nghệ bảo quản và chế biến sau thu hoạch.

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ KINH TẾ NÔNG THÔN

1. Nhiệm vụ:

Gắn phát triển nông nghiệp – kinh tế nông thôn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đáp ứng ngày càng cao cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, nâng cao đời sống nông dân.

2. Các mục tiêu cụ thể:

- Giá trị gia tăng (VA) tăng bình quân: 3,50 – 4% (2001–2005); 3-3,5% (2006-2010); tổng hợp tăng 3,30-3,70% (2001-2010).

- Cơ cấu ngành nông nghiệp: giảm tương đối tỷ trọng ngành trồng trọt từ 88,78% (năm 2000) xuống còn 83,34% (năm 2005) và 77,61% (2010). Tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi – thủy sản từ 10,6% (năm 2000) lên 16,10% (năm 2005) và 21,9% (năm 2010). Trong ngành trồng trọt cơ cấu giá trị sản xuất lúa giảm từ 58,2% (năm 2000) xuống còn 52,6% (năm 2005) và 49,35% (năm 2010), cơ cấu giá trị cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày, rau màu từ 41,8% (năm 2000) tăng lên 47,4% (năm 2005) và 50,65% (năm 2010).

- Tỷ suất hàng hóa tăng từ 65% (năm 2000) lên 75% (năm 2005) và 80% (năm 2010). Giá trị sản xuất/ha/năm tăng bình quân 3,2% năm; lợi nhuận/ha/năm tăng bình quân 4%/năm.

3. Định hướng phát triển nông nghiệp – nông thôn:

- Sản xuất nông nghiệp gắn với bảo quản sau thu hoạch, công nghệ chế biến hiện đại, thị trường tiêu thụ, đa dạng sản phẩm tinh chế, tăng giá trị nông sản, thúc đẩy công nghiệp - dịch vụ phát triển.

- Mở rộng hợp tác đầu tư trong và ngoài nước để xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung chất lượng cao.

- Phát triển công nghiệp nông thôn đi đôi với phát triển dịch vụ và đô thị hóa nông thôn, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa thành thị và nông thôn, các khu công nghiệp với nông thôn.

- Củng cố hoạt động của các nông lâm trường theo hướng sản xuất nông – công nghiệp và kinh doanh kết hợp. Phát triển các hình thức hợp tác thích hợp với điều kiện của từng địa bàn, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất – kinh doanh.

Gắn phát triển nông nghiệp với mục tiêu phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như: điện, đường, trường, trạm, chợ, nhà ở, nước sạch... Phát triển nông nghiệp kết hợp với giải quyết tốt các vấn đề xã hội và môi trường tự nhiên, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo

CAO BẰNG TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG LÂM NGHIỆP

NGUYỄN ĐÌNH CHƯƠNG

Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Cao Bằng

I.- ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

Cao Bằng là tỉnh vùng cao biên giới, nằm ở tọa độ địa lý 20°02' đến 20°08' vĩ độ Bắc và 105°40' đến 106°0' độ kinh Đông. Khí hậu đặc trưng của Cao Bằng là nhiệt đới gió mùa. Hằng năm có mùa nóng và mùa lạnh rõ rệt. Mùa lạnh thường bắt đầu từ hạ tuần tháng 10 và kéo dài khoảng 155 ngày. Nhiệt độ không khí trung bình năm 21°C, tối cao trung bình 32°C và tối thấp trung bình là 9,1°C. Xét bình diện chung, Cao Bằng là một trong những tỉnh mưa tương đối ít ở Bắc Việt Nam - Tổng vũ lượng hằng năm vào khoảng 1.200 mm đến 1.900 mm. Lượng mưa từ tháng 5 đến tháng 10 thường chiếm tới 70% tổng lượng mưa cả năm.

Cao Bằng có 8.444,6 km² diện tích tự nhiên. Trong đó diện tích sử dụng vào mục đích nông nghiệp chiếm gần 9% (74.736 ha), ha) ; Độ che phủ của rừng còn 14%, đất trống đồi núi trọc chiếm tới 76% tổng diện tích tự nhiên. Cao Bằng có nguồn tiềm năng về khoáng sản : quặng sắt (trữ lượng trên 80 triệu tấn), quặng mangan (6 triệu tấn), quặng nhôm (trên 200 triệu tấn) ; ngoài ra, còn có quặng thiếc, đồng, vàng, bạc, chì, kẽm, vônfram, Uraniom, đá quí... nhưng chưa được khai thác.

Thiên nhiên và lịch sử ưu ái ban cho Cao Bằng bức tranh đẹp về du lịch : quê hương của huyền thoại Thạch Sanh, đền vua Lê, thành nhà Mạc, Pắc Bó... cùng với các danh lam thắng cảnh nổi tiếng : Hồ Ba Bể, hồ Thăng Hen, thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao (một trong những hang động đẹp vào loại nhất nhì thế giới - theo lời đánh giá của vị chuyên gia hang động của Hội hang động Hoàng gia Anh)... Nhưng chưa được

Dân số tỉnh Cao Bằng có 63 vạn người (năm 1994). Đó là cộng đồng của nhiều dân tộc. Dân tộc Tày chiếm 43%, dân tộc Nùng chiếm 30%, còn lại là các dân tộc Dao, Mông, Kinh, Hoa, Sán Chỉ, Lô Lô, Qui Châu...

II.- NÔNG LÂM NGHIỆP CAO BẰNG TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI :

Cùng với sự phát triển đi lên của cả nước, sản xuất nông lâm nghiệp của cả tỉnh đã có những bước tăng trưởng khá và ổn định. Sản lượng lương thực từ năm 1995 đến nay tăng bình quân 5,26% (năm 1995 đạt 151.235 tấn, năm 1996 đạt 147.972 tấn, năm 1997 đạt 165.000 tấn), bình quân lương thực trong tỉnh đạt 311 kg/người/năm. Đạt những kết quả trên là nhờ có chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp trong tỉnh, mạnh dạn áp dụng các giống ngô, lúa có năng suất cao vào sản xuất, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật trong Nông nghiệp, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng. Về chăn nuôi, đàn gia súc gia cầm cũng có những bước phát triển ổn định, nhịp độ tăng trưởng bình quân của đàn trâu: 4%, đàn bò: 3,5%, đàn gia cầm: 5%.

Trong lâm nghiệp, mặc dù chương trình 327 chưa thực hiện được theo yêu cầu kế hoạch đề ra nhất là khâu trồng rừng, nhưng nhờ giao đất, giao rừng nên rừng tự nhiên đã được khoanh nuôi, bảo vệ, rừng tái sinh được phục hồi đưa tỷ lệ che phủ từ 14% năm 1995 lên 24% năm 1997.

Một trong những bước chuyển biến mới trong sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh là xóa được thế độc canh cây lương thực chuyển sang phát triển tổng hợp, kết hợp giữa trồng trọt và chăn nuôi, gắn nông nghiệp với lâm nghiệp, định canh định cư và phát triển các vùng kinh tế mới.

Để phát triển nông, lâm nghiệp và PTNT, Cao Bằng tập trung sức làm tốt các chương trình kinh tế nông lâm nghiệp để thực hiện Nghị quyết VI của Trung ương Đảng :

Về phát triển sản xuất nông nghiệp có các chương trình: Sản xuất lương thực, chăn nuôi, chương trình mía đường, chương trình phát triển các cây có lợi thế mũi nhọn của tỉnh như thuốc lá, đỗ tương, cây ăn quả.

Về chương trình trồng rừng:

Mục tiêu đến năm 2010, trồng mới 15.000 ha rừng.

- Rừng phòng hộ 85.000 ha
- Rừng ván nhân tạo 10.000 ha
- Rừng chế biến lâm sản 5.000 ha
- Rừng gỗ XDCB 10.000 ha
- Rừng đặc sản (quế, hồi, dẻ) 15.000 ha

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cao Bằng tha thiết mong sự giúp đỡ của Trung ương, các cấp các ngành. Mong sự giúp đỡ và hợp tác của các cơ quan đơn vị ở trong và ngoài nước vì sự nghiệp phát triển các tỉnh vùng sâu, vùng xa như tỉnh Cao Bằng của chúng tôi.

III.- NHỮNG CÂY TRỒNG VÀ SẢN PHẨM CÓ TIẾNG

CÂY ĐẬU TƯƠNG CAO BẰNG

Đậu tương (Glyenie Hispida masc) là loại cây được người nông dân tỉnh Cao Bằng gieo trồng từ lâu. Những năm gần đây, diện tích sản lượng đậu tương của Cao Bằng thường dao động trong khoảng 7.500 đến 9.000 ha và đạt trên 6.000 tấn mỗi năm.

Vùng sản xuất đậu tương truyền thống của tỉnh Cao Bằng nằm tại các huyện miền Đông của tỉnh. Đó là vùng các thung lũng núi đá vôi có độ cao từ 500 đến 600 mét so với mặt nước biển.

Đậu tương hạt của Cao Bằng đã đoạt Huy chương vàng tại Hội chợ Triển lãm Giảng Võ - Hà Nội trong nhiều năm qua và luôn được người tiêu dùng ưa thích.

Nét nổi bật của đậu tương Cao Bằng là hàm lượng Proteine trong hạt đạt rất cao,

khoảng 47-50%. Công nghiệp chế biến sữa thực vật và chế biến các loại sản phẩm khác có liên quan tới Proteine thực vật sẽ có những lợi nhuận cao khi dùng đậu tương Cao Bằng làm nguyên liệu.

Tỉnh Cao Bằng đã đưa vào mục tiêu, năm 2000 diện tích gieo trồng đậu tương sẽ là 17.000 ha và đạt sản lượng khoảng 16.000 tấn đậu tương mỗi năm.

Tỉnh Cao Bằng mong muốn có sự hợp tác đầu tư với các tỉnh trong nước cũng như với các tổ chức trên thế giới về công nghệ sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm đậu tương.

CÂY THUỐC LÁ CAO BẰNG

Cây thuốc lá (Solanacese Nico tiana) là cây trồng quen thuộc đối với người nông dân tỉnh Cao Bằng. Việc trồng thuốc lá vàng sấy lò (Vinginia) đã được phát triển tại Cao Bằng từ những năm 50 của thế kỷ này. Đến nay, trồng thuốc lá đã trở thành nghề truyền thống ở các huyện Hòa An, Hà Quảng, Trùng Khánh, Quảng Hòa, Ngân Sơn và nhiều huyện khác của tỉnh Cao Bằng.

Đã có năm diện tích thuốc lá của Cao Bằng lên tới 4.500 ha và đạt sản lượng gần 2.500 tấn và đã có hơn 1.800 tấn trong số này được dùng làm nguyên liệu hương vị cho công nghiệp sản xuất thuốc lá điếu trong nước trước đây.

Nhìn chung, thời tiết khí hậu và đất đai của tỉnh Cao Bằng phù hợp để trồng cây thuốc lá. Việc đất trồng nghèo đạm nhưng lại giàu lân, kali cũng như canxi và lại nằm ở độ cao trên 300 mét so với mặt nước biển, biên độ chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn đã làm cho thuốc lá của Cao Bằng luôn có chất lượng tốt, hàm lượng nicotine đạt trên 1,8%, cháy đều, tàn trắng, có hương thơm đặc biệt và gây được cảm giác đậm đà, dễ chịu khi hút. Chính điều này đã làm cho thuốc lá Cao Bằng trở nên nổi tiếng trong nước nhiều năm qua và đủ tiêu chuẩn để làm nguyên liệu sản xuất thuốc lá điếu cao cấp.

Tiềm năng về đất đai có thể trồng thuốc lá của Cao Bằng còn rất lớn. Tỉnh Cao Bằng mong muốn có sự hợp tác và cùng đầu tư với các tỉnh, các nhà máy thuốc lá trong nước cũng như với các hãng thuốc lá của các nước trên thế giới về công nghệ sản xuất thuốc lá nguyên liệu, về công nghệ sơ chế và bảo quản thuốc lá nguyên liệu và công nghệ sản xuất thuốc lá cao cấp.

CÂY TRÚC CAO BẰNG

Cây trúc (Pliy Ltostachy Bamburoidor) thuộc họ tre trúc, hệ thân ngầm mọc tản. Trúc Cao Bằng có hai loại là trúc sào, và trúc cần câu.

Trúc sào có đường kính từ 4-8 cm, cao 6-10 m. Trúc cần câu đường kính từ 1-3 cm, cao 5-7 m. Trước đây sản phẩm trúc là mặt hàng xuất khẩu chính của tỉnh sang các nước Đông Âu. Mấy năm gần đây nhờ tiến bộ công nghệ và thị hiếu của thị trường, trúc Cao Bằng đã trở thành mặt hàng ưa chuộng của thế giới, nhất là Đông Nam Á.

Nhờ có thiên nhiên ưu đãi nên trúc Cao Bằng được coi là sản phẩm tốt hơn tất cả trúc ở các địa phương khác. (Hình dáng đẹp, độ bóng cao, màu sắc tự nhiên, mắc chìm, chịu uốn cao, hàm lượng xi-lích dầy), khi chế biến tỷ lệ thành phẩm lớn, sản phẩm giá trị sử dụng cao. Từ nguyên liệu trúc, Cao Bằng đã chế biến được các sản phẩm như mành cao cấp, sào nhảy, gậy trượt tuyết, trang trí nội thất, vườn cảnh, tăm hương, xiên thịt, tăm xỉa răng, và còn chế biến ra các sản phẩm khác...

Thị trường đối với các sản phẩm trên đã được xác định lâu dài, nhu cầu đòi hỏi ngày càng lớn, hiện nay chưa đủ đáp ứng. Trúc Cao Bằng là loại cây thành thục công nghệ sớm. Từ năm bắt đầu trồng đến năm bắt đầu

khai thác chỉ 5 năm. Khai thác chính từ năm thứ 8. Từ năm thứ 8 đến năm thứ 10 có thể khai thác hàng năm 5.000 cây/ha. Từ năm thứ 10 trở đi có nơi đạt 1 cây/m^2/năm, giá bán của rừng ngày càng cao. Trúc có thể trồng ở khắp các đồi núi đất cũng như các thung lũng núi đá. Nay phân bố chủ yếu ở các huyện : Nguyên Bình, Bảo Lạc, Thông Nông, Ba Bể.

Phục vụ cho nhân dân mở rộng diện tích trúc và các đối tác cần tìm hiểu về cây trúc và sản phẩm của trúc, Sở Lâm nghiệp Cao Bằng đã có tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây trúc.

Cao Bằng mong muốn có sự hợp tác đầu tư phát triển và chế biến về cây trúc với các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước.

CÂY DẺ ĂN QUẢ TRÙNG KHÁNH

Cây dẻ ăn quả Trùng Khánh có tên khoa học là : Castarea Mollissinu. Cây dẻ cho sản phẩm chính là quả, được trồng từ lâu ở huyện Trùng Khánh (Cao Bằng) nên nó mang tên "dẻ ăn quả Trùng Khánh".

Quả dẻ bỏ phần vỏ đi còn hạt, hạt dẻ được chế biến làm nhiều món ăn rất ngon, có mùi vị đặc biệt. Món ăn từ hạt dẻ của đồng bào Trùng Khánh thường dùng là hạt dẻ ăn với cốm và hạt dẻ ninh với chân giò lợn. Vì thế, khách đến Cao Bằng đều muốn thưởng thức món hạt dẻ ninh chân giò và thường mua hạt dẻ về làm quà.

Hiện nay hạt dẻ ở Cao Bằng thường chưa đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và ngoài tỉnh. Khi mùa thu hoạch hạt dẻ đến, khách từ mọi nơi đổ về Cao Bằng mua hạt dẻ. Khách nước ngoài cũng rất thích các món ăn từ hạt dẻ và đã có thị trường nước ngoài quan tâm đến hạt dẻ Trùng Khánh.

Cây dẻ ăn quả Trùng Khánh từ lâu đã là một đặc sản ở miền núi Cao Bằng, được đồng bào trồng khá nhiều trên những vùng đất dốc quanh sườn đồi. Cây dẻ ăn quả Trùng Khánh dễ trồng và trồng được trên đất dốc, đất nghèo kiệt, đất sau nương rẫy. Cây dẻ trồng 5 năm đã cho quả và càng nhiều năm càng cho sản lượng cao hơn. Những cây dẻ 30 năm tuổi trở lên mới được chọn lấy hạt làm giống.

Do hiệu quả kinh tế cao hơn hẳn nhiều cây trồng khác, nên cây dẻ ăn quả Trùng Khánh đã nhanh chóng được trồng ở các huyện khác của Cao Bằng. Trước đây, toàn tỉnh đã có tới 500 ha cây dẻ ăn quả, riêng Trùng Khánh có 300 ha. Nhưng sau chiến tranh biên giới năm 1979, rừng dẻ bị tàn phá nghiêm trọng.

Để phát triển cây ăn quả đặc sản này, tỉnh Cao Bằng đã có Nghị quyết đưa diện tích cây dẻ lên 3.000 ha trong năm 2000. Một số dự án phát triển cây dẻ đang được triển khai. Trước hết là huyện Trùng Khánh có dự án trồng 1.000 ha cây dẻ. Tiếp đến là dự án trồng dẻ ở 42 xã vùng biên giới với diện tích 1.700 ha.

Việc khôi phục và phát triển, cây dẻ ăn quả Trùng Khánh của Cao Bằng đang được nhân dân hưởng ứng vì cây dẻ mang lại hiệu quả kinh tế cao mà đầu tư vốn không nhiều. Trồng dẻ ăn quả là một hướng rất rõ trong chương trình xóa đói giảm nghèo, đồng thời có tác dụng phủ xanh đất trống đồi núi trọc có hiệu quả. Vấn đề đặt ra trong các dự án phát triển cây dẻ ở Cao Bằng là ngay từ bây giờ cần nghiên cứu biện pháp chế biến bảo quản hạt dẻ.

Cao Bằng mong muốn được cùng đầu tư phát triển diện tích cây dẻ ăn quả Trùng Khánh và công nghệ chế biến, bảo quản sản phẩm hạt dẻ với các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước.

DAK LAK
THÀNH TỰU, TIỀM NĂNG VÀ NHỮNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

NGUYỄN VĂN LẠNG
Phó Chủ tịch UBND tỉnh Dak Lak

Dak Lak - tỉnh lớn nhất nước hiện nay với diện tích 19.535 km^2. Nằm trên cao nguyên Nam Trung bộ, tỉnh Dak Lak trải dài từ 11°45' - 13°45' vĩ tuyến Bắc và trải rộng từ 107°12' - 108°54'kinh Đông; phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, Nam giáp các tỉnh Lâm Đồng và Bình Phước, Đông giáp các tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, Tây giáp tỉnh Mundulkiri của Campuchia với đường biên giới dài 140 km.

Dak Lak - vùng đất có truyền thống lịch sử kiên cường. Từ những người anh hùng Dam San, Y Thih, Tiăng trong truyền thuyết - sử thi của các dân tộc Êđê và Mnông, đến những phong trào khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược của Nơ Trang Gưh, Nơ Trang Lơng, Y Jút, Ama Jhao, Ôi H'Mai... đến cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Dak Lak là nơi đã diễn ra chiến thắng Buôn Ma Thuột ngày 10/3 mùa Xuân 1975 - một dấu son

trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Dak Lak - vùng đất văn hóa độc đáo. Có đàn đá Ndut Liêng Krăk, tháp Chăm Yang Proong, trống đồng Đông Sơn; có tiếng cồng chiêng rộn rã, tượng nhà mồ uy nghiêm, men rượu cần ngất ngây, câu hát giao duyên đằm thắm, những bản trường ca bất tận trong đêm hội buôn làng; có ngày hội đua voi, thắng cảnh hồ Lăk, các thác nước Dray H'Ling, Dray Sáp, Gia Long... hấp dẫn, lôi cuốn du khách trong các tour du lịch sinh thái và du lịch văn hóa.

Dak Lak - vùng đất thiên thời. Khí hậu ôn hòa có 02 mùa mưa nắng rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; nhiệt độ trung bình 24°7C, lượng mưa trung bình 2.166 mm/năm, độ cao trung bình 500 - 700 m so với mặt biển.

Dak Lak - vùng đất địa lợi. Nguồn tài nguyên khoáng sản quý giá, giàu trữ lượng, gồm: bô-xit, cao lanh, vàng, chì, phốt-pho, thiếc, ăng-ti-moan, kim loại quý, đá quý..., 730.000 ha đất bazan màu mỡ, lý tưởng cho việc phát triển cây công nghiệp; trên 1 triệu ha rừng và đất rừng, cho phép hàng năm khai thác từ 70.000 - 100.000 m^3 gỗ, chiếm 20% sản lượng gỗ khai thác của cả nước; có vùng đồng cỏ rộng lớn thuận lợi cho phát triển chăn nuôi đại gia súc; có nguồn động vật phong phú và quý giá, gồm 93 loài thú và 197 loài chim, trong đó có đến 32 loài thú quý hiếm có tên trong Sách đỏ.

Dak Lak - vùng đất nhân hòa. Đất lành chim đậu, dân số toàn tỉnh nay đã có gần 1,8 triệu người thuộc 40 thành phần dân tộc khác nhau - một hình ảnh thu nhỏ của đất nước Việt Nam. Nguồn nhân lực dồi dào với 20.000 cán bộ khoa học có trình độ trung cấp, đại học, trên đại học; 14.000 công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề được đào tạo. Ngoài ra còn phải kể đến nhiều cơ sở nghiên cứu của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Năm 1999, Dak Lak được công nhận là tỉnh đạt chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học và xóa nạn mù chữ.

Dak Lak - vùng đất gần gũi với mạng lưới giao thông, thông tin thuận tiện. Đường hàng không từ thành phố Buôn Ma Thuột đi Đà Nẵng, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Các quốc lộ 14, 26, 27 được nâng cấp, nối liền các tỉnh Tây Nguyên, miền Trung, Đông Nam bộ. Đường từ tỉnh đến các trung tâm huyện được nhựa hóa và có đường ô-tô đến với 158 xã trong tỉnh. Sóng truyền hình phủ đến trên 80% diện tích toàn tỉnh. Nhiều cơ quan thống tấn, báo chí lớn có trụ sở, đại diện thường trú tại Dak Lak như các báo: Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Lao Động, Thanh Niên, Tiền Phong, Xây Dựng, Công Nghiệp, Doanh Nghiệp... và cơ quan Đài Tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên. Bưu điện phát triển nhanh, có 180/204 xã, phường có điện thoại, bình quân 100 người dân có 2 máy điệnthoại. Từ Dak Lak có thể thông tin liên lạc được với tất cả các nơi trong cả nước và các nước trên thế giới.

Dak Lak - vùng đất kinh tế tăng trưởng.

- *Nông nghiệp:* hiện có 175.000 ha cà phê với sản lượng khoảng 260.000 tấn, 27.000 ha cao su, 8.500 ha điều, 5.000 ha tiêu, trên 10.000 ha bông, gần 10.000 ha mía, 40.500 ha đậu các loại, 93.100 ha đất trồng cây lương thực, trong đó có 25.500 ha lúa nước vụ mùa với sản lượng đạt 380.000 tấn.

- *Chăn nuôi:* hiện nay có 23.107 con trâu, 120.440 con bò, 382.037 con heo, 2,5 triệu gia cầm các loại, 8.300 con dê, 265 con hươu, 35.000 đàn ong...

- *Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp* chủ yếu gồm các ngành điện năng, hóa chất, cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, chế biến nông sản và lương thực thực phẩm, may mặc, in... trong đó, các ngành công nghiệp chế biến: gỗ, nông sản và lương thực thực phẩm chiếm tỷ lệ 63% toàn ngành. Thủy điện Dray H'Ling công suất 12.000 kw đã hòa nhập lưới điện quốc gia. Đến nay, đã có 123 xã, phường có điện lưới quốc gia.

- *Xuất khẩu* chủ yếu là các mặt hàng nông, lâm sản. Nhập khẩu các mặt hàng vật tư, xăng dầu, thuốc trừ sâu, sắt thép, phân bón, máy móc phục vụ sản xuất, xây dựng, hàng tiêu dùng... Năm 1999, xuất khẩu được 318 triệu USD và thu hút 26,5 triệu USD vốn đầu tư.

- *Mạng lưới thương mại - dịch vụ* phong phú với nhiều thành phần kinh tế tham gia. Hệ thống khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế. Trong cơ cấu kinh tế hiện nay, công nghiệp và xây dựng chiếm 8,72%, nông - lâm nghiệp chiếm 74,13%, dịch vụ chiếm 17,16%.

- *Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm* bình quân trên 10%. Thu nhập quốc dân tăng 10,5%. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế đạt bình quân từ 10-15%. GDP bình quân đầu người đạt gần 350 USD.

Dak Lak và quan hệ quốc tế. Dak Lak có quan hệ thương mại, liên doanh sản xuất, nghiên cứu khoa học và bảo vệ môi trường với nhiều quốc gia trên thế giới:

- Châu Mỹ: Mỹ, Canada, Mexico, Cuba.

- Châu Âu: Nga, Anh, Pháp, Đức, Ý, Đan Mạch. Hòa Lan, Bỉ, Thụy Điển, Áo, Ireland.

- Châu Á: Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật, Đài Loan, Thái Lan, Singapore, Philippin, Campuchia, Indonesia, Malaysia.

- Châu Úc: Australia

Dak Lak - Những dự án kêu gọi đầu tư:

1. Chế biến cao su thành phẩm.

2. Chế biến cà phê hòa tan, rang, xay.

3. Xây dựng Nhà máy sản xuất thực phẩm đóng hộp.

4. Chăn nuôi bò và chế biến thịt, sữa bò.

5. Trồng và chế biến nông đặc sản xuất khẩu.

6. Trồng rừng và sản xuất bột giấy, giấy.

7. Trồng rừng và sản xuất gỗ ván dăm.

8. Khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản.

9. Khai thác và chế biến quặng bauxite.

10. Xây dựng siêu thị.

11. Lắp ráp máy móc nông nghiệp.

12. Xây dựng khu du lịch hồ Lăk

13. Xây dựng khu du lịch Buôn Đôn.

14. Xây dựng khu du lịch hồ Ea Kao.

15. Xây dựng cụm du lịch thác: Trinh Nữ, Dray Sáp, Gia Long.

16. Xây dựng khu du lịch sinh thái.

17. Trồng cao su (3 dự án).

18. Trồng và chế biến ca cao.

19. Chế biến tinh bột ngô.

20. Chế biến tinh dầu thực vật.

21. Chế biến các sản phẩm sau đường (cồn, rượu, nước giải khát, bánh kẹo...).

22. Chế biến thức ăn cho gia súc.

23. Chế biến hàng mộc mỹ nghệ xuất khẩu.

24. Xây dựng khu đô thị Đông Bắc thành phố Buôn Ma Thuột.

25. Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng./.

NÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG THÁP
NHỮNG THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2010

LÊ VĂN THÔI
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Tháp

NHỮNG THÀNH TỰU TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Hai mươi lăm năm sau ngày giải phóng, tỉnh Đồng Tháp đã quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như thủy lợi, giao thông, điện, thông tin liên lạc...., đầu tư cho công tác khoa học công nghệ, công tác khuyến nông đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp luôn luôn phát triển ổn định và bền vững. Trong 5 năm gần đây, tốc độ giá trị tổng sản lượng nông nghiệp bình quân hàng năm tăng 9,25%. Sản phẩm nông nghiệp ngày càng đa dạng và phong phú, nhiều ngành nghề được khôi phục và mở rộng thu hút nhiều lao động vào sản xuất kinh doanh nông - lâm - ngư - nghiệp.

Với những điều kiện thuận lợi như đất đai phì nhiêu rất thích hợp với loại cây trồng, nguồn nước ngọt dồi dào, có khả năng tưới tiêu cho toàn bộ diện tích canh tác của tỉnh, hàng năm đất đai được một lượng phù sa bồi đắp rất đáng kể. Phát huy những thuận lợi đó cùng với trình độ sản xuất, kỹ thuật thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật đặc biệt là việc đưa các giống cây con mới có năng suất và chất lượng ngày càng

cao vào sản xuất và sự cần cù của người dân Đồng Tháp, hàng năm đã cung cấp khối lượng đáng kể về nông sản thực phẩm bao gồm: 1.900.000 tấn lúa, trong đó lúa hàng hóa 1.200.000 tấn, 60.000 - 70.000 tấn rau đậu thực phẩm, 15.000 tấn đậu nành, 80.000 - 100.000 tấn mía cây, 8.000 - 10.000 tấn bắp, 5.000 tấn bố lác, 1.000 tấn thuốc lá vàng, 60.000 tấn trái cây đặc sản, 15.000 tấn thịt heo hơi, 75.000 tấn thịt gia cầm và hơn 30.000 tấn thủy sản... Những nông sản thực phẩm này đáp ứng đủ cho nhu cầu tiêu dùng và chế biến xuất khẩu.

Đến nay , diện tích gieo trồng lúa cả năm là 415.000 ha, năng suất bình quân năm đạt 49 tạ/ha. Thời vụ được bố trí 2 vụ chính và 1 vụ thu đông :

*Vụ đông xuân : 200.000 ha
*Vụ hè thu : 190.000 ha
*Vụ thu đông : 40.000 ha

Vùng rau chuyên canh có 4.500 ha, vùng đậu nành hơn 8.000 ha được bố trí luân canh giữa hai vụ lúa trên vùng đất ven sông Tiền và sông Hậu, vùng bắp 3.000 ha, vùng mía 2.500 ha được trồng ở ven sông và trên nền đất phù sa cổ. Tỉnh cũng triển khai thực hiện chương trình cải tạo vườn tạp để phát triển vườn cây ăn trái hiện có 16.700 ha. Vườn trồng các giống cây có giá trị như : cam, quýt, xoài, nhãn..., quy hoạch mở rộng vùng trồng hoa, cây kiểng ở thị xã Sa Đéc tạo cảnh quan môi trường phục vụ du lịch giải trí.

Chăn nuôi cũng có chiều hướng phát triển khá với tổng đàn heo đạt 180.000 con, đàn gà vịt lợn hơn 3.000.000 con. Đồng Tháp đang đầu tư thực hiện chương trình nạc hóa đàn heo, phát triển giống gà vịt có năng suất thịt và trứng cao.

Thủy sản là tiềm năng thứ hai của tỉnh Đồng Tháp sau trồng trọt. Trước đây chỉ khai thác tự nhiên, trong những năm gần đây chuyển mạnh sang nuôi trồng với nhiều loại hình phong phú như : nuôi cá bè lồng, nuôi ao hầm, nương vườn, nuôi nhử bảo tồn cá đồng tự nhiên trên ruộng lúa, hồ rừng. Với các đối tượng nuôi là tôm, cá bống tượng, cá bông, cá lóc, cá Basa, cá tra, cá rô phi đỏ, cá trê lai...Toàn tỉnh đã có 13.000 ha diện tích nuôi tôm, cá và giữ cá đồng, diện tích nuôi thủy sản phát triển ngày càng mạnh và đi vào ổn định, có khả năng mở rộng đến 30.000 ha trong tương lai. Nghề nuôi cá bè ở Đồng Tháp phát triển mạnh trên các vùng sông rạch ở huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Cao Lãnh , thị xã Sa Đéc... Với hơn 2.000 bè nuôi các loại cá đặc sản có giá trị.

Trồng rừng khôi phục môi sinh môi trường và bảo vệ sản xuất, bảo vệ dân cư vùng lũ lụt đã được quan tâm đẩy mạnh. Tổng diện tích rừng phòng hộ tập trung của tỉnh hiện có 9.670 ha, và hơn 24 triệu cây phân tán được trồng trong 5 năm qua theo các tuyến biên giới, tuyến dân cư, kênh nương lộ giao thông đang được chăm sóc và bảo vệ.

Song song với những thành tựu trong sản xuất nông nghiệp còn có những hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển đó là cơ chế

kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp còn mang tính thuần nông độc canh cây lúa là chính, ứng dụng cơ giới hóa các khâu trước, trong sản xuất và sau thu hoạch còn rất thấp. Công nghiệp chế biến còn lạc hậu, nên chưa tạo được sản phẩm có giá trị về kinh tế và xuất khẩu. Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản thường không ổn định, giá cả bấp bênh.

Tuy còn nhiều khó khăn tồn tại nhưng nhìn chung sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp liên tục tăng trưởng, đạt nhiều thành tựu đáng kể cả về số lượng, chất lượng và giá trị; đời sống và sinh hoạt của nông dân ngày càng được cải thiện.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2010:

Thực hiện quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2010, Đồng Tháp đã có chủ trương tập trung sức phát triển nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng có năng suất, chất lượng và hiệu quả bảo đảm độ bền vững về kinh tế hợp lý, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân.

Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và kinh tế nông thôn sẽ phát triển đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh, cung cấp nguyên liệu chế biến, tăng thêm hàng hóa xuất khẩu. Sản xuất hàng hóa đa dạng phát huy được lợi thế của từng vùng sinh thái, sản xuất nông-lâm ngư nghiệp kết hợp với công nghệ chế biến và dịch vụ phục vụ sản xuất. Sản phẩm hàng hoá phải dựa trên nền tảng của sự phát triển khoa học và công nghệ gắn với nâng cao dân trí cho nông dân. Sản xuất nông nghiệp phải theo hướng chuyên môn hóa, hợp tác hóa ngày càng cao và có quan hệ hợp tác với cả nước và nhất là trong khu vực.

Tập trung đầu tư đúng mức cho công tác thủy lợi hóa, điện khí hóa, sinh học hóa, xây dựng các cơ sở nghiên cứu sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi, cung cấp dịch vụ kỹ thuật. Với mục tiêu định hướng trên cơ cấu sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp đến năm 2010 như sau:

1. Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp 433.600 ha, trong đó, cây hàng năm là 412.600 ha.

- Diện tích canh tác lúa ổn định ở mức 200.000 ha với sản lượng 2 triệu tấn/năm, trồng các giống cao sản, đặc sản, tập trung đầu tư đổi mới công nghệ chế biến lúa gạo để nâng cao chất lượng hiệu quả xuất khẩu.

- Diện tích hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày tăng cao do điều kiện bố trí cơ cấu sản xuất 2 lúa và 1 vụ màu hoặc 1 lúa 2 vụ màu, diện tích gieo trồng đến năm 2010 là 85.000 ha (trong đó cây công nghiệp ngắn ngày là 47.000 ha) sản xuất các loại nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, phát triển sản xuất rau đậu thực phẩm quanh th xã, các khu công nghiệp, từng bước đi vào sản xuất rau sạch.

Diện tích cây ăn quả: tiếp tục thực hiện chương trình cải tạo vườn tạp, trồng một số cây ăn quả chủ lực như : xoài, nhãn, cam quýt, diện tích là 25.000 ha.

2. Chăn nuôi thủy sản: Đầu tư phát triển để đạt tỷ trọng trong cơ cấu ngành nông nghiệp ở mức 30% đến năm 2010 tăng

gấp 2 lần so với năm 1995 gồm:

Chăn nuôi gia súc gia cầm : heo, gà vịt theo hướng bán công nghiệp và công nghiệp đạt sản lượng 65.000 tấn/năm.

Thủy sản : Mở rộng nghề nuôi trồng, sử dụng tốt tiềm năng mặt nước hiện có với các mô hình nuôi như bè lồng, mương vườn, ao hầm, nuôi nhử trong hồ rừng ...Áp dụng các kỹ thuật mới tiên tiến vào nuôi trồng thủy sản như con giống, thức ăn công nghiệp cho tôm cá... sản lượng thủy sản hàng năm 124.000 tấn.

3. Lâm nghiệp : Ổn định giữ vững diện tích rừng tập trung khoảng 10.000 ha, tăng cường điều chế và bảo vệ rừng, tập trung trồng 65 triệu cây phân tán thành các băng đai cây để chắn sóng gió bảo vệ môi trường, bảo vệ cụm tuyến dân cư, bảo vệ bờ bao, kênh mương, lộ giao thông, kết hợp tạo vành đai cây xanh tuyến biên giới và phòng hộ cho sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện nhiệm vụ trên, Đồng Tháp đã và đang triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh tế nông - lâm-ngư nghiệp, kinh tế nông thôn và có những giải pháp cụ thể về : cơ chế chính sách, về khoa học công nghệ, khuyến nông, đất đai, xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế đối ngoại và đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ dân trí, hướng nghiệp dạy nghề để chuyển dịch. Nhanh chóng đưa kinh tế nông nghiệp nông thôn Đồng Tháp phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa./.

NÔNG NGHIỆP GIA LAI TRÊN CON ĐƯỜNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA

BÙI KẾ NGHIỆP
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Gia Lai

Gia Lai là tỉnh nằm ở phía Bắc Cao Nguyên Trung bộ, Bắc giáp Kon Tum, Nam giáp Dak Lak, Tây giáp Campuchia và phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Diện tích tự nhiên khoảng 1.660 km^2, độ cao trung bình 600 - 800 m, dân số trên 800 ngàn người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 49%.

Nông nghiệp :

Gia Lai là tỉnh có tài nguyên thiên nhiên và tiềm lực kinh tế rất phong phú đa dạng.

Từ một nền nông nghiệp mang tính thuần nông, tự cung tự cấp, độc canh cây lương thực đã chuyển sang nền sản xuất hàng hóa. Đến nay đã hình thành nhiều vùng sản xuất chuyên canh tập trung gắn với chế biến cho khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn.

Vùng cao su, cà phê, chè, tiêu tập trung ở các huyện phía Tây tỉnh, năm 2000 đạt 123.296 ha, tăng 4,5 lần so với năm 1990.

Vùng điều ở Krông Pa và các huyện phía Đông đạt 8.000 ha.

Vùng mía tập trung ở Ayunpa, An Khê và một số huyện khác đạt 14.500 ha, tăng 10 lần so với năm 1990.

Diện tích ngô lai phát triển nhanh, đạt 14.000 ha, tăng 9 lần so với năm 1995.

Diện tích lúa nước 2 vụ đạt 14.160 ha, tăng 2,5 lần so với năm 1990.

Sản lượng lương thực qui thóc đạt 286.400 tấn, tăng 1,8 lần so với năm 1990.

Đàn trâu bò tổng số : 305.000 con, tăng 1,7 lần so với năm 1990.

Đàn heo : 290.000 con, tăng 1,5 lần so với năm 1990.

Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của ngành nông-lâm-thủy lợi liên tục tăng:

Giai đoạn 1991 - 1995 : 8,9%/năm.

Giai đoạn 1996 - 2000 : 10,1%/năm.

Bên cạnh phát triển về diện tích các loại cây trồng, tăng số lượng đàn gia súc đã chú trọng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra bước phát triển về chất trong sản xuất nông nghiệp.

Nhiều tiến bộ kỹ thuật, nhất là tiến bộ về giống liên tục được đưa vào sản xuất như các giống lúa cho năng suất cao : IR 17494, TH 85, TH 28... Các giống lúa lai CPDK 999, LVN 10, Bioseed v.v...các giống cây ăn quả đặc sản; các giống heo lai, bò lai, các giống gia cầm cho năng suất cao v.v...đã tạo chuyển biến nhanh về năng suất.

Năng suất lúa tăng từ 18,8 tạ/ha lên 29,4 tạ/ ha.

Năng suất ngô tăng từ 15 tạ/ha lên 30 tạ/ ha.

Năng suất cà phê nhân tăng từ 4,5 tạ/ha lên 21 tạ/ha.

Tỷ lệ heo lai tăng từ 20% lên 52% .

Tỷ lệ bò lai tăng từ 1,5% lên 25%.

Các hoạt động dịch vụ cơ khí nông nghiệp, chế biến nông sản, cung ứng vật tư v.v... đã đáp ứng yêu cầu sản xuất có hiệu quả, nhất là hoạt động cơ giới, chế biến v.v...Những khu vực sản xuất hàng hóa tập trung, dịch vụ về làm đất, tưới tiêu, vận chuyển, chế biến nông sản phát triển nhanh.

Hợp tác xã nông nghiệp tuy chưa phát triển mạnh nhưng đã được củng cố, chuyển hướng sau kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất.

Lâm nghiệp :

Những năm qua, ngành lâm nghiệp đã có nhiều bước phát triển trưởng thành đáng ghi nhận.

Trong 10 năm đã tổ chức trồng được 19.292,8 ha rừng tập trung và 5.888.398 cây phân tán, đặc biệt đã thực hiện phủ xanh có kết quả tại đèo Mang Yang, núi Hàm Rồng, các khu vực phòng hộ Sông Ba, Ialy v.v....

Tổ chức khoán quản lý bảo vệ 123.000 ha rừng với 4.350 hộ tham gia.

Tổ chức nuôi dưỡng 17.403 ha rừng, làm giàu rừng 984 ha.

Gắn việc bảo vệ rừng với tổ chức lại sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn, xúc tiến mạnh công tác giao khoán đất lâm nghiệp, khuyến khích bảo vệ, phát triển rừng.

Thủy lợi :

Trong những năm qua, công tác thủy lợi được quan tâm đầu tư đúng mức, đã phục vụ sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

Đã xây dựng được hệ thống các công trình thủy lợi tưới chủ động cho 23.166 ha, trong đó tưới lúa đông xuân 14.166 ha, tưới cho rau màu và cây công nghiệp 9.000 ha. Ngoài ra sử dụng các biện pháp khác để tưới cho cà phê, tiêu v.v... trên 65.000 ha.

Từ năm 1990 đến năm 2000, 115 công trình thủy lợi được xây dựng, diện tích tưới tăng 13.000 ha so với năm 1990.

Đến nay toàn tỉnh đã xây dựng được 188 công trình thủy lợi kiên cố với năng lực tưới thiết kế 31.904 ha đã khai thác đạt 70% năng lực thiết kế.

PHƯƠNG HƯỚNG - NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA NGÀNH TRONG NHỮNG NĂM TỚI :

Nông nghiệp :

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp bền vững, toàn diện theo hướng nâng cao năng suất - chất lượng - hiệu quả trên cơ sở khai thác tài nguyên hợp lý.

Hình thành cơ chế kết hợp và thúc đẩy lẫn nhau giữa sản xuất - chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng thương phẩm hàng hóa, chuyên canh hóa và hiện đại hóa. Phát triển tổng hợp các ngành nghề nông-lâm-ngư nghiệp và ngành nghề phụ, hình thành cơ cấu hợp lý mang lại hiệu quả cao.

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chương trình an ninh lương thực, đi đôi với phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với định canh định cư. Tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, hình thành nông thôn mới.

NHỮNG MỤC TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2005:

- Cơ cấu GDP theo ngành kinh tế: 43%
- Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm: 9%
- Sản lượng lương thực qui thóc: 375.400 tấn

Tích cực đẩy mạnh công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng mới, khoanh nuôi phục hồi rừng nhằm phát huy chức năng phòng hộ đầu nguồn, cung cấp và điều tiết nước cho các công trình thủy lợi, thủy điện - phát triển lâm nghiệp theo hướng nông - lâm kết hợp gắn với định canh định cư.

Hình thành các vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghiệp sinh học trong phát triển lâm nghiệp; đặc biệt coi trọng giống, công nghệ chế biến lâm sản nhằm sử dụng có hiệu quả tài nguyên.

- Nâng độ che phủ của rừng lên 52%.
- Trồng rừng tập trung : 18.500 ha.
- Quản lý bảo vệ rừng : 766.636 ha.

Phát triển thủy lợi đa dạng, phát huy tối đa năng lực tưới của các công trình hiện có, tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình lớn, vừa và nhỏ, kiên cố hóa kênh mương, phấn đấu đến năm 2005 tưới chủ động bằng các công trình thủy lợi kiên cố 30.523 ha cây trồng, ngoài ra tưới bằng các biện pháp khác trên 70.000 ha./.

NÔNG NGHIỆP HÀ NAM
TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA

TS. NGUYỄN TRÍ NGỌC
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nam

I. Vị trí, đặc điểm:

Tỉnh Hà Nam thuộc vùng đồng bằng sông Hồng được thành lập từ 1890 đến nay đã được 110 năm, cách thủ đô Hà Nội khoảng 50km về phía Nam theo trục đường quốc lộ 1A chạy qua khoảng 39km. Là một tỉnh thuần nông, thuộc vùng chiêm trũng được bao bọc và chảy qua bởi 4 con sông là: sông Hồng, sông Đáy, sông Nhuệ và sông Châu với tổng chiều dài là 385,7km.

Về địa giới hành chính gồm 6 huyện, thị: Duy Tiên, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm, Bình Lục và Thị xã Phủ Lý. Tổng diện tích đất tự nhiên 83.891 ha, tổng diện tích đất sử dụng vào sản xuất nông nghiệp: 52.284,7 ha, trong đó diện tích đất canh tác 44.494 ha, diện tích đất cấy lúa: 40.331 ha, diện tích đất trồng cây ăn quả và cây công nghiệp: 3.480 ha, đất vườn đồi: 3.136 ha. Diện tích mặt nước là: 6.118 ha. Bình quân

diện tích đất canh tác trên đầu người thấp: 650 m^2. Dân số toàn tỉnh 809.000 người, 93% dân số sống bằng nghề nông. Là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ khi tỉnh tái lập, được sự đầu tư từng bước của Trung ương cho tỉnh trong việc xây dựng, củng cố cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng của các ngành kinh tế văn hóa xã hội tỉnh. Đồng thời với sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các ngành các cấp và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân trong tỉnh trong những năm qua sản xuất nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh, đặc biệt là sản xuất lương thực, thực phẩm, thắng lợi toàn diện đạt đỉnh cao từ trước đến nay cả về diện tích, năng suất, sản lượng.

Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp 1997 tăng 9,7% so với năm 1996 và tăng 25,1% so với bình quân 5 năm từ năm 1991 – 1995. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp năm 1998 tăng 5,3% so với năm 1997. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp bình quân từ 1997 – 1999 tăng 6,7%. Trong đó giá trị sản xuất trồng trọt năm 1999 tăng 16,9% so với năm 1997, tăng 31,3% so với năm 1996 và bằng 14,6% so với bình quân 5 năm từ 1991 – 1995; chăn nuôi năm 1999 tăng 4,7% so với năm 1997, tăng 7,8% so với 5 năm 1991 – 1995.

Sản xuất lương thực là nhiệm vụ trọng tâm của sản xuất nông nghiệp. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1999 đạt 424,3 ngàn tấn, năm đạt sản lượng cao nhất từ trước tới nay, vượt kế hoạch 8,7%, tăng 14,2% so với năm 1997 và bằng 111,7% so với Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ 15 đề ra.

Năng suất lúa cả năm 1999 đạt đỉnh cao 10,21 tấn/ha là năm đầu tiên năng suất lúa bình quân toàn tỉnh vượt qua con số 10 tấn/ha tăng 9,5% so với năm 1997, tăng 26,3% so với năm 1996 và bằng 150,8% so với bình quân năm 1991 – 1995.

Tốc độ tăng sản lượng lương thực cao hơn tốc độ phát triển dân số, sản lượng lương thực bình quân đầu người tăng nhanh. Năm 1997 là 451 kg/người năm 1998 là 486 kg/người và năm 1999 đạt 563 kg/người bằng 1,2 lần lương thực bình quân đầu người toàn quốc và 1,5 lần lương thực bình quân đầu người giai đoạn 1991–1995, đạt 119,1% so với Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ 15. Với mức bình quân lương thực đầu người như trên không những đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nhân dân trong tỉnh mà còn đảm bảo vững chắc an ninh lương thực.

Nét nổi bật trong sản xuất nông nghiệp là chương trình tự sản xuất lúa lai F1 để thay thế dần giống lúa lai nhập ngoại. Đây là công nghệ sản xuất có kỹ thuật cao, đòi hỏi đầu tư lớn, nhưng rủi ro trong sản xuất dễ xảy ra.

Cùng với sự phát triển các ngành lương thực, ngành chăn nuôi, thủy sản với các chương trình nâng cao chất lượng đàn giống gia súc, gia cầm: nạc hóa đàn lợn, sind hóa đàn bò, truyền và thụ tinh nhân tạo, đưa giống gia cầm có năng suất cao vào chăn nuôi như gà Kabir, lợn móng cái, trắm đen, chép 3 màu. Nếu so sánh kết quả năm 1999 với năm 1995 sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 13%, đàn lợn tăng 11%, đàn gia cầm tăng 19%.

Các ngành nghề thủ công và tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống như: thêu ren Thanh Hà, Mai Công huyện Lý Nhân, rũa An Đổ, mây tre đan Duy Tiên... được phát huy khai thác tiềm năng, giải quyết việc làm trong nông thôn.

Phong trào cải tạo vườn tạp và đồi rừng trong những năm qua do đẩy nhanh giao đất, giao rừng cho hộ nông dân đã được đầu tư để khai thác trồng các loại cây có chất lượng hàng hóa cao như cam, quýt, hồng không hạt, na dai, vải thiều, chuối ngự... hàng năm toàn tỉnh trồng được hàng triệu cây ăn quả và cây lấy gỗ trên vùng đồi rừng huyện Kim Bảng, Thanh Liêm vừa có tác dụng bảo vệ rừng đầu nguồn, phủ xanh đất trống đồi núi trọc vừa đem lại hiệu quả kinh tế. Toàn tỉnh có 15% số hộ nông dân làm kinh tế vườn giỏi.

Ngành đã chủ động tham mưu với UBND tỉnh giải quyết các vấn đề: nâng cấp các đê sông lớn, đê sông con, công tác phòng chống lụt bão, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa kênh mương, chính sách phát triển nông thôn... nên đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của sản xuất nông nghiệp.

II. Định hướng phát triển những năm tới

1. *Quan điểm phát triển*

Phát triển một nền nông nghiệp sản xuất để ăn sang sản xuất để bán, coi trọng và hướng tới xuất khẩu, trên cơ sở khai thác thế mạnh của từng vùng khác nhau trong tỉnh. Phát triển nông nghiệp hàng hóa phải đảm bảo an ninh lương thực trong tỉnh cho mọi người dân. Phát triển theo hướng thâm canh, đa dạng hóa loại hình sản xuất, ứng dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật, từng bước cơ giới hóa từng khâu trong sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất chất lượng và hiệu quả kinh

tế. Khuyến khích các loại hình kinh tế gắn với sản xuất công nghiệp chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nông dân phát triển sản xuất kinh doanh các ngành nghề phi nông nghiệp đặc biệt là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ. Chủ yếu phải dựa vào khai thác có hiệu quả nội lực nhất là nguồn vốn đầu tư của nhà nước, vốn tự có trong dân và từng bước hình thành thị trường nông nghiệp hấp dẫn thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Đồng thời hình thành nền nông nghiệp sinh học bền vững, hiệu quả kinh tế cao tăng thu nhập cho nông dân và gắn phát triển kinh tế với quá trình đô thị hóa.

2. ***Mục tiêu***

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt 9,2% năm.

- Nông nghiệp (bao gồm cả nông, lâm, ngư nghiệp) tăng bình quân 3%/ năm.

- Trồng trọt tăng hơn 2%, chăn nuôi tăng 5%.

+ Tổng sản lượng lương thực quy thóc 450.000 tấn.

+ Bình quân lương thực đầu người duy trì 500 kg/năm.

+ Thu nhập 1 ha đạt 26 - 27 triệu đồng.

+ Có diện tích lúa xuất khẩu từ 12.000 – 15.000 ha.

- Phấn đấu diện tích rừng che phủ đạt 40 – 50%.

Trồng cây nhân dân vụ xuân 800.000 – 1.000.000 cây các loại.

- Phấn đấu mỗi năm có từ 20.000 – 25.000 tấn lợn hơi xuất chuồng, có 2.500 – 3.000 tấn cá nước ngọt.

- Củng cố bảo vệ an toàn đê, kè, cống đảm bảo khả năng an toàn chống lũ theo quy định của nhà nước.

- Từng bước nâng cao hệ thống tưới tiêu, cải tạo đất đảm bảo tất cả các diện tích cây trồng được tưới tiêu chủ động.

- Kiên cố hóa kênh mương đến 2005 cơ bản hệ thống kênh tưới cấp I và 50% kênh tưới cấp II được cứng hóa.

- Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn có 80% số dân được hưởng nước sạch.

- Tập trung khai thác có hiệu quả vùng bán sơn địa của tỉnh có mục đích dãn dân nội tỉnh là chính.

NÔNG NGHIỆP THỦ ĐÔ
NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HƯỚNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN TIẾN DĨNH
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT
TP. Hà Nội

Hoà cùng với sự phát triển chung của cả nước trong 10 năm đổi mới, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Thủ đô đã phấn đấu đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ.

Trong những năm qua sản xuất nông nghiệp Hà Nội có nhiều điều kiện thuận lợi và cũng không ít khó khăn. Được sự chỉ đạo của các cấp ngành, sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã có phương hướng phát triển đúng đắn và kịp thời chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp kinh tế nông thôn theo hướng tiến bộ. Do vậy giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp ngày càng tăng, nếu năm 1991 mới đạt 12,5 triệu đồng/ha đất nông nghiệp thì năm 1997 đã đạt 28,2 triệu đồng. Nông nghiệp chuyển dần sang sản xuất các loại nông sản hàng hóa thực phẩm có chất lượng cao và ngày càng tăng nhanh theo yêu cầu của thị trường. Đến nay tỷ lệ đàn lợn nạc chiếm 45% tổng đàn, đàn bò sữa có 1.194 con, cho sản lượng sữa hàng hóa 1.200 tấn/năm. Cá chất lượng chiếm 60% sản lượng. Hoa, cây cảnh, rau cao cấp tăng nhanh, chương trình sản xuất rau sạch từng

bước đẩy mạnh. Cơ cấu chăn nuôi tăng từ 22% năm 1991 lên 36,9% năm 1997. Tỷ trọng ngành trồng trọt ngày càng giảm, tốc độ phát triển chăn nuôi tăng nhanh hơn trồng trọt.

Trong nông nghiệp nông thôn lực lượng sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật đã phát triển một bước đáng kể. Hệ thống thủy nông được nâng cấp và được tu bổ cải tạo thường xuyên, đảm bảo tưới chủ động đạt 86% và tiêu chủ động đạt 70% diện tích gieo trồng. Ngoài các công trình thủy lợi, Hà Nội có 155 km đê được tu bổ, nâng cấp bảo vệ an toàn cho thủ đô. Việc thực hiện cơ khí nhỏ ở nông thôn được đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả theo hướng trang bị các công cụ phục vụ cho kinh tế hộ gia đình. Với ưu thế là trung tâm khoa học kỹ thuật, ngành NN - PTNT Hà Nội đã tranh thủ những thành tựu mới và áp dụng mạnh mẽ vào sản xuất đem lại hiệu quả cao. Đối với giống cây trồng vật nuôi 100% giống đã được chọn lọc, bồi dục tốt. Tỷ lệ giống ưu thế lai với ngô: 60%, gà:70%, lợn: 100% trong đó lợn nạc 45%, bò sữa: 80% tổng đàn ứng dụng thành công công nghệ sản xuất cá giống mới rô phi đơn tính. Cá chép lai 3 màu có chất lượng, tăng trọng nhanh, ứng dụng thức ăn công nghệ, chế phẩm sinh học, thức ăn giàu đạm cho bò, lợn , gia cầm có tác dụng rút ngắn thời gian, nuôi dưỡng, nâng cao chất lượng thực phẩm. Đã hình thành các công nghệ mới như: Công nghệ sản xuất rau sạch, công nghệ sản xuất lợn lai 4 màu có tỷ lệ nạc cao, công nghệ sản xuất giống khoai tây sạch bệnh, công nghệ cấy hợp tử tạo giống bò cao sản, chương trình IPM về quản lý tổng hợp phòng trừ dịch hại cho cây trồng, sử dụng các giống ưu thế lai: Ngô, rau, đu đủ...

Trong nông nghiệp nông thôn quan hệ sản xuất mới được thúc đẩy, cùng các khuyến khích sản xuất: Đã có 31.684 hộ được giao đất tổng số 75.400 hộ được diện giao đất ổn định lâu dài, đồng thời thành phố chỉ đạo giao đất tạm thời cho hộ nông dân trong vùng quy hoạch đô thị.

Việc triển khai luật HTX ở nông thôn được thực hiện tích cực có sáng tạo và đạt kết quả tốt. Đến nay 192 HTX NN đã chuyển đổi hoạt động theo luật HTX, đạt 84,9%. Nhìn chung, các HTX chuyển đổi đảm bảo hoạt động có chất lượng, giữ được ổn định xã hội nông thôn, phát huy được một bước thực hiện công khai dân chủ của xã viên quan hệ HTX NN với Nhà nước rõ ràng hơn bằng pháp luật và chính sách. Chương trình 06 của Thành ủy Hà Nội là chương trình: "Phát triển kinh tế ngoại thành và xây dựng nông thôn mới của thành phố" đã được thực hiện tốt.

Nông thôn thủ đô đã phát triển toàn diện về kinh tế xã hội như: Xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục, cải thiện đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, môi trường xã hội nông thôn lành mạnh, khang trang sạch đẹp. Đến nay đã xây dựng hơn 100 km đường nhựa, bê tông, đá cấp phối, 100% xã có công trình, điện các trạm bơm được

nâng cấp, hệ thống cấp nước qui mô nhỏ đào đặt giếng khoan được mở rộng, đưa số hộ sử dụng nước máy, nước giếng đạt 75% số hộ. Sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục có nhiều tiến bộ, các trường học được nâng cấp. Đã có 100% xã có trường cấp I, II, 70% số xã có nhà trẻ, các huyện đã hoàn thành phổ cập cấp I. Các trung tâm y tế huyện được nâng cấp trang thiết bị khám chữa bệnh, có 93% số xã có bác sĩ. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả khá, tỷ lệ sinh giảm. Các xã tiếp tục duy trì và phát triển phong trào xây dựng gia đình và làng văn hóa mới, xây dựng nếp sống mới, xây dựng quy ước làng. Đời sống nhân dân ngoại thành được cải thiện cả về vật chất và tinh thần một bước đáng kể. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ năm 1991: là 100.000đ/ người/tháng, đến năm 1997 đạt 240.000đ/ người/tháng. Tỷ lệ hộ nghèo giảm: năm 1991: 5,35%. Đến năm 1997 giảm xuống còn 3,38%. Số hộ giàu năm 1991: 11,5%. Đến năm 1997 tăng lên là:19,62%. Nhu cầu về nhà ở, phương tiện sinh hoạt được cải thiện, có 30% số hộ có nhà ở kiên cố, 75% số hộ có tivi, 34% số hộ có xe máy, có 31 máy điện thoại/1.000 dân. Tình hình an ninh, chính trị ở nông thôn ngoại thành ổn định, trật tự xã hội được giữ vững. Đến nay đã có 42% Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh, 55% Đảng bộ đạt tiêu chuẩn khá. Đến hết năm 1997 có 83/ 118 xã bằng 70% số xã đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Nông thôn mới".

Nông nghiệp nông thôn Thủ đô đã được ưu tiêu đầu tư phát triển song còn gặp nhiều khó khăn mà trước hết Hà Nội diễn ra đô thị hóa nhanh nên đất nông nghiệp bị giảm mạnh. Do vậy, có sự biến động lớn đến cơ cấu dân số, lao động nông nghiệp dư thừa ảnh hưởng đến đời sống và tích lũy đầu tư cho sản xuất. Sản xuất nông nghiệp nhìn chung còn mang tính tự cung tự cấp, chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, còn bị động, công nghiệp chế biến chưa được đẩy mạnh nên giá trị nông sản còn thấp, và khả năng cạnh tranh không cao. Để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thủ đô, ngành nông nghiệp và PTNT Thủ đô Hà Nội đã xác định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới là: Xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa với các sản phẩm chất lượng cao, một nền nông nghiệp sinh thái bền vững, trong đó:

- Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa với cơ cấu hợp lý, đẩy mạnh sản xuất thực phẩm, rau quả có chất lượng giá trị cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, sản xuất sản phẩm có hàm lượng chất xám cao.

- Phát triển kinh tế ngoại thành toàn diện gắn phát triển công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ với nông nghiệp. Trước hết là công nghiệp chế biến nông sản, thức ăn gia súc, các ngành công nghiệp sử dụng nguyên liệu từ nông nghiệp:

- Gắn phát triển kinh tế ngoại thành với ngành nghề truyền thống để giải quyết việc làm tại chỗ và xây dựng nông

thôn mới, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân.

- Từng bước công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động, chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động. Phát huy quyền làm chủ, nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể. Đưa kinh tế nông nghiệp nông thôn ngoại thành phát triển vững chắc xứng đáng với vị trí, tiềm năng của Thủ đô.

- Một số chỉ tiêu chính trong thời gian tới cần đạt:

+ Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân năm là: 44,5%

+ 100% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới

+ Giá trị 1 ha đất canh tác đạt: 40 - 45 triệu đồng

+ Tỷ lệ sinh giảm dưới 1,5%

Nông nghiệp và nông thôn Thủ đô có được những thắng lợi nêu trên là do có sự chỉ đạo trực tiếp, sự quan tâm của các cấp, ngành ở Trung ương, địa phương, sự hợp tác giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức ở trong và ngoài nước. Bước vào thời kỳ mới và thế kỷ 21, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Thủ đô càng mong muốn sự chỉ đạo, hợp tác giúp đỡ nhiều hơn nữa để nông nghiệp, nông thôn Thủ đô ngày càng giàu mạnh và xanh tươi./.

NÔNG NGHIỆP HÀ TÂY SAU 10 NĂM ĐỔI MỚI

NGUYỄN CÔNG TÍT
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tây

Hà Tây nằm sát phía Tây Nam Hà Nội, diện tích tự nhiên 2.192 km^2 số dân 2,4 triệu người. Tuy kề gần Hà Nội, một trung tâm công nghiệp lớn của đất nước, song kinh tế của Hà Tây đến năm 2000 nông nghiệp vẫn giữ vị trí trọng yếu, chiếm tới 43% GDP của tỉnh, liên quan chặt chẽ tới đời sống của 92% số dân ở nông thôn.

Tổng diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh có 122.200 ha. Trong đó, đất lúa màu là 94.000 ha, đất cây hàng năm khác là 10.600 ha, đất trồng cây lâu năm là 3.100 ha, vườn tạp 8.700 ha, đồng cỏ chăn nuôi 546 ha, mặt nước nuôi thủy sản 5.100 ha.

Nông thôn Hà Tây đang trong quá trình biến đổi to lớn về các mặt sản xuất và đời sống. Kể từ năm 1991 đến nay, công cuộc đổi mới đã diễn ra rộng khắp với tốc độ ngày càng nhanh. Dưới ánh sáng Nghị quyết 10 (Khoá VI) của Đảng, trong 10 năm qua, sản xuất nông nghiệp của Hà Tây cùng với cả nước chuyển biến mạnh mẽ và tăng trưởng vượt bậc. Các sản phẩm chủ yếu như lương thực, đàn lợn, đàn gia cầm đều tăng gấp 2 lần so với năm 1990. Sản phẩm lương

thực năm 1999 đạt 98,6 vạn tấn, năm 2000 đạt mục tiêu 1 triệu tấn lương thực. Bình quân đầu người đạt 415 kg. Đàn lợn năm 2000 ước tính đạt 85 vạn con (năm 1991 là 44 vạn con). Đàn gia cầm đạt 7,5 triệu con, tăng gấp 2 so với năm 1992 (3,85 triệu con)

Sản lượng lương thực tăng liên tục so với những năm qua tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi để thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong nông nghiệp, cải thiện đời sống, vật chất tinh thần cho nhân dân. Được kết quả đó chính là do Hà Tây có chủ trương đúng đắn coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Từ đó đã có những chính sách khuyến khích nông nghiệp phát triển, đặc biệt là phong trào thi đua thực hiện chương trình 1 triệu tấn lương thực vào năm 2000 nhằm đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, tạo điều kiện để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

Để thực hiện được mục tiêu trên, Hà Tây đã chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp. Mười năm qua, hàng chục các công trình thủy lợi các loại với quy mô lớn, vừa và nhỏ đã được xây dựng, góp phần giải quyết được cơ bản vấn đề hạn, đảm bảo tiêu úng triệt để trong trường hợp mưa dưới 300mm. Một số công trình tưới tiêu lớn đang được tiếp tục nâng cấp, nhằm tiến tới ngày càng chủ động đối phó với thiên tai khi xảy ra úng, hạn, bảo vệ vững chắc mùa màng. Đến nay, 100% số xã ở Hà Tây đã có điện lưới quốc gia. Vì vậy Hà Tây đã cứu được gần 30.000 ha lúa mùa bị ngập úng nặng trong vụ mùa năm 1997 và chống hạn có hiệu quả trong vụ xuân năm 1999, giành năng suất và sản lượng lúa cao.

Phong trào HTX nông nghiệp đã được củng cố thêm một bước, 500 HTX nông nghiệp (trong số 514 HTX nông nghiệp toàn tỉnh) đã chuyển đổi hoạt động theo Luật. Nhiều Ban quản lý mới phát huy vai trò trong cơ chế mới, đảm bảo tốt nhiều khâu dịch vụ cho hộ ở nông dân, trở thành chỗ dựa vững chắc cho kinh tế hộ ở nông thôn phát triển.

Phong trào chuyển đổi ruộng đất từ ô thửa lớn ở Hà Tây đã hoàn thành. Nhiều địa phương trước đây mỗi hộ có đến hơn 10 mảnh ruộng ở khắp các cánh đồng thì nay chỉ còn tập trung đầu tư sản xuất trên 2-3 thửa lớn. Lúa và các cây trồng được thâm canh, năng suất ngày càng tăng.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp trong thời kỳ CNH -HĐH, tỉnh Hà Tây tập trung khai thác mọi nguồn lực địa phương cho nông nghiệp, với mục tiêu đạt 1,05 triệu tấn lương thực vào năm 2005. Phấn đấu đưa tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 4%/ năm. Phát triển các cây công nghiệp như đỗ tương, lạc, cà phê ở vùng đồi núi phía Bắc tỉnh và mở rộng diện tích cây ăn quả...Về chăn nuôi, đàn lợn tăng bình quân 3,74%/năm (năm 2000 ước đạt 85 vạn con). Đàn bò có giảm (năm 2000 có khoảng 90.000 con). Đàn trâu mức độ giảm mạnh hơn do xu thế sử dụng máy kéo thay trâu bò và diện tích đồng cỏ bị thu hẹp.

Nhưng chất lượng đàn bò được nâng cao (tỷ lệ bò lai sind đạt 75%). Đàn bò sữa có tốc độ phát triển nhanh, năm 1999 là 768 con, tăng 2,4 lần so với năm 1996 và năm 2000 ước đạt 1.500 con.

Về lâm nghiệp, tiếp tục phát triển diện tích rừng trồng theo hướng xã hội hóa lâm nghiệp. Phát triển nông - công nghiệp gắn với đổi mới nông thôn, hình thành cơ cấu kinh tế Lâm - Nông - Công nghiệp trên từng địa bàn, đặc biệt đối với núi và gò đồi. Thực hiện cơ chế giao rừng và đẩy mạnh phong trào trồng cây nhân dân, phát triển kinh tế trang trại thực hiện sản xuất nông lâm kết hợp, tạo nhiều sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

Phát huy thành tích đạt được trong 10 năm đổi mới, sản xuất nông nghiệp của Hà Tây 5 năm qua (1996 - 2000) có tốc độ tăng trưởng cao trên tất cả các lĩnh vực. Ngành Nông nghiệp & PTNT Hà Tây đã đề ra những giải pháp cơ bản trong những năm tới là : Tổ chức thực hiện phát triển nông nghiệp theo quy hoạch về nông nghiệp & PTNT(đã được UBND tỉnh phê duyệt), trong quá trình thực hiện tiếp tục điều chỉnh cho hợp lý. Phát huy tiềm năng của từng vùng, bố trí lựa chọn các cây con mũi nhọn tạo thành vùng kinh tế. Chú trọng đầu tư cơ sở chế biến nông lâm sản gắn với thị trường tiêu thụ nhằm ổn định và khuyến khích nông dân yên tâm sản xuất. Đồng thời nghiên cứu, xây dựng và ban hành kịp thời các chính sách khuyến khích sản xuất, ưu tiên khuyến khích sản xuất đối với vùng trung du, miền núi, góp phần thực hiện xóa đói giảm nghèo, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa .

Đầu tư chiều sâu cho công tác khoa học - kỹ thuật, tích cực áp dụng công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trước mắt tập trung vào đổi mới kỹ thuật sản xuất và chọn lọc giống trong các khâu trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng và công nghệ chế biến sau thu hoạch. Thực hiện rộng rãi công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao công nghệ mới đến từng hộ nông dân.

Thực hiện có hiệu quả trong công tác quản lý sử dụng các nguồn vốn của Nhà nước và xã hội, đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp & PTNT thông qua các dự án, các nguồn vốn liên doanh, liên kết, vốn quốc tế tài trợ, vốn vay Ngân hàng, vốn đóng góp của dân...sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn lợi tài nguyên rừng - đất - nước để phục vụ cho xây dựng, phát triển kinh tế xã hội, góp phần nâng cao mức sống người dân.

Mười năm không phải là dài, nhưng với một tỉnh mới được tái lập lại vào năm 1991, những thành tựu đạt được trong 10 năm qua đã khẳng định bước tiến vững chắc của nền nông nghiệp Hà Tây cho những năm tới ./.

NÔNG NGHIỆP HẢI DƯƠNG TRÊN ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

MAO XUÂN NUNG
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hải Dương

Hải Dương là một tỉnh giữa đồng bằng sông Hồng có diện tích 1.661 km^2, dân số khoảng 1.690 ngàn người, gồm 1 thành phố và 11 huyện. Phần lớn đất đai Hải Dương được bồi đắp phù sa của hai hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình nên rất thuận lợi phát triển nông nghiệp với cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng và phong phú.

A- <u>Trồng trọt:</u>

Tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh năm1999: 188.904 ha đạt 98,8% kế hoạch và tăng 0,1% so với năm 1998. Diện tích vụ Đông: 32.121 ha tăng 1,7% so với nằm trước.

I- Kết quả sản xuất cây lương thực:

Tổng diện tích cây lương thực toàn tỉnh: 164.023 ha đạt 100,1% kế hoạch, tăng 0,9% so với năm 1998.

Tổng sản lượng lương thực qui thóc: 871.440 tấn đạt 101,3% kế hoạch, tăng 3,6% so với năm 1998: +30.421 tấn (3,6%). Đây là năm đầu tiên đạt kỷ lục

về tổng sản lượng lương thực. Lương thực bình quân 613 kg/khẩu nông nghiệp.

a, Về sản xuất lúa:

Diện tích gieo cấy cả năm: 146.961 ha đạt 102% kế hoạch, năng suất (NS): 55,16 tạ/ha đạt 100,3% kế hoạch là năm đầu tiên Hải Dương vượt qua cửa ải 11 tấn/ha. Sản lượng (SL)810.594 tấn đạt 102,3% kế hoạch tăng so với năm 1998: +16.887 tấn.

b, Về màu lương thực:

Toàn tỉnh đã gieo trồng 17.062 ha tăng 2091 ha so với năm 1998.

Trong đó:

- Cây ngô: 8.960 ha, NS: 37,16 tạ/ha, SL: 33.297 tấn

- Cây khoai lang: 7.757 ha, NS: 102,73 tạ/ha, SL: 79.691 tấn

Diện tích trồng các giống ngô lai 75 –80%, các giống khoai lang mới có chất lượng khá, năng suất ngô và khoai lang cao hơn năm trước, đưa sản lượng màu qui thóc đạt 60.846 tấn tăng hơn so với năm 1998: +13.534 tấn.

2- Kết quả sản xuất rau quả thực phẩm:

Diện tích trồng: 21.074 ha đạt 94,5% kế hoạch giảm 859 ha so với năm 1998. Trong đó rau các loại 20.240 ha NS: 157,74 tạ/ha, SL: 319.271 tấn.

Các loại rau quả thực phẩm tuy đa dạng phong phú về chủng loại, nhưng do giá cả và thị trường không ổn định và chưa có doanh nghiệp nào ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm lâu dài nên đã phần nào làm người sản xuất chưa yên tâm mở rộng diện tích.

3- Kết quả sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày:

Diện tích trồng cây công nghiệp năm 1999: 3.549 ha đạt 71% kế hoạch gồm một số cây chính sau: Đậu tương, lạc, mía, cói, đay.

Nhìn chung diện tích, năng suất, sản lượng cây công nghiệp năm 1999 đều thấp hơn kế hoạch và thấp hơn năm 1998 do vụ chiêm xuân thời tiết ít mưa, hạn nặng, cây công nghiệp chủ yếu trồng ở vùng đất cao, khó khăn về nước tưới nên sinh trưởng, phát triển kém.

4- Phong trào trồng cây phân tán, công tác quản lý bảo vệ rừng:

Đã hoàn thành kế hoạch chăm sóc và bảo vệ rừng trong dự án "Trồng mới 5 triệu ha rừng". Đã trồng 158 ha rừng tập trung (trong đó có 8 ha vườn thực vật Côn Sơn và An Phụ). Tiến hành chăm sóc 2 lần cho 3.788 ha rừng mới trồng, bảo vệ 5.067 rừng phòng hộ.

Trồng cây nhân dân đạt: 2.085.368 cây các loại (cây lấy gỗ: 521.342 cây, ăn quả: 1.564.026 cây) đạt 104,3% kế hoạch.

Các loại cây ăn quả đều cho năng suất sản lượng cao, sản lượng vải thiều đạt 25.000 tấn gần gấp 2 lần sản lượng vải thiều năm 1998.

B/ Chăn nuôi, Thủy sản, Thú y:

Công tác chăn nuôi trong năm qua đã được tỉnh quan tâm đầu tư thích hợp như: các chương trình giống vật nuôi, chương trình khuyến nông đối với chăn nuôi, chương trình xóa đói giảm nghèo có chính sách cho vay với lãi xuất thấp để người nghèo phát triển chăn nuôi, hai chương trình chăn nuôi lớn của tỉnh: Cải tạo đàn bò và phát triển chăn nuôi lợn hướng nạc để thể hiện rõ hướng đi đúng đắn và tính ưu việt của nó, đã được nông dân tham gia và ngày càng được mở rộng. Năm 1999 trồng trọt được mùa lớn về lương thực đã tạo cơ sở tốt cho chăn nuôi phát triển đặc biệt là chăn nuôi lợn và gia cầm.

- Đàn bò: 36.444 con, đàn trâu: 38.174 con, đàn lợn: 589.718 con, đàn gia cầm: 6.479.358 con.

- Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 53.227 tấn trong đó thịt lợn hơi: 42.559 tấn, thịt gia cầm: 9.571 tấn.

Diện tích mặt nước đưa vào nuôi thả cá: 6.252 ha sản lượng cá năm đạt 11.350 tấn, sản xuất được 1,123 triệu cá bột.

C/ Công tác dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp:

1- Công tác thủy nông, tưới tiêu:

Năm qua được sự quan tâm đầu tư của tỉnh, các trạm bơm: Vụng Chủ, Quảng Trí (Kinh Môn) được xây dựng, hoàn thành và phát huy tác dụng, cùng với các trạm bơm xây dựng những năm trước đây, với cả một hệ thống các công trình thủy lợi khác được dựng xây trong mấy thập kỷ qua, với kinh nghiệm quản lý, khai thác, điều hành có hiệu quả của Chi cục quản lý nước, của các xí nghiệp Quản lý khai thác công trình thủy lợi các huyện, thành phố và công trình Bắc Hưng Hải đã làm tốt việc chống hạn, đảm bảo đủ nước tưới dưỡng cho lúa và cây trồng.

2- Công tác khuyến nông:

Năm qua hệ thống khuyến nông đã được kiện toàn bộ máy và được tỉnh đầu tư về cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động được sự quan tâm chỉ đạo của ngành, công tác khuyến nông thực sự đã phát huy tác dụng tốt trong việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án và chính sách khuyến nông, đã và đang góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp tỉnh nhà phát triển và tiến tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Trung tâm khuyến nông đã mở 743 lớp tập huấn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới cho nông dân, xây dựng các mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và chuyển giao các công nghệ mới.

Định hướng phát triển 2000 – 2005

1) Tiếp tục khảo nghiệm so sánh, sản xuất thử để chọn lựa bộ giống lúa có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu tốt để bổ sung cho bộ giống đã có. Đầu tư cho việc nghiên cứu sản xuất hạt lai và tăng dần tỷ lệ gieo trồng các giống lai ở cả 3 vụ. Thực hiện tốt hơn việc thay đổi cơ cấu các trà lúa, giống lúa.

2) Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới hoàn chỉnh hệ thống thủy nông, thủy lợi, thực hiện kiên cố hóa kênh mương để đảm bảo đủ nguồn nước và chủ động tưới tiêu khoa học.

3) Tìm kiếm thị trường, coi trọng khâu sơ chế, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, tạo vùng hàng hóa nông sản có chất lượng cao để nâng cao giá trị trồng trọt, chăn nuôi.

4) Đẩy mạnh chăn nuôi theo qui mô trung bình và lớn, thực hiện lồng ghép các chương trình chăn nuôi với chương trình khuyến nông, chương trình xóa đói giảm nghèo. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển chăn nuôi và tìm kiếm thị trường xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi.

Ngành nông nghiệp Hải Dương được sự quan tâm, lãnh đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh, sự ủng hộ, giúp đỡ của các cấp các ngành và đặc biệt là sự cố gắng vượt bậc của trên 38 vạn hộ nông dân cùng với việc ứng dụng những tiến bộ về khoa học và công nghệ vào sản xuất nhất định nông nghiệp tỉnh nhà có bước phát triển bền vững, thu được nhiều thành tựu mới hơn nữa, sánh vai cùng các tỉnh tiên tiến ở khu vực đồng bằng sông Hồng.

NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SAU 25 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN KHẮC NGÂN
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT
TP.Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm lớn về kinh tế - văn hóa - khoa học kỹ thuật và cả chính trị, ngoại giao; đầu mối giao thông, giao dịch quốc tế và quốc nội của cả nước; có vùng nông thôn khá rộng lớn với diện tích đất sử dụng cho nông lâm nghiệp hiện nay trên 131.100 ha, chiếm 67,2% diện tích tự nhiên các huyện ngoại thành và 5 quận mới thành lập theo NĐ 03/CP (62,7% tổng diện tích toàn thành phố). Trong nhiều năm qua, với chủ trương đổi mới của Đảng, Nhà nước và dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thành ủy, UBND Thành phố, nhiều dự án đầu tư đã được triển khai thực hiện nhằm khôi phục, phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội ở ngoại thành nhất là thủy lợi, giao thông, điện khí hóa, y tế, giáo dục... nên bộ mặt nông thôn, nông nghiệp đã có nhiều chuyển biến tiến bộ sau gần 25 năm giải phóng thống nhất đất nước. Tiềm năng đất đai, kinh tế nông nghiệp - nông thôn từng bước phát huy, sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp ngày càng đa dạng, phong phú; nhiều ngành nghề được khôi phục, mở rộng đã thu hút nhiều lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn ngoại thành theo định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của thành phố.

Trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp,

uy độ phì của đất đai thành phố kém so với ác tỉnh trong khu vực (trên 60% là đất phèn, hèn mặn; 10,5% là đất phù sa, 20% đất ám...) và hiệu quả sản xuất nông nghiệp hông cao bằng các ngành nghề phi nông ghiệp nhưng với sự quyết tâm phấn đấu của ngành nông nghiệp - phát triển nông thôn, sự nỗ lực của bà con nông dân nên đã hình hành được vành đai thực phẩm tươi sống, khôi phục và phát triển mãng xanh rừng phòng hộ môi trường và hàng năm cung cấp khối lượng đáng kể về nông sản thực phẩm cho tiêu dùng, chế biến xuất khẩu: 200-260.000 tấn lúa, 220-250.000 tấn rau đậu thực phẩm các loại, 13-14.000 tấn đậu phộng, 250-280.000 tấn mía cây, 24-26.000 tấn thịt heo hơi, 7-8.000 tấn thịt gia cầm, 28-30.000 tấn sữa, 35-40.000 tấn thủy hải sản...

Trình độ sản xuất, kỹ thuật thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học, giống mới của nông dân ngày càng nâng cao, đặc biệt là từ khi chuyển sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng về phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn (NQTW5 khóa VII), NQ26 của Bộ Chính trị và NQTW2 khóa VII về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới.

Đất nông nghiệp ngoại thành giảm theo tiến độ phát triển đô thị hóa (giảm bình quân 800 - 1.000 ha/năm) nhưng diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm trong mấy năm qua vẫn giữ ở mức 99 - 102.000 ha, năng suất cây trồng vật nuôi và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong sản xuất đều có bước tăng trưởng khá. Cơ cấu cây trồng - vật nuôi từng bước chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị và phục vụ đô thị; phát triển nông nghiệp xanh, bền vững và có hiệu quả kinh tế cao đặc biệt là sự chuyển dịch ở các vùng sản xuất lúa 1 vụ năng suất thấp (Cần Giờ, Nhà Bè) và ở các quận mới thành lập (Quận 2, 7, 9, 12, Thủ Đức).

So với những năm đầu của thập kỷ 80, hiện nay diện tích trồng lúa của thành phố đã giảm gần 9.000 ha nhưng cùng với việc đầu tư xây dựng các hệ thống thủy lợi tưới tiêu, cải tạo đất và ứng dụng tiến bộ khoa học nên diện tích lúa tăng vụ đông xuân, hè thu đạt trên 27.800 ha (tăng 12.500 ha so với năm 1980), năng suất bình quân đạt 3 tấn/ha (tăng 0,7 tấn/ha so với năm 1975), trong đó vụ đông xuân tăng 1,6 tấn/ha, vụ hè thu tăng 1,55 tấn/ha, vụ mùa tăng 0,3 tấn/ha.

Nhiều giống lúa mới kháng rầy năng suất cao, có chất lượng gạo ngon và chống chịu được các điều kiện khắc nghiệt của môi trường (phèn, mặn) đã được tuyển chọn, khảo nghiệm và khuyến nông đưa vào sản xuất ở ngoại thành (16 giống lúa cao sản kháng rầy, 6 giống lúa trung mùa, 13 giống chịu được mặn, 14 giống chịu được phèn...)

Trong nhiều năm qua, vùng rau xanh thành phố vẫn duy trì ở mức 11.000 - 12.000 ha, năng suất và chất lượng rau ngày càng cao (năng suất bình quân hiện nay trên 20 tấn/ha, năm cao nhất 23,5 tấn/ha, tăng trên 5 tấn/ha so với năm 1975). Chương trình sản xuất rau an toàn được triển khai từ năm 1997 và đạt một số kết quả khá, ngày càng được nhiều nông dân và người tiêu dùng thành phố ủng hộ. Người trồng rau tại các huyện Củ Chi, Hóc Môn đã làm quen và áp dụng các qui trình công nghệ sản xuất rau an toàn; sử dụng các loại phân hữu cơ vi sinh, phân bón qua lá,

các chất tăng trưởng hữu cơ, các biện pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp (IPM).

Môi trường và cảnh quan du lịch, giải trí vùng nông thôn ngoại thành ngày càng được cải thiện, nâng cao qua việc qui hoạch phát triển cây ăn trái, hình thành các mô hình VAC, VACD (vườn-ao-chuồng-dịch vụ) cùng với việc mở rộng và phát triển nghề trồng hoa, cây cá cảnh.

Hàng năm các vùng qui hoạch cây ăn trái ở ngoại thành có thêm 400 - 500 ha được trồng mới và đến nay thành phố đã có trên 7.800 ha cây ăn trái các loại với 30% diện tích được trồng tập trung, vườn chuyên với các giống đặc sản, có giá trị kinh tế cao. Các vùng trồng hoa, cây kiểng tiếp tục hình thành và mở rộng ở huyện Bình Chánh, Hiệp Bình Phước (quận Thủ Đức), Thạnh Lộc, An Phú Đông (quận 12), phường 11, 12 (quận Gò Vấp), Tân Quí (Bình Chánh)... Công nghệ nhân giống bằng phương pháp cấy mô đã được ứng dụng để sản xuất giống phong lan và có khả năng sử dụng để sản xuất một số giống cây trồng có giá trị khác trong thời gian tới.

Chăn nuôi thành phố phát triển khá, đã tạo được thế mạnh so với các tỉnh về giống và dịch vụ kỹ thuật. Đàn giống gốc, giống nhập nội ngày càng tăng về số lượng, chất lượng và được chăm sóc, quản lý theo qui trình kỹ thuật hiện đại.Trên lĩnh vực phát triển đàn bò sữa thành phố đã đi đầu cả nước trong việc nhân giống và phát triển, chiếm hơn 50% đàn bò sữa cả nước. Các cơ sở sản xuất giống heo của thành phố đã cung ứng giống heo tốt, có chất lượng cho 61 tỉnh thành trong cả nước .Ngành nông nghiệp - phát triển nông thôn thành phố đã đầu tư và thực hiện đạt kết quả các chương trình: nạc hóa đàn heo, sind hóa đàn bò, phát triển các giống gà hướng thịt, hướng trứng có năng suất cao và một số đặc sản có giá trị khác. Chăn nuôi thành phố đã và đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với chương trình đô thị hóa: tổng đàn gia súc, gia cầm giảm nhanh ở các quận ven, 5 quận mới, tăng nhanh ở các huyện và các vùng nông nghiệp ổn định lâu dài. Các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi đã chú trọng và quan tâm đầu tư để xử lý chất thải, cải thiện vệ sinh môi trường. Đến nay đàn heo thành phố có trên 90% là giống ngoại có chất lượng nạc cao; năng suất sữa của đàn bò bình quân 3.720 kg/chu kỳ (năm 1994 2.846 kg/chu kỳ) tương đương với các nước trong khu vực.

Thành phố có trên 20 km bờ biển, 35.500 ha mặt nước sông rạch, ao hồ. Tiềm năng nuôi trồng và khai thác thủy hải sản ở các vùng nước ngọt, nước lợ, nước mặn, vùng bãi bồi... còn rất lớn, hiện nay chỉ mới nuôi tôm cá trên 5.000 ha (trong đó vùng nước ngọt 1.000 - 1.200 ha), nuôi nghêu sò 1.500 - 1.600 ha. Chương trình khai thác đánh bắt xa bờ được triển khai từ năm 1997 tuy còn một số tồn tại làm chậm tiến độ gia tăng cả tàu đóng mới nhưng đã đạt được kết quả khả nhiều ngư dân ủng hộ.

Đạt được những thành quả trên, ngoài sự tác động của khoa học kỹ thuật nhất là công nghệ sinh học, giống mới còn có sự đóng góp không nhỏ của công tác, công trình thủy lợi. Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" nhiều công trình và hệ thống công trình thủy lợi, thủy nông nội đồng được xây dựng, đã cải tạo và đưa vào sản xu

gần 20.000 ha đất phèn hoang hóa ven Kinh Thầy Cai, An Hạ (các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh); đã có gần 30.000 ha được ngọt hóa hoặc đẩy mặn ra xa; 13.500 ha có bờ bao, bờ vùng ngăn mặn, ngăn lũ và nhất là đưa nước hồ Dầu Tiếng tự chảy trên 10.000 ha vùng kênh Đông Củ Chi...

Sau 25 năm giải phóng, ngành nông nghiệp - phát triển nông thôn thành phố đã thực hiện thành công việc khôi phục và phát triển rừng ngập mặn Cần Giờ; xây dựng các khu rừng phòng hộ, văn hóa lịch sử ở Củ Chi, Bình Chánh, quận 9; rừng thực nghiệm ở Dần Xây, Tân Tạo (Bình Chánh) góp phần quan trọng trong chương trình bảo vệ, cải thiện môi sinh, môi trường thành phố và các tỉnh lân cận. Đã có trên 33.700 ha rừng phòng hộ tập trung (rừng trồng 21.905 ha, rừng tự nhiên 8.991 ha) và gần 50 triệu cây phân tán các loại được chăm sóc, quản lý, bảo vệ. Hệ động vật, thực vật rừng không ngừng phát triển, ngày càng phong phú về chủng loại và số lượng. Đến nay rừng phòng hộ Cần Giờ đã được công nhận là một trong những khu dự trữ sinh quyển của thế giới và đang được nghiên cứu xây dựng thành khu bảo tồn thiên nhiên rừng ngập mặn.

Qua gần 25 năm đầu tư xây dựng và phát triển, tuy vẫn còn nhiều khó khăn tồn tại nhưng nhìn chung nông lâm ngư nghiệp ngoại thành đã có bước phát triển khá và toàn diện; có sự tăng trưởng liên tục cả về số lượng, chất lượng, giá trị và đạt nhiều thành tựu đáng kể trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống nông dân.

Ngành nông nghiệp - phát triển nông thôn thành phố đã và đang thực hiện các giải pháp để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới văn minh, tiến bộ, phát triển nền nông nghiệp sinh thái ổn định, bền vững, tạo cảnh quan và cải thiện môi trường, đáp ứng nhu cầu nông sản sạch cho người tiêu dùng, chế biến xuất khẩu và nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí, du lịch sinh thái thành phố phát triển. Trong thời gian tới ngành nông nghiệp - phát triển nông thôn sẽ phối hợp với các ngành, các địa phương để khắc phục những tồn tại; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và lao động nông thôn nhằm thu ngắn cách biệt về kinh tế giữa nông thôn ngoại thành với nội thành./.

NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN HÒA BÌNH TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA

TS. BÙI THANH THU
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hoà Bình

Hòa Bình là một tỉnh miền núi,có diện tích tự nhiên 4.749 km^2, đất lâm nghiệp chiếm 63,95%, đất nông nghiệp chỉ chiếm 15,2%, còn lại là các loại đất khác.

Là cửa ngõ vùng Tây Bắc, cách Thủ đô Hà Nội hơn 70 km nên tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng trong xây dựng kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng. Với 7 dân tộc anh em cùng chung sống lâu đời, trong đó dân tộc Mường chiếm trên 60%. Hòa Bình có các vùng sinh thái đa dạng và có nhiều lợi thế, tiềm năng để phát triển kinh tế.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, những năm qua KT-XH tỉnh Hòa Bình nói chung, kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói riêng có nhiều khởi sắc. Phong trào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thâm canh tăng vụ đi đôi với ứng dụng các tiến bộ khoa học được nông dân hưởng ứng thông qua các chương trình khuyến nông-khuyến lâm, sử dụng các giống cây con có năng suất cao để tăng năng suất cây trồng và phát triển sản xuất hàng hóa. Cơ cấu sản xuất nông-lâm nghiệp chuyển dịch theo xu hướng tiến bộ; tỷ trọng cây công nghiệp

ngắn ngày, cây ăn quả ngày càng tăng; đã hình thành vùng chuyên canh sản xuất lương thực, chăn nuôi và vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến như: Mía đường, chè, lâm sản... Phong trào làm kinh tế trang trại nông lâm kết hợp đã khẳng định được bước đi đúng đắn và khai thác được tiềm năng sẵn có của miền núi. Nhiều hộ nông dân trước đây thuộc diện đói nghèo, nay đã đủ ăn bắt đầu tích lũy; đặc biệt đã xuất hiện 1 bộ phận nông dân vươn lên làm giàu thông qua việc thực hiện có hiệu quả các mô hình sản xuất kinh tế trang trại VAC-VACR...

Về giá trị sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp trong 5 năm (1995-1999) tăng bình quân từ 3,5%-4%/năm, với tốc độ năm sau cao hơn năm trước. Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn (1996-1999) đạt trên 200 USD/người/năm. Diện tích gieo trồng cây hàng năm nhìn chung phát triển theo xu hướng năm sau cao hơn năm trước từ 93.031 ha (1995) lên 98.097 ha(1999) tăng 5.066 ha. Trong đó cây lương thực (năm 1999) là 78.460 ha tăng 3.239 ha so với năm 1995; cây công nghiệp ngắn ngày 13.007 ha tăng 382 ha so với năm 1995; cây thực phẩm và các loại cây khác 6.630 ha, tăng 1.445 ha so với năm 1995. Sản lượng lương thực quy thóc năm 1995 đạt 165.554 tấn, năm 1999 đạt 216.688 tấn, tăng 51.134 tấn.

Một số cây con là thế mạnh của miền núi được chú trọng quan tâm và phát triển. Về cây ăn quả tính đến cuối năm 1999 cả tỉnh có trên 9.300 ha cây ăn quả các loại như: Vải, nhãn, cam, quýt, mơ, mận, hồng, na dai, chuối, dứa... Trong vài năm tới là nguồn nguyên liệu cung cấp cho nhà máy chế biến hoa quả của tỉnh. Về cây công nghiệp ngắn ngày, hiện nay tỉnh có trên 6.000 ha mía, riêng mía nguyên liệu từ 1997 – 1999 mỗi năm trồng mới trên 1.000 ha, đến nay đã hình thành vùng nguyên liệu mía đường ổn định gần 3.000 ha, cung cấp phần nào quá trình đẩy mạnh ngành công nghiệp chế biến của địa phương. Về cây công nghiệp dài ngày, hiện nay có gần 3.000 ha chè tập trung chủ yếu ở một số nông trường và các huyện phụ cận của nông trường, do đó thuận tiện cho việc thu mua, chế biến và xuất khẩu. Đặc biệt trong mấy năm gần đây tỉnh đã có chủ trương mở rộng diện tích trồng cây chè tuyết (chè đặc sản) ở 1 số xã vùng cao của huyện Mai Châu, Đà Bắc, Tân Lạc, Lạc Sơn. Nhằm tạo ra giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn, góp phần ổn định và cải thiện đời sống của bộ phận đồng bào vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn.

Về phát triển nuôi trồng thủy sản, tuy là tỉnh miền núi, trình độ thâm canh còn lạc hậu song nhìn chung các hộ nông dân đã cố gắng mạnh dạn đầu tư thâm canh phát triển nuôi trồng thủy sản ở các diện tích ao hồ khoảng 1.700 ha. Trạm khuyến ngư của tỉnh đã tổ chức hội thảo

mô hình nuôi cá năng suất cao, tập huấn chuyển giao kỹ thuật phục vụ cho phát triển thủy sản trong dân. Từ tháng 9 đến nay tỉnh Hòa Bình tham gia dự án nuôi trồng phát triển thủy sản các tỉnh miền núi phía Bắc VIE/98/009/01/NEX; đã tiến hành thực hiện điều tra khảo sát tình hình kinh tế - xã hội và lập kế hoạch nuôi trồng thủy sản cho các xã tham gia giai đoạn 1 thuộc 2 huyện Mai Châu, Đà Bắc. Sản lượng cá hàng năm đạt trên 2.000 tấn.

Cùng với việc đầu tư thâm canh, phát triển nông nghiệp nông thôn, công tác bảo vệ và phát triển rừng trong 5 năm (1995-1999) cũng từng bước được đẩy mạnh đạt kết quả khá. Tỉnh đã sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của các chương trình, dự án như: 327, ĐCĐC, 747, 661, trồng rừng phòng hộ, đặc dụng và rừng nguyên liệu... trồng mới được 24.500 ha rừng; khoanh nuôi bảo vệ rừng được 68.798 ha rừng tự nhiên; khoanh nuôi tái sinh hàng chục ngàn ha rừng đặc dụng: 12.890 ha, đóng cửa rừng 197 điểm; phòng trừ sâu bệnh rừng 610 ha. Đồng thời đã và đang thực hiện tốt chủ trương giao đất khoán rừng cho hộ nông dân gắn với việc xây dựng và phát triển kinh tế trang trại; đến nay cả tỉnh có hơn 4.000 trang trại chiếm diện tích gần 10.000 ha, trong đó có 1.336 mô hình trang trại có hiệu quả kinh tế cao. Bước đầu đã đem lại giá trị kinh tế hàng năm từ 40-50 tỷ đồng cho các hộ nông dân, bình quân thu nhập từ 7-10 triệu đồng/năm/trang trại.Năm 1994 độ che phủ rừng của tỉnh là 28% đến năm 1998 độ che phủ rừng đã tăng lên 36%.

Công tác thủy lợi nước sinh hoạt nông thôn phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp và nông thôn. Trên cơ sở quy hoạch sản xuất bố trí cụm dân cư để đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi và nước sinh hoạt nông thôn; trước hết là đã tập trung tu sửa nâng cấp các công trình hiện có kết hợp với chiến dịch toàn dân làm thủy lợi và chống hạn hàng vụ, hàng năm để nâng cao công suất sử dụng cho tưới, tiêu đồng thời hàng năm đã tăng mức đầu tư vốn cho thủy lợi và nước sinh hoạt nông thôn bao gồm các nguồn vốn: Vốn XDCB tập trung, vốn ĐCĐC , sinh hoạt nông thôn bao gồm vốn TW trực tiếp đầu tư cho thủy lợi, đê điều và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh, với mức đầu tư năm sau cao hơn năm trước: Năm 1997: 18,3 tỷ đồng, năm 1998: 22,8 tỷ đồng, năm 1999: 39,5 tỷ đồng.

Định hướng phát triển nông nghiệp nông thôn của tỉnh trong thời gian tới cần tập trung phát triển nền kinh tế nông lâm nghiệp hàng hóa bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phấn đấu giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đạt mức tăng trưởng hàng năm từ 4-5%; bình quân thu nhập đầu người giai đoạn (2001-2010) đạt 500 USD/năm. Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng vật nuôi; tạo đà thực hiện chuyển dịch cơ cấu nông

nghiệp nông thôn và phân công lại lao động giữa các ngành. Gắn phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo với phát triển xã hội để nâng cao mặt bằng dân trí giữa các vùng trong tỉnh.

Về lâm nghiệp trong thời gian tới, trọng tâm là khoanh nuôi bảo vệ rừng trên cơ sở giao đất giao rừng đến hộ, nhóm hộ sản xuất để thuận lợi trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng. Tập trung thực hiện chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng của Chính phủ.

Để đạt được những mục tiêu trên trong cơ chế thị trường của nền kinh tế mở, cần thực hiện đồng bộ các giải giáp về quản lý, kỹ thuật và vận dụng linh hoạt các chính sách kinh tế của Nhà nước, khuyến khích người sản xuất – kinh doanh khai thác triệt để tiềm năng để làm giàu chính đáng cho mình và xã hội. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng nhanh diện tích gieo trồng các giống có năng xuất cao; tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo vùng nguyên liệu tập trung, ổn định cho công nghiệp chế biến. Phát triển mạnh kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác và HTX, hình thành các "cụm kinh tế", lấy nông-lâm trường là trung tâm. Xác định rõ cơ cấu đầu tư theo hướng gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến tiêu thụ; khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn đã và đang là mục tiêu phấn đấu trước mắt và lâu dài của nhân dân các dân tộc tỉnh Hòa Bình nói riêng và cả nước nói chung. Trong thời gian tới với sự quyết tâm nỗ lực cao, khai thác hết tiềm năng nhân, vật lực, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng vật nuôi để phát triển nền nông, lâm nghiệp hàng hóa bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tạo bước phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh hòa nhập chung vào sự nghiệp đổi mới của đất nước vì mục tiêu "Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH KHÁNH HÒA ĐẾN NĂM 2010

HOÀNG VĂN TRƯỜNG
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa

Hai mươi lăm năm sau khi tỉnh nhà được hoàn toàn giải phóng, nông nghiệp và nông thôn Khánh Hòa có những bước phát triển đáng kể, những chỉ tiêu lớn đặt ra đều đạt ở mức tăng trưởng khá, giá trị tổng sản lượng nông nghiệp hàng năm tăng bình quân trên 3,8%, sản lượng lương thực quy thóc năm 1999 đã đạt 200 nghìn tấn tăng gấp đôi năm 1976, đàn gia súc gia cầm năm 1999 đạt trên 1,7 triệu con tăng gấp 4 lần so với năm 1976.

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi có nhiều tiến bộ theo hướng sản xuất hàng hóa, nhiều cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao từng bước phát triển như cây cà phê, cây mía... Đặc biệt cây mía tăng nhanh đến năm 1999 đã trồng được hơn 15.000 ha đáp ứng đủ nguyên liệu cho phát triển công nghiệp mía đường. Nhiều mô hình cải tạo vườn tạp đã được nhân dân đầu tư nhân rộng, các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao được trồng như xoài, cam, táo...đặc biệt cây xoài đã phát triển gần 4.000 ha.

Các cây màu lương thực phát triển ổn định về diện tích và từng bước đã đưa giống có năng suất cao, cây thực phẩm phát triển ổn định giải quyết được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và phục vụ cho nhu cầu du lịch.

Do được đầu tư về thủy lợi, cải tạo đồng ruộng và cung cấp ngày càng tốt hơn các dịch vụ nông nghiệp nên năng suất cây trồng ngày càng tăng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp ngày càng cao, riêng cây lúa năng

suất bình quân trên toàn tỉnh hiện nay đã tăng gấp 4 lần so với năm 1976.

Về phát triển chăn nuôi đã có sự biến đổi về chất, các chương trình dự án như: Cải tạo đàn bò, nạc hóa đàn heo, đầu tư thay đổi giống đàn gia cầm đã làm tiền đề để từng bước nâng dần cơ cấu giá trị chăn nuôi góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển toàn diện.

Cơ sở vật chất phục vụ cho nông nghiệp và sinh hoạt nhân dân nông thôn đã được quan tâm đầu tư, mới giải phóng chỉ có 10 công trình thủy lợi nhỏ được xây dựng đã bị hư hỏng, chỉ phục vụ tưới được gần 4000 ha canh tác, công trình cấp nước phục vụ sinh hoạt cho nông thôn hầu như không có gì. Sau hai mươi lăm năm đầu tư xây dựng đến nay đã có hơn 120 công trình thủy lợi lớn nhỏ phục vụ tưới cho hơn 16.000 ha canh tác tăng hơn 4 lần năm 1976, đã đầu tư hàng chục công trình cấp nước sinh hoạt tập trung và hàng nghìn công trình cấp nước nhỏ lẻ như giếng khoan, giếng đào, bể, lu chứa nước mưa... đưa tỷ lệ dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch lên trên 30%.

Phát triển thủy lợi và các công trình phục vụ sinh hoạt nông thôn không những chỉ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp mà còn góp phần cung cấp nước cho các nhu cầu khác. Đặc biệt đã góp phần tạo nên những biến đổi sâu sắc về xã hội như cải thiện tình trạng lao động ở nông thôn, cải tạo môi trường, góp phần xây dựng thành công những khu kinh tế mới, đổi mới bộ mặt nông thôn, tạo điều kiện định canh định cư đồng bào các dân tộc ở miền núi.

Về công tác định canh định cư đã thực hiện nhiều dự án định canh định cư, lồng ghép các chương trình đã tạo điều kiện định canh định cư ổn định cho gần 5.000 hộ/7.830 hộ đồng bào các dân tộc, bộ mặt và đời sống đồng bào các dân tộc ở miền núi đã có nhiều đổi mới và khởi sắc.

Về phát triển diện tích ruộng muối tính đến năm 1999 đã có trên 1.000 ha và lượng muối sản xuất hàng năm gần 80 nghìn tấn, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động sống ven biển.

Về lâm nghiệp sau hai mươi lăm năm đã trồng được hơn 20.000 ha rừng tập trung tỷ lệ thành rừng cao, trong những năm gần đây đã tập trung cho công tác đầu tư lâm sinh, xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp từng bước hạn chế được tình trạng suy giảm diện tích rừng, tập trung đầu tư phát triển vốn rừng từng bước nâng độ che phủ của rừng. Phát triển Lâm nghiệp còn góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng ở vùng miền núi như giao thông đi lại, phát triển các cụm kỹ thuật dịch vụ sản xuất lâm nghiệp góp phần giải quyết công ăn việc làm, giúp đồng bào các dân tộc miền núi từng bước ổn định được cuộc sống, làm cho nhân dân trong vùng từng bước ý thức được việc bảo vệ rừng chính là bảo vệ cuộc sống của mình.

Trong chặng đường hai mươi lăm năm phát triển kinh tế của Tỉnh nói chung và phát triển Nông nghiệp và nông thôn nói riêng là một chặng đường đầy gian khổ, khó khăn, nhưng để bảo vệ được những thành tích ấy,

công tác phòng chống lụt bão cũng đầy khó khăn, vất vả, hy sinh nhưng cũng đã đạt được những kết quả đáng tự hào. Trong những năm qua thiên tai liên tục xảy ra ở tỉnh Khánh Hòa nhưng nhờ tích lũy được kinh nghiệm qua nhiều năm, kết hợp với một số trang thiết bị hiện đại nên đã làm tốt công tác dự báo, chỉ đạo kịp thời, giúp các cấp các ngành phòng tránh thiên tai kịp thời, ngày càng thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do lũ bão gây ra.

Cùng với sự phát triển của nông nghiệp và nông thôn Khánh Hòa trong những năm qua đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức của ngành nông nghiệp đã trưởng thành, có hệ thống tổ chức ổn định từ tỉnh xuống cơ sở có thể đảm nhận được nhiệm vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn trong những năm sắp đến. Hiện nay ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hơn 1.853 cán bộ, công nhân viên chức trong đó: Cao học 01 người, đại học 303 người, cao đẳng 03 người, trung cấp 268 người, công nhân và lao động khác 1.278 người, được bố trí ở 9 đơn vị hành chính sự nghiệp, 9 doanh nghiệp công ích, 7 doanh nghiệp và 7 Phòng nông nghiệp nông thôn các huyện và thành phố.

Nhờ phát triển nông nghiệp mà kinh tế nông thôn tăng trưởng, đời sống nhân dân được cải thiện, đa số nông dân đã có đủ lương thực, thực phẩm ăn quanh năm, điều kiện đi lại, học hành, chữa bệnh của nông dân được cải thiện, đã có hơn 70% hộ nông dân có nhà kiên cố và bán kiên cố, số hộ giàu ở nông thôn tăng lên, số hộ nghèo giảm đi.

Tuy những năm qua nông nghiệp và nông thôn Khánh Hòa có bước phát triển khá nhưng so với yêu cầu và tiềm năng còn những hạn chế, vì vậy từ nay đến năm 2010 phải phát huy thế mạnh, khắc phục những tồn tại tập trung đẩy mạnh phát triển Nông nghiệp và Nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) và Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp và nông thôn làm sao bảo đảm " Sự phát triển Nông nghiệp và Kinh tế Nông thôn theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, có vai trò cực kỳ quan trọng cả trước mắt và lâu dài, làm cơ sở để ổn định và phát triển kinh tế xã hội đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa".

Để nông nghiệp và nông thôn Khánh Hòa thực hiện được vị trí đó từ nay đến năm 2010 phải tập trung theo hướng và mục tiêu sau:

- Đa dạng hóa nông nghiệp kết hợp với công nghiệp chế biến qui mô vừa và nhỏ, phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn, tạo thêm việc làm cho lao động dư thừa, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa cho nông dân.

- Duy trì và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng của sản xuất nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực và thực phẩm tại chỗ.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp bằng việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và tăng cường chất lượng cơ sở hạ

tầng cho nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường, sinh thái.

Nghiên cứu và áp dụng nhanh chóng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là khâu giống cây con có năng suất hiệu quả kinh tế cao. Đối với miền núi bằng những hình thức phù hợp truyền thụ, chuyển giao những kỹ năng lao động nông nghiệp tạo cho đồng bào các dân tộc tổ chức sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện cho cuộc sống ổn định và vươn lên làm giàu.

Sử dụng hợp lý quỹ đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hệ số sử dụng đất để phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày phù hợp với yêu cầu của thị trường. Tập trung cải tạo vườn tạp, phát triển cây ăn quả có chất lượng và hiệu quả kinh tế cao phục vụ cho chế biến như: cây xoài, cây dứa,...

Đẩy mạnh các dịch vụ trong nông nghiệp như: công tác khuyến nông, công tác bảo vệ thực vật, thú y, các khâu làm đất, chế biến sau thu hoạch. Gắn kết quả sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến để tăng giá trị hàng hóa nông phẩm.

Một số hướng cụ thể sau:

- Tập trung đầu tư đảm bảo thâm canh diện tích cây lúa nước, đẩy mạnh nhanh việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống lúa, đặc biệt là đưa các giống lúa có chất lượng cao, loại bỏ những giống lúa có năng suất thấp, dễ nhiễm bệnh và phẩm chất kém. Phấn đấu đến năm 2010 diện tích cây lúa cả năm hơn 50.000 ha.

-Sau cây lúa, cây bắp và cây mì là 2 cây màu lương thực chính của Khánh Hòa trong những năm tới cần đưa giống mì cao sản và mở rộng diện tích trồng bắp lai. Diện tích cây mì và cây bắp cố gắng giữ ở mức khoảng 10.000 ha năm 2010.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng chú ý đến phát triển cây công nghiệp ngắn ngày nhất là cây mía, cần tập trung vốn quy hoạch vùng nguyên liệu để hình thành vùng chuyên canh cây mía ở các huyện Ninh Hòa, Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Cam Ranh để cung cấp ổn định nguyên liệu cho các nhà máy đường, phấn đấu đến năm 2010 diện tích cây mía phát triển ổn định hơn 20.000 ha và có năng suất cao.

- Trong các cây công nghiệp ngắn ngày cây cà phê cũng là một cây có giá trị kinh tế cao cần được quan tâm trong cơ cấu cây trồng và có thể phát triển ở vùng Khánh Sơn và một số huyện khác với diện tích trên 1.000 ha.

- Cây thực phẩm phần lớn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, đặc biệt là ở thành phố, các thị trấn và khu công nghiệp vì vậy cũng được quan tâm đầu tư thích đáng.

- Về chăn nuôi lấy quy mô chăn nuôi hộ làm xuất phát điểm, từng bước chuyển từ phương thức nuôi tận dụng sang nuôi công nghiệp quy mô vừa và nhỏ, đẩy mạnh tốc độ sản xuất hàng hóa chăn nuôi. Áp dụng khoa học tiên tiến, làm tốt công tác thú y phòng chống dịch bệnh, đẩy mạnh chăn nuôi

lợn và phát triển chăn nuôi bò... chủ yếu là cung cấp thịt và sữa. Đẩy mạnh chăn nuôi gia cầm lấy thịt và trứng. Phấn đấu đến năm 2010 đưa tỷ trọng chăn nuôi từ dưới 20% hiện nay lên xấp xỉ 30%.

Cụ thể đến năm 2010 phấn đấu tổng đàn trâu, bò trên 120.000 con, đàn heo 220.000 con, đàn gia cầm trên 2 triệu con.

-Về phát triển Lâm nghiệp: Tập trung ưu tiên công tác bảo vệ, khôi phục phát triển rừng bằng biện pháp giao đất giao rừng cho các tổ chức và nhân dân làm cho rừng thật sự có chủ. Kết hợp với việc thực hiện chương trình 5 triệu ha rừng hàng năm bằng các nguồn vốn, khuyến khích các tổ chức cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế nhận đất để trồng rừng hàng năm trồng từ 4000 ha đến 5.000 ha để bảo đảm đến năm 2010 có hơn 50.000 ha thành rừng nâng độ che phủ rừng lên trên 45%. Trong cơ cấu trồng rừng chủ yếu là trồng cây tập trung chiếm trên 80% còn lại là trồng cây phân tán.

Về khai thác hàng năm giữ mức bình quân 20.000m^3, tổ chức lại mạng lưới chế biến chủ yếu tập trung đầu tư chiều sâu, cải tạo thiết bị, máy móc tập trung sản xuất những mặt hàng phù hợp với nhu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu.

Để thực hiện những định hướng nêu trên cần thực hiện một số biện pháp chủ yếu sau:

- Tập trung xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp và PTNT đến năm 2010, thực hiện các dự án phát triển cây xoài, dự án phát triển cây cà phê v.v... có biện pháp đầu tư hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung như vùng chuyên canh cây lúa, cây mía, cây cà phê, vùng tập trung cây ăn quả.

- Tiếp tục thực hiện chương trình cải tạo đàn bò đảm bảo đến năm 2010 đàn bò Khánh Hòa được sind hóa có chất lượng cung cấp thịt và sữa.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư mới một số công trình thủy lợi như hoàn thiện hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Cam Ranh, thi công hoàn thành công trình hồ chứa nước Suối Dầu, hồ chứa nước Hoa Sơn..., tập trung thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương các hệ thống các công trình thủy lợi.

- Xây dựng dự án quy hoạch cung cấp nước sạch và các chương trình vệ sinh nông thôn đảm bảo đến năm 2010 có 100% dân số nông thôn có nước sạch sử dụng.

- Tập trung thực hiện các dự án định canh định cư bảo đảm hoàn thành mục tiêu các dự án định canh định cư, bảo đảm không có tình trạng du canh, du cư.

- Để thực hiện định hướng phát triển lâm nghiệp cần thực hiện tốt các dự án Lâm sinh của các Lâm trường, các dự án trồng rừng phòng hộ, sinh thái, môi trường, trồng rừng trong nhân dân nhằm phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Mặt khác phải tập trung xây dựng chính sách hợp lý về công tác quản lý bảo vệ, trồng và kinh doanh rừng...

- Các giải pháp về chính sách cần lưu ý về quyền sử dụng đất đai, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư khai hoang mở rộng diện tích, đầu tư phát triển nông nghiệp theo quy hoạch.

- Điều chỉnh các chính sách về thu thủy lợi phí, chính sách hỗ trợ phát triển cây mía...

- Đồng thời với quá trình đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn nhằm tạo điều kiện về cơ sở vật chất và môi trường thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp và xã hội nông thôn, phải đặc biệt quan tâm bổ sung hoàn thiện chính sách tín dụng đầu tư trực tiếp làm tăng trưởng sản xuất hàng hóa, giảm đói nghèo và từng bước làm giàu cho dân cư ở nông thôn như:

+ Ưu tiên cân đối bổ sung quỹ tín dụng cho dân vay để phát triển sản xuất.

+ Ngân hàng phải tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nông dân vay như: Dự án cho nông dân vay phải thật đơn giản, thế chấp bằng nhiều hình thức linh hoạt...

- Các chính sách về các thành phần kinh tế:

+ Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp: Đến cuối năm 1999 toàn tỉnh đã chuyển đổi được 72 HTX sản xuất nông nghiệp. Sau khi chuyển đổi các hợp tác xã tập trung vào hoạt động các dịch vụ thiết yếu phục vụ kinh tế hộ nông dân. Tuy vậy nội dung hoạt động còn nhiều lúng túng trong việc mở mang ngành nghề để giải quyết lao động nông nhàn ở nông thôn. Vì vậy trong năm tới tiếp tục hướng dẫn, giúp đỡ các hợp tác xã tổ chức hoạt động đa dạng nhằm góp phần vào thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

+ Phát triển các mô hình kinh tế trang trại: Kinh tế trang trại ở tỉnh đã từng bước hình thành, để nhân rộng và phát triển mô hình cần tổng kết để đánh giá xu thế và hiệu quả đề xuất với Nhà nước có những chủ trương chính sách phát triển mô hình kinh tế trang trại trong thời gian tới.

+ Đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, sắp xếp qui hoạch lại các doanh nghiệp các thành phần kinh tế khác:

Những năm tiếp theo tiếp tục đổi mới sắp xếp lại các doanh nghệp Nhà nước hoạt động chế biến, kinh doanh hàng nông lâm sản theo hướng tổ chức sản xuất kinh doanh đa mặt hàng, sản phẩm và có hiệu quả.

Đối với các doanh nghiệp các thành phần khác, có chủ trương sắp xếp, qui hoạch lại theo hướng phát triển trong lĩnh vực chế biến, bảo quản tiêu thụ nông lâm sản hàng hóa cho nông dân làm cầu nối giữa người sản xuất nông nghiệp với các thị trường tiêu thụ hàng nông lâm sản.

NÔNG NGHIỆP KIÊN GIANG
THÀNH TỰU TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

THÁI ĐẮC LIỆT
Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tỉnh Kiên Giang

Kiên Giang nằm ở phía Tây Nam của Tổ quốc, trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, có vị trí quan trọng và tiềm năng to lớn. Diện tích tự nhiên của tỉnh 6.254km^2, chia làm 4 vùng sinh thái khác nhau, cụ thể như sau:

- Vùng tứ giác Hà Tiên bao gồm thị xã Hà Tiên, huyện Kiên Lương và huyện Hòn Đất.

-Vùng Tây sông Hậu bao gồm huyện Tân Hiệp, Giồng Riềng, Châu Thành, thị xã Rạch Giá và huyện Gò Quao.

- Vùng bán đảo Cà Mau bao gồm huyện An Biên, An Minh và Vĩnh Thuậ

- Vùng biển và hải đảo có huy Phú Quốc và Kiên Hải.

Kiên Giang có vị trí thuận lợi, nằ trong vùng vịnh Thái Lan, gần các nướ Đông Nam Á (ASEAN) như : Campuchi Thái Lan, Malaysia, Singapore; Kiê Giang lại có địa hình đa dạng, bờ biể dài, có nhiều sông núi và hải đảo, vị t địa lý nói trên tạo điều kiện thuận lợi ch Kiên Giang mở rộng giao lưu kinh tế vớ các nước trong khu vực, là cầu nối cá tỉnh miền Tây Nam bộ với bên ngoài.

Tiềm năng về quỹ đất để phát triển nông nghiệp như trồng lúa , mía, khóm, tiêu, điều và một số loại cây trồng khác rất lớn, năm 1999 Kiên Giang đã đạt sản lượng lương thực 2,078 triệu tấn. Trữ lượng đá và đá vôi của Kiên Giang khá nhiều, đủ để ngành vật liệu xây dựng phát triển từ 50 - 60 năm tới. Kiên Giang có nguồn lợi biển rất phong phú, đa dạng, ngư trường khai thác hải sản của tỉnh trên 63.000km^2. thuận lợi cho việc khai thác nuôi trồng, chế biến và xuất nhập khẩu hải sản. Kiên Giang là tỉnh có nhiều danh lam thắng cảnh so với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, các địa danh như Phú Quốc, Hà Tiên, quần đảo Nam Du, quần đảo Bà Lụa...là những nơi có nhiều cảnh đẹp, bãi tắm đủ điều kiện để phát triển du lịch, đặc biệt thị xã Hà Tiên. Chính phủ đã cho thực hiện khu kinh tế cửa khẩu, cho phép áp dụng một số chính sách mở tại khu vực này; huyện Phú Quốc cũng là nơi có đủ điều kiện để phát triển du lịch trong những năm tới.

Xác định rõ các lợi thế nói trên, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp trong tỉnh phát triển mạnh nền kinh tế tỉnh nhà. Từ năm 1996 đến năm 1999, nền kinh tế của Kiên Giang tăng trưởng tương đối khá, bình quân mỗi năm tăng trưởng 7,8% trong đó khu vực nông nghiệp tăng trưởng 5,41%, khu vực công nghiệp tăng trưởng 13% và khu vực dịch vụ tăng trưởng10,9%.

Nông nghiệp là ngành sản xuất trọng điểm và là thế mạnh số một của tỉnh đã được phát triển tương đối toàn diện. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm thời kỳ 1991 -1995 là 8,44%, thời kỳ 1996 -1999 mặc dù ảnh hưởng cơn bão số 5 năm 1997 nhưng tốc độ tăng trưởng giai đoạn này hàng năm vẫn đạt 7,8% . Năm 1991, năm đầu tiên Kiên Giang đạt 1 triệu tấn lương thực. Thời gian qua tiếp tục khai hoang mở rộng diện tích, thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp, đến năm 1999 sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt hơn 2 triệu tấn, tăng 2,1 lần so với năm 1991 và tăng 2,41 lần so với năm 1990. Lương thực bình quân đầu người từ 713 kg năm 1990 lên 1.369 kg năm 1999. Kết quả đạt được như trên đã góp phần ổn định lương thực trong nước và dành một phần cho xuất khẩu của tỉnh. Các loại cây công nghiệp truyền thống của địa phương như: Cây tiêu, dừa, khóm, mía, điều được củng cố và phát triển ổn định, đặc biệt hạt tiêu của Phú Quốc đã được thị trường thế giới chấp nhận. Các loại cây ăn trái từng bước được phát triển trên cơ sở cải tạo vườn tạp. Chăn nuôi phát triển với nhiều hình thức quy mô thích hợp. Về lâm nghiệp, toàn tỉnh hiện có 116.181 ha rừng, chiếm 83,6% đất quy hoạch lâm nghiệp, với độ che phủ rừng đạt tỷ lệ 19%.

Kinh tế thủy sản là thế mạnh thứ 2 của tỉnh và là ngành có khả năng tạo ra sản phẩm hàng hóa giá trị cao. Với 200 km bờ biển và 63.000 km^2 ngư trường,

nguồn lợi thủy sản phong phú, hàng năm sản lượng khai thác đạt tương đối lớn. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 1991 - 1995 tăng bình quân hàng năm 11,29%, giai đoạn 1996 -2000 tuy bị thiệt hại lớn do cơn bão số 5 năm 1997 gây ra nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm vẫn đạt 7%. Hiện tại toàn tỉnh có 7.043 phương tiện đánh bắt thủy hải sản với 570.000 HP. Năm 1995 sản lượng khai thác đạt 170.200 tấn, năm 1999 khai thác đạt 218.500 tấn, tăng 1,28 lần so với năm 1995 và tăng 2,13 lần so với năm 1990.

Nuôi trồng thủy sản được chú trọng phát triển nhất là nuôi tôm nước lợ vùng ven biển, nuôi cá nước ngọt dưới nhiều hình thức, hàng năm sản lượng nuôi trồng đạt trên 10.000 tấn.

Kiên Giang là một tỉnh nông nghiệp, từ năm 2000 đến 2010 nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chính của tỉnh, do vậy tỉnh phải tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, đạt hiệu quả cao và bền vững. Một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của tỉnh là khuyến khích chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu mà trọng tâm là xây dựng một số vùng chuyên canh cây lúa, cây mía, cây khóm, cũng như trên lĩnh vực nuôi trồng thủy sản nhằm phục vụ cho chế biến xuất khẩu, mặt khác phát triển nông nghiệp phải chú ý đến việc tăng cường các điều kiện về kết cấu hạ tầng thủy lợi, giao thông, điện, nước, sinh hoạt, gắn phát triển nông nghiệp với việc xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo và vùng dân tộc ít người.

Đối với phát triển thủy lợi phải theo hướng Nhà nước và nhân dân cùng làm vốn ngân sách Trung ương đầu tư cho các công trình đầu nguồn, hệ thống kênh cấp I, cống, đê biển, vốn ngân sách địa phương và vốn dân đầu tư kênh cấp II và thủy lợi nội đồng. Qua mấy năm thực hiện chương trình ngọt hóa của Trung ương, vùng tứ giác Hà Tiên và vùng bán đảo Cà Mau của tỉnh có bước tăng trưởng vượt bậc trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nhiều hệ thống kênh mương cấp II và thủy lợi nội đồng đã được tỉnh tập trung đầu tư đồng bộ với hệ thống kênh cấp I của Trung ương nhờ đó mà sản xuất các vùng này có sự ổn định và ăn chắc hơn so với trước.

Đối với hệ thống giao thông nông thôn và điện cho sinh hoạt của nhân dân tỉnh phấn đấu đến cuối năm 2000, 100% các xã có đường xe bốn bánh về tới trung tâm xã và hệ thống điện về trung tâm các xã cũng đạt 100%. Để đạt được các mục tiêu trên, đòi hỏi tỉnh phải tập trung sức huy động các nguồn lực tương đối lớn, mặt tỉnh phải có phương pháp triển khai nhanh các nguồn vốn nói trên.

Hiện tại tỉnh Kiên Giang đang cùng với cả nước đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, chuẩn bị sẵn thế và lực để bước vào thiên niên kỷ mới. Mục tiêu phấn đấu là tiếp tục đẩ

mạnh sản xuất, mở rộng hợp tác đầu tư, phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân GDP giai đoạn 2001-2005 từ 10,78% - 11,99%, giai đoạn 2006 - 2010 đạt từ 9,86% - 10,66%.

Nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chính của tỉnh, sẽ tiếp tục đầu tư phát triển nông nghiệp toàn diện đạt hiệu quả cao và bền vững. Phát triển nông nghiệp gắn liền với xây dựng nông thôn mới, không ngừng nâng cao mức sống của người nông dân. Sản xuất lương thực ổn định từ 2,5 - 3 triệu tấn, góp phần vào chương trình an ninh lương thực quốc gia. Tăng sản xuất lúa gạo có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, tạo điều kiện tăng kim ngạch xuất khẩu.

Sử dụng đất đai nông nghiệp hợp lý nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất, tiếp tục khai hoang phục vụ hóa ở vùng tứ giác Hà Tiên và bán đảo Cà Mau. Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa giống mới có năng suất cao chất lượng tốt vào sản xuất. Củng cố và tập trung đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, đưa tỷ trọng GDP chăn nuôi trong nông nghiệp ngày một tăng, dần dần đưa chăn nuôi phát triển tương xứng với trồng trọt./.

NÔNG NGHIỆP LẠNG SƠN HƯỚNG TỚI THẾ KỶ 21

LA RINH
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lạng Sơn

Nằm ở vị trí tuyến đầu của Tổ quốc, Lạng Sơn có 253 km đường biên giới, có nhiều cửa khẩu nối với một thị trường rất lớn là Trung Quốc và có hệ thống giao thông nối liền với Hà Nội, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Cao Bằng. Lạng Sơn trở thành trung tâm của vùng Đông Bắc Việt Nam; Có rất nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế, nhất là kinh tế Nông Lâm nghiệp.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng; Những năm qua sản xuất nông lâm nghiệp của Lạng Sơn đã phát triển toàn diện, liên tục với nhịp độ cao. Tốc độ tăng 6% năm.

Lương thực tăng gấp đôi so với 10 năm trước đây, chăn nuôi phát triển toàn diện, cây ăn quả có nhiều tiến bộ, đang tạo thành từng vùng chuyên canh, cây công nghiệ tăng khá, nhất là cây hồi diện tích tăng gấ đôi so với năm trước. Sản xuất lâm nghiệ có những chuyển biến lớn, đến nay cơ bả đã giao đất giao rừng cho gần 70 hộ nôn dân. Việc bảo vệ rừng tốt hơn, trồng rừn có nhiều tiến bộ đã đưa độ che phủ lê 33,8%.

Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất Nôn Lâm nghiệp được khôi phục và phát triể nhanh chóng. Về thủy lợi: Vụ Đông Xuâ tưới trên12.000 ha, vụ mùa 25.000 ha, h thống kênh mương đang được kiên cố ho Giao thông đã đến được 100% số xã tron

tỉnh; Điện thắp sáng đến 100% số huyện và 67% số hộ được dùng điện; 80% dân được hưởng nước sạch.

Đời sống nhân dân các dân tộc trong Tỉnh từng bước được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người đạt gần 3 triệu đồng 1 năm. Tình hình đói nghèo trong nông thôn ngày càng giảm, hiện còn 14,5% hộ đói nghèo. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội được bảo đảm.

Tuy vậy, Lạng Sơn vẫn còn là một tỉnh nghèo chậm phát triển, có 7 huyện vùng cao, 135 xã vùng cao, 80 xã nghèo; Trình độ dân trí thấp, sản xuất còn mang nặng tính tự cung tự cấp, chất lượng nông sản hàng hóa còn kém, sức cạnh tranh của hàng hóa chưa cao, công nghiệp chế biến nông lâm sản chưa phát triển, đời sống nhân dân ở vùng sâu vùng xa còn khó khăn. Để đưa Lạng Sơn đi lên trong thế kỷ 21, Lạng Sơn vẫn phải đi lên từ Nông Lâm nghiệp.

Trước hết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế Nông Lâm nghiệp trên đất ruộng, đất đồi và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từng gia đình. Phấn đấu tăng GDP trong nông nghiệp 6% trong một năm. Bình quân lương thực đầu người 320 kg trong 1 năm, bình quân GDP đầu người 5 triệu 1 năm. Đưa độ che phủ của rừng lên 55%

Để đạt được các mục tiêu đó, Lạng Sơn cần phải mở mang và chiếm lĩnh thị trường nông lâm sản trong và ngoài nước bằng những sản phẩm nông lâm sản chất lượng tốt nhất, đủ sức cạnh tranh với hàng hóa ở các nơi khác.

Đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng cường công tác khuyến nông, huấn luyện tay nghề cho nông dân giải quyết tốt công tác tưới tiêu, cung ứng giống tốt nhất cho các hộ gia đình.

Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp như: Chợ, giao thông, điện, thủy lợi, thông tin đáp ứng nhu cầu giao lưu hàng hóa.

Tạo điều kiện cho hộ gia đình vay vốn và hỗ trợ lãi suất để mở mang sản xuất kinh doanh.

Khuyến khích kinh tế trang trại gia đình phát triển, tạo ra động lực mới để phát triển sản xuất Nông Lâm nghiệp theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

Phối hợp các ngành các cấp tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, của nước ngoài hướng tới hộ gia đình nông dân, thúc đẩy kinh tế Nông Lâm nghiệp phát triển, xây dựng nông thôn mới.

Với phương hướng và giải pháp đã đề ra tin tưởng trong thế kỷ 21 kinh tế Nông Lâm nghiệp Lạng Sơn sẽ có bước phát triển mới góp phần xây dựng Lạng Sơn trở thành một tỉnh văn minh, giàu đẹp./.

NÔNG NGHIỆP LÀO CAI THÀNH TỰU VÀ PHÁT TRIỂN

KS. MA QUANG TRUNG
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Lào Cai

Lào Cai là tỉnh vùng cao, biên giới - phía Bắc giáp với Vân Nam - Trung Quốc. Mới được thành lập lại(tháng 10 năm 1991) có diện tích tự nhiên: 8.049,54 km^2, trong đó diện tích dốc trên 25^0 chiếm 84%. Toàn tỉnh có 8 huyện, 2 thị xã với 180 xã, phường, trong đó có 152 xã vùng cao. Dân số hiện có 600.000 người, bao gồm 27 dân tộc, trong đó 66,2% là dân tộc ít người. Điểm xuất phát nền kinh tế trước khi tái lập lại tỉnh rất thấp kém.

Do có đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước -Từ sau năm 1991 đến nay - Lào Cai đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện - Trong đó có lĩnh vực sản xu nông, lâm nghiệp. Tốc độ tăng trưởng toà ngành đạt bình quân 4-5%/năm. Tỷ trọn ngành nông nghiệp từ 57,6% năm 199 giảm xuống còn 52% năm 1997. Tổng sả lượng lương thực quy thóc tăng từ: 114.45 tấn năm 1991 lên 147.000 tấn năm 1997. Bả đảm tự cân đối lương thực trên địa bàn tỉn khoảng 70%.

Đã chuyển dịch được vụ lúa chiê xuân truyền thống sau vụ Đông bằng câ ngắn ngày, khoai tây là chủ yếu; Vụ lú xuân với 80% diện tích cấy lúa kỹ thuậ năng suất cao, trong đó có 30% là lúa l

Trung Quốc. Nâng cao hệ số sử dụng ruộng đất từ một vụ lúa mùa thành hai vụ Xuân - Mùa có nơi thành ba vụ : Đông - Xuân - Mùa. Đang hình thành rõ nét một nền sản xuất nông nghiệp toàn diện, đa canh, phù hợp với các tiểu vùng sinh thái khác nhau, xóa bỏ dần tình trạng sản xuất độc canh cây lương thực, tạo thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh. Như vùng cây ăn quả đến nay đã có 4.000 ha, tập trung chủ yếu là vùng mận Tam Hoa Bắc Hà 2.237 ha, vùng nhãn, vải, mơ, xoài ở Bảo Thắng, Bảo Yên. Vùng chè 1.635 ha ở Than Uyên, Mường Khương, Bảo Thắng. Vùng mía 2.000 ha ở Bảo Thắng, Bảo Yên, vùng đậu tương 3.500 ha ở Bắc Hà - Mường Khương - Than Uyên vùng cây đặc sản: Thảo quả 2.620 ha ở Bát Xát, Sa Pa, quế 3.860 ha ở Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn. Sản lượng hoa quả tươi đạt 12 .000 - 15.000 tấn/năm. Chăn nuôi có bước phát triển ổn định, giữ ở mức tăng bình quân 4 - 6% /năm- Chủ yếu là đàn trâu, đàn bò, đàn lợn. Nhiều vật nuôi mới được phát triển như : Bò lai, lợn lai, dê lai, gà công nghiệp, vịt siêu trứng.

Công tác quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển vốn rừng được đặc biệt quan tâm, tài nguyên rừng đang được khôi phục và phát triển, đã tiến hành giao đất lâm nghiệp và cấp quyền sử dụng đất cho 58.520 hộ gia đình, 17 tổ chức kinh tế với 297.094 ha trong tổng số 568.560 ha đất lâm nghiệp (chiếm 52%) chuyển từ lâm nghiệp quốc doanh là chính sang lâm nghiệp xã hội, toàn dân tham gia trồng rừng, bảo vệ rừng - Đã xác định rõ 3 loại rừng : Đặc dụng - Phòng hộ - Sản xuất. Nâng độ tán che phủ rừng từ 15,2% năm 1991 lên 27% năm 1997. Nền kinh tế nhiều thành phần phát triển - Trong đó kinh tế hộ gia đình đã phát huy tác dụng to lớn. Phong trào sản xuất nông lâm nghiệp giỏi phát triển mạnh. Năm 1994 có 6.000 hộ, năm 1996 có 10.932 hộ chiếm 12,9% tổng số hộ nông dân toàn tỉnh. Mỗi năm đã giảm bình quân 3% hộ nghèo đói, tăng 2% hộ giàu. Đến hết năm 1997 toàn tỉnh có : 23,32% số hộ khá, giàu, 48,3% số hộ có kinh tế trung bình, 28,32% hộ còn nghèo đói.

Những thành tựu kết quả đạt được trên đây là rất lớn và cơ bản. Nhưng so với yêu cầu phát triển còn đang ở mức thấp. Sản xuất nông nghiệp vẫn chưa thoát khỏi tình trạng thuần nông, đời sống vật chất - tinh thần của nông dân nhất là vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Số hộ đói nghèo còn chiếm tỷ lệ lớn - 106/180 xã phường còn thiếu nước sinh hoạt. Hiện tượng di dịch dân cư tự do tuy đã giảm nhiều nhưng vẫn còn lớn (hơn 1 vạn người), cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và thấp kém, trình độ dân trí thấp. Nhiều vấn đề mới phát sinh trong cơ chế kinh tế thị trường đặt ra bức xúc phải giải quyết như : Biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nhất là vùng sâu, vùng xa - Thị trường tiêu thụ giá cả sản phẩm nông nghiệp cho nông dân, nguồn vốn cho sản xuất, cơ sở vật chất, chuyển giao công nghệ mới vv...

Nắm vững nhiệm vụ phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp giai đoạn 1996 - 2000 là phát triển một nền nông nghiệp bền vững trên toàn bộ các vùng đất dốc. Tìm cách phát huy tốt lợi thế về khí hậu, đất đai, sinh thái, gắn nông nghiệp với lâm nghiệp trong

các hệ thống canh tác thích hợp. Đảm bảo cân bằng lợi ích kinh tế với sinh thái môi trường, bảo đảm an toàn lương thực tại chỗ. Phấn đấu trong năm 2000, có tổng sản lượng lương thực 160.000 tấn. Độ tán che phủ rừng 35%, căn bản không còn tình trạng du canh, du cư. Tỷ lệ cơ cấu nông, lâm nghiệp giảm từ 53% xuống còn 39%. Gắn sản xuất với chế biến, mở rộng thị trường và xây dựng nông thôn mới, đảm bảo đại bộ phận đời sống nhân dân có bước cải thiện đáng kể, thu nhập GDP bình quân đầu người tăng 1,5 lần so với năm 1995.

Để đạt được mục tiêu trên, cần tập trung tổ chức thâm canh trên diện tích lúa, ngô đã có. Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình thủy lợi để có đủ nước cho sản xuất, đưa nhiều giống mới nhất là giống lúa lai, ngô lai, phân bón và các biện pháp kỹ thuật khác vào thâm canh tăng vụ. Tăng diện tích gieo trồng cây lương thực bằng cách đầu tư vốn, kỹ thuật, chính sách ưu đãi để hình thành thêm một vụ sản xuất mới bằng các giống cây ngắn ngày như : Khoai tây, ngô lai, đậu tương, lúa mì, cải dầu ...trên chân ruộng 1 vụ ở vùng cao, 2 vụ ở vùng thấp. Chỉ đạo tập trung các vùng thâm canh cao sản, đưa năng suất lên 1,5 lần so với hiện nay. Giảm diện tích lúa nương từ 10.000 ha xuống còn 5.000 ha, thay giống lúa nương cũ bằng các giống lúa nương mới, năng suất cao; ổn định diện tích ngô, nhưng tập trung thâm canh ngô bằng tập đoàn giống ngô mới, ngô lai chất lượng tốt, hợp thị hiếu nông dân vùng cao. Đưa năng suất ngô bình quân 16 tạ/ha hiện nay lên 25 tạ/ha những năm tới. Phấn đấu đảm bảo trên 75% mức an toàn lương thực tại chỗ. Thực hiện thật tốt công tác quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng, chế biến lâm sản, giao đất, giao rừng. Khai thác có hiệu quả 13.890 ha đất bằng, 440.470 ha đất đồi núi có khả năng nông, lâm nghiệp chưa sử dụng, theo phương châm: Chỗ dễ làm trước, chỗ khó, chỗ xa làm sau. Chuyển từ trồng rừng thuần loại sang trồng rừng hỗn hợp, theo phương thức nông, lâm kết hợp trên cơ sở chất đất, khí hậu, địa hình, độ dốc, quỹ đất để chọn các loại cây phù hợp, hiệu quả kinh tế. Giao trực tiếp, ổn định lâu dài cho từng hộ gia đình, tạo điều kiện cho nhiều hộ gia đình trở thành các chủ trang trại nông, lâm nghiệp hàng hóa. Thực hiện các biện pháp chống xói mòn bằng việc trồng cây rừng, cây lương thực, các cây công nghiệp, cây ăn quả. Xây dựng phương án đầu tư phát triển, tạo thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, sản lượng nhiều, đủ nguyên liệu để xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến tại chỗ nâng cao giá trị sản phẩm trên thị trường. Đó là cây ăn quả tập trung ở cả vùng thấp, vùng cao, trong đó tập trung phát triển cây nhãn, vải, hồng, mơ, xoài, cam quýt, chuối, mía, quế, nho....cho các huyện vùng thấp. Địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc thấp, ít chia cắt, có độ cao 500 m trở xuống so với mặt biển thích hợp với các cây trồng nhiệt đới, cận nhiệt đới ở Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn, thị xã Cam Đường Bắc Hà, Than Uyên; cây mận, đào, lê, táo, hồng, chè tuyết; cây dược liệu như tam thất, đỗ trọng, bạch truật, thảo quả ở các huyện, các xã vùng cao ở Bắc Hà, Sa Pa, Mường Khương, Bát Xát, Than Uyên. Địa hình đồi núi trên 500 - 1.500

hợp với các cây trồng Á nhiệt đới, gần ôn đới. Chú trọng phát triển rau sạch, hoa tươi, gia súc, gia cầm lấy thịt, lấy sữa ở Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai, Cam Đường tạo thành vùng rau, thực phẩm, hoa tươi để cung cấp thường xuyên cho nhu cầu tiêu dùng của thị xã và các tỉnh bạn trong vùng. Nuôi bò thịt, bò sữa, dê sữa, lợn lai hướng nạc, gà vịt công nghiệp, cá lồng, ba ba....ở các trung tâm thị xã, thị trấn, thị tứ, các cụm dân cư.

Tăng cường nghiên cứu ứng dụng và triển khai mạnh mẽ các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông, lâm nghiệp phù hợp với từng vùng sinh thái và văn hóa của từng dân tộc. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và lựa chọn những cây con có thị trường rộng, tạo thành các sản phẩm hàng hóa mũi nhọn cho từng vùng, phù hợp với từng loại đất để chuyển giao cho khuyến nông mở rộng. Gắn sản xuất, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, kích thích nông dân sản xuất hàng hóa, say sưa làm giàu trên mảnh đất của chính mình. Cũng như tỉnh cần đầu tư thỏa đáng các điều kiện để sớm hoàn thành việc giao đất, giao rừng cho từng hộ gia đình. Tiếp tục có chính sách trợ giá, trợ cước cho vay với lãi suất đặc biệt ưu đãi về giống cây trồng, vật nuôi mới, phân bón, vật tư. Có chính sách bảo hiểm, thông tin thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Tăng cường hệ thống tổ chức sự nghiệp khoa học, nhất là hệ thống khuyến nông từ tỉnh xuống đến thôn bản. Có chế độ phụ cấp thường xuyên cho đội ngũ cán bộ khuyến nông tự nguyện cấp xã, thôn bản. Có chính sách ưu tiên, khuyến khích cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý và dân vận tâm huyết với nghề, hết lòng vì mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, làm giàu cho người dân nông thôn, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân xây dựng tỉnh Lào Cai ngày càng Giàu đẹp - Dân chủ - Văn minh và Công bằng

NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN LÂM ĐỒNG VỚI NHỮNG THÁCH THỨC VÀ VẬN HỘI MỚI TRƯỚC NGƯỠNG CỬA CỦA THẾ KỶ XXI

NGUYỄN VĂN MINH
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng

Những thành tựu đóng góp của ngành nông nghiệp trong sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh:

1/ ***Tiềm năng về đất đai, nguồn nước và lao động:***

Điều kiện địa hình của tỉnh Lâm Đồng phức tạp mang tính chất đặc thù riêng biệt, đồi núi xen kẽ các thung lũng hẹp và bị chia cắt bởi các sông suối. Căn cứ vào điều kiện khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng và cơ cấu cây trồng có thể chia thành 4 vùng: vùng sản xuất cây công nghiệp dài ngày, cây ăn trái gồm các huyện Di Linh, Bảo Lộc, Bảo Lâm, Đa Huoai; Vùng sản xuất lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp: Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà; Chuyên canh cây lúa: Cát Tiên, Đạ Tẻh, và vùng sản xuất rau, hoa, cây ăn trái đặc sản: Đà Lạt, Lạc Dương.

- Đất đai của Lâm Đồng có 20 loại đất khác nhau, nhưng quan trọng nhất là nhóm đất Feralit nâu vàng phát triển thích hợp đầu tư phát triển cây công nghiệp dài ngày.

- Đất lâm nghiệp 676.236 ha, trong đó đất có rừng là 583.628 ha và đất lâm nghiệp không rừng là 92.608 ha, độ che phủ rừng Lâm Đồng hiện nay là 61,41% chưa kể độ che phủ của cây công nghiệp dài ngày có độ tán che lớn như các loại cây ăn trái lâu năm, cây điều, cà phê.

Trong số đất lâm nghiệp không có rừng hiện nay có khả năng đưa vào trồng rừng tập trung thông qua các chương trình dự án khác nhau của Trung ương và tỉnh vào khoảng gần 70.000 ha để đạt được mục tiêu vào năm 2010 độ che phủ rừng đạt 69%.

2. Những thành tựu nổi bật của ngành Nông nghiệp Lâm Đồng trong 10 năm đổi mới:

a/ Trong nông nghiệp:

- Sản lượng lương thực quy thóc năm 1998 đạt 180.500 tấn tăng 2,4 lần so với năm 1988, bình quân lương thực đầu người đạt 190 kg/người/ năm. Là một tỉnh miền núi tuy sản xuất lương thực hàng năm không lớn nhưng đảm bảo được an ninh lương thực trên địa bàn.

- Sản lượng rau và cây thực phẩm năm 1998 đạt 291 ngàn tấn, tăng 7,3 lần so với năm 1988, với diện tích rau mở rộng và tăng so với năm 1988 là 11.600 ha, sản xuất rau theo hướng sạch và đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến rau xuất khẩu.

- Đã hình thành vùng cây nguyên liệu, cây công nghiệp dài ngày theo hướng phát triển bền vững, với tổng diện tích cây công nghiệp dài ngày hiện có 118.273 ha, trong đó cây cà phê chiếm ưu thế với diện tích 80.469 ha, sản lượng cà phê nhân 77.890 tấn tăng 4,4 lần về diện tích và 3,1 lần về số lượng; Định hình diện tích cây cà phê đến năm 2010 từ 100 ngàn – 120 ngàn ha với sản lượng cà phê nhân từ 180 ngàn – 200 ngàn tấn. Diện tích cây chè 19.355 ha, sản lượng chè búp tươi 94.300 tấn tăng 2 lần về diện tích và 2,9 lần về sản lượng so với năm 1988; Định hình diện tích chè 24.500 ha với sản lượng chè búp tươi 199 ngàn tấn.

- Diện tích cây điều hiện nay là 8.200 ha, sản lượng những năm bình thường đạt 3.500 tấn hạt điều, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến hạt điều của tỉnh.

- Diện tích cây dâu tằm hiện nay giảm xuống 4.000 ha và đến năm định hình phát triển 8.000 – 9.000 ha chuyển

đổi cây dâu tằm phát triển ở vùng đồi xuống những vùng trũng ven sông suối và đưa các giống dâu có năng suất cao vào thay thế các giống cũ.

- Chăn nuôi: Tốc độ tăng đàn bình quân hàng năm tăng 8,5% trâu bò, 6,2% đối với đàn heo, và 11% đối với đàn gia cầm, từng bước khôi phục đàn bò sữa phát triển trong nhân dân, với điều kiện khí hậu và đất đai Lâm Đồng có điều kiện phát triển thức ăn gia súc, để khôi phục và phát triển chăn nuôi trâu bò nhất là bò sữa, nhưng việc chế biến và tiêu thụ sữa cần được sự quan tâm của Trung ương và các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp trong năm 1998 chiếm 66% GDP của tỉnh.

b/ Trong lâm nghiệp:

Trong những năm qua Lâm Đồng đã trồng rừng được 21.000 ha, giao khoán quản lý bảo vệ rừng đến năm 1999 được 193.000 ha, nuôi dưỡng rừng trồng được 7.000 ha, chăm sóc rừng trồng qua các năm gần 9.000 ha, thực hiện có hiệu quả kinh tế và xã hội. Chương trình 327/CT đã giải quyết việc làm cho 19.538 lao động với 9.173 hộ nông nghiệp, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho 27 xã vùng sâu, vùng đặc biệt nghèo khó.

c/ Về kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp:

Thực hiện Luật HTX năm 1997 và Nghị quyết 03 Tỉnh ủy Lâm Đồng kinh tế hợp tác và HTX nông nghiệp bước đầu có chuyển biến. Toàn tỉnh có 23 HTX nông nghiệp đã chuyển đổi và thành lập mới, trong đó có 21 HTX đã chính thức đi vào hoạt động. Có 13 HTX được đánh giá là hoạt động có hiệu quả, thực hiện Luật đất đai của Nhà nước và những chủ trương của tỉnh; kinh tế hộ nông dân Lâm Đồng được phát triển nhanh, đa dạng, trong đó kinh tế trang trại chủ yếu là sản xuất hàng hóa nông sản mang lại hiệu quả kinh tế. Hiện nay toàn tỉnh có hơn 3.000 trang trại vừa và nhỏ, trong đó trang trại đạt tiêu chuẩn theo quy định gần 1.000 trang trại. Trang trại của Lâm Đồng mang một sắc thái riêng chủ yếu là phát triển cây công nghiệp dài ngày và rau hoa.

d/ Về ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp:

Ngành nông nghiệp Lâm Đồng thông qua công tác khảo nghiệm, thực nghiệm đã đưa nhanh các giống mới, kỹ thuật thâm canh tiến bộ và sản xuất đại trà, hiện nay diện tích ngô lai của tỉnh chiếm trên 90%, lúa cao sản 85% diện tích, đầu tư chè cành giống mới thay thế vườn chè cũ, các giống

rau hoa được chọn lọc và ứng dụng vào sản xuất đáp ứng yêu cầu tiêu thụ, các giống cây cà phê có năng suất và chất lượng cao cũng được từng bước thay thế trên diện tích cũ, đang nghiên cứu các giống điều ghép vào sản xuất ở các huyện phía Nam của tỉnh. Trong chăn nuôi thực hiện chương trình nạc hóa đàn heo, cải tạo đàn bò vàng, đưa các giống gà, vịt... siêu thịt, siêu trứng vào sản xuất ở nhiều mô hình khác nhau để làm tăng năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế nhằm phát triển chăn nuôi của tỉnh.

- Trong lâm nghiệp: Một số giống cây lâm nghiệp đã được ứng dụng và đưa vào cơ cấu trồng rừng hàng năm của tỉnh, từng bước đưa một số cây lâm nghiệp có hiệu quả kinh tế, chu kỳ sản xuất ngắn vào sản xuất theo mô hình nông lâm kết hợp.

- Ứng dụng khoa học công nghệ mới trong khảo sát thiết kế và thi công các công trình thủy lợi, đảm bảo được chất lượng công trình, rút ngắn thời gian thi công, hạ được giá thành sản phẩm như công trình Đạ Ròn, Hồ Xuân Hương.

THÀNH TỰU VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TỈNH NAM ĐỊNH

TRẦN XUÂN GIAI

Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Nam Định

1-Thành tựu sản xuất nông nghiệp trong 10 năm đổi mới :

Nam Định là tỉnh trọng điểm nông nghiệp của đồng bằng sông Hồng, có diện tích đất tự nhiên 167.156 ha, đất nông nghiệp 105.437 ha. Dân số khoảng 1,9 triệu người, trong đó 81% là nông nghiệp. Là một tỉnh đồng bằng nằm giữa hai con sông lớn của đồng bằng Bắc bộ là sông Hồng và sông Đáy, có lợi thế về nước tưới và hàng năm phù sa được bồi đắp thêm đất đai nhất là các huyện phía Nam rất màu mỡ, là vùng sản xuất thóc gạo lớn của tỉnh. Các huyện phía Bắc nhờ hệ thống đại thủy nông Bắc Nam Hà nên ít bị ngập úng nghiêm trọng, có điều kiện để đi vào thâm canh và mở rộng diện tích.

Thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước, hơn 10 năm qua nhất là những năm gần đây, cùng với các yếu tố thời tiết khí hậu thuận lợi, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ dân trí cao, cần cù, siêng năng, có truyền thống thâm canh. Tiếp thu nhanh những tiến bộ khoa học về giống cây, giống

con, đổi mới cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, là tỉnh có phong trào sản xuất lúa lai, lúa thuần sớm và mạnh nhất ở các tỉnh phía Bắc, đã vươn lên sản xuất từ lúa lai F1 và sản xuất thành công giống bố và mẹ... Các loại cây trồng vật nuôi đã và đang đạt được những đỉnh cao mới về năng suất, sản lượng theo hướng từng bước chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, trên cơ sở đảm bảo an toàn lương thực, có dự trữ, có sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu và xây dựng nông thôn mới ngày càng giàu đẹp văn minh.

Giá trị sản lượng nông nghiệp hàng năm tăng 7,3%/năm (tính theo giá ổn định năm 1994), là tỉnh có tốc độ phát triển cao của cả nước. Năng suất nhiều loại cây trồng tăng nhanh, năng suất lúa những năm gần đây đã vươn lên đạt xấp xỉ 11 tấn/ha/năm (1995, 1996, 1997), nhiều HTX năng suất đạt 14 - 15 tấn/ha. Vụ đông phát triển mạnh nhất là vụ đông trên 2 chân lúa, diện tích các cây màu lương thực tăng, diện tích ngô từ 1.787 ha năm 1991 lên 4.020 ha, năng suất ngô đạt 40 - 50 tạ/ha, sản lượng từ 23.000 - 25.000 tấn; khoai tây năng suất 150 - 200 tạ/ha, sản lượng trên 40.000 tấn đã đưa sản lượng lương thực tăng nhanh từ 596.000 tấn năm 1991 lên xấp xỉ 1 triệu tấn năm 1997 (trên 95 vạn tấn) gần bằng sản lượng lương thực của tỉnh Hà Nam Ninh và Nam Hà trước đây. Bình quân lương thực đầu người đạt gần 500 kg, có lương thực dự trữ, phát triển chăn nuôi và lương thực hàng hóa từ 25 vạn - 30 vạn tấn/năm. Đã và đang hình thành những vùng lúa đặc sản có chất lượng cao để làm hàng hóa và xuất khẩu như các giống lúa đặc sản: Tám, nếp, các giống lúa có chất lượng gạo ngon: VĐ 10, VĐ 20, IR 64...

Rau màu, củ, quả vụ đông nhiều và đa dạng, nếu có thị trường tiêu thụ thì vụ đông có điều kiện phát triển nhất là khoai tây, cà chua, dưa các loại.

Các loại cây công nghiệp tuy diện tích không lớn, nhưng nhiều chủng loại có giá trị kinh tế cao, đã hình thành một số vùng chuyên canh tập trung như: Lạc diện tích 2.700 - 3.000 ha, năng suất đạt xấp xỉ 25 tạ/ha, sản lượng từ 7.000 - 8.000 tấn /năm. Đậu tương từ 1.700 - 2.000 tấn, cói từ 2.000 - 3.000 tấn... ở các huyện Nam Trực, Ý Yên, Vụ Bản, Giao Thủy, Nghĩa Hưng...

Nhờ sản xuất lương thực phát triển, cùng với những tiến bộ kỹ thuật về giống và thức ăn, đàn gia súc, gia cầm phát triển nhanh về cả số lượng và chất lượng, đặc biệt là đàn lợn và đàn gia cầm (gà, vịt...).

Đàn lợn trên 51 vạn con tăng 38,7% so với năm 1991. Đàn trâu bò 36 ngàn con, đàn gia cầm 5 triệu con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt trên 42.000 tấn, trong đó sản lượng thịt lợn hơi 38.000 tấn, xuất khẩu 4.000 - 5.000 tấn/năm.

Nông thôn Nam Định đã có những thay đổi đáng kể về đường, trường, trạm, điện... Các HTX nông nghiệp được củng cố, kinh tế hộ tăng trưởng nhanh, kết cấu hạ tầng và đời sống văn hóa xã hội ngày càng cao và phát triển.

2. Phương hướng và mục tiêu:

Từ tiềm năng thế mạnh của tỉnh, phương hướng nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn từ nay đến năm 2010 là:

Phấn đấu thực hiện nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, chế biến và xuất khẩu. Đưa giá trị tổng sản phẩm nông nghiệp tăng bình quân 5%/năm. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 1 triệu tấn, đảm bảo an toàn lương thực, có dự trữ, phát triển chăn nuôi, có thóc đặc sản và xuất khẩu từ 25 - 30 vạn tấn, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 42.000 tấn, xuất khẩu 15.000 - 20.000 tấn thịt hơi.

Đối với các ngành sản xuất tập trung phát triển cây lương thực và chăn nuôi gia súc, gia cầm, đồng thời sử dụng hợp lý đất đai, sức lao động để phát triển cây công nghiệp, cây rau quả, cây lâu năm, trồng rừng và ngành nghề thủ công, dịch vụ, khai hoang lấn biển. Huy động và tập trung vốn xây dựng kết cấu hạ tầng, phục vụ sản xuất và sinh hoạt ở nông thôn, mở rộng và từng bước xây dựng mới các cơ sở chế biến nông sản có quy trình công nghệ tiên tiến.Tiếp tục đổi mới quan hệ sản xuất nông nghiệp ở nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá 8 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ 15./.

NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN NGHỆ AN THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

NGUYỄN ĐÌNH CHI
PGĐ. Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An

Nghệ An là tỉnh thuộc Bắc Trung bộ có diện tích 16.380 km^2, dân số 2,8 triệu người. Đất có khả năng nông nghiệp 36 vạn ha, đất rừng 59 vạn ha. Nhìn chung đất đai khá phì nhiêu, đặc biệt có gần 15 ngàn ha đất đỏ bazan có thể phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao.

Sản xuất nông nghiệp Nghệ An trong giai đoạn 1996 – 1999 đạt mức tăng trưởng bình quân 4,45%, lâm nghiệp 3,17% trong đó sản lượng lương thực năm 1999 đạt 79,9 vạn tấn, bình quân đầu người 276 kg. Cây công nghiệp ngắn ngày khá phong phú: lạc, mía, đậu tương, vừng, dâu tằm... hàng năm tăng nhanh diện tích do chuyển quỹ đất các loại cây trồng kém hiệu quả. Cây công nghiệp dài ngày có nhiều bước phát triển tốt, sản lượng chè búp tươi khoảng 1 vạn tấn, cà phê 1.000 tấn. Diện tích cây ăn quả như cam, chanh, quýt, chuối, nhãn, vải, na tiếp tục tăng trưởng khá.

Về chăn nuôi: Nghệ An là một trong những tỉnh có đàn gia súc lớn nhất nước. Đến cuối năm 2000 tổng đàn trâu đạt 265.000 con, bò 268.000 con. Đàn lợn có nhịp độ tăng trưởng 3,5 – 3,7%.

Lâm nghiệp: Chương trình PAM 4304 đã trồng được 16.578 ha với 2,54 triệu cây phân tán. Chương trình 327/ CT (1993 – 1997) trồng được 3,06 vạn ha, hàng năm khoanh nuôi bảo vệ 10,4 vạn ha.

Chương trình 661/TTg (1999 – 2000) năm 1999 đã trồng rừng 2.971 ha, khoanh nuôi bảo vệ rừng 11,01 vạn ha.

Thủy lợi: Trong những năm qua tiếp tục khôi phục sửa chữa nâng cấp xây dựng và bảo vệ an toàn các công trình thủy nông.

Hoàn thành công trình Kẻ Cọc – Khe Nhã – Quỳ Châu phục vụ tưới 480 ha. Khởi công xây dựng mới các công trình hồ Sông Sào – Nghĩa Đàn.... Kiên cố hóa kênh mương tổng cộng chiều dài 1.026 km. Hoàn thành các chỉ tiêu bảo vệ đê điều của Bộ và Tỉnh giao, các công trình xây dựng cơ bản, tu bổ sửa chữa đê, kè, cống được hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch, bảo đảm an toàn trong bão lũ.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2001 – 2005

Phương hướng

- Tập trung khai thác tốt tiềm lực về lao động và đất đai, đặc biệt là quỹ đất có khả năng phát triển nông nghiệp (11 vạn ha) và lâm nghiệp (53 vạn). Đây là nguồn lực quan trọng rất dồi dào trong nông nghiệp và nông thôn của tỉnh. Trong đó vấn đề mấu chốt là tạo ra được nhiều việc làm. Trên cơ sở sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai, mở rộng ngành nghề, đa dạng hóa loại hình sản xuất trong nông thôn, gắn sản xuất với chế biến, dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp và nông thôn. Đặc biệt ưu tiên đầu tư về thủy lợi, giao thông, cơ khí hóa và đào tạo nguồn nhân lực. Đây là tiền đề, là cơ sở cho phát triển bền vững nông nghiệp nông thôn.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, tạo nguồn nước tưới cho các vùng cây công nghiệp, vùng trồng màu, vùng ven biển để nâng cao năng suất cây trồng. Đồng thời đầu tư quy hoạch hệ thống tiêu úng đối với các vùng thấp.

- Phát triển và ứng dụng nhanh công nghệ sinh học vào sản xuất trong đó ưu tiên cho công nghệ ưu thế lai các giống lúa, ngô và giống chăn nuôi, giống cây rừng.

- Tập trung thâm canh, đẩy nhanh năng suất các cây công nghiệp trọng điểm: Chè, cà phê, cao su, cây ăn quả.

- Phát huy công nghệ chế biến trước hết tập trung cho công tác chế biến lâm sản, bảo quản và chế biến lương thực, chế biến mía đường, cà phê, cao su, chè, dầu thực vật v.v...

Những mục tiêu chủ yếu

- Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng trong nông nghiệp bình quân 4,5 – 5%/năm.

- Diện tích gieo trồng đạt 394.969 ha (tăng 2 vạn ha).

- Tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 35 – 37% so với tổng giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Tỷ lệ độ che phủ 45 – 47%.

- Tổng sản lượng lương thực đạt 90 vạn – 1 triệu tấn. Bình quân lương thực 310 – 320 kg/người/năm.

- Xuất khẩu nông lâm hải sản đạt mục tiêu 60 – 65 triệu USD.

- Muối ăn phấn đấu đạt sản lượng 73 – 74 tấn.

- Giảm tỷ lệ đói xuống dưới 5%.

NINH THUẬN PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA

LƯU KHOAN
PGĐ. Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Thuận

Ninh Thuận là tỉnh ven biển cực Nam Trung bộ, Bắc giáp Khánh Hòa, Tây giáp Lâm Đồng, Đông giáp biển Đông và Nam giáp Bình Thuận.

Diện tích tự nhiên 3.430 km^2 dân số 450 ngàn người.

Ninh Thuận có tiềm năng lớn về đất đai, lao động, tài nguyên thiên nhiên khá phong phú và đa dạng có thể đầu tư phát triển nhiều lĩnh vực.

1/ NÔNG NGHIỆP: Về cơ cấu có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, đã hình thành một số vùng qui hoạch nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến.

- *Sản xuất lương thực:* Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực năm 1999 là 45.000 ha sản lượng qui thóc 172.000 tấn trong đó diện tích lúa 34.900 ha, sản lượng 158.000 tấn, bình quân lương thực 1999 đạt 337 kg/người.

- *Sản xuất cây công nghiệp và rau quả:* Đã hình thành vùng qui hoạch sản xuất hàng hóa, phục vụ cho công nghiệp chế biến, được đầu tư lớn về giống, công nghệ sản xuất, các loại cây công nghiệp ngắn ngày tăng cả về diện tích và sản lượng, mía 2.500 ha sản lượng 100.000 tấn, cây thuốc lá trên 2.000 ha, bắp 9.000 ha (bắp lai 2.500 ha), bông vải 1.500 ha, hành tỏi 500 ha.

Cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả có diện tích và sản lượng đều tăng, nho đạt 2.300 ha, điều 2.500 ha trong đó diện tích cho thu hoạch trên 1.000 ha, sản lượng 350 – 400 tấn, các loại cây ăn quả có chiều hướng phát triển tốt.

- *Chăn nuôi*: Tập trung khai thác các lợi thế để phát triển chăn nuôi đại gia súc, đưa tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp đạt 20,42% bằng nhiều chương trình đầu tư Sind hoá đàn bò, nạc hóa đàn heo, chương trình vệ sinh an toàn dịch bệnh... để tăng năng suất và chất lượng. Tính đến năm 2000 tổng đàn bò là 82.400 con, 69.900 con heo, 32.900 con dê cừu. Toàn tỉnh đã hình thành nhiều trang trại chăn nuôi có qui mô tổng đàn lớn, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

2/ LÂM NGHIỆP: Từ 1993 – 2000 nhờ có vốn các chương trình 327, định canh định cư 773, dự án 661/TTg toàn tỉnh đã thực hiện giao rừng khoán khoảng 60.000 ha, khoanh nuôi tái sinh 17.000 ha, trồng tập trung 7.452 ha. Bình quân mỗi năm trồng trên 1.000 ha.

3/ DIÊM NGHIỆP: Giai đoạn 1992 – 1995 diện tích sản xuất muối của tỉnh 391 ha, đến năm 1998 – 2000 đạt 1.233 ha với sản lượng 150.000 tấn (năm 1998). Tháng 11/1999 Chính phủ đã phê duyệt dự án khu kinh tế muối công nghiệp và xuất khẩu tại Quán Thẻ có qui mô 2.580 ha.

4/ THỦY LỢI: Ưu tiên đại tu, phục hồi, nâng cấp 28 công trình giai đoạn 1996 – 2000 nguồn vốn 53,5 tỷ đồng. Đầu tư mới 27 công trình vừa và nhỏ với nguồn vốn 33,5 tỷ đồng. Ngoài ra với chương trình đầu tư thủy lợi nhỏ đã góp phần nâng cao năng lực tưới phục vụ sản xuất từ 14.000 ha (năm 1995) lên 18.000 ha (năm 2000).

5/ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN:

- Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng trọng của công nghiệp và dịch vụ chiếm trên 14% GDP, cây công nghiệp, cây thực phẩm và cây ăn quả chiếm 28,64% (năm 1992: 24%), đã hình thành một số sản phẩm hàng hóa cho công nghiệp chế biến địa phương như: mía, nho, thuốc lá, bông vải, đào...

- Cơ sở hạ tầng nông thôn được cải thiện. Về thủy lợi có 3 hệ thống công trình thủy lợi lớn, 54 đập thủy lợi vừa và nhỏ, 61 hồ chứa nước nhỏ, 10 trạm bơm điện với năng lực thiết kế trên 25.000 ha đã phát huy tác dụng trên 75% công suất, chương trình nước sạch nông thôn được mở rộng.

- Cơ sở chế biến đã từng bước được mở rộng: nâng công suất Nhà máy chế biến đường từ 350 tấn mía cây/ngày lên 500 tấn mía cây/ngày, đưa Nhà máy chế biến hạt điều 2.000 tấn/năm đi vào hoạt động, đã hình thành cơ sở chế biến nông sản khác nhau: sấy lúa, sấy giống cây trồng, các lò đường thủ công.

- 100% số xã và 80% số hộ có đủ sản xuất và tiêu dùng, 95% các xã có chợ nông thôn, đang hình thành xây dựng các trung tâm cụm xã của 3 huyện: Ninh Sơn, Ninh Phước, Ninh Hải để tạo điều kiện giao lưu hàng hóa và thị trường tiêu thụ nông sản ở nông thôn.

- Đời sống nông dân được cải thiện, mức sống thu nhập bình quân đầu người tăng lên, điều kiện đi lại, học tập, chữa

PHÚ THỌ VỚI CHƯƠNG TRÌNH AN TOÀN LƯƠNG THỰC

TRƯƠNG VĂN KHÔI
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ

Phú Thọ là tỉnh miền núi, đất nông nghiệp có 95.045 hà bình quân 0,07 ha/đầu người, đất canh tác 56.609 ha (trong đó đất lúa 46.898 ha) bình quân đầu người 0,04 ha. Do đặc điểm miền núi ruộng đất phân tán, diện tích ruộng khe dộc, độ phì nhiêu kém. Theo số liệu thống kê 1990 - 1996 sản lượng lương thực đạt 24 - 25 vạn tấn, bình quân đầu người đạt 180 -190 kg/ năm. Tốc độ phát triển sản xuất lương thực chậm, nguyên nhân chủ yếu do trình độ dân trí còn thấp, khả năng tiếp thu tiến bộ kỹ thuật (TBKT) hạn chế, phần lớn nông dân (nhất là các huyện miền núi) còn sử dụng giống địa phương năng suất thấp , tính đến 1996, diện tích được cấp I hóa mới đạt dưới 30%, trình độ thâm canh thấp, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ chậm. Công tác chuyển giao kiến thức làm chưa được nhiều, ở nhiều xã chưa có đội ngũ khuyến nông cơ sở dẫn đến đưa TBKT đến với người dân gặp khó khăn. Năm 1997 Phú Thọ được tái lập, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã có những quyết sách lớn khuyến khích phát triển sản xuất lương thực,

đẩy mạnh chương trình cấp I hóa giống lúa và ngô lai, đầu tư Trung tâm giống cây lương thực để lo về giống, trợ giá giống cho nông dân (chủ yếu lúa và ngô), đẩy mạnh khuyến nông (nhất là khuyến nông cơ sở) đưa tiến bộ kỹ thuật đến người sản xuất, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, đặc biệt là thành công trồng ngô lai trên đất lầy thụt mở ra triển vọng con đường tăng sản lượng lương thực. Kết quả năm 1997 đạt sản lượng lương thực 27,5 vạn tấn (tăng 13,9% so với năm 1996) và đạt bình quân 212 kg/người/năm(tăng 10,9% so với năm 1996).

Từ thực trạng sản xuất lương thực và những kinh nghiệm thành công của năm 1997, chủ trương và định hướng phát triển lương thực như sau:

1. Phương hướng, mục tiêu :

- Phương hướng: Tăng nhanh sản lượng lương thực trên cơ sở đầu tư thâm canh, trong đó chú trọng đầu tư thâm canh cao vùng trọng điểm, 2 vụ lúa ăn chắc 8.000 ha canh tác, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, tăng diện tích gico trồng cây lương thực, phát triển sản xuất lương thực toàn diện (trong đó chú trọng lúa và ngô).

- Mục tiêu: Phấn đấu năm 2000 đạt 31 - 32 vạn tấn lương thực quy ra thóc (trong đó thóc 22 -23 vạn tấn và màu lương thực quy thóc 9 -10 vạn tấn). Đảm bảo bình quân lương thực đầu người 230 - 240 kg/người/năm.

- Chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể:

+ Năm 1998 : Diện tích cây lương thực 95.000 ha trong đó lúa cả năm 66.755 ha, ngô 13 - 14 ngàn ha(chủ yếu ngô vụ đông). Năng suất lúa bình quân 31,1 tạ/ha, ngô 26,4 tạ/ha. Sản lượng lương thực đạt 28,4 vạn tấn (trong đó thóc 20,8 vạn tấn, màu lương thực 7,6 vạn tấn).

+ Năm 1999 : Diện tích cây lương thực 97.400 ha trong đó lúa cả năm 67 - 70 ngàn ha, ngô 15 - 16 ngàn ha(chủ yếu ngô vụ đông). Năng suất lúa đạt bình quân 32,6 tạ/ha, ngô 27 tạ/ha. Sản lượng lương thực đạt 30,1 vạn tấn (trong đó thóc 21,8 vạn tấn, màu lương thực 8,3 vạn tấn).

+ Năm 2000 : Diện tích cây lương thực 98.700 ha, trong đó lúa cả năm 67 - 70 ngàn ha, ngô 18 ngàn ha. Năng suất lúa bình quân đạt 34,2 tạ/ha, ngô 31,3 tạ/ha. Sản lượng lương thực 31 - 32 vạn tấn (trong đó thóc 22 -23 vạn tấn, màu lương thực 9 vạn tấn).

2. Giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh chương trình cấp I hóa giống lúa và ngô lai. Năm 2000 có 80% diện tích lúa sử dụng giống cấp I và 70% diện tích ngô sử dụng giống ngô lai. Xác định cơ cấu giống phù hợp các vùng sinh thái. Tổ chức tốt việc sản xuất giống đáp ứng yêu cầu sản xuất. Đầu tư xây dựng Trung tâm giống cây lương thực, đảm bảo tự túc được giống và đầu tư hệ thống BVTV làm tốt công tác dự tính dự báo phòng trừ sâu bệnh hại mùa màng.

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật và thâ

canh cây lương thực theo quy trình kỹ thuật sản xuất đối với từng giống .

- Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, bố trí hợp lý cơ cấu các trà lúa sớm chính vụ và muộn ở cả 2 vụ, tăng diện tích vụ đông mở rộng diện tích cây lương thực trên cơ sở đầu tư, củng cố hệ thống công trình thủy lợi hiện có và xây dựng thêm các công trình vừa và nhỏ, nâng cao năng lực phục vụ sản xuất của hệ thống công trình tưới tiêu.

- Chuyển giao kiến thức và đào tạo lao động kỹ thuật, giúp người sản xuất hiểu và làm theo kỹ thuật .

-Tổ chức hệ thống dịch vụ phục vụ sản xuất.

3. Kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Hệ thống khuyến nông đến cơ sở (xã) đã hình thành, song chưa được tăng cường củng cố và chính sách đãi ngộ khuyến viên cơ sở còn gặp khó khăn. Đề nghị Cục Khuyến nông nghiên cứu đề xuất Nhà nước có chính sách đối với đội ngũ khuyến nông viên ở cơ sở.

- Trung tâm giống cây lương thực của tỉnh mới thành lập, trang thiết bị nghiên cứu, cũng như đội ngũ cán bộ về nghiện cứu sản xuất giống còn nhiều hạn chế. Đề nghị các Viện nghiên cứu của Bộ tạo điều kiện giúp đỡ để tăng cường năng lực hoạt động của Trung tâm giống cây lương thực tỉnh./.

PHÚ YÊN VỚI TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐA DẠNG VÀ HIỆU QUẢ

ĐINH THANH TỊNH
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Yên

Phú Yên thuộc tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, với tổng diện tích tự nhiên 5.035 km^2. Dân số: 786.972 người, dân số nông nghiệp: 637.959 người chiếm 81% dân số của tỉnh.

Với điều kiện tự nhiên không mấy thuận lợi, song là tỉnh có lợi thế phát triển nông nghiệp so với một số tỉnh trong vùng.

Ngoài những sản phẩm nông nghiệp đáp ứng nhu cầu tại chỗ, Phú Yên đã tổ chức sản xuất được một số sản phẩm hàng hóa, trong đó có nhiều sản phẩm truyền thống như lúa gạo, thịt bò, thịt heo, gia cầm, mía đường, cà phê, hạt điều, tiêu, dừa, sản phẩm nuôi trồng thủy sản...

Đánh giá kết quả sản xuất nông nghiệp từ năm 1996 đến năm 2000, về trồng trọt với tổng diện tích gieo trồng là 114.420 ha tăng 10.759 ha

(năm 2000 so với năm 1996). Trong đó cây lương thực đạt 68.500 ha (tăng 1.256 ha). Cây công nghiệp hàng năm đạt 25.000 ha (tăng 6.359 ha). Cây thực phẩm đạt 5.600 ha. Cây công nghiệp dài ngày đạt 12.120 ha (tăng 2.333 ha). Lương thực quy thóc hàng năm đạt 29 đến 30 vạn tấn, xây dựng được vùng mía 19.476 ha với sản lượng 950.000 tấn mía cây (tăng 2,4 lần so với năm 1996).

Về chăn nuôi năm 2000 đàn bò đạt khoảng 184.000 con tốc độ tăng 1,4%. Trong đó bò lai Sind 25.000 con chiếm 13,5% tổng đàn. Đàn heo 211.000 con, tốc độ tăng 2,7%, gia cầm 1,68 triệu con tốc độ tăng 1,3%.

Về lâm nghiệp bình quân mỗi năm trồng 2.740 ha rừng tập trung, 2 triệu cây phân tán. Đưa độ che phủ từ 31% đến 34,7% tăng 3,4% so với năm 1996. Chất lượng rừng trồng được nâng lên, khai thác rừng tự nhiên từ 20.000 m^3 giảm xuống còn 8.000 m^3/năm.

Nhìn chung nhận thức của nhiều người đã thấy được tầm quan trọng của việc quản lý, bảo vệ phát triển rừng vì mục đích sinh thái, môi trường.

Về thủy lợi có sự tăng cường đầu tư để hoàn thiện, nâng cấp các công trình hiện có. Đồng thời xây dựng nhiều công trình mới phục vụ tưới và cấp nước sinh hoạt. Một số công trình tiêu biểu được đầu tư như : Hệ thống thủy nông Đồng Cam, thủy lợi sau thủy điện Sông Hinh, hồ chứa nước Hóc Răm, hồ chứa nước Phú Xuân, hồ chứa nước Ba Võ, hồ chứa nước Tân Lập. Đang thi công đập Đồng Khôn, Tân Giang Thượng và hồ Đồng Tròn, đến nay đã nâng diện tích có tưới lên 51.000 ha chiếm 45% diện tích gieo trồng (tăng 3.000 ha so với năm 1996).

Về kinh tế HTX, đến nay toàn tỉnh có 110 HTX dịch vụ nông nghiệp đã được chuyển đổi theo luật HTX. Trong đó có 106 HTX được cấp giấy đăng ký kinh doanh, 3 HTX yếu kém phải chờ giải thể. Phần lớn HTX dịch vụ nông nghiệp đã cố gắng thích ứng với cơ chế thị trường, thực hiện tốt các dịch vụ hỗ trợ kinh tế hộ sản xuất kinh doanh. HTX đã tham gia cùng chính quyền cơ sở xây dựng cơ sở hạ tầng, giải quyết các vấn đề về phúc lợi xã hội, làm chỗ dựa cho kinh tế hộ, nhất là các hộ nông dân nghèo, gia đình neo đơn, các đối tượng thuộc diện chính sách.

Theo điều tra tháng 4/2000 toàn tỉnh có khoảng 1.400 trang trại, trong đó trang trại nông nghiệp chiếm 73,5%, lâm nghiệp chiếm 4,4%, nông lâm kết hợp chiếm 4,6%, thủy sản 17,5%. Bình quân mỗi trang trại có 5,3 ha đất. Trang trại là hình thức sản xuất hàng hóa đang ngày càng được phát triển, thu hút được nhiều lao động, huy động được vốn tự có, năng động trước rủi ro của cơ chế thị trường. Tham gia

tích cực thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Qua kết quả sản xuất nhiều năm đã khẳng định vai trò hết sức quan trọng của ngành nông nghiệp trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng tiếp tục có chiều hướng tăng, tỷ trọng nông nghiệp vẫn còn chiếm ưu thế trong cơ cấu kinh tế. Nông nghiệp vẫn còn thu hút trên 80% lực lượng lao động xã hội, sản xuất chế biến nông lâm thủy sản vẫn tiếp tục giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, thực hiện xóa đói giảm nghèo trong khu vực nông thôn, miền núi...

Mặc dù nông nghiệp tiếp tục phát triển song tiến trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi diễn ra chưa đạt mong muốn, vì thiếu sự tác động, hỗ trợ điều tiết đầu tư thỏa đáng của Nhà nước.

Mức độ đầu tư cho ngành nông nghiệp còn quá thấp, chỉ đủ để giữ sự ổn định nhưng chưa tạo sự tăng trưởng mới, nhằm tạo bước đột phá.

Nhiều năm qua chúng ta chưa có cơ chế chính sách thỏa đáng để bảo đảm lợi ích cho người làm nghề rừng. Tệ nạn phá rừng làm nương rẫy, đốt than, lấy củi, khai thác gỗ đang diễn ra rất nghiêm trọng. Đất trống đồi núi trọc chưa được phục hồi, chưa thực hiện tốt giao đất, khoán rừng đến hộ gia đình.

Phát triển thủy lợi chỉ chủ động tưới cho lúa, chưa đầu tư thủy lợi để tưới cho nhiều cây trồng khác. Nước sạch nông thôn chưa đáp ứng được nhu cầu của đại đa số người dân nông thôn nhất là ở miền núi, đồng bào dân tộc.

Nhận thức được những điểm mạnh và thiếu sót, trong kế hoạch những năm tiếp theo nông nghiệp Phú Yên có thể phát huy lợi thế, khai thác tốt tiềm năng, xác định các phương án quy hoạch sử dụng đất, bố trí cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện tác động của thị trường, theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, theo lợi thế của từng vùng, kết hợp khai thác với bảo vệ cải thiện môi trường, tiến tới thực hiện nền nông lâm nghiệp sinh thái bền vững.

Năm 2010 qui mô sản xuất một số cây trồng, vật nuôi chính bao gồm:

Đất trồng lúa : 32.840 ha

sản lượng:362.710 tấn

Đất trồng mía: 20.000 ha

sản lượng:1.200.000 tấn (mía cây)

Điều : 15.000 ha

sản lượng: 12.000 tấn

Cà phê : 2.500 ha

sản lượng: 2.500 tấn

Cao su : 5.000 ha

sản lượng: 1.250 tấn

Dừa: 6.000 ha

sản lượng: 51.500 tấn

Cây ăn quả: 7.908 ha

sản lượng: 79.080 tấn

Ca cao: 2.000 ha

sản lượng: 2.000 tấn

Dứa: 3.000 ha

sản lượng: 150.000 tấn

Bông: 2.000 ha

sản lượng: 3.000 tấn

Sắn: 7.000 ha,

sản lượng:140.000 tấn (củ tươi)

Tiêu: 500 ha

sản lượng: 1.500 tấn

Diện tích nuôi tôm : 2.700 ha,

sản lượng: 5.468 tấn

Chăn nuôi trâu bò: 208.400 con

sản lượng: 11.190 tấn

Chăn nuôi heo: 275.000 con,

sản lượng: 21.730 tấn

Chăn nuôi gia cầm : 3.000.000 con

sản lượng: 4.000 tấn

Bò sữa: 500 con

sản lượng: 50 tấn

Về trồng rừng phấn đấu từ nay đến 2010 sẽ phát triển 68.000 ha, trong đó trồng mới : 48.000 ha và khoanh nuôi phục hồi rừng 20.000 ha.

Mục tiêu đến 2010 phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 4,5%. GDP bình quân đầu người 750-800 USD. Đưa cơ cấu kinh tế trong đó tỷ trọng nông nghiệp xuống còn 20%, phát triển nông nghiệp tiếp tục theo hướng đa dạng hóa sản phẩm cây trồng vật nuôi, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của trung du, miền núi, ven biển. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi. Tăng tỷ trọng rau quả cây công nghiệp trong cơ cấu cây trồng. Giữ ổn định diện tích lúa, sản xuất nông nghiệp cần đầu tư mạnh mẽ vào các yếu tố tạo sản phẩm hàng hóa có năng suất, chất lượng, có sức cạnh tranh ở mọi thị trường trong và ngoài nước.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thông qua chế biến, tạo các vùng chuyên canh lớn làm nguyên liệu cho công nghiệp. Lập các dự án phát triển công nghiệp chế biến theo các vùng nguyên liệu là giải pháp cơ bản để ổn định thị trường, giải quyết đầu ra cho nông dân đang là giải pháp tối ưu tạo lòng tin cho người sản xuất.

Phát triển mạnh cơ sở hạ tầng nông thôn như giao thông thủy lợi (theo hướng bê tông hóa và kiên cố hóa) đầu tư phát triển nước sạch nông thôn, xây dựng nhiều trạm, trại, ngành nghề, các cơ sở dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn...

Đây là các yếu tố tiền đề để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Ngăn chặn tệ nạn phá rừng, phát triển mạnh khoanh nuôi tái sinh trồng mới. Sớm có chính sách cải thiện định mức đầu tư, huy

động nhiều nguồn lực để thực hiện nhanh phủ xanh đất trống đồi núi trọc, thực hiện tốt quản lý bảo vệ tài nguyên rừng, nâng cao độ che phủ, hạn chế thiên tai, là nhiệm vụ vô cùng cấp bách.

Khai thác tiềm năng, lợi thế các vùng thông qua việc ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất là công nghệ sinh học, trong đó có ưu tiên xây dựng lại hệ thống giống, phát triển giống mới, triển khai từng bước công nghệ sau thu hoạch, cơ giới hóa nông nghiệp, nhằm nhanh chóng cải thiện chất lượng, hạ giá thành sản phẩm tạo ưu thế cạnh tranh.

Tiếp tục, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, có giải pháp củng cố và đổi mới, tạo khả năng cho các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động đầu tư phát triển sản xuất và dịch vụ hỗ trợ các thành phần kinh tế, phát triển sản xuất kinh doanh, điều tiết cung cầu, tạo chỗ dựa cho các HTX và các thành phần kinh tế khác nhất là kinh tế trang trại, hộ gia đình.

Có chính sách tích cực và hiệu quả để thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo. Giúp đỡ hộ nông dân thu nhập thấp có điều kiện phát triển sản xuất giải quyết ổn định đời sống nhằm hạn chế tệ nạn phá rừng.

Kế hoạch những năm tới cần quan tâm ưu tiên đến một số chương trình dự án lớn:

Các dự án ưu tiên cho nông nghiệp:

- Dự án phát triển lúa cao sản, sản xuất lúa lai.
- Dự án phát triển vùng sắn và chế biến sắn Đồng Xuân.
- Dự án phát triển 5.000 ha cao su.
- Dự án phát triển vùng dứa cao sản và chế biến dứa.
- Dự án phát triển trồng mới 10.000 ha điều.
- Dự án phát triển đa dạng cây ăn quả và cải tạo vườn tạp.
- Dự án chế biến sản phẩm dừa.
- Dự án phát triển cây ca cao.
- Dự án phát triển cây bông vải cao sản.
- Dự án quy hoạch phát triển kinh tế trang trại.
- Dự án sind hóa đàn bò.
- Dự án phát triển heo thịt.
- Dự án phát triển bò sữa.
- Dự án phát triển và chế biến nấm ăn.

Các dự án công trình ưu tiên phát triển Lâm nghiệp :

- Dự án phát triển 5 triệu ha rừng.
- Dự án rừng phòng hộ đầu nguồn và ven biển.
- Dự án phục hồi khu bảo tồn Krông Trai.

- Dự án qu hoạch chế biến lâm sản.

- Dự án xây dựng rừng giống lâm nghiệp...

Các dự án về thủy lợi ưu tiên:

- Dự án kiên cố kênh mương.

- Dự án khu tưới sau thủy điện Sông Hinh.

- Dự án hồ chứa nước Đồng Tròn.

- Dự án Hồ Xuân Bình.

- Dự án khu tưới sau thủy điện sông Ba Hạ.

- Dự án xây dựng Hồ chứa Mỹ Lâm.

- Dự án nâng cấp hệ thống mương tưới Tam Giang Hà Yến.

- Dự án Hồ chứa Suối Cái thị xã Tuy Hòa.

- Dự án chỉnh trị cửa Đà Nông.

- Dự án chống ngập thị xã Tuy Hòa...

Phát triển nông nghiệp Phú Yên trong những năm tới khó khăn còn nhiều. Tuy nhiên lợi thế và tiềm năng còn lớn. Triển vọng Phú Yên có thể xây dựng một nền nông nghiệp phát triển đa dạng có hiệu quả. Trong một tương lai còn xa vai trò nông nghiệp vẫn còn hết sức to lớn và chính yếu trọng xây dựng và phát triển kinh tế, ổn định chính trị xã hội tỉnh nhà.

Nông nghiệp sẽ góp phần thực hiện mục tiêu "Dân giàu nước mạnh xã hội công bằng văn minh".

NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH QUẢNG NAM HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI

VÕ VĂN TIÊN
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam

1. Vị trí, đặc điểm, điều kiện:

Quảng Nam là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung bộ, nằm ở trung độ cả nước, có tọa độ địa lý :

-Từ $14^0$57'10'' đến $16^0$03'50'' vĩ độ Bắc.

-Từ $107^0$12'40'' đến $108^0$44'20'' kinh độ Đông.

Cách thủ đô Hà Nội 769 km và thành phố Hồ Chí Minh 971 km.

Diện tích tự nhiên 10.405,14 km^2 chiếm 3,25% diện tích cả nước. (Trong đó, diện tích đất nông lâm nghiệp là 934.780 ha, thu hút khoảng 80% lực lượng lao động của Tỉnh).

Phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng.

Phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi.

Phía Tây giáp Nước Cộng hòa DCN Lào (có cửa khẩu Nam Giang – Dak Chưng và giáp tỉnh Kon Tum.

Phía Đông giáp biển Đông (có bờ biể dài 125 km).

Tỉnh Quảng Nam nằm trong phân vùn khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa, không c mùa đông lạnh giá và ít bị ảnh hưởng b gió phơn Tây Nam khô nóng.

Quảng Nam nằm trong cụm kinh tế qua trọng Liên Chiểu – Dung Quất; có quốc lộ 1A đường sắt Bắc - Nam, đường 14B qua Là cảng Kỳ Hà, sân bay Chu Lai và Chính ph đang cho triển khai xây dựng khu kinh tế m tại Quảng Nam.

2. Những thành tựu nổi bật của ngành Nông nghiệp & PTNT Quảng Nam 25 năm au ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng :

A. Nông nghiệp:

	1976	1999	1999/1976(%)
I. Trồng trọt:			
- Diện tích gieo trồng hàng năm *(ha)*	121.893	165.010	135,37
- Tổng sản lượng lương thực hàng năm *(tấn)*	189.099	424.823	224,6
Trong đó:			
- Thóc	147.795	349.726	236,6
- Năng suất lúa bình quân/năm *(tạ/ha)*	20,02	34,0	170
- Bình quân lương thực/đầu người *(kg/năm)*	207,9	308,7	148,5
II. Chăn nuôi:			
- Tổng đàn gia súc *(con)*	311.754	727.053	233,2

B. Lâm nghiệp

- Trồng rừng tập trung: 95.802 ha
- Trồng cây phân tán: 278,5 triệu cây
- Khai thác gỗ rừng trồng: 662.690 m^3

Trong đó xuất khẩu: 286.700 m^3

- Khai thác gỗ rừng tự nhiên: 807.000 m^3
- Kim ngạch xuất khẩu: 29,3 triệu Rúp, USD.

C. Định canh định cư và vùng kinh tế mới:

- Tổng số hộ định canh định cư: 14.472 hộ/ 94.378 nhân khẩu
- Di dời dân trong tỉnh: 9.874 hộ/ 49.370 nhân khẩu
- Đi xây dựng kinh tế mới: 507 hộ/2.285 nhân khẩu

D. Thủy lợi:

	1976	1999	1999/1976(%)
- Diện tích tưới chủ động *(ha)*	8.491	61.730	722 (7,2 lần)
- Tỷ lệ tưới chủ động trên diện tích sản xuất lúa nước	16%	68%	425
- Giá trị xây lắp thực hiện *(VNĐ)*	2.306 tỷ đồng		

E. Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn:

- Xây dựng công trình cấp nước: 55 CT
- Xây dựng giếng nước: 6.386 giếng
- Số người hưởng lợi: 644.100 người

** Giá trị sản xuất toàn ngành :*

1976	1999	1999/1976(%)
624,266 tỷ đồng	1.601,645 tỷ đồng	256,72

Nhìn chung, đến nay sản lượng lương thực đảm bảo tương đối an toàn, đời sống trên 80% đồng bào khu vực sản xuất nông nghiệp đã từng bước ổn định, sản xuất nông nghiệp đã tăng nhiều lần so với 25 năm trước cả về diện tích, năng suất và sản lượng.

Đã kịp thời ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ vào sản xuất kể cả cây trồng và con vật nuôi. Nhanh chóng đầu tư xây dựng công trình thủy lợi (62 hồ chứa lớn, nhỏ; 124 đập dâng; 135 trạm bơm điện; 8 km kè chống xói lở và 183 km đê ngăn mặn). Giá trị xây lắp 2.306 tỷ đồng. Đưa diện tích chủ động tưới tăng 7,2 lần so với năm 1976, chiếm 68% diện tích sản xuất lúa nước trong tỉnh.

Xã hội hóa sản xuất lâm nghiệp gắn với công tác định canh định cư, coi trọng việc quản lý bảo vệ rừng đầu nguồn, hạn chế tối đa nạn đốt nương làm rẫy, ngăn chặn có hiệu quả nạn chặt phá rừng trái phép.

Trồng hơn 95.000 ha rừng tập trung để phòng hộ và phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, nâng độ che phủ lên 42% năm 1999. Vận động nhân dân trồng gần 300 triệu cây phân tán các loại (150.000 ha) đã giảm áp lực vào rừng tự nhiên về nhu cầu chất đốt và có khả năng cung ứng phục vụ chế biến, xuất khẩu 100.000m^3 gỗ rừng trồng hàng năm.

Về khai thác và chế biến lâm sản, ngoài việc đáp ứng các nhu cầu xây dựng cơ bản, an ninh quốc phòng và các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khác, công tác chế biến hàng lâm đặc sản xuất khẩu đã được quan tâm đúng mức. Với 29 triệu USD kim ngạch xuất khẩu bình quân 3,5 – 4,5 triệu USD/năm, trong đó gỗ rừng trồng là 2 triệu USD/năm, chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

Song song với nhiệm vụ sản xuất công tác đào tạo đã được chú trọng; 25 năm qua đã đào tạo được 520 cán bộ đại học trên đại học và 2.063 cán bộ trung cấp, nâng tổng số cán bộ có trình độ đại học và trê đại học lên 868 người và cán bộ trung cấ là 3.843 người.

Trên đây là những thành tựu nổi bậ

với các chỉ tiêu chủ yếu và toàn diện trên 25 năm qua từ sau ngày quê hương được giải phóng. Có được kết quả này là nhờ:

- Sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả của các ngành, các địa phương, sự chỉ đạo và chi viện kịp thời của Trung ương.

- Tinh thần phát huy nội lực của các địa phương, sự lao động cần cù của bà con nông dân và sự nỗ lực phấn đấu vượt khó của đội ngũ CBCNV ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Tiềm năng kinh tế nông nghiệp của Tỉnh trong thế kỷ XXI :

Kinh tế nông nghiệp luôn giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của Tỉnh trong giai đoạn hiện nay cũng như sau này. Giữ vững, ổn định diện tích đất sản xuất nông nghiệp, tích cực trồng rừng theo các chương trình 661, vốn vay ưu đãi trong và ngoài nước nhằm nâng độ che phủ từ 42% hiện nay lên trên 50% vào năm 2010.

Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng thâm canh, chuyên canh, phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông lâm sản... thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp-nông thôn.

THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN QUẢNG NINH

DƯƠNG KẾ CHƯ
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh là một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc của Tổ quốc, có đặc điểm địa hình vừa trung du, miền núi và ven biển.

Tổng diện tích đất tự nhiên: 5.938 km^2

Dân số trên 90 vạn người, gồm các dân tộc Kinh, Dao, Tày, Sán Chỉ, Sán Dìu...

Quảng Ninh có vị trí địa lý thuận lợi; nằm cách Thủ đô Hà Nội 150 km, và liền kề với thành phố Hải Phòng. Là một trong ba vùng của khu vực tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Phía Bắc giáp Trung Quốc, có đường biên giới đất liền dài 122 km với ba cửa khẩu: Móng Cái (Hải Ninh), Quảng Đức (Quảng Hà) và Hoành Mô (Bình Liêu). Là những cửa ngõ giao lưu sang thị trường rộng lớn với các tỉnh phía Nam Trung Quốc. Thuận lợi cho việc giao lưu hàng hóa nhập các loại giống cây trồng, vật nuôi vào Quảng Ninh và đồng bằng Sông Hồng.

Phía Nam giáp TP. Hải Phòng và tỉnh Hải Hưng.

Phía Tây giáp tỉnh Hà Bắc và Lạng Sơn.

Phía Đông giáp Biển Đông, có bờ biển dài 250 km, bắt đầu từ Trà Cổ - Mũi Ngọc cực Đông của Tổ quốc.

Có thành phố trẻ Hạ Long, gắn liền với cảnh quan vịnh Hạ Long là một trong những kỳ quan thế giới.

Ngoài thế mạnh là một khu công nghiệp

khai khoáng và trung tâm du lịch lớn của cả nước.

Quảng Ninh còn ẩn chứa nhiều tiềm năng và thế mạnh để phát triển Nông-Lâm-Ngư nghiệp:

-Tổng diện tích đất nông nghiệp: 449.726 ha.

Trong đó: Đất nông nghiệp: 57.364 ha.

Đất lâm nghiệp: 392.352 ha.

Ngoài các loại cây trồng hàng năm, khí hậu và đất đai nhiều vùng trong tỉnh rất thích hợp cho việc phát triển các loại cây lâm đặc sản và cây ăn quả, như thông nhựa, quế, hồi, cam, vải, nhãn, v.v... có điều kiện tự nhiên và thị trường tiêu thụ thuận lợi cho nghề trồng rau cao cấp, trồng hoa và cây cảnh.

1. Về sản xuất nông nghiệp:

a- Sản xuất lương thực: Chương trình an ninh lương thực là một chương trình lớn của tỉnh trong kế hoạch 5 năm 1996-2000. Trong năm năm qua nhờ tập trung đầu tư vốn và thực hiện việc đưa những tiến bộ KHKT và công nghệ mới trong lĩnh vực giống cây trồng vào áp dụng rộng rãi trong sản xuất nên sản xuất nông nghiệp đã có bước tăng trưởng mới về năng suất, sản lượng: Sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 181.678 tấn, tăng 26.049 tấn so với năm 1996, tốc độ tăng 4% năm, (mỗi năm tăng được 5.210 tấn). Lúa nước là cây trồng chủ đạo chiếm 64,5% diện tích gieo trồng cả năm và có tốc độ tăng khá cả về diện tích, năng suất, sản lượng.

+ Diện tích lúa từ 46.199 ha năm 1996 đã tăng lên gần 48.000 ha năm 2000, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 0,9%. Năng suất lúa từ 30,3 tạ/năm 1996 đã tăng lên 34 tạ/ha năm 1999, tốc độ tăng bình quân 3%/năm. Sản lượng thóc từ 139.913 tấn năm 1996 đã tăng lên 159.997 tấn năm 1999, tốc độ tăng 4,6% (mỗi năm tăng 5.021 tấn).

+ Sản xuất hoa màu có xu hướng giảm diện tích về khoai lang và sắn để chuyển sang trồng các cây khác có giá trị hơn; nhưng do giá trị của ngô cao và là cây ngắn ngày gieo trồng được 3 vụ/năm nên các địa phương đã chú ý phát triển; diện tích ngô từ 3.179 ha năm 1996 đã tăng 4.500 ha năm 1999, tốc độ tăng 11,7%, năng suất ngô từ 18,1 tạ/ha lên 26 tạ/ha 1 vụ, sản lượng từ 7.376 tấn năm 1996 đã tăng lên 11.130 tấn năm 1999, tốc độ tăng 12% năm (mỗi năm tăng gần 1.000 tấn).

b- Sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày: Chủ yếu là đỗ tương và lạc, mấy năm gần đây đang có xu hướng giảm về diện tích. Diện tích tương lạc từ 4.522 ha năm 1996 đã giảm xuống còn 3.898 ha năm 1999, tốc độ giảm 4,8% năm. Sản lượng tương lạc từ 3.827 tấn năm 1996 đã giảm xuống còn 3.328 tấn, tốc độ giảm 3,45% năm. Năng suất còn quá bấp bênh, năng suất lạc năm cao nhất mới đạt 10,2 tạ/ha, tương 8,9 tạ/ha (1998).

c- Cây thực phẩm: Mấy năm nay do chính sách mở cửa, lượng khách du lịch đến Quảng Ninh ngày một tăng, yêu cầu đòi hỏi về thực phẩm rất lớn, do vậy các hộ đã thâm canh, quay vòng tăng vụ rau, nhanh hơn so với các thời kỳ trước, diện tích rau thực phẩm từ 6.406 ha đã tăng lên 6.753 ha năm 1999 nhưng mức tăng còn chậm. Sản lượng rau thực phẩm bình quân mỗi năm đạt 92.793 tấn, tăng bình quân 1,9% năm. Hiện tại nhu cầu về các loại rau cao cấp nhất là rau sạch đòi hỏi rất lớn, các thị xã tạo được mô hình sản xuất rau sạch nhưng chưa được nhân rộng ra, chưa có đủ rau sạch cung cấp cho tiêu dùng và phục vụ du lịch.

d- Cây ăn quả:

Do giá trị và lợi ích của cây ăn quả cao gấp 4-5 lần so với trồng lúa - màu, nên trong vòng 5 năm trở lại đây nông dân các huyện thị đã tập trung đầu tư vốn, lao động để phát

triển và hình thành được nhiều trang trại với quy mô khác nhau và coi đây là một hướng chuyển dịch quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tạo ra sản phẩm hàng hóa mũi nhọn phục vụ tiêu dùng, du lịch, xuất khẩu, là hướng làm giàu nhanh cho kinh tế hộ. Diện tích cây ăn quả từ 3.937 ha năm 1996 đã tăng lên 6.500 ha năm 1999, tốc độ tăng 18,2%/năm, mỗi năm trồng được 650 ha. Sản lượng quả năm cao nhất đạt 8.200 tấn, vượt xa các thời kỳ trước. (Huyện Đông Triều có 3.000 tấn quả vải) hiện tại đã hình thành được một số vùng vải tập trung ở Đông Triều, Uông Bí, Hoành Bồ với diện tích hơn 4.000 ha. Các huyện, thị xã như Móng Cái, Quảng Hà , Tiên Yên đã nhập một số giống tốt có năng suất cao, chất lượng tốt của Trung Quốc đưa vào sản xuất như vải Bạch đường anh, Phi tử tiếu, nhãn Trữ lương, xoài, cam v.v... đã cho kết quả.

* ***Về bảo vệ sản xuất:*** Đã phổ cập kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh hại tổng hợp (IPM) trên lúa, rau, quả. Phòng trừ chuột, ốc bươu vàng, phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng.

e- Về chăn nuôi: Nhờ sản xuất lương thực được mùa đã tạo điều kiện thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển, đàn gia súc, gia cầm tăng khá và tăng liên tục so với các thời kỳ trước:

- Đàn lợn từ 250.751 con năm 1996 đã tăng lên 271.453 con năm 1999, tốc độ tăng 2,7% năm.

- Đàn bò từ 11.630 con năm 1996 đã tăng lên 14.300 con năm 1999, tốc độ tăng 7,2% năm.

- Đàn trâu từ 63.914 con năm 1996 đã tăng lên 64.974 con năm 1999, tốc độ tăng trưởng 0,8% năm.

- Đàn gia cầm 1,7 triệu con năm 1996 đã tăng lên 2,6 triệu con năm 1999, tốc độ tăng 22,2% năm.

Sản lượng thịt hơi từ 28.777 tấn/năm 1996 đã tăng lên 33.124 tấn năm 1999, tốc độ tăng 5% năm.

2- Về lâm nghiệp:

a- Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Khai thác gỗ: Tổng lượng gỗ khai thác trong 4 năm là 49.004 m^3 bình quân mỗi năm khai thác 12.251 m^3, giảm khai thác gần 40% (so với thời kỳ 1991-1995) đây là một chỉ tiêu giảm có ý nghĩa trong việc bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển vốn rừng của tỉnh.

- Lượng nhựa thông khai thác trong 4 năm là 7.802 tấn, bình quân mỗi năm khai thác được 1.950 tấn. Chế biến từng hương bình quân mỗi năm 1.140 tấn và 313 tấn dầu thông/năm, Kim ngạch xuất khẩu đạt 603,3 ngàn USD/năm tăng 1,5 lần so với thời kỳ 1991-1995. Trong năm còn khai thác từ 150 đến 200 tấn quế, hồi.

- Về trồng rừng: Trong 4 năm đã trồng được 22.486 ha rừng tập trung bằng 97,7% so với thời kỳ 1991-1995, bình quân mỗi năm trồng được 5.621,5 ha và mỗi năm trồng từ 1,2 - 3 triệu cây phân tán (trong đó chương trình PAM 4304 + 5325 đã trồng được 6.152 ha, chương trình 327 + 661 trồng được 8.985 ha, định canh - định cư + 773 trồng được 2.976 ha...) cơ cấu cây trồng có sự chuyển biến khá, nhóm cây đặc sản thông, quế, hồi từ 16% đã tăng lên 32%, cây lấy gỗ chiếm 68%. Đã cơ bản loại bỏ cây bạch đàn ra khỏi cơ cấu rừng phòng hộ, đặc dụng. Đến nay đã hình thành vùng quế 6.000 ha ở Quảng Hà - Tiên Yên - Ba Chẽ, vùng cây thông nhựa 5.500 ha ở Đông Triều - Uông Bí - Hoành Bồ; vùng cây hồi, sở 1.500 ha ở Bình Liêu.

b- Về giao đất khoán rừng: Trong 5 năm qua đã giao được 215.763 ha rừng cho 18 đơn vị quốc doanh, HTX, doanh nghiệp tư nhân và 13.240 hộ gia đình tạo điều kiện thuận lợi

cho tập thể và cá nhân sản xuất kinh doanh, bảo vệ phát triển vốn rừng.

c- Kinh tế trang trại: Đến hết năm 1999 toàn tỉnh đã xây dựng được 8.392 trang trại với tổng diện tích đất trang trại nhận là 59.449,9 ha, có 16.325 lao động tham gia. Tổng vốn đầu tư của các trang trại 116,4 tỷ đồng (trong đó vốn tự có 58,2 tỷ đồng, vốn vay ngân hàng 3,6 tỷ đồng, nguồn vốn khác 54,5 tỷ đồng). Đến nay đã có 3.079 trang trại (36%) cho thu hoạch (trong đó có 573 trang trại lâm nghiệp, 1.750 trang trại CAQ, 756 trang trại nuôi trồng thủy sản). Doanh thu trang trại thấp nhất đạt 15 triệu đồng/ha, cao nhất hơn 50 triệu đồng/ha. Một số trang trại tổ chức sản xuất kinh doanh bước đầu có hiệu quả, tạo được công ăn việc làm cho người lao động. Tuy vậy điểm yếu hiện nay là quy mô trang trại còn nhỏ (< 5 ha chiếm tỷ lệ cao > 74%), việc đầu tư vốn còn thấp, hiểu biết về KHKT để nuôi trồng cây, con của chủ trang trại còn hạn chế, chưa có nhiều sản phẩm có chất lượng cao, nên nhiều trang trại chậm đem lại hiệu quả kinh tế.

- Các lâm trường quốc doanh ngoài nhiệm vụ tổ chức sản xuất, còn tổ chức thực hiện việc cung ứng các loại vật tư, giống, dịch vụ KHKT giúp các địa phương phát triển kinh tế; đã lắp đặt một số dây chuyền sản xuất để sản xuất đồ mộc cao cấp, gỗ dán, ván ép thanh, giấy dế... tạo thêm việc làm và phục vụ nhu cầu đời sống của nhân dân.

3- Thủy lợi:

Trong 4 năm vừa qua đã đầu tư 302,302 tỷ đồng cho việc xây dựng mới các công trình như hồ chứa nước Tràng Vinh, Cao Vân, duy tu sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi hồ Khe Chè, Chúc Bài Sơn, Yên Lập, Nội Hoàng, Quất Đông. Tính từ trước đến nay, đã xây dựng được 86 hồ đập loại vừa và lớn, 300 hồ đập loại nhỏ, 70 trạm bơm điện, 215 cống dưới đê, tôn cao áp trúc 377 km đê và kiên cố hóa được 20 km mương tưới ở Đông Triều, Yên Hưng, Uông Bí, Quảng Hà, Móng Cái các công trình đã phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội và đời sống dân sinh ở cả khu vực nông thôn và thành thị. Đặc biệt đê chống sự xâm lấn đất đai vùng biên giới, Trung ương và Tỉnh đã kịp thời đầu tư vốn để xây dựng các tuyến kè kiên cố bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Hàng năm diện tích được tưới đã đạt 67% diện tích gieo trồng và tiêu úng cho gần 1,5 vạn ha lúa ở các khu vực trọng điểm lúa Đông Triều, Yên Hưng... góp phần quan trọng trong việc thâm canh, tăng năng suất cây trồng trên diện rộng.

4- Về phát triển nông thôn:

* Trong những năm qua, bộ mặt nông thôn tiếp tục được đổi mới. Hạ tầng cơ sở phục vụ nông nghiệp và nông thôn được chú trọng đầu tư. Đến nay, đã có trên 60% số xã có điện lưới, số dân được sử dụng điện chiếm 62 % và gần 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Nhờ có điện giao thông thuận tiện, các ngành nghề xay xát, chế biến thô nông sản, bơm nước, gia công sửa chữa cơ khí nhỏ có điều kiện phát triển, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân có điều kiện cải thiện. Đến nay hầu hết các xã, phường trong tỉnh đã có điện thoại, 70% số xã nhận được thư báo trong ngày, 100% số xã có trạm y tế đủ tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế và 100% xã có trường học. Số dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tỷ lệ 31%. Để giúp nông dân có việc làm, hàng năm tỉnh đã giành từ 93-94 tỷ đồng cho hơn 2 vạn lượt hộ nông dân vay theo Quyết định 120 CP. Hàng năm tỉnh còn giành 41-45 tỷ đồng cho các hộ nghèo vay; Nhờ đó, mà đã có hơn 5.000 hộ ở các địa phương trong tỉnh thoát được đói nghèo. (Đến tháng 12-1999 số hộ đói nghèo trong nông thôn còn

19.056 hộ, chiếm 17,3% so với tổng số hộ). Cơ cấu thu nhập của nông dân từng bước chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Hiện nay, cơ cấu này như sau: Nông nghiệp 70-75%, tiểu thủ công nghiệp 15-20%, dịch vụ 10-15%.

PHƯƠNG HƯỚNG - MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

1- Phương hướng:

- Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển nông nghiệp dựa trên cơ sở khai thác lợi thế tiềm năng đất đai, lao động, thị trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn. Ứng dụng nhanh các tiến bộ KHKT, công nghệ mới để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu nông sản thực phẩm và nguyên liệu cho tiêu dùng, cho du lịch và cho xuất khẩu. Đồng thời gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến, ngành nghề - dịch vụ, từng bước phân công lại lao động, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống, xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống giữa nông thôn và thành thị.

- Phát triển nông nghiệp nông thôn chủ yếu dựa vào sức dân với kinh tế hộ là chính, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, mở rộng hợp tác sản xuất kinh doanh với quy mô ngày càng lớn - Nhà nước quan tâm về đầu tư cơ sở hạ tầng; cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo nguồn lực...

2- Mục tiêu từ năm 2001 - 2005:

Để thực hiện được những định hướng trên đây cần thực hiện cho được những mục tiêu sau đây:

- Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 5 6% năm.

- Tổng diện tích gieo trồng năm 200 đạt 75.000 ha - năm 2005 đạt 80.000 ha.

- Sản lượng lương thực quy thóc năm 2000 đạt 195.000 tấn, năm 2005 đạt 250.00 tấn (trong đó thóc 200.000 tấn), tốc độ tăng 5,6% năm.

- Diện tích cây ăn quả năm 2000 đạ 8.000 ha, năm 2005 đạt 12 - 14.000 ha (năm trồng 1.000 ha - 1.500 ha). Sản lượng các loại rau quả đạt 95.000 tấn - 100.000 tấn.

- Đàn lợn năm 2000 có 300.000 con, năm 2005 có 500.000 con; đàn bò năm 2000 có 17.000 con, năm 2005 có 35.000 con; đàn trâu năm 2000 có 65.000 con, năm 2005 có 70.00 con và đàn gia cầm đạt 5,5 triệu con. Đưa tỷ trọng chăn nuôi chiếm từ 35% lên 45%.

- Trồng rừng đạt bình quân 7.000 ha đến 8.000 ha/năm. Kết hợp với khoanh nuôi tá sinh rừng, bảo vệ sinh thái. Phấn đấu nâng cao độ che phủ của rừng từ 38% (năm 1999 lên 45% vào năm 2005.

- Thủy lợi: Phấn đấu năm 2005 có 75% diện tích gieo trồng được tưới chủ động và tiêu úng chủ động cho 90% diện tích lúa mùa

- Giải quyết tốt nguồn nước sinh hoạ cho nhân dân. Đến năm 2005 có 80% số h nông thôn được dùng nước sạch.

- Điều động, tiếp nhận lao động trong v ngoài tỉnh 4.000 hộ; 8.000 lao động, 20.000 khẩu

NHỮNG THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN SÓC TRĂNG

QUÁCH VĂN NAM
Giám đốc Sở Nông nghiệp - PTNT Sóc Trăng

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, tám năm qua kể từ khi tỉnh Sóc Trăng được tái lập, dưới sự lãnh, chỉ đạo sáng suốt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp hành động của các sở, ban ngành, đoàn thể các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở. Đặc biệt là sự đồng tình thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, của bà con nông dân. Từ đó trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn đã liên tục giành được những thành tựu quan trọng :

1- Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, thể hiện:

- Về trồng trọt, đặc biệt là sản xuất lúa năm 2000 so với năm 1992 sản lượng lúa tăng gần gấp đôi, từ 826.837 tấn lên 1.623.964 tấn. Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 1992 - 1995 là 9,50%, giai đoạn 1996 - 2000 là 8,35%. Bên cạnh cây lúa, các loại hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây ăn quả cùng tăng: năm 1992 diện tích màu lương thực 2.488 ha, năm 2000 đạt 4.990 ha, tốc độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 1992 - 2000 là 9,09% ; Cây công nghiệp ngắn ngày (chủ yếu mía, đậu nành) năm 1992 là 8.074 ha, năm 2000 đạt 12.085 ha, tốc độ tăng bình quân 8,36%/năm ; Cây ăn

trái năm 1992: diện tích 4.400 ha, năm 2000 đạt 15.715 ha, tốc độ tăng bình quân 16,57% năm (1992 - 2000).

- Về chăn nuôi: Đàn heo bình quân giai đoạn 1992 - 1995 là 170.514 con, năm 2000 là 230.000 con, tốc độ tăng bình quân 1992 - 1995 là 6,22% giai đoạn 1996 - 2000 là 5%. Đàn gia cầm giai đoạn 1996 - 2000 bình quân 2,5 triệu con/năm.

- Về lâm nghiệp: Diện tích rừng tập trung 9.630 ha, trong đó rừng phòng hộ 5.375 ha, rừng kinh tế 3.852 ha. So với năm 1992 rừng phòng hộ tăng 3.160 ha. Ngoài ra nhân dân còn trồng cây phân tán mỗi năm từ 6 - 8 triệu cây.

- Sản xuất nông nghiệp phát triển, nhất là lương thực góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Chỉ tính riêng mặt hàng gạo, năm 1996 xuất 78.212 triệu tấn, năm 2000 xuất 350.000 tấn, bình quân thời kỳ 1996 - 2000 tăng 66,37%.

2- Cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn có bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, năm 1992 khu vực I (nông nghiệp, thủy sản) chiếm 67,12%, khu vực II và III là 32,88%. Năm 2000 khu vực I là 64,56%, khu vực II và III là 35,45%. Trong trồng trọt tỷ trọng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây thực phẩm có xu hướng tăng, chăn nuôi cũng được duy trì và đang từng bước phát triển. Đặc biệt là đã tạo ra sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu mùa vụ đối với cây lúa : diện tích lúa mùa một vụ từ 61,59% so với tổng diện tích lúa cả năm 1992 giảm xuống còn 18,24% năm 2000. Diện tích chuyển sang làm lúa hai vụ ăn chắc, nhất là diện tích lúa đông xuân năm 1992 là 64.075 ha, năm 2000 đạt 158.000 ha.

3- Đời sống nông dân được cải thiện rõ rệt và từng bước được nâng cao. Năm 1992 tỷ lệ hộ đói nghèo còn trên 60%, đến nay không còn hộ thường xuyên phải cứu đói, tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 18%.

4- Cơ sở vật chất, hạ tầng nông thôn được cải thiện, tới nay đã có 147.000 ha được tưới tiêu, 187.000 ha được cơ bản ngăn mặn, 70/98 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia, 53,5% số hộ dân trong tỉnh dùng điện trong sinh hoạt và gần 45% hộ dân có nước sinh hoạt đạt tiêu chuẩn để dùng.

5- Lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn có bước phát triển và quan hệ sản xuất trong nông thôn theo định hướng XHCN cùng được xác lập. Kể từ khi Chỉ thị 68 của Trung ương ban hành, và Luật HTX có hiệu lực đến nay trong nông nghiệp, 55 câu lạc bộ khuyến nông, 50 câu lạc bộ IPM và trên 4.000 tổ kinh tế hợp tác khác được thành lập, đang hỗ trợ tích cực cho kinh tế hộ nông dân, kinh tế trang trại trong sản xuất và đời sống.

6- Cùng với kết quả nêu trên, cơ sở vật chất và hệ thống tổ chức của ngành Nông nghiệp - PTNT cũng được tăng cường. Các hoạt động khuyến nông, BVTV, thú y, giống cây trồng, giống vật nuôi, công tác quản lý khai thác các công trình thủy lợi của ngành hoạt động ngày càng có hiệu quả, được nông dân tín nhiệm. Qua đó đội ngũ cán bộ của ngành có bước trưởng thành.

Những thành tựu trong nông nghiệp tám năm qua không chỉ thể hiện được ở những

kết quả cụ thể chúng ta cảm nhận được trong cuộc sống mà nó còn chứng minh tính đúng đắn của các Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ 8, thứ 9 đã đề ra cho nông nghiệp, nông thôn được triển khai thực hiện thắng lợi, nhờ đó mà chúng ta tự tin hơn, vững vàng hơn bước vào thế kỷ 21.

Để tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được, ra sức khắc phục các mặt tồn tại yếu kém để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong thời gian tới (2001-2010) định hướng chung của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là: "Tập trung hướng vào phát huy tiềm năng và lợi thế, đẩy mạnh phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ; Chuyển đổi nhanh cơ cấu cây trồng vật nuôi, thực hiện đa canh, đa dạng hóa sản phẩm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo giá trị ngày càng cao trên đơn vị diện tích.

Nhiệm vụ trọng tâm là ổn định diện tích sản xuất lúa (trong đó qui hoạch 100 - 120 ngàn ha sản xuất lúa cao sản, đặc sản xuất khẩu) để đi vào thâm canh nhằm đạt sản lượng từ 1,6 đến 1,8 triệu tấn lúa, đổi mới cơ cấu giống, nâng cao chất lượng và giá trị, tạo nguồn cho xuất khẩu, góp phần cùng cả nước đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Đồng thời qui hoạch chuyển đổi một số diện tích trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng cây khác hoặc chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hiệu quả cao.

Bên cạnh cây lúa, dự kiến phát triển khoảng 6.000 ha bắp, 10.000 - 12.000 ha mía, 3.000 ha đậu nành, 2.000 ha rau các loại, 4.000 ha hành tím, 5.500 ha đậu xanh, 21.000 ha vườn cây ăn trái tập trung và khoảng 15.000 ha vườn sinh thái VAC.

Lâm nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả. Chương trình 5 triệu ha rừng, cụ thể là thực hiện tốt Dự án phát triển các vùng đất ngập nước ven biển từ nguồn vốn Ngân hàng thế giới và đẩy mạnh trồng cây phân tán trong nhân dân, phấn đấu đến năm 2010 có 17.223 ha rừng tập trung, trong đó 12.945 ha rừng phòng hộ ven biển.

- Chăn nuôi: Tập trung phát triển 10.000 con bò, 500.000 con heo và 5 triệu gia cầm vào năm 2010.

Song song với nhiệm vụ phát triển sản xuất, ngành chú trọng tăng cường lực lượng sản xuất gắn với xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, và các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng trong nông nghiệp.

Về giải pháp, ngành tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

1. Rà soát, điều chỉnh lại qui hoạch bố trí sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, hình thành các vùng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến, tạo ra các mặt hàng nông sản có chất lượng, có sức cạnh tranh cao.

2. Ứng dụng nhanh và rộng rãi những thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất, ưu tiên cho lĩnh vực giống để tạo ra bước đột phá mới về năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Tiếp tục coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong những năm tới, tập trung hoàn chỉnh thủy lợi vùng qui hoạch lúa cao sản, đặc sản,

vùng nuôi tôm tập trung. Đồng thời áp dụng các biện pháp tiến bộ trong bảo vệ cây trồng, vật nuôi và phát triển công nghệ sau thu hoạch.

3. Quán triệt và thực hiện chủ trương phát triển nhiều thành phần kinh tế, hỗ trợ sản xuất phát triển, khuyến khích và tạo điều kiện cho kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại, kinh tế hộ, tiếp tục phát huy vai trò trong sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

4. Tăng cường quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn trên cơ sở củng cố và kiện toàn hệ thống quản lý của ngành từ tỉnh đến cơ sở, gắn với địa bàn sản xuất để chỉ đạo sâu sát. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể Chính trị - Xã hội ở nông thôn trong việc hướng dẫn, giúp đỡ nông dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông hộ và phát huy truyền thống đoàn kết, xây dựng tình làng nghĩa xóm, xây dựng nông thôn Sóc Trăng giàu đẹp, đậm đà bản sắc dân tộc, văn minh và hiện đại.

Với những thành tích đã đạt được, ngành nông nghiệp Sóc Trăng rất vui mừng đón nhận Huân chương Lao động hạng I do Nhà nước tặng thưởng. Vào thời điểm có ý nghĩa này, đây là một vinh dự rất lớn cho toàn ngành nông nghiệp của tỉnh. Kết quả này trước hết là của cán bộ công chức ngành nông nghiệp từ tỉnh đến cơ sở, là công sức lao động của tất cả nông dân, là sự cộng tác của các ban ngành đoàn thể, và hơn hết là sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Trong vòng tay của Đảng, trong mái ấm của chính quyền, sự ủng hộ của các Ban Ngành đoàn thể cùng với tất cả nông dân trong tỉnh, chắc chắn rằng sang thiên niên kỷ mới Nông nghiệp Sóc Trăng tiếp tục vươn lên góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu "Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

NÔNG NGHIỆP SƠN LA
PHÁT HUY NỘI LỰC VÀ TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ HƯỚNG ĐẾN THẾ KỶ XXI

ĐỖ HÙNG
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La

Sơn La là tỉnh vùng núi thuộc khu vực Tây Bắc Việt Nam, có diện tích tự nhiên 14.210 km^2, dân số khoảng 800.000 người. Độ cao trung bình 600 – 800m, có 2 sông lớn chảy qua tỉnh là sông Đà và sông Mã. Khí hậu chia làm 2 mùa: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Lượng mưa bình quân 1.500 – 1.700 mm, nhiệt độ bình quân năm 20 – 22°C. Do địa hình bị chia cắt mạnh đã hình thành nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau tạo ra cơ cấu đa dạng hóa sản xuất các loại sản phẩm cây trồng và vật nuôi trong nông nghiệp.

1- Lương thực thực phẩm:

Năm 1999 tổng sản lượng qui thóc đạt 24,7 vạn tấn, tăng 162% so với năm 1988. Diện tích lúa lai, lúa thuần, lúa giống mới trên toàn tỉnh đạt 70% tổng diện tích. Sản lượng lúa đạt 102.410 tấn, ngô 102.546 tấn, cây màu khác 7.113 tấn.

** Về chăn nuôi:*

Đàn gia súc gia cầm được giữ vững, phát triển. Qui mô và cơ cấu đàn giống có nhiều đổi mới, các giống có năng suất cao như bò lai sind, lợn hướng nạc, đàn gia cầm siêu trứng được áp dụng triển khai rộng trên 10 huyện thị.

- Đàn trâu bò: Năm 1988 có 165.000 con, năm 1999 có 209.052 con, tăng 126,96% so với năm 1988; trong đó bò sữa có 1.360 con chiếm 1,6%, bò lai sind có 7.400 con chiếm 9%.

- Đàn dê hiện có 30.000 con chiếm 5%

tổng đàn gia súc, tốc độ tăng đàn 6,7% năm. Trong đó 28% dê Bách thảo, Phúc kiến.

- Đàn lợn trên 2 tháng tuổi: Năm 1988 240.000 con, năm 1999 336.479 con tăng 140,2% so với năm 1988. Tốc độ tăng trưởng 7% năm trong đó lợn nái sinh sản Móng cái chiếm 75%, lợn sinh sản hướng nạc F1 10%.

2- Chương trình cây công nghiệp, cây ăn quả.

Cây công nghiệp, cây ăn quả có qui mô phát triển ngày càng tăng, phản ánh quá trình chuyển đổi tích cực trong cơ cấu cây trồng.

** Cây công nghiệp:*

- Diện tích cây công nghiệp đến năm 1988 hầu như chưa có gì, năm 1999 cây cà phê phát triển với 4.000 ha, sản lượng cà phê đạt trên 1 ngàn tấn; cây mía hình thành vùng nguyên liệu tổng diện tích 4.000 ha, sản lượng mía cây 136.467 tấn, sản lượng đường 8.000 tấn; cây chè diện tích 2.200 ha, năng suất 5 tạ/ha; dâu tằm trên 500 ha, sản lượng 140 tấn kén.

** Cây ăn quả:*

Tốc độ phát triển nhanh 5 năm từ 1993 – 1998 diện tích tăng gần 4 lần so với thời kỳ 1988 – 1992, đạt 11.080 ha sản lượng 35.000 tấn. Năm 1999 diện tích cây ăn quả 17.981 ha, sản lượng quả tươi 55.000 tấn. Tập trung cải tạo vườn tạp, mỗi năm mở rộng diện tích 1.000 ha được trồng bằng các giống chọn lọc. Phấn đấu đạt 60.000 – 80.000 tấn quả vào năm 2010.

** Công nghiệp chế biến:*

Hình thành các vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả tập trung. Đầu tư xây dựng mới một số cơ sở chế biến có qui mô và công nghệ phù hợp với 5 cơ sở chế biến chè, 3 cơ sở chế biến cà phê, 2 nhà máy ươm tơ, 1 nhà máy đường, 1 nhà máy chế biến thức ăn gia súc, 1 nhà máy giấy, bước đầu hình thành mạng lưới sấy bảo quản nông sản sau thu hoạch ở các vùng sản xuất nông sản hàng hóa đã góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu.

3- Chương trình bảo vệ phát triển rừng:

Bình quân mỗi năm trồng 4.000 – 5.000 ha rừng tập trung, hơn 1 triệu cây phong trào theo quy hoạch. 2,5 vạn hộ dân đã nhận đất trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, làm vườn đồi rừng, nhận khoán bảo vệ rừng tạo ra các mô hình mới về lâm nghiệp xã hội.

- Trồng rừng tập trung: Năm 1988 là 443 ha, năm 1998 đạt 9.547 ha, đưa tỷ lệ che phủ năm 1988 là 7% đến năm 1998 là 20,5%. Năm 1999 là 11.238 ha, độ che phủ lên 22,1%.

4- Công tác Thủy lợi phục vụ sản xuất

Năm 1988 đến 1999 đã tập trung xây dựng được 60 công trình đập dâng kiên cố bằng bê tông cốt thép đạt bình quân 6 công trình/năm.

Kiên cố hóa kênh mương được 100 km tăng 185% so với giai đoạn trước. Đây là những tiến bộ nổi bật về xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi nhằm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Vốn đầu tư xây dựng công trình ước tính 144 tỷ đồng giai đoạn 1988 – 1999, tính bình quân đạt 13 tỷ đồng/năm. Vốn xây dựng trong 11 năm giai đoạn từ 1988 – 1999 tăng gấp 144% so với giai đoạn trước.

Sản xuất nông nghiệp những năm qua

tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Bình quân lương thực trên đầu người đạt 278 kg tăng 20 – 25 kg người/năm so với những năm trước. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm đáng kể, năm 1994: 31,4% xuống 19,2% năm 1999. Số nhà kiên cố và bán kiên cố 64%, 48% dân số được dùng điện, 45% được xem truyền hình. Trong nông dân tỷ lệ hộ giàu trung bình tăng rõ rệt, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện đặc biệt là đồng bào vùng sâu, vùng xa. Đã có 3,1 vạn hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, bà con nông dân thật sự tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của Đảng, Nhà nước, tích cực thực hiện chủ trương xóa bỏ cây thuốc phiện định canh định cư ổn định sản xuất và đời sống. Từ kết quả trên đã hạn chế được nạn phá rừng làm nương rẫy đảm bảo môi trường sinh thái.

★ ***Định hướng phát triển đến 2005:***

+ Sản lượng lương thực qui thóc: 30 vạn tấn.

+ Sản lượng nông sản hàng hóa chủ yếu: 5.000 tấn chè thành phẩm, 4.000-5.000 tấn cà phê nhân, 600 tấn kén tằm, 22.000 tấn đường kết tinh, 100.000 tấn quả tươi các loại, 6.000 tấn sữa tươi, 42.000 tấn thịt hơi các loại, 41 triệu quả trứng, 4.400 tấn cá tươi.

+ Giá trị nông sản xuất khẩu: 15 triệu USD.

+ Độ che phủ của rừng: 35%.

Phấn đấu 100% các đơn vị sản xuất kinh doanh tạo được thế ổn định trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại sản xuất, đủ việc làm, sản xuất kinh doanh có lãi, hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước và chính sách với người lao động. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn lao động. Phấn đấu 100% các doanh nghiệp CNVC và ký kết thỏa ước Lao động tập thể.

Phát huy sáng kiến nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị máy móc, gắn sản xuất với thị trường, đảm bảo chế biến kịp thời, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Phấn đấu Nhà máy đường hoạt động đảm bảo công suất 1.500 tấn mía cây/ngày, Nhà máy giấy Kráp đạt công suất 2.500 tấn/năm, tìm đầu ra cho Nhà máy thức ăn gia súc Đức Sơn.

Phấn đấu có nhiều đề tài khoa học, nhiều sáng kiến, nhiều giải pháp khoa học kỹ thuật, thiết thực phục vụ sản xuất và đời sống.

NÔNG NGHIỆP TÂY NINH

10 NĂM THÀNH TỰU - TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

PHAN VĂN SỬ
Q.Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Tây Ninh

Ngành Nông nghiệp tỉnh Tây Ninh được xác định là mặt trận hàng đầu, đây là ngành chủ lực làm nền tảng để phát triển kinh tế của tỉnh. Trong 12 năm qua ngành Nông nghiệp đã phát triển khá toàn diện với tốc độ tăng trưởng cao và tương đối ổn định. Năm 1998 giá trị tổng sản lượng của ngành nông nghiệp ước đạt 1.986,5 tỷ đồng. So với năm 1997 tăng 5% và tăng 2,4 lần so với năm 1986. Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân trong 12 năm (1986 - 1998) là 7,61%.

Cơ cấu cây trồng trong 10 năm qua chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng nhóm cây công nghiệp từ 27,9% năm 1986 tăng lên 37% năm 1998, nhóm cây lương thực từ 65,2% năm 1986 giảm còn 58,5% năm 1998, nhóm cây thực phẩm từ 6,9% năm 1986 xuống còn 4,5% năm 1998. Các cây trồng chính đều tăng cả diện tích, năng suất, sản lượng. Bước đầu hình thành những vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh tập trung phát triển từ kinh tế hộ đã dần dần hình thành 2.700 trang trại trồng mía, mì, cao su, cây ăn trái... đạt hiệu quả kinh tế cao.

Tổng diện tích gieo trồng năm 1998 là 255.231 ha tăng 63,5% so với năm 1986 trong đó: Cây lúa có diện tích 147.883 ha tăng 60,9% với tổng sản lượng 399.284 tấn đạt trên 400kg lúa/người/năm (đạt chỉ tiêu

đến năm 2000 của Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng Bộ lần thứ 6); cây mía 27.000 ha tăng hơn 4 lần với sản lượng 1.296.000 tấn tăng gần 5 lần so với năm 1986 ; cây đậu phộng 32.279 ha với sản lượng 94.270 tấn, về diện tích tăng 93%, sản lượng tăng 4 lần so với năm 1986; cây mì 18.288 ha với sản lượng 347.472 tấn, về diện tích tăng 42% và sản lượng tăng 3 lần so với năm 1986 ; Cây cao su 27.000 ha (có 12.500 ha cho sản phẩm) với sản lượng 29.623 tấn, về diện tích tăng hơn gấp 5 lần, sản lượng tăng hơn 3 lần. Đặc biệt có cây bắp lai cho hiệu quả kinh tế cao nên diện tích năm 1998 đạt 5.932 ha với sản lượng 24.000 tấn, về diện tích tăng gấp 7 lần về sản lượng tăng 25 lần đây là nguồn nguyên liệu tốt cho chế biến thức ăn gia súc và khuynh hướng lấn dần diện tích cây đậu phộng.

Năm 1998 sản xuất nông nghiệp có phát triển so với năm 1997, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm tăng 7%. Nhóm cây lương thực tăng 9%, nhóm cây công nghiệp tăng 6%. Trong đó diện tích cây mì tăng 4%, diện tích cây đậu phộng tăng 5%, diện tích mía tăng 10%, diện tích cây thuốc lá tăng 5%. Ngoài các cây truyền thống của tỉnh, đã xuất hiện các cây trồng mới như cây bắp, cây thuốc lá ngày càng phát triển.

Trong kỹ thuật canh tác đã cơ giới hóa khâu làm đất 70% đối với cây hàng năm, 90% đối với cây lâu năm; các khâu trồng chăm sóc và thu hoạch chủ yếu bằng thủ công.

Song song với ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi của tỉnh Tây Ninh trong năm 1997 cũng có những chuyển biến tích cực, mặc dù tỉ trọng giá trị chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp đạt 8% nhưng tổng giá trị sản phẩm chăn nuôi đạt 143,96 tỉ đồng tăng 31,2% so với năm 1995. Năm 1997, cả tỉnh có 53.424 con trâu, 52.599 con bò, 110.383 con heo và 2.117.637 gia cầm. Trâu bò không tăng so với năm 1986, đàn heo tăng 67,7%, đàn gia cầm tăng 65,5% so với năm 1986. Đến năm 1998 : Đàn trâu có 54.200 con, đàn bò có 53.300 con, đàn heo có 113.920 con, đàn gia cầm có 2.200.000 con, tăng từ 1,3% đến 4,4% so với năm 1997. Nhìn chung, về số lượng đàn trâu và gia cầm của tỉnh giữ mức ổn định, đàn bò và heo tăng hơn so với năm 1996. Trong chăn nuôi chiều hướng phát triển tổ chức chăn nuôi gà, heo qui mô lớn mang tính chất sản xuất hàng hóa và chuyển từ chăn nuôi phục vụ cày kéo sang thịt, sữa, giống. Chăn nuôi bò sữa kiểu hộ gia đình, bước đầu đã phát triển ở Trảng Bàng và 1 số huyện khác. Ngoài ra một số giống thủy sản có giá trị kinh tế cao như cá sấu, ba ba... cũng đã được nhân dân trong tỉnh nuôi trồng nhằm xóa đói giảm nghèo và tăng thêm thu nhập.

Về hỗ trợ sản xuất và bảo vệ thực vật, thú y trong năm qua, tỉnh cũng đã chú trọng đẩy mạnh công tác này. Trong các chương trình khuyến nông, tỉnh đã thực hiện được 163 điểm trình diễn, 10 điểm khảo nghiệm trên giống lúa, mía, bắp và rau. Đồng thời Tỉnh đã tổ chức 176 lớp tập huấn kỹ thuật, 27 lượt phát hình, truyền thanh về chuyên mục khuyến nông. Ngoài ra còn điều phối và cung cấp 91 tấn lúa giống, 1 tấn đậu phộng. Riêng trong công tác bảo vệ thực vật, năm qua tỉnh đã tổ chức triển khai tốt, bảo

đảm được an toàn dịch bệnh cho cây trồng trong tỉnh. Việc thực hiện chương trình IPM/ lúa có nhiều kết quả tốt, được nông dân hưởng ứng rộng rãi. Đối tượng rầy nâu nguy hiểm đã từng bước được kiểm soát và dập tắt kịp thời dịch cào cào phá hại mía. Đặc biệt, chương trình IPM cũng đang được nghiên cứu, thử nghiệm trên cây đậu phộng, rau và đã thu được nhiều kết quả khả quan. Các hoạt động kiểm dịch thực vật, sát trùng kho bãi và luân chuyển vật tư nông nghiệp được thường xuyên thực hiện. Về thú y, trong năm qua, mạng lưới này đã được thực hiện từ tỉnh đến cơ sở (100% xã, phường có mạng lưới thú y). Tính tích cực và hiệu quả của công tác này đã thể hiện qua việc phòng bệnh nhanh, gọn, trị bệnh kịp thời và dứt điểm các ổ dịch lẻ tẻ trước khi có nguy cơ lan tràn.

Về thủy lợi đến năm 1997 đã hoàn thành hệ thống kênh nội đồng trước 1 năm theo Quyết định 498 của Chính phủ, với tổng khối lượng đất đào đắp và bê tông thực hiện bằng gấp 5 năm (1992 - 1996) và đưa diện tích tưới hàng năm lên hơn 100.000 ha. Riêng vụ Đông xuân tưới chủ động 45.410 ha.

Hệ thống kênh Tân Hưng được triển khai thực hiện khẩn trương và đã hoàn thành cơ bản các hạng mục khó khăn nhất như cống số 3, cầu Tỉnh lộ 4, hệ thống kênh chính để đưa nước phục vụ cho nhà máy đường 8.000 tấn mía cây/ngày và tưới cho 10.700 ha ở khu vực huyện Tân Biên và Tân Châu.

Đối với lâm nghiệp : Tổ chức khoanh nuôi và bảo vệ rừng, trồng rừng mới có nhiều tiến bộ, đã quy hoạch lại tổng quan lâm nghiệp giai đoạn 1997 - 2005 xác định rừng tự nhiên đang bảo vệ khoanh nuôi là 46.415 ha; nâng cao độ che phủ từ 8% tăng lên 11,5% nếu kể 3.315 ha rừng trồng thì Tây Ninh đã có gần 50.000 ha trên 57.000 ha rừng ổn định theo diện tích quy hoạch.

Về chế biến nông sản : Trong những năm trước đây cây mía, mì chủ yếu là chế biến thủ công và các nhà máy ngoài tỉnh, gần đây tỉnh đã đầu tư hoặc liên doanh với nước ngoài xây dựng một số cơ sở chế biến công nghệ khá hiện đại như nhà máy đường 8.000 tấn mía cây/ngày, nhà máy đường 2.500 tấn mía cây/ngày và hai nhà máy chế biến củ mì 800 tấn/ngày.

Trong chế biến mía đường vụ 1997 - 1998 cả hai nhà máy (8.000 tấn và 2.500 tấn) đưa vào vận hành tuy có một số trục trặc nhưng về cuối vụ đã hoạt động ổn định, cùng với nhà máy đường Nước Trong cả 3 nhà máy trong tỉnh chế biến được 40% sản lượng mía cây toàn tỉnh.

- Sang vụ chế biến 1998 - 1999, Tây Ninh đã có 3 nhà máy công nghiệp với tổng công suất 8.300 tấn mía cây/ngày (nhà máy đường 8.000 tấn chạy 60% công suất) chế biến 1,2 triệu tấn mía cây /năm. Đến niên vụ 1999 - 2000 cả 3 nhà máy công nghiệp hoạt động hết công suất giai đoạn 1 là 11.500 tấn mía cây/ngày tương đương 1,8 triệu tấn mía cây/năm và giai đoạn 2 là 20.500 tấn mía cây/ngày, tiêu thụ hơn 3 triệu tấn mía cây/năm.

- Đối với cây mì, Tỉnh đã có 3 nhà máy chế biến công nghiệp có công suất 250 tấn bột/ngày, tương đương 1.000 tấn củ/ngày có thể chế biến 240.000 tấn củ mì/năm.

- Nguyên liệu mía, mì có thể đủ cho các nhà máy hoạt động.

Hiện nay chưa có nhà máy chế biến các sản phẩm sau đường, sau bột mì.

- Về chế biến cao su : Trong tỉnh có 2 cơ sở sơ chế mủ nước có công suất 12.000 tấn mủ qui khô/năm cùng một dây chuyền chế biến mủ kem 2.000 tấn/năm và 3 cơ sở chế biến nguyên liệu từ nguồn mủ tạp với công suất 12.000 tấn mủ qui khô/năm.

- Chế biến đậu phộng : Hiện nay tỉnh chỉ có 1 nhà máy chế biến dầu đậu phộng công suất 1.500 tấn dầu/năm và một số cơ sở ép dầu thủ công chỉ chế biến được khoảng 10% sản lượng đậu phộng hàng năm.

Tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh 2 năm 1996 - 1997 đạt 83 triệu USD, trong đó nguồn hàng nông sản chiếm trên 90% nhưng chủ yếu là hàng thô như : Cao su khối, đậu phộng nhân, hạt điều ,bắp hạt...

Năm 1998 và những năm tiếp theo tỉnh Tây Ninh sẽ tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được và khắc phục các mặt yếu kém trong năm qua, để đẩy nhanh tốc độ phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo đúng hướng, và tạo những giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt phấn đấu đạt tỉ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp. Thực hiện tốt các chương trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, gắn kinh tế hợp tác với xây dựng thủy lợi và quy hoạch cây trồng tạo ra quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

Phấn đấu đến năm 2010 ngành nông nghiệp thực hiện đạt các chỉ tiêu cụ thể:

- Diện tích mía 60.000 ha với sản lượng 4,8 triệu tấn mía cây/năm.

- Diện tích cao su 44.662 ha với sản lượng qui khô 44.200 tấn.

- Cây mì 15.000 ha với sản lượng 375.000 tấn củ mì/năm.

- Đậu phộng : Diện tích 55.000 ha với sản lượng là 165.000 tấn đậu vỏ.

- Lúa: Đạt 446.250 tấn, đạt bình quân trên 400 kg lúa/người/năm.

+ Về chăn nuôi:

- Trâu: 75.000 con.
- Bò: 80.000 con.
- Heo: 300.000 con.
- Gia cầm: 3,7 triệu con.
- Diện tích nuôi cá mặt hồ: 27.000 ha ao hồ và hơn 1.200 ha sông ngòi, ao hồ nhỏ.

Để sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định và nâng cao hiệu quả kinh tế trong những năm tới Tây Ninh đã và đang mở rộng cửa đón nhận các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư trong lĩnh vực cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, kỹ nghệ chế biến sau đường, sau bột mì, chế biến đậu phộng, cao su, chế biến thực phẩm, khai thác vật liệu xây dựng, sản phẩm cây ăn quả và các hoa màu khác v.v...

Tây Ninh đã có diện tích, sản lượng: Đậu phộng, mía và mì đứng thứ hàng nhất nhì; cây cao su và cây điều đứng hàng thứ tư, thứ năm trong cả nước, đàn gia súc, gia cầm khá tốt đây là cơ hội để các nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm đầu tư vào Tây Ninh./.

NÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH
THÀNH TỰU VÀ TIỀM NĂNG

ĐÀO TRỌNG THUẦN
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Bình

Thái Bình là tỉnh ven biển thuộc châu thổ sông Hồng, cách thủ đô Hà Nội 110 km về phía Đông Nam. Xung quanh có các sông lớn và biển bao bọc. Đất đai được hình thành do sự bồi tụ phù sa của sông Hồng. Tổng diện tích tự nhiên là 152.778 ha, trong đó đất nông nghiệp 103.000 ha (đất trồng lúa 2 vụ là 85.000 ha).

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, số giờ nắng 1.600-1.800 giờ/năm, lượng mưa trung bình 1.400-1.800 mm/năm, phân bố vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 chiếm 60-70% thường gây úng lụt cho cây trồng. Lũ bão luôn đe dọa sản xuất và đời sống, hàng năm có từ 3-5 cơn bão, cấp gió từ 9-12 đổ bộ hoặc ảnh hưởng trực tiếp, mực nước lũ trên các sông lớn cao hơn đồng ruộng từ 3-5m.

Dân số toàn tỉnh là 1,78 triệu người, trong đó 90% sống ở nông thôn, mật độ dân số là 1.100 người/km^2, có mật độ cao nhất ở đồng bằng sông Hồng (trừ thành phố Hà Nội).

Là một tỉnh đất chật người đông, thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp. Tổng sản phẩm Nông-Lâm-Ngư nghiệp năm 1999 chiếm gần 60% GDP của tỉnh. Những năm gần đây tỉnh đã tích cực thay đổi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lĩnh vực nông nghiệp

và PTNT đã thu được những thành tựu đáng kể góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt nổi bật là sản xuất lương thực:

- *Sản lượng lương thực* trong 10 năm gần đây ổn định ở mức 1 triệu tấn/năm với năng suất lúa đạt trên dưới 10 tấn/ha. Năm 1993 đạt 11,47 tấn/ha, năm 1995 đạt 12,09 tấn/ha và tới năm 1999 đã đạt 12,33 tấn/ha, cao nhất từ trước tới nay. Năng suất và diện tích các cây lương thực khác cũng tăng đáng kể đã đưa vụ đông thành vụ chính đạt 40% diện tích canh tác. Qua 10 năm từ năm 1990 sản lượng lương thực đã tăng 47%, năng suất lúa tăng 37%, riêng sản lượng thóc đã tăng 350 ngàn tấn. Lương thực bình quân đầu người tăng 38% và đã đạt trên 625 kg/năm.

- *Chăn nuôi phát triển cả về số lượng và chất lượng:*

Đàn lợn đã đạt trên 60 vạn con tăng hơn 50%, đàn bò có 45 vạn con tăng 122%, trong đó có hơn 8 ngàn bò lai sind (gần 20% tổng đàn bò), đàn gia cầm có hơn 5 triệu con tăng gấp 2 lần so với năm 1990. Chương trình cách mạng giống gia súc, gia cầm đang triển khai thực hiện như "nạc hóa" đàn lợn, "sind hóa" đàn bò và bổ sung nhiều loại giống gia cầm mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với yêu cầu của thị trường tiêu thụ.

- *Sản xuất thủy - hải sản* được chú trọng toàn diện về nuôi trồng, đánh bắt và chế biến. Với năng lực 6.000 ha ao hồ, 12.000 ha bãi biển và hơn 50 km bờ biển, phát triển thủy hải sản đang là mũi nhọn trong nền kinh tế của tỉnh, được xếp vào 1 trong 5 chương trình kinh tế trọng điểm, tỷ trọng thu nhập thủy - hải sản đã tăng từ 4-5% trong năm 1990 lên 19-20% vào năm 1999 trong cơ cấu kinh tế Nông-Lâm-Ngư nghiệp. Chương trình đánh bắt xa bờ đã được thực hiện từ năm 1999, đã được Nhà nước cho vay 42 tỷ đồng đóng mới được 12 đôi tàu công suất lớn, cải hoán hàng chục đôi tàu công suất vừa và nhỏ đã góp phần lớn đưa sản lượng đánh bắt tăng gấp ba lần, giá trị xuất khẩu tăng 1,5 lần so với năm 1990.

- *Về Lâm nghiệp:* đã phát triển toàn diện về trồng rừng phòng hộ ven biển, trồng cây phân tán, trồng cây kinh tế cải tạo vườn tạp. Thực hiện các chương trình 327, 773, 5 triệu ha rừng trong 10 năm gần đây tỉnh đã trồng được 7.900 ha rừng phòng hộ ven biển. Phát động phong trào trồng cây nhân dân đã trồng được gần 40 triệu cây các loại, trong đó cây lấy gỗ chiếm 32%, cây ăn quả chiếm 37%, cây kinh tế đặc sản chiếm 31%.

Cơ cấu kinh tế trong nông thôn, nông nghiệp đã được điều chỉnh theo hướng tích cực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội bộ và thực hiện xuất khẩu.

- Tỷ trọng thu nhập từ nông nghiệp có xu hướng giảm dần, năm 1990 chiếm 76,44% GDP, năm 1995 chiếm 61,7% GDP, năm 1999 chiếm 56,91% GDP.

- Cơ cấu trồng trọt, chăn nuôi, thủy hải sản cũng thay đổi tích cực, với định hướng

đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, tỷ trọng chăn nuôi đã tăng từ 18% lên 30%, thủy hải sản đã tăng từ 5% lên 20%, tỷ trọng trồng trọt đã giảm từ 78% xuống 56%.

- Trong trồng trọt, chăn nuôi cơ cấu các cây trồng, vật nuôi cũng thay đổi theo hướng sản xuất hàng hóa theo nhu cầu của thị trường.

* Cơ cấu vật chất kỹ thuật - cơ sở hạ tầng nông thôn, nông nghiệp được tăng cường tạo tiền đề cho việc phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thái Bình đã có một hệ thống thủy lợi thuộc loại phát triển ở đồng bằng sông Hồng. Các công trình từ đầu mối đến mặt ruộng đã đảm bảo an toàn phòng chống lũ bão và cung cấp nước tưới tiêu cho toàn bộ diện tích, thau chua rửa mặn cải tạo đất.

- Hệ thống công trình điện, đường, trường, trạm, nước sạch và thông tin đã được xây dựng đều khắp các xã và đáp ứng nhu cầu cơ bản của nhân dân. Đã có gần 100% số xã có đường nhựa, đường cấp phối liên thôn, liên xã, 100% số hộ có điện thắp sáng, 60% số hộ được dùng nước sạch, hơn 80% số xã đã có trường học kiên cố, gần 100% số xã có trạm xá xây dựng kiên cố.

- Mức độ cơ giới hóa được tăng cường, các loại máy móc nhỏ phục vụ sản xuất và chế biến được phát triển nhanh, thích dụng với thực tế của nông dân. Đến nay đã có gần 2.500 máy kéo (chủ yếu là máy kéo nhỏ) phục vụ khâu làm đất và vận chuyển, 2.642 máy tuốt lúa, 2.500 máy xay xát chế biến gạo, 469 máy nghiền thức ăn gia súc, gần 500 máy làm gạch và hàng vạn bình bơm thuốc trừ sâu các loại.

Đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân không ngừng được cải thiện, trình độ dân trí được nâng cao, bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới.

- Với mức bình quân lương thực đạt 600 kg/người đã đảm bảo an toàn cơ bản lương thực và dinh dưỡng cho nông dân, 80% số hộ có nhà kiên cố hoặc bán kiên cố, 55% số hộ có ti vi, 8% số hộ có xe gắn máy. Sau 10 năm số hộ nghèo đã giảm từ 25% xuống 7-8%, số hộ đói giảm từ 10% xuống còn 2-3%, trình độ văn hóa và tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật được tăng lên, dân chủ hóa trong nông thôn được bảo đảm.

Tiềm năng và phương hướng phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh trong thế kỷ 21:

- Kinh tế nông nghiệp Thái Bình trong những thập kỷ tới tập trung vào 3 vấn đề lớn : Đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân về lương thực, thực phẩm, dinh dưỡng, sản xuất được nhiều hàng hóa phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu, giải quyết được việc làm cho nông dân.

- Mục tiêu cụ thể :

Phấn đấu tăng giá trị thu nhập cho 1 đơn vị diện tích canh tác, bảo đảm mỗi ha đạt khoảng 34-35 triệu đồng/năm vào năm 2005, đạt 40-45 triệu đồng vào năm 2010.

Không ngừng nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, tăng bình quân năm là 3,8%, giải phóng một phần lực lượng lao động ra khỏi khu vực sản xuất nông nghiệp

tạo điều kiện cho CNH, HĐH nông thôn và nông nghiệp.

Đạt tỷ suất nông sản hàng hóa từ 25-30% vào năm 2005 và 35-40% vào năm 2010.

Về lương thực: Sản xuất lương thực là nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, đặc biệt là sản xuất lúa gạo, đảm bảo ổn định sản lượng lương thực 1 triệu tấn/năm vào năm 2005 và 1,2 triệu tấn/năm vào năm 2010. Ưu tiên các giống có năng suất cao, dành 7-8% diện tích vụ mùa để trồng lúa đặc sản và 35-40% diện tích trồng lúa có chất lượng cao để có 30-40 vạn tấn gạo,hàng hóa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Nhịp độ tăng lượng thực hàng năm đạt 2,1-2,3%/năm. Bình quân lương thực cho 1 người giữ ổn định 600 kg/năm.

Về chăn nuôi: Phát triển theo hướng toàn diện, thay đổi cơ cấu đàn, tăng nhanh đàn lợn hướng nạc, bò hướng thịt. Đến năm 2005 đàn lợn đạt 750.000 con (tăng 19% so với năm 2000), đàn bò 66.000 con (tăng 22% so với năm 2000). Phát triển đàn gia cầm đạt 7,5-8 triệu con, tập trung cho đàn gà có chất lượng thịt ngon.

Về thủy hải sản: Chuyển mạnh hướng nuôi trồng thủy hải sản từ quản canh sang thâm canh và bán thâm canh để khai thác triệt để tiềm năng của 6.000 ha ao nội đồng và 12.000 ha đầm ven biển, đầu tư đồng bộ cho đánh bắt xa bờ. Sản lượng tăng gấp 2 lần vào năm 2005 (đạt khoảng 75.000 tấn tôm, cá, cua).

Về lâm nghiệp: Trồng mới và bảo vệ rừng phòng hộ ven biển, đến năm 2005 đạt 11-12 ngàn ha rừng sú vẹt ngập mặn.

NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

VI VĂN THƯ
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thái Nguyên

I. NHỮNG THÀNH TỰU VỀ NÔNG NGHIỆP – PTNT THÁI NGUYÊN TRONG 10 NĂM ĐỔI MỚI

1-Duy trì tốc độ tăng trưởng GDP Nông - Lâm nghiệp tăng bình quân năm đạt 3,5%.

2-Sản lượng lương thực qui thóc bình quân 1 năm từ 270 ngàn tấn lên 305 ngàn tấn, tăng 8%.

3-Giá trị sản xuất 1 ha canh tác (Đất ruộng) hàng năm đạt 12 triệu đồng; đất vườn đồi (có đầu tư thâm canh) đạt 20 triệu đồng/năm/ha.

Trong 5 năm (1996 – 2000) trồng mới: 12.000 ha rừng (tăng độ che phủ từ 28% lên 39%). Trồng mới 6.000 ha cây ăn quả (gấp 3 lần); Diện tích chè kinh doanh năm 2000 là 11.500 ha (tăng 1,5 lần so với năm 1996).

4- Qua 5 năm thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp (chủ yếu là chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi) đến nay Thái Nguyên đã đạt được:

a. Chuyển dịch cơ cấu mùa vụ: Tăng thêm 1 vụ sản xuất chính là vụ đông bao gồm:

- Vụ sản xuất lương thực với: 6.500 ha ngô, 6.800 ha khoai lang.
- Vụ sản xuất chè đông trên 1.000 ha.
- Vụ sản xuất rau xanh, đậu đỗ trên 2.000 ha.

b. Về chuyển dịch cơ cấu cây trồng: Với sự tăng nhanh diện tích canh tác chuyên sản xuất sản phẩm hàng hóa lớn bao gồm:

- Trồng rừng (có sản phẩm) trên 30.000 ha (trữ lượng rừng trồng: 670.415 m^3).

- Chè kinh doanh 11.500 ha sản lượng 68.000 tấn chè búp tươi.

- Diện tích cây ăn quả (có thu hoạch) trên 4.000 ha.

c. Tăng nhanh đàn gia súc gia cầm:

- Đàn lợn: 339.109 con tăng bình quân hàng năm 1,32% (1996-1999). Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 16.116 tấn tăng bình quân 2,63% năm.

- Đàn trâu bò: 159.291 con tăng bình quân 1,34% năm.

- Đàn gia cầm: 2.675 ngàn con tăng 2,63% năm.

d. Thủy sản (nuôi cá): Với 6.000 ha, sản lượng: 1.970 tấn.

e. Về chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế:

- Kinh tế hợp tác: HTX còn đến tháng 5/1997 là 133 HTX (trước khi thực hiện luật HTX trên địa bàn tỉnh).

Đến tháng 6/2000 đã chuyển đổi được 49 HTX/133 HTX và thành lập mới được 16 HTX. Tổng số HTX theo luật của tỉnh được chuyển đổi và thành lập mới là 65 HTX. Trong đó có 39 HTX đã được cấp giấy phép kinh doanh (chiếm 60%). Tổng giá trị TSCĐ của 65 HTX là 14.989 triệu đồng (bình quân 230 triệu đồng/HTX), tổng số vốn lưu động là 1.157 triệu đồng (bình quân 17,8 triệu đồng/HTX).

Mới có 3/65 HTX thực hiện chế độ kế toán HTX theo luật.

- Kinh tế hộ: Toàn tỉnh có 171.101 hộ nông, lâm nghiệp, trong đó có 170.089 hộ nông nghiệp, 915 hộ lâm nghiệp, 97 hộ thủy sản.

- Kinh tế trang trại: Theo điều tra năm 1999 thì toàn tỉnh có 913 trang trại có mức thu nhập từ 10 triệu đồng trở lên với quy mô diện tích đất như sau:

Từ 1–2 ha có 445 trang trại, từ trên 2 ha – 5 ha có 343 trang trại, từ trên 5 ha – 10 ha có 109 trang trại, trên 10 ha đến 20 ha có 16 trang trại.

5- Kết cấu hạ tầng nông thôn tăng đáng kể đã làm thay đổi bộ mặt các vùng, miền trong tỉnh:

- Về giao thông đến năm 2000: 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã

- Về thủy lợi: 5 năm đầu tư 150 tỷ đồng xây dựng các công trình thủy lợi (cả vốn Trung ương và địa phương).

+ Kiên cố kênh mương khoảng 200 km.

+ Đưa thủy lợi lên vùng đồi với khả năng tưới 2.000 ha.

6- Ứng dụng tiến bộ KHKT và chuyển giao công nghệ mới trong nông nghiệp:

- Về lĩnh vực giống bao gồm:

+ Diện tích lúa sử dụng giống mới: Trên 88% diện tích gieo trồng trong đó diện tích lúa lai hàng năm gieo trồng khoảng 1.000 ha.

+ Giống ngô lai: chiếm 90% diện

tích gieo trồng.

+ Giống chè mới: Đến nay đã trồng được 100 ha bằng phương pháp giâm cành với các giống PH1, TRI-777, LDP1, chè Nhật, chè Đài Loan.

- Tuyển chọn giống cây ăn quả trong 5 năm đã cung ứng được các giống cây ghép chất lượng cao.

* Vải : 67.900 cây
* Nhãn : 21.400 cây
* Hồng : 12.480 cây

7- Thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn đạt 2.200 ngàn đồng/năm 1999 tăng 36% so với năm 1995.

8- Giảm tỷ lệ đói nghèo ở nông thôn từ 17% năm 1997 đến năm 2000 còn 9,02%.

II. NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THÁI NGUYÊN HƯỚNG TỚI THIÊN NIÊN KỶ MỚI

1- Những thuận lợi:

- Về tài nguyên:

+ Đất còn khả năng sản xuất nông–lâm nghiệp: 55.694 ha.

+ Khả năng tưới: 72.000 ha.

- Về nguồn nhân lực:

+ Lao động

+ Đội ngũ KHKT.

- Nguồn tri thức: Thái Nguyên có 18 trường đại học và THCN trong đó có 1 trường Đại học Nông – Lâm nghiệp.

- Là vùng được TW ưu tiên: Miền núi, dân tộc có 18 xã đặc biệt khó khăn.

- Là căn cứ kháng chiến cũ được ưu tiên đầu tư.

2- Mục tiêu của thời kỳ CNH – HĐH Nông nghiệp – Nông thôn tỉnh Thái Nguyên:

a/ Tăng GDP bình quân năm (2001–2005): 3,5% - 4%.

b/ Tăng kết cấu hạ tầng nông thôn bao gồm:

+ Thủy lợi:

* Kiên cố 1.350 km kênh mương nội đồng

* Xây dựng vùng kiểu mẫu hiện đại hóa thủy lợi ở vùng Hồ Gò Miếu (Đại Từ) và khu vực chè Tân Cương (Thành phố Thái Nguyên).

* Giải quyết nước sinh hoạt vùng nông thôn khó khăn

c/ Tăng đầu tư kết cấu hạ tầng 18 xã đặc biệt khó khăn (ĐCĐC)

d/ Phát triển giao thông nông thôn (nâng cấp đường)

e/ Xây dựng cơ sở phục vụ sản xuất giống cây, con (cho phát triển rừng, phát triển cây ăn quả, phát triển chè, phát triển gia cầm, lợn xuất khẩu).

g/ Tiếp tục bố trí cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, thành vùng bao gồm:

+ Sản lượng lương thực bình quân năm đạt 32 vạn tấn.

+ Chè trồng mới 3.000 ha, năng suất chè kinh doanh đạt 80 tạ/ha. Tổng diện tích chè đạt 14.000 ha, giá trị sản xuất 1 ha chè kinh doanh đạt 30 triệu.

+ Trồng mới cây ăn quả hàng năm 1.000 ha.

+ Trồng rừng mới phục vụ công nghiệp chế biến gỗ dăm hàng năm trên

1.000 ha.

+ Tăng đàn lợn hướng nạc xuất khẩu (lợn sữa, choai...)

+ Tăng trang trại gà sạch xuất khẩu.

h/ Giảm hộ nghèo xuống dưới 5%.

i/ Phát triển kinh tế hợp tác và kinh tế trang trại

3- Những biện pháp quan trọng

Phát triển nông nghiệp theo hướng:

a/ Nâng cao giá trị/1 đơn vị diện tích canh tác bao gồm:

+ Thâm canh tăng năng suất cây, con.

+ Chuyển dịch cơ cấu mùa vụ (tăng vụ)

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm (sản phẩm sạch).

b/ Ứng dụng tiến bộ KHKT – chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp bao gồm:

+ Củng cố, mở rộng hệ thống khuyến nông các cấp

+ Tăng chất lượng hoạt động KHKT đến nông dân.

+ Lựa chọn, chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất gồm:

* Sản xuất giống

* Đầu tư đưa giống mới vào sản xuất: Lúa, ngô lai, gà chất lượng cao, lợn hướng nạc.

c/ Xây dựng vùng thâm canh cao cho lúa, ngô, chè.

d/ Tăng chăn nuôi lợn, gà theo phương pháp mới và theo mô hình trang trại.

e/ Chú trọng đầu tư một số lĩnh vực: Bảo quản nông sản sau thu hoạch, tăng chế biến công nghiệp nông lâm sản hàng hóa chú trọng chế biến có chất lương qui mô hộ gia đình... Bao gồm chế biến chè, ngô, hoa quả, thức ăn gia súc.

g/ Huy động mạnh nguồn nội lực trong nông dân để kiến thiết hạ tầng: Kiên cố 1.350 km kênh mương. Xây dựng làng kiểu mẫu thủy lợi, làng kiểu mẫu sản xuất chè...

h/ Tỉnh Thái Nguyên ban hành chính sách, cơ chế thích hợp tạo môi trường thông thoáng cho các nhà đầu tư vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp Thái Nguyên, khuyến khích các thành phần kinh tế liên doanh đầu tư vào nông nghiệp. Tiếp nhận tốt các dự án đầu tư của TW qua tỉnh vào nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên.

- Lựa chọn, bố trí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn năng lực, kiến thức nông nghiệp–nông thôn mới cho cán bộ cấp xã (cơ sở) để đủ sức tiếp nhận, chuyển giao tiến bộ sản xuất nông nghiệp vào địa phương.

NÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG

THỰC TRẠNG, TIỀM NĂNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

NGUYỄN VĂN KHANG

Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Tiền Giang

Dòng sông Mêkông trong quá trình chuyển động và bồi tụ phù sa tạo ra bức tranh tự nhiên đẹp đẽ và phong phú cho mảnh đất Tiền Giang. Với địa giới tiếp giáp với các tỉnh Long An, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre và nằm cách TP. Hồ Chí Minh 70 km về phía Tây Nam - tỉnh Tiền Giang có một vị trí quan trọng : là cửa ngõ của miền Tây Nam bộ, là địa bàn trung chuyển giữa miền Tây với Tp. Hồ Chí Minh.

Tiền Giang có diện tích tự nhiên 2.326 km^2, nằm trải dọc theo bờ Bắc sông Tiền đổ ra biển Đông (qua cửa Tiểu) với chiều dài 120 km. Địa hình cao, bằng phẳng với hơn 60% là đất phù sa màu mỡ, thích hợp cho nhiều loại cây trồng. Khí hậu chia làm hai mùa mưa và nắng rõ rệt, nhiệt độ trung bình hàng năm là 28^{0}C, lượng mưa hàng năm từ 1.200 - 2.000 mm. Riêng khu vực giáp biển hàng năm bị nhiễm mặn nhẹ vào tháng ba đến tháng tư.

Tiền Giang có 32 km bờ biển và hàng ngàn ha bãi bồi ven biển, thuận lợi cho nuôi trồng thủy hải sản. Mặt khác,

nằm kẹp giữa sông Vàm Cỏ Tây và sông Tiền, có mạng lưới sông rạch phủ khắp toàn tỉnh, bảo đảm đủ nước cho sản xuất và đời sống, rất thuận lợi cho giao thông đường thủy và thiết lập những cảng hàng hóa, cảng cá thông thương với cả nước. Ngoài ra, tỉnh còn trữ lượng nước ngầm khá lớn phục vụ sản xuất và đời sống.

Quá trình phát triển kinh tế của Tiền Giang còn gắn liền với các vùng sinh thái : vùng biển Gò Công, vùng bãi bồi ven biển, vùng sông rạch, vùng lúa, vùng cây ăn trái, vùng cây công nghiệp, vùng khoáng sản... từ đó tạo ra những nguồn sản phẩm rất phong phú, đa dạng mang tính đặc trưng của mỗi vùng.

Tiền Giang hiện có 1,73 triệu dân với mật độ dân số lên đến 744 người/ km^2, khá cao so với các tỉnh trong khu vực. Riêng số dân trong độ tuổi lao động chiếm trên 56% tổng số dân. Đây cũng là một nhân tố quan trọng và là một thế mạnh để phát triển khai thác kinh tế xã hội. Về hành chánh, Tiền Giang có 7 huyện , thị xã Gò Công và TP. Mỹ Tho với 164 xã, phường, thị trấn.

Tiền Giang với thiên nhiên ưu đãi về nhiều mặt, giao thông thuận lợi, các hệ thống cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc được quan tâm đầu tư khá hoàn chỉnh, cộng với lực lượng lao động dồi dào, có trình độ và chuyên cần. Đó là điều kiện cơ bản để tiến nhanh vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ nguồn nội lực kết hợp với việc mở rộng hợp tác đầu tư trong và ngoài nước.

NÔNG NGHIỆP - NGƯ NGHIỆP - THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG

Trong tổng diện tích tự nhiên, diện tích đất nông nghiệp của tỉnh là 184.833 ha, chiếm gần 79,5%. Với điều kiện đa dạng sinh thái theo từng vùng tạo cho kinh tế nông nghiệp đặc điểm rất phong phú về sản phẩm. Cũng từ đó hình thành những chương trình kinh tế trọng điểm như : chương trình phát triển vùng lúa đặc sản xuất khẩu, phát triển vùng ngọt hóa Gò Công, phát triển vùng Đồng Tháp Mười, vùng chuyên canh cây ăn trái, phát triển kinh tế sông biển ...của tỉnh trong các năm qua.

*** <u>Về cây lúa :</u>**

- Diện tích canh tác hơn 100.000 ha, trong đó có 80.000 ha diện tích lúa năng suất cao đang được hoàn chỉnh. Hệ số vòng quay đất lúa 2,8 vòng/năm.

- Sản lượng lúa hàng năm luôn đạt trên 1 triệu tấn.

- Lượng gạo xuất khẩu hàng năm từ 300.000 - 350.000 tấn.

Vùng lúa nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu tập trung các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành và một phần ở các huyện phía Đông được đầu tư khá hoàn chỉnh về thủy lợi, thuận tiện về giao thông.

Yêu cầu đầu tư tiếp về giống lúa có năng suất, chất lượng cao; các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; công nghệ bảo quản, tồn trữ sau thu hoạch; công nghệ chế biến kỹ thuật cao... để nâng cao hiệu quả của cây lúa.

*** Cây ăn trái:**

- Tổng diện tích trồng cây ăn trái 44.322 ha, trong đó có 38.316 ha vườn chuyên canh. Sản lượng trái cây 459.000 tấn/năm, là một trong những tỉnh có sản lượng trái cây cao trong cả nước.

- Vùng trái cây tập trung ở các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành và TP. Mỹ Tho, đang phát triển dần về phía Đông. Những loại cây có giá trị nổi tiếng như: nhãn Nhị Quý, xoài cát Hòa Lộc, sầu riêng Ngũ Hiệp, cam sành Cái Bè, vú sữa Vĩnh Kim, mận Trung Lương, thanh long Chợ Gạo....rất được ưa chuộng.

Diện tích trồng trái cây của Tiền Giang có khả năng mở rộng tới 55.000 ha. Nhưng rất cần được đầu tư để cải thiện về giống , tăng năng suất, sản lượng cũng như chất lượng đồng đều; phát triển công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến và xuất khẩu quả tươi.

*** Cây công nghiệp:**

Diện tích chung hơn 20.000 ha, trong đó có 7.500 ha khóm với sản lượng 55.000tấn/năm, trên 7.000 ha dừa, gần 2.000 ha mía và các loại cây trồng khác.

Đây là một tiềm năng lớn nhưng công nghệ chế biến còn thiếu và ở trình độ thấp, cần những đầu tư đổi mới mạnh mẽ để tạo những sản phẩm có chất lượng, cạnh tranh được trên thị trường trong nước và quốc tế.

*** Nuôi trồng và khai thác thủy - hải sản:**

Tiền Giang có các vùng sinh thái nước ngọt, nước lợ, nước mặn với 32 km bờ biển, 800km sông rạch, 10.000 ha diện tích mặt nước, 5.500 ha đất bãi bồi ven biển và hàng ngàn ha đất bãi bồi ven sông. Đó là những thuận lợi lớn để phát triển các nghề nuôi trồng thủy sản và đánh bắt hải sản. Vùng thủy vực sông Tiền có khoảng 99 loài cá, 26 loài tôm, trong đó có khoảng 30 loài cá và 13 loài tôm có giá trị kinh tế cao.

Hình thức nuôi trồng thủy sản: Nuôi cá bè; nuôi tôm, cá trong ruộng lúa, dưới mương vườn; nuôi tôm, cua biển thâm canh cải tiến ở vùng đất mặn, lợ; nuôi nghêu, sò huyết ở vùng bãi bồi ven biển...

Năng lực khai thác hải sản hiện có 1.220 tàu, thuyền, trong đó có 330 tàu đánh bắt xa bờ. Sản lượng nuôi và khai thác hàng năm từ 90.000 - 120.000 tấn thủy hải sản các loại.

Cảng Mỹ Tho có đủ các dịch vụ phục vụ khai thác ngoài khơi; tiến hành xây dựng Cảng Vàm Láng (ven biển Gò Công) phục vụ cho việc khai thác có hiệu quả hơn.

Tiền Giang cần có những nguồn vốn lớn để đầu tư vào việc nuôi thả thủy, hải sản ven sông, ven biển; cho vay đóng mới tàu đánh cá, trang bị máy móc để hoạt động xa bờ; phát triển công nghiệp chế biến thủy - hải sản xuất khẩu.

*** Chăn nuôi gia súc, gia cầm :**

Chủ yếu các loại heo, gà, vịt đàn. Cần đầu tư khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo mô hình trang trại, quy mô vừa; đầu tư chế biến thức ăn cho gia cầm, gia súc và phế phẩm chăn nuôi theo công nghiệp tiên tiến để phát triển xuất khẩu.

- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2010:

+ Khu vực nông nghiệp - ngư nghiệp: Tập trung đầu tư phát triển đa dạng về giống cây trồng, vật nuôi tạo ra khâu đột phá về năng suất, chất lượng, hình thành các vùng chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến và thị trường nhằm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu (nhất là các sản phẩm: lúa gạo, trái cây các loại, thịt heo, gia cầm...). Xây dựng các vùng nuôi cá, tôm cua, nghêu, sò... ở ven sông, ven biển, kết hợp nuôi thủy sản trên ruộng lúa, ở những nơi có điều kiện để tăng thêm sản lượng. Mở rộng đầu tư hỗ trợ ngư dân đóng mới tàu đánh bắt hải sản xa bờ, trang bị đủ các phương tiện kỹ thuật để tăng năng lực đánh bắt, thực hiện chương trình phát triển kinh tế sông biển. Đầu tư phát triển chăn nuôi công nghiệp đối với đàn heo và gia cầm, tổ chức khâu chế biến để phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

+ Về nông thôn: Khuyến khích đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật hạ tầng ở nông thôn như: điện - nước, cầu đường giao thông, chợ, các cụm dân cư, nhà ở... từng bước thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa nông thôn và thành thị. Đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn với quy mô nhỏ và vừa căn cứ vào lợi thế từng địa bàn để giải quyết vấn đề lao động, tạo thêm sản phẩm, tăng thu nhập cho dân cư. Từng bước thực hiện đô thị hóa nông thôn, xây dựng các khu dân cư, phát triển các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống, nâng cao mức sống cả vật chất và tinh thần ở nông thôn.

+ Khu vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Với nguồn nguyên liệu sẵn có, ưu tiên hàng đầu cho các dự án đầu tư vào công nghiệp bảo quản, chế biến các sản phẩm nông - thủy, hải sản. Hình thành các cụm công nghiệp - dịch vụ ở các huyện, các vùng để đáp ứng yêu cầu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn, phát huy các ngành nghề thủ công truyền thống ở từng địa phương để tạo thêm các sản phẩm xuất khẩu. Đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị của các doanh nghiệp, đẩy mạnh hợp tác ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại để sản xuất ra những sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, có khả năng xuất khẩu đem lại hiệu quả. Tạo mọi thuận lợi để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài.

THỰC TRẠNG - TIỀM NĂNG VÀ MỤC TIÊU NHỮNG NĂM TỚI CỦA NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TRÀ VINH

Trà Vinh là một tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, nằm giữa sông Tiền, sông Hậu, tiếp giáp biển Đông, có diện tích tự nhiên là 2.369 km^2. Sau ngày giải phóng miền Nam, đến năm 1976 nhập với tỉnh Vĩnh Long thành tỉnh Cửu Long và đến tháng 5/1992 được tái lập trở lại. Nhìn chung, tình hình kinh tế xã hội của Trà Vinh trong những năm đầu giải phóng đến trước năm 1992 còn ở tình trạng thấp kém, kinh tế chủ yếu là độc canh cây lúa; cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chậm phát triển, lạc hậu.

Trà Vinh có 07 huyện, 01 thị xã, 94 xã - phường - thị trấn; dân số gần 1 triệu người trong đó đồng bào dân tộc Khmer chiếm khoảng 30%; 87% dân số sống ở nông thôn, trên 70% lao động sản xuất nông nghiệp; diện tích đất nông nghiệp 148.738 ha (thường bị nhiễm mặn), đất lâm nghiệp 24.490 ha; đất bãi cồn cát 41.601 ha. Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc vào thời tiết, khí hậu..., đời sống của nông dân không ổn định, trên 30% hộ dân thường xuyên phải cứu đói lúc giáp hạt. Từ thực trạng trên, tỉnh xác định để phát triển kinh tế của tỉnh, nâng cao đời sống nhân dân phải tập trung khai thác đúng mức tiềm năng nông nghiệp, thủy sản, làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp, dịch vụ.

Sản xuất nông nghiệp: Diện tích gieo trồng hàng năm đều tăng, riêng cây lúa tăng gần 70.000 ha; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tạo giống, chuyển đổi mùa vụ... vào sản xuất nông nghiệp, nâng sản lượng lúa năm 1999 tăng gần gấp

đôi năm 1992 (449.000 tấn lên 905.000 tấn) với trên 400.000 tấn lúa hàng hóa để xuất khẩu. Về thủy sản, từ tiềm năng của một tỉnh ven biển, tỉnh đã tập trung phát triển nghề nuôi trồng và khai thác thủy hải sản; những năm gần đây được sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương, tỉnh đã khôi phục và phát triển khá nhanh năng lực khai thác xa bờ, nâng cấp và phát triển nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm sú, năm 1999 giá trị tổng sản lượng 688 tỷ đồng tăng gấp đôi năm 1992 (340 tỷ đồng).

Về phát triển nông thôn: Cùng với việc thay đổi nhanh bộ mặt nông thôn thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng, tỉnh đã quan tâm chăm lo, nâng cao đời sống nhân dân với các chương trình mục tiêu cụ thể: giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng... kết quả: khắc phục được nạn đói lúc giáp hạt, không còn hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ trên 30% năm 1992 xuống còn 15% năm 1999 (theo chuẩn mực của Bộ LĐTB&XH), 87/94 xã, phường, thị trấn có điện (năm 1992 chỉ 36,6% có điện) với 38,865 hộ dân sử dụng điện, 57% hộ dân sử dụng nước sạch, 69/78 xã có đường ôtô đến trung tâm xã...; phát triển mạng lưới trường lớp từ 250 điểm trường, 4.882 phòng học năm 1992 lên 303 điểm trường, 6.763 phòng học năm 1999; khắc phục cơ bản tình trạng học ca 3 (năm 1992 có 207 phòng học ca 3), tỉnh đã được Bộ Giáo dục Đào tạo công nhận hoàn thành công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ năm 1999. Công tác y tế, dân số có bước phát triển tích cực, 305 trạm y tế xã, phường có bác sĩ, trên 90% trạm y tế được xây dựng cơ bản, xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa tỉnh, công tác kế hoạch hóa gia đình được triển khai rộng khắp từ năm 1992 đến nay, bình quân mỗi năm hạ tỷ lệ tăng lên số khoảng 0,1%.

Đạt được những kết quả trên, ngoài sự quan tâm của Trung ương, các ngành, các cấp và nhân dân trong tỉnh đã tự thân vận động, phát huy nội lực đầu tư phát triển, từ năm 1992 đến năm 1999 đầu tư xây dựng cơ bản 2.160 tỷ đồng (Trung ương đầu tư trực tiếp là 474 tỷ, địa phương 694 tỷ và vốn của dân 992 tỷ) cho các lĩnh vực: thủy lợi 70% diện tích đất canh tác được tưới tiêu; giao thông đầu tư nâng cấp các tuyến đường huyết mạch Quốc lộ 53, 54, 60, các đường tỉnh, đường huyện...; điện khí hóa nông thôn; nước sạch sinh hoạt; các công trình phúc lợi công cộng về y tế, văn hóa, thể dục thể thao...

Định hướng đến 2010:

Từ đây đến năm 2005 và định hướng đến năm 2010 phải tạo ra những chuyển biến tích cực để khai thác có hiệu quả tiềm năng to lớn về đất đai, lao động, tiền vốn ở nông thôn, đưa nông nghiệp - nông thôn sang hướng phát triển mới toàn diện. Để đạt mục tiêu trên, kế hoạch của UBND tỉnh xác định giải pháp ưu tiên hàng đầu là phải tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như thủy lợi, giao thông, cơ sở dịch vụ hậu cần, đầu tư sau thu hoạch cho nông nghiệp, thủy sản; gắn với đầu tư chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, ứng dụng và chuyển giao nhanh, có hiệu quả tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, dịch vụ, quản lý, phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm... Hiệu quả của đầu tư này sẽ mở ra bước phát triển mới cho kinh tế nông - ngư nghiệp và xã hội nông thôn như sau:

- Đầu tư đồng bộ hệ thống thủy lợi, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả dự án ngọt hóa Nam Măng Thít của Chính phủ, khai thác hết tiềm năng của diện tích trồng lúa, đất xen canh lúa màu..., đến năm 2010 chủ động tưới tiêu cả mùa mưa và mùa khô, nâng sản lượng lương thực từ 1.243.000 tấn năm 2005 lên 1.400.000 tấn năm 2010, ngoài đáp ứng nhu cầu lương thực trong tỉnh, còn có thể cung cấp lúa hàng hóa 700 ngàn đến 900 ngàn tấn mỗi năm.

- Đầu tư cho lĩnh vực thủy sản làm cơ sở cho việc nuôi thủy sản có giá trị cao (nhất là con tôm sú) sẽ phát triển ổn định, giảm thiểu các rủi ro trên cơ sở đầu tư quy hoạch phân vùng, đầu tư hệ thống thủy lợi cấp - thoát nước, nhà máy thức ăn nuôi tôm, công nghệ nuôi, sản xuất và cung ứng giống, phòng trừ dịch bệnh và bảo vệ môi trường... Tăng cường đầu tư phát triển tàu đánh bắt xa bờ lên 440 chiếc vào năm 2010 nâng sản lượng từ 92.000 tấn năm 2000 (nuôi trồng 36.000 tấn) lên 161.000 tấn năm 2010 (nuôi trồng 81.000 tấn) đáp ứng cho nhu cầu chế biến xuất khẩu.

- Kết hợp với hệ thống thủy lợi là đầu tư giao thông nông thôn, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến cũ, xây dựng hoàn chỉnh các cụm xã kết hợp với việc đầu tư các dịch vụ hậu cần cho sản xuất nông-ngư nghiệp, các nhà máy công nghiệp chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông - ngư nghiệp, thúc đẩy sản xuất nông ngư nghiệp phát triển giải quyết việc làm cho nông dân trong mùa nông nhàn, các hộ không đất, tạo sự chuyển dịch về cơ cấu lao động trong nông-ngư nghiệp theo hướng khai thác hết tiềm năng lao động trong nông nghiệp cũng như đất đai, tiền vốn... thay đổi một cách cơ bản bộ mặt đời sống xã hội nông thôn.

Từ sự phát triển của nông nghiệp - thủy sản nêu trên sẽ là cơ sở cho việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc của tỉnh như: giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, thay đổi căn bản bộ mặt đời sống xã hội nông thôn. Sự thay đổi về cơ sở hạ tầng nông thôn sẽ thúc đẩy nhanh hơn sự phát triển của công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến, sự phát triển của ngành dịch vụ hậu cần cho nông nghiệp, thủy sản và nhất là xuất khẩu có những mặt hàng chiến lược, có giá trị cao.

TIỀM NĂNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN VĨNH LONG

Vĩnh Long là tỉnh nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 1487,4 km^2, dân số năm 1994 là 1.062 nghìn người, chiếm 0,4% về diện tích và 1,4% về dân số so với cả nước. Phía Đông Nam giáp tỉnh Trà Vinh, Tây Nam giáp tỉnh Cần Thơ, Tây Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp và phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Tiền Giang và Bến Tre.

Vĩnh Long nằm kẹp giữa hai con sông lớn (sông Tiền và sông Hậu) là hai cửa ngõ ra biển rất thuận lợi của Đồng bằng sông Cửu Long và cả Campuchia, Vĩnh Long lại có quốc lộ 1 chạy qua tỉnh và quốc lộ 53, 54 nối với tỉnh Trà Vinh, cùng với mạng lưới giao thông thủy khá thuận lợi đã nối liền Vĩnh Long với các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Tạo cho Vĩnh Long một vị thế quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế hướng ra biển và hợp tác quốc tế của cả vùng.

1. NÔNG NGHIỆP:

a. Lương thực:

Sản lượng lương thực phấn đấu ở mức một triệu tấn trên cơ sở:

- Ổn định và thực hiện thâm canh trên diện tích 32,9 nghìn ha lúa 2 vụ. Giải quyết thật tốt các vấn đề kỹ thuật, giống mới và các biện pháp thâm canh, đưa diện tích gieo trồng lên khoảng 20 vạn ha năm 2000, để có sản lượng lương thực một triệu tấn. Ổn định vùng lúa chất lượng cao cho xuất khẩu.

- Tập trung xây dựng vùng lúa cao sản, lúa đặc sản với năng suất bình quân 12 tấn/ha, tập trung ở vùng đất có điều kiện.

- Tăng dần diện tích, sản lượng màu

lương thực, màu thực phẩm nhất là ngô lai.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi tạo nguồn, thủy lợi nội đồng đảm bảo cho sản xuất.

b. Cây ăn quả:

Cây ăn quả là một lợi thế rất lớn của Vĩnh Long cần được tập trung khai thác. Các loại cây ăn quả (cam, quýt, nhãn, bưởi...).

Cần tập trung đầu tư bằng mọi hình thức để chuyển từ vườn tạp, kém hiệu quả sang vườn thâm canh, vườn cây ăn quả đặc sản vừa tăng nhanh giá trị kinh tế vừa giải quyết được việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.

- Cải tiến giống, áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh tiên tiến để trái cây đạt năng suất và chất lượng cao nhằm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu tươi hoặc tạo vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến hoa quả hộp. Riêng cam, quýt, nhãn có khả năng xuất khẩu lớn và cũng là cây truyền thống của tỉnh. Đây là cây có thị trường rộng, cần được phát triển nhanh.

- Xây dựng các mô hình vườn du lịch ở cù lao và ven sông.

Dự kiến diện tích vườn cây ăn trái khoảng 30 -35 ngàn ha đóng góp khoảng 36% giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp năm 2005 và 40% vào năm 2010.

c. Cây thực phẩm:

Do tập quán canh tác và khả năng cung cấp nước trong mùa khô nên sẽ chuyển một phần diện tích để phát triển trên các vùng chuyên canh 2 lúa sang phát triển 2 lúa 1 màu. Dự kiến diện tích này sẽ có khoảng 6 - 8 ngàn ha năm 2000 và 10 - 20 ngàn ha năm 2010. Xây dựng vườn rau chuyên canh khoảng 500 ha theo hướng nông nghiệp sạc có năng suất cao ở Bình Minh và ven thị x Vĩnh Long.

d. Cây công nghiệp:

+ *Cây dừa:* Do thị trường khó khăn, tron những năm tới xu thế là ổn định diện tích d khoảng 1,5 nghìn ha với sản lượng 100 triệ trái.

+ *Cây mía:* Phát triển với quy mô khoản 1.500 ha (hiện nay 1.000 ha), để bảo đả đủ nguyên liệu cho chế biến đường. Vùn các xã Tam Bình, Trà Ôn, các cù lao vùn ven sông là những vùng trồng mía có hiệ quả.

e. Chăn nuôi:

Phát triển chăn nuôi heo và gia cầm đ đáp ứng nhu cầu trứng thịt phục vụ nội đị và chế biến xuất khẩu. Để đạt tỷ trọng hàn hóa cao trong chăn nuôi, cần củng cố cá trại nuôi heo giống, ứng dụng các tiến bộ k thuật để tạo nên giống ổn định cung cấp ch các tỉnh trong vùng. Từng bước xây dựn ngành chăn nuôi của Vĩnh Long trở thàn một trong những trung tâm giống mạnh củ ĐBSCL. Phát triển các nhà máy chế biế thức ăn gia súc, đáp ứng đầy đủ các dịch v về giống, thức ăn tổng hợp, thức ăn tăn trọngv.v... Củng cố hệ thống thú y cơ sở chủ động phòng trừ các bệnh lây lan ở gi súc, gia cầm. Phát triển chăn nuôi theo hìn thức gia đình là chính. Phấn đấu đưa tỷ trọn giá trị chăn nuôi trong tổng giá trị gia tăn ngành nông nghiệp từ 20% hiện nay lên 25% năm 2005 và 30% năm 2010.

2. THỦY SẢN

Tiếp tục đầu tư vào nghề nuôi trồng thủ sản, đặc biệt là nuôi tôm, cá. Khai thác thủ

sản nội địa một cách hợp lý kết hợp chặt chẽ với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3. LÂM NGHIỆP

Vĩnh Long là một trong những tỉnh có nguồn đất lâm nghiệp ít nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long. Diện tích đất lâmnghiệp đạt khoảng 1.242 ha, chiếm 0,8% so với diện tích tự nhiên. Trong đó phần lớn là vườn trồng của các hộ gia đình. Tuy vậy do diện tích cây lâu năm khá lớn nên độ che phủ đạt 21% diện tích đất tự nhiên. Sản lượng khai thác gỗ củi hàng năm đạt khoảng 6,5ngàn m^3, trong đó có 4,4 ngàn ste củi và 2,1 ngàn m^3 gỗ.

Hướng phát triển cụ thể:

Phát triển mạnh các hình thức trồng cây kết hợp với nuôi trồng thủy sản theo quy mô các hộ gia đình. Đẩy mạnh trồng cây phân tán theo các mục đích kinh tế. Xây dựng các mô hình khai thác tổng hợp trồng vườn cây ăn trái kết hợp phát triển du lịch và trồng cây theo các dải đường nông thôn. Nhà nước cần quản lý tốt các bãi ven sông để phát triển lâm nghiệp, tránh tình trạng tranh chấp giữa các hộ dân.

4. CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THỰC PHẨM

Đây là nhóm ngành giữ vị trí chủ chốt, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu công nghiệp và đang có triển vọng lớn phù hợp với đặc điểm của tỉnh. Dự báo ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm sẽ chiếm tỷ trọng khoảng 36 - 40% trong giá trị gia tăng ngành công nghiệp thời kỳ từ nay đến năm 2010.

Ngoài việc đầu tư nâng cấp và đổi mới thiết bị của các xí nghiệp đã có, mà trước hết là đổi mới công nghệ chế biến lương thực đi đôi với đổi mới cơ cấu giống lúa, nâng cao số lượng và chất lượng mặt hàng gạo xuất khẩu.

Nhanh chóng tìm đối tác liên doanh, liên kết kể cả trong và ngoài nước để phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản hoa quả xuất khẩu như: cam, quýt, nhãn. Từng bước nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mì ăn liền và các sản phẩm gia vị, chế biến thịt đông lạnh (thịt vịt và thịt heo).

Là một tỉnh ở đồng bằng, thế mạnh vẫn là nông nghiệp, vì thế công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Vĩnh Long thực chất là quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp và hiện đại hóa nông thôn. Cùng với việc đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở khu vực nông thôn, Vĩnh Long đã và đang đầu tư vốn, chuyển giao khoa học kỹ thuật để giúp nông dân có điều kiện thâm canh tăng năng suất, chất lượng các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng tại địa phương.

SẢN XUẤT NÔNG-LÂM NGHIỆP YÊN BÁI HIỆN TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN

TRẦN VIẾT HƯỞNG
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Yên Bái

Yên Bái là một tỉnh miền núi phía Bắc, nằm trên giao điểm của tuyến giao thông chính Đông Bắc và Tây Bắc cách Hà Nội và cửa khẩu Lao Cai khoảng 180 km theo đường quốc lộ. Vị trí trung tâm của Yên Bái là một lợi thế lớn để giao lưu phát triển kinh tế. Tổng diện tích đất tự nhiên là 688.292 ha; trong đó: đất đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp 60.000 ha và trên 266.000 ha đất có rừng. Dân số của Yên Bái có 68 vạn người, trong đó có 80% dân số thuộc khu vực nông nghiệp - nông thôn. Với những đặc điểm riêng về tự nhiên - kinh tế xã hội, có thể nói Yên Bái là mảnh đất giàu tiềm năng phát triển một nền sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, sinh thái đa dạng.

Sau 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết tỉnh Đảng bộ Yên Bái lần thứ XIV; sản xuất nông lâm nghiệp Yên bái đã có bước chuyển biến tích cực theo hướng phát triển đa dạng, sinh thái bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, hướng mạnh vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tốc độ tăng trưởng nông, lâm nghiệp bình quân đạt trên 5%/năm, đã góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Về sản xuất lương thực:

Sản xuất lương thực luôn được xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm cân đối đến mức cao nhất lương thực nhu cầu

tại chỗ, đảm bảo an ninh lương thực. Do chú trọng đầu tư thâm canh, ứng dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nên sản lượng lương thực có mức tăng trưởng khác vững chắc. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1999 đạt trên 190.000 tấn, tăng gần 19.000 tấn so với năm 1995. Lương thực bình quân đầu người đạt 280 kg. Từ năm 1995 đến 1999 đã nâng dần tỷ lệ gieo cấy giống lúa tiến bộ kỹ thuật vụ Đông - Xuân từ 25% lên 85% (riêng lúa lai đạt

52%), vụ mùa từ 13% lên 70% (riêng lúa lai đạt 31%); đồng thời áp dụng tốt các biện pháp thâm canh nên năng suất lúa năm 1999 đã đạt 83,1 tạ/ha tăng 9 tạ/ha so với năm 1995. Diện tích tăng 1 vụ lên 2 vụ đạt 1.700 ha, tăng 2 vụ lên 3 vụ đạt 2.650 ha, hệ số sử dụng đất lúa nước đạt 1,95 lần.

Tỉnh phấn đấu đạt tổng sản lượng lương thực quy thóc trên 215.000 tấn vào năm 2005 và 235.000 tấn vào năm 2010. Với các giải pháp chủ yếu là: Chỉ đạo thực hiện tốt các dự án đầu tư thâm canh vùng lúa trọng điểm, khai hoang và tăng vụ mở rộng diện tích sản xuất cây lương thực ở những nơi có điều kiện. Đầu tư sản xuất giống lúa lai, lúa thuần, ngô lai có năng suất cao tại địa phương, phấn đấu đến năm 2005 tự sản xuất được sản xuất được 50% giống lúa lai. Đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật thâm canh vào sản xuất, nhất là tiến bộ về giống và phương thức canh tác.

- Sản xuất chè:

Trong 4 năm 1996 - 1999 đã trồng mới được trên 2.000 ha chè, trong đó có 1.400 ha chè Shan đặc sản vùng cao; đưa tổng diện tích chè toàn tỉnh có đến năm 1999 lên 9.500 ha. Do có sự đầu tư cải tạo, thâm canh chăm sóc tốt diện tích chè hiện có; vì vậy năng suất chè bình quân toàn tỉnh năm 1999 đã đạt 48 tạ/ha, sản lượng chè búp tươi đạt 38.000 tấn tăng 22.000 tấn so với năm 1995. Các cơ sở chế biến chè tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới. Đã tăng công suất chế biến lên 250 tấn chè búp tươi/ngày. Sản lượng chè khô chế biến đạt 8.600 tấn, chủ yếu là chè đen xuất khẩu. Các cơ sở chế biến chè được bố trí xây dựng cả ở các vùng sâu, vùng cao đã thu mua hết chè búp tươi của dân sản xuất ra, góp phần thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông thôn. Cây chè là cây công nghiệp xuất khẩu mũi nhọn của Yên bái có khối lượng sản phẩm xuất khẩu dẫn đầu các tỉnh trồng chè, năm 1999 giá trị kim ngạch xuất khẩu chè Yên Bái đạt trên 8 triệu USD.

Trong những năm tới, Yên Bái sẽ tập trung đầu tư thực hiện các dự án thâm canh cao ở vùng chè trọng điểm theo hướng tập trung cải tạo diện tích chè hiện có và đầu tư trồng mới bằng các giống chè có năng suất, chất lượng cao để có nguyên liệu chè tốt phục vụ chế biến xuất khẩu. Phấn đấu trồng mới mỗi năm từ 500 - 700 ha chè, chủ yếu chè Shan đặc sản ở vùng cao để đến năm 2005 Yên Bái có từ 12.000 - 13.000 ha chè. Phấn đấu đạt sản lượng chè búp tươi năm 2005 đạt 55.000 tấn, chế biến chè khô đạt trên 12.500 tấn; đến 2010 đạt sản lượng chè búp tươi 72.000 tấn, chế biến chè khô đạt trên 17.000 tấn. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư đồng bộ từ khâu sản xuất nguyên liệu đến khâu chế biến, bảo quản để nâng cao chất lượng chè chế biến xuất khẩu.

- Về sản xuất cà phê:

Cây cà phê là cây trồng mới được đưa vào trồng theo quy mô tập trung tại Yên Bái theo quy hoạch của Chính phủ và của Tỉnh, đến hết năm 1999 Yên Bái đã trồng được trên 1.800 ha cà phê chè. Bước đầu cây cà phê đã cho thu hoạch, qua kiểm nghiệm cho thấy cà phê Yên Bái có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Cây cà phê chè Catimor đã được khẳng định cả về cơ sở khoa học và thực tiễn là phù hợp và có khả năng cho thu nhập cao ở đất Yên Bái.

Chương trình phát triển cây cà phê là một trong những chương trình ưu tiên của Tỉnh nhằm chuyển dịch cơ cấu cây trồng và phát triển công nghiệp chế biến xuất khẩu. Trong những năm tới tiếp tục trồng mới mỗi năm từ 500 - 700 ha và đầu tư chăm sóc thâm canh toàn bộ diện tích cà phê hiện có; để đến năm 2005 tỉnh Yên Bái có 3.000 ha cà phê tập trung thâm canh cao, tổng sản lượng cà phê thóc đạt trên 2.000 tấn; đến năm 2010 có 5.000 ha cà phê, sản lượng cà phê thóc đạt 6.000 tấn.

- Cây ăn quả:

Yên Bái có nhiều vùng trồng cây ăn quả có tiếng như: cam Lục Yên, bưởi, cam, quýt Đại Minh, nhãn Văn Chấn... Trong những năm gần đây mỗi năm Yên Bái trồng mới từ 500 -

700 ha với các loại cây có giá trị như nhãn, vải, hồng, bưởi, cam, quýt... đưa diện tích cây ăn quả toàn tỉnh lên 4.800 ha. Sản lượng quả tươi năm 1999 đạt trên 19.000 tấn.

Từ nay đến năm 2010 tập trung phát triển các vùng cây ăn quả đặc sản theo các dự án quy hoạch đã xây dựng để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Tổ chức bình tuyển để lựa chọn các cây ăn quả có năng suất, phẩm chất tốt để đưa vào nhân giống; đồng thời nhập nội một số giống tốt để khảo nghiệm và đưa vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của cây ăn quả. Phấn đấu trồng mới mỗi năm bình quân 400 - 500 ha, tập trung vào các loại cây cam, quýt, bưởi và nhãn để đến năm 2005 có 8.000 ha, sản lượng quả các loại đạt 30.000 tấn; đến năm 2010 có 10.000 ha, sản lượng đạt 40 ngàn tấn.

- Về Chăn nuôi - Thủy sản:

Những năm qua tỉnh đã chỉ đạo làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng chăn nuôi công nghiệp, từng bước cải tạo đàn gia súc địa phương và nhập nội các giống có năng suất cao phẩm chất tốt. Tổng đàn trâu, bò năm 1999 có 112 ngàn con tăng 10.380 con so với 1995. Đàn lợn 268 ngàn con tăng 41.520 con. Đàn gia cầm 2.300 ngàn con tăng 320 ngàn con so với năm 1995. Đàn gia súc, gia cầm tăng bình quân từ 2 - 4%/ năm. Sản lượng thịt năm 1999 đạt 11 ngàn tấn và xuất bán ra ngoài tỉnh 5 ngàn con trâu bò. Về thủy sản, với diện tích ao hồ nuôi trồng thủy sản 1.800 ha và diện tích hồ thủy điện Thác Bà 19.000 ha là điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản. Tổng sản lượng tôm cá nuôi và đánh bắt năm 1999 đạt 2.100 tấn.

Đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh chăn nuôi - thủy sản, phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân 3 - 5%/năm để đến năm 2005 có 127 ngàn con trâu bò, 300 ngàn con lợn và 3,5 triệu con gia cầm. Sản lượng thịt các loại đạt 18,7 ngàn tấn, sản lượng tôm cá đạt 4,2 ngàn tấn, đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi lên trên 25% trong cơ cấu giá trị sản lượng ngành nông nghiệp, đến năm 2010 đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi đạt trên 30%.

- Về sản xuất lâm nghiệp:

Từ năm 1996 - 1999 đã trồng được trên 43,7 ngàn ha rừng, đưa tổng diện tích rừng hiện có của tỉnh lên 266,2 ngàn ha; trong đó: rừng tự nhiên 180,4 ngàn ha, rừng trồng 85,8 ngàn ha (trong đó có 18 ngàn ha quế). Đã giao khoanh nuôi tái sinh rừng được 50 ngàn ha. Nâng tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh từ 30% năm 1995 lên trên 38,7% vào năm 1999. Cơ cấu cây rừng cũng có nhiều chuyển biến theo hướng trồng rừng đa mục đích, đã chú ý bố trí các loài cây kinh tế, cây gỗ lớn, cây bản địa trong rừng phòng hộ. Từng bước thực hiện xã hội hóa nghề rừng, những năm gần đây mỗi năm đã trồng được từ 4.000 - 5.000 ha rừng lâm nghiệp xã hội. Năm 1999 Yên Bái đã khai thác được 60 ngàn m^3 gỗ nguyên liệu, 35 ngàn tấn tre, nứa phục vụ công nghiệp chế biến và 1.000 tấn quế vỏ.

Trong những năm tới Yên Bái tiếp tục chỉ đạo bảo vệ nghiêm ngặt toàn bộ diện tích rừng hiện có. Phấn đấu từ năm 2000 - 2010 trồng mới thêm 40 ngàn ha rừng phòng hộ, 40 ngàn ha quế, 40 ngàn ha rừng nguyên liệu và khoanh nuôi mới 82,8 ngàn ha rừng, đưa tỷ lệ che phủ rừng lên 60%. Khai thác lâm sản mỗi năm từ 100 - 120 ngàn m^3 gỗ rừng trồng và 40 - 60 ngàn tấn tre, vàu, nứa cho chế biến và từ 2 - 3 ngàn tấn quế vỏ. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư chế biến nguyên liệu gỗ rừng trồng để đến năm 2005 đạt sản lượng chế biến 18 ngàn tấn giấy các loại, 180 triệu đôi đũa gỗ, 5 ngàn tấn đũa tre vàu và các sản phẩm chế biến đa dạng khác.

Tuy còn một số khó khăn tồn tại song Yên Bái là một tỉnh miền núi rất giàu tiềm năng phát triển sản xuất nông lâm nghiệp. Để khai thác tốt tiềm năng thế mạnh đó, cùng với sự phát huy nội lực của tỉnh, chúng tôi rất mong được sự quan tâm của Nhà nước và sự hợp tác, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong lĩnh vực đầu tư phát triển sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái./.

NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN HƯNG YÊN VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO THẾ KỶ 21



HOÀNG VĂN THỊNH
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên là tỉnh nông nghiệp thuộc vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng Bắc bộ. Sau gần 4 năm kể từ khi tái lập tỉnh, thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1997-2000) đi lên công nghiệp hóa - hiện đại hóa, Hưng Yên phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách. Là một tỉnh đất chật, người đông, diện tích tự nhiên 89.000 ha, trong đó có 55.642 ha đất canh tác, dân số 1,1 triệu người, mật độ bình quân 1.232 người/km^2, xuất phát điểm về kinh tế thấp, nguồn vốn ít, công nghiệp gần như không đáng kể, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nghèo nàn, lại luôn bị tác động bởi những diễn biến phức tạp của thời tiết, thiên tai... Nhưng ngay từ đầu, với những chủ trương kịp thời và đúng đắn của tỉnh, được sự lãnh đạo, giúp đỡ của TW và bằng sự cố gắng vượt bậc của Đảng bộ và nhân dân, Hưng Yên đã đạt được những thành tựu quan trọng, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 14 nhiệm kỳ 1997- 2000 trong đó có nhiều mặt khởi sắc. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP)

tăng bình quân 12,17%. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp xây dựng - dịch vụ chuyển biến tích cực từ 60% - 15% - 25% (năm 1996) đến nay tỷ lệ này là 44% - 27% - 29%. Thu nhập bình quân đầu người năm 1996 mới có 180 USD đến năm 2000 đã đạt 300 USD...

Kinh tế nông nghiệp nông thôn phát triển tương đối toàn diện, tốc độ tăng trưởng bình quân 4,72%/năm. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn đạt kết thuần, giống lai có chất lượng cao vào sản xuất ngày càng được mở rộng, đáp ứng nhu cầu thị trường. Nông nghiệp được mùa 4 năm liền, năng suất lúa năm 2000 đạt xấp xỉ 12 tấn/ha, các cây màu lương thực năng suất thấp được thay thế dần, lương thực bình quân đầu người 460 kg (năm 1997) lên 520 kg (năm 2000). Sản lượng lương thực quy thóc đạt 550 ngàn tấn, cây công nghiệp ngắn ngày, cây rau thực phẩm có năng suất và giá trị xuất khẩu được mở rộng trồng nhiều như:



Trụ sở của Sở Nông nghiệp và PTNT Hưng Yên

quả bước đầu, cơ cấu kinh tế nông nghiệp có bước chuyển dịch đáng kể. Năm 2000 giá trị sản xuất trồng trọt chiếm tỷ trọng 67,3%, chăn nuôi 31%, dịch vụ 1,7%. So với năm 1997 trồng trọt đã giảm 4%, chăn nuôi tăng 3,9% và dịch vụ tăng 0,4%. Đi đôi với tập trung đổi mới cơ cấu mùa vụ, bố trí lại cơ cấu cây trồng trong từng vụ sản xuất việc áp dụng tiến bộ sinh học đưa các giống lúa Đậu tương, lạc, dưa chuột, cải xa lát, bí xanh... cho thu nhập khá. Cây nhãn là cây đặc sản được mở rộng với diện tích 6.500 ha, hàng năm cho sản lượng 15 - 17 ngàn tấn quả... góp phần đưa thu nhập bình quân trên 1 ha canh tác từ 28 triệu đồng năm 1997 lên 32 triệu đồng năm 2000.

Chăn nuôi - thủy sản có tốc độ tăng trưởng ngày càng ổn định. Bình quân hàng

năm tăng 12% , tính chất chăn nuôi đã thay đổi chuyển sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường, rõ nét nhất là đối với chăn nuôi bò, lợn và gia cầm. Chương trình "***Nạc hóa***" đàn lợn và "***Sind hóa***" đàn bò đang được thực hiện ở 70 xã vùng dự án, đã cho ra đời trên 20 ngàn bê lai chiếm 70% tổng đàn bò. Trong đàn lợn, xu thế lai tạo để có lợn đạt tỷ lệ nạc cao được các hộ nông dân chú ý phát triển, các giống gia cầm "***Siêu thịt***", "***Siêu trứng***" được ứng dụng rộng rãi ở nông thôn. Diện tích ao hồ 3.500 ha đang được đầu tư thâm canh nuôi thả cá. Năm 2000 sản lượng cá thịt đạt 4.700 tấn, sản lượng cá bột tiêu thụ 1 tỷ 100 triệu con giống gấp 2 lần năm 1997, tỉnh đang tập trung cải tạo 2.500 ha ruộng trũng bấp bênh chuyển sang nuôi cá, trồng cây ăn quả đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ phục vụ sản xuất được quan tâm đầu tư và tổ chức lại. Công tác khuyến nông đã đi vào tập trung phổ biến hướng dẫn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đổi mới khoa học công nghệ trong sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng cao. Tỉnh đang tổ chức sắp xếp lại hệ thống giống, xây dựng vùng giống nhân dân, gắn việc sản xuất tại chỗ với thu mua, phân phối điều hòa giống chủ động trên địa bàn nông thôn. Các công ty khai thác công trình thủy lợi được chuyển sang hoạt động công ích, đổi mới tổ chức quản lý đã tích cực chủ động phục vụ kịp thời cho sản xuất không để xảy ra úng, hạn, tỷ lệ diện tích cây nông nghiệp được tưới tiêu từ 73,4% (năm 1997) lên 75,5% (năm 2000). Tỷ lệ làm đất bằng cơ giới đạt 85% (tăng 20%), xay xát, tuốt lúa 100%, vận chuyển 70% ... đã thúc đẩy phân công lại lực lượng lao động nông thôn theo hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Bốn năm qua đã khôi phục và phát triển được 22 nghề mới, đưa tổng số làng nghề trong tỉnh lên 45 cơ sở, có số vốn gần 50 tỷ đồng, sản xuất kinh doanh trên 145 ngành hàng, đạt giá trị sản xuất hàng năm 93 tỷ đồng, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người lao động, thúc đẩy cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch. Trong đó tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ đã chiếm khoảng 35% GDP nông thôn.

Ngay từ cuối năm 1998, tỉnh đã hoàn thành chuyển đổi HTX nông nghiệp theo luật, 167 HTX sau chuyển đổi hoạt động ổn định làm dịch vụ nông nghiệp tổng hợp ở hầu hết các khâu đầu vào cho sản xuất, có 13 HTX chuyên khâu ở 2 lĩnh vực điện và nước. Kết quả hoạt động hàng năm có từ 85 - 90% số HTX có lãi, vốn và tài sản HTX được bảo toàn, tiết kiệm được chi phí, đơn giá dịch vụ giảm, tình trạng nợ nần dây dưa căn bản được khắc phục, thu nhập của xã viên ổn định, mức trả lãi vốn góp cổ phần đạt 1,2%/tháng, chất lượng dịch vụ được nâng lên so với trước.

Các tổ hợp tác phát triển với nhiều hình thức phong phú đa dạng trong từng khâu từng việc ở nông thôn. Mấy năm gần đây trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện gần 100 mô hình kinh tế trang trại đạt được tiêu chí

chung đi vào sản xuất hàng hóa thực sự có hiệu quả chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi thủy sản và trồng cây ăn quả.

Bộ mặt nông thôn Hưng Yên có bước thay đổi đáng kể 67% các tuyến đường trục xã, liên xã, liên thôn được rải đá, bê tông, nhựa hóa. Ba năm qua đã phát triển thêm được 55.547 giếng khoan nước sạch đưa tỷ lệ số hộ dân được dùng nước sạch đạt gần 80%. Điều kiện ăn ở, đi lại, học hành, chữa bệnh của dân cư nông thôn được chăm sóc tốt hơn. Đã có 170 làng (chiếm 21% số làng) được công nhận làng văn hóa, 135 ngàn gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Đời sống nông dân được cải thiện rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người mỗi năm tăng 10%, có gần 76 ngàn hộ nông dân sản xuất giỏi, trong đó có 5.115 hộ giỏi cấp tỉnh đang là hạt nhân trong phong trào thi đua lao động sản xuất ở nông thôn.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong thời kỳ đổi mới, trên mặt trận sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn Hưng Yên vẫn còn một số thiếu sót khuyết điểm: Sản xuất chưa tương xứng với tiềm năng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, kết quả sản xuất còn có độ chênh lệch lớn giữa các vùng, các địa phương, chất lượng nông sản hàng hóa chưa đủ sức cạnh tranh, cơ sở chế biến còn nhỏ bé, thị trường tiêu thụ hạn chế không ổn định, đầu tư cho nông nghiệp còn thấp chưa tương xứng với nhịp độ phát triển quy mô lớn, môi trường nông thôn suy giảm, chưa chú ý tổng kết thực tiễn để nhân điển hình mới.v.v...

Để phát huy những thành tựu đã đạt được, khai thác tốt nhất tiềm năng lao động dồi dào, kinh nghiệm phong phú, đất đai phì nhiêu màu mỡ, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất đang được đổi mới và hiện đại, lợi thế của tỉnh ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn Hưng Yên có cơ hội để phát triển, tiếp tục giải quyết những khó khăn thách thức để vươn lên vững bước vào thế kỷ XXI với những định hướng và giải pháp chủ yếu là:

1- Tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện lên một trình độ mới

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn vững chắc như: lúa gạo có chất lượng cao, rau quả thực phẩm, sản phẩm chăn nuôi... tập trung giải quyết đầu ra cho sản xuất, chú trọng tới xuất khẩu trên cơ sở làm tốt công tác quy vùng sản xuất nông nghiệp để ổn định vùng sản xuất hàng hóa.

2- Đầu tư xây dựng cơ sở phục vụ sản xuất

- Mở rộng việc đầu tư, đổi mới giống cây, con có chất lượng cao và đổi mới quy trình công nghệ sản xuất cây trồng, vật nuôi.

- Đặc biệt chú trọng công nghiệp khâu chế biến nông sản, áp dụng công nghệ sau thu hoạch, nâng cao giá trị nông sản qua chế biến.

- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, nâng cấp các xí nghiệp giống. Đầu tư cho hệ thống thú y, BVTV phục vụ

kịp thời cho sản xuất, ứng dụng rộng rãi chương trình IPM sử dụng công nghệ sạch.

- Đầu tư cơ sở sản xuất nhân giống với quy trình kỹ thuật và công nghệ mới, kịp thời cung cấp đủ giống cho nông dân mở rộng trồng cây ăn quả đặc sản có giá trị kinh tế cao.

- Rà soát lại quy hoạch thủy lợi trên phạm vi toàn tỉnh, xây dựng thêm một số trạm bơm tiêu và trạm bơm tưới bãi, đổi mới thiết bị các trạm bơm và kiên cố hóa hàng năm 10 - 15% kênh mương nội đồng bằng vật liệu cứng, đảm bảo 100% diện tích được tưới tiêu đạt hiệu quả cao.

3- Phát triển tiểu thủ công nghiệp nông thôn

- Mở rộng các ngành nghề phục vụ tại chỗ ở nông thôn như: sản xuất gạch, vôi, gốm sứ, máy móc, gia công cơ khí sửa chữa. Chú trọng phát triển các hàng thủ công mỹ nghệ đồ mộc, mây tre đan, vàng bạc... tạo thêm việc làm ở nông thôn. Phát triển thêm các làng nghề truyền thống, nghề mới, hình thành các tổ hợp, xí nghiệp vừa và nhỏ, các tụ điểm kinh tế, thị trấn, thị tứ ở nông thôn.

- Khuyến khích đầu tư, sử dụng máy móc thay thế lao động nặng nhọc, đổi mới thiết bị thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp nông thôn.

4- Phát triển dịch vụ nông thôn

- Thực hiện xã hội hóa dịch vụ nông thôn, thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế để đảm bảo cung cấp các dịch vụ sản xuất và đời sống ở nông thôn. Phấn đấu từ năm 2005 - 2010 tạo được 20 - 25% GDP nông thôn từ các hoạt động dịch vụ. Đặc biệt coi trọng xây dựng hệ thống dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp như hệ thống khuyến nông, thủy nông, thú y, BVTV và tiêu thụ sản phẩm, chương trình nước sạch và môi trường nông thôn.

5- Quan tâm đầu tư đào tạo

Đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật và lực lượng lao động nông thôn vươn lên kịp tầm khu vực, có chế độ chính sách đãi ngộ cán bộ kỹ thuật nông nghiệp gắn với nông thôn để đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN VĨNH PHÚC SAU BA NĂM TÁI LẬP TỈNH

KS. NGUYỄN VĂN HÒA
Ủy viên BTV Tỉnh ủy
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Phúc

Vĩnh Phúc nằm ở đỉnh tam giác châu thổ sông Hồng, là tỉnh đồng bằng có trung du và miền núi. Diện tích tự nhiên 1.370,19 km^2, xếp thứ 56 trong tổng số 61 tỉnh thành, dân số xấp xỉ 1,1 triệu người, vào loại trung bình của cả nước. Với địa hình thủy thế đa dạng, có xu thế thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam, mang đặc điểm của ba vùng sinh thái, liền kề với Thủ đô Hà Nội, là điều kiện thuận lợi để phát triển một nền nông nghiệp toàn diện và bền vững. Diện tích đất nông nghiệp có 72.191,5 ha, chiếm 52,7%; đất lâm nghiệp có rừng 26.167 ha, chiếm 19,1% diện tích tự nhiên.

Sau khi được tái lập, bên cạnh những thuận lợi cơ bản về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng tương đối phát triển, trình độ dân trí khá đồng đều, đặc biệt là trình độ thâm canh trong sản xuất nông nghiệp... tỉnh Vĩnh Phúc cũng đứng trước những khó khăn lớn : là tỉnh đất chật người đông, đất đai ít màu mỡ điểm xuất phát về kinh tế thấp và những khó khăn ban đầu của một tỉnh mới chia tách.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XII (05-11-1997) đ đề ra nhiệm vụ "Đẩy mạnh phát triển sả xuất nông, lâm nghiệp theo hướng bảo đả an toàn lương thực, chuyển mạnh sang sả xuất hàng hóa trên cơ sở thâm canh, tăn tính hiệu quả và bền vững". Với mục tiê

giá trị sản xuất nông lâm nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,5 – 5%, tổng sản lượng lương thực qui thóc bình quân hàng năm đạt 35 vạn tấn, dự kiến năm 2000 đạt 37 – 38 vạn tấn, cơ bản xóa được hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 10%.

Đối với Vĩnh Phúc, nông nghiệp - nông thôn vẫn được xác định giữ vị trí trọng yếu trong nền kinh tế của tỉnh. Sản xuất phát triển, đời sống nông dân được cải thiện sẽ góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế – xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bởi vậy, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã tập trung lãnh, chỉ đạo, cùng với bà con nông dân nỗ lực phấn đấu thực hiện mục tiêu trên.



Bò lai sind F1

Ba năm qua, sản xuất nông nghiệp của tỉnh dần ổn định, có bước phát triển khá, tăng trưởng liên tục, đạt kết quả tương đối toàn diện. Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp (giá năm 1994) tăng bình quân 4,41%/năm; năm 1996 đạt 1.113 tỷ đồng; năm 1999 đạt 1.288 tỷ đồng. Cơ cấu giá trị sản xuất có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, sản xuất trồng trọt tăng nhanh, chăn nuôi, thủy sản tăng trưởng ổn định. Lâm nghiệp có bước chuyển biến đáng kể, thể hiện qua kết quả trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng hàng năm, góp phần bảo vệ và gìn giữ môi trường sinh thái khu vực vốn đang có xu thế xấu dần.

Kết quả quan trọng nhất và cũng là thành tựu lớn nhất của tỉnh là đã cơ bản giải quyết được vấn đề lương thực, bảo đảm nhu cầu ăn; dành một phần phát triển chăn nuôi, chế biến. Diện tích gieo trồng cây hàng năm có xu thế tăng, nhờ đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. Năm 1999 đạt 123,5 ngàn ha, tăng 6,6 ngàn ha so với năm 1996. Năng suất cây trồng không ngừng tăng lên, riêng cây lúa năng suất tăng bình quân thời kỳ 1996-1999 gần 2 tạ/ha/năm. Năm 1996 đạt 32,06 tạ/ha, đến năm 1999 đạt 38,26 tạ/ha. Sản lượng lương thực qui thóc sau 3 năm tăng gần 5 vạn tấn, năm 1999 đạt 35,5 vạn tấn, cao nhất từ trước tới nay, đưa mức bình quân lương thực đầu người trên năm từ 286,4 kg năm 1996 lên 323,7 kg năm 1999. Cơ cấu cây trồng đã có sự chuyển đổi rõ nét, bước đầu mang tính sản xuất hàng hóa. Một số cây có giá trị kinh tế cao như : rau, hoa, cây ăn quả, dâu tằm, lạc, đậu tương... được bà con nông dân chú trọng phát triển. Diện tích rau đậu các loại sau 3 năm tăng gần 1 ngàn ha, đậu tương tăng 3,4 ngàn ha, cây ăn quả tăng xấp xỉ 2 ngàn ha... Đàn gia súc – gia cầm phát triển cả về số lượng và chất lượng. Giá trị sản xuất chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông lâm

nghiệp tăng dần, bình quân thời kỳ 1996 – 1999 đạt 23,08%, qui mô chăn nuôi trong nông hộ dần mở rộng, phát triển theo hướng thâm canh. Đã có nhiều hộ nông dân thu nhập chính từ chăn nuôi. Đàn trâu tăng bình quân 0,91%/năm, đàn bò 0,86%/năm, đàn lợn 4,12%/năm, đàn gia cầm phát triển mạnh. Đến nay, đàn trâu bò của tỉnh đạt 134,4 ngàn con, đàn lợn đạt 385,9 ngàn con, đàn gia cầm trên 5 triệu con. Trong đó, tỷ lệ bò lai sind đạt 22%, tăng 7% so với thời điểm năm 1996; lợn lai hướng nạc tăng khoảng 10%. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản từng bước được quản lý, khai thác có hiệu quả, đưa sản lượng ngày một tăng.

Kết quả trên có sự đóng góp đáng kể của công tác lãnh, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Điều quan trọng là Tỉnh đã biết lựa chọn, xác định khâu then ch có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đi kiện thực tế của địa phương. Đó là, tập tru mở rộng diện tích sử dụng giống tốt, có ph cấp chất lượng cao, tỷ lệ diện tích được dụng giống đạt tiêu chuẩn "xác nhận" lên tăng nhanh, từ 50% năm 1996 lên g 90% năm 1999. Việc chuyển dịch cơ c

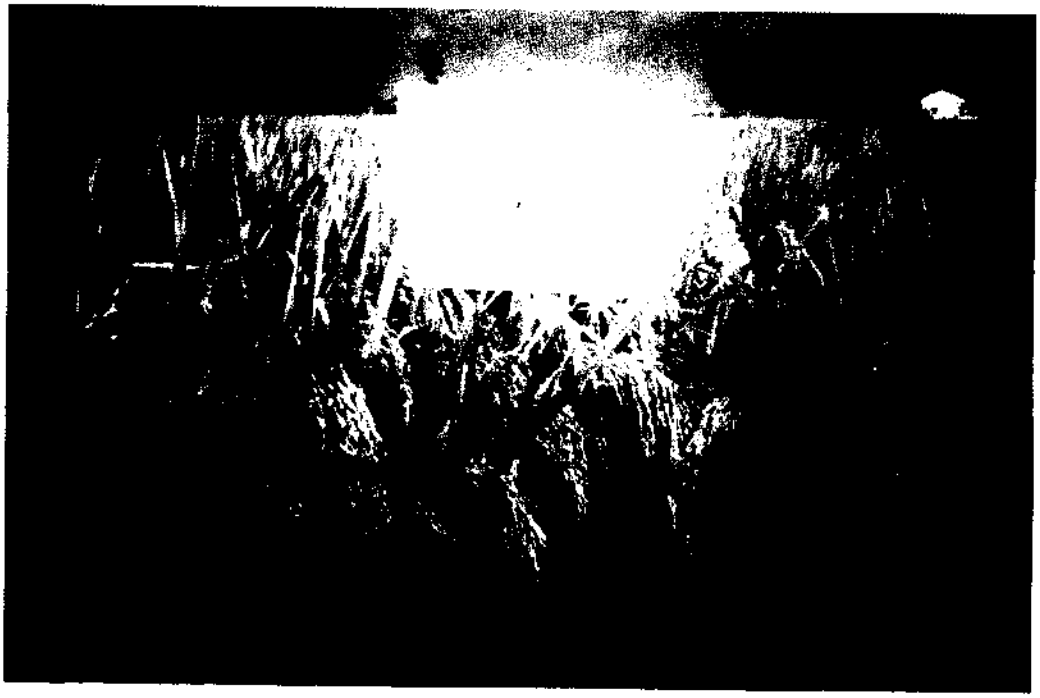

Sản xuất lúa giống

giống, thời vụ và trà lúa được xác định đú hướng. Ba năm qua, thực hiện chủ trươ chuyển trà lúa theo hướng thu hẹp trà xu chính vụ, mùa cực sớm thường cho năng su thấp; mở rộng diện tích trà xuân muộn, m sớm, vừa phát huy được tiềm năng năng su của bộ giống lúa ngắn ngày, những m thuận lợi của thời tiết vừa hạn chế rủi ro có điều kiện thâm canh, bảo đảm cơ cấu s xuất 3 vụ/năm. Bên cạnh đó, việc ứng dụ những thành tựu của công nghệ sinh học v

sản xuất, mà trước hết là ưu thế lai đã đem lại kết quả thiết thực. Từ vài ngàn ha ngô lai mỗi năm, đến nay sử dụng giống và thâm canh ngô lai đã trở thành tập quán canh tác của bà con nông dân Vĩnh Phúc. Từ chỗ hoàn toàn phải nhập giống từ bên ngoài, đến nay đã tự sản xuất được một phần đáng kể giống ngô lai tại chỗ phục vụ sản xuất. Khắc phục những trở ngại trong việc mở rộng diện tích lúa lai của những năm đầu thập kỷ 90, đến nay lúa lai đã được nông dân chấp nhận và tích cực mở rộng diện tích. Mở ra triển vọng cho việc tìm kiếm giải pháp tăng nhanh năng suất và sản lượng lúa. Các tiến bộ kỹ thuật như: Biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) bón phân cân đối và tưới tiêu hợp lý, làm mạ che phủ nylon, canh tác bền vững trên đất dốc, sử dụng các chế phẩm mới, sử dụng thức ăn đậm đặc trong chăn nuôi, trồng rừng bằng giống nuôi cấy mô, bằng hom sản xuất cây giống trên vườn ươm nền cứng... thông qua xã hội hóa công tác khuyến nông – lâm – ngư với nhiều hình thức phong phú, đa dạng đã được ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn.

Củng cố, chuyển đổi, thực hiện Luật HTX là một trong những nội dung quan trọng được cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp rất quan tâm. Đến nay, toàn Tỉnh có 96% số HTX nông nghiệp (334/349) được chuyển đổi theo Luật, là một trong 14 tỉnh, thành phố của cả nước được Bộ Nông nghiệp và PTNT đánh giá đạt tỷ lệ cao. Phần lớn các HTX sau chuyển đổi, thực hiện có hiệu quả một số khâu dịch vụ chủ yếu như : giống, thủy lợi, BVTV, khuyến nông, điện sinh hoạt... đáp ứng được yêu cầu của xã viên. Bên cạnh đó cũng còn có những HTX sau chuyển đổi hoạt động chưa rõ nét, chưa thoát khỏi lối suy nghĩ và cách làm ăn cũ.

So với một số tỉnh đồng bằng Bắc bộ, việc chuyển đổi, dồn ghép ruộng đất ở Vĩnh Phúc có nhiều khó khăn hơn bởi địa hình phức tạp, có nhiều hạn đất. Nhưng trước nhu cầu phát triển của nền sản xuất hàng hóa theo hướng thâm canh, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và UBND Tỉnh, một bộ phận bà con nông dân đã tự nguyện đổi đất, dồn thửa, dồn khoảnh cho nhau, tạo mặt bằng canh tác thuận lợi hơn. Trong đó, các huyện Vĩnh Tường, Yên Lạc... có kết quả tốt; tạo điều kiện từng bước đưa cơ giới vào sản xuất và hình thành các trang trại.

Cùng với việc mở rộng quy mô sản xuất, khai thác tốt các nguồn lực: lao động, tiền vốn, đất đai... đến nay tỉnh Vĩnh Phúc đã hình thành 471 trang trại, phổ biến là phương thức sản xuất kinh doanh tổng hợp theo mô hình VAC, VACR. Tuy quy mô không lớn và phần lớn các trang trại mới ở giai đoạn đầu tư ban đầu nhưng đã khai thác được trên 1.000 ha đất (trên đất hậu bạch đàn, đất vườn tạp, mặt nước vùng trũng...), huy động trên 10 tỷ đồng vốn đầu tư, giải quyết việc làm tương đối ổn định cho 2.000 lao động nông nghiệp. Một số chủ trang trại đã mạnh dạn đầu tư, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, sản xuất kinh doanh có hiệu quả như : Bà Lan (xã Bá Hiến – Bình Xuyên); Ông Phương, Ông Hữu (xã Ngọc Thanh – Mê Linh); Ông Đức (xã Hợp Châu – Tam Dương); Ông Thanh (xã Bắc Bình –

Lập Thạch); Ông Quyền (xã Yên Đồng – Yên Lạc).

Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống được chú trọng phát triển và trở thành phong trào ở các địa phương. Điển hình là phong trào làm đường giao thông nông thôn ở các huyện đồng bằng. Điểm sáng trong phong trào bê tông hóa, gạch hóa đường làng, ngõ xóm là các xã của huyện Yên Lạc. Đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện nâng cấp, cải tạo 1.216 km đường xã, 3.496 km đường thôn, trong đó cứng hóa được hàng trăm ki-lô-mét. Chương trình kiên cố hóa kênh mương đã được triển khai rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Những nghề truyền thống từng bước được khôi phục, nhiều nghề mới xuất hiện, đã hình thành các làng nghề: rèn Lý Nhân, mộc Bích Chu, gốm Hương Canh, đá Hải Lựu, đan lát Đình Chu, thu mua và tái chế phế liệu Tề Lỗ, chế biến miến mì Tiến Thịnh, 26 làng sản xuất nấm ăn sạch, điển hình là xã Thanh Lãng... Qua khảo sát 11 làng nghề đã thu hút gần 12 ngàn lao động, giá trị hàng hóa sản xuất ra đạt 125,7 tỷ đồng/năm.

Sản xuất và hoạt động dịch vụ phát triển, thu nhập ngày một tăng, đã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân sống ở nông thôn. Đến nay, tỷ lệ hộ đói nghèo của tỉnh đã giảm từ 12,7% năm 1997 xuống 9,8% vào cuối năm 1999. Đã có 90% nhà dân trong tỉnh được ngói hóa, 100% số xã có điện lưới với 95,29% số dân nông thôn được sử dụng điện, 100% số xã có máy điện thoại, 62/150 xã, phường có điểm bưu điện văn hóa, 86/150 xã có chợ nông thôn, 100% số xã có trạm y tế, hầu hết các xã đồng bằng có trường học cao tầng, 129/150 xã phường có hệ thống loa truyền thanh, 51% số hộ có máy thu hình, 34,3% số hộ có đài thu thanh, nhiều hộ đã mua được các phương tiện sinh hoạt đắt tiền khác như : xe máy, tủ lạnh, điện thoại tại nhà.... Môi trường sống ở nông thôn đang từng ngày được cải thiện.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong bước đường phát triển, nông nghiệp – nông thôn Vĩnh Phúc cũng còn những trăn trở. Đó là, một bộ phận nông dân còn đề cao kinh nghiệm, tư tưởng sợ rủi ro, ngại tiếp thu cái mới... nên việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi ở một số nơi còn chậm. Mức thu nhập và đời sống của một số bà con nông dân ở miền núi, trung du còn thấp. Việc khôi phục các nghề truyền thống và phát triển các làng nghề mới chậm, chưa tạo điều kiện thu hút lao động nhàn rỗi ở nông thôn.

Ba năm so với một giai đoạn lịch sử không phải là dài, nhưng kể từ ngày tái lập tỉnh đến nay, nông nghiệp – nông thôn Vĩnh Phúc đã gặt hái được những thành tựu đáng kể và đáng tự hào, mà bất cứ ai đi xa, khi trở về cũng phải ghi nhận và phấn khởi trước những đổi thay của quê hương. Những thành tựu ấy cũng là hành trang để nhân dân Vĩnh Phúc vững bước tiến vào thiên niên kỷ mới, trên con đường công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn.

PHẦN III

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BẢN HƯỚNG DẪN TRA CỨU

		Trang
■	LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM: Cây lương thực, thực phẩm, nông trường...	232
	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP: Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...	243
■	DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP: Giống cây, con; cơ khí, nước sinh hoạt... Dịch vụ nông nghiệp các loại	254
	CÂY CÔNG NGHIỆP: Cà phê, cao su, mía, chè, dâu tằm, bông vải...	277
■	CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN: Sản xuất chế biến thịt, dầu, mỡ, sữa, đường, hạt điều, rượu, bia, NGK, ...	288
■	THỦY LỢI: Quản lý, khai thác, sửa chữa công trình thủy lợi	295
■	XÂY DỰNG: Xây dựng nông nghiệp, thủy lợi, giao thông...	309
■	LÂM NGHIỆP: Lâm trường, trồng, chế biến lâm sản xuất khẩu...	337
■	CHĂN NUÔI: Chăn nuôi, thú y...	355
	THỦY SẢN: Nuôi trồng thủy sản, khai thác muối...	358
	ĐÀO TẠO: Trường đào tạo, nghiên cứu...	359

CÔNG TY LƯƠNG THỰC CẦN THƠ

(MEKOFOOD CANTHO)

ĐỊA CHỈ: 90 LÝ TỰ TRỌNG – TP. CẦN THƠ – TỈNH CẦN THƠ
Điện thoại: (84.71) 831984 – 831683 Fax: (84.71) 833066

MEKOFOOD CANTHO là một trong những doanh nghiệp nhà nước được phép xuất khẩu gạo trực tiếp, đồng thời là thành viên của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.



Phơi lúa

LĨNH VỰC KINH DOANH :

- Xuất khẩu gạo các loại và hàng nông sản khác.
- Nhập khẩu phân bón, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Nhận xuất nhập khẩu ủy thác.

NĂNG LỰC :

- Có 4 xí nghiệp trực thuộc với tổng năng lực xay xát chế biến 1.000 tấn gạo xuất khẩu mỗi ngày.
- Hệ thống kho tàng rộng 38.600 m^2 với sức chứa 61.000 tấn.
- Khả năng xuất khẩu hàng năm từ 200.000 - 250.000 tấn gạo.
- Nhập khẩu và phân phối 40.000 - 50.000 tấn phân bón mỗi năm.



Máy tách màu

CÁC XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC :

- **Xí nghiệp Chế biến Lương thực Cần Thơ**
  Tel : 84.71.847495
- **Xí nghiệp Chế biến Lương thực Trà Nóc**
  Tel : 84.71.841325
- **Xí nghiệp Chế biến Lương thực Vị Thanh**
  Tel : 84.71.876441
- **Xí nghiệp Chế biến Lương thực Long Mỹ**
  Tel : 84.71.871377



Kho chứa

Hân hạnh được đón tiếp Quý khách hàng



NÔNG TRƯỜNG SÔNG BÔI

ĐỊA CHỈ : HUYỆN LẠC THỦY - TỈNH HÒA BÌNH
Tel: (018) 874249 - 874281
***Giám đốc :* ĐÀM HUY NHU**

NÔNG TRƯỜNG CÓ NHIỆM VỤ:

- Trồng cây ăn quả (cam, mơ, vải, nhãn, dứa...)
- Trồng chè và chế biến chè xuất khẩu.
- Chăn nuôi đại gia súc.
- Trồng rừng có xen kẽ vải thiều trên đất rừng, kết hợp khai thác với bảo vệ môi sinh.
- Kinh doanh nông sản thực phẩm.

Nông trường có xưởng chế biến chè có công suất 13,5 tấn chè búp tươi/ ngày, một xưởng sản xuất phân vi sinh và một cơ sở sản xuất giống cây ăn quả.

Hiện nông trường có 260 ha chè với sản lượng 850 tấn chè búp sản xuất được 190 tấn chè thành phẩm; diện tích cam là 100 ha trong đó có diện tích cam kinh doanh là 30 ha sản lượng bình quân đạt 180 tấn/năm; dưa hấu 70 ha sản lượng đạt 1.500 tấn; mơ 80 ha trong đó diện tích mơ kinh doanh là 50 ha với sản lượng 60 tấn /năm; diện tích vải, nhãn là 150 ha trong đó có 2,3 ha đã được thu hoạch; diện tích dứa 20 ha; cây ngắn ngày 150 ha và 600 ha rừng (số liệu năm 1999).

Trong những năm qua nông trường đạt mức tăng trưởng bình quân 10,2%/ năm. Năm 1999 giá trị tổng sản lượng đạt 12,5 tỷ, lợi nhuận đạt 90 triệu.



Bộ trưởng Lê Huy Ngọ về thăm nông trường



Đồi chè thâm canh của Nông trường Sông Bôi.

Trong định hướng phát triển đến năm 2005 nông trường phấn đấu:

Phát triển cây chè với diện tích ổn định là 300 ha, đưa sản lượng chè búp tươi đạt 1.000 – 1.200 tấn/ năm.

- Đưa diện tích cam lên 150 ha trong đó diện tích cam kinh doanh là 100 ha và 50 ha kiến thiết cơ bản.
- Diện tích mơ 120 – 150 ha.
- Diện tích nhãn, vải là 150 – 180 ha.
- Nếu có nhà máy chế biến sẽ phát triển cây dứa với diện tích 300 ha trong đó 150 ha thâm canh và 150 ha xen canh trên đất đồi.

Năm 2000 dự kiến đạt giá trị sản lượng: 13 tỷ

Năm 2001 dự kiến đạt giá trị sản lượng:14 tỷ

Nông trường được tặng thưởng 4 Huân chương Lao động các hạng, 2 Huân chương Chiến công, nhiều bằng khen và một giải bạc Chất lượng VN 1997 .

NÔNG TRƯỜNG THANH HÀ HÒA BÌNH

Địa chỉ: TT. Thanh Hà - H. Kim Bôi - T. Hoà Bình
ĐT : (018) 873108 - 873144
***Giám đốc:* VŨ VĂN LẦN**



Biểu tượng của Nông trường Thanh Hà



Bộ trưởng Lê Huy Ngọ và Giám đốc Nông trường đi thăm vườn cam

NÔNG TRƯỜNG CÓ NHIỆM VỤ:

Trồng cây ăn quả, cây lương thực.

- Kinh doanh chế biến nông sản.
- Sản xuất giống cây trồng.
- Nông trường có đội ngũ CBCNV là 276 người trong đó có : 19 kỹ sư, 3 trung cấp, 4 y, bác sĩ.
- Cơ cấu cây trồng gồm có: Cam 45 ha, vải 111 ha, nhãn 60 ha, dứa phấn đấu đạt 200 ha. Cây hàng năm: ngô 200 ha, lúa 35 ha, mía 60 – 80 ha, dưa hấu 30 ha.
- Doanh thu hàng năm của nông trường đạt 6 – 7 tỷ, tăng trưởng bình quân đạt 8 –10%/năm. Năm 2000 nông trường phấn đấu đạt doanh thu 7,2 tỷ.

Trong những năm tới nông trường sản xuất cây ăn quả là chính, phấn đấu ổn định diện tích 240 ha cam, 111 ha vải, 60 ha nhãn, 200 ha dứa.

Nông trường đã được tặng 1 Huân chương Lao động hạng 3 và nhiều bằng khen các loại.



Giám đốc
TRỊNH QUANG NỘI

NÔNG TRƯỜNG THỐNG NHẤT
THANH HÓA

ĐỊA CHỈ : HUYỆN YÊN ĐỊNH - THANH HÓA
Điện thoại: (037) 881020 - 881022 • Fax: 881020





CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Sản xuất và chế biến nông sản.
- Cây trồng chính : Cao su, cam, mía, dứa, cây lương thực và chăn nuôi cá.
- Chế biến cao su.

Nông trường Thống Nhất là doanh nghiệp làm ăn có lãi mỗi năm từ 200 – 240 triệu.

Doanh thu 1998 : 12, 5 tỷ. 1999 : 13,2 tỷ. Ước tính 2000 : 13,3 tỷ. Trích nộp ngân sách trung bình mỗi năm là 1 tỷ – 1tỷ 100 triệu.

Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì: năm 1996 - năm 2000. Cá nhân Giám đốc được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen. Đơn vị nhiều năm liền là lá cờ đầu của Ngành Nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- ✓ Chuyển đất rừng thành đất nông nghiệp trồng cây ăn quả.
- ✓ Cao su, cam, quýt đi vào thâm canh và phát triển.
- ✓ Thử nghiệm các loại giống lúa có giá trị kinh tế cao.

NÔNG TRƯỜNG HÀ TRUNG THANH HÓA

ĐỊA CHỈ : P. BẮC SƠN - TX. BỈM SƠN - THANH HÓA
ĐIỆN THOẠI : (037) 824378 - 826732
GIÁM ĐỐC : NGUYỄN QUỐC TIẾN.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

Trồng các loại cây công nghiệp cung cấp nguyên liệu cho chế biến như mía, dứa, cao su.

TIỀM LỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT : 2.768 ha đất tự nhiên được giao quản lý.Trong đó: Lâm nghiệp 528 ha, đất nông nghiệp 1.126 ha, cao su 180 ha, mía 800 ha. Còn lại là diện tích trồng dứa và các loại cây khác. Sản lượng mía 40-45 nghìn tấn.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC :

✪ Doanh thu hàng năm (1997 1999) 12 - 13 tỷ, trích nộp ngân sách từ 250 triệu - 300 triệu. Luôn hoàn thành kế hoạch được giao. Mức tăng trưởng đạt từ 5-10% năm từ năm 1997 đến nay.

✪ Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba năm 1986.

✪ Là đơn vị tiên tiến xuất sắc trong nhiều năm liền (Được UBND Tỉnh Thanh Hóa và Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn tặng bằng khen).

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

✓ Ổn định sản lượng mía 40 45.000 tấn/ năm. Tăng năng suất cho cây dứa.

✓ Lập dự án cho nhà máy chế biến hoa quả xuất khẩu ngay tại địa phương.

NÔNG TRƯỜNG LAM SƠN
THANH HÓA

Địa chỉ : Thị trấn Lam Sơn – Ngọc Lạc – Thanh Hóa
Điện thoại : (037) 881041 – 881044
Giám đốc : **LÊ VĂN HẠNH**



Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm và làm việc tại nông trường Lam Sơn - Thanh Hóa

Chức năng nhiệm vụ :

- Sản xuất nông nghiệp. Trồng cây mía và cây cao su. Chủ yếu cung cấp nguyên liệu cho Công ty mía đường Lam Sơn.

Tiền thân là nông trường của quân đội.

Tiềm lực khoa học kỹ thuật : Diện tích quản lý tự nhiên : 1900 ha . Đất nông nghiệp 850 ha: 500 ha trồng mía, cao su có 322 ha, 15 ha lúa. Ao hồ thả cá 13 ha. Tổng số cán bộ công nhân viên : 531, với 10 đội sản xuất + 1 xưởng chế biến (sơ chế) cao su.

- Sản lượng mía trung bình hàng năm: 35.000 – 40.000 tấn.
- Doanh thu 1997 – 1998: 6 tỷ đồng .
- Năng suất năm 1999: 76,7 tấn/ha(mía).





Cao su



Mía

Những thành tích đạt được :

- ■ Năm nào cũng hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- ■ Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba - 1978
- ■ Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng hai -1998.
- ■ Công nhận đơn vị tiên tiến xuất sắc nhiều năm liền.

Định hướng phát triển các giai đoạn:

Đưa một số cây trồng mới vào thâm canh. Trồng cây ăn quả các loại ở các hộ nông dân trong nông trường.

CÔNG TY NÔNG SẢN BẮC NINH



Giám đốc:
NGUYỄN NHƯ SO

Địa chỉ: Đường Nguyễn Trãi - TX. Bắc Ninh
ĐT: (0241) 821243 - 820712 - 822195 Fax: (0241) 821377

CHUYÊN:

- Sản xuất thức ăn gia súc, công suất 30.000 tấn/năm
- Sản xuất giống gia cầm, công suất 2,5 triệu con/năm.
- Sản xuất thuốc thú y.
- Chế biến hàng nông sản xuất khẩu
- Kinh doanh vật tư thiết bị hóa chất, phương tiện vận tải, phục vụ sản xuất nông công nghiệp.


Trụ sở công ty

Các đơn vị thành viên:

- **Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Đài Bắc (DABACO)**
  Địa chỉ: Đường Nguyễn Trãi, TX. Bắc Ninh
- **Xí nghiệp giống gia cầm Bắc Ninh**
  Địa chỉ: Lạc Vệ, Tiên Sơn, Bắc Ninh
  Điện thoại: (0241) 830825
- **Chi nhánh công ty nông sản tại Hà Nội**
  Địa chỉ: 40A Đường Trường Chinh, Phương Liệt Thanh Xuân, Hà Nội
  Điện thoại: (048) 685544

CÔNG TY THỦY NÔNG NAM ĐUỐNG

Địa chỉ: Huyện Thuận Thành - Bắc Ninh.
Điện thoại: (0241) 873004 - 865226.
Giám đốc: NGUYỄN HỮU MIÊN

CÔNG TY THỦY NÔNG BẮC ĐUỐNG

Địa chỉ: Xã Đình Bảng - H. Từ Sơn - Bắc Ninh.
Điện thoại: (0241) 831490 - 831489.
Giám đốc: NGUYỄN ĐỨC BÁ

CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ - H. Tiên Du - Bắc Ninh.
Điện thoại: (0241) 830805 - 091259823.
Giám đốc: LÊ VĂN THI

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

Địa chỉ: Xã Võ Cường - TX. Bắc Ninh.
Điện thoại: (0241) 828294 - 828510.
Giám đốc: NGUYỄN VĂN TUẾ

CHI CỤC THÚ Y

Địa chỉ: Xã Võ Cường - TX. Bắc Ninh.
Điện thoại: (0241) 828442 - 828590.
Giám đốc: BÙI MINH ĐỨC

XÍ NGHIỆP CÂY ĂN QUẢ CẦU XE - TỨ KỲ - HẢI DƯƠNG

Địa chỉ : Cộng Lạc - Tứ Kỳ - Hải Dương
Điện thoại : (0320) 749138



Giám đốc : PHẠM QUANG TĂNG



Một góc vườn cây ăn quả



Vải Thiều - của XN cây ăn quả Cầu Xe - Hải Dương

Xí nghiệp được thành lập 1968, đến nay có tổng số 128 CBCNV, trong đó có 5 kỹ sư và 17 trung cấp, còn lại là công nhân.

- Trồng vải và sản xuất giống vải.
- Trồng cây và chăn nuôi (chủ yếu là trồng cây vải) với diện tích 72 ha và 20 ha vải kiến thiết cơ bản, trong đó có 20 ha là vải kinh doanh (có quả) cho sản lượng từ 78 - 80 tấn quả tươi/ha,và 1.800 cây vải kinh doanh
- Ngoài ra còn trồng xen canh cây mía, ngô, khoai, sắn, đậu, lạc...

NÔNG TRƯỜNG BÌNH MINH

Chức năng nhiệm vụ:

- **Sản xuất lúa và cói nguyên liệu.**
- **Trong đó :**
  - **+ Sản lượng lúa : 5.200 tấn/năm.**
  - **+ Sản lượng cói : 500 tấn/năm.**
- **Tài sản thiết bị : 2,1 tỷ VND**
- **Doanh thu trung bình năm : > 10 tỷ VND.**

Những thành tích đạt được:

Huân chương lao động hạng Nhì năm 1997

Định hướng phát triển:

* Trở thành trung tâm văn hóa, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật (đến 2005).
* 2001 đào tạo lại 100% CBCNV có đủ trình độ sơ cấp nông nghiệp trở lên.
* Đầu tư trung bình 300 triệu/năm.
* Mức tăng trưởng kinh tế : 2 - 5%/năm.

Địa chỉ: Huyện Kim Sơn - Tỉnh Ninh Bình
Điện thoại: (030) 863506
Giám đốc: KS. NGUYỄN VĂN NGẠN

CÔNG TY LƯƠNG THỰC HÀ GIANG

Địa chỉ: Phường Nguyễn Trãi - Thị xã Hà Giang
Điện thoại: (019) 867726 - 866375
Fax: (84.19) 868301 - 866375
Giám đốc: Hoàng Yến.



Khách sạn lương thực của công ty dành cho khách ăn, nghỉ

Chức năng nhiệm vụ:

- Bình ổn giá lương thực trên địa bàn tỉnh Hà Giang.
- Cty có hệ thống máy xay vừa và nhỏ phục vụ yêu cầu SXKD của tỉnh.

Định hướng phát triển:

★ Tiếp tục nhiệm vụ bình ổn giá lương thực trên địa bàn tỉnh.
★ Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa của tỉnh.
★ Thực hiện theo kế hoạch phát triển từ năm 2000 - 2005 của Tổng công ty lương thực Miền Bắc



NÔNG TRƯỜNG CỬU LONG

ĐC: Tiểu khu 11, Thị trấn Lương Sơn, H. Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình
Điện thoại : (018). 824119 – 824170
***Giám đốc :* LÃ THỊ LÀ**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

❖ Trồng chè, lúa, chăn nuôi bò và chế biến chè xanh, đen xuất khẩu.

❖ Hiện nông trường đang quản lý và canh tác trên diện tích 400 ha trong đó có khoảng 150 ha chè, 14 ha lúa, số còn lại là cây hàng năm khoảng 54 ha, rừng PAM khoảng 50 ha và cây ăn quả khoảng 250 ha.

❖ Nông trường có một xưởng chế biến chè công suất 8 – 10 tấn chè búp tươi/ ngày.

❖ Từ năm 1995 đến nay sau khi thực hiện chủ trương chuyển đổi mô hình, nông trường đã không ngừng phát triển với tốc độ tăng trưởng bình quân là 10%, sản xuất kinh doanh có lãi, đồng vốn được bảo toàn và nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ, đời sống của người lao động được đảm bảo. Doanh thu năm 1999 đạt 2,7 tỷ, kế hoạch năm 2000 là 3 tỷ.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Phát triển và duy trì diện tích 150 ha chè thâm canh tăng năng suất và chất lượng đảm bảo đủ nguyên liệu cho chế biến.
- Mở rộng và nâng cấp xưởng chế biến chè.
- Nâng cấp cải tạo vườn cây ăn quả theo chương trình 327 để đảm bảo có diện tích kinh doanh 250 ha cây ăn quả.
- Có đề án trồng và chế biến dứa.

Nông trường mong muốn hợp tác với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước trong lĩnh vực trồng, chế biến chè và các loại hoa quả.

NÔNG TRƯỜNG CAO PHONG

ĐỊA CHỈ: HUYỆN KỲ SƠN – TỈNH HÒA BÌNH
ĐIỆN THOẠI: (018) 844128

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Trồng các loại cây ăn quả: Cam, quýt, dứa.
- Trồng các loại cây công nghiệp: chủ yếu mía, cà phê, chè.
- Dịch vụ các loại vật tư phục vụ cho nông nghiệp – tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp .



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- Từ năm 1990 đến nay nông trường luôn luôn là đơn vị tiên tiến trong ngành.
- Năm 1995: được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3.
- Năm 1996: Được Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng cờ thi đua xuất sắc.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Từ 2001 – 2005: + Cam quýt:Từ 200 – 250 ha.
+ Mía nguyên liệu: 250 - 300 ha.
+ Cà phê chè: 120 – 150 ha.
+ Dứa: 100 – 120 ha.

CÔNG TY NÔNG LÂM SẢN KIÊN GIANG
KIGIFAC

Địa chỉ: 1 Ngô Thời Nhiệm - Thị xã Rạch Giá.
Điện thoại : (077)864159 Fax : (077)800692
***Giám đốc :* THÁI VIẾT NHẠN**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Kinh doanh và chế biến nông sản thực phẩm.
- Kinh doanh, sản xuất, chế biến các mặt hàng gỗ phục vụ nhu cầu xây dựng cơ bản, gia dụng, tàu thuyền.
- Trồng và khai thác rừng.
- Xuất khẩu, nhập khẩu nông sản và vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.
- Xuất khẩu sản phẩm gỗ chế biến và lâm sản khác.
- Khai thác chế biến thành phẩm, bán thành phẩm phân hữu cơ.
- Xây dựng giao thông nông thôn.

TIỀM LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ:

Trong năm 2000, Công ty Nông lâm sản Kiên Giang(KIGIFAC) xác định 2 mục tiêu chính :

- Chế biến gạo xuất khẩu: 20.000 tấn.
- Xây dựng đào đắp kênh mương: 9.000.000 m^3.

Công ty đã đầu tư trang bị dây chuyền lau bóng gạo hiện đại và các loại xe đào đất của đội thi công cơ giới .

Công ty có đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn cao, sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ được giao.

NÔNG TRƯỜNG VÂN DU - THANH HÓA

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Trồng cây ăn quả
- Kinh doanh chế biến nông sản.
- Trồng mía và cao su cung cấp nguyên liệu.

ĐC: TT. Vân Du – H. Thạch Thành - T. Thanh Hóa
ĐT: (037) 847001 – 847016 Fax : 847001
Giám đốc : KS. PHẠM SỸ THẠCH .

TIỀM LỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT:

Diện tích 2.407,3 ha đất tự nhiên do nông trường quản lý. Trong đó diện tích cao su 543,4 ha, mía 515, 3 ha, dứa 111 ha và cây lương thực 23 ha..

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

Tốc độ tăng trưởng trong 10 năm bình quân 56,4 % năm. Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3 năm 1995, bằng khen của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn .

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Qui hoạch ổn định, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất chất lượng cho cây trồng là mía và cao su. Nâng cao sản lượng cây mía đi vào thâm canh.



Trụ sở Nông trường Vân Du - Thanh Hóa

NÔNG TRƯỜNG PHONG HẢI

Địa chỉ: Thị trấn Nông trường Phong Hải, H. Bảo Thắng, T. Lào Cai.
Điện thoại: (020) 865103 - 865104.

Chức năng nhiệm vụ:
- Sản xuất, kinh doanh chè nội tiêu và xuất khẩu.
- Sản xuất lương thực, thực phẩm.

Tiềm lực KHKT:
- Có đội ngũ cán bộ kỹ thuật hùng hậu, giàu kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh (hơn 40 kỹ sư và trung cấp kỹ thuật, trên 200 công nhân kỹ thuật lành nghề).
- Có nhà máy chế biến chè tương đối hiện đại.

Những thành tích đạt được:
- Qui mô sản xuất năm 2000 : 400 tấn chè đen xuất khẩu, 500 tấn thóc và 100 tấn cá nước ngọt.
- Tốc độ tăng trưởng 1991 - 2000 đạt bình quân 125%/năm.

Định hướng phát triển đến 2010:
Hàng năm sản xuất :
- 3.500 - 4.000 tấn chè xuất khẩu.
- 500 tấn thóc (trong đó có từ 100 - 150 tấn giống lúa lai).
- 100 tấn cá thịt.



Vùng chè nguyên liệu

NÔNG TRƯỜNG TÔ HIỆU - SƠN LA

Địa chỉ: Thị trấn Hát Lót - Mai Sơn - Sơn La
ĐT: (022) 843096 Fax: (022) 843664

Chức năng nhiệm vụ :
- Sản xuất và chế biến chè xuất khẩu.
- Sản xuất các loại giống cây ngắn ngày và các sản phẩm lương thực.
- Sản xuất nguyên liệu mía cây cung cấp cho Công ty mía đường Sơn La.
- Bảo vệ và phát triển vốn rừng hiện có.
- Tổng diện tích đất quản lý : 2.653 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp : 1.501 ha
- Sản phẩm chủ yếu :
  + Chè xuất khẩu : 150 tấn/năm
  + Ngô giống : 300 tấn/năm
  + Ngô thương phẩm : 2.000 tấn/năm
  + Mía cây : 30.000 tấn/năm.



Giống ngô lai, sản phẩm chè xuất khẩu

Những thành tích đạt được :
- 01 Huân chương quân công, 01 Huân chương kháng chiến hạng Nhì, 02 Huân chương lao động hạng Nhì (1982-1988) và 07 Huân chương lao động hạng Ba.
- Năm 2000 được đề nghị Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lao động.



Trụ sở nông trường Tô Hiệu

CÔNG TY VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP BÌNH ĐỊNH

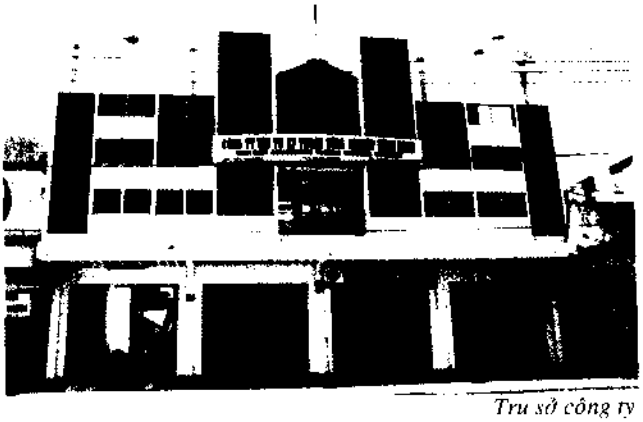

Trụ sở công ty

BINH DINH AGRICULTURE TECHNIC MATERIAL COMPANY (BD ATM).

Địa chỉ: 173 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Điện thoại: (056) 828384 - ĐTDĐ: 090501916 **Fax:** (056) 829873 - 824980
Giám đốc: LƯU SINH NGỌC

Chức năng nhiệm vụ:

Chuyên kinh doanh vật tư nông nghiệp (Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) - Vật liệu xây dựng - Xăng dầu - Máy móc thiết bị - Các mặt hàng nông sản và hàng tiêu dùng phục vụ nông lâm nghiệp.

Nhập khẩu: Vật tư phục vụ nông nghiệp, máy thiết bị, hàng tiêu dùng thiết yếu.

Xuất khẩu: Nông sản.

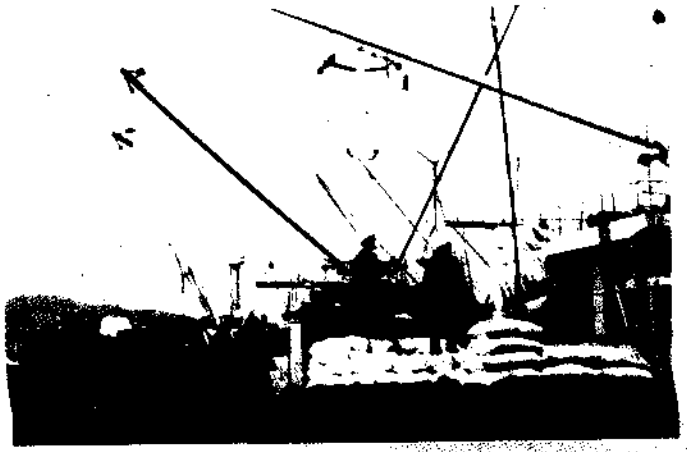

Những thành tích đạt được:

Đã được Nhà nước tặng thưởng 3 Huân chương lao động I, II, III; được Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc và tặng bằng khen; Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ Công an tặng bằng khen, UBND tỉnh tặng nhiều cờ thi đua xuất sắc và nhiều bằng khen.

Định hướng phát triển giai đoạn: 2000 - 2005

- Mở rộng kinh doanh và xuất nhập khẩu đa dạng, nhiều loại hình theo chức năng của doanh nghiệp.
- Là sáng lập viên thành lập Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi.
- Liên doanh xây dựng nhà máy chế biến tinh bột mì để tiêu thụ sản phẩm của nông dân.

CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP CAO BẰNG

ĐC: Km 2 Phường Sông Hiếu, TX. Cao Bằng
ĐT: (026) 854371
FAX: (026) 854433

- Là Doanh nghiệp Nhà nước.
- Chuyên cung ứng các loại phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp trên toàn tỉnh Cao Bằng.
- Công ty có 35 cửa hàng trực thuộc và gần 20 điểm đại lý, sẵn sàng phục vụ đầy đủ và kịp thời cho nhu cầu sản xuất của Tỉnh.

HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ

CÔNG TY VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT II

PESTICIDE SUPPLY COMPANY NO. 2
ĐC: 28 MẠC ĐĨNH CHI, Q.I, TP.HỒ CHÍ MINH
ĐT:(08)8231514 - 8292805 - Fax : (08) 8297579
Email: psc2ptv@hcm.vnn.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :
- Bán buôn , bán lẻ thuốc BVTV, phân bón lá.
- Gia công, sản xuất thuốc BVTV, phân bón lá.
- XNK nguyên liệu, vật tư BVTV.
- Xuất nhập khẩu nông sản.

CHI NHÁNH NÔNG DƯỢC HÀ NỘI
ĐC: 14A, Ngô Quyền, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (04)8253363 FAX: (04)8269391

CHI NHÁNH NÔNG DƯỢC CAI LẬY
ĐC: Km 1991, QL 1A, TT.Cai Lậy, Tiền Giang.
ĐT: (073) 826407 FAX:(073) 826968

CHI NHÁNH NÔNG DƯỢC DAKLAK
ĐC: Km 6, QL 26, Tp.Buôn Ma Thuột, Daklak
ĐC: (050) 865907 FAX: (050) 866111

CHI NHÁNH NÔNG DƯỢC QUY NHƠN
ĐC: 49 Trường Chinh, Tp.Quy Nhơn, Bình Định
ĐT: (056) 813548 FAX: (056) 813549

CHI NHÁNH NÔNG DƯỢC BÌNH ĐỨC
ĐC: 155 Đề Thám, P.Bình Đức, Long Xuyên, An Giang.
ĐT: (076) 857685 FAX: (076) 854126

PSC.1

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT. 1 T.Ư

PESTICIDE SUPPLY COMPANY NO.1 (PSC.1)
145 HỒ ĐẮC DI - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI (189B TÂY SƠN CŨ)
ĐT : (04) 8572765 - 8511967 - 8511969 / FAX : (04) 8572751 / E-MAIL : PSC.1 @ NET NAM.VN.



Giám Đốc TRẦN QUANG HÙNG

* CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

- Thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh trong phạm vi pháp luật quy định, dưới sự chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Chuyên nhập khẩu, gia công, sang chai, đóng gói và cung ứng các loại vật tư bảo vệ thực vật bao gồm :
  + Thuốc bảo vệ thực vật.
  + Thuốc điều hòa sinh trưởng.
  + Phân bón lá và các công cụ phun thuốc.

* CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, HỆ THỐNG CUNG ỨNG :

Công ty có 6 Chi nhánh, có Xưởng sản xuất và hệ thống kho tàng tại :
Hải Phòng, Hưng Yên, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, T.P Hồ Chí Minh.

* NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT TRONG 10 NĂM VỪA QUA :

- *Cờ thi đua của Bộ : 1992, 1993, 1994, 1995, 1997.*
- *Cờ thi đua của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam năm 1995.*
- *Bằng khen của Bộ : 1991, 1992, 1993, 1994, 1995, 1997.*
- *Huân chương lao động hạng III năm 1996.*
- *Cờ thi đua luân lưu của Chính phủ : 1998, 1999.*
- Nhiều giải thưởng *"Bông lúa vàng"* về các sản phẩm thuốc BVTV, thành tích phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty, thành tích nghiên cứu khoa học tại hội chợ Nông nghiệp Quốc tề Cần Thơ.



Trụ sở Công ty tại Hà Nội

21 - 101

15 - 101

Thiên Hải Ngọc

Hải Ngọc



THÀNH PHẦN :

N_2	-	6%
P_2O_5	-	0,30%
Mo	-	0,04%
α NAA	-	2mg/ml

CÔNG DỤNG

- Kích thích việc trổ hoa, làm cho cây ra hoa đồng loạt, ngăn ngừa sự rụng nụ và trái non.
- Tăng kích thước và số lượng hoa qủa, tăng năng suất chánh vụ, nghịch vụ bội thu, giảm chi phí trong sản xuất, hiệu qủa kinh tế cao.
- Thích hợp cho các loại rau, củ, hạt và cây ăn trái như: Đậu, lúa, bắp,cà phê, nho, chôm chôm, vải, xoài, măng cụt, cùng các cây cảnh và phong lan...



CÁCH DÙNG :
1 hộp có 10 ống,
mỗi ống có 10ml hợp chất
Một ống pha vô
một bình xịt 8 - 10 lít nước

PHÂN PHỨC HỢP TĂNG NĂNG SUẤT CÂY TRỒNG

KHÔNG ĐỘC HẠI CHO NGƯỜI VÀ GIA SÚC

Thiên Hải Ngọc

VP: 309 Trần Phú, P.8, Q.5, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 8394387 - 8325322 **Fax:** (84.8) 8325322
SX: 21/1A Ngô Tất Tố, P.22, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 8991319 - 8996916 **Fax:** (84.8) 8996916



THIÊN HẢI NGỌC

Quả 101

THIÊN HẢI NGỌC

Lúa 101



CÔNG TY VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP PHÚ YÊN

Địa chỉ: 171 Lê Thánh Tôn - Thị xã Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên.
Điện thoại: (057) 824296 - 826032 - 823464 - 826122 Fax: 824217



Giám đốc: PHÙNG NGỌC KHÁNH.

Là doanh nghiệp nhà nước. Chuyên kinh doanh các loại phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp, sản xuất các loại hàng hóa, sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, đơn vị được phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp.

XUẤT KHẨU:

* Các loại hàng nông lâm, thủy sản đã qua chế biến.
* Các loại hàng tiêu dùng và thủ công mỹ nghệ.

NHẬP KHẨU:

* Các loại vật tư, thiết bị, phân hóa học và thuốc trừ sâu các loại.
* Các loại giống cây trồng, chất kích thích tăng trưởng động, thực vật.
* Nguyên nhiên vật liệu, phụ liệu và hàng tiêu dùng.
* Phương tiện vận tải ô tô, mô tô các loại.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

- **Xí nghiệp sản xuất nước giải khát có ga.**
  Địa chỉ: Phường 2 - Thị xã Tuy Hòa
  Điện thoại: (057) 823863
- **Trung tâm mua bán vật tư nông nghiệp**
  Địa chỉ: 229 Quốc Lộ 1 - Phường 2 - Thị xã Tuy Hòa.
  Điện thoại: (057) 826641
- **Xí nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu đồng tác**
  Địa chỉ: Khóm 2 TT. Phú Lâm H. Tuy Hòa - Phú Yên.
  Điện thoại: (057) 851594
- **Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh**
  Địa chỉ: 71 Trần Quang Diệu (nối dài) - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh.
  Điện thoại: (08) 8465109 Fax: (08) 8465109
- **Chi nhánh Qui Nhơn**
  Địa chỉ: 378 Nguyễn Thái Học - TP. Qui Nhơn Tỉnh Bình Định.
  Điện thoại: (056) 821778 - 847777
  Fax: (056) 846855
- **Nhà máy tinh chế bột sắn**
  Địa chỉ: Xã EBIA - Thị trấn Hai Riêng - Huyện Sông Hinh Tỉnh Phú Yên
  Điện thoại: (057) 822918 - 858388
- **Cửa hàng kinh doanh xăng dầu**
  Địa chỉ: 229 Quốc Lộ 1 - Phường 2 - Thị xã Tuy Hòa
  Điện thoại: (057) 827931

Lễ khởi công xây dựng nhà máy tinh bột sắn Sông Hinh



CÔNG TY PHÚ SƠN - BIOCO

PHÂN BÓN SINH HÓA HỮU CƠ BIOCO

*** VĂN PHÒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**
468/40 Nguyễn Tri Phương - Q.10 - TP. HCM ĐT: (08) 8355381
*** VĂN PHÒNG TẠI TP. BUÔN MÊ THUỘT**
7 Nguyễn Chí Thanh - TP. Buôn Mê Thuột - Daklak ĐT: (050) 810350

Chức năng nhiệm vụ:
*** Sản xuất phân bón hữu cơ BIOCO**
*** Xuất khẩu rau quả**
Sản phẩm phân bón hữu cơ BIOCO được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là tiến bộ kỹ thuật và cho phép sử dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam.
Phân bón BIOCO gồm 2 loại:
- Phân bón lá: BIOCO - PSC 500 DẠNG LỎNG
- Phân bón hữu cơ sinh học: BIOCO DẠNG BỘT
Thành tích đã đạt được:
- 1 giải thưởng Bông lúa vàng tại Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế.
- 1 Cúp vàng vì sự nghiệp xanh.
- 4 Huy chương vàng tại các kỳ Hội chợ Quốc tế.

CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC:

1. Nhà máy Phân bón Chư Păh
Km 16 - QL 14 - Chư Păh
ĐT: 059.823843
2. Nhà máy Phân bón Krong Bak
Phước An - Buôn Mê Thuột - Daklak
ĐT: 050.952350
3. Nhà máy Phân bón Phước Hòa
Công ty Cao su Phước Hoà - Bình Dương
ĐT: 065.857161
4. Nhà máy Phân bón Dầu Tiếng
Bến Súc - Bến Cát - Bình Dương
ĐT: 065.862470

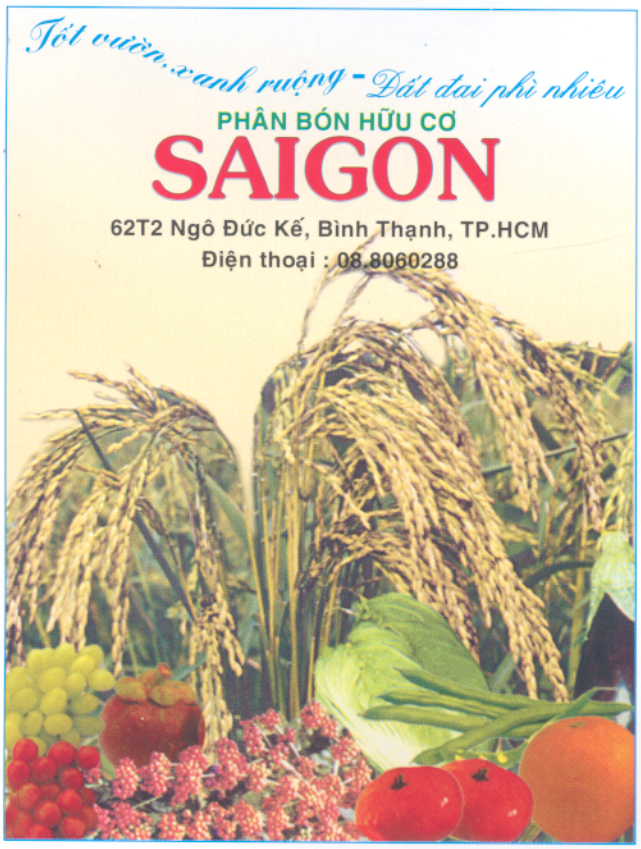





Giám đốc : **CNKT. VÕ VĂN NHÀNG**

CÔNG TY DỊCH VỤ VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP BẠC LIÊU

AGRI TECHNOLOGY MATERIAL SERVICECO OF BAC LIEU PROVINCE

Trụ sở chính: 117-119 Hoàng Văn Thụ, P.2, TX. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.
Trụ sở tạm: 11/1 Võ Thị Sáu - P.7 - TX. Bạc Liêu - Tỉnh Bạc Liêu.
ĐT: (0781)823224 - 822446. - Fax : (0781)823224.

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh:
ĐC: 6F Cư Xá Ngân Hàng - Trần Xuân Soạn - Q.7 - TP.HCM.
ĐT: (08)8728874 Fax: (08)8728874.

A- ***Phạm vi kinh doanh:***
- Xuất nhập khẩu trực tiếp và kinh doanh nội địa.

B- ***Lĩnh vực kinh doanh:***
- *Xuất khẩu:* Nông sản, thực phẩm tươi sống.
- *Nhập khẩu:* Vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc BVTV), thiết bị máy móc, phụ tùng ngành nông nghiệp
- *Kinh doanh nội địa:* Các loại phân bón hóa học, phân vi lượng, phân bón qua lá, thuốc bảo vệ thực vật, lương thực và vật liệu xây dựng.

C- ***Mạng lưới kinh doanh:*** Trong nước, khu vực và quốc tế.
- Với trên 200 đại lý cung ứng vật tư nông nghiệp trên phạm vi cả nước, 04 cửa hàng điều phối lưu lượng vật tư, nguyên liệu đóng tại địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

D- ***Năng lực kinh doanh:***
- Hàng năm cung ứng trên 70.000 tấn phân bón các loại, 500 tấn thuốc bảo vệ thực vật, trên 10.000 tấn xi măng và gạo, vv.. cho sự phát triển kinh tế ngành nông nghiệp Việt Nam.

Công ty sẵn sàng liên doanh liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước trên các lĩnh vực phát triển kinh tế nông nghiệp.

CÔNG TY PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT VĨNH LONG

(Phân bón lá BIOTED - BIOTED PLASTIC)

Văn phòng: 73/19A Phó Cơ Điều, P. 3, TX Vĩnh Long
Điện thoại: (070) 822299 – 830586 Fax: (070) 825240
Nhà máy: 69 Phó Cơ Điều, P.3, TX Vĩnh Long

Được thành lập năm 1995, Công ty Phát triển Kỹ thuật Vĩnh Long chuyên:
- Sản xuất phân bón lá mang nhãn hiệu BIOTED® cho tất cả các loại cây trồng. Đã được Bộ Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn công nhận là tiến bộ kỹ thuật và cho phép áp dụng rộng rãi trong nông nghiệp.
- Ngoài ra Công ty còn sản xuất sản phẩm: Màng phủ nông nghiệp (công nghệ Đài Loan) kỹ thuật mới trong canh tác chuyên dùng cho hoa màu đã được huy chương vàng Hội chợ Quốc tế Cần Thơ.

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:
1. 03 Giải thưởng "Chất lượng Việt Nam" 1997, 1998, 1999.
2. Giải thưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.
3. 06 giải "Bông lúa vàng".
4. Bằng khen Bộ Tài chính.
5. Bằng khen Bộ Nông nghiệp.
   Và nhiều giải thưởng khác tại Hội chợ Quốc tế Cần Thơ.
6. Top Ten 1997 – 1998.
7. 02 huy chương vàng "Bạn nhà nông".
8. 05 huy chương vàng sản phẩm.



Sản phẩm và những giải thưởng của Công ty

CÔNG TY VẬT TƯ KỸ THUẬT ỨNG HÒA - HÀ TÂY

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN VÂN ĐÌNH - ỨNG HÒA - HÀ TÂY
ĐIỆN THOẠI: (034) 882220
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN BÌNH



P.Giám đốc
NGUYỄN VĂN KHOA

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Kinh doanh giống, phân bón, thuốc trừ sâu.
- Sản xuất mi mắt, tóc nhân tạo xuất khẩu (Liên doanh với công ty xuất nhập khẩu Hồng Hà).
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư phục vụ nông nghiệp.

Hiện nay Công ty cung cấp thóc giống, khoai tây giống cho các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An...

Công ty có 5 trạm vật tư nằm rải rác trên toàn huyện.

CÔNG TY VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP HÀ TÂY

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG TÔ HIỆU - HÀ ĐÔNG - HÀ TÂY
ĐT:(034) 824086 - 824749 - 824582 - 824840 **Fax :** (034) 824086.
Giám đốc: **KS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG** - ***Phó giám đốc :*** **KS. ĐÀO VĂN KHANG**

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Sản xuất, kinh doanh tổng hợp các mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp, xây dựng, thuốc bảo vệ thực vật, các loại phân bón, thuốc thú y, giống cây trồng, vật nuôi, máy công cụ, thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ nông nghiệp và thủy lợi.
- Tiêu thụ sản phẩm chế biến trong nông nghiệp.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư phục vụ nông nghiệp.
- Chế biến gỗ và lâm sản khác.
- Sản xuất đồ mộc dân dụng, hàng trang trí nội thất, sửa chữa và xây dựng dân dụng.
- Kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, hàng tiêu dùng, các sản phẩm từ gỗ, mây tre.
- Công ty có 8 trạm và 3 cửa hàng vật tư kỹ thuật nông nghiệp.



Trụ sở Công ty

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

1- Trạm VTKT nông nghiệp Phúc Thọ.
ĐC: Thị trấn Gạch, H.Phúc Thọ
ĐT: (034) 848500

2- Trạm VTKT nông nghiệp Quốc Oai.
ĐC: Thị trấn Quốc Oai, H.Quốc Oai
ĐT: (034) 843477

3- Trạm VTKT nông nghiệp Chương Mỹ.
ĐC: Thị trấn Chúc Sơn, H.Chương Mỹ
ĐT: (034) 866012

4- Trạm VTKT nông nghiệp Thanh Oai.
ĐC: Bình Đà, Huyện Thanh Oai
ĐT: (034) 876105

5- Trạm VTKT nông nghiệp Ứng Hòa.
ĐC: Xã Trung Tú, Huyện Ứng Hòa
ĐT: (034) 882724

6- Trạm VTKT nông nghiệp Mỹ Đức.
ĐC: Xã Lê Thanh, Huyện Mỹ Đức
ĐT: (034) 847587

7- Trạm VTKT nông nghiệp Đan Phượng.
ĐC: Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng
ĐT: (034) 886396

8- Trạm VTKT nông nghiệp Thường Tín
ĐC: Thị trấn Thường Tín, H.Thường Tín
ĐT: (034) 853077

9- Cửa hàng VTKT nông nghiệp thị xã Sơn Tây
ĐC: Phố Chùa Thông, Thị xã Sơn Tây
ĐT: (034) 834502

10- Cửa hàng VTKT nông nghiệp thị xã Hà Đông.
ĐC: Đường Trần Đăng Ninh, TX.Hà Đông
ĐT: (034) 824166

11- Cửa hàng VTKT nông nghiệp Phú Xuyên.
ĐC: Thị trấn Phú Xuyên
ĐT: (034) 854229

CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP HÀ TĨNH

Địa chỉ: Phường Trần Phú – Thị xã Hà Tĩnh – Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: (039) 855493

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Kinh doanh vật tư nông nghiệp, phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh gồm bán buôn, bán lẻ:
- Phân bón hóa học các loại
- Thuốc bảo vệ thực vật
- Thức ăn gia súc
- Nông cụ phục vụ sản xuất.
- Mạng lưới kinh doanh gồm: Văn phòng công ty và 10 trạm cấp huyện và 70 cửa hàng bán lẻ ở các huyện thị. Công ty có tổng kho có sức chứa 7.000 tấn phân bón các loại.

TIỀM LỰC KHKT:

- Lao động có trình độ đại học: 9 người.
- Lao động có trình độ trung học: 17 người.
- Lao động tổng số: 146 người.

Hân hạnh được phục vụ

CÔNG TY THỐNG NHẤT

(THONG NHAT COMPANY)

ĐC: 569 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Daklak
ĐT : (050) 852299 - 810437
Fax: (050) 851882

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Nghiên cứu, chế tạo, cung cấp cho thị trường các sản phẩm cơ khí, phục vụ phát triển kinh tế cây cà phê và nhiều sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, xây dựng v.v...



MÁY XÁT CÀ PHÊ QUẢ TƯƠI XTĐ 01



SÀNG PHÂN LOẠI TẠP CHẤT ST03



MÁY LỌC SẠN



MÁY XÁT CÀ PHÊ QUẢ KHÔ XK01

TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG NGHIỆP BẠC LIÊU

ĐC : Km 2.195 - QL I - X.Vĩnh Mỹ B - H.Vĩnh Lợi - Bạc Liêu
ĐT: (0781)880164 - 880572 Fax : (0781)880572

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Nghiên cứu lai tạo, thuần hóa, ứng dụng kỹ thuật và sản xuất giống cây trồng, vật nuôi các loại.
- Nhập, xuất giống cây con, tuyển chọn và so sánh chuyển đổi cơ cấu giống theo yêu cầu thị trường trong và ngoài nước.
- Dự phòng cung ứng giống cây trồng vật nuôi chất lượng cao phục vụ mục tiêu dự trữ an toàn giống.
- Xây dựng mạng lưới tổ chức sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, cung ứng các sản phẩm có nguồn gốc từ giống, các vật tư nguyên liệu giống và công nghệ.
- Tổ chức xử lý chất thải từ chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất phân bón, sản xuất thức ăn tổng hợp, thuốc thú y.

CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP HƯNG YÊN

Địa chỉ: 94 Đường Điện Biên I - Thị xã Hưng Yên
Điện thoại: (0321) 862892



Giám đốc
ĐỖ VĂN THÁI

Chức năng nhiệm vụ:

♦ Kinh doanh vật tư, thiết bị, các sản phẩm nông nghiệp, giống cây trồng, thuốc nông dược.
♦ Kinh doanh xăng, dầu, nhớt.

Những thành tích đạt được:

☆ Đầu tư ứng trước vật tư nông nghiệp cho nông dân nhất là nông dân nghèo, thông qua các HTX dịch vụ nông nghiệp và các đoàn thể như Hội Nông dân, Phụ nữ, Đoàn thanh niên. Thời gian đầu tư sau 1 chu kỳ sản xuất (6 tháng). Sau đó mới thu hồi vốn, hoặc bao tiêu sản phẩm cho nông dân, tạo nên sự gắn kết giữa công nhân và nông dân, thể hiện sự liên minh công nông chặt chẽ thúc đẩy sản xuất phát triển.

☆ Tổ chức sản xuất giống cây trồng tại các HTX để phục vụ địa phương.

Định hướng phát triển :

• Cử thêm 10 - 15 cán bộ đi học đại học để nâng cao trình độ.
• Tiếp tục chương trình đầu tư ứng trước vật tư nông nghiệp cho nông dân ở diện rộng.
• Tiếp tục tổ chức sản xuất giống cây trồng ở địa phương và ở diện rộng hơn.

CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG LÂM NGHIỆP PHÚ THỌ



Giám đốc: KS. ĐẶNG VĂN GIA

Địa chỉ: 805 Ngã tư Phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì
Điện thoại: (0210) 847138 - 844770

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

• Cung ứng vật tư nông lâm nghiệp
• Cung ứng dịch vụ các loại phân bón
• Kinh doanh các loại thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn gia súc.
• Dịch vụ kinh doanh công cụ sức kéo, máy móc nhỏ cầm tay.
• Công ty có trên 220 điểm bán hàng phân bố trên toàn tỉnh và các cửa hàng ở trung tâm của 12 huyện.
• Công ty đã có những đóng góp nhất định tạo được sự bình ổn về lúa gạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của các ngành khác trong tỉnh (ổn định về giống, phân bón v.v...)
• Chủ động phòng trừ sâu bệnh trong địa bàn tỉnh.
• Phối hợp các trạm thú y các huyện tiêm phòng, chống các bệnh cho gia súc, gia cầm rất có hiệu quả.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

... Chú trọng chất lượng của các loại vật tư nông nghiệp cung cấp cho bà con nông dân.
... Tạo ra thị trường lành mạnh, giữ vững uy tín của Cty.



Trụ sở công ty

CÔNG TY VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG LÂM NGHIỆP QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 94 Nguyễn Chánh, TX Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
Điện thoại: (055) 822520 - 822569 Fax: (055) 820387



Trụ sở công ty

Chức năng nhiệm vụ:

- Kinh doanh nhập khẩu trực tiếp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, lương thực, hàng nông sản, giống cây trồng.
- Kinh doanh xăng dầu các loại và vật tư xây dựng.

CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP THỪA THIÊN - HUẾ

Địa chỉ : 20 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế.
Điện thoại : (054) 822670 Fax: 826991



Giám đốc
TRẦN THUYÊN

Phạm vi kinh doanh, sản xuất :

Công ty Vật tư Nông nghiệp Thừa Thiên - Huế chuyên kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, cỏ dại; các máy móc, thiết bị phụ tùng nông nghiệp, giống cây trồng và thức ăn gia súc; các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho đời sống của nông dân.

Sản xuất phân NPK "Bông lúa", phân hữu cơ hoạt hóa, phân lân hữu cơ sinh học Sông Hương.

Đầu tư và trực tiếp trồng cà phê, mía, dứa.

Hệ thống bán hàng và kênh phân phối hàng :

Công ty có 7 đầu mối bán và kênh phân phối hàng : Phòng kinh doanh, trạm An Lổ, trạm Truồi, trạm Trung tâm Huế, trạm Sịa, trạm A Lưới, trạm Phò Trạch với sự cộng tác của hơn 200 đại lý trong và ngoài Tỉnh.



CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ : Phường Yên Thịnh - Thị xã Yên Bái - Tỉnh Yên Bái
Điện thoại : (029) 852464 Fax : (029) 853464



Giám đốc : KS. PHẠM TIẾN DŨNG.

Chức năng nhiệm vụ:

- **Sản xuất, kinh doanh và dịch vụ tổng hợp**
- **Vật tư nông nghiệp.**

Tiềm lực KHKT:

- Toàn công ty có 200 cán bộ, công nhân lao động lành nghề.
- Hiện công ty có: 2 nhà máy sản xuất phân bón phục vụ nông nghiệp, 26 cửa hàng bán lẻ và 289 điểm đại lý trên toàn tỉnh. Đặc biệt có một phòng khoa học kiểm nghiệm sản phẩm trước khi đưa sản phẩm ra thị trường phục vụ.

Những thành tích đạt được:

Trong những năm qua Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Lao động hạng II và 3 Huân chương Lao động hạng III, được Bộ Nông nghiệp & PTNT và UBND Tỉnh tặng nhiều bằng khen và giấy khen cho tập thể và cá nhân lao động của công ty.

CÔNG TY VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP SƠN LA





Giám đốc: BÙI ĐÌNH HIỀN.

Những thành tích đạt được :

Hai Huân chương lao động hạng Ba (1982 & 1994) và nhiều phần thưởng cao quý khác do UBND tỉnh Sơn La và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng.

Chức năng nhiệm vụ :

- Cung ứng, dịch vụ phân bón hóa học, giống cây trồng, vật tư bảo vệ thực vật, nông cụ và các loại vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Sản phẩm kinh doanh chủ yếu 1999:
  - + Phân bón : 4.100 tấn.
  - + Giống lúa : 100 tấn
  - + Giống ngô lai : 508 tấn
  - + Thuốc sâu : 505 triệu
  - + Nông cụ : 10 - 30 triệu VND

Địa chỉ : Thị trấn Hát Lót - Huyện Mai Sơn - Tỉnh Sơn La.
Điện thoại : (022) 843053 - 843322 Fax : (022) 843482

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - ĐẦU TƯ - DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU - BÌNH ĐỊNH

GENERAL PRODUCTION INVESTMENT SERVICE IMPORT EXPORT COMPANY (PISICO)

ĐỊA CHỈ: 198 TRẦN HƯNG ĐẠO - TP. QUY NHƠN.
ĐIỆN THOẠI: (056) 821216 - 821874 - 822385 **FAX:** (056) 821862
EMAIL: pisico@dng.vnn.vn

Chức năng nhiệm vụ:

SẢN XUẤT & KINH DOANH XNK TRỰC TIẾP

✪ Xuất khẩu : Sản phẩm gỗ, song mây, hàng may mặc sản phẩm từ dừa, hàng nông sản, hải sản, dăm bạch đàn.

✪ Nhập khẩu: Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất ngành nông,lâm, hải sản, công nghiệp giao thông vận tải, xây dựng,nguyên liệu vật tư phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

✪ Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ khai thác, vận chuyển và trồng rừng.

Những thành tích đạt được:

■ Năm 1997 Huân chương lao động hạng Nhì.

■ Qua các năm được Bộ Nông nghiệp & PTNT, UBND tỉnh Bình Định tặng nhiều bằng khen

Định hướng phát triển :

✓ Từ năm 2001 - 2003 : Doanh thu hàng năm đạt 280-300 tỷ, kim ngạch XNK 20 triệu USD, cụ thể đầu tư mở rộng nhà xưởng, máy móc thiết bị nhằm tăng năng lực sản xuất cho sản phẩm gỗ 5.000m^3/năm, song mây 1.000.000SP/năm, may mặc 300.000 SP/năm.

✓ Liên doanh với Nhật xây dựng nhà máy chế biến Dăm Bạch Đàn với quy mô sản xuất 150.000 tấn/năm

✓ Kêu gọi hợp tác đầu tư chế biến sản phẩm nông nghiệp như : mỳ, dừa, dừa...

Công ty rất hân hạnh được hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước



Dây chuyền sản xuất chế biến sản phẩm Đồ gỗ



Sản phẩm song mây



Xí nghiệp may xuất khẩu

CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP

HÀ NAM



Phó Giám đốc
KS. NGUYỄN NGỌC ẤN.

Địa chỉ: Đường 1A - Thị xã Phủ Lý - Hà Nam.
Điện thoại: (0351) 852520 - 854432 - 854461



Cung cấp giống cho nông dân gieo trồng vụ Đông Xuân 2000

Chức năng nhiệm vụ:

* Tổ chức sản xuất và cung ứng giống cây trồng các loại (cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả)
* Cung ứng vật tư kỹ thuật nông nghiệp: phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật..
* Thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Tiềm lực KHKT:

* Xây dựng được 4 HTX sản xuất lúa lai F1, 6 HTX sản xuất giống thuần.
* 01 trại sản xuất giống lúa diện tích 22 ha ở Đồng Văn.
* 03 trại sản xuất giống rau màu, cây ăn quả 18 ha.
* 01 trạm cung ứng vật tư nông nghiệp.

Với phương châm: chất lượng, uy tín, hiệu quả, công ty sẵn sàng làm hài lòng quý khách.

CÔNG TY ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NỘI

ĐỊA CHỈ: PHÚ DIỄN - TỪ LIÊM - HÀ NỘI
ĐT: (04) 8341517



Giám đốc :
KS. VŨ KHẮC KHÔI

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Chế biến lương thực, thực phẩm.
- Sản xuất bao bì carton và bao bì nhựa.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi thuộc nhóm B

TIỀM LỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT:

Tổng số CBCNV: 524 người. Bộ máy quản lý 32 người trong đó 21 người trình độ đại học và 14 trung cấp.

- Công ty có 11 xí nghiệp thành viên.
- Dây chuyền sản xuất carton và bao bì nhựa theo công nghệ Đài Loan với thiết bị tiên tiến nhất hiện nay ở Việt Nam(khổ 1,65 m: 100m/ phút , 5 lớp 80 m/phút) .



Dây chuyền sản xuất bao bì Carton

Công ty có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại đáp ứng thi công các công trình lớn nhỏ, có chất lượng cao.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Năm 1990 Công ty được tặng thưởng Huân chương Lao Động hạng III.
- Là một đơn vị khá giỏi của ngành Nông nghiệp Hà Nội.
- * Doanh thu trung bình hàng năm từ 35 - 40 tỷ .
- Hàng năm Công ty luôn hoàn thành kế hoạch Nhà nước.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Tập trung hiện đại hóa dây chuyền sản xuất bao bì carton và bao bì nhựa, tiếp tục hoàn thiện với thiết bị hiện đại nhất. Đầu tư thêm các máy móc thiết bị chuyên dùng cho công tác xây dựng các công trình.



Thi công xây dựng nhà kho dự trữ lương thực quốc gia.

CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Phường Bắc Lý - TX. Đồng Hới - Quảng Bình.
ĐT: (052) 822156 - 822245 Fax: (052) 824330
Giám đốc: KS. TRẦN VĂN TUẤN.

Chức năng nhiệm vụ:

+ Nghiên cứu khảo nghiệm khu vực hóa, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật giống cây trồng vào sản xuất.

+ Sản xuất giống gốc, giống nguyên chủng, giống xác nhận thuộc các đối tượng: Cây lương thực, cây thực phẩm, cây ăn quả, cây công nghiệp bao gồm hạt giống và hom giống.

+ Sưu tập và bảo quản nguồn thực phẩm, các loại giống cây trồng cần thiết để bảo tồn quỹ gen và nhân giống.

+ Tổ chức kinh doanh giống cây trồng các loại phục vụ cho sản xuất .

+ Dự trữ giống dự phòng thiên tai (chủ yếu giống cây lương thực).

+ Tổ chức kinh doanh thêm các mặt hàng phục vụ cho công tác nghiên cứu, sản xuất và thu mua giống cây trồng; bao gồm: Vật tư, phân bón, lương thực.



Nhà máy chế biến hạt giống Quảng Bình



Phân xưởng chế biến hạt giống Quảng Bình

Tiềm lực KHKT:

- Có dây chuyền công nghệ chế biến hạt giống với thiết bị và công nghệ hiện đại tầm cỡ quốc tế do Đan Mạch tài trợ gồm 01 nhà máy trung tâm công suất 1.500 tấn/năm đến 3.000 tấn/năm và 03 nhà máy cơ sở .
- Có 01 phòng kiểm nghiệm chất lượng giống đạt tiêu chuẩn quốc gia.
- Công ty có 03 trại và 02 trạm với đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật, cùng với đội ngũ cán bộ được đào tạo có đủ điều kiện sản xuất hạt giống tốt.

Những thành tích đạt được:

- Sản xuất và cung ứng hàng năm của công ty là: 1.300 - 1.500 tấn giống lúa, 80 - 100 tấn giống ngô lai, 120 - 150 tấn giống lạc và giống rau màu các loại khác.
- Công tác khảo nghiệm đã tìm ra nhiều giống mới tốt tăng năng suất sản lượng 10 - 15%, giảm sâu bệnh, nâng cao chất lượng nông sản.
- 10 năm liên tục (1989 - 1999) đơn vị luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3, cờ và nhiều bằng khen khác.

Định hướng phát triển:

- Đưa nhà máy chế biến hạt giống chất lượng cao vào hoạt động cuối năm 2000 để phục vụ sản xuất. Năm 2000 là 1.300 tấn, năm 2001 là 1.500 tấn, năm 2002 là 1.800 tấn.
- Mở rộng các đối tượng cây trồng và tăng lượng giống phục vụ ra các tỉnh lân cận.
- Tiếp thu nhanh các tiến bộ kỹ thuật đặc biệt là công nghệ sinh học, trước mắt chủ động sản xuất và cung ứng hạt giống lúa lai.

Công ty giống cây trồng Quảng Bình mong muốn và hân hạnh được phục vụ tới tất cả các bà con nông dân, các tổ chức, đơn vị trên mọi miền tổ quốc.

TỐT GIỐNG
BỘI THU

CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG TỈNH NGHỆ AN

NGHE AN SEED COMPANY

Trụ sở : 398 Đường Nguyễn Trãi - Thành phố Vinh
Điện thoại : 038 851600 - 852026
FAX : (038) 851759



Giám đốc: VŨ QUỐC KHANH

*Chức năng hoạt động: Sản xuất kinh doanh các loại hạt giống cây trồng nông nghiệp.

* Xuất khẩu: Hạt giống, nông sản.

* Nhập khẩu: Hạt giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, hàng hóa tiêu dùng thiết yếu.

✓ Là thành viên của Trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam.

✓ Là thành viên của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.

Công ty đã cung ứng kịp thời và đầy đủ các loại hạt giống đặc biệt các giống lúa lai tăng năng suất, giữ vững sự bình ổn trong sản xuất kinh doanh, góp phần ổn định đời sống nhân dân.

*Qua những thành tựu trên Cty được tặng thưởng:

Huân chương lao động hạng 3.

Giải thưởng chất lượng Việt Nam 1999.

*Với Phương châm hoạt động:

Uy tín, chất lượng, hiệu quả.

Công ty giống cây trồng Nghệ An sẵn sàng liên doanh liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các loại hạt giống cây trồng nông nghiệp và hợp tác kinh doanh xuất nhập khẩu.

XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP
ĐIỆN BIÊN - LAI CHÂU

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN MƯỜNG THANH – THỊ XÃ ĐIỆN BIÊN
ĐT: (023) 825142 – 826435



Giám đốc : **NGUYỄN VĂN LỰC**



Trụ sở công ty

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Là một doanh nghiệp Nhà nước

- Dịch vụ cơ khí cày bừa làm đất
- Sửa chữa bảo dưỡng ôtô máy kéo
- Dịch vụ phụ tùng cơ khí nhỏ
- Khai hoang, cải tạo thi công đường giao thông nông thôn
- Chế biến nông sản và thức ăn gia súc

TIỀM LỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT:

Tổng số 50 CBCNV, 03 phòng ban nghiệp vụ, 01 xưởng chế biến nông sản và thức ăn gia súc, 01 xưởng sửa chữa bảo dưỡng ôtô máy kéo và máy chuyên dùng, 01 đội thi công cơ giới; 01 đội cày bừa, vận tải.

Công ty có đầy đủ máy chuyên dùng thi công các công trình giao thông nông thôn. Ngoài ra còn có dây chuyền công nghệ chế biến gạo chất lượng cao và thức ăn gia súc của Nhật Bản.

Doanh thu 1998: 1 tỷ 170 triệu, 1999: 2 tỷ 828 triệu, 6 tháng năm 2000: 1,710 tỷ.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

Từ 1990 – 1996 luôn dẫn đầu phong trào thi đua, được tặng cờ tiên tiến xuất sắc của Tỉnh. Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3 năm 1995, đơn vị Anh hùng năm 1999.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY XÂY DỰNG DỊCH VỤ & HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT OVERSEAS LABOUR EMPLOYMENT, SERVICES & CONSTRUCTION CORPORATION

ĐỊA CHỈ : KM 10 - QUỐC LỘ 1A - TEL : 8616472 - FAX : 84-4-8611334



Giám đốc: HỒ QUANG DIÊN

CHỨC NĂNG :

- **Xây dựng :**

+ Tất cả các công trình thủy lợi, dân dụng, giao thông...

- **Dịch vụ :**

+ Xuất nhập khẩu thiết bị vật tư xây dựng.
+ Dịch vụ nhà cửa, khách sạn
+ Kinh doanh xăng dầu
+ Được phép ký các hợp đồng xuất khẩu lao động.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, vượt qua mọi khó khăn. Mục tiêu chính của OLECO không ngừng duy trì thị trường truyền thống và khai thác mở rộng các thị trường mới nhằm thúc đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động tạo nguồn ngoại tệ cho ngân sách Quốc gia.

TIỀM LỰC KHKT :

- Phó tiến sĩ : 01, trên đại học : 03, kỹ sư : 80
- Có 4 xí nghiệp trực thuộc (1 đã cổ phần)
  - XN Hợp tác Lao động
  - XN Cơ giới 4
  - XN Xây lắp I
  - XN Đá Gia Thịnh (đã cổ phần)

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Xây dựng các công trình lớn : Trạm bơm An Sơn (Hà Tây), Cống Kênh Than (Thanh Hóa), Hồ Đầm Bái (Hòa Bình), Cảng Thị Vải (Vũng Tàu), Hồ Pa Khoang (Lai Châu), sửa chữa Kênh Tiên Năng, Đập Thác Huống (Thái Nguyên), Kè Thị xã Lào Cai (Lào Cai), Trạm bơm Bối Khê (Hà Tây), sửa chữa Hồ Khả (tỉnh Hòa Bình).
- Đã thực hiện đưa 2.000 lao động đi lao động Hàn Quốc.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN :

- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động có nghề.
  Mở rộng sang các nước như : Hàn Quốc, Đài Loan, Iran, Tây Bắc Á.
  Dự kiến giá trị sản lượng lãi thu về đạt tới 20 tỷ/ năm.
- Tăng cường thêm các trang thiết bị hiện đại đáp ứng các yêu cầu của các công trình xây dựng.
- Đào tạo chiều sâu năng lực của cán bộ quản lý và thợ bậc cao.



Đập tràn Thác Huống



Sang Nam Electronic Co., nơi tiếp nhận 30 nữ TNS OLECO

CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Phường Bắc Lý - TX. Đồng Hới - Quảng Bình.
ĐT: (052) 822156 - 822245 Fax: (052) 824330
Giám đốc: KS. TRẦN VĂN TUẤN.

Chức năng nhiệm vụ:

+ Nghiên cứu khảo nghiệm khu vực hóa, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật giống cây trồng vào sản xuất.

+ Sản xuất giống gốc, giống nguyên chủng, giống xác nhận thuộc các đối tượng: Cây lương thực, cây thực phẩm, cây ăn quả, cây công nghiệp bao gồm hạt giống và hom giống.

+ Sưu tập và bảo quản nguồn thực phẩm, các loại giống cây trồng cần thiết để bảo tồn quỹ gen và nhân giống.

+ Tổ chức kinh doanh giống cây trồng các loại phục vụ cho sản xuất .

+ Dự trữ giống dự phòng thiên tai (chủ yếu giống cây lương thực).

+ Tổ chức kinh doanh thêm các mặt hàng phục vụ cho công tác nghiên cứu, sản xuất và thu mua giống cây trồng; bao gồm: Vật tư, phân bón, lương thực.



Nhà máy chế biến hạt giống Quảng Bình



Phân xưởng chế biến hạt giống Quảng Bình

Tiềm lực KHKT:

- Có dây chuyền công nghệ chế biến hạt giống với thiết bị và công nghệ hiện đại tầm cỡ quốc tế do Đan Mạch tài trợ gồm 01 nhà máy trung tâm công suất 1.500 tấn/năm đến 3.000 tấn/năm và 03 nhà máy cơ sở .
- Có 01 phòng kiểm nghiệm chất lượng giống đạt tiêu chuẩn quốc gia.
- Công ty có 03 trại và 02 trạm với đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật, cùng với đội ngũ cán bộ được đào tạo có đủ điều kiện sản xuất hạt giống tốt.

Những thành tích đạt được:

- Sản xuất và cung ứng hàng năm của công ty là: 1.300 - 1.500 tấn giống lúa, 80 - 100 tấn giống ngô lai, 120 - 150 tấn giống lạc và giống rau màu các loại khác.
- Công tác khảo nghiệm đã tìm ra nhiều giống mới tốt tăng năng suất sản lượng 10 - 15%, giảm sâu bệnh, nâng cao chất lượng nông sản.
- 10 năm liên tục (1989 - 1999) đơn vị luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3, cờ và nhiều bằng khen khác.

Định hướng phát triển:

- Đưa nhà máy chế biến hạt giống chất lượng cao vào hoạt động cuối năm 2000 để phục vụ sản xuất. Năm 2000 là 1.300 tấn, năm 2001 là 1.500 tấn, năm 2002 là 1.800 tấn.
- Mở rộng các đối tượng cây trồng và tăng lượng giống phục vụ ra các tỉnh lân cận.
- Tiếp thu nhanh các tiến bộ kỹ thuật đặc biệt là công nghệ sinh học, trước mắt chủ động sản xuất và cung ứng hạt giống lúa lai.

Công ty giống cây trồng Quảng Bình mong muốn và hân hạnh được phục vụ tới tất cả các bà con nông dân, các tổ chức, đơn vị trên mọi miền tổ quốc.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY LỢI

CÔNG TY THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP

(AGRICULTURAL EQUIPMENT AND SPARE - PARTS COMPANY)

AGROMEXCO

OFFICE : No 102 - TRƯỜNG CHINH STREET - HÀ NỘI - VIỆT NAM
Tel: (0084-04) 8693881 - 8521201 - 8523874 - Fax: (0084-4) 8523682

AGROMEXCO là DNNN - Đã có 35 năm kinh nghiệm trong ngành cơ điện nông nghiệp

MẶT HÀNG KINH DOANH CHỦ YẾU:

- Máy ủi, máy xúc, máy lu - Nga, Nhật, Trung Quốc
- Máy kéo 35,45,50 mã lực - Ấn Độ
- Máy cày tay và động cơ diesel từ 10 đến 24 mã lực - Trung Quốc
- Săm lốp máy kéo công nông, tuốt lúa, xe thồ nhãn hiệu Vạn Hòa do công ty sản xuất.
- Săm lốp máy kéo lớn - SNG
- Các loại máy canh tác: cày, bừa, phay đất, bơm nước,...
- Phụ tùng máy ủi, máy kéo, máy nông nghiệp các loại.
- Van các loại dùng trong các nhà máy công nghiệp sản xuất, chế tạo, chế biến theo công nghệ Italia liên doanh chế tạo tại Trung Quốc.
- Máy kéo MTZ80, MTZ82 Belarus
- Máy kéo từ 16 đến 30 mã lực - Nhật
- Động cơ D243, D245, D65-SNG
- Xích DT75, T130, DZ171 - SNG.

AGROMEXCO là doanh nghiệp XNK trực tiếp sản phẩm cơ khí, nông lâm sản, vật tư phục vụ cho thủy lợi, chế biến nông lâm sản, thức ăn chăn nuôi...

Cung cấp máy có hướng dẫn kỹ thuật, bảo hành miễn phí - Cung cấp phụ tùng và các dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy, vận chuyển đến người sử dụng.

AGROMEXCO có đội ngũ cán bộ kinh doanh quản lý và đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề, luôn làm hài lòng quý khách.



Giám đốc : KS. NGUYỄN BÁ ANH



Máy kéo VALMET do Phần Lan chế tạo có công suất từ 70 mã lực trở lên.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC CÔNG TY

1. **Chi nhánh công ty tại TP. HCM:** Số 20/10 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Phước - Q. Thủ Đức - TP. HCM.
   ĐT: (08) 8970717 Fax: (08) 8970718
2. **Chi nhánh công ty tại Daklak:** Số 9 Hùng Vương - TP. Buôn Mê Thuột - Daklak.
   ĐT: (050) 851396
3. **Chi nhánh công ty tại Ninh Bình:** QL 1A - Phía Nam thị xã Ninh Bình.
   ĐT: (030) 869294 - (030) 871380
4. **Chi nhánh công ty tại Hải Phòng:** Đường Lê Thánh Tông, P. Máy Chai - Q. Ngô Quyền - TP. Hải Phòng.
   ĐT: (031) 837336
5. **Xí nghiệp cao su và cơ điện nông nghiệp:** (sản xuất lốp Vạn Hòa) - Xuân Mai - H. Lương Sơn - Hà Tây.
   ĐT: (034) 840116
6. **Xí nghiệp cơ khí và dịch vụ:** 115A - Đường 70 - Thị trấn Văn Điển - Thanh Trì - Hà Nội
   ĐT: (04) 8615448
7. **Trung tâm dịch vụ cơ điện nông nghiệp:** Km 12 - QL 1A - Văn Điển - Thanh Trì - Hà Nội
   ĐT: (04) 8612007
8. **Tổng kho thiết bị phụ tùng:** Km 12 - QL 1A - Văn Điển - Thanh Trì - Hà Nội
   ĐT: (04) 8615420



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ THUỶ LỢI
CÔNG TY CHẾ TẠO VÀ SỬA CHỮA THIẾT BỊ THỦY LỢI

ĐC: KM 10 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI (HÀ NỘI – HÀ ĐÔNG)
ĐT: 8544422 – 8544961
GIÁM ĐỐC : **PHẠM ĐỨC SÙNG**

CÔNG TY CHẾ TẠO VÀ SỬA CHỮA THIẾT BỊ THỦY LỢI chuyên sản xuất các loại: Máy bơm phục vụ thủy lợi, thiết bị cơ khí cửa cống, cửa van, tời quay tay, chạy điện; các loại máy đóng mở; ống thép chịu áp lực; cầu trục và sửa chữa các kết cấu thép phi tiêu chuẩn; lắp đặt và sửa chữa các trạm bơm điện cỡ lớn của thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và cơ khí trong ngoài ngành của nền kinh tế quốc dân.

Với bề dày hơn 30 năm xây dựng và phát triển, cùng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề được trang bị các thiết bị hiện đại chính xác, công nghệ tiên tiến như: Phun kim loại, tôi tần số, cắt Plasma, hàn tự động, bọc composit và các máy gia công cơ khí có độ chính xác cao.

Công ty có nhiều năm kinh nghiệm về chế tạo máy bơm sửa chữa phục hồi, lắp ráp thiết bị cơ khí và điện cho nông nghiệp thủy lợi đặc biệt là đại tu các trạm bơm điện lớn; chế tạo cửa van hình cung, cửa van phẳng, cầu trục chạy điện lớn, tủ, bảng điện, lắp ráp điện.

Sản phẩm của Công ty sản xuất ra được cấp dấu chất lượng Nhà nước và được Bộ tặng chứng chỉ công trình chất lượng cao.

Trong Hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam 2000 các sản phẩm máy bơm của công ty đã đạt được 2 Huy chương Vàng và 1 Huy chương Bạc (máy bơm HTD3670-4,2TL; máy bơm HL700-7TL; Máy bơm HTD1200-3TL).

Công ty luôn bám sát nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp – thủy lợi, hệ thống cấp nước sạch nông thôn, sản xuất các thiết bị chế biến lương thực, thiết bị phục vụ cho các nhà máy đường.v.v...

Sản phẩm của công ty đã nhiều năm phục vụ công tác cơ khí và điện ngành thủy lợi. Rất mong khách hàng đến với chúng tôi.



Cửa cống Kim Sơn Ninh Bình

CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Sản xuất máy bơm điện phục vụ nông nghiệp các loại từ 250m³/h – 4.000m³/h gồm trục đứng, trục ngang và hỗn lưu.
- Chế tạo phụ tùng sửa chữa phục hồi các máy bơm điện lớn: 800m³/h – 32.000m³/h.
- Sản xuất các loại máy bơm chân không: BCK-200-685, BCK-29-510, BCK-220-680.
- Chế tạo cầu trục quay tay, chạy điện từ 3 tấn – 20 tấn.
- Chế tạo các máy đóng mở cửa van quay tay và chạy điện: V_1 – VD_{30}.
- Các loại tời quay tay, chạy điện từ 3 – 10 tấn, máy thả phai 5 – 10 tấn.
- Cửa van phẳng, cửa van cung các loại.
- Đường ống chịu áp lực các loại từ Φ200 - Φ1200.
- Tủ điện hạ thế các loại.

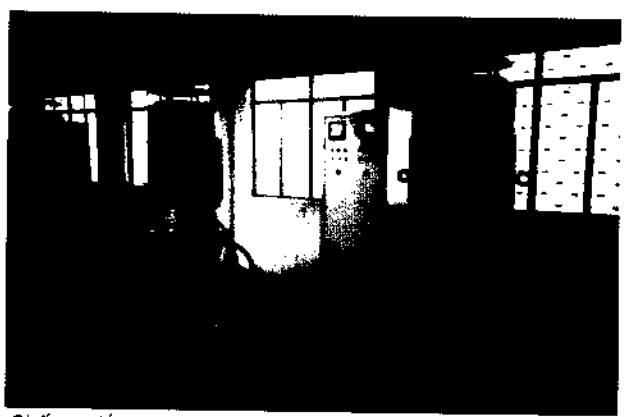

Chế tạo lắp đặt máy bơm - 4.000m³/h



Cánh hướng dòng MB : 04 - 87 - 11.000 m³/h

CÔNG TY CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY LỢI 18

ĐỊA CHỈ: KM 2 ĐƯỜNG NINH BÌNH – THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
ĐIỆN THOẠI: (0350) 848383



Giám đốc: **TÔ XUÂN LẠC**

Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi 18 thuộc Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi chuyên sản xuất, sửa chữa cơ – điện phục vụ nông nghiệp và thủy lợi. Xây lắp trạm biến áp, trạm bơm điện, đường dây tải điện cao hạ thế. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, xây dựng kè cống, làm đường giao thông nông thôn.

Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi 18 với hơn 30 năm xây dựng và phát triển từ chỗ chỉ chuyên ngành cơ điện phục vụ nông nghiệp thủy lợi đã năng động sáng tạo phát huy nội lực nay đã mở rộng ngành nghề xây dựng hạ tầng và PTNT.

Công ty đã hoàn thành nhiều hạng mục công trình đa dạng có chất lượng cao trên toàn miền Bắc, đã xây dựng hàng chục trạm bơm 1.000 – 8.000 m^3/h ví dụ: Trạm bơm Gia Viễn-Ninh Bình; Trạm bơm Quế Kim Bảng-Hà Nam. Xây dựng hàng trăm trạm biến áp từ 30 – 2.000 KVA cùng đường dây dẫn cao hạ thế như trạm biến áp 2.500 KVA Gia Viễn (Ninh Bình) 10 km đường điện cao thế Fù Cầm (Hà Bắc), chế tạo cánh van hình cung của các cống Lạc Thiên II-Kim Sơn (Ninh Bình), Cống Răng I (Nam Ninh – Nam Định)... Sửa chữa trạm bơm ở Nghệ An. Hàng chục km kè biển (Hải Hậu), kiên cố hóa kênh cấp 1: 4 km (Trạm bơm Cốc Thành), trạm Hữu Bi-Nam Định.

1990-1991: Doanh thu 5 tỉ

1997-1998: Doanh thu 8 tỉ

Hiện nay: Doanh thu 14 tỉ

Hướng tới 2-3 năm tới 25 tỉ

Mở rộng thêm xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn

CÔNG TY VẬN TẢI VÀ ĐẠI LÝ VẬN TẢI

VITRACO

Trụ sở: Số 4 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội.
ĐT: (04) 8255501 - 9347326 - 8255482 - 8265970 - 8257141
Fax: (04) 8249025 - 9343651



Giám đốc: ĐOÀN THỊ YẾN

Là một doanh nghiệp nhà nước, là đơn vị thành viên của Tổng công ty xuất nhập khẩu nông sản và thực phẩm chế biến thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tên giao dịch: VITRANIMEX

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

■ **Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh**
+ Địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP. HCM
+ ĐT: (08) 8251158 9100226 Fax: (08) 8228044

■ **Trạm đại diện tại TP. Đà Nẵng.**
+ Địa chỉ: 326 Đống Đa, TP. Đà Nẵng
+ ĐT, Fax: (0511) 891422

■ **Trạm đại diện tại TP. Vinh**
+ Địa chỉ: 179 Hồng Bàng, TP. Vinh
+ ĐT: (038) 843144 Fax: (038) 833311

■ **Trạm đại diện tại Tp. Hải Phòng**
+ Địa chỉ: Quán Toan Hải Phòng
+ĐT: (031) 850169

■ **Chi nhánh tại Lạng Sơn**
+ Địa chỉ: 424 Trần Đăng Ninh, TX. Lạng Sơn
+ĐT, Fax: (025) 878526

■ **Trạm bảo dưỡng và sửa chữa ôtô**
+ Địa chỉ: Km 12+300 Quốc lộ 1,
Thanh Trì, Hà Nội.
+ ĐT: (04)8616973

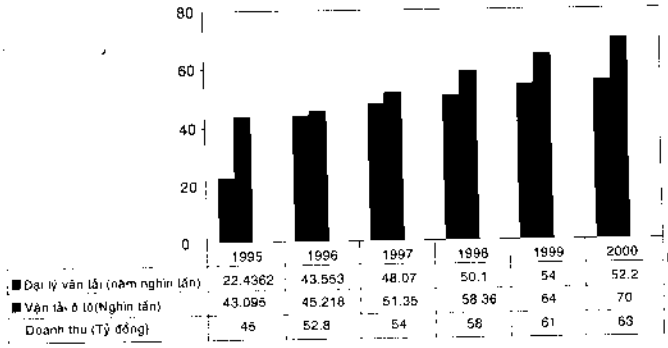

	1995	1996	1997	1998	1999	2000
Đại lý vận tải (nghìn lần)	22.4362	43.553	48.07	50.1	54	52.2
Vận tải ô tô(Nghìn tấn)	43.095	45.218	51.35	58.36	64	70
Doanh thu (Tỷ đồng)	45	52.8	54	58	61	63

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ôtô trên địa bàn cả nước.
- Kinh doanh đại lý vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ, đường sắt, đường biển và container.
- Kinh doanh thương nghiệp bán buôn, bán lẻ vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY:

• Công ty có tổng số gần 200 cán bộ công nhân viên. Trong đó 54 cán bộ có trình độ đại học và trên đại học, 38 cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp, còn lại là công nhân kỹ thuật.

• Tổng số vốn kinh doanh của công ty là 15 tỷ đồng. Công ty có các đơn vị trải khắp trên địa bàn cả nước nên thích ứng với các nhu cầu vận chuyển, kinh doanh đa dạng của khách hàng.

• Tổng trọng tải phương tiện ôtô của công ty là 1.012 tấn xe. Chủng loại phương tiện ôtô của công ty rất đa dạng từ loại tải trọng 1 tấn đến loại tải trọng 15 tấn thích hợp vận chuyển cho mọi loại hàng hóa. Công ty có xưởng sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải phục vụ cho công ty và khách hàng.

• Công ty tổ chức đại lý vận tải hàng hóa theo nhiều phương thức: Từ kho tới kho, từ ga cảng tới kho, vận chuyển phân phối bán hàng... Đại lý vận tải hàng hóa bằng nhiều loại hình phương tiện vận chuyển: ôtô, đường sắt, đường biển và container. Năng lực vận chuyển từ 250.000 350.000 tấn/năm.

• Công ty tổ chức vận chuyển hàng hóa quá cảnh của các nước qua Việt Nam đi qua nước thứ ba. Tổ chức vận chuyển và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Năng lực vận chuyển 90.000 tấn/năm.

• Công ty kinh doanh bán buôn, bán lẻ hàng hóa chủ yếu là đại lý bán phương tiện vận tải, vật tư phụ tùng, nguyên liệu sản xuất doanh số đạt trên 15 tỷ đồng/năm.

• Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp, xuất nhập khẩu ủy thác. Kim ngạch xuất khẩu 5 triệu USD/năm. Phát huy thế mạnh với các ngành hàng là nông sản và thực phẩm chế biến. Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất trong nước./



ụ sở công ty

CÔNG TY QUYẾT THẮNG ĐAKLAK

QUYET THANG DAKLAK COMPANY

ĐỊA CHỈ: KM 7 - QL 26 - P. TÂN HÒA
TP. BUÔN MA THUỘT - DAKLAK
ĐT : (050) 864047 - 865315 – Fax: (050) 866118



HỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

Khai thác, thu mua, chế biến nông - lâm sản; tinh gỗ cao su.

Trồng, chăm sóc, tu bổ rừng, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Xây dựng công trình dân dụng, nông nghiệp, giao thông, sản xuất kinh doanh VLXD, xây dựng thủy lợi vừa và nhỏ.

Kinh doanh thương mại, nhà hàng và du lịch.

CÔNG TY GIỐNG VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

ĐỊA CHỈ: QL 53, ẤP BẾN CÓ, NGUYỆT HÓA, CHÂU THÀNH,TRÀ VINH
ĐT: (074) 842032 - 842074

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

A- Hoạt động công ích:

- Nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp, giống gia súc gia cầm, cá nước ngọt.
- Sản xuất tinh và truyền tinh nhân tạo cho gia súc, sản xuất và chế biến các loại nấm.

B- Hoạt động kinh doanh

- Kinh doanh hàng nông sản thực phẩm
- Nhập khẩu giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp.

TIỀM LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ:

A- Tổ chức lực lượng:

- 47 CBCNV: 3 phòng ban nghiệp vụ
  05 trại giống các loại phục vụ phát triển nông nghiệp

B- Khả năng cung ứng dịch vụ và giá trị xuất nhập khẩu.

- Cây ăn quả: 300.000 – 350.000 cây/năm.
- Giống lúa các loại: trên 15.000 tấn/năm
- Giống vật nuôi: Heo giống: 8.500 con/năm
- Gia súc gia cầm khác đáp ứng 30% chương trình cải tạo giống.
- Sản xuất và cung ứng thức ăn gia súc: trên 6.000 tấn/năm.
- Phân bón: trên 5.000 tấn/năm.
- Thuốc bảo vệ thực vật: 37 tấn/năm.



Giám đốc

KS. HOÀNG HUY TOÀN

XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP GIA LÂM

ĐỊA CHỈ: KIÊU KỴ - GIA LÂM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: (04) 8276449

Chức năng nhiệm vụ :

- Sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, thủy đặc sản
- Dịch vụ sản xuất nông nghiệp - Nấm xuất khẩu.

Tiềm lực KHKT :

- Cán bộ công nhân viên 102 người. Kỹ sư 9 người. Trung cấp 17 người. Còn lại công nhân.
- Cơ cấu tổ chức trên là phòng tổng hợp, dưới là 4 đội sản xuất và 5 phân xưởng sản xuất.
- Doanh thu : 1998 : 1,114 tỉ nộp ngân sách 68 triệu.
  1999 : 1,128 tỉ nộp ngân sách 74 triệu.
  2000 : 1,4 tỉ nộp ngân sách 82 triệu.

Những thành tích đạt được :

- Được bằng khen của Bộ.
- Cơ sở đạt 5 năm vững mạnh.

Định hướng phát triển :

Hình thành khu nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch sinh thái.

CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ NỘI

Địa chỉ Trụ sở chính : 1154 Đường Láng - Quận Đống Đa - Hà Nội.
Điện thoại : (04) 7663.241 - 8342.933 Fax : (04) 7661.565

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN :

a.Xí nghiệp Giống cây trồng Toàn Thắng
Địa chỉ : Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm
Điện thoại : (04) 8276.601 - 8276.600

b. Trại Giống cây trồng Yên Khê
Địa chỉ: X ã Yên Thường, Huyện Gia Lâm
Điện thoại : (04) 8780.124

c. Trại Giống lúa Phú Mỹ
Địa chỉ :Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm
Điện thoại:(04) 8371.961



Giám đốc
KS. NGÔ VĂN DIÊN

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

- Sản xuất - kinh doanh giống lúa, giống rau màu, giống cây ăn quả, hoa cây cảnh...
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng và công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp.
- Kinh doanh dịch vụ vật tư, thiết bị phụ tùng máy nông lâm nghiệp và hàng tiêu dùng, sản xuất - kinh doanh chế biến nông sản.
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản.

CÔNG TY ĐẦU TƯ KHAI THÁC HỒ TÂY

(DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HẠNG MỘT)

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

✪ Quản lý toàn bộ diện tích Hồ Tây - Hồ Trúc Bạch.

✪ Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên môi trường vùng hồ.

✪ Khai thác tiềm năng của hồ để đầu tư phát triển các dịch vụ: Du lịch, văn hóa, thể thao và vui chơi giải trí. Thi công xây dựng công trình kỹ thuật, công trình công cộng...

Công ty trân trọng kính mời các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đến đầu tư phát triển khu vực Hồ Tây theo hướng phát triển và quy hoạch đã được UBND Thành phố Hà Nội và Chính phủ phê duyệt.

ĐỊA CHỈ: 614 ĐƯỜNG LẠC LONG QUÂN - NHẬT TÂN - TÂY HỒ - HÀ NỘI
ĐT: (84.4) 7534659 - 8364054/Fax: (84.4) 8364054
Email: nguyenhai@hn.vnn.vn
***Giám đốc* : NGUYỄN VĂN HẢI**



Khu Hồ Tây phục vụ cho du lịch, giải trí



CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG NÔNG LÂM NGHIỆP HÀ NỘI

ĐỊA CHỈ: 1004 ĐƯỜNG LÁNG THƯỢNG - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI
ĐT: (04) 7664950 Fax: 8348449
***Giám đốc* : NGUYỄN CÔNG TỤNG**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

1 - Thu mua, chế biến, kinh doanh các mặt hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ để tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

2- Sản xuất, kinh doanh cây giống, cây ăn quả, cây bóng mát, hoa, cây cảnh để phục vụ môi sinh, môi trường và xuất khẩu, quy hoạch thiết kế trồng rừng, công viên, lâm viên.

- Sản xuất và kinh doanh vật tư phân bón, tư liệu sản xuất mặt hàng tiêu dùng, hàng công nghiệp thực phẩm.
- Kinh doanh hàng điện tử, vật liệu xây dựng, ô tô, xe máy, nhà hàng , khách sạn, dịch vụ và du lịch.
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình điện.
- Tư vấn, xây dựng các dự án về lâm nghiệp, môi sinh , môi trường và liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ của Công ty.
- Chế biến gỗ xuất khẩu sang thị trường các nước Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc.
- Sản xuất than hoạt tính theo công nghệ của Nhật Bản từ tre, nứa, luồng.
- Hàng năm kim ngạch xuất khẩu đạt 6,5 triệu USD.
- Doanh thu ước khoảng 120 tỷ đồng.
- Có 8 xí nghiệp thành viên và 2 chi nhánh đặt tại Lạng Sơn và TP Hồ Chí Minh
- Công ty là chủ dự án " Vườn thực vật Hà Nội " có tổng giá trị 23 tỷ đồng.



CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG HẢI DƯƠNG



Địa chỉ: TT. Lai Cách - Huyện Cẩm Giàng - Tỉnh Hải Dương.
Điện thoại: (0320) 786465 - DĐ: 091256079

Giám đốc:
KS. PHAN VĂN BỘC

- *Công ty được thành lập ngày 17-11-1960 của UBND tỉnh Hải Dương.*
- *Ngành nghề kinh doanh : sản xuất kinh doanh giống lúa các loại.*
- *Tổ chức thu mua, cung ứng giống. Hợp tác đầu tư với các tổ chức cá nhân trong ngoài nước về sản xuất kinh doanh giống cây trồng*

TIỀM LỰC KHKT:

- Có một phòng thí nghiệm phục vụ cho sản xuất kinh doanh giống lúa các loại, hệ thống kho tàng đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.
- Công ty đầu tư cho hệ thống mương máng: Xi măng hóa toàn bộ 3 km kênh mương bằng vốn tự có phục vụ cho sản xuất giống lúa.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba và hạng Nhì, nhiều bằng khen, cờ luân lưu, giải bạc Quốc gia

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Xí nghiệp đầu tư đổi mới cơ cấu giống, nâng cao năng suất và chất lượng gạo ngon
- Không ngừng đầu tư cho CBCNV đi học để nâng cao nghiệp vụ về KHKT.
- Mở rộng thị trường, tạo uy tín với khách hàng.



Công ty giống cây trồng Hải Dương

TRUNG TÂM GIỐNG CÂY TRỒNG HƯNG YÊN



Giám đốc: KS BÙI QUANG TIỂN

Địa chỉ: Trương Xá - Kim Động - Hưng Yên
Điện thoại: (0321) 811329

Chức năng nhiệm vụ:

- **Sản xuất giống lúa thuần; giống lúa siêu chủng, nguyên chủng và giống xác nhận.**
- **Nhân các giống cây trồng khác.**
- **Hướng dẫn, áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng, chăm sóc các loại giống cây trồng cho nhân dân trong tỉnh.**



Định hướng phát triển:

- **Đến 2002 tự túc sản xuất giống lúa siêu. Năm 2003 tự túc hoàn toàn giống lúa siêu của tỉnh; đến 2005 phối hợp dự án của tỉnh cung cấp 50 - 70% giống cho nhân dân**
- **Tạo các vệ tinh sản xuất cung cấp giống cây rau màu.**

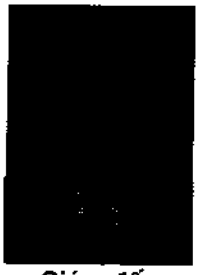

CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN KIÊN GIANG

Địa chỉ: 516 Ngô Quyền - Rạch Giá - Kiên Giang
Điện thoại: (077) 811564 **Fax:** 810769
Email: ttnkg@hcm.vnn.vn

Giám đốc
LÊ HỒNG HÀ

GIỚI THIỆU CHUNG:

- Công ty Cấp Thoát Nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Kiên Giang là một doanh Nhà nước hoạt động công ích, được thành lập theo Quyết định số 2097/QĐ-UB, ngày 23/10/2000 của UBND tỉnh Kiên Giang.
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số 112865 do sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/11/2000.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

❖ Thi công, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường nông thôn.
❖ Sản xuất, cung ứng vật tư thiết bị ngành nước và vệ sinh môi trường nông thôn.
❖ Quản lý, khai thác, vận hành, bảo dưỡng các trạm, hệ cấp nước nông thôn.
❖ Tư vấn kỹ thuật, lập dự án thiết kế các công trình chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường nông thôn.
❖ Chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và xử lý môi trường.
❖ Dịch vụ phân tích kiểm nghiệm chất lượng nước sinh hoạt, nước thải.

VỐN ĐIỀU LỆ: 10.191.728.000 đồng
(Mười tỷ một trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng)

NGOÀI RA CÔNG TY CÒN CÓ NHIỆM VỤ:

✦ Chủ đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do ngân sách Nhà nước đầu tư, vốn tài trợ, vốn vay của các tổ chức trong và ngoài nước.
✦ Tiếp nhận các nguồn vốn, vật tư, kỹ thuật tài trợ của UNICEF và Quốc tế để triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
✦ Vận động tuyên truyền, huấn luyện, đào tạo nghiệp vụ kỹ thuật cho nhân dân nông thôn tham gia hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

CÔNG TY CHÍNH THỨC ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG: 01/01/2001

Công ty chúng tôi luôn sẵn sàng hợp tác với các thành phần kinh tế, các tổ chức trong và ngoài nước nhằm nâng cao kỹ thuật, đổi mới công nghệ về lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường nông thôn. Sẵn sàng nhận hợp đồng chuyển giao công nghệ và tham gia đấu thầu thi công các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường theo yêu cầu của quý khách hàng./

TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG LÂM NGHIỆP - VƯỜN THỰC VẬT KIÊN GIANG

ĐC: 731 NGUYỄN TRUNG TRỰC - KHU PHỐ 2 - P. AN HÒA - RẠCH GIÁ - T. KIÊN GIANG
ĐT: (077) 812553 - 812561 FAX : (077) 812553

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, thực nghiệm khoa học các giống cây con trong ngành Nông - Lâm Nghiệp.
- Chọn lọc, sản xuất và cung ứng các loại giống : Lúa, cây ăn trái, cây lâm nghiệp, cây đô thị, giống Gia súc - gia cầm, và giống các loại thủy sản nước ngọt phục vụ xây dựng và phát triển từng vùng ở nông thôn theo mô hình Nông - Lâm - Ngư, hoặc Nông - Ngư kết hợp...
- Hàng năm, Trung tâm có khả năng sản xuất và cung ứng 1.000 tấn lúa giống cây nguyên chủng và xác nhận, 40.000 - 50.000 cây ăn trái giống các loại, 2.000 - 3.000 con heo giống có tỷ lệ nạc cao, 500.000 - 1.000.000 cây giống lâm nghiệp các loại.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

✓ Chuyển đổi cơ cấu giống lúa trong Tỉnh theo hướng sản xuất lúa xuất khẩu.
✓ Nâng cao chất lượng đàn heo trong Tỉnh theo hướng nạc và thích nghi cao.
✓ Cung ứng giống cá đồng như cá sặc rằn đại trà cho nông dân sản xuất mô hình lúa - cá.
✓ Cung ứng giống cây ăn trái thích nghi theo vùng sinh thái, đồng thời đáp ứng thị trường tiêu thụ.

CÔNG TY KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

VIET NAM FUMIGATION COMPANY (V.F.C)

Địa chỉ : 29 Tôn Đức Thắng - Q. 1 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT : (84-8) 8225069 - 8251774 - 8251910 - 9100596 Fax : (84-8)8299517- 9100595
Email : V.F.C-Son@htco.com.vn - VIC-nbachtuyet@hcm.vnn.vn

CHỨC NĂNG KINH DOANH :

- Khử trùng hàng hóa nông lâm sản cho xuất nhập khẩu trên tàu, trong container, nhà kho...
- Khử trùng đất cho nông trang trại.
- Trừ mối các loại
- Kiểm soát dịch hại côn trùng cho tàu, dàn khoan, cao ốc văn phòng, nhà máy, xí nghiệp, khu chế xuất.
- Kinh doanh thuốc khử trùng và bảo vệ thực vật
- Dịch vụ giám định hàng hóa

CHI NHÁNH :

Hà Nội	: 147 Hồ Đắc Di, Đống Đa -	ĐT:(84 -4) 8511656
Đà Nẵng	: 106B Nguyễn Thị Minh Khai -	ĐT:(84 -511) 826836
Hải Phòng	: 3A Phạm Hồng Thái -	ĐT:(84 -31) 838081
Vinh	: 25 Trần Phú -	ĐT:(84-38) 845207
Quy Nhơn	: 263 Trần Hưng Đạo -	ĐT:(84 -56) 823687
Nha Trang	: 16 Hoàng Hoa Thám -	ĐT:(84 -58) 826055
Cần Thơ	: 25 - 27 Cách Mạng Tháng Tám -	ĐT:(84 -71) 823890

CÔNG TY THIẾT BỊ VẬT TƯ NÔNG SẢN

EQUIPMENT AND ACCESSORIES COMPANY FOR AGRICULTURAL PRODUCE

(EACAP)

TRỤ SỞ: Km9 – Quốc lộ 1A – Thanh Trì – Hà Nội
ĐT: 04.8614891 Fax: 04.8611387
***Giám đốc* : KS. MAI THỜI TRÍ - ĐT: 04.8611071 - Mobil: 090432550**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Công nghiệp sản xuất thiết bị máy móc
- Công nghiệp lương thực
- Thương nghiệp buôn bán lẻ
- Kinh doanh nhập khẩu lắp ráp xe gắn máy, các loại thiết bị điện lạnh.
- Thiết kế xe máy và phương tiện vận chuyển cơ giới nông thôn.

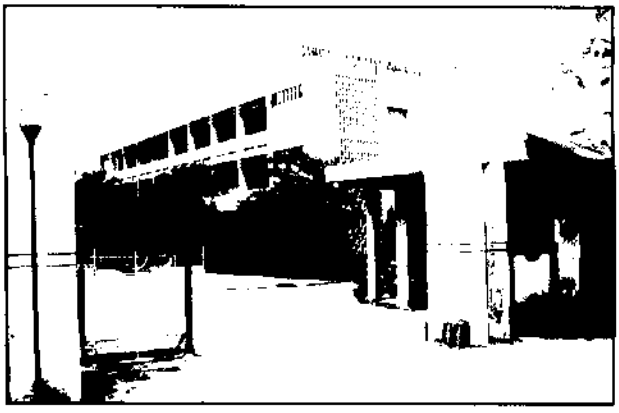

Trụ sở Công ty Thiết bị Vật tư Nông sản

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY KHAI THÁC NƯỚC NGẦM I

TRỤ SỞ GIAO DỊCH: XÃ HOÀNG LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
ĐT : 8615312 - Fax: (84.4) 8615312

Quyết định thành lập DNNN số: 134 NN-TCCB/QĐ ngày 2-3-1993 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Số đăng ký kinh doanh: 108348

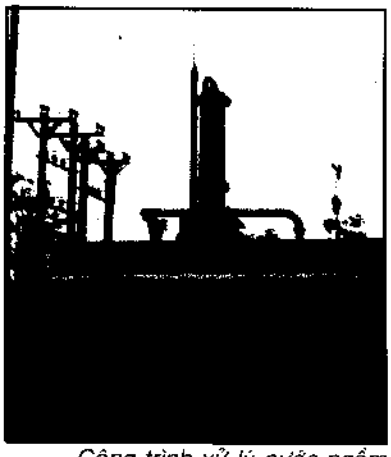

Công trình xử lý nước ngầm

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

1. Khảo sát, thiết kế các công trình khai thác nước ngầm.
2. Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm.
3. Thi công các hệ thống xử lý nước.
4. Khoan cọc nhồi, gia cố nền móng.
5. Lắp đặt máy bơm và hệ thống đường ống cấp nước.
6. Kinh doanh vật tư chuyên ngành.
7. Khoan phụt xử lý công trình thủy lợi.

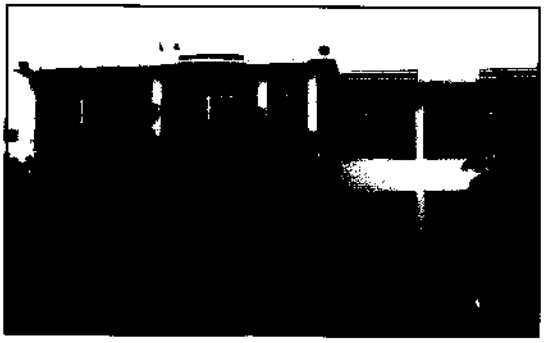

Trụ sở của Công ty

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY NƯỚC NGẦM II

GROUNDWATER COMPANY Nº2

ĐC: 37/13 Tân Kỳ - Tân Quý, P.16, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 8470019 - 8470016 - 8470560 - 090812804 - Fax : 8470015

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong lĩnh vực khoan khai thác nước ngầm ở Việt Nam. Được thành lập từ năm 1976. CÔNG TY NƯỚC NGẦM II - Bộ Nông nghiệp & PTNT đã thi công nhiều công trình trọng điểm cấp nhà nước trong chương trình nước sạch nông thôn, các nhà máy nước lớn cùng hàng loạt công trình nước theo nhu cầu xã hội... được đánh giá đảm bảo chất lượng cao, thời gian thi công nhanh, được khách hàng tín nhiệm. Các công trình cấp nước có công suất từ vài chục m^3 đến hàng chục ngàn m^3 /ngày đêm.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

Tư vấn, đầu tư xây dựng ngành nước.
Khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất.
Xử lý nước cấp, xử lý nước thải.
Xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông và thủy lợi.
Các giếng nước ngầm có độ sâu đến 600m, đường kính khoan từ 100mm - 600mm công suất khai thác từ 15m^3 - 200m^3/giờ.



Văn phòng Công ty Nước ngầm II - Bộ Nông nghiệp & PTNT

CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH

ĐỊA CHỈ: XÃ HƯNG ĐẠO, HUYỆN ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH
ĐIỆN THOẠI:(033) 870066

■ Công ty giống cây trồng Quảng Ninh với nhiệm vụ là sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng; và khảo nghiệm, nghiên cứu các loại giống cây trồng mới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trong và ngoài tỉnh.



Giống ngô lai đơn của Mỹ (P.3012)

■ Công ty đã đạt được nhiều thành tích đáng kể. Hết năm 1999, công ty đã khảo nghiệm được 322 giống lúa các loại, đưa vào sản xuất 17 giống lúa có năng suất cao góp phần làm tăng sản lượng lương thực của tỉnh và nhiều tỉnh phía Bắc. Đặc biệt, 5 giống lúa của công ty là:Q5, Khang Dân18, Kim Cương 90, Ải 32 và Lưỡng Quảng 164 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là giống lúa quốc gia.



Loại giống kim cương 90

■ Hàng năm, công ty bán ra khoảng 600 tấn thóc giống các loại và vài chục tấn ngô, rau màu các loại.

■ Ngoài ra, công ty còn tiến hành xây dựng các mô hình trình diễn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh đến học hỏi.



***Giám đốc:* PHẠM HỮU THÀNH**

➢ Sản xuất, kinh doanh giống cây lương thực, cây công nghiệp, gia súc, gia cầm, thủy sản, sản xuất cung ứng chế biến thức ăn gia súc.
➢ Thu mua nguyên liệu từ sản phẩm nông nghiệp.
➢ Hỗ trợ sản xuất, thu mua chế biến sản phẩm chè cây cao.
➢ Năm 1999 được tặng thưởng Huân chương Lao Động hạng 3.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Đào tạo đội ngũ cán bộ KHKT đưa số CBCNV có trình độ KHKT lên tới 80 người.
- Đảm bảo được 80 – 100% kế hoạch của tỉnh giao về cây giống lương thực trong tỉnh cho năng suất cao phù hợp với các điều kiện của các tiểu vùng, thỏa mãn mọi nhu cầu về số lượng, chất lượng, chủng loại, thời vụ.

CÔNG TY GIỐNG NÔNG NGHIỆP LAI CHÂU

Địa chỉ: Phường Mường Thanh – Thị xã Điện Biên
Điện thoại: (023) 824314 – 826755

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ: Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích.

➢ Sản xuất, thử nghiệm giống cây lương thực, thực phẩm nguyên chủng và giống cấp I.
➢ Sản xuất, cung ứng giống cây lương thực cho các vùng theo chính sách của tỉnh theo từng thời kỳ.
➢ Kinh doanh giống cây, giống con.



Trụ sở Công ty giống nông nghiệp Lai Châu

CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG I

TỐT GIỐNG BỘI THU

TRỤ SỞ VĂN PHÒNG : PHƯỜNG PHƯƠNG MAI - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI
Tel :8.523294 - 8.523267 - 8.521501 - Fax : 8.527996
ĐTDĐ : GĐ 090434758 - PGĐ 091221478

Công ty giống cây trồng TWI là một doanh nghiệp hà nước hoạt động công ích, được thành lập theo uyết định số 225 NN - TCCB/QĐ ngày 9/4/1993 ủa Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và CNTP - Nay là ộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Công ty gồm Văn phòng và 8 đơn vị thành viên - trại và 4 trạm) từ Quảng Nam Đà Nẵng trở ra ác tỉnh phía Bắc.

HỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.

Sản xuất , thu mua và bảo quản giống dự phòng Quốc gia.

Hàng năm, Công ty đã sản xuất và cung ứng ên 6.500 tấn giống các loại, giống Nguyên chủng, ác nhận như : Khang Dân, Q_5, DT_{10}, IR 17494, $_{70}$, ĐV108...các giống ngô lai, lúa lai, khoai tây, đậu đỗ và hạt giống rau được nông dân tín nhiệm.

- Sản phẩm của Công ty đạt 8 huy chương vàng tại Hội chợ triển lãm thành tựu khoa học kỹ thuật toàn quốc lần thứ 3.

Công ty đã được Chính phủ tặng thưởng:

- Huân chương Lao động hạng nhì.
- Huân chương Lao động hạng ba.

Cùng với nhịp độ phát triển của đất nước, Công ty đang tích cực đổi mới kỹ thuật, công nghệ sản xuất, công nghệ chế biến , bảo quản và phương thức kinh doanh nhằm tạo ra nhiều sản phẩm mới có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu người tiêu dùng.

Chúng tôi rất mong có cơ hội hợp tác trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, chế biến, bảo quản giống, chuyển giao kỹ thuật về giống cây trồng với các ngành, các cơ quan trong và ngoài nước, các địa phương và khách hàng gần xa.

EMASUCO

CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ VẬT TƯ KỸ THUẬT

TECHNOLOGICAL MATERIAL SUPPLY SERVICE & PRODUCTION COMPANY (TEMASUCO)



Giám đốc
NGUYỄN HỮU TỪ

TRỤ SỞ: SỐ 10 LÊ QUÝ ĐÔN, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TEL.: 84-4-9712728 - 84-4-9710673; FAX: 84-4-8214027

• Là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 222 NN-TCCB/QĐ ngày 09 tháng 04 năm 1993 của Bộ Nông nghiệp và CNTP (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT)

PHẠM VI KINH DOANH:

- Xuất nhập khẩu: Các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm chế biến, nguyên liệu vật tư, máy móc thiết bị công nghiệp, phương tiện vận tải, hóa chất và các sản phẩm hóa chất, kim loại, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng.
- Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh, chế biến lương thực, thực phẩm (gạo, ngô, bột mỳ, mỳ ăn liền...) sản xuất kinh doanh các loại nước uống có cồn, không cồn, thức ăn chăn nuôi, nông lâm sản, thiết bị, vật tư, phụ tùng, nguyên vật liệu ngành công nghiệp thực phẩm, kinh doanh vận tải và đại lý vận tải.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:

- **Xí nghiệp Sản xuất và Dịch vụ Vật tư Đông Anh**
  ĐC: Xã Uy Nỗ - Huyện Đông Anh - TP. Hà nội
  ĐT: (84-4) 8833295; (84-4) 8832342; Fax : (84-4) 8836161
- **Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**
  ĐC: số 11 - Xô Viết Nghệ Tĩnh - P. 7 - Q. Bình Thạnh - TP. HCM
- **Xí nghiệp Sản xuất và Dịch vụ Vật tư Hải Phòng**
  ĐC: số 2 Cù Chính Lan - Q. Hồng Bàng - TP. Hải Phòng.
  ĐT: (84-31) 842923 Fax: (84-31) 823207

CÔNG TY MONG MUỐN ĐƯỢC CỘNG TÁC VỚI TẤT CẢ CÁC TỔ CHỨC CÁ NHÂN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BẮC KẠN

Địa chỉ: Phường Đức Xuân – TX. Bắc Kạn
Điện thoại: (0281) 870164



Giám đốc: NGUYỄN VĂN VIỆT



Trụ sở Sở NN - PTNT Bắc Kạn

Tỉnh Bắc Kạn có tổng diện tích tự nhiên 479.554 ha

* ***Đất nông nghiệp:*** 25.091 ha
- Đất ruộng: 13.642 ha
- Đất trồng màu, cây công nghiệp: 11.449 ha

* ***Đất rừng:*** 235.247 ha
- Rừng tự nhiên: 224.110 ha
- Rừng trồng: 11.137 ha
- Đất đồi núi trọc và đất khác: trên 200.000 ha.

* *Những kết quả đã đạt được năm 2000:*

Tốc độ tăng trưởng của ngành đạt 4,5%/năm

+ Nông nghiệp: Lương thực đạt 93.000 tấn, chăn nuôi tăng 1,5 lần so với năm 1997
+ Lâm nghiệp: Trồng thêm 6.000 ha rừng
+ Thủy lợi: Đầu tư trên 23,5 tỷ đồng đảm bảo tưới tiêu trên 12.000 ha.

* ***Định hướng phát triển đến 2010:***
- Nông nghiệp: Lương thực đạt 120.000 tấn
- Lâm nghiệp: Phấn đấu đạt 60% tỷ lệ che phủ rừng
- Thủy lợi: Kiên cố hóa hệ thống kênh mương, tăng diện tích tưới tiêu
- Phấn đấu 100% số dân nông thôn được dùng nước sạch.

TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH BẮC KẠN

Địa chỉ: Phường Đức Xuân - Thị xã Bắc Kạn
Điện thoại: (0281) 870646
Giám đốc: **KS. PHẠM TẤT THẮNG**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Tham mưu giúp Sở, UBND tỉnh Bắc Kạn về chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, nước ăn cho vùng cao của tỉnh.

Trung tâm là đơn vị thường trực của Ban chủ nhiệm chương trình mục tiêu nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bắc Kạn.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

Sau 3 năm từ 1997 – 1999 đã tổ chức xây dựng được 419 công trình nhỏ lẻ; 41 công trình tập trung. Đưa số dân nông thôn được hưởng nước sạch từ 10% (năm 1997) lên 16% thông qua các dự án đầu tư.

CÔNG TY DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BẮC KẠN

Địa chỉ: Phường Đức Xuân - Thị xã Bắc Kạn
Điện thoại: (0281) 870041 Fax : (0281) 870041
Giám đốc: **KS. ĐÀO XUÂN SƠN**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Là DNNN được thành lập tháng 7 năm 1997.
- Tư vấn khảo sát, thiết kế, qui hoạch công trình lâm sinh, thủy lợi, nước sinh hoạt và giao thông nông thôn.
- Sản xuất cung ứng dịch vụ vật tư nông lâm nghiệp.
- Tư vấn thiết kế : Trồng rừng 3.500 ha, khoanh nuôi bảo hộ 10.000 ha rừng, giao đất nông nghiệp 20.000 ha, 50 công trình nước sạch.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Cung ứng đầy đủ vật tư nông nghiệp cho sản xuất.
- Tăng 30% diện tích cấy lúa lai Trung Quốc.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG HÀ NAM

Chức năng nhiệm vụ:

➢Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông trong tỉnh.

➢Phổ biến và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về nông nghiệp, ngư nghiệp và những điển hình sản xuất cho nông dân.

➢Cung cấp cho nông dân những thông tin thị trường, giá cả nông, lâm, thủy sản.

➢Xây dựng và phổ biến cho nông dân thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất thâm canh cây trồng, vật nuôi, lâm sinh và thủy sản.



Giống lúa lai 2 giòng

Định hướng phát triển:

➢Xây dựng và thực hiện các chương trình khuyến nông nhằm phát triển nền nông nghiệp sinh thái bền vững, đảm bảo an ninh lương thực, đa dạng hóa nông sản phẩm, hướng đến xuất khẩu.

➢Huy động mọi tổ chức kinh tế xã hội, mọi cấp, ngành tham gia hoạt động khuyến nông thúc đẩy sản xuất cải thiện đời sống vật,

Địa chỉ: Đường 1A - Thị xã Phủ Lý - Hà Nam.
Điện thoại: (0351) 852232.

CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG VÀ CON NUÔI NINH BÌNH

ĐC: Km3 đường 10 - Ninh Phúc - Hoa Lư - Ninh Bình.
ĐT: (030) 871319
Giám đốc: KS. VŨ VĂN THUẦN

Chức năng nhiệm vụ:

› Sản xuất và cung ứng các loại giống cây trồng.
› Sản xuất và dịch vụ truyền tinh, giống gia súc, gia cầm.

Tiềm lực khoa học kỹ thuật:

■ Tài sản thiết bị : 2,306 tỷ VND.
■ Năng lực hiện tại :
- 500 tấn giống lúa các loại/năm.
- 10 tấn ngô giống/năm.
- 8.000 giống cây ăn quả/năm.
- 5 tấn giống lạc/năm.
- 20.000 liều tinh lợn ngoại/năm.

■ Tổng doanh thu : 5 tỷ VND/năm.

Định hướng phát triển :

✓ *Nâng cao chất lượng các loại giống phục vụ sản xuất nông nghiệp theo yêu cầu thị trường.*
✓ *Mở rộng phạm vi hoạt động dịch vụ phân phối giống truyền tinh, các loại giống gia súc gia cầm.*

CÔNG TY GIỐNG VẬT TƯ NÔNG LÂM NGHIỆP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐC: Tổ 7 - Phường Tân Quang - TX. Tuyên Quang
ĐT: (027) 822652 Fax : (027) 823227

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

▫ Sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp.
▫ Chăn nuôi, dịch vụ chăn nuôi, sản xuất thức ăn gia súc.

TIỀM LỰC KHKT:

- Tổ chức lực lượng :
+ Nhóm sản xuất giống cây trồng.
+ Nhóm cung ứng dịch vụ vật tư nông nghiệp
+ Nhóm cung ứng dịch vụ gia súc, gia cầm.
+ Nhóm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp.
- Giá trị sản lượng : 34 tỷ - 40 tỷ VND/năm.
- Phạm vi hoạt động : (công ích + dịch vụ) toàn tỉnh.

BAN QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH NÔNG LÂM NGHIỆP HÀ GIANG

ĐC: Tổ 41 – P. Minh Khai – Thị xã Hà Giang
Điện thoại: (019) 866269
***Giám đốc:* PHẠM BÁ KHOÁT**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Ban quản lý công trình nông lâm nghiệp Hà Giang được thành lập từ năm 1990, quản lý và giám sát các công trình thủy nông, thủy điện và nước ăn vùng cao.

Hiện nay đơn vị đang quản lý 40 công trình lớn nhỏ.

Các công trình lớn : Thủy điện Xéo Hồ, thủy nông Trung Thành, cụm công trình thủy nông, thủy điện và cấp nước các xã Nậm Bang, Thái Ngà (Mèo Vạc).

CÔNG TY GIỐNG VĨNH LONG

VINH LONG BREEDING COMPANY

ĐC: 17 NGUYỄN HUỆ - PHƯỜNG II
TX. VĨNH LONG
ĐT: (070) 822342

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Sản xuất và cung cấp các loại giống gia súc, gia cầm, giống cây ăn quả, giống thủy sản và các dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp.

TIỀM LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ:

- Heo giống: 8.000 con/năm
- Gà giống: 400.000 con/năm
- Vịt giống: 200.000 con/năm
- Giống thủy sản: 200 triệu con/năm
- Giống cây ăn quả: 100.000 cây/năm

(Hầu hết là các giống có nguồn góc ngoại nhập)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY LỢI

ĐC: Km 10 quốc lộ 1A – Thanh Trì – Hà Nội
ĐT: (04) 8615706 – 8615327 **Fax:** (84.4) 8615327

Thành lập 11/1986 chính thức hoạt động 7/1997

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Thiết kế chế tạo, xây dựng, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng hồi phục, sản xuất, buôn bán các loại máy móc thiết bị phụ tùng Nông Lâm nghiệp thủy lợi và PTNT
- Xuất nhập khẩu trực tiếp máy móc thiết bị phụ tùng, hóa chất nguyên liệu, hợp tác lao động quốc tế, dịch vụ vận tải, đại lý vận tải.
- Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Xây dựng điện
- Tổng công ty có 19 đơn vị thành viên (17 đơn vị hoạch toán độc lập) hình thành 2 khối:

+ Sản xuất công nghiệp
+ Kinh doanh dịch vụ thương mại



Trụ sở công ty

CÔNG TY DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

ĐC: 201 Cù Chính Lan, Thị xã Hòa Bình,
ĐT: (018) 853945 - 852862
Giám đốc: BÙI DUY

■ **Công ty chuyên:** cung ứng các loại phân bón, giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, thú y, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân tỉnh Hòa Bình.

■ Công ty có 70 quầy hàng và 40 đại lý tại 9 huyện và 1 thị xã.

■ Năm 1995 đạt doanh thu 10,6 tỷ, 1996 đạt 12,1 tỷ; 1997 đạt 13,6 tỷ; 1998 đạt 16.1 tỷ; 1999 đạt 19,8 tỷ.

■ Năm 1998 công ty được Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tặng bằng khen.

Hân hạnh được đón tiếp quý khách



Giám đốc
NGUYỄN VĂN MINH

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẠC LIÊU

ĐC : Quốc lộ 1A , P.8, TX Bạc Liêu - Tỉnh Bạc Liêu
ĐT : (0781) 825212 - 825656
Fax : (0781) 825212.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Điều hòa, phân phối nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, các ngành kinh tế khác.
- Quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.
- Tư vấn khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi.
- Duy tu, sửa chữa xây dựng nâng cấp và hoàn chỉnh công trình thủy lợi.



Tổng giám đốc
TS. NGUYỄN KIM PHONG

TỔNG CÔNG TY CHÈ VIỆT NAM

Địa chỉ:
Tại Hà Nội: 46 Tăng Bạch Hổ
Tại Tp. Hồ Chí Minh: 225 Nam Kỳ Khởi Ngĩa, Quận 3 - **Tel:** (08) 8447221
Tại Hải Phòng: 126 Lạch Tray **Tel:** (031) 847006

Tổng công ty chè Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có uy tín trên thị trường quốc tế, quan hệ giao dịch với hơn 100 tổ chức buôn bán và thương mại trên thế giới. Với trên 40 cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo, dịch vụ và 9 liên doanh liên kết với nước ngoài hoạt động trên lĩnh vực sau:

➡ Sản xuất đa dạng và xuất khẩu trực tiếp các sản phẩm chè chất lượng cao gồm: Chè đen, chè xanh, chè dược thảo, (chè Suối Giàng, chè Tân Cương, chè Lục, chè Thái), chè Tùng hạc, chè Thanh Long, chè Linh Sơn và các loại chè hương hoa (sen, sói, nhài, ngâu) và hoa quả (cam, xoài, táo), đáp ứng nhu cầu của 70 triệu người tiêu dùng trong nước và người tiêu dùng của 30 quốc gia trên thế giới, theo công nghệ sản xuất và chế biến chè tiên tiến của Anh, Nga, Đài Loan, Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc và công nghệ sản xuất chè truyền thống.



Tổng công ty nhận giải thưởng quốc tế về đồ uống và thực phẩm của Tây Ban Nha

➡ Sản xuất kinh doanh nhiều loại sản phẩm nông và lâm sản, hàng công nghiệp thực phẩm: nước giải khát, nước khoáng. Sản xuất phân bón, bao bì, vật liệu xây dựng và các sản phẩm công nghiệp cơ khí: máy móc, thiết bị chuyên dùng, vật tư, nguyên liệu, thiết bị chế biến, phương tiện vận tải và hàng tiêu dùng.

➡ Kinh doanh du lịch khách sạn, nhà hàng.

➡ Cung ứng các dịch vụ xây dựng dân dụng và công nghiệp.

MỤC TIÊU SẢN LƯỢNG 1997 - 2000 ĐẾN 2010
Production Goal from 1997-2000 to 2010



MỤC TIÊU KIM NGẠCH X.K 1997 - 2000 ĐẾN 2010
Total Export Value from 1997-2000 to 2010



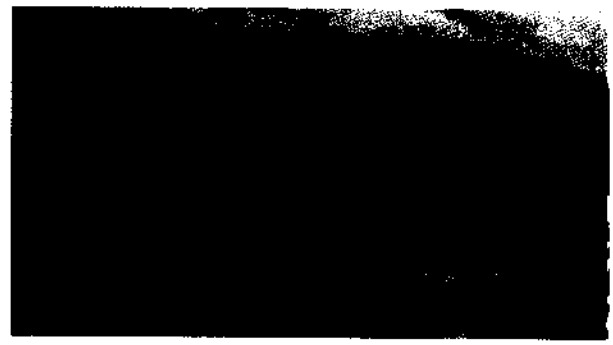

KIMANH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ KIM ANH

HÀNG VIỆT NAM 99 CHẤT LƯỢNG CAO

KIM ANH TEA STOCK - HOLDING COMPANY



Dây chuyền đóng gói

Chè Kim Anh loại nước uống bổ dưỡng
Kinh tế - An toàn và Tiện lợi
Phù hợp với mọi Gia Đình Việt Nam

Địa chỉ: Km số 2 - QL 2 - Phù Lỗ
Sân bay Quốc tế Nội Bài - Hà Nội
ĐT: (04) 8843222 - 8843265 - 8843263
Fax: 04.8840724

Công ty chè Kim Anh là một đơn vị sản xuất chè thương phẩm lớn nhất trong Tổng Công ty Chè Việt Nam. Sản lượng chè của Công ty từ 1.700 tấn đến 2.000 tấn một năm.

Sản phẩm Chè Kim Anh được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chọn lọc của vùng chè Thái Nguyên trên dây chuyền Công nghệ hiện đại của Italia - Ấn Độ - Đài Loan...

Sản phẩm Chè Kim Anh đã loại trừ được [illegible] học gây độc hại [illegible]

Chè túi lọc các loại
Best Choice For You

Chè được sản xuất trên Dây chuyền Công nghệ hiện đại của Italia duy nhất có tại Việt Nam, nhằm tiêu chuẩn hóa nguyên liệu, đảm bảo vệ sinh, tiện lợi cho người sử dụng và tạo nên sự trang nhã của sản phẩm.

Chè giàu Vitamin
Extra Quality

Chè Sen, chè [illegible]
Hibicus, Chè [illegible]



CÔNG TY CÀ PHÊ YÊN BÁI

✣ **Là DNNN :** có tiềm năng và uy tín về sản xuất cà phê và chè.

✣ **Ngành nghề kinh doanh :** Chuyên sản xuất và chế biến cà phê chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu, Công ty còn phát triển các ngành khác như : Trồng và chế biến chè, chăn nuôi, dịch vụ du lịch

✣ **Trụ sở công ty :** nằm ở vị trí địa lý giao thông rất lý tưởng trên quốc lộ 13A Yên Bái đi Hà Nội. Phía Bắc đi các Tỉnh : Lào Cai sang Trung Quốc, Yên Bái đi Sơn La, Lai Châu. Cách ga đường sắt Yên Bái 9 km, thuận tiện cho vận chuyển hàng hóa Bắc Nam. Trung tâm cách Hà Nội 150 km, Hải Phòng 300 km, TP. Hạ Long trên 300 km, thuận tiện cho việc hợp tác và quan hệ trong vùng tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Hồ Thác Bà: **có tổng diện tích mặt nước 23.000 ha trong đó có 1.331 đảo lớn nhỏ. Trên hồ có những hang động tạo thành một quần thể du lịch đẹp, mộng mơ như : Động Thủy Tiên, động Cẩm Quây, hang Hùm, núi Cao Biền, bãi tắm Mông Sơn, du khách có thể dạo mát trên thảm cỏ xanh yên tĩnh của đảo hồ. Nơi đây có nguồn nước ngọt, trong, cảnh quan môi trường thoáng mát mà ít nơi nào có được. Thác Bà một trong những hồ đẹp nhất gọi là Vịnh Hạ Long trên núi. Hồ Thác Bà được Nhà nước công nhận di tích văn hóa.**

Những hòn đảo độ cao tới 1.000m so với mặt biển, công ty phát triển trồng 5.000 ha cà phê giống arabica, hàng năm sẽ cho một khối lượng sản phẩm lớn có chất lượng tốt. Khả năng vùng đảo hồ Thác Bà còn có thể phát triển hàng vạn ha cà phê và chè phát triển một mô hình kinh tế sinh thái và một vùng du lịch tương lai.

Với tất cả những tiềm năng trên Công ty cà phê Yên Bái mong muốn có sự hợp tác với tất cả các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để đẩy nhanh tốc độ phát triển.

Địa chỉ: Km 9 Đường Yên Bái - Hà Nội, H. Yên Bình, T. Yên Bái
Điện thoại: (029) 885179 - 885707
Fax : (029) 885687.



Giám đốc: HOÀNG GIA



Trụ sở công ty

CÔNG TY CAO SU VIỆT TRUNG
QUẢNG BÌNH

ĐC: TT NÔNG TRƯỜNG VIỆT TRUNG - H. BỐ TRẠCH - T. QUẢNG BÌNH
ĐT: (052) 836697 - 836698 - 836696 FAX: (052) 836317
Giám đốc: PHẠM TIẾN CẢM

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Trồng và chế biến cao su
- Sản xuất hồ tiêu xuất khẩu
- Chế biến gỗ cao su...

Công ty hiện có 5.000 ha cao su, sản lượng 2.000 tấn/năm, hồ tiêu 100 tấn/năm.

Công ty mong muốn được hợp tác liên doanh liên kết với các cơ quan đơn vị trong và ngoài nước về các lĩnh vực.

Hân hạnh được đón tiếp

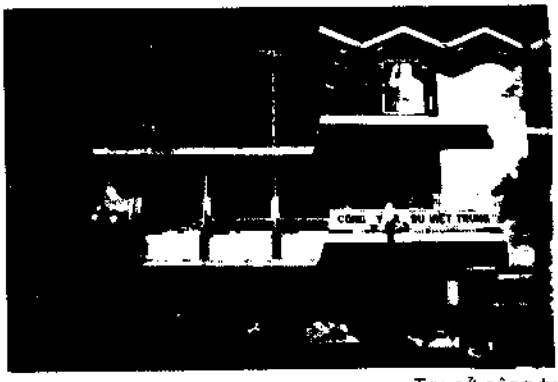

Trụ sở công ty



Ảnh truyền thống công ty cao su

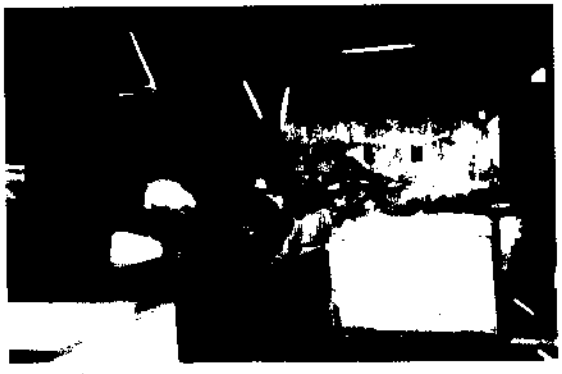

Sơ chế cao su



Rừng cao su

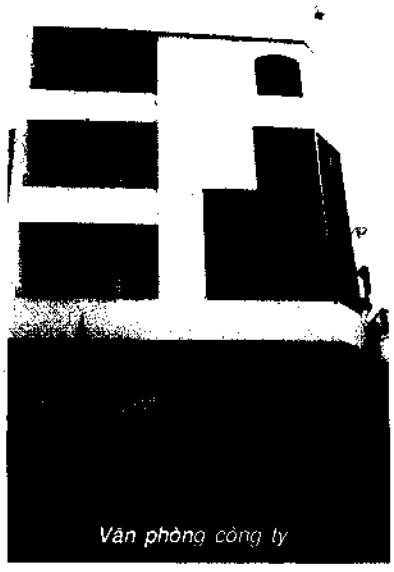

Văn phòng công ty

CÔNG TY CAO SU THỐNG NHẤT

THONG NHAT RUBBER COMPANY

Địa chỉ : 173 Lê Hồng Phong - TP. Vũng Tàu.
Điện thoại : (064)859601 - Fax : (064)859737
***Giám đốc :* LÊ VĂN LỢI**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Trồng mới, khai thác và chế biến cao su.
- Kinh doanh nông sản và các loại vật tư nông nghiệp
- Xuất khẩu sản phẩm cao su . Nhập khẩu vật tư, hóa chất, thiết bị phục vụ ngành cao su.

TIỀM LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ:

Công ty Cao su Thống Nhất được thành lập theo Quyết định số 97/QĐ.UBT, ngày 5/11/1991 của UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Với 2 nông trường trực thuộc:

- Nông trường Hoà Bình 2 (Huyện Xuyên Mộc).
- Nông trường Phong Phú (Huyện Châu Đức).

Tổng diện tích 3.090 ha cao su, trong đó:

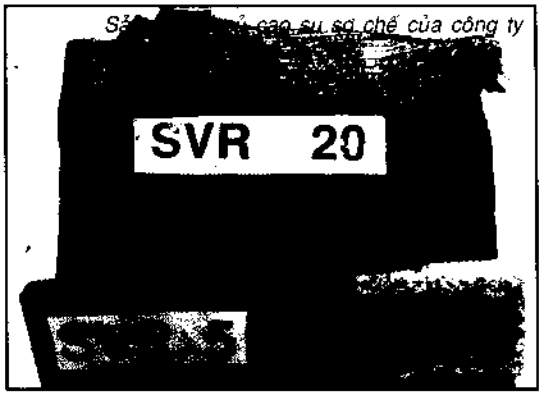

Sản phẩm cao su sơ chế của công ty

- Diện tích đang khai thác : 2.667 ha
- Diện tích vườn cây XDCB : 423 ha

Sản lượng cao su hàng năm từ 2.500 đến 2.700 tấn.

CÁC LOẠI SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY:

- Cao su tờ RSS
- Cao su SVR 3L - SVR 5
- Cao su CSV 10 - 20
- Latex

Chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.



***Giám đốc:* TRẦN NHUẬN**

CÔNG TY CÂY CÔNG NGHIỆP ĐIỆN BIÊN LAI CHÂU

ĐC: P. MƯỜNG THANH – TX. ĐIỆN BIÊN
ĐT: (023) 824461 – 824465

Công ty được thành lập tháng 11/1994 tiền thân từ 3 đơn vị: – Nông trường Mường Ảng – Nông trường Điện Biên – Xí nghiệp cà phê huyện Điện Biên.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh trên đất công hàng năm của 2 nông trường giao sang.
- Làm dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cà phê và cây có dầu trên địa bàn 3 huyện, 1 thị xã (Huyện Điện Biên – Tuần Giáo – Tủa Chùa và Thị xã Điện Biên). Công ty có dây chuyền công nghệ chế biến ướt của Braxin, trữ lượng 2.500 tấn quả tươi cà phê.
- Sản phẩm cà phê của công ty được đánh giá có chất lượng cao trên thị trường Đài Loan – Nhật Bản – Trung Quốc.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Triển khai dự án sản xuất mía đường khép kín, sản phẩm sau mía đường; sản phẩm sau cà phê – sản xuất phân sinh học từ bã vỏ cà phê.

XÍ NGHIỆP DÂU TẰM TƠ DAKLAK



Giám đốc : **KS. TRẦN ĐÌNH KỲ** *Dây chuyền sản xuất tơ xuất khẩu*

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Trồng dâu, nuôi tằm, công nghiệp chế biến tơ tằm và nông sản.
- Kinh doanh dâu tằm tơ và các mặt hấng nông sản khác.
- Dịch vụ vật tư kỹ thuật chuyên ngành.

Địa chỉ: 07 Nguyễn Chí Thanh – P. Tân An – TP. Buôn Ma Thuột – Daklak
Điện thoại: (050) 953658 Fax: (050) 951322

CÔNG TY DÂU TẰM TƠ LỤA ĐÀ NẴNG

DANASI

Địa chỉ: 40 Trần Hưng Đạo, TP. Đà Nẵng – Việt Nam
Điện thoại: (0511) 822372 - 823659 • Fax : (84.511) 823658
• Email: danasi@dng.vnn.vn

✪ DANASI là Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập 1976. Chuyên doanh sản xuất, chế biến, xuất khẩu các sản phẩm tơ lụa thiên nhiên.

✪ DANASI được phép xuất nhập khẩu trực tiếp.

Các sản phẩm chính :

- Tơ sống 20/22D, 50/70D. 100/120D, 1000/1200D... trên thiết bị cơ khí.
- Các loại tơ thô, tơ thủ công.
- Hàng dệt tơ tằm : Habutai, Taffetas, Twill, Crêpe de Chine, Đũi, Lụa hoa...
- Hàng may sẵn, hàng thêu, hàng vẽ, khăn quàng, cà vạt, drap trải giường, khăn bàn, áo ấm bằng sợi thao càng...

✪ DANASI đã xuất khẩu các sản phẩm tơ lụa sang EU, Thái Lan, Ấn Độ, Bangladesh, Hồng Kông... Các sản phẩm của DANASI có uy tín trên thị trường nội địa và nước ngoài.

✪ DANASI là đơn vị kinh doanh được phép xuất nhập khẩu tổng hợp.

DANASI sẵn sàng hợp tác liên doanh liên kết trong lĩnh vực tơ lụa.



Trụ sở công ty

NÔNG TRƯỜNG CÀ PHÊ CƯ PUL



Giám đốc : KS. NGUYỄN NGỌC CHUYÊN

ĐC: KM 12, QL 26, XÃ HÒA ĐÔNG, KRÔNG PAK, DAKLAK
ĐT: (050) 820035 – 820036



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Sản xuất và chế biến cà phê xuất khẩu

TIỀM LỰC KT

- Sản lượng: 900 tấn/năm
- Giá trị sản lượng: 10 - 12 tỷ đồng.
- Quản lý khai thác: 370 ha (chuyên cà phê).

CÔNG TY CAO SU DAKLAK

DAKLAK RUBBER COMPANY (DAKRUCO)

ĐỊA CHỈ: 30 NGUYỄN CHÍ THANH, P. TÂN AN, TP. BUÔN MÊ THUỘT
ĐT: (050) 865015 FAX: (050) 865041



Giám đốc: HUỲNH VĂN KHIẾT

Công ty Cao su Daklak được thành lập theo Quyết định số 180/QĐ-CT ngày 19/3/1993 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Daklak tiền thân của Liên hiệp các Xí nghiệp cao su Daklak.

Công ty quản lý 8 Nông trường, 3 trung tâm đầu tư phát triển cao su, 01 xí nghiệp chế biến (công suất 10.000 tấn/năm), 01 xí nghiệp sản xuất vật tư và xây dựng.

Với chức năng trồng, chăm sóc, chế biến mủ cao su. Xuất khẩu trực tiếp sản phẩm cao su và các mặt hàng nông sản khác.

Nhập khẩu các thiết bị, phân bón phục vụ nông nghiệp.

Tổng diện tích cao su hiện có khoảng 15.000 ha. Trong đó: 70% diện tích đưa vào kinh doanh.
30% là cao su KTCB

Sản lượng bình quân tính cho vườn cao su kinh doanh ổn định đạt trên 8.000 tấn/năm (Mủ quy khô).

Công ty sản xuất các loại cao su SVR 3L, SVR 5L, SVR 10L, SVR 20L đạt tiêu chuẩn TCNV 3769-1995.

Mỗi năm xuất khẩu cao su thành phẩm đạt 7.000 tấn qua các thị trường: Pháp, Anh, Hồng Kông, Hà Lan, Singapore, Trung Quốc... được bạn hàng quốc tế tín nhiệm.



Vườn cao su



Giám đốc: NGUYỄN QUANG THỤ

CÔNG TY CÀ PHÊ BUÔN MA THUỘT

BUON MA THUOT COFFEE COMPANY

ĐỊA CHỈ: 38 NGUYỄN CHÍ THANH, BUÔN MÊ THUỘT, DAKLAK
ĐIỆN THOẠI: (050) 956790 FAX: (050) 952435

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Trồng, chăm sóc cà phê, dâu.
- Thu mua, chế biến cà phê, nông sản xuất khẩu
- Kinh doanh vật tư, thiết bị máy móc, hàng hóa phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu dùng.
- Thi công cơ giới khai hoang, đắp đập, xây dựng công trình giao thông nông thôn.

TIỀM LỰC KHKT:

- Có hệ thống hồ đập, trạm bơm điện và các thiết bị đảm bảo việc tưới cho 500 ha cà phê,
- Hệ thống nhà xưởng, sân phơi, và dây chuyền chế biến đảm bảo chế biến 3.000- 5.000 tấn cà phê xuất khẩu/năm.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC (NĂM 1999):

- Xuất khẩu 3.000 tấn cà phê nhân, doanh thu đạt trên 50 tỷ đồng, nộp ngân sách gần 1 tỷ/năm.



Hệ thống hồ đập EaNao phục vụ tưới tiêu 50ha cà phê

CÔNG TY CÀ PHÊ PHƯỚC AN

PHUOC AN COFFEE COMPANY

ĐỊA CHỈ: KM 26, QUỐC LỘ 26, DAKLAK
ĐT: (050) 821247 Fax: (050) 821246

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Sản xuất, chế biến cà phê xuất khẩu.
- Có tổng diện tích cà phê 1.880 ha.
- Cà phê sản xuất hàng năm sản lượng 3.500 tấn.
- Thu mua chế biến xuất khẩu hàng năm đạt sản lượng 18.000 tấn.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Ổn định 2.000 ha, đầu tư chiều sâu để đạt năng suất 3.500 kg/ha. Phấn đấu đạt sản lượng 6.000 tấn cà phê nhân. Thu mua chế biến xuất khẩu hàng năm đạt 18.000 – 20.000 tấn. Kim ngạch xuất khẩu 12 – 15 triệu USD.



Văn phòng Công ty

CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT KHẨU CHÈ VĂN HƯNG - YÊN BÁI

Địa chỉ: Km 15 - Huyện Yên Bình - Tỉnh Yên Bái
Điện thoại: (029) 885170 - 885309 Fax : (029) 885463

Chức năng nhiệm vụ:

Sản xuất - thu mua chế biến - xuất khẩu chè Đen các loại.



Giám đốc: KS. NGUYỄN THỊ MINH

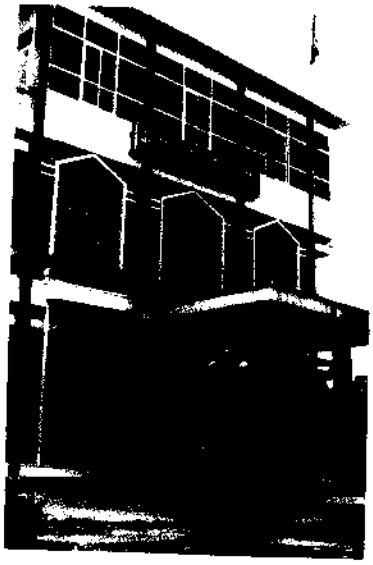

Tiềm lực KHKT :

* Công ty có 6 nhà máy chế biến chè, với công suất chế biến là 45 - 50 tấn chè búp tươi/ngày; 9.000 - 9.500 tấn chè búp thu mua chế biến/năm; chè Đen XK 2.000 tấn/năm.
* Thị trường : Xuất khẩu qua ủy thác Tổng công ty chè.
* Xuất khẩu trực tiếp các nước EU.

Những thành tích đạt được :

- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1997.

Định hướng phát triển :

- Từng bước thay thế giống chè có chất lượng cao.
- Trực tiếp xuất khẩu sang các nước

Phương châm ổn định, uy tín, chất lượng, hiệu quả.

CÔNG TY CHÈ PHÚ THỌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn - TP Việt Trì - Phú Thọ
Điện thoại: (0210) 846543 Fax: (0210) 841861



Quyền giám đốc
KS. NGUYỄN XUÂN TƯỜNG

CTy chè Phú Thọ được thành lập từ 1987.

Là doanh nghiệp nhà nước có chức năng nhiệm vụ:

- Trồng và chế biến chè.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu chè và các vật tư phục vụ ngành chè.
- Đơn vị có 5 xí nghiệp thành viên gồm: 1 nhà máy chế biến chè và 4 đơn vị sản xuất nguyên liệu chè búp tươi, với tổng số 1.200 CBCNV.



Công ty chè Phú Thọ

- Công ty hiện có 2 dây chuyền chế biến chè theo công nghệ tiên tiến của nước ngoài với công suất của mỗi dây chuyền đạt từ 500-700 tấn chè/ năm.
- Sản phẩm của Cty chè Phú Thọ có 2 loại chính: Chè OTD và CTC ngoài ra còn chế biến chè xanh theo yêu cầu của thị trường.
- Sản phẩm của Cty được xuất khẩu sang các nước Trung cận Đông, vương quốc Anh, I rắc, các nước SNG..
- Giá trị xuất khẩu 1,5 triệu USD/ năm tương đương với số lượng chè 1.000tấn/ năm.

CÔNG TY CHÈ BẢO ÁI TỈNH YÊN BÁI

ĐỊA CHỈ : BẢO ÁI – YÊN BÌNH – YÊN BÁI
Điện thoại : (029) 882016 – 882050
Giám đốc: KSKT. NGUYỄN THỊ NUÔI



GĐ : KSKT. NGUYỄN THỊ NUÔI



VĂN PHÒNG CTY CHÈ BẢO ÁI

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

Sản xuất và chế biến chè đen, chè xanh xuất khẩu.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN :

Cơ cấu đầu tư từ nay đến 2005 nâng công suất chế biến từ 10 tấn lên 20 tấn/ngày với nguồn vốn đầu tư khoảng 3 tỷ VNĐ.

CÔNG TY CÀ PHÊ II LÂM ĐỒNG
(LAMDONG II COFFEE COMPANY)

Địa chỉ: TT. Di Linh – H. Di Linh – Lâm Đồng
Điện thoại: (063) 870345
Fax: (063) 870686

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Sản xuất, chế biến xuất khẩu cà phê.
- Nhập khẩu máy móc thiết bị vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trong tỉnh và cả nước.

TIỀM LỰC KHKT:

- Sản lượng xuất khẩu 10 – 15.000 tấn/năm cà phê hạt xuất khẩu.
- Giá trị sản lượng 13 – 14 triệu USD.

Công ty sẵn sàng hợp tác liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước phục vụ xuất khẩu cà phê.



KSKT: LÊ TRỌNG SƠN

CÔNG TY CÀ PHÊ THÁNG 10 - ĐAKLAK

Địa chỉ: Km 23 – Quốc lộ 26
(Đường Buôn Ma Thuột-Nha Trang) – Daklak.
ĐT : (050) 821250 – 821781
Fax: (050) 821253

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Sản xuất, kinh doanh, chế biến xuất nhập khẩu cà phê.
- Nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc phục vụ sản xuất nông công nghiệp.
- Kinh doanh xăng dầu.

CÔNG TY CÀ PHÊ THẮNG LỢI - DAKLAK
THANG LOI COFFEE DAKLAK COMPANY

ĐỊA CHỈ: KM 17 - QUỐC LỘ 26
(Buôn Ma Thuột-Nha Trang) – Daklak
ĐT: (050) 820059 Fax: (050) 820139

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Sản xuất chế biến cà phê xuất khẩu.
- Nhập khẩu các loại thiết bị phục vụ sản xuất.



Văn phòng Công ty Cà phê Thắng Lợi Daklak

TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
VIETNAM SOUTHERN FOOD CORPORATION

HEAD OFFICE: 42 Chu Manh Trinh Street, District 1, Ho Chi Minh City, S.R. VietNam
PHONE: (84 -8)8230243 - 8223607
FAX: (84 -8)8292344 - 8298001
TELEX: 811443 SFC VT
EMAIL: vsfc@fmail.vnn.vn.

CÔNG TY CÀ PHÊ EAPỐK – DAKLAK
EAPOH COFFEE COMPANY

ĐC: KM14, TỈNH LỘ 8, CƯMGAR, DAKLAK
ĐT: (050) 834023
FAX: (050) 834023

Chức năng nhiệm vụ:

- Sản xuất, thu mua, chế biến cà phê, nông sản, trực tiếp xuất khẩu, bán buôn, bán lẻ vật tư nông nghiệp.
- Nhập khẩu vật tư thiết bị phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

Tiềm lực KHKT:

- Diện tích sản xuất kinh doanh trên 1.000 ha chuyên cà phê, với sản lượng trên 2.000 tấn/năm.

Công ty sẵn sàng liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước với phương châm nhanh chóng, thuận tiện, uy tín, chất lượng và hiệu quả.

CÔNG TY CHÈ TAM ĐƯỜNG LAI CHÂU

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN PHONG THỔ
ĐIỆN THOẠI: (023) 875226 – 875649 **FAX:** 875242

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:
Sản xuất chè xuất khẩu (làm dịch vụ đầu ra cho toàn vùng nguyên liệu)

TIỀM LỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT:

- Tổng số: 396 CBCNV: Cán bộ quản lý 28 người: 5 người trình độ ĐH, 2 cao đẳng, 18 trung cấp
- 1 nhà máy chế biến và 6 đơn vị chè
- Công suất nhà máy 18 – 20 tấn/ngày
- Thiết bị Otrốc Ấn Độ chế biến chè đen (14 tỷ)
- Nhà máy bước vào hoạt động 5/1999 – 1850 tấn năm 1999 chè búp tươi.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Doanh thu 1999: 8,3 tỷ – năm 2000: 12 tỷ hoàn thành kế hoạch được giao trong các năm đi vào hoạt động.
- Đ/c GĐ được TLĐLĐ tặng bằng lao động sáng tạo. 2 lần sản phẩm đạt được chất lượng vàng (5 giải) được công nhận sản phẩm chè của Cty có chất lượng cao nhất toàn quốc.
- Năm 1996 đã được tặng Huân chương lao động hạng 3. Nhiều bằng khen của Nhà nước, Chính phủ, Bộ, ngành, tỉnh.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Sản xuất loại chè có chất lượng cao nhất nhằm cạnh tranh với các loại chè của nước ngoài đang có mặt tại Việt Nam.
- Thực hiện dự án nhà máy chè thứ 2 theo yêu cầu của tỉnh.
- Tiến tới xuất khẩu trực tiếp với nước ngoài.
- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9002.
- Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KHKT cho phù hợp với bước đường phát triển ngày càng lớn mạnh của công ty.

CÔNG TY LÂM SẢN DAKLAK (DAFOREXCO)

Địa chỉ: 560 Lê Duẩn – TP. Buôn Ma Thuột
Điện thoại: (050) 852185 – 855857
Fax: (050) 855859

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Khai thác, vận chuyển, chế biến lâm sản, trồng rừng nguyên liệu và cây công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng, khai hoang, kinh doanh xuất khẩu nông lâm sản, nhập khẩu vật tư thiết bị, dịch vụ về vật tư, kỹ thuật, chăn nuôi, khách sạn, du lịch, ăn uống.

**** CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:***

- Xí nghiệp khai thác vận chuyển lâm sản
- Xí nghiệp chế biến lâm sản
- Xí nghiệp ván nhân tạo Ban Mê
- Xí nghiệp xây dựng công trình
- Xí nghiệp dịch vụ

CÔNG TY BIA NƯỚC GIẢI KHÁT ĐỒNG NAI

(DONGNAI BEER-BEVERAGE COMPANY)

ĐC: XA LỘ HÀ NỘI, P. LONG BÌNH, TP. BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI
ĐT: (061) 891277 – 891772 FAX: (061) 891770

CHUYÊN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH:

- Bia chai, bia hơi
- Bia hơi cao cấp (Đóng trong chai PET)
- Đặc biệt sản phẩm bia tươi được sản xuất trên dây chuyền thiết bị hiện đại phục vụ theo phong cách mới.
- Mặt hàng truyền thống đang được khách hàng ưa chuộng, tín nhiệm.
- Chất lượng thơm ngon hợp khẩu vị.
- Công ty có các đại lý ở các tỉnh, thành phố phía Nam. Sẵn sàng phục vụ quí khách.

Hân Hạnh Được Đón Tiếp Quí Khách



Văn phòng Công ty



Sản phẩm bia hơi, bia chai



Máy chiết bia tươi

CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

(DONAFOODS)

ĐC: Phường Long Bình - Biên Hòa - Đồng Nai
ĐT: (061) 891592 Fax: (84.61) 891549

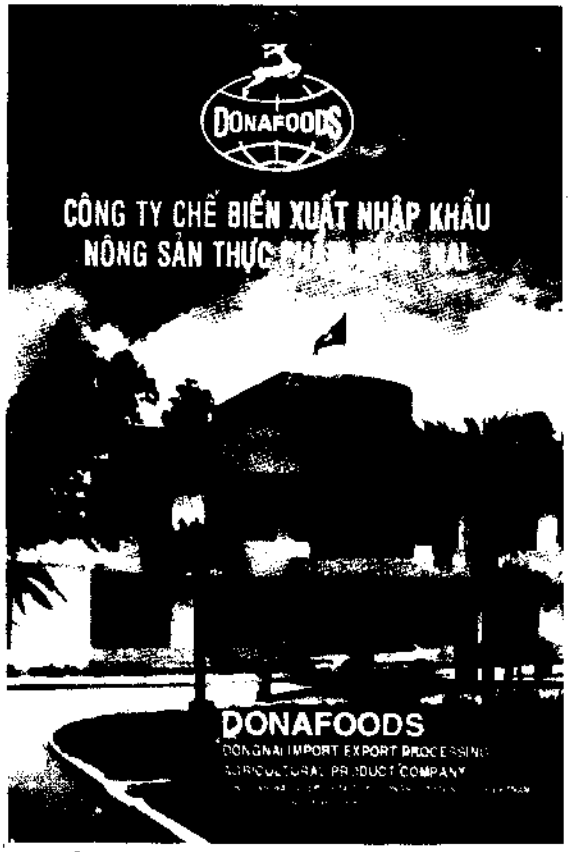

Trụ sở công ty



Phân loại nhân điều

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

❖ Thu mua, chế biến, xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến thực phẩm có nguồn nguyên liệu là nông sản. Gắn chế biến với vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

❖ Sản phẩm chủ yếu là nhân hạt điều xuất khẩu

TIỀM LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ :

* Công suất chế biến 25.000 tấn hạt điều nguyên liệu/năm. Sấy bắp hạt trên dưới 10.000 tấn/năm.
* Chế biến xuất khẩu dầu vỏ hạt điều 2.000 tấn/năm.
* Sản xuất cây điều giống cao sản bằng lai ghép vô tính có qui mô lớn nhất ngành điều Việt Nam : Năm 1999 hơn 100.000 cây.
  Năm 2000 hơn 300.000 cây
  Các năm sau 400.000 – 600.000 cây/năm.
* Giá trị kim ngạch xuất khẩu trên 20 triệu USD/năm.



Trụ sở công ty

CÔNG TY DẦU THỰC VẬT PHÚ YÊN

Tên giao dịch quốc tế

PYVOCO.

Địa chỉ: Quốc Lộ 1A, Phường 8, TX. Tuy Hòa, T. Phú Yên.
Điện thoại: (057) 823271 - 826869 **Fax:** (057) 829096 - 825658
Giám đốc: NGUYỄN MỸ.

Chức năng nhiệm vụ:

Sản xuất, kinh doanh, chế biến các sản phẩm từ cây có dầu (dầu dừa, dầu mè, dầu xả, nhân hạt điều xuất khẩu, phân bón các loại, sản xuất chế biến thức ăn nuôi tôm, thức ăn gia súc gia cầm, sản xuất sản phẩm phân vi sinh Thiên Nông Phú Yên sản xuất kinh doanh phân bón N.P.K các loại.

Các đơn vị trực thuộc công ty:

- **Xí nghiệp chế biến hạt điều xuất khẩu Phú Yên**
  Địa chỉ: Thôn Ninh Tịnh, Xã Bình Kiến, Thị xã Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.
  Điện thoại: (057) 822248
- **Xí nghiệp dầu thực vật Sông Cầu**
  Địa chỉ: Thôn Phước Lý, Thị trấn Sông Cầu, Huyện Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.
  Điện thoại: (057) 875270
- **Nhà máy phân bón Phú Yên**
  Địa chỉ: Xã Hòa Vinh, Huyện Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.
  Điện thoại: (057) 851623
- **Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh**
  Địa chỉ: 305/11 Đường Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
  Điện thoại: (08) 8457592
  Fax: (08) 8457592



Sản xuất phân NPK



Phân loại hạt điều nhân xuất khẩu

CÔNG TY CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU QUẢNG NAM

QUANG NAM FOOD COMPANY

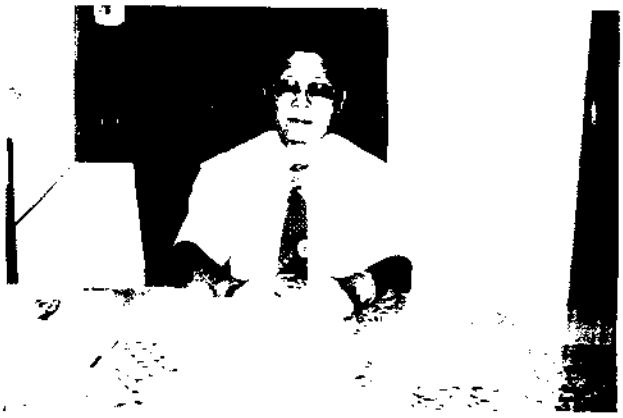

Địa chỉ: Đường Trần Phú, TX. Tam Kỳ
Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: (0510) 851553 - 851403
Fax: (0510) 851553

Giám đốc: NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Chức năng nhiệm vụ:

Chế biến các loại nông sản thực phẩm xuất khẩu, kinh doanh thương mại các loại nông sản, thực phẩm và một số mặt hàng khác.

Định hướng phát triển:

Hiện nay công ty đang triển khai thêm 2 dự án: Phát triển vùng nguyên liệu hạt điều trên địa bàn tỉnh Quảng Nam 4.700 ha, chuẩn bị triển khai xưởng sản xuất bánh mì và các loại bánh ngọt cao cấp phục vụ trên địa bàn của tỉnh, khu công nghiệp Dung Quất, khu kinh tế mở.

Công ty sẵn sàng hợp tác liên doanh liên kết với các đơn vị và cá nhân trong và ngoài nước.



Bộ phận tách hạt điều

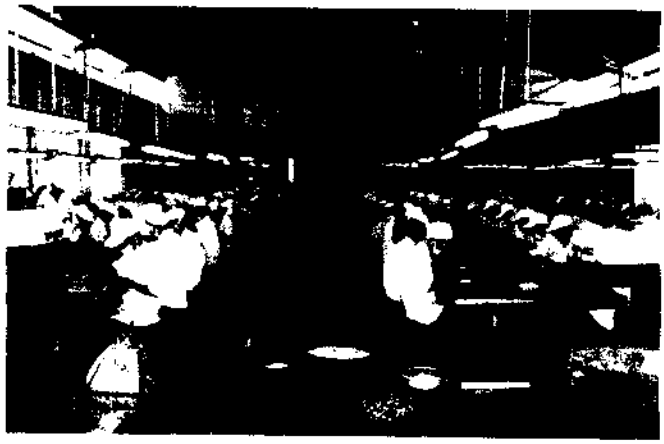

Bộ phận bóc vỏ lụa nhân hạt điều

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM HÀ NỘI

VIETNAM NATIONAL AGRICULTURAL PRODUCE AND FOODSTUFF IMPORT - EXPORT COMPANY

Add: No.6, Trang Tien St. Hanoi, Vietnam. Cable: AGREXPORT HANOI
Tel: (84-4) 8253543 - 8242550/ Fax:(84-4) 8259170. Tlx: 411510 AGRE-VT
Email: agrexport han@hn.vnn.vn

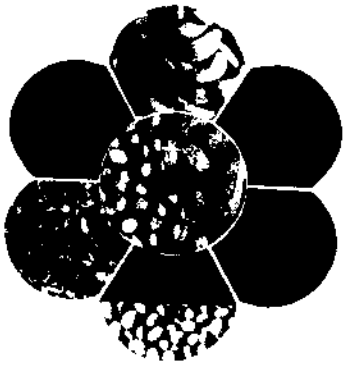

Công ty XNK NSTP Hà Nội - AGREXPORT HANOI thuộc Bộ NN & PTNT, trước đây là Tổng Công ty XNK Nông Sản Việt Nam - AGREXPORT Việt Nam được thành lập từ những năm 50, là doanh nghiệp Nhà nước.

*** PHẠM VI KINH DOANH:**

- *Xuất khẩu:* Nông sản, lâm sản và các sản phẩm chế biến từ nông sản, lâm sản, nguyên liệu cho ngành dệt, hàng thủ công mỹ nghệ và tiêu dùng.
- *Nhập khẩu:* Thực phẩm và nguyên liệu chế biến thực phẩm, tư nông nghiệp, vật tư xây dựng và [illegible] vận tải, máy móc thiết bị vật [illegible]
- *Kinh doanh văn phòng* [illegible]

*** CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:**

1. ***Chi nhánh Công ty XNK nông sản thực phẩm Hà Nội tại TP. Hồ Chí Minh***
   Địa chỉ: 77A Hoàng Văn Thụ, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
   Tel: (84-8) 8476031 **Fax:** (84-8) 8456520
   Email: AGREXTHANOI@hcm.fpt.vn
2. ***Chi nhánh Công ty XNK nông sản thực phẩm Hà Nội tại Hải Phòng.***
   Địa chỉ: 25 Lương Khánh Thiện, Thành phố Hải Phòng
   Tel: (031) 737120 **Fax:** (84-31) 846602
3. ***Kho 2 Cầu Tiên:***
   Địa chỉ: Đối diện cửa phía Nam ga Giáp Bát, Hà Nội
   (Rất tiện cho việc vận chuyển hàng liên vận sắt, bộ Nam - Bắc)
   Tel: 8.612880 - 8.255129

*** LIÊN DOANH:**

+ ***Công ty liên doanh TNHH "Trung tâm thương mại OPERA"***
  Địa chỉ: số 6 Tràng Tiền - Hà Nội
  Tel: (84-4) 9342919 **Fax:** 9343824
+ ***Xí nghiệp chế biến nông lâm sản xuất khẩu Vĩnh Hòa***
  Điện tín: VIPRO
  Địa chỉ: Xã Vĩnh Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
  Tel: (0650) 872974 **Fax:** (0650) 872840
+ ***Nhà máy chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu Bắc Giang***
  Điện tín: AGREXPORT Bac Giang
  Địa chỉ: Xã Xương Giang, Thị xã Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
  Tel: (0240) 854629 **Fax:** (0240) 859593



Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN TOAN THẮNG

TỔNG CÔNG TY XNK NÔNG SẢN VÀ THỰC PHẨM CHẾ BIẾN

Vinafimex

ĐỊA CHỈ : 58 LÝ THÁI TỔ - Q. HOÀN KIẾM - HÀ NỘI
ĐT : 8255768 - 8257579 - TELEX : 411533FIMEVT
FAX : (84-4) 8255476

Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản và Thực phẩm chế biến, gọi tắt là VINAFIMEX là một Tổng Công ty Nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty là:

Tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu chuyên canh, thâm canh, sản xuất nông nghiệp, lâm hải sản xuất khẩu có năng suất, chất lượng cao để có thể chủ động nguồn hàng xuất khẩu.

TRỰC TIẾP XUẤT NHẬP KHẨU:

Năm 1996, Tổng Công ty được mở rộng, phát triển và hoạt động theo mô hình mới. Toàn Tổng Công ty gồm 8 thành viên bao gồm các hoạt động sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ, địa bàn hoạt động trải rộng khắp toàn quốc.

XUẤT KHẨU:

Tổng Công ty chuyên xuất khẩu các mặt hàng thuộc nông, lâm, hải sản (hạt điều, lạc nhân, gạo và ngũ cốc, sản phẩm từ ngũ cốc, bột, chè, cà phê, thuốc lá, đồ gia vị, dược liệu, tinh dầu quế, hồi các loại, hạt và quả khác, các loại tơ, sợi, sơn....) các loại nấm ăn, măng đóng hộp.

Thực phẩm chế biến và nguyên liệu để chế biến, thực phẩm (rượu, bia, thuốc lá điếu, bánh kẹo, dầu thực vật, đường và các sản phẩm từ đường...)

Hàng thủ công mỹ nghệ, mành tre, gốm, nguyên liệu ngành dệt và bán thành phẩm, hàng may sẵn, vật liệu thuộc da và sản phẩm từ da....

Linh kiện, phụ tùng và dạng nguyên chiếc các loại máy móc, thiết bị lẻ, thiết bị đồng bộ, thiết bị năng lượng và kỹ thuật điện, phương tiện vận tải (ô tô, xe gắn máy...) và hàng điện tử.

Sắt thép và các kim loại khác, khung và nhà kho xi măng và vật liệu xây dựng khác, thiết bị và vật liệu nội thất, thiết bị văn phòng, gỗ và các sản phẩm từ gỗ.

Bao bì và nguyên liệu sản xuất bao bì, vải, tơ, sợi tổng hợp và tự nhiên, da và vật liệu từ da, các loại giấy và sản phẩm giấy, xenlulô, lie và các mặt hàng từ lie...

Hàng công nghiệp tiêu dùng và các loại hàng hóa khác được Nhà nước cho phép.

Ngoài ra Tổng Công ty còn trực tiếp kinh doanh và dịch vụ như:

- Kinh doanh buôn, bán lẻ nội địa và đại lý hàng hóa được Nhà nước cho phép.
- Xây lắp công nghiệp và dân dụng.
- Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng và cho thuê văn phòng.
- Kinh doanh giao nhận, vận tải và đại lý vận tải.
- Kinh doanh và dịch vụ các ngành nghề khác theo pháp luật Nhà nước.

Tổng Công ty luôn sẵn sàng liên doanh liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước để mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

VINAFIMEX MỘT BẠN HÀNG ĐÁNG TIN CẬY CỦA CÁC BẠN HÀNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG HÒA BÌNH

HOA BINH SUGAR CARE COMPANY

Địa chỉ: Phường Hữu Nghị, Thị xã Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
ĐT: (018) 854331 - 854791 Fax : (018) 854330

Công ty được thành lập và xây dựng năm 1995, năm 1997 bắt đầu đi vào sản xuất.

NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TY : Sản xuất, kinh doanh đường kính trắng các loại và các sản phẩm khác như : cồn, phân vi sinh và các sản phẩm khác.

Sản xuất bằng công nghệ tiên tiến của nước ngoài có công suất : 700 tấn mía/ ngày; 6 – 8 ngàn tấn phân vi sinh/ năm; 2 triệu lít cồn/ năm.

- Sản lượng niên vụ:
  + 1997 – 1998 đạt : 2.400 tấn đường các loại.
  + 1998 – 1999 đạt : 5.100 tấn
  + 1999 – 2000 đạt : 11.000 tấn.

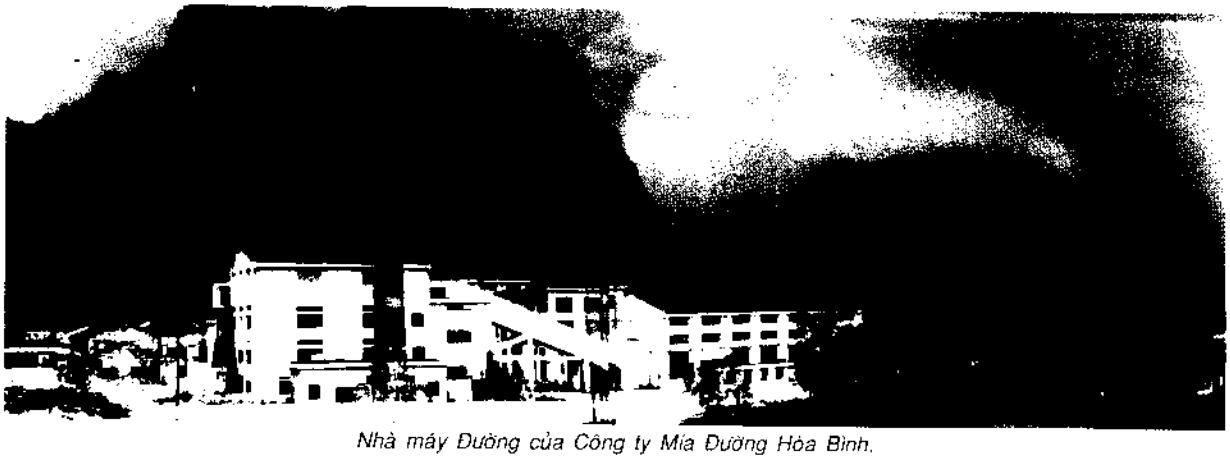

Nhà máy Đường của Công ty Mía Đường Hòa Bình.

XÍ NGHIỆP THỰC PHẨM XUẤT KHẨU PHÚ THỌ

Địa chỉ: Xã Minh Phương – TP. Việt Trì
Điện thoại: (0210) 846513



Giám đốc : **KS. VŨ VĂN ĐỨC**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Chế biến nông sản thực phẩm, rau quả
- Chế biến thịt lợn sữa, thịt lợn, thịt bò đông lạnh xuất khẩu
- Thị trường của xí nghiệp là các nước Nga, Hồng Kông và Trung Quốc
- Dây chuyền giết mổ của xí nghiệp liên tục hoạt động với 2 hầm cấp đông công suất 2,5 tấn/hầm là thiết bị của Nhật Bản cùng 1 xe lạnh chuyên dụng.
- Ngoài ra xí nghiệp còn có 2 kho chứa 30 tấn và 60 tấn
- Xí nghiệp có mặt bằng diện tích 3,7 ha.

NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC:

- Hiện xí nghiệp đã đầu tư mới vào thiết bị sản xuất với giá trị đầu tư 2,7 tỷ đồng, tiến tới mục tiêu xuất khẩu 1.500 tấn thịt đông lạnh/năm
- Doanh thu mỗi năm một tăng, ước tính năm 2000 đạt 8 tỷ đồng.

CÔNG TY CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU NINH BÌNH

ĐC: Đường Bắc Giang – Phường Đông Thành - Thị xã Ninh Bình
ĐT : (84.30) 871081 Fax : (84.30) 872547
***Giám đốc:* NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG**

Chức năng nhiệm vụ :



Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn về thăm và làm việc với công ty

- Chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu :
+ Lợn sữa đông lạnh.
+ Thịt lợn đông lạnh.
- Cung cấp lợn giống siêu nạc, lợn ngoại thuần chủng siêu nạc phạm vi toàn tỉnh.
- Sản xuất thịt hộp xuất khẩu.
- Xí nghiệp có 2 nhà máy : Nhà máy chế biến lợn đông lạnh, Nhà máy đồ hộp.
- Khả năng sản xuất : 1.000 tấn lợn sữa đông lạnh/năm, 700 tấn thịt hộp/năm, 1.400 lợn giống siêu nạc/năm.
- Thị trường : Hồng Kông, Malaysia, Thailand.

CÔNG TY KINH DOANH CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC TỈNH YÊN BÁI

ĐC: 582 Đường Điện Biên – TX. Yên Bái – Tỉnh Yên Bái
ĐT: (029) 852452 – 851441

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :



***Giám đốc:* NGUYỄN VĂN HINH**

◆ Kinh doanh dịch vụ các mặt hàng lương thực với phương châm : phục vụ tận nơi, thuận tiện, nhanh chóng, chất lượng và hiệu quả, giá cả cạnh tranh.

◆ Đặc biệt công ty có nhiều sản phẩm chất lượng cao, đặc sản như : gạo nếp Tú Lệ, gạo nếp Cẩm.

◆ Hiện công ty đang thực hiện dự án sản xuất và dịch vụ cung ứng các chủng loại giống gia cầm đảm bảo chất lượng sinh trưởng và hiệu quả kinh tế cao đến tận hộ gia đình, các tổ chức kinh tế của tỉnh và các địa phương lân cận.

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Xã Nhơn Hòa, Huyện An Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Điện thoại: (056) 835801 Fax : (056) 835913.



Giám đốc: NGÔ VĂN TƯƠNG

Chức năng nhiệm vụ:

❖ Khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, quản lý đầu tư XDCB hệ thống công trình thủy lợi do Công ty quản lý. Xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ, san ủi mặt bằng khu dân cư, cải tạo đồng ruộng, nuôi cá nước ngọt, kinh doanh dịch vụ khác trên hồ (tham quan du lịch...) do Công ty quản lý.

❖ Khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi.

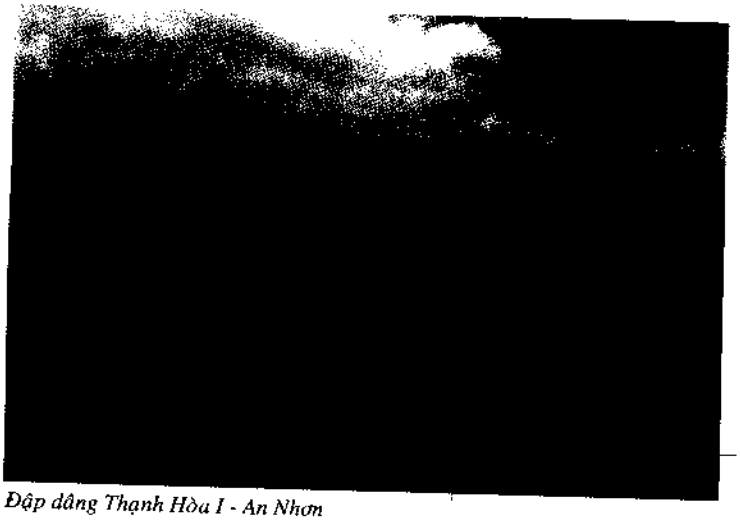

Đập dâng Thạnh Hòa I - An Nhơn

Những thành tích đạt được:

❒ *Diện tích tưới cả năm đạt 56.000(ha)*

❒ *Đang quản lý : 20 hồ chứa nước; Tổng dung tích 214.10^6 m^3 nước.*

❒ *Tổng chiều dài kênh chính + kênh cấp I = 557 km.*

Định hướng phát triển:

Giai đoạn 2000 - 2005 tiến hành kiên cố hóa kênh mương 557 km Công ty đang quản lý.



Đập Bảy Yến - An Nhơn



Giám đốc
NGUYỄN XUÂN ĐÔNG

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM HÀ NAM

Chức năng nhiệm vụ:

✣ Vận hành hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

✣ Làm các dịch vụ về nước đối với dân sinh và các ngành kinh tế khác.

✣ Khảo sát, thiết kế, tu bổ sửa chữa thường xuyên công trình thủy nông,cơ điện, thi công các công trình thủy lợi nhỏ trong phạm vi công ty quản lý.

✣ Xây dựng và sửa chữa các công trình thủy lợi, giao thông có qui mô vừa và nhỏ trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

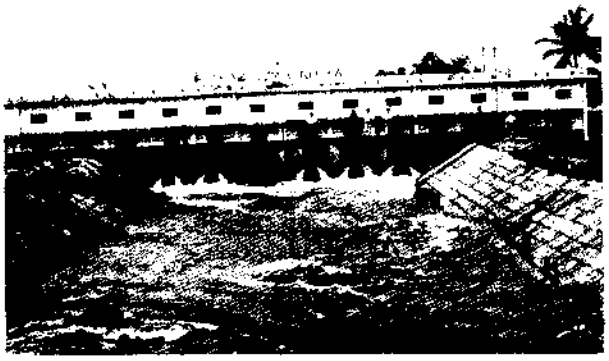

Trạm bơm Định Xá - Công suất 48.000 m^3/h

Tiềm lực KHKT:

❒ Công ty hoạt động trên một địa bàn rộng gồm: Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm và Thị xã Hà Nam.

❒ Công ty khai thác công trình thủy lợi Nam Hà Nam quản lý và vận hành 8 trạm bơm vừa và nhỏ với tổng công suất tưới tiêu là: 145.900 m /h.



Cống Phủ Lý

Thành tích đạt được:

⧫ Trong những năm qua công ty công trình thủy lợi Nam Hà Nam đã đảm bảo tưới tiêu cho 25.423 ha đất canh tác nông nghiệp thuộc hệ thống và tiêu úng cho trên 40.000 ha đất tự nhiên.

⧫ Góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất và sản lượng lương thực của toàn tỉnh phục vụ tốt đời sống dân sinh kinh tế xã hội và các ngành kinh tế khác

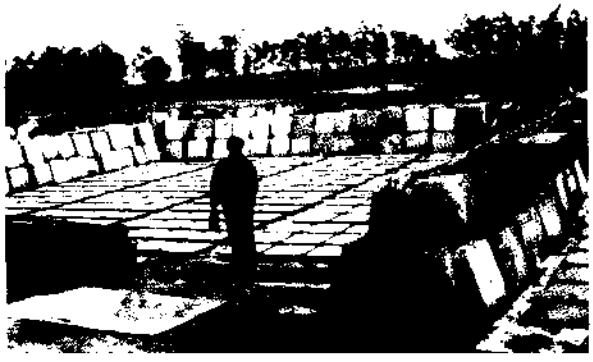

Đổ tấm lát gia cố kênh chính tưới Như Trác 10 Km

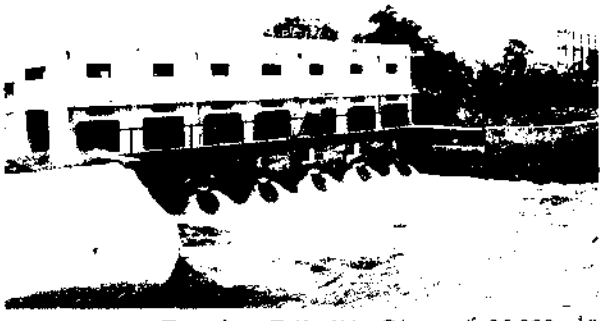

Trạm bơm Triệu Xá - Công suất 36.000 m^3/h

Địa chỉ: Phường Lương Khánh Thiện - Thị xã Phủ Lý - Hà Nam.
Điện thoại: (0351) 853168 - 853188 - 854610 - 853656

KẼ GỖ

Địa chỉ: Số 2 Đường Nguyễn Huy Tự - Thị xã Hà Tĩnh
Điện thoại: (039) 856798

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

❖ Quản lý, khai thác công trình thủy lợi Kẽ Gỗ.

❖ Phục vụ tưới cho diện tích đất nông nghiệp 3 huyện thị: Cẩm Xuyên, Thạch Hà và thị xã Hà Tĩnh.

❖ Cấp nước dân sinh, phát điện, nuôi trồng thủy sản

❖ Thu thủy lợi phí để duy tu, bảo dưỡng sửa chữa các công trình thủy nông.

TIỀM LỰC KHKT:

- Sử dụng trang thiết bị, vận hành công trình.
- Sử dụng một số máy móc để đo đạc khảo sát.
- Xưởng sửa chữa có đủ máy móc phục vụ cho chức năng nhiệm vụ của công ty.



Hồ chứa nước Kẽ Gỗ

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

✪ Hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước.

✪ Huân chương lao động hạng ba.

✪ Nhiều năm liền làm ăn có lãi và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Trong 5 năm tới phấn đấu kiên cố hóa và hiện đại hóa công tác quản lý để nâng cao chất lượng phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp với biện pháp cụ thể là bê tông hóa hệ thống kênh mương và công trình đầu mối, lắp đặt trang thiết bị quan trắc, quản lý, vận hành.

Mục tiêu cuối cùng là phục vụ hết diện tích đất nông nghiệp ổn định đạt hiệu quả cao hơn.

CÔNG TY QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ



ĐC: Km 57, Quốc Lộ 10, An Lão, Hải Phòng
ĐT: (031) 872368 - 879022

Chức năng nhiệm vụ:

✣ Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác.

✣ Khảo sát, thiết kế, tu bổ, sửa chữa, nạo vét và xây dựng các công trình trong hệ thống thủy lợi.

✣ Hàng năm tưới tiêu cho 26.250 ha/trên 4 địa giới hành chính: Huyện An Lão, Quận Kiến An, Thị xã Đồ Sơn, Huyện Kiến Thụy.

✣ Cung cấp nước cho 2 nhà máy nước Cầu Nguyệt và Sông He phục vụ cho đời sống dân sinh của khu vực.

✣ Cung cấp nước cho 9 xã huyện An Hải và khu công nghiệp Tràng Cát Ninh Vũ.

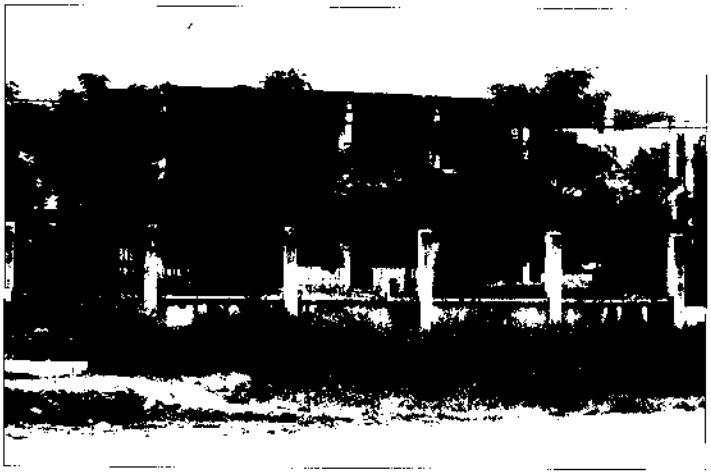

Trụ sở công ty

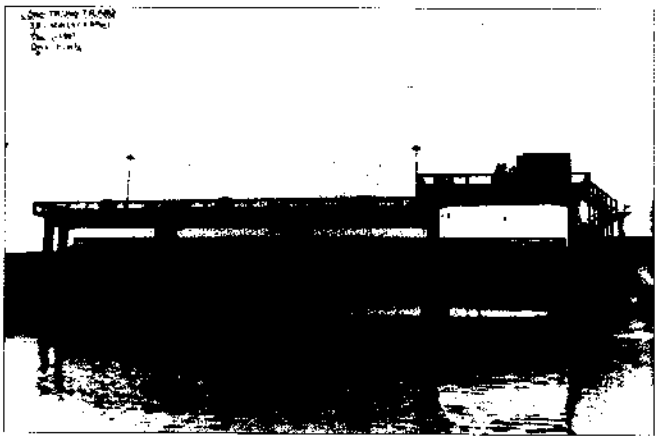

Cống Trung Trang



CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

NINH THUAN HYDRAULICS PROJECT EXPLOITATION COMPANY

Địa chỉ: Phường Phước Mỹ, Thị xã Phan Rang, Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: (068) 823338 -823463 Fax : (068) 825500.
Giám đốc : CAO VĂN MÃO

Chức năng nhiệm vụ :

- Quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trong địa bàn tỉnh Ninh Thuận.
- Duy tu bảo dưỡng và xây dựng các công trình thủy lợi
- Khảo sát, thiết kế các công trình thủy lợi nhỏ.
- Xây dựng dân dụng.

Định hướng phát triển:

▲ Từ nay đến năm 2005 phấn đấu tranh thủ các nguồn vốn (Trung ương, địa phương, các tổ chức Quốc tế) để kiên cố hóa được 100 km kênh tưới chính.

▲ Đưa một số công trình thủy lợi nhỏ vào khai thác phục vụ tưới cho khoảng 1000 ha đất trồng cây công nghiệp ở các vùng lâu nay khô hạn (không có nguồn nước tưới).

▲ Hiện đại hóa công tác quản lý, điều hành tưới tiêu



Trụ sở công ty

Những thành tích đạt được:

✪ Luôn luôn phục vụ tốt nhu cầu nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác trong địa bàn quản lý.

✪ Khả năng tưới chủ động cho nông nghiệp ngày càng được nâng cao. Năm 1978 diện tích tưới chủ động khoảng 5.000 ha, đến năm 1999 diện tích tưới chủ động là 13.500 ha (11.500 ha : hệ thống Nha Trinh - Lâm Cấm, 2.000 ha : hệ thống Sông Pha).

✪ Hàng năm luôn hoàn thành nộp nghĩa vụ ngân sách đối với Nhà nước.

✪ Liên tục từ năm 1995 - 1999 là đơn vị giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

CÔNG TY THỦY NÔNG ĐÔNG CAM
DONG CAM HYDROAGRICULTURE COMPANY



Giám đốc
KS. LÊ CHÍ TRỌNG.

Địa chỉ: 79 [illegible] xã Tu[illegible]
Điện thoại: (057) [illegible]6 - 822990 Fax: (0[illegible]

Công ty Thủy nông Đông Cam là một doanh nghiệp nhà nước hoạt động [illegible]

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
- Quản lý tưới tiêu và thu thủy lợi phí.
- Đáp ứng đầy đủ nhu cầu cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp thuộc các Huyện Tuy Hòa, Thị xã Tuy Hòa, Huyện Tuy An, Huyện Đồng Xuân.
- Tổng diện tích tưới: 31.057 ha

Tiềm lực KHKT:

Hiện nay công ty có 23 kỹ sư chuyên ngành, 9 cử nhân kinh tế, 24 trung cấp kỹ thuật và đội ngũ công nhân có kinh nghiệm lâu năm trong ngành. Năm 2000 công ty đã thực hiện hoàn thành dự án đầu tư xây dựng hoàn thiện và nâng cấp [illegible] tưới dưới 150 ha từ nguồn vốn vay ngân hàng thế giới và nguồn vốn của công [illegible]

Những thành tích đạt được:

Quản lý tốt công trình, cung cấp nước tưới đầy đủ [illegible] kịp thời cho diện tích sản xuất nông nghiệp, thu thủy lợi phí đạt 100%. Đời sống [illegible] được nâng cao.

Định hướng phát triển:

Tiếp tục thực hiện kiên cố hóa kênh mương [illegible] hoàn chỉnh và đồng bộ nhằm chủ động hơn trong tưới tiêu và [illegible] những năm sau.

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI QUẢNG NAM

QUANG NAM IRRIGATION MANAGEMENT COMPANY

Địa chỉ: 03 Trần Hưng Đạo - Tam Kỳ - Quảng Nam
Điện thoại: 852688 - 852685 Fax : (0510) 852688.



Giám đốc
THẠC SỸ VĂN PHÚ CHÍNH

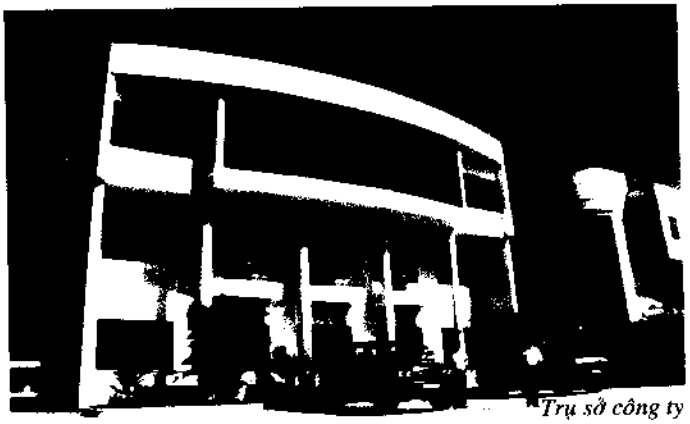

Trụ sở công ty

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác.
- Khảo sát thiết kế, tổ chức thi công tu sửa thường xuyên và sửa chữa lớn các công trình thủy lợi.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt cấu kiện bêtông thủy lợi.
- Cung ứng lắp đặt trang thiết bị quản lý.
- Quản lý 15 hồ chứa và 32 trạm bơm đảm bảo tưới 40.000 ha/năm diện tích đất nông nghiệp.



CÔNG TRÌNH ỨNG DỤNG:

- Đập dâng Cao su Ngọc Khô đầu tiên xây dựng tại Việt Nam.
- Xưởng sản xuất cấu kiện bêtông đúc sẵn theo công nghệ rung ép của Trung Quốc.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Cờ dẫn đầu thi đua của Thủ tướng Chính phủ.
- Cờ dẫn đầu thi đua các tỉnh duyên hải Miền Trung.
- Huân chương lao động hạng II và III.
- Bằng khen của : Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp & PTNT, UBND tỉnh Quảng Nam.
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Quảng Nam năm 1999.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN : 2000-2005

✓Đảm bảo tưới ổn định 40.000 ha gieo trồng. Tưới tiêu nước theo phương pháp khoa học 3.000 - 5.000 ha.

✓Triển khai thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp hồ chứa nước Phú Ninh, Cao Ngạn, Phước Hà, Trung Lộc, các trạm bơm Châu Sơn, Thái Sơn, Đông Quang, Đông Hồ, Cẩm Văn.

✓Ứng dụng phần mềm tin học vào các lĩnh vực khảo sát thiết kế, khai thác công trình thủy lợi.

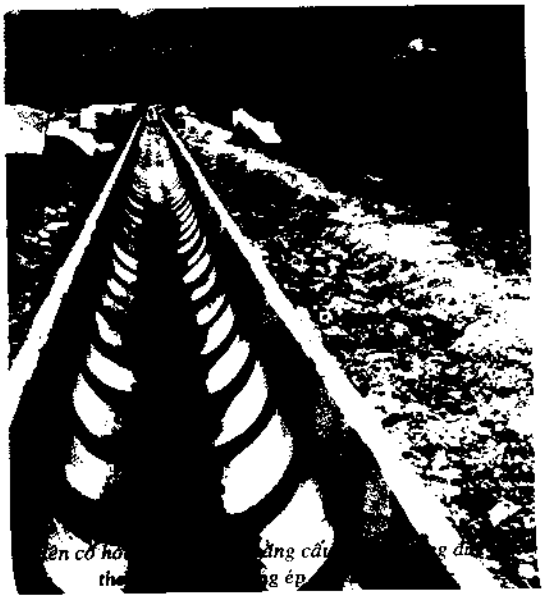

...ên cơ hội ...ảng cấ... ...g đ... ...thi ...ng ép

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC HƯNG HẢ

ĐỊA CHỈ: SỐ 2 ĐƯỜNG NGUYỄN CHÍ THANH - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
ĐT: (0320) 853738 - 853739 FAX: (0320) 853738

Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Hưng Hải là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích; Trực thuộc Bộ NN và PTNT, có nhiệm vụ quản lý khai thác hệ thống đại thủy nông Bắc Hưng Hải; Hệ thống lớn nhất miền Bắc với diện tích lưu vực 200.200 ha của 4 tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh và Hà Nội, xây dựng từ năm 1958 được Thủ tướng Phạm Văn Đồng bổ nhát cuốc đầu tiên.



Giám đốc: KS. CAO BÁ LỘC

Với đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và trình độ cao, cùng với lực lượng công nhân tay nghề giỏi, trong suốt những năm qua ngoài nhiệm vụ chính đã nhận khảo sát, thiết kế, lập dự án cải tạo, sửa chữa các công trình thủy lợi, gia công cơ khí và lắp đặt các loại máy bơm từ 8.000 m^3/h trở xuống.

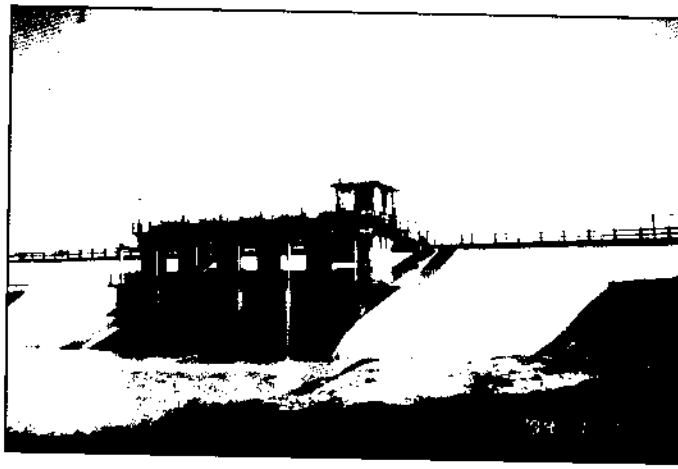

Thượng lưu Cống Xuân Quan

Với truyền thống 42 năm hoạt động, xây dựng và phát triển; Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3, nhiều bằng khen, cờ luân lưu của Bộ và của tỉnh. Phát huy những thành tựu đã đạt được, những năm tới không ngừng đầu tư khoa học công nghệ mới, quản lý và điều hành hệ thống bằng thiết bị hiện đại, có sự trợ giúp của hệ thống máy vi tính; Công ty Khai thác công trình Thủy lợi Bắc Hưng Hải với kinh nghiệm và tiềm năng sẵn có của mình, sẵn sàng hợp tác với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước, phấn đấu vươn tới những thành tích cao hơn nữa, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

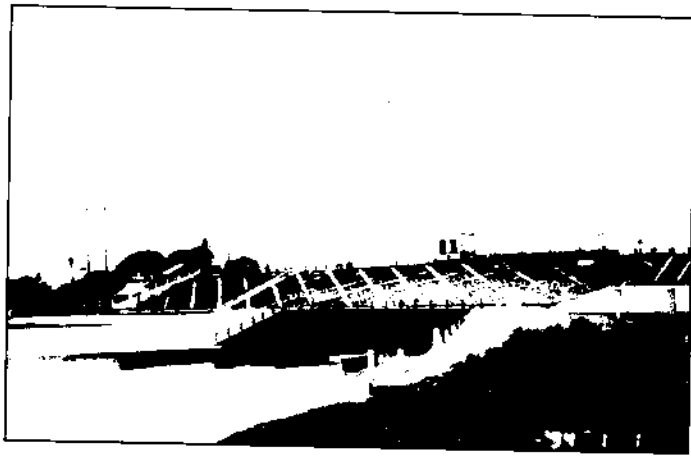

Hạ lưu Cống Xuân Quan

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIA LAI



Giám đốc
KS. BÙI THANH MAI

Địa chỉ: 97A Lê Lợi nối dài - TP. PleiKu - T. Gia Lai
ĐT: (059) 824227 **Fax :** (059) 871246

Chức năng nhiệm vụ:

- Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác.
- Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, hoàn chỉnh công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Quản lý khai thác 5 hồ chứa nước vào loại vừa, loại lớn trong đó có 2 hồ chứa Biển Hồ dung tích hữu ích 42 x $10^6 m^3$ nước, Hồ Ayun Hạ 253 x $10^6 m^3$ nước. Có phương tiện thiết bị phục vụ điều hành, tu sửa công trình đáp ứng yêu cầu mới.
- Được nhiều bằng khen của UBND tỉnh, Bộ Thủy lợi (trước đây), Bộ Nông nghiệp và PTNT, cờ thi đua xuất sắc của Liên đoàn Lao động tỉnh, Tổng công đoàn năm 1995, 1996, 1997, 1998.
- Đến năm 2001 nhận thêm công trình ở huyện MangZang, thành phố PleiKu, các năm sau tiếp tục nhận thêm công trình ở các huyện KrôngPa, Chưsê, Chưprông.

CÔNG TY QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐÀ NẴNG



Giám đốc
KS. KIỀU VĂN LŨY

Địa chỉ: Quốc lộ 1A - Xã Hòa Phước - Hòa Vang - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: (0511) 846442 **Fax :** (0511) 879214

✠ *Công ty là doanh nghiệp công ích được thành lập theo QĐ số 1061/QĐ-UB ngày 29/4/1997 của UBND thành phố Đà Nẵng.*

☛ Quản lý và khai thác 2 hồ chứa và 9 trạm bơm điện tưới cho 7.000 ha lúa và màu cho các quận, huyện của Tp. Đà Nẵng và một phần diện tích của huyện Điện Bàn, Đại Lộc thuộc tỉnh Quảng Nam.

☛ Khảo sát thiết kế và thi công những công trình thủy lợi nhỏ.

- Các đơn vị trực thuộc : 5 trạm quản lý thủy nông : Đồng Nghệ, Hòa Trung, Bích Bắc, An Trạch, Túy Loan; 1 đội xây dựng.

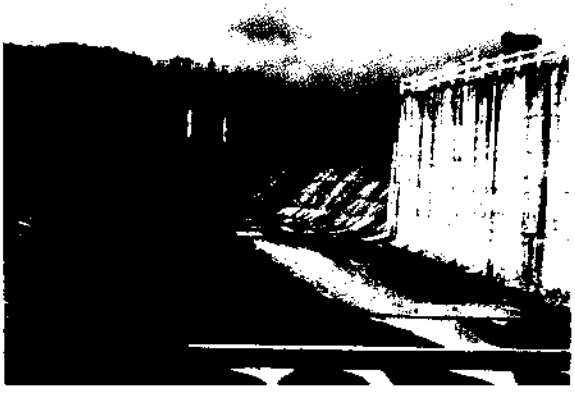

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG



Giám đốc: KS. PHẠM NGUYÊN TÀI

Địa chỉ: Xã Tân Trường - Huyện Cẩm Giàng - Tỉnh Hải Dương
Điện thoại: (0320) 786525 - 786773

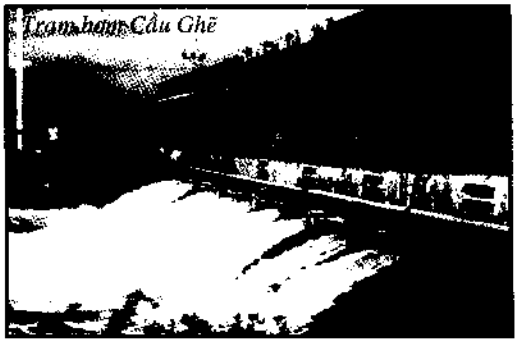

Chức năng nhiệm vụ:

■ Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

■ Dịch vụ về nước đối với dân sinh và các ngành kinh tế khác.

■ Khảo sát, thiết kế, lập thủ tục sửa chữa và thi công các công trình nhỏ.

Xí nghiệp trực tiếp quản lý khai thác vận hành 18 trạm bơm với tổng số 68 máy bơm các loại có công suất lắp máy là 133.000 m /h

Phương hướng tổ chức hoạt động :

► Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có.

► Tiến hành kiên cố hóa hệ thống kênh mương tưới 2001 - 2005 với tổng kinh phí 100 tỷ đồng.

CÔNG TY KHAI THÁC

Địa chỉ: Phố Phạm Huy Thông - TT. Ân Thi
H. Ân Thi - T. Hưng Yên
Điện thoại: (0321) 830205 - 830237



Giám đốc: TRẦN TUẤN KHẢI

Chức năng nhiệm vụ và hoạt động:

* Quản lý khai thác 29 trạm bơm
  + Trạm 4.000 m/h (2 trạm = 29 máy)
  + Trạm 2.500 m/h (7 trạm = 41 máy)
  + Trạm 1.000 m /h (20 trạm = 56 máy)
  + 1 trạm bơm chuyên tiêu
  + 1 trạm bơm chuyên tưới
  + 27 trạm tưới, tiêu kết hợp
* Diện tích phục vụ: + Vụ chiêm: 7.800 ha
  + Vụ mùa: 8.000 ha
* Nghiệm thu hàng năm: + Tưới vụ chiêm: 4.000 - 4.200 ha
  + Tưới vụ mùa: 3.000 - 3.200 ha
  + Tiêu vụ mùa: 7.000 - 7.200 ha
* 1994 -1996: Vay vốn ưu đãi cải tạo xây dựng 2 trạm bơm từ 1.000m /h lên 2.500 m /h, xây dựng 02 hệ thống kênh tưới dài 2.400 m.

Định hướng phát triển:

▲ Năm 2005: xây dựng thêm 01 trạm bơm tưới tiêu kết hợp
▲ Cải tạo nâng cấp 17 trạm bơm từ 1.000 m /h lên 2.500 m /h
▲ Cải tạo 17 hệ thống kênh tưới chính các trạm bơm có chiều dài 28.600 m với kinh phí: 13,4 tỷ VND
▲ Đầu tư nâng cấp 17 trạm bơm kinh phí: 11,4 tỷ VND./.



Trạm bơm Bích Tràng

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CHÂU GIANG

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN KHOÁI CHÂU, H. KHOÁI CHÂU, T. HƯNG YÊN.
ĐIỆN THOẠI: (0321) 910366



Giám đốc: NGUYỄN MINH KHÂM

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Kế hoạch từ nay đến 2010 sẽ xây dựng thêm 10 trạm bơm tiêu (tăng thêm 105.000m^3/h).
- Cải tạo, nâng cấp thiết bị các trạm bơm cũ.
- Kiên cố hóa toàn bộ hệ thống kênh mương do công ty quản lý.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

✣ Phục vụ tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh trên địa bàn 2 huyện Văn Giang, Khoái Châu và 6 xã của huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

✣ Lập dự án, thiết kế và thi công các công trình thủy lợi trên địa bàn công ty phục vụ.

TIỀM LỰC KHKT:

✓ Công ty quản lý 15 trạm bơm tưới tiêu với tổng số 67 máy bơm trong đó có 7 máy bơm loại 8.000 m^3/h, 19 máy bơm 2.500 m^3/h, 41 máy bơm 1.000 m^3/h

✓ Các cống lớn trên 15 m^3/s: 7 cống

✓ Công ty bảo đảm tưới 13.400 ha, tiêu 19.592 ha. Trong nhiều năm nay không để xảy ra úng, hạn.

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIÊN LỮ - HƯNG YÊN



Giám đốc: K.S TRẦN VĂN TỚI

Định hướng phát triển :

* Đến năm 2005 toàn bộ nhân viên khối văn phòng đạt trình độ đại học; đào tạo và đào tạo lại toàn bộ công nhân có tay nghề cao đáp ứng nhu cầu và nhiệm vụ tỉnh giao.
* Phấn đấu 2005 diện tích tưới tăng 40 - 60%. Thay thế, nâng cấp máy bơm 1.000m^3/h thành máy bơm 2.500 m^3/h.

Chức năng nhiệm vụ:

◣ Quản lý khai thác công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và các ngành dân sinh kinh tế khác.

◣ Đảm bảo cho toàn bộ diện tích canh tác 3 vụ trên địa bàn 4 huyện và 1 thị xã gồm Huyện Tiên Lữ 1 phần Phù cừ, Ân thi, Kim Thi và thị xã Hưng Yên. với tổng diện tích tưới 13.500 ha, tiêu 12.843 ha.

Địa chỉ: Thị trấn Vương - Tiên Lữ - Hưng Yên.
Điện thoại: (0321) 873112



Trụ sở công ty

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI HÒA BÌNH



Giám đốc: BÙI ĐỨC TRIỂN.

Địa chỉ : 101 B Đường Trần Hưng Đạo, TX. Hòa Bình, T. Hòa Bình
Điện thoại : (018) 853083 - 853689
Fax : (018) 853689

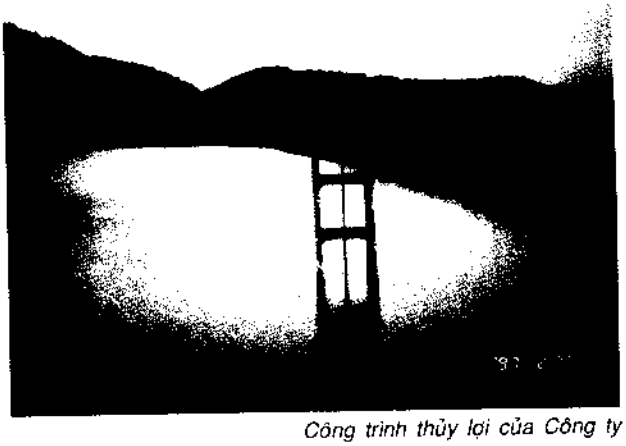

Công trình thủy lợi của Công ty

CÔNG TY CÓ NHIỆM VỤ: Quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi được UBND tỉnh phân cấp quản lý.
Diện tích tưới tiêu : 4.671 ha.
Tổng số CBCNV toàn Công ty là 118 trong đó có 11 kỹ sư và 34 cán bộ trung cấp.
Trong 5 năm qua Công ty luôn đạt và vượt kế hoạch từ 2 – 6 %.

CÔNG TY QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU QUẢNG NINH



Hồ chứa nước Khe Chè chứa hơn 11 triệu m^3 nước

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Quản lý, khai thác các công trình thủy lợi phục vụ cho nông nghiệp.
- Hiện Công ty đang quản lý 15 hồ đập, 5 trạm bơm tưới, 5 trạm bơm tiêu, 10 tổ máy biến thế và 1 cống tiêu.

ĐỊA CHỈ: XÃ HƯNG ĐẠO, H. ĐÔNG TRIỀU, T. QUẢNG NINH
ĐT: (033) 870862 - 870863
***GIÁM ĐỐC:* ĐOÀN VĂN CHIẾN**

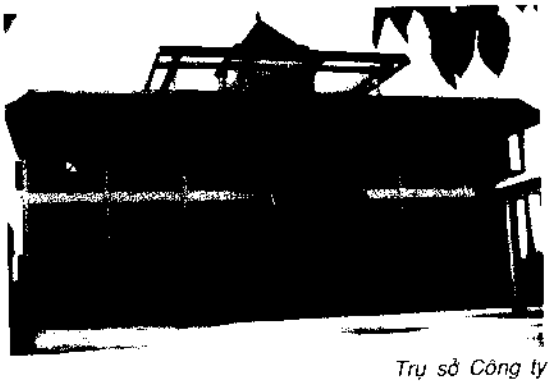

Trụ sở Công ty

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
GIO CAM HÀ - QUẢNGTRỊ

Địa chỉ: Phường 3 - Thị xã Đông Hà - Quảng Trị.
Điện thoại: (053) 852471
Giám đốc: TRẦN ĐỨC ĐẠI.

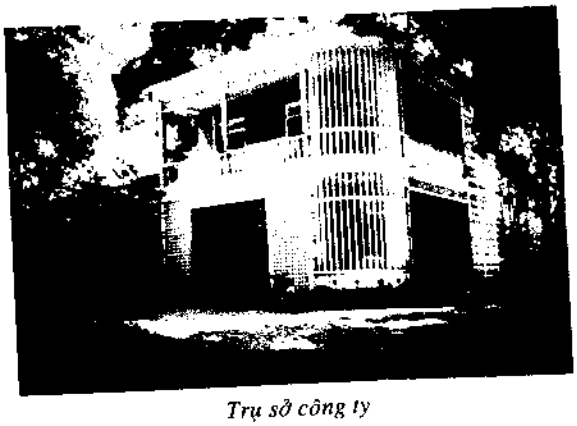

Trụ sở công ty

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

✣ Cung cấp dịch vụ nước tưới tiêu cho 3 huyện, thị: Gio Linh, Cam Lộ, Đông Hà.

✣ Diện tích tưới 5.500 ha, tiêu: 1.500 ha.

✣ Quản lý 4 hồ chứa nước: 100 triệu m^3, 02 trạm bơm công suất 13.000 m^3/ giờ, 01 hệ thống ngăn mặn, giữ ngọt.

Hân hạnh được phục vụ.

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM THẠCH HÃN - QUẢNG TRỊ



Giám đốc: KS. TRẦN ĐÌNH SANH

Địa chỉ: 198 Hai Bà Trưng - Phường 2 - Thị xã Quảng Trị.
Điện thoại: (053) 861343 - 861342.

QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP CÔNG TY:

❑ Ngày 21.9.1979: Thành lập Ban chuẩn bị sản xuất Nam Thạch Hãn.
❑ 1982: Trạm quản lý thủy nông Triệu Hải.
❑ 1985 - 1992: Xí nghiệp quản lý Thủy nông Triệu Hải.
❑ 29.12.1992: Xí nghiệp quản lý khai thác công trình Thủy lợi Nam Thạch Hãn.



Văn phòng công ty

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Quản lý, khai thác công trình thủy lợi Nam Thạch Hãn là chủ yếu.
- Ngoài ra còn quản lý:
  + Trạm tưới tiêu
  + Trạm bơm điện tưới
  + Đập ngăn mặn Việt Yên
- Tưới phục vụ nông nghiệp cho 3 huyện thị: Triệu Phong, Hải Lăng, Quảng Trị
- Diện tích phục vụ: 7.640 ha.
- Năng suất: 40 - 60 tạ/ ha/ vụ.
- Sản lượng 50.000 tấn/ năm.

Đầu mối Nam Thạch Hãn (cống lấy nước, đập chính)

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI TÂY NINH

TAY NINH HYDRAULIC ENGINEERING CONSULTANTS COMPANY

ĐC: 213 ĐƯỜNG 30/4 - P. I - TX. TÂY NINH
ĐT: (066) 822489 - 820358 FAX: (066) 826435

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

+ Lập quy hoạch thủy lợi vùng tưới tiêu khoảng 20.000 ha:
- Quy hoạch nông thôn, khu dân cư, khu kinh tế mới khoảng 20.000 dân hoặc diện tích khoảng 200km².
- Thẩm tra các dự án quy hoạch quy mô như trên.
+ Lập dự án khả thi khảo sát thiết kế kỹ thuật tổng dự toán, thẩm tra thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng giao thông, xây dựng dân dụng, xây dựng thủy lợi, công trình cấp thoát nước đến cấp II nhóm B.
+ Tư vấn các dự án đầu tư từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, thẩm tra các dự án đầu tư cùng cấp.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá, thép, gỗ.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Từ 1996 - 1998 Công ty được tặng nhiều bằng khen của Bộ Nông nghiệp & PTNT và UBND tỉnh Tây Ninh.
- Năm 1996 bằng khen của UBND tỉnh Tây Ninh,
- Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Năm 1997: 2 Bằng khen của UBND tỉnh Tây Ninh
- Năm 1998: Bằng khen của Bộ NN và PTNT Quyết định số 24/QĐ - UB ngày 3/3/1998.
- Năm 1999: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ



Văn phòng công ty

CÔNG TY KHAI THÁC THỦY LỢI DẦU TIẾNG

DAU TIENG IRRIGATION ENGINEERING INTEGRATERATED COMPANY.

Địa chỉ : Xã Phước Minh - Huyện Dương Minh Châu - Tây Ninh.
Điện thoại : (066)775520 - 775557 **Fax :** (066)775644

Chức năng nhiệm vụ :

- Quản lý vận hành hệ thống công trình thủy lợi
- Tu bổ sửa chữa và xây dựng công trình thủy lợi.
- Khai thác vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh tổng hợp trên hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng.

✱ Đơn vị thành viên :

◆ Văn phòng tại TP.Hồ Chí Minh:

ĐC: 213 Nguyễn Tri Phương - Q.5 -TP. HCM

ĐT: (08)8559873.

◆ 3 đơn vị khối dịch vụ công ích (các trạm thủy nông).

◆ Khối sản xuất kinh doanh phụ gồm 6 đơn vị (các đội, trại sản xuất và dịch vụ)



Du lịch Hồ Dầu Tiếng

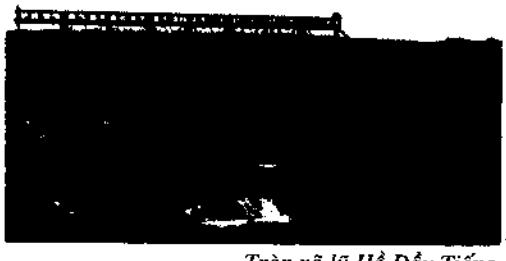

Tràn xả lũ Hồ Dầu Tiếng

ÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN I CAO BẰNG



Địa chỉ: Phường Tân Giang - TX. Cao Bằng
Tỉnh Cao Bằng.
Điện thoại: (026) 852.627

Công ty Xây dựng và PTNT I Cao Bằng được thành lập theo Quyết định 542/UB - QĐ ngày 24.6.1996 của UBND Tỉnh Cao Bằng

Giám đốc
KS. NGUYỄN NGỌC TRUYỀN.

c năng nhiệm vụ:

Xây dựng các công trình thủy lợi
g trình dân dụng, đường giao
ng.
Sản xuất vật liệu xây dựng: cát,
gạch, vôi...

n lực KHKT:

ông ty có kinh nghiệm nhiều năm
g nghề, có đội ngũ công nhân kỹ
ật tay nghề cao.
rang thiết bị máy móc, xe đầy đủ,
n bảo thi công tốt và bàn giao công
h đúng thời hạn theo hợp đồng.

ng thành tích đạt được:

Từ khi thành lập đến nay công ty đã
phần phục vụ đắc lực cho sản xuất
g nghiệp của tỉnh Cao Bằng.
Các công trình xây dựng đều đảm bảo
g tiến độ, thời gian, chất lượng, kỹ
ật, mỹ thuật.



Kênh tưới trạm bơm điện Pác Gây - Bình Long - Hòa An - Cao Bằng

Các công trình nước sạch phục vụ đồng bào các dân tộc trong tỉnh cũng góp phần đáng kể ổn
n đời sống, xóa bỏ tình trạng du canh du cư, ổn định đời sống cho nhân dân địa phương, từng
c nâng cao đời sống, góp phần xóa đói giảm nghèo.

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN II

CAO BẰNG

Địa chỉ: Phường Tân Giang - TX. Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng.
Điện thoại: (026) 852318 - 852848
Giám đốc: KS. ĐÀM ĐỨC HẠNH.

Công ty Xây dựng và PTNT II là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 541/UB - QĐ - DN ngày 24.6.1996 của UBND Tỉnh Cao Bằng

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện qui mô vừa, đường giao thông, nhà dân dụng.

Dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp san ủi, cày bừa.

Công ty có đầy đủ thiết bị thi công các công trình xây dựng từ qui mô vừa đến lớn. Đảm bảo thích ứng và linh hoạt trong mọi điều kiện, phục vụ cho thi công kịp thời chính xác.



Trụ sở Công ty Xây dựng và PTNT II Cao Bằng



Trang thiết bị hiện đại phục vụ cho sản xuất

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI HÀ TÂY

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG LA KHÊ - XÃ VĂN KHÊ - TX. HÀ ĐÔNG - T. HÀ TÂY
ĐT: (034) 824412 - 824436 - 829415



GĐ: KS. PHÙNG VĂN CHIÊM

I. CHỨC NĂNG:

➲ Tư vấn xây dựng các công trình thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông nông thôn trong tỉnh và ngoài tỉnh.

➲ Làm thủ tục các dự án tiền khả thi, khả thi các công trình xây dựng cho kế hoạch trong năm và những năm sau giúp cho ngành ghi kế hoạch đầu tư được sát thực đúng với mục đích và nhiệm vụ các công trình được xây dựng, đảm bảo an toàn, kỹ, mỹ thuật, kinh tế, hiệu quả cao.

II. NHIỆM VỤ :

Tư vấn xây dựng các công trình thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp các dự án nhóm B và C.

1- Lập dự án đầu tư xây dựng nghiên cứu và lập báo cáo tiền khả thi, khả thi các công trình có vốn đầu tư trong nước.

2 - Khảo sát địa hình địa chất công trình, thủy văn, khí tượng môi sinh và đánh giá tác động môi trường khi xây dựng công trình.

3 - Thí nghiệm để cung cấp hoặc kiểm tra, các thông số kỹ thuật phục vụ cho thiết kế và kiểm định đánh giá chất lượng công trình xây dựng gồm các chỉ tiêu: cơ, lý, hóa, sinh của đất đá nước trong công trình.

4 - Thiết kế quy hoạch thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp.

- Thiết kế kỹ thuật và thiết kế thi công các công trình.
- Lập dự toán và tổng dự toán các công trình.
- Thẩm định dự án đầu tư xây dựng.
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công.
- Thẩm định dự toán và tổng dự toán các công trình trong nước và nước ngoài đầu tư vào Hà Tây.

5- Xác định nguyên nhân sự cố các công trình, và các yếu tố khác có liên quan phương án gia cố cải tạo hoặc phá dỡ theo qui định Nhà nước.

6- Khoan phụt vữa gia cố chất lượng đê, đập.

7- Tư vấn đấu thầu xây dựng các công trình.

8- Giám sát thi công các công trình.

9- Khảo sát thiết kế cầu giao thông, đường giao thông nông thôn liên xã, huyện .

10 - Thiết kế kỹ thuật điện hạ thế.

11 - Thiết kế kỹ thuật lắp ráp máy bơm.



Đập tràn Vị Thủy - Sơn Tây



Trạm bơm An Sơn

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI HÀ TÂY



ĐỊA CHỈ: DUYÊN THÁI – THƯỜNG TÍN – HÀ TÂY
ĐIỆN THOẠI: (034) 853155 – 853232
Giám đốc: KS. BÙI VĂN HOÀN



Trạm bơm Thanh Bình

Qua 35 năm hoạt động Công ty đã tham gia xây dựng các công trình trong tỉnh cũng như ngoài tỉnh và nước bạn Lào. Các công trình xây dựng gồm:

- Trạm bơm các loại: 32 trạm
- Hồ đập các loại: 15 hồ
- Cống dưới đê, đập: 20 cống
- Làm kè chỉnh trị dòng sông: 16 kè
- Xây dựng kênh mương cấp I và II: 310 km
- San lấp mặt bằng: 250.000 m^3 đất đá
- Xây dựng nhiều công trình dân dụng và giao thông nhóm C.

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình thủy lợi.
- San lấp mặt bằng .
- Xây dựng công trình dân dụng và giao thông nhóm C.

Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề giàu kinh nghiệm trong xây dựng gồm:

- 15 kỹ sư chuyên ngành thủy lợi xây dựng và giao thông.
- 24 cán bộ trung học và cao đẳng chuyên nghiệp.
- 65 công nhân kỹ thuật bậc cao.

Có đầy đủ thiết bị, xe máy đảm nhận thi công các công trình thủy lợi.



Đập tràn hồ Quan Sơn

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI HÀ TĨNH



Giám đốc
KS. TRẦN VĂN NHẬM.

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG BẮC HÀ - THỊ XÃ HÀ TĨNH
ĐIỆN THOẠI: (039) 855592 - 859045 - 856930

Được thành lập 1991 là XN khảo sát thiết kế thủy lợi đến 1993 sau quyết định 388 vẫn là xí nghiệp, năm 1996 chuyển đổi thành công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Hà Tĩnh.

Chức năng nhiệm vụ:

- Khảo sát địa hình, địa chất, thí nghiệm mẫu vật liệu, thiết kế công trình thủy lợi tới nhóm B.
- Giám sát kỹ thuật xây dựng thủy lợi.
- Công trình do công ty lập dự án:
  + Công trình Sông Tiêm tổng kinh phí đầu tư 80 tỷ
  + Công trình Linh Cảm tổng kinh phí đầu tư 113 tỷ
- Cùng tham gia các hạng mục công trình hồ chứa, trạm bơm, đê sông, đê biển, hồ chứa nước.

Tiềm lực KHKT:

Công ty có đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác khảo sát thiết kế, lập dự án các công trình thủy lợi.



Cầu máng bãi H - Huyện Hương Khê - Hà Tĩnh

Định hướng phát triển:

Trên cơ sở công việc đã làm công ty có định hướng mở rộng chức năng nhiệm vụ, tham gia giám sát, lập dự án khả thi, thiết kế bản vẽ thi công, giám định kỹ thuật cùng các đối tác hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn nữa, và đảm bảo chất lượng cũng như kỹ, mỹ thuật cho các công trình.





Hồ chứa nước Thiên Tượng - Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh

CÔNG TY THI CÔNG CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP NÔNG NGHIỆP HÀ TĨNH

Địa chỉ: Đường Vũ Quang - Xã Thạch Linh - Thị xã Hà Tĩnh
Điện thoại: (039) 856704 - 856744
Giám đốc: ĐOÀN VĂN THẬN.

Chức năng nhiệm vụ:

Gồm 7 chức năng chính:

1. Xây dựng các công trình Thủy lợi, Thủy điện (kể cả xây dựng các công trình tưới tiêu, phòng chống lụt bão).
2. San ủi mặt bằng, cải tạo đồng ruộng.
3. Xây dựng các công trình khai hoang kinh tế mới.
4. Xây dựng đường giao thông nông thôn.
5. Dịch vụ và cơ giới nông nghiệp, làm đất bằng máy, vận tải hàng hóa nông nghiệp.
6. Sửa chữa trung đại tu xe máy, cung ứng vật tư thiết bị phụ tùng cơ khí nông nghiệp.
7. Xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn.

Tiềm lực KHKT:

Công ty có một đội ngũ cán bộ kỹ thuật: 14 kỹ sư, 40 trung cấp kỹ thuật và nghiệp vụ. Trên 300 công nhân kỹ thuật, trong đó có hàng trăm công nhân là thợ bậc cao có tay nghề từ bậc 4 trở lên.



Máng N, dài 200 m công trình



Công trình thi công

Những thành tích đạt được:

- Công ty đã thi công nhiều công trình lớn, phức tạp đạt chất lượng khá như: Trạm bơm Lam Hồng, Thủy điện Kẽ Gỗ, các hồ chứa nước như Khe Dẻ (Hồng Sơn), Thiên Tường (Thị xã Hồng Lĩnh), Khe Hao (Can Lộc).
- Công ty đã được Bộ xây dựng cấp 2 bằng công trình đạt chất lượng cao. Hiện nay Công ty đã đăng ký và làm thủ tục 2-3 công trình đạt chất lượng cao.

Định hướng phát triển các giai đoạn:

Năm 1999 công ty SXKD đạt giá trị sản lượng 12,105 tỷ đồng. Định hướng phát triển năm 2000 đạt giá trị sản lượng 14 tỷ đồng, năm 2001 đạt 16 tỷ và từ 2002 - 2005 phấn đấu đạt mức giá trị sản lượng từ 18 - 22 tỷ đồng.

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI DƯƠNG



ĐỊA CHỈ: KM2 NGUYỄN LƯƠNG BẰNG
TP. HẢI DƯƠNG
ĐT: (0320) 890785 - 891790

Giám đốc: KS. TRƯƠNG VŨ UYÊN

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ: Khảo sát địa hình địa chất lập dự án tiền khả thi và dự án khả thi đối với các công trình thủy lợi, công trình điện cao hạ thế.

Thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng dự toán các công trình thủy lợi và điện cao hạ thế trong ngoài tỉnh.

Tư vấn giám sát kỹ thuật các công trình xây dựng thủy lợi, thủy điện trong và ngoài ngành.

Công ty đã tư vấn khảo sát và thiết kế nhiều công trình lớn, vừa và nhỏ trên địa bàn Hải Dương, Hưng Yên như: Hồ đập Chí Linh; cải tạo nâng cấp hệ thống thủy nông Bắc Hưng Hải, công trình thủy lợi Văn Lâm, Văn Giang.

Có những công trình lớn như: Trạm bơm Triều Dương công suất 5 x 8.000m^3/h, Mai Xá 6^m x 8.000m^3/h thuộc huyện Tiên Lữ Hưng Yên, Trạm bơm Văn Thai Cẩm Giàng 7^m x 8.000m^3/h, Trạm Đò Neo Tứ Kỳ 9 x 8.000m^3/h.v.v...

Có nguồn vốn đầu tư lớn đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và dân sinh.

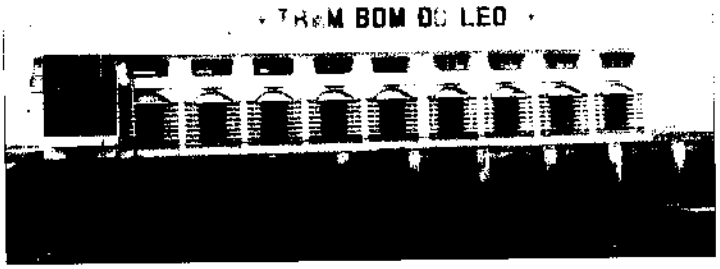

Trạm bơm Đò Neo Tứ Kỳ

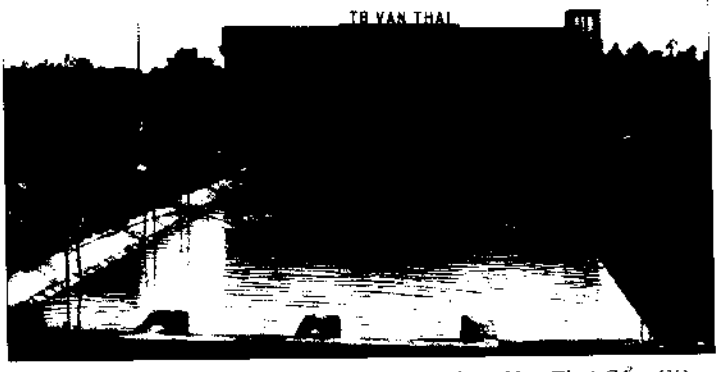

Trạm bơm Văn Thai Cẩm Giàng

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI HÒA BÌNH

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG CHĂM MÁT, THỊ XÃ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH
ĐT: (018) 852013 – 854992
Giám đốc: NGUYỄN CÔNG BẢN

*** CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:**

- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, đường giao thông nông thôn.
- Xây dựng các công trình dân dụng, các công trình cấp nước sạch.
- Khoan phụt gia cố chất lượng nền móng , công trình đê đập.
- Gia công kết cấu bê tông đúc sẵn phục vụ công trình thủy lợi.

Trang thiết bị của Công ty có nhiều chủng loại đủ điều kiện đáp ứng cho nhu cầu thi công trong giai đoạn hiện tại.

* Kể từ khi thành lập năm 1977 đến nay Công ty đã phát triển không ngừng, từ lúc chỉ xây dựng công trình thủy lợi đến thi công đa dạng nhiều lĩnh vực. Công ty đã thi công hàng trăm công trình lớn nhỏ tại các tỉnh Hòa Bình, Hà Tây, Sơn La, Quảng Ninh. Hầu hết các công trình của tỉnh Hòa Bình đều do Công ty thi công, nhiều công trình được đánh giá cao về chất lượng như hồ: Nà Toòng, Hồ Khả, trạm bơm Gốc xanh....





* Bước sang kỷ nguyên mới, Công ty tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, dùng nguồn vốn tự có và vốn huy động tập trung đầu tư chiều sâu vào trang thiết bị, phấn đấu đưa tổng sản lượng tăng gấp rưỡi năm 1999 và mức tăng bình quân 11,5%/năm. Tiếp tục đầu tư cho lĩnh vực đào tạo cán bộ kỹ thuật để đáp ứng được trong thời kỳ mới, đủ khả năng cạnh tranh trong đấu thầu xây dựng cơ bản.

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT - THÁI NGUYÊN



Giám đốc: PHẠM MẠNH THẮNG

Lĩnh vực ngành nghề:

Lập dự án đầu tư xây dựng trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.

Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, đánh giá tài nguyên rừng, phục vụ lập hồ sơ thiết kế xây dựng, quy hoạch thiết kế trồng rừng.

Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá, vật liệu xây dựng công trình.

Lập hồ sơ qui hoạch, thiết kế các công trình xây dựng ở các lĩnh vực Thủy lợi, Nông, Lâm nghiệp, Giao thông, Công trình dân dụng và Công trình xây lắp, Thoát nước.

Thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tư vấn về quản lý đầu tư các dự án, tư vấn giám sát thi công trong các lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.

Những thành tích đã đạt được:

➢ ***Trong 4 năm 1996-2000 :*** Công ty đã trúng thầu các dự án có vốn đầu tư trong và ngoài nước: như Dự án cấp nước TP. Thái Nguyên, Dự án nâng cấp và cải tạo hệ thống kênh Núi Cốc vốn ADB...

➢ ***Có nhiều công trình đạt chất lượng cao như :*** Công trình Hồ Suối Lạnh, huyện Phổ Yên...

Định hướng phát triển:

- Đào tạo đội ngũ kỹ sư có trình độ chuyên gia giỏi đi sâu từng ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh.
- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị công nghệ hiện đại. Mục tiêu kế hoạch 2001-2005 Công ty sẽ tin học hóa trên các lĩnh vực Quản lý, Tổ chức & SXKD.
- Mở rộng địa bàn và quy mô hoạt động sản xuất trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh.

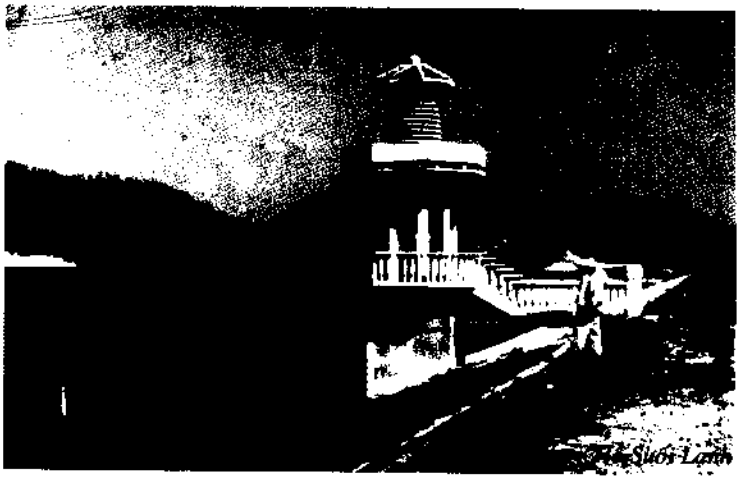

Hồ Suối Lạnh

Địa chỉ: Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên
Điện thoại: (0280) 855487 - 750586 - 857851 Fax: (0280) 857851

CÔNG TY XÂY LẮP THỦY LỢI THỦY ĐIỆN YÊN BÁI

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG MINH TÂN - TX. YÊN BÁI - T. YÊN BÁI
ĐIỆN THOẠI : (029) 852511



Giám đốc: KS. NGUYỄN VĂN KIẾM

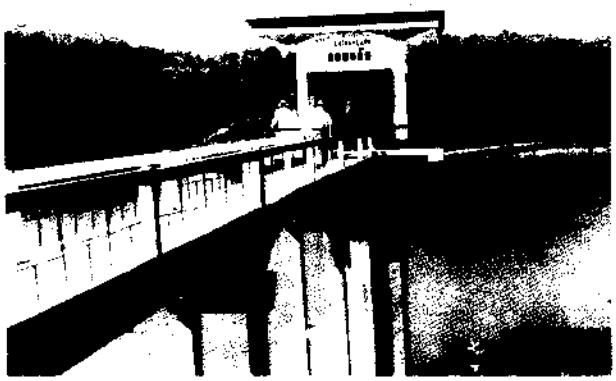

Công trình thủy lợi Khe Vải, H. Văn Yên, thi công và hoàn thành năm 2000

Chức năng nhiệm vụ :

- Thi công các công trình thủy lợi, thủy điện, cấp nước sinh hoạt nông thôn, xây dựng trạm bơm điện, hồ chứa nước.
- Khảo sát, thi công lắp đặt đường dây tải điện 35 KV trở xuống, các trạm biến áp 35 KV.
- San tạo mặt bằng xây dựng, khai hoang, làm nền đường giao thông nông thôn.
- Dịch vụ cung ứng phụ tùng thiết bị máy móc cơ điện nông nghiệp, thủy lợi thủy điện.

(Phạm vi hoạt động trong toàn quốc)

Những thành tích đạt được:

Qua 20 năm xây dựng và phát triển đơn vị đã tham gia xây dựng hàng trăm công trình thủy lợi thủy điện, cấp nước, điện và giao thông nông thôn. Hiện các công trình đang phát huy tác dụng trong phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn của tỉnh. Đã có 3 công trình được Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Xây dựng cấp bằng chất lượng cao cùng nhiều bằng khen các Bộ, UBND tỉnh tặng tập thể đơn vị.



Hệ thống đèn chiếu

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 1
CÔNG TY TẦU CUỐC VÀ XÂY DỰNG

TRỤ SỞ: KM 16+500 QL 5 - NHƯ QUỲNH – VĂN LÂM – HƯNG YÊN
ĐT: (84.0321) 985788 – 985780 **FAX:** (84.0321) 985744

ỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Đào mới, nạo vét kênh rạch, cửa khẩu, công trình thủy lợi trên sông, biển, nạo vét bến cảng.
- San lấp, bồi trúc mặt bằng các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng
- Xây dựng các công trình trên kênh, đê kè, hồ đập, trạm bơm, công trình hạ tầng phát triển nông thôn.
- San lấp, bồi trúc, cải tạo đồng ruộng.
- Khai thác khoáng sản và mỏ than

RANG THIẾT BỊ:

- Tàu hút bùn BEAVER 1600 – Công suất 1600 HP – Số lượng: 01 chiếc
(Chiều dài đẩy bùn cát là 4.000m)
- Tàu hút bùn BEAVER 300 - Công suất 327 HP - Số lượng: 01 chiếc
- Tàu hút bùn (Nga – Việt) – Công suất 300 HP – Số lượng: 45 chiếc
- Các loại thiết bị phục vụ cho xây dựng.

ổ chức Doanh nghiệp theo hình thức: Công ty tổ chức quản lý theo mô hình Xí nghiệp liên hợp, thực hiện ch toán độc lập có tài khoản riêng, có con dấu theo mẫu quy định.
Trực thuộc Công ty có các Xí nghiệp, đội hạch toán kinh tế nội bộ, có tài khoản phụ thuộc, có con dấu riêng eo quy định của Nhà nước. Gồm có các xí nghiệp sau:

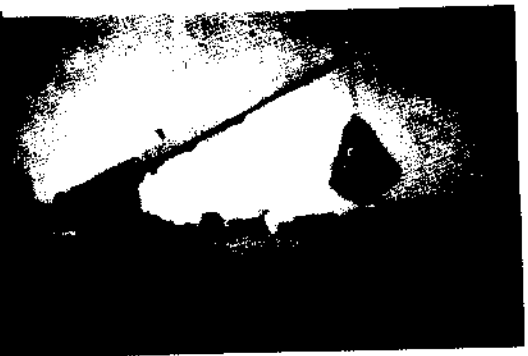

Thi công nạo vét hồ Thiên Quang - Tp. Hà Nội

1- Xí nghiệp tàu cuốc và xây dựng số 1
Địa chỉ: xã Mỹ Tân- huyện Mỹ Lộc – tỉnh Nam Định
ĐT: (0350) 810011
2- Xí nghiệp tầu cuốc và xây dựng số 2
Địa chỉ: Lực Điền – Minh Châu - Châu Giang - tỉnh Hưng Yên
ĐT: (0321) 964644
3- Xí nghiệp tầu cuốc và xây dựng số 3
Địa chỉ: thị xã Đông Hưng - tỉnh Thái Bình
ĐT: (036) 851258
4- Xí nghiệp tầu cuốc và xây dựng số 4
Địa chỉ: Ái Mộ – thị trấn Gia Lâm – TP. Hà Nội
ĐT: (048) 272412
5- Xí nghiệp tầu cuốc cơ điện và xây dựng
Địa chỉ: Thị trấn Như Quỳnh – huyện Văn Lâm – tỉnh Hưng Yên
ĐT: (0321) 985842



Nạo vét bùn hồ Kim Sơn - Tp. Hải Dương

6- Xí nghiệp Tầu cuốc Vật tư và Xây dựng
Địa chỉ: xã Trưng Trắc - huyện Văn Lâm - tỉnh Hưng Yên
ĐT: (0321) 980076
7- Xí nghiệp sửa chữa tầu cuốc
Địa chỉ: xã Tiền Tiến – huyện Thanh Hà – tỉnh Hải Dương
ĐT: (0320) 815846
8- Đội tàu Hà Lan
Địa chỉ: Thị trấn Như Quỳnh – huyện Văn Lâm – tỉnh Hưng Yên
ĐT: (0321) 985001
9- Chi nhánh miền Trung CTTC và XD
Địa chỉ: 41A1 – Đường Hùng Vương – TP. Huế
ĐT: (054) 821174
10- Chi nhánh tại Quảng Ninh
Địa chỉ: 97 Phường Cái Răm – TP Quảng Ninh
ĐT: (033) 845183

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG



Thiết bị khoan cọc nhồi - Thi công cầu Tân Đệ

Địa chỉ: Thôn Pháp Vân - Hoàng Liệt - Thanh Trì - Hà Nội
ĐT: (04) 8611694 8617416
Fax: (04) 8617573
Giám đốc: NGUYỄN ĐỖ HUYỀN

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Xây dựng các công trình dân dụng, nông nghiệp, nông thôn, trang trí nội thất, thi công các công trình nền móng, làm đất, san ủi, cải tạo mặt bằng.

Xây dựng các trạm biến thế điện, đường dây tải điện từ 35 KV trở xuống, kinh doanh vật tư xây dựng.

TIỀM LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ:

* Tổ chức lực lượng:

- Cán bộ Đại học, sau Đại học : 77 người
- Cán bộ Cao đẳng, Trung cấp : 14 người
- Công nhân có tay nghề cao : 150 người

Được bố trí thành 18 đội xây lắp, 3 phòng ban nghiệp vụ và Ban lãnh đạo.

* Vốn và tài sản: 38 tỉ đồng Việt Nam

* Khả năng thi công: Công ty có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm và lực lượng công nhân lành nghề; được đầu tư dây chuyền thiết bị hiện đại như: máy khoan cọc nhồi Italia, cẩu tháp Pháp cao 100 m, cẩu tự hành, dàn máy xúc, máy ủi và ôtô tải, hệ thống giàn giáo cốp pha Simons của Mỹ, hệ thống máy và phao thả rồng, rọ, máy phát điện công suất lớn... đủ điều kiện thi công các hạng mục công trình có yêu cầu kỹ thuật cao.

Công ty đã thi công nhiều công trình đạt chất lượng cao như: Kè Liên Trì 1 và 2, Kè Phú Gia 1 và 3, Kè An Cảnh 3, Bê tông hóa đê Vĩnh Yên...v.v... đặc biệt là công trình Kè Phú Gia 3 đạt chất lượng Huy chương Vàng năm 2000.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Thành lập các chi nhánh: Phía Bắc, phía Nam, miền Trung, nước bạn Lào.

Đầu tư mua thiết bị đến 2005 khoảng 10 tỉ VNĐ, tăng trưởng kinh tế 15 - 20%.



Công trình Kè Phú Gia 3
Đạt chất lượng huy chương vàng năm 2000



Thiết bị cẩu tháp Pháp cao 105 m. Thi công nhà 14 tầng, Ngô Quyền, Hà Nội

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI GIA LAI

Địa chỉ: 119A Đường Lê Lợi (nối dài)
TP. PLeiku , Tỉnh Gia-lai.
Điện thoại: (059) 826.402 - 827.875



Giám đốc:
THÁI BÁ QUYẾT

Chức năng doanh nghiệp:

- Thi công công trình thủy lợi: Đập đất, đập đá, đập bê tông, kênh mương.
- Thi công công trình thủy điện nhỏ.
- Thi công công trình giao thông nông thôn.
- Thi công công trình dân dụng.
- Khai hoang xây dựng đồng ruộng.



Trụ sở công ty:

CÔNG TY TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ THỦY LỢI THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 315 Nguyễn Thị Minh Khai – TP. Quy Nhơn
Điện thoại: (056) 846570 – 846543
Giám đốc: KS.VŨ ĐĂNG BẮC

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

✣ Khảo sát lập dự án, thiết kế các công trình thủy lợi từ nhóm B – C.

✣ Quy hoạch thủy lợi.

✣ Tư vấn thiết kế.

Công ty có đội ngũ kỹ sư lâu năm nhiều kinh nghiệm đã khảo sát thiết kế hàng trăm công trình gồm đập đất, đập dâng, trạm bơm, đạt chất lượng và hiệu quả cao.



Đập Tháp Mão do Công ty khảo sát thiết kế sửa chữa

HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI I LẠNG SƠN



ĐỊA CHỈ: 405 Đường Bà Triệu, P. Đông Kinh
TX. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn
ĐT: (025) 870276 **FAX:** (025) 871148

Giám đốc: KS. PHẠM VĂN TĨNH

Chức năng nhiệm vụ:

- ✓ *Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ.*
- ✓ *Xây dựng công trình dân dụng đến cấp III*
- ✓ *Xây dựng đường giao thông*
- ✓ *Thi công các công trình đến nhóm B*

Tiềm lực KHKT: *Kỹ sư có 13 người, Trung cấp 16 người, chuyên viên 2 người, công nhân kỹ thuật có 151 người.*

Thành tích đạt được: *Huân chương Lao động hạng ba*

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CAO BẰNG

Địa chỉ: Phường Tân Giang - Thị xã Cao Bằng.
Điện thoại: (026) 852.492 **Fax:** (026) 855.072
Giám đốc: KS. NGUYỄN NĂNG ĐỊNH.

Chức năng nhiệm vụ:

Tư vấn khảo sát thiết kế qui hoạch các công trình lâm sinh thủy lợi của ngành NN và PTNT. Ngoài ra công ty còn mở rộng hoạt động thêm các lĩnh vực khác: giao thông, nước sạch, xây lắp... Giá trị sản lượng hàng năm gần 2,5 tỷ, nộp ngân sách hàng năm từ 150 - 200 triệu đồng.

Tiềm lực KHKT:

× Công ty gồm có 27 CBCNV trong đó có 16 kỹ sư tốt nghiệp các trường Đại học: Mỏ địa chất, thủy lợi, tài chính kế toán. 5 cán bộ trung cấp, còn lại là công nhân có kinh nghiệm làm việc lâu năm.

× Công ty đã đầu tư hệ thống máy vi tính nhằm nâng cao năng lực và bảo đảm tiến độ thực hiện.

× Mọi công tác khảo sát đều được tiến hành trên các phương tiện hiện đại.

Định hướng phát triển:

▲Từ nay đến năm 2005 công ty có chương trình nâng cao năng lực cho CBCNV và số lượng tăng không nhiều (dự kiến đến 32 người). Mục tiêu doanh thu đến năm 2005 đạt 4 - 5 tỷ đồng (hiện nay là 2,5 tỷ).

▲ Đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác khảo sát thiết kế qui hoạch, mục tiêu đến hết năm 2001 tất cả mọi công việc đều được thực hiện trên máy móc.

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỄN VĂN TRẤU



ĐỊA CHỈ : 76C LÊ LỢI, PHƯỜNG 2, THÀNH PHỐ CÀ MAU
ĐIỆN THOẠI: (0780) 831254

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Kinh doanh vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu)

Giám đốc: **NGUYỄN VĂN TRẤU**

TIỀM LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ:

1/ Lĩnh vực kinh doanh :

Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

2/ Phạm vi kinh doanh :

Hàng năm cung ứng đủ cho nhu cầu trong và các tỉnh lân cận.

3/ Năng lực kinh doanh :

* Phân bón: 30.000 tấn/năm
* Thuốc bảo vệ thực vật: 300 tấn/năm.



Phân bón nhiều chủng loại phục vụ sản xuất trong và ngoài tỉnh.



Giám đốc: **CAO TẤN LỘC**

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI CÀ MAU

ĐỊA CHỈ: 38 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG 5, TP. CÀ MAU
ĐIỆN THOẠI: (0780) 831171 – 091 893096
FAX: (0780) 830951

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Thi công các hạng mục công trình thủy lợi nhóm B,C.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.
- San lấp mặt bằng, đóng mới tàu thuyền có công suất vận tải đến 300 tấn.
- Xây dựng các hạng mục công trình giao thông cầu đường.

Công ty có đầy đủ trang thiết bị, máy móc và trình độ CBCNV thi công các hạng mục công trình giao thông, thủy lợi, xây dựng dân dụng và công nghiệp đến nhóm B.

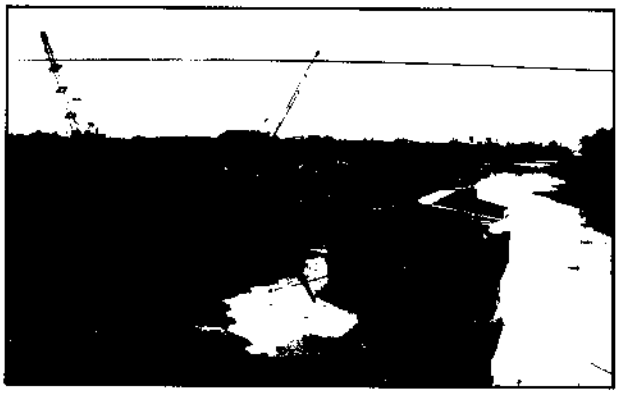

Thi công kênh Bạch Ngư - vùng ngọt hóa Phụng Hiệp-Cà Mau

CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP & PTNT HÀ NỘI

ĐỊA CHỈ : 292 TRẦN KHÁT CHÂN - HÀ NỘI
ĐT: (04) 9716970 - 9716969 - Fax : 9716970

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Xây dựng thủy lợi, đê điều, trạm bơm, đập nước.
- Xây dựng các công trình giao thông cầu đường.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh, sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ nông thôn.
- Lập dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà ở.



GĐ. KS. TRỊNH KIM LONG

Công ty sẵn sàng liên doanh liên kết với tất cả các cơ quan, đơn vị trên cơ sở hợp tác cùng có lợi.

Hân hạnh được đón tiếp

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY XÂY LẮP VÀ VẬT TƯ XÂY DỰNG 6



Trụ sở công ty

Địa chỉ: 84A Bạch Đằng, P. Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (04) 8214290 **Fax:** (84 - 4) 8214637
Giám đốc: KS. PHẠM VIỆT
CHI NHÁNH PHÍA NAM:
ĐC: 17 Lô C đường 7A, cư xá Bình Thới, Q. 11, TP. HCM.
ĐT: (08) 8584048 **Fax:** (84.8) 8584048

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

➲ Xây dựng các công trình dân dụng, trang trí nội thất đến nhóm A.
➲ Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, các công trình phục vụ nông nghiệp và PTNT.
➲ Sản xuất vật liệu xây dựng, thương nghiệp buôn bán lẻ, môi giới đấu giá bất động sản.
➲ Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư xây dựng.

* Vốn điều lệ: 6.858.000.000 VNĐ.
* Công trình tiêu biểu chất lượng cao Huy chương Vàng
+ Cống Tam Sóc Mỹ Tú - Sóc Trăng - 1999
+ Cống Thần Nông Hòn Đất - Kiên Giang - 2000
+ Nhà học 5 tầng - ĐH sư phạm II-HN-2000

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG

ĐỊA CHỈ: KM 57 QUỐC LỘ 10 - TRƯỜNG SƠN - AN LÃO - HẢI PHÒNG
ĐT: (031) 679520 Fax: (031) 872607
Giám đốc: TRẦN QUANG HOÀI

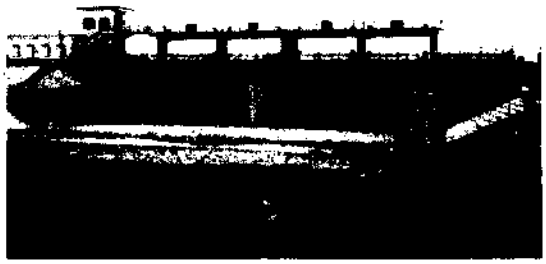

Cống Cổ Tiểu III (Kiến Thụy - Hải Phòng) do Công ty thi công

Công ty Xây dựng thủy lợi Hải Phòng nguyên là Công ty Công trình thủy lợi trước đây thuộc Sở Thủy lợi, nay thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hải Phòng. Công ty được thành lập 2/1968

Thành quả:

• Công ty đã xây dựng được hàng trăm công trình thủy lợi của địa phương và một số tỉnh phía Bắc. Những công trình do công ty thi công đều đạt chất lượng tốt cả về kỹ thuật và mỹ thuật. Một số công trình đạt chất lượng cao như: công trình Cổ Tiểu III; công trình kè lát mái đê biển 1 Đồ Sơn - Hải Phòng, Kalong...

• Được Nhà nước tặng thưởng:
- 1 Huân chương lao động hạng II
- 1 Huân chương lao động hạng III
- Nhiều bằng khen của Bộ và thành phố.

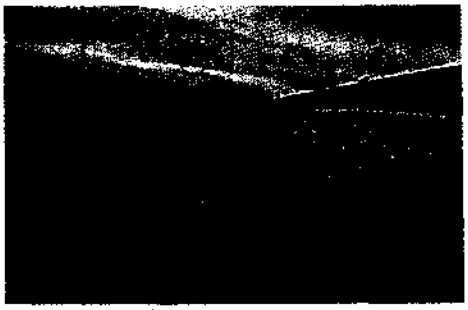

Kè lát mái đê biển 1 Đồ Sơn - Hải Phòng (công trình đạt huy chương vàng chất lượng cao năm 1999)

Công ty chuyên:
- Xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ (hồ, đập, trạm bơm, cống, kè đá, kè bêtông bảo vệ mái đê biển.
- Sửa chữa lớn nhỏ các công trình thủy lợi.
- Xây dựng các công trình giao thông dân dụng.

Năng Lực:
- Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ sư và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công các công trình thủy lợi.
- Công ty có trang bị hiện đại và luôn cố gắng nghiên cứu đổi mới công nghệ trong thi công.

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI QUẢNG NINH

ĐỊA CHỈ: XÃ VIỆT HƯNG, HUYỆN HOÀNH BỒ, TỈNH QUẢNG NINH
Tel: (033) 858058 – 858120
***Giám đốc:* NGUYỄN VĂN LỊCH**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Xây dựng các công trình thủy lợi và thủy điện.
- Công ty đã được tặng thưởng 02 Huân chương Lao động hạng II, 02 Huân chương Lao động hạng III, Bằng chứng nhận công trình chất lượng cao.

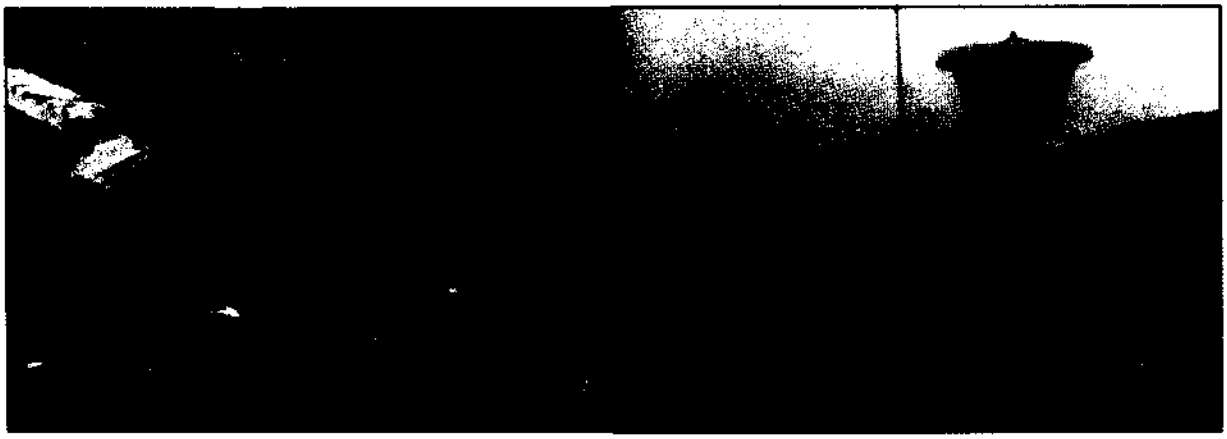

Đập bê-tông Quảng Long - Quảng Hà

Công trình hồ chứa nước Cao Vân - TX. Cẩm Phả

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY TÀU CUỐC 2

Địa chỉ: Khu phố 2- Tân Thuận Đông - Q.7 - TP.HCM
Điện thoại : (08)8720620 - 8720622 - Fax: (08)8720621
Email : *cttc2@hcm.vnn.vn*

Công Ty Tàu Cuốc 2 là đơn vị thi công cơ giới chủ lực của Bộ Nông nghiệp & PTNT, hoạt động trên địa bàn cả nước.

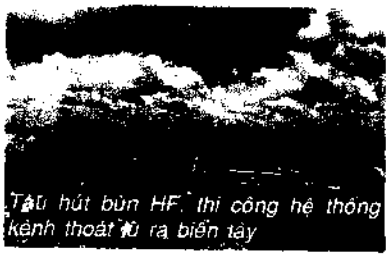

Tàu hút bùn HF thi công hệ thống kênh thoát lũ ra biển tây

Chức năng:

- Nạo vét các trục giao thông thủy, kênh thủy lợi, cảng, hồ chứa nước...
- Thực hiện các công trình thoát nước, môi trường...
- Đóng mới, sửa chữa các loại tàu hút bùn, xáng cạp, xà lan, tàu kéo, remorqueur và các thiết bị thi công thủy bộ, giao thông.
- Xây lắp các công trình thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, giao thông...
- Sản xuất - lắp ráp các kết cấu thép cho các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông...
- San lấp mặt bằng, nền các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, khu chế xuất...
- Khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi...)



cảng Cái Dầm, An Giang - Tỷ lệ bê tông cao

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

HYDRAULIC ENGINEERING COUSULTANTS CORPORATION No 2 (HEC 2)

Địa chỉ :169 Trần Quốc Thảo - Q.3 - TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08)8441753 Fax : (84 - 8) 8444958
Giám đốc : ĐỖ VĂN HƯƠNG

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

1/ Lập dự án tiền khả thi và khả thi.
2/ Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện và các công trình kỹ thuật hạ tầng: Cầu đường giao thông, cấp thoát nước.
3/ Thẩm định hồ sơ thiết kế.
4/ Giám sát kỹ thuật xây dựng.
5/ Lập hồ sơ mời thầu và dự thầu.
6/ Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường v.v..
7/ Thí nghiệm đất, đá, cát, sỏi và nước.
8/ Khoan phụt xi măng xử lý nền và thân công trình.
9/ Thi công xây dựng các công trình thực nghiệm.

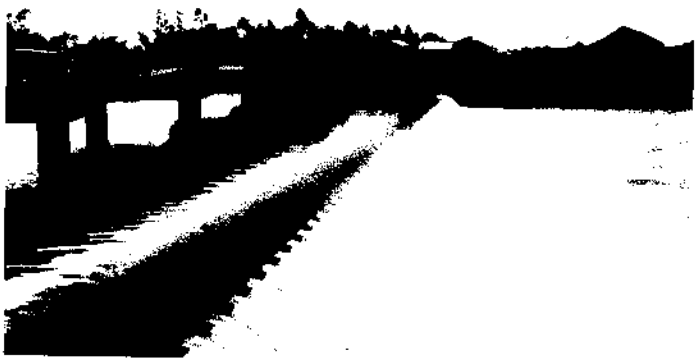

Đập cao su Trà Sư - An Giang



Giám đốc: KS. NGUYỄN QUỐC VINH.

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI VÀ CƠ ĐIỆN PHÚ THỌ

Địa chỉ: Phường Vân Cơ - TP. Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: (0210) 848238 - 846393 Fax: 848238

Chức năng nhiệm vụ:

* Chuyên xây dựng các công trình thủy lợi.
* Xây lắp các công trình điện cao hạ thế.
* Xây dựng các công trình giao thông vừa và nhỏ.
* Xây dựng các công trình dân dụng.

Cty có các thiết bị thi công cơ giới phục vụ các công trình thủy lợi: máy đào, ủi, xúc v.v...

Cty đã thi công các công trình thủy lợi lớn, chất lượng cao như: Trạm bơm Liễu Trì (Vĩnh Phúc). Hồ đập Ao Trâu (Hạ Hòa, Phú Thọ). Hệ thống kè Tô Vũ (Tam Thanh, Phú Thọ).



Trụ sở công ty

CÔNG TY XÂY LẮP THỦY LỢI - THỦY ĐIỆN LÀO CAI

ĐỊA CHỈ: 053 ĐƯỜNG NHẠC SƠN, P. KIM TÂN, TX. LÀO CAI
ĐIỆN THOẠI: (020) 840061 - 844939



P. Giám đốc: VŨ QUANG TRUNG.



Văn phòng công ty

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Xây dựng các công trình thủy lợi - thủy điện.
- Xây dựng các công trình nước sinh hoạt.
- Xây dựng các công trình đường giao thông, xây dựng dân dụng.

TIỀM LỰC KHKT:

Khả năng thi công thực tế các hạng mục công trình thủy lợi thủy điện, giao thông nông thôn, xây dựng dân dụng nhóm B,C.

NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC:

- Được UBND tỉnh, các cơ quan ở địa phương và Trung ương nhiều năm tặng cờ, bằng khen là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Năm 2000 là một trong những đơn vị được chọn xét tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Địa chỉ: 54 Lý Thường Kiệt - TX. Đồng Hới - Quảng Bình.
Điện thoại: (052) 822914 - 820529 **Fax:** 822543

Thành lập theo quyết định số: 01 - QĐ/UB ngày 01.10.1992 của UBND Tỉnh Quảng Bình và quyết định đổi tên từ Công Ty Xây Dựng Thủy lợi Quảng Bình thành công ty xây dựng công trình Bình Lợi số 73/QĐ - UB ngày 30.11.1998.

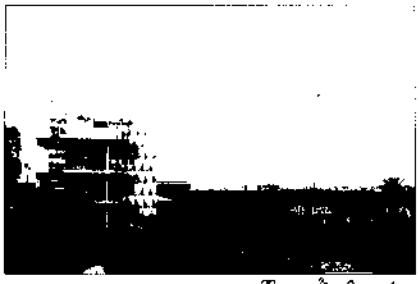

Trụ sở công ty

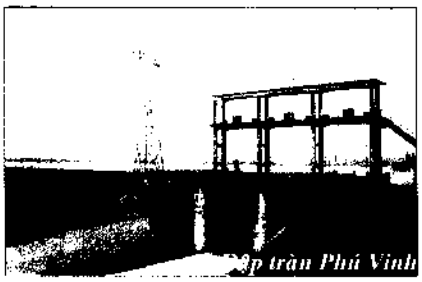

Đập tràn Phú Vinh

- *Vốn kinh doanh: 12 tỷ đồng Việt Nam.*
- *Ngành nghề kinh doanh:*
  - Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng, công nghiệp và xây lắp điện.
  - Sản xuất vật liệu xây dựng - cưa xẻ gỗ.
  - Kinh doanh khách sạn du lịch.
- *Năng lực thiết bị:*

Với 65 đầu xe máy thiết bị hiện đại do Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ v.v. sản xuất bao gồm các loại máy đào, máy ủi, máy san, lu rung, ôtô tự đổ, cần cẩu, búa đóng cọc, máy trộn bê tông, hệ thống nghiền sàng đá v.v... Với tổng vốn thiết bị 18 tỷ đồng.

Một số công trình tiêu biểu trong những năm qua:

- Tràn Xả Lũ và Đường Giao Thông An Mã
- Cống Ngăn Mặn Mỹ Trung
- Cầu Treo Liên Trạch
- Hồ Chứa Phú Vinh

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI THỪA THIÊN - HUẾ

THUA THIEN HUE HYDRAULIC CONSTRUCTION CONSULTANT COMPANY

Địa chỉ : Số 3 Đội Cung - Thành phố Huế
Điện thoại : (054) 823950 - 823287 Fax : (84.054) 823920



Giám đốc : KS. PHAN CÔNG

- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện.
- Khảo sát địa hình, địa chất, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình thủy lợi.
- Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật các công trình thủy lợi.
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi.
- Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu về thiết kế, xây dựng.

Phạm vi hoạt động trong cả nước.



Hồ chứa nước Hòa Mỹ-Thừa Thiên Huế

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI - THỦY ĐIỆN QUẢNG NAM

Địa chỉ: 23B Phan Bội Châu - Tam Kỳ - Quảng Nam
Điện thoại: (0510) 852923 Fax: (84.0510) 852925.



Giám đốc
KS. NGUYỄN VĂN THẮNG.

☛ Có đội ngũ cán bộ kỹ sư lâu năm, giàu kinh nghiệm, thiết bị thi công hiện đại với nhiều chủng loại.

☛ Đảm nhận thi công các công trình thủy lợi, thủy điện, công nghiệp, dân dụng, giao thông, và xây lắp điện.

☛ San ủi đồng ruộng, mặt bằng cho thuê ủi cạp, xe ôtô tự đổ và vận tải hàng hóa.

Sẵn sàng hợp tác liên doanh về kinh tế với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

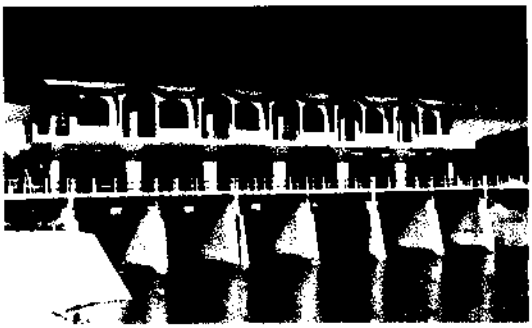

Đập dâng Bàu Nít

CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NAM



Giám đốc: LÊ VIẾT BAO

Địa chỉ: 137 Huỳnh Thúc Kháng - TX Tam Kỳ
Tỉnh Quảng Nam
ĐT: (0510) 812253 - 852203

Ngành nghề chính:

⇨ Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, công trình dân dụng, hạ tầng nông thôn.
⇨ Xây dựng công nghiệp, dân dụng, đường dây cao, hạ thế điện và trạm biến áp.
⇨ Chế tạo công cụ cầm tay, sửa chữa ôtô máy kéo.
⇨ Thương nghiệp, bán lẻ phụ tùng, thiết bị máy nông nghiệp, khai hoang cải tạo đồng ruộng.

Công ty mong muốn được hợp tác với tất cả các đơn vị trong và ngoài nước



Bê tông hóa kênh N_{22b} và N_{22}
Xã Bình Đào, H. Thăng Bình, T. Quảng Nam

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: 53 Trần Hưng Đạo - TX Đông Hà - Quảng Trị.
Điện thoại: (053) 852362 Fax: (053) 854389.

Chức năng nhiệm vụ:

➢ Khảo sát thiết kế, lập dự án dự toán các công trình thủy lợi, thủy điện.

➢ Các công trình đã thực hiện: Khảo sát thiết kế hồ chứa Trúc Kinh tưới 2.300 ha, hồ chứa Bảo Đại: tưới 1.600 ha, hồ chứa Ái Tử tưới: 1.100 ha, cống ngăn mặn Việt Yên: ngăn mặn 4.000 ha, tưới 1.000 ha.

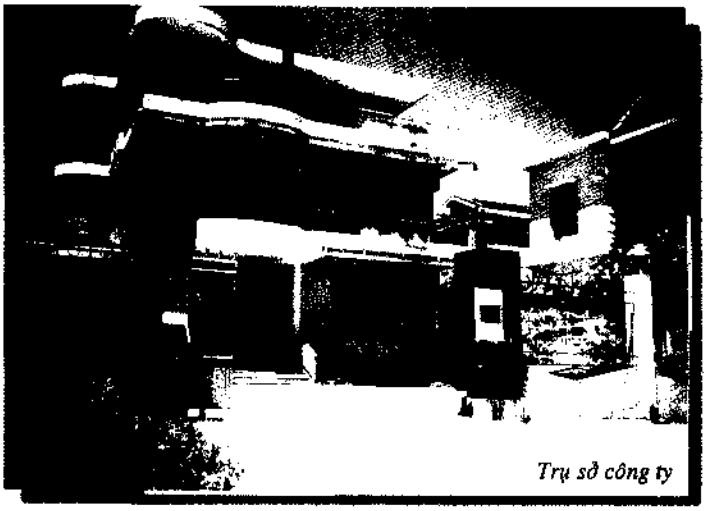

Trụ sở công ty

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI QUẢNG TRỊ

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

✦ Xây dựng các công trình thủy lợi đến quy mô vừa.

✦ Xây dựng các công trình giao thông miền núi.

• Công ty có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại đảm bảo thi công các công trình (công trình đất và xây đúc) có chất lượng cao.

• Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3 năm 1983.

• Năm 1988 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 2.



Trụ sở công ty

Địa chỉ: Số 34 Nguyễn Du, TX. Đông Hà, Quảng Trị
Điện thoại: (053) 852224 Fax : 852802

CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI SƠN LA

Địa chỉ : *168 Nguyễn Lương Bằng – P. Quyết Thắng*
TX. Sơn La – Tỉnh Sơn La
ĐT: *(022) 852508*



Giám đốc : **PHẠM VĂN PHÒ**

✞ **Chức năng nhiệm vụ :**

☞Khảo sát thiết kế lập dự án các công trình thủy lợi.
☞Dịch vụ tư vấn quản lý và thẩm định dự án.
☞Thiết kế kỹ thuật tổng dự án các công trình thủy lợi.
☞Khảo sát thiết kế các công trình giao thông (đường giao thông nông thôn, đường lâm nghiệp) các công trình dân dụng nhóm C đến cấp 3.



Văn phòng Công ty

✞ **Những thành tích đạt được :**

❖1998 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.
❖Cờ đơn vị xuất sắc của tỉnh Sơn La tặng.
❖Nhiều bằng khen của Chính phủ và các ngành.

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI THỦY ĐIỆN I SƠN LA

Địa chỉ : Thị trấn Hát Lót – Huyện Mai Sơn – Sơn La
ĐT: (022) 843117 – 853495.

Chức năng nhiệm vụ:

- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, nước sinh hoạt nông thôn.
- Xây dựng dân dụng, các công trình giao thông nông thôn, đường lâm nghiệp.

Tiềm lực KHKT:

- Khả năng thi công các hạng mục công trình nhóm B,C.
- Giá trị sản lượng: 10 – 15 tỷ đồng/năm. Mức tăng trưởng kinh tế: 15 – 20%/năm.

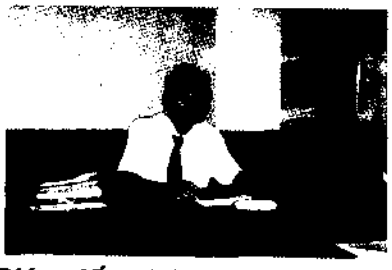

Giám đốc : *KS.* **CHU DANH CƯ.**

Những thành tích đạt được:

- ❖ 2 Huân chương Lao động hạng Ba (1985 & 1993)
- ❖ Năm 2000 được đề nghị tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Định hướng phát triển:

- ✓ Đào tạo: Đào tạo lại đạt 5%/năm, tuyển dụng 20%/năm.
- ✓ Cơ cấu đầu tư : Đến 2005 khoảng 4 – 5 tỷ VND.
- ✓ Khai thác tiềm năng kỹ thuật đạt mức công suất.

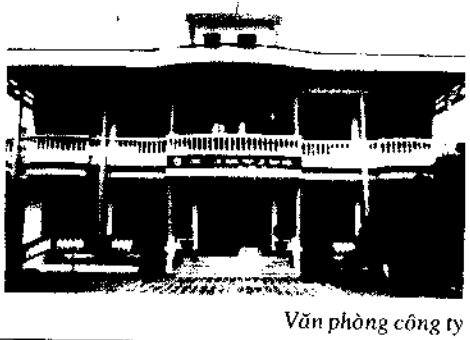

Văn phòng công ty

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI THANH HÓA

ĐỊA CHỈ: 163 ĐƯỜNG LÊ LAI – PHƯỜNG ĐÔNG SƠN – TP. THANH HÓA
ĐT: (037) 853450 – 858561 Fax : (037) 858560
***Giám đốc:* KS. NGUYỄN BÁ ĐẢM**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Khảo sát địa hình, địa chất, lập dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, nông lâm nghiệp.
- Thiết kế qui hoạch các công trình thủy lợi, lập tổng dự toán, thẩm định dự án các công trình thủy lợi, nông lâm nghiệp.
- Lập hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu, tư vấn hợp đồng, giám sát chất lượng xây dựng các công trình thủy lợi - nông lâm nghiệp.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật của vật liệu xây dựng, đất, đá sỏi, bê tông.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Năm 1995 được tặng Huân chương Lao động hạng ba.
- Bằng khen của Bộ Nông Nghiệp - Phát Triển Nông Thôn về thành tích xuất sắc thời kỳ đổi mới 1986 – 2000.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Tiếp tục nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân, đầu tư đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng đơn vị ngày càng vững mạnh.



Giám đốc : **VŨ SÂM**

CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP - PTNT THANH HÓA

ĐỊA CHỈ: 303 ĐƯỜNG BÀ TRIỆU, PHƯỜNG HÀM RỒNG, TP. THANH HÓA
ĐT: (037) 852734 - 852539 - 859200 - 859201 - 859202 - 960059 - 900030
FAX : (037) 852539



Văn phòng Công ty

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:

1. Xây dựng các công trình: Thủy lợi; thủy điện, cấp thoát nước, dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển, cơ sở hạ tầng nông lâm nghiệp, cầu đường qui mô vừa và nhỏ trong cả nước.
2. Lắp đặt các thiết bị điện hạ thế.
3. Sản xuất và lắp đặt các cấu kiện bê tông cao áp.
4. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Lễ Môn – Thanh Hóa.
5. Tổ chức đưa người đi lao động nước ngoài có thời hạn.

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH



Giám đốc
TRƯƠNG MINH TÙNG.

Địa chỉ: Km 01- Đường Lý Thường Kiệt - TX. Thái Bình
Điện thoại: (036) 731876 **Fax:** (036) 732091

Chức năng nhiệm vụ:

- Xây dựng các công trình thủy lợi.
- Xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp.

Thành tích:

★ Công ty đã xây dựng nhiều công trình chất lượng cao:
- Trạm bơm Minh Tân: Huy chương vàng công trình chất lượng tiêu biểu thập niên 90.
- Cống Lân II: Huy chương vàng công trình chất lượng tiêu biểu thập niên 90.

★ Cống Tam Lạc, cống Nguyệt Lâm.
★ Với những thành tích đã đạt, công ty được tặng thưởng:
- Huân chương Lao động hạng 3 (1976).
- Huân chương Lao động hạng 2 (1996).



Cống Nguyệt Lâm

CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THÁI NGUYÊN

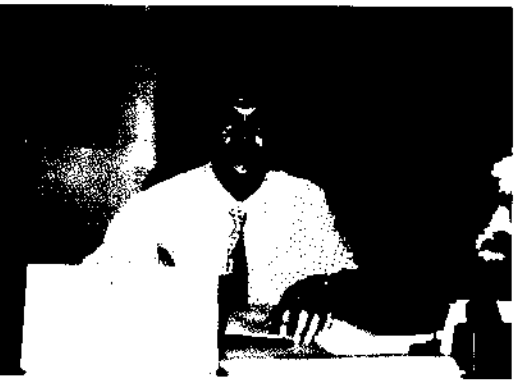

Giám đốc: **KS. ĐINH KHẮC TĨNH**

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG QUANG TRUNG
TP. THÁI NGUYÊN
Điện thoại: (0280) 855592 – 854291

▲ Xây dựng các công trình thủy lợi.
▲ Xây dựng công trình dân dụng, san lấp nền, mặt bằng xây dựng.
▲ Xây dựng công trình giao thông nông thôn và giao thông lâm nghiệp.

Công ty có các phòng ban chức năng với 7 đội sản xuất, 1 xưởng sản xuất VLXD, 1 đội xây lắp, 1 đội xe máy thi công. Các thiết bị máy móc chuyên dùng phục vụ cho việc thi công các công trình lớn nhỏ trong và ngoài tỉnh.

★ Công ty đã thi công các công trình lớn :
+ Công trình hồ chứa nước Tích Lương: Tổng giá trị 6 tỷ đồng.
+ Công trình hồ Đồng Xiển
+ Công trình hồ Cây Xi – hồ Làng Hiu : 3 tỷ đồng
+ Công trình cầu treo Văn Lang...
+ Và thực hiện thi công nhiều hồ, đập trong tỉnh

CÔNG TY XÂY LẮP VÀ XÁNG TRÀ VINH

ĐỊA CHỈ: 108/6 BẠCH ĐẰNG, P. 4, TX .TRÀ VINH, T. TRÀ VINH
ĐT: (074) 852208 - 853868 - 852750 Fax: (074) 853010

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Thi công các công trình thủy lợi và phát triển nông thôn.
- Khai thác cát sông.
- Cơ khí - lắp đặt thiết bị thủy lợi.

NHẬN THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH:

* Đào mới, nạo vét kênh mương.
* Đắp đê ngăn mặn, bờ bao, bờ vùng.
* Xây dựng cống tưới tiêu ngăn mặn.
* Xây dựng các công trình cầu đường nông thôn.
* San lấp mặt bằng xây dựng.
* Gia công sửa chữa cơ khí phục vụ nông nghiệp và các công trình điện dân dụng.
* Đóng mới và sửa chữa sà lan dưới 200 tấn.
* Trung, đại tu các loại xe ôtô và các loại máy thi công chuyên ngành xây dựng.

Công ty sẵn sàng liên doanh, liên kết và ký hợp đồng thi công với các chủ đầu tư, các đơn vị trong và ngoài tỉnh.



Thi công đập Rạch Vồn ngăn mặn Huyện Châu Thành

Hân hạnh được đón tiếp

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI PHÚ YÊN

ĐC: Đường Nguyễn Trung Trực - Thị xã Tuy Hòa
ĐT: (057) 823423 – 090510455
Fax: (057) 826039



***Giám đốc:* ĐÀM TÁ THỦY**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Thi công các công trình thủy lợi.
- Thi công các công trình giao thông, khai hoang xây dựng đồng ruộng.
- Sửa chữa cơ khí nông nghiệp.
- Kinh doanh thiết bị nông nghiệp.

CÔNG TY XÁNG - XÂY DỰNG VÀ PTNT CẦN THƠ

ĐC : 178 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Cần Thơ
ĐT : (071)821653 - 821292 Fax: (071) 821292

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, giao thông thủy bộ, dân cư và môi trường.
- Xây dựng trạm bơm, cống đập, tưới tiêu ngăn mặn.
- Đào mới, nạo vét kênh mương bằng xáng cạp. xáng thổi.
- San lấp mặt bằng.
- Sửa chữa, đóng mới xà lan, xáng cạp, xáng thổi.



Xáng cạp đang thi công kênh Bà Chiêu - Thốt Nốt

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI ĐIỆN LỰC YÊN BÁI



Giám đốc
KS. NGÔ HOÀNG THANH

ĐC: Phường Đồng Tâm - TX. Yên Bái - T. Yên Bái
ĐT: (029) 852201

Chức năng nhiệm vụ:

✯ Lập các dự án đầu tư (từ nghiên cứu tiền khả thi đến khả thi) gồm: Thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, phát triển lưới điện nông thôn.

✯ Khảo sát xây dựng: Đo đạc địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ xây dựng cơ bản.

✯ Thiết kế công trình: Thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, lưới điện nông thôn.



Trụ sở công ty

THỦY LỢI II - YÊN BÁI

Chức năng nhiệm vụ :

• Xây dựng các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn.

• Xây dựng các hạng mục công trình dân dụng và giao thông nông thôn.



Những thành tích đạt được :

Huân chương lao động hạng Ba năm 1997, nhiều công trình đạt chất lượng cao được Bộ Xây dựng tặng Huy chương vàng chất lượng: Công trình thủy lợi thủy điện Kim Lợi; Công trình thủy lợi, thủy điện Buông Nam.

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI *TUYÊN QUANG*

ĐC: P.Minh Xuân - TX.Tuyên Quang
ĐT: (027) 822399

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

♦ Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, trạm bơm điện vừa và nhỏ.

♦ Xây dựng cầu, cống, đường giao thông nông thôn.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

Được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp bằng chứng nhận công trình chất lượng cao năm 1998 (Công trình cầu máng Ngòi Là - Thị xã Tuyên Quang).

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG 4

(GENERAL CONSTRUCTION COMPANY No 4)

ĐC: 79/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh - P. 26 - Q.Bình Thạnh - TP.HCM
ĐT: (08) 8993850 - 8990877
Fax: (08) 8993851

Email : *tongctyxaydung4@saigonnet.vn*
Chủ tịch Hội đồng quản trị : Ông ĐÀO VĂN THOẠI
Tổng giám đốc : Ông LÊ QUANG THẾ

Có 16 đơn vị thành viên trực thuộc.

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh:

- Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình thủy điện, đường giao thông, bến cảng, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Tư vấn đấu thầu xây dựng công trình.
- Giám định chất lượng vật liệu xây dựng và chất lượng công trình xây dựng.
- Đào tạo công nhân kỹ thuật và xuất khẩu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

PHÂN HUMAT KHOÁNG VI LƯỢNG
THIÊN LỘC

[redacted]

CƠ SỞ SẢN XUẤT PHÂN VI LƯỢNG

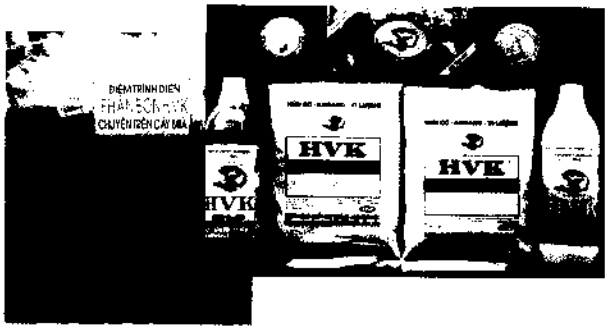

ĐC: 687 A/1 XVNT, F.27,Q.Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 8995948

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI BÌNH THUẬN

BINH THUAN WATER COSERVANCY CONSTRUCTION COMPANY

Địa chỉ : 694 Trần Hưng Đạo – TP. Phan Thiết
Điện thoại: (062) 819226 – 819193 – 819199
Fax: (062) 819199



Kè bảo vệ biển Hàm Tiến - Phan Thiết được xây dựng theo kỹ thuật công nghệ tiên tiến nhất tại VN

Huân chương Lao động hạng Nhì

Công ty xây dựng thủy lợi Bình Thuận với các phương tiện, thiết bị thi công đồng bộ trong công tác đào đắp đất, đá, bê tông; cùng với đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề có kinh nghiệm trong quản lý và thi công các công trình: Thủy lợi, thủy điện; hồ chứa công trình thủy; giao thông; xây dựng công nghiệp và dân dụng.

Xưởng Cơ khí 1/5 với các loại máy công cụ hiện đại nhận gia công các mặt hàng cơ khí; sửa chữa, trung đại tu các phương tiện vận tải và thiết bị thi công cơ giới.

Sẵn sàng đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng trong lĩnh vực XDCB và gia công các mặt hàng cơ khí. Hiện nay Công ty đang tổ chức thi công xây dựng công trình XDCB ở các tỉnh: Ninh Thuận, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu. Doanh số hoạt động hằng năm đạt 30 tỷ đồng.

Doanh nghiệp mong muốn được liên doanh, liên kết và hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước trên mọi lĩnh vực để mở rộng sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY VIỆT HÀ - HÀ TĨNH

VIET HA COMPANY

ĐỊA CHỈ: ĐẠI NÀI - THỊ XÃ HÀ TĨNH - TỈNH HÀ TĨNH
ĐT: (039)885384 - 885387 Fax : (039)885386
***Giám đốc :* NGUYỄN BÁ THỊNH**

Là doanh nghiệp Nhà nước thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh

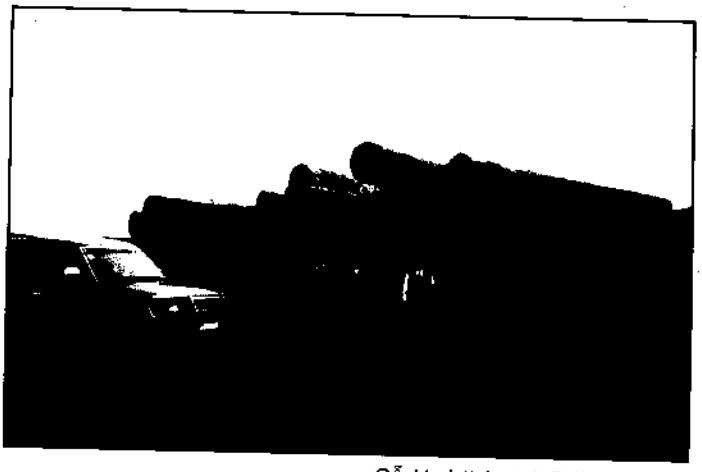

Gỗ khai thác tại CHDCND Lào

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- ❖ Đầu tư phát triển sản xuất lâm nghiệp. (Khai thác - Trồng rừng - Chế biến Lâm sản)
- ❖ Xây dựng cơ bản công trình dân dụng, công nghiệp.
- ❖ Sản xuất vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.
- ❖ Kinh doanh xuất nhập khẩu.
- ❖ Hoạt động chuyên doanh đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

TIỀM LỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT:

- Nhà máy chế biến gỗ với dây chuyền thiết bị, máy móc của Đài Loan - Công suất: 1.000m³ sản phẩm/ năm.
- Xí nghiệp Khai thác - Vận chuyển gỗ Lào : Với năng lực tổ chức khai thác gỗ tròn 30.000 - 40.000 m³ / năm trên địa bàn nước bạn Lào.
- Đội ngũ kỹ sư, cán bộ nghiệp vụ và quản lý công nhân kỹ thuật bậc cao, đã được đào tạo cơ bản và được trau dồi qua thực tế nên có trình độ và kinh nghiệm đủ điều kiện phát triển sản xuất khai thác - chế biến lâm sản; kinh doanh xuất nhập khẩu; xuất khẩu lao động...

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN: Năm 2001 - 2005 :

- ✓ Hàng năm phấn đấu khai thác vận chuyển 40.000 - 50.000 m³ gỗ ở Lào.
- ✓ Nhập khẩu 20.000 - 25.000 m³ gỗ tròn/năm phục vụ cho nhu cầu nguyên liệu gỗ trong nước và xuất khẩu.
- ✓ Chế biến 1.500 - 2.000 m³ sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường các nước Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, thâm nhập vào thị trường Châu Âu bằng sản phẩm các loại bàn ghế ngoài trời...
- ✓ Xây dựng cơ bản đạt doanh số : 10 -15 tỷ đồng hàng năm.
- ✓ Hàng năm Công ty xuất khẩu khoảng 150 -300 lao động sang các nước : Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản.
- ✓ Khai thác thế mạnh của cửa khẩu quốc tế Cầu Treo - Hà Tĩnh để phát triển các hoạt động thương mại.
- ✓ Thực hiện dự án "Trồng rừng nguyên liệu và xây dựng nhà máy chế biến gỗ nhân tạo Hà Tĩnh" (đã được các cấp thẩm quyền thẩm định) tại cảng nước sâu Vũng Áng - Hà Tĩnh khi hội đủ các điều kiện cho phép.

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP HẢI PHÒNG

ĐỊA CHỈ: MỸ ĐỨC - AN LÃO - HẢI PHÒNG
ĐT: (031) 879128 - 879118



Giám đốc
KS. BÙI VĂN HU

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

❖ Nghiên cứu quy hoạch, khảo sát và thiết kế các công trình dự án về trồng rừng phủ xanh đất trống đồi trọc, rừng đặc chủng, rừng môi sinh, rừng ngập mặn chắn sóng ven biển và cây phân tán trên địa bàn thành phố.

❖ Làm chủ dự án rừng môi sinh, rừng phòng hộ ven biển.

❖ Xây dựng các vườn thực vật, tu bổ và nâng cấp diện tích rừng trồng

❖ Ứng dụng thực hiện và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật giống cây lâm nghiệp và chế biến lâm sản...

❖ Sản xuất, dịch vụ các loại giống cây lâm nghiệp, cây ăn quả, cây giống và vật tư kỹ thuật cho sản xuất, chế biến và bảo quản

TIỀM LỰC KHKT:

▲ Có đội ngũ kỹ sư lâm nghiệp, nông nghiệp, c bộ trung cấp và một tập thể công nhân lành ng đã qua nhiều năm thực hiện nhiệm vụ phát tri lâm nghiệp của thành phố Hải Phòng.

▲ Có một cơ sở vườn ươm cây giống đã từng bư cơ giới hóa, hiện đại hóa trong công tác giao ươ

▲ Đang triển khai thực hiện dự án vườn giống c ăn quả bố mẹ để cung cấp mắt ghép chất lượ cao.

▲ Trung tâm có khả năng cung cấp giống các lo cây ăn quả chất lượng cao: nhãn hương chi, v xoài, hồng, hoa hoè chất lượng cao.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN :

- Giai đoạn 2000 đến 2010: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng
- Giai đoạn 2010 trở đi: Áp dụng công nghệ sinh học nuôi cấy mô để sản xuất các loại giống c

Mong được phục vụ tới các doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu.



Giống cây hoa hòe



Ghép nối ngọn xoài giống DL1 và DL

LÂM TRƯỜNG NINH SƠN - NINH THUẬN

Địa chỉ: Km 57 Xã Quảng Sơn, Ninh Sơn, Ninh Thuận
Điện thoại: (068) 854413 - 854720.

Chức năng nhiệm vụ:

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.
- Sản xuất nông lâm kết hợp.
- Khai thác và tận thu các mặt hàng lâm sản.
- Triển khai thực hiện dự án 661.
- Tổng diện tích quản lý 30.400 ha trong đó rừng tự nhiên 27.845 ha còn lại là rừng trồng. Chỉ tiêu kế hoạch được giao khai thác hàng năm 1000m^3 gỗ qui tròn
- Hiện nay lâm trường đang tham gia một phần nhỏ dự án 135 của Chính phủ cho 2 xã trong địa bàn lâm trường.
- Hoàn thành chỉ tiêu khai thác bảo vệ rừng, và nhiệm vụ do Sở giao. Phối hợp với địa phương quản lý và bảo vệ rừng có hiệu quả cao.



Trụ sở Lâm trường



Tham gia CT 661 Lâm trường Ninh Sơn - Ninh Thuận

Định hướng phát triển:

Tiếp tục tăng cường bảo vệ phát triển rừng. Tạo điều kiện thêm cho 2 xã thực hiện chương trình 135. Hoàn thành kế hoạch khai thác gỗ tròn theo kế hoạch được giao.



Rừng thông 2 lá

LÂM TRƯỜNG TÂN TIẾN

NINH THUẬN



Giám đốc
CN. LÊ VĂN KHÔI

Địa chỉ: Xã Phước Tiến - Ninh Sơn - Tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: (068) 854235.

Chức năng nhiệm vụ: ☛

✠ Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn được giao.

Tiềm lực KHKT: ☛

♦ Tổng số 46 CBCNV - 12 người quản lý: 6 người trình độ ĐH, 6 người TC
♦ Được giao 24.000 ha rừng và đất rừng.
♦ Tổng doanh thu năm 1998 : 2,278 tỷ, 1999: 1,732 tỷ
✠ Ước tính doanh thu năm 2000 : 1,160 tỷ

Những thành tích đạt được: ☛

■ Đang thực hiện dự án 661.
■ Thực hiện trồng đào lộn hột 80 ha hàng năm
■ Hiện đã thực hiện 678 ha đào lộn hột.
■ Trong các năm đều hoàn thành kế hoạch được giao trên mọi lĩnh vực.
■ Hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước trong từng năm.

Định hướng phát triển: ☛

✓ Trồng rừng theo kế hoạch được giao.
✓ Đảm bảo đời sống cho CBCNV ổn định và từng bước phát triển.
✓ Kế hoạch chú trọng phát triển và bảo vệ rừng hiệu quả hơn nữa.

ÂM TRƯỜNG BỐ TRẠCH
QUẢNG BÌNH





Địa chỉ: Vạn Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình.
Điện thoại: (052) 862229

Giám đốc: KS. ĐẶNG ƯỚC.



Trụ sở Lâm trường

ỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Bảo vệ, khoanh nuôi và trồng rừng.
Khai thác tài nguyên rừng.
Tạo cây con hàng chục vạn thông lá tràm, bình quân 20.000 cây con.
Ngăn chặn chặt phá rừng, phát nương làm rẫy.

ỀM LỰC KHKT:

Xưởng chế biến, đội cưa xẻ, đội bảo vệ rừng và đội chỉ đạo sản xuất. Ngoài ra
vườn ươm dưới sự chỉ đạo của phòng kế hoạch kỹ thuật.
Quản lý 13.000 ha rừng. Kế hoạch trồng 1.000 ha đến nay đã trồng 700 ha

NH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Tập trung trồng, bảo vệ khoanh nuôi rừng đến năm 2005, phấn đấu khai thác
000 m^3 gỗ hàng năm, giải quyết công ăn việc làm ổn định cho CBCNV. Mở rộng dự
661. Khả năng diện tích trồng, bảo vệ rừng tăng gấp 2 lần. Tạo điều kiện cho
BCNV nâng cao trình độ, nghiệp vụ nhằm phục vụ sản xuất tốt hơn.

LÂM TRƯỜNG BỒNG LAI - QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Thị trấn Hoàn Lão - Bố Trạch - Quảng Bình.
Điện thoại: (052) 862033 - 862269



Giám đốc: LÊ VĂN VANG.

Chức năng nhiệm vụ:

Sản xuất kinh doanh nghề rừng:

✣ Khoanh nuôi, bảo vệ, phát triển rừng, trồng rừng.
✣ Khai thác chế biến lâm sản.
✣ Khai thác đá phục vụ giao thông (phục vụ đường Hồ Chí Minh).
✣Nhập khẩu gỗ từ nước bạn Lào.

✓ Lâm trường có cơ cấu tổ chức với 4 phòng chức năng, 3 đơn vị sản xuất, 1 đội khai thác, 1 cửa hàng chế biến lâm sản, 1 trại giống.
✓ Được giao quản lý 13.000 ha đất rừng và đất nông nghiệp.

Những thành tích đạt được:

❒ Từ 1995 - 1998 Lâm trường đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, được công nhận là lá cờ đầu của ngành trong tỉnh 4 năm liền.

❒ Trọng các năm 1996 - 2000 giá trị sản lượng bình quân đạt từ 3 - 3,5 tỷ/năm. Năm 2000 phấn đấu đạt 6,5 tỷ. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.



Xưởng cưa xẻ gỗ

Định hướng phát triển:

- Chú trọng bảo vệ, phát triển khoanh nuôi rừng có hiệu quả.
- Phát triển đến 2010 đạt 1.000 ha cây thông nhựa.
- Ổn định, nâng cao đời sống, mức thu nhập cho CBCNV lâm trường.

CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ XNK LÂM SẢN QUẢNG TRỊ



Trụ sở công ty sản xuất và XNK Lâm sản Quảng Trị

Địa chỉ: Km3 đường 9. TX. Đông Hà Quảng Trị.
Điện thoại: (053) 854830
Fax: (053) 854830
Giám đốc: NGUYỄN VĂN LUẬN

Chức năng nhiệm vụ:

- Khai thác chế biến xuất khẩu hàng lâm sản :
  - Gỗ nguyên liệu giấy.
  - Liên doanh khai thác với Lào
- Sản xuất hàng mỹ nghệ xuất khẩu, sản xuất gia công hàng mộc nội địa.
- Trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng.
- Cung cấp nguyên liệu gỗ cho địa bàn trong tỉnh và trên toàn quốc.
- Chăm sóc và bảo vệ 400 ha rừng.
- ☆ Hàng năm khai thác nguyên liệu giấy từ 6.000 - 8.000 tấn.
- ☆ Khai thác và thu mua gỗ Lào > 3000m^3/năm.
- ☆ Thành lập nhà máy chế biến hàng lâm sản xuất khẩu. Khoanh vùng bảo vệ và khai thác vùng nguyên liệu với nước bạn Lào. Tận dụng nguyên liệu sẵn có trên địa bàn làm mộc mỹ nghệ.

Công ty mong muốn hợp tác, đầu tư kinh doanh cho dự án thành lập nhà máy chế biến nguyên liệu gỗ xuất khẩu.



Gỗ chế biến



CÔNG TY LÂM CÔNG NGHIỆP

SƠN LA

Giám đốc: KSKT. ĐẶNG ĐỨC CẢNH

Địa chỉ : Tiểu khu II - Thị trấn Hát Lót
Huyện Mai Sơn - Tỉnh Sơn La.
Điện thoại : (022) 843126 - 843072
Fax: (022) 843894

Chức năng nhiệm vụ :

- ◆ Quản lý, xây dựng và phát triển vốn rừng.
- ◆ Dịch vụ cung ứng giống cây lâm nghiệp.
- ◆ Khai thác, chế biến, kinh doanh nông lâm sản.
- ◆ Sản xuất, chế biến, tiêu thụ bột giấy và các sản phẩm khác từ bột giấy.
- ◆ Xuất nhập khẩu nông-lâm sản và vật tư thiết bị phục vụ chế biến nông lâm sản.

★Năng lực sản xuất:

- ✓ Nhà máy sản xuất giấy Krapt 2.500 tấn/năm.
- ✓ Dây chuyền carton sóng : 1.500 tấn/năm.
- ✓ Dây chuyền sản xuất giấy ăn - giấy vệ sinh: 300 tấn/năm.
- ✓ Trung tâm nghiên cứu sản xuất các loại giống cây lâm nghiệp.
- ✓ Trồng mới, khoanh nuôi bảo vệ rừng; xây dựng vùng nguyên liệu giấy tập trung.



Trụ sở Công ty

Những thành tích đạt được :

✪ **Năm 1996:**

+ Bằng khen do Thủ tướng Chính phủ tặng.

+ Cờ dẫn đầu khối doanh nghiệp nông - lâm - ngư do UBND tỉnh tặng.

+ Cờ dẫn đầu ngành Nông nghiệp và PTNT do UBND tỉnh tặng.

✪ **Huân chương lao động hạng Ba do Chủ tịch nước tặng về thành tích thực hiện nhiệm vụ 5 năm 1994-1998.**

✪ **Nhiều danh hiệu thi đua do UBND Tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng.**

Định hướng phát triển :

▲ **Đào tạo và đào tạo lại 30%/năm.**

▲ **Cơ cấu đầu tư đến 2005 : dự kiến 7 tỷ đồng.**

▲ **Mức độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 20%.**



Vườn ươm giống

CÔNG TY GIỐNG LÂM NGHIỆP TRUNG ƯƠNG

ĐỊA CHỈ: 62 THỊ TRẤN CẦU DIỄN - HUYỆN TỪ LIÊM - HÀ NỘI
ĐT : (04) 8372469 - 8372471 Fax : 8372470
***Giám đốc:* NGUYỄN DƯƠNG TÀI**

ổ chức bộ máy quản lý và các đơn vị thành viên của Công ty gồm có:
Văn phòng Công ty và 4 phòng chức năng, 7 xí nghiệp trực thuộc

HỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

. Xây dựng hệ thống rừng giống và vườn giống cây trồng để cung cấp nguồn giống đảm bảo chất lượng tốt phục vụ cho công tác trồng rừng và phát triển rừng.
. Tham gia vào việc xây dựng và quản lý mạng lưới giống quốc gia và dự báo năng lực cung cấp giống hàng năm cho ngành lâm nghiệp.
. Tiếp nhận công nghệ mới về giống cây rừng để phát triển mở rộng trong sản xuất.
. Cung cấp giống cây rừng có chất lượng tốt theo kế hoạch của Bộ NN và PTNT.
. Thực hiện các hoạt động nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực giống cây trồng.
. Thực hiện việc xuất nhập khẩu giống, phục vụ kế hoạch trồng rừng của ngành.
. Phổ cập kiến thức mới về giống cây rừng cho sản xuất.

IỂM NĂNG

Tổng diện tích rừng và đất rừng công ty hiện đang quản lý: 13,181 ha.

Cơ sở vật chất và thiết bị:

Công ty có hai trung tâm mô hom tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, 1 vườn nhân hom và 26 vườn ươm sản xuất cây giống.

1 thư viện, 3 phòng kiểm nghiệm hạt giống, 2 kho lạnh và 7 kho bảo quản giống.

Các phương tiện thông tin, điều kiện làm việc... đã được trang bị đầy đủ.

Công ty đã và đang thực hiện các dự án quốc tế:

Hợp tác với viện nghiên cứu khoa học Pháp thực hiện dự án: Thiết lập mô hình phục hồi rừng họ Sao Dầu.

Dự án hỗ trợ cho việc xây dựng năng lực của ngành giống lâm nghiệp Việt Nam.

Có quan hệ hợp tác, nghiên cứu và trao đổi thông tin, vật liệu giống với các nước như Úc, Trung Quốc, Urugoay, Thái Lan.

ẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐƯỢC TRONG NHỮNG NĂM QUA:

rong những năm qua Công ty Giống Lâm nghiệp Trung ương đã đóng góp cho việc phát triển kỹ thuật, công nghệ à tham gia chương trình phát triển công tác giống được thể hiện trên các lĩnh vực:

Phát triển kỹ thuật chuyển hóa rừng tự nhiên thành rừng giống

Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật công nghệ nhân giống vô tính phục vụ chương trình xây dựng vườn giống từ cây ghép, thiết lập ngân hàng dòng và phát triển công nghệ mô hom để nhân giống cây con có chất lượng cao.

Dẫn giống và nhập giống mới cũng như phát triển phương pháp thiết lập vườn giống theo xuất xứ và dòng dõi nhằm gắn việc cung cấp giống được cải thiện với hoạt động cải tạo giống và bảo tồn nguồn gen.

Nghiên cứu và xây dựng qui trình về thu hái, chế biến và bảo quản hạt giống cho các loài cây trồng rừng chủ yếu.



ảo Công ty

- Đề xuất và xây dựng chương trình tuyển chọn nguồn giống và mạng lưới quản lý cung ứng giống quốc gia.
- Rừng giống, vườn giống, rừng giống chuyển hóa công ty đạt được 4.381 ha.
- Hàng năm cung cấp được 64.431 kg hạt giống và 30.000.000 cây con các loại.

ĐỊNH HƯỚNG TỪ NĂM 2000-2005:

1. Xây dựng hoàn thiện hệ thống mạng lưới quản lý, sản xuất và cung ứng giống trên phạm vi toàn quốc.
2. Tiếp tục tuyển chọn các nguồn gen.
3. Thiết lập đủ vườn giống cho các loài cây trồng rừng chủ yếu.
4. Nhập giống có năng suất và chất lượng cao.
5. Phát triển nhanh công nghệ nhân giống sinh dưỡng.

CÔNG TY LÂM SẢN TỈNH BẮC KẠN



Giám đốc
KS. LÊ QUANG ĐÀN

Chức năng nhiệm vụ:

* *Chế biến lâm sản:* Chế biến gỗ, sản xuất mành trúc, làm đũa tre, vầu.
* *Sản xuất giấy đế.*

Công ty có 3 phân xưởng sản xuất với 150 CN:

. Phân xưởng chế biến gỗ
. Phân xưởng sản xuất đũa
. Phân xưởng trúc, giấy.

Sản lượng :

. Chế biến gỗ : 800m^3 /năm.
. Mành trúc : 800.000 sản phẩm/năm.
. Đũa tre vầu : 600 tấn/năm
. Giấy đế XK : 1.200 tấn/năm.

Những thành tích đạt được:

Đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước. Nộp ngân sách Nhà nước năm sau cao hơn năm trước.

Định hướng phát triển:

. Nghiên cứu nắm bắt thị trường tiêu thụ nội địa.
. Mở rộng thị trường nâng cao chất lượng sản phẩm

LÂM TRƯỜNG BẠCH THÔNG BẮC KẠN

Địa chỉ: Phường Nguyễn Thị Minh Khai, Thị xã Bắc Kạn.
Điện thoại: (0281) 870172 **Fax:** 870172



Giám đốc: KS. HÀ ĐỨC TIẾN



Trụ sở Lâm trường Bạch Thông

Chức năng nhiệm vụ:

Lâm trường có bề dày hoạt động sản xuất kinh doanh được thành lập cách đây 40 năm.

- Quản lý, bảo vệ, xây dựng, bảo dưỡng rừng.
- Khai thác gỗ và chế biến các loại lâm sản: sơ chế các loại đũa tre, đũa gỗ và gỗ xây dựng, sản xuất chiếu tre.
- Lâm trường hiện đang quản lý 11.860 ha rừng.
- Sản phẩm chế biến hàng năm 4.000 m gỗ qui tròn các loại; 5.000 tấn vầu nứa/năm; 6.000 sản phẩm chiếu tre/năm.

CÔNG TY LÂM SẢN XUẤT KHẨU ĐÀ NẴNG

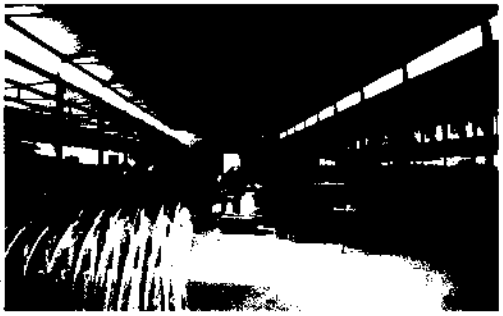

Phân xưởng chế biến lâm sản xuất khẩu



Phòng trưng bày sản phẩm

Địa chỉ: Hòa Thọ, Hòa Vang, Đà Nẵng.
ĐT: (0511) 846574 Fax: (0511) 670338
Giám đốc: TRƯƠNG BÁ KHƯƠNG.

[redacted]

- Sản xuất, chế biến và xuất nhập khẩu lâm sản
- Trồng rừng và khai thác lâm sản
- Kinh doanh hàng hóa, vật tư tổng hợp
- Công suất xuất khẩu: 18 Container/tháng.
- Thị trường xuất khẩu: Châu Âu, Đài Loan, Hàn Quốc.
- Thị trường nhập khẩu: Lào, Indonesia, Malaysia, Singapore.
- Sản phẩm: các loại bàn, ghế, giường, tủ.
- Kim ngạch xuất khẩu: 1999: 1 triệu USD, 2000: 1,8 triệu USD.

Hân hạnh được phục vụ

LÂM TRƯỜNG QUY NHƠN - BÌNH ĐỊNH

ĐC: Đường Hùng Vương, Tp.Quy Nhơn, T.Bình Định
ĐT: (056) 848557 **ĐTDĐ:** 091440024
Giám đốc: KS. HỒ VĂN BÌNH

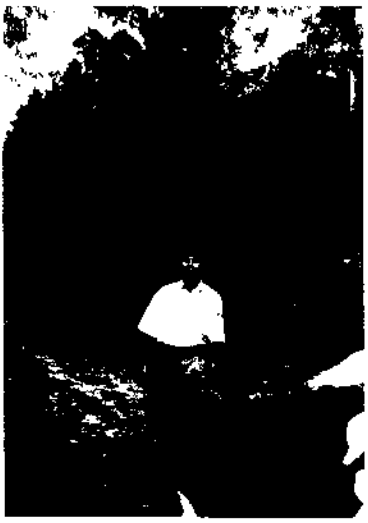

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Sản xuất kinh doanh nông lâm tổng hợp.
- Thực hiện các dự án trồng rừng phòng hộ, rừng môi sinh.
- Lâm trường có đủ máy móc, thiết bị cho việc khai thác, chế biến nông lâm sản.
- Thực hiện dự án 327 và chương trình 5 triệu ha rừng của Chính phủ đến nay lâm trường đã trồng được xấp xỉ 2.000 ha rừng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Trong những năm tới lâm trường tiếp tục phát triển rừng tăng thêm từ 1.000 - 1.500 ha.
- Đầu tư thành lập dây chuyền chế biến nông lâm sản.
- Thực hiện trồng mới từ 2.000 - 2.500 ha rừng phòng hộ để phủ xanh đất trống đồi núi trọc trên địa bàn lâm trường quản lý.
- Chủ trương thu hút cán bộ tốt nghiệp Đại học về phục vụ cho đơn vị.

LÂM TRƯỜNG NGHĨA TRUNG

ĐỊA CHỈ: HUYỆN BÙ ĐĂNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC
ĐIỆN THOẠI: (0651) 997030

Chức năng nhiệm vụ:

- Quản lý bảo vệ rừng, xây dựng và phát triển vốn rừng.
- Khai thác lâm sản và chế biến đũa tre.
- Sản xuất lâm nông kết hợp và làm dịch vụ lâm nông nghiệp trên địa bàn.
- Rừng của lâm trường đã được tổ chức khoán cho hộ, hơn 1 nữa diện tích đang đi dần vào ổn định sản xuất cây lồ ô. Hiện trạng rừng đang còn 80% diện tích lâm phần do đơn vị quản lý.

Những thành tích đạt được :

- Ba năm liền được Tỉnh và Bộ tặng bằng khen về hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Định hướng phát triển : Từ 2000 - 2005

- Bảo vệ rừng - khai thác lồ ô, hàng năm tăng 1,3 triệu cây.
- Đẩy mạnh sản xuất đũa lồ ô sơ chế.
- Đầu tư hoặc liên doanh để sản xuất thành phẩm đũa và các loại sản phẩm khác từ cây lồ ô.
- Tăng dần phát triển cây công nghiệp và lo đầu ra cho sản phẩm cây công nghiệp trong cơ cấu doanh thu hàng năm của đơn vị.

CÔNG TY KHAI THÁC CHẾ BIẾN LÂM SẢN II



Giám đốc
KS. DƯƠNG SƠN HẢI

ĐỊA CHỈ: 270 QUỐC LỘ 20, KHU PHỐ I, TT. LIÊN NGHĨA,
H. ĐỨC TRỌNG, LÂM ĐỒNG
ĐT: (063) 843144 - 843290

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Khai thác, chế biến lâm sản xuất khẩu.
- Thực hiện dịch vụ nông lâm kết hợp.
- Xây dựng các hạng mục công trình giao thông nhóm C.
- Xây dựng và phát triển vốn rừng phục vụ sản xuất công nghiệp ngành giấy, sản xuất ván nhân tạo.
- Sản xuất lâm sản phụ như (đũa tre, que kem.v.v...)

TIỀM LỰC KHKT:

- Giá trị sản lượng: 11 – 15 tỷ VND/năm.
- Tổ chức: Lực lượng 250 CBCNV, LĐHĐ: 100
- Mức tăng trưởng kinh tế: 2,5%/năm.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Cơ cấu đầu tư sản xuất đến 2005: Dự kiến đầu tư 8 tỷ mua sắm trang thiết bị phục vụ thi công các công trình giao thông và mở rộng sản xuất một số mặt hàng như: mộc dân dụng, ván dăm, ván sợi, may mặc.v.v...
- Mức tăng trưởng kinh tế: 2,5%/năm.

TRƯỜNG PHÙ BẮC YÊN

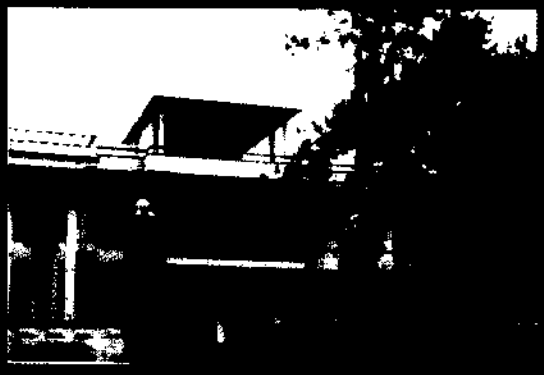

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN LÂM SẢN

HÀ GIANG

Xí nghiệp rất mong được hợp tác, liên kết, làm ăn
với các đối tác trong và ngoài nước

CÔNG TY ĐẦU TƯ XNK NÔNG LÂM SẢN CHẾ BIẾN

TRỤ SỞ CHÍNH: PHƯỜNG TÂN MAI - QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐT: (04) 8642685 - 8645902 Fax: (04) 8642685
***Giám đốc:* ĐOÀN HỮU CƯỜNG**

➲ Đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu: Trồng tre, luồng, sặt lấy măng, trồng nấm, trồng cây ăn quả, thu mua sản phẩm để chế biến ở các dạng hộp, túi, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

➲ Xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ măng, nấm, nông lâm sản chế biến và các sản phẩm thủy hải sản tươi sống, khô, hộp.

➲ Nhập khẩu máy móc, vật tư nguyên liệu phục vụ cho việc đầu tư và sản xuất kinh doanh nông lâm sản và các ngành nghề khác (máy móc nông nghiệp, thiết bị cho các nhà máy chế biến...) Nhập giống tre, cây ăn quả có năng suất, chất lượng cao, nhập phân bón, nông dược cho nông dân. Kinh doanh nông sản thực phẩm, thủy hải sản và sản xuất đồ uống gồm rượu bia, nước giải khát có ga...

CÔNG TY HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ



Vườn giống tre lục trúc

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

CÔNG TY LÂM NGHIỆP HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Dân Hạ, Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Hòa Bình - Tel : (018) 842352
Giám đốc Công ty : BÙI THỊ XẾ

CÔNG TY CÓ NHIỆM VỤ:

- Tổ chức trồng rừng nguyên liệu.
- Khai thác, thu mua nguyên liệu để cung ứng cho nhà máy ván sợi ép.
- Ký hợp đồng kinh tế trồng rừng nguyên liệu với các đơn vị, tập thể và cá nhân.
- Dịch vụvật tư kỹ thuật, sản xuất cây giống, phân bón phục vụ trồng rừng.
- Xây dựng các mô hình thâm canh, trồng rừng, ứng dụng các đề tài khoa học tiên tiến để tạo giống và nâng cao hiệu quả trồng mới và khai thác rừng.
- Sản xuất kinh doanh tổng hợp các sản phẩm nông lâm nghiệp.
- Thiết kế các hạng mục công trình lâm nghiệp.
- Liên doanh, liên kết các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về lĩnh vực trồng rừng.



Rừng trồ

Công ty có 5 đơn vị thành viên gồm : 4 lâm trường và 1 xí nghiệp.
Tổng số cán bộ công nhân viên là 431 trong đó : 124 người có trình độ đại học và trung cấp.
Tổng diện tích rừng Công ty đang quản lý là 17.594 ha trên 6 huyện và thị xã Hòa Bình.
Mục tiêu của Công ty : Từ đây đến năm 2005 trồng mới 15.000 ha.

LÂM TRƯỜNG ĐIỆN BIÊN – LAI CHÂU

ỊA CHỈ : PHƯỜNG HIM LAM – THỊ XÃ ĐIỆN BIÊN
ĐT: (023) 824518

ền thân là Công ty Lâm sản. Năm 1993 thành p lại mang tên là Lâm trường Điện Biên.

Chức năng nhiệm vụ:

Khai thác chế biến lâm sản
Thực hiện sản xuất nông lâm kết hợp
Quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng
Chủ dự án 327 nay tiếp tục thực hiện dự án 1.



Giám đốc: KS. **MAI XUÂN HẢI**

Tiềm lực khoa học kỹ thuật:

- Tổng số 73 CBCNV. Lâm trường có 01 đội ồng rừng, 01 đội cây giống và 01 ban quản lý dự .
- Từ 1997 chế biến lâm sản đạt sản lượng 600 – 0 m^3 gỗ qui tròn, doanh thu hàng năm 500 triệu. ồng trồng mới hàng năm được giao kế hoạch 300 400 ha; tái sinh và bảo vệ 12.000 ha.

✪ Những thành tích đạt được:

Tổng diện tích được giao thực hiện dự án: 63.713 ha, trong đó:
- Đất rừng 27.937 ha
- Rừng tự nhiên 24.734 ha
- Đất trống 35.776 ha.

LÂM TRƯỜNG BẢO YÊN – TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ : Thị trấn Phố Giàng - H. Bảo Yên - Lào Cai
ĐT : (020) 876232
Giám đốc : ĐỖ VĂN DŨNG

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Bảo vệ, trồng rừng mới.
Khai thác chế biến lâm sản.
Chủ dự án 661/TTg.
Lâm trường có 4 đội trồng rừng, bảo vệ, khai thác lâm sản và 1 xưởng chế biến: giấy để: 2.200 ấn/năm, đũa gỗ xuất khẩu: 4.000.000 đôi/năm.
Tổng diện tích quản lý : 24.887 ha
+ Đất sản xuất kinh doanh : 5.008 ha
+ Dự án khoanh nuôi : 19.879 ha

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- 1993 - 1999 : Được Chính phủ và Bộ, Ngành tặng nhiều cờ, bằng khen Đơn vị thi đua xuất sắc, Đơn vị ực hiện tốt chương trình 327…

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Hoàn thành dự án trồng rừng đạt 100% kế hoạch.
- Giai đoạn 2001 – 2005 đầu tư 5 tỷ VND cho cơ sở ạ tầng và dây chuyền sản xuất giấy xuất khẩu.

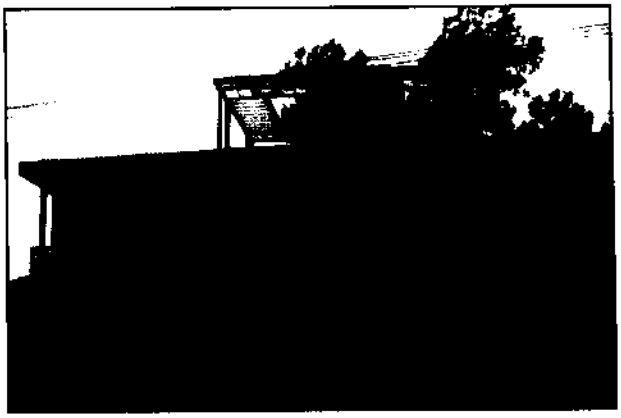

Văn phòng Lâm trường Bảo Yên

NGHE AN SPECIAL POREFRY IMPORT EXPORT COMPANY



Sản phẩm xuất khẩu bằng gỗ Pơmu

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU LÂM ĐẶC SẢN NGHỆ AN

ĐỊA CHỈ: 43 ĐƯỜNG QUANG TRUNG,
TP. VINH, NGHỆ AN
ĐIỆN THOẠI: (038) 842519 - 847844
FAX : (038) 842519

Chức năng nhiệm vụ :

- Công ty XNK Lâm đặc sản Nghệ An là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 242 QĐ/UB ngày 11/2/1993 của UBND tỉnh Nghệ An.
- Công ty chuyên sản xuất, kinh doanh với ngành nghề chủ yếu :
  - Thu mua chế biến các loại lâm đặc sản để tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.
  - Hợp tác với các bạn Lào trong lĩnh vực khai thác, chế biến gỗ, khai thác chế biến song mây xuất khẩu.
  - Giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng năm trên 1 triệu USD.

Hân hạnh được tiếp đón và phục vụ

CÔNG TY KINH DOANH LÂM NGHIỆP THỪA THIÊN - HUẾ

ĐỊA CHỈ : 333A HÙNG VƯƠNG - THÀNH PHỐ HUẾ
ĐIỆN THOẠI : (054) 823883 - 823259
FAX: (84.54) 833488
GIÁM ĐỐC : NGUYỄN HỮU CỪ

Chức năng nhiệm vụ :

- *Quản lý, xây dựng, bảo vệ và phát triển vốn rừng, sản xuất kinh doanh Lâm - Nông kết hợp.*
- *Khai thác và chế biến lâm sản, sản xuất kinh doanh nguyên liệu rừng trồng.*
- *Xuất nhập khẩu lâm đặc sản.*
- *Tổng diện tích tự nhiên : 50.411 ha. Trong đó :*

- Rừng tự nhiên	:	*32.824,4 ha*
- Rừng trồng	:	*3.368,1 ha*
- Đất trống	:	*13.968,3 ha*
- Đất khác	:	*250,2 ha*

Những thành tích đạt được :

☛ Từ năm 1997 đến 1999 : UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tặng Đơn vị thi đua xuất sắc trong phong trào thi đua hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

LÂM TRƯỜNG CẨM PHẢ

ĐỊA CHỈ : 33 ĐƯỜNG BÁI TỬ LONG, PHƯỜNG CẨM TRUNG, THỊ XÃ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH
TEL : (033) 862280 - Fax : (033) 860693
***Giám đốc :* NGUYỄN HỮU TRÁC**

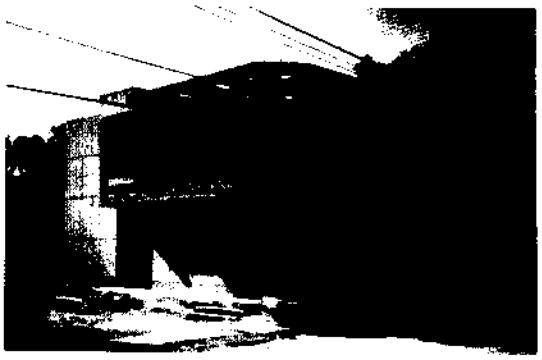

Trụ sở Lâm trường Cẩm Phả

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

★Khai thác các loại lâm sản từ rừng tự nhiên.

★Chế biến gỗ phục vụ cho việc xây dựng cơ bản.

★Trồng rừng nguyên liệu phục vụ cho khai thác than và nguyên liệu cho sản xuất giấy, chế biến ván dăm gỗ.

Lâm trường mong muốn được hợp tác với các tổ chức, các nhà kinh doanh trong và ngoài nước trên lĩnh vực trồng rừng và chế biến gỗ.



Rừng keo của Lâm trường Cẩm Phả

LÂM TRƯỜNG ĐÔNG TRIỀU

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN MẠO KHÊ, HUYỆN ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH
TEL: (033) 871223 - 870083



Giám đốc ĐỖ XUÂN HUYNH

Chức năng nhiệm vụ :

- Trồng, quản lý và khai thác rừng
- Trồng cây ăn quả
- Xây dựng vốn rừng :
  - Trồng rừng theo chương trình 5 triệu ha.
  - Trồng rừng theo dự án trồng rừng Việt - Đức.
  - Trồng rừng theo dự án trồng cây ăn quả.
- Khai thác sản phẩm rừng trồng : Khai thác nhựa thông, gỗ phục vụ ngành than và nguyên liệu cho ngành giấy.
- Chế biến nông sản tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

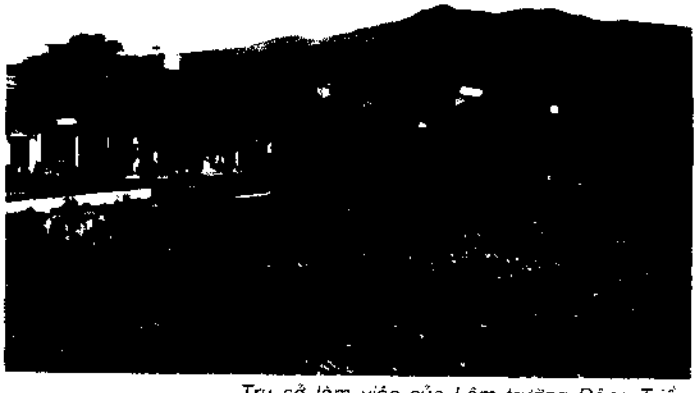

Trụ sở làm việc của Lâm trường Đông Triều

LÂM TRƯỜNG NGÒI LAO TỈNH YÊN BÁI

ĐỊA CHỈ : TÂN THỊNH - VĂN CHẤN - YÊN BÁI
ĐT : (029) 873166 – 873167

Chức năng nhiệm vụ :

- Trồng, bảo vệ, khai thác chế biến lâm sản.
- Sản xuất chế biến chè đen.

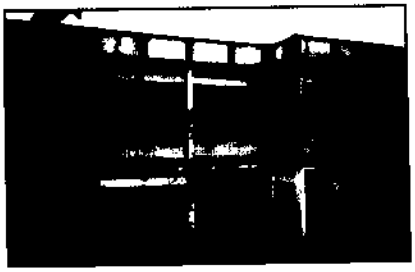

Văn phòng lâm trường

Tiềm lực KHKT :

Diện tích rừng quản lý : 6.061 ha :

- Rừng tự nhiên	:	2.164 ha.
- Rừng trồng	:	1.500 ha.
- Rừng khoanh nuôi	:	750 ha.
- Đất nông nghiệp, đất khác	:	200 ha.
- Rừng trồng phòng hộ	:	482 ha.

LÂM TRƯỜNG RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC HỢP TÁC VỚI CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ GẦN XA

CÔNG TY LÂM NGHIỆP CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU LÂM SẢN II - YÊN BÁI

ĐC: P. Cầu Thia, TX. Nghĩa Lộ, T. Yên Bái
ĐT: (029) 870111 – 870485



Giám đốc : **KS. TRẦN VĂN HỌC**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Quản lý, bảo vệ, xây dựng và phát triển vốn rừng.
- Sản xuất kinh doanh nông lâm nghiệp kết hợp.
- Khai thác và chế biến gỗ rừng trồng, rừng tự nhiên.
- Nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Cơ cấu đầu tư đến năm 2005: đầu tư dây chuyền chế biến gỗ công nghệ tiên tiến, chế biến gỗ các loại, sản lượng 2.000m³/năm, mở rộng nhà xưởng sản xuất, dự kiến giá trị đầu tư từ 3 – 4 tỷ đồng.

LÂM TRƯỜNG CHÍ LINH - HẢI DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: TIÊN SƠN - CỘNG HÒA - CHÍ LINH - HẢI DƯƠNG
ĐIỆN THOẠI: (0320) 882147 - 882764.



Giám đốc : KS. PHẠM ĐẮC HOAN

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Quản lý bảo vệ diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng hiện có.
- Trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc.
- Trồng cây ăn quả, cây công nghiệp.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Từ năm 1993 đến năm 2000 : thực hiện tốt chương trình 327
- Lâm trường đã căn bản phủ xanh đất trống đồi núi trọc, bảo vệ được diện tích rừng hiện có.
- Đã giao khoán triệt để diện tích đất đồi, rừng cho các hộ dân và CBCNV Lâm trường nhận khoán.

LÂM TRƯỜNG ĐỊNH HÓA TỈNH THÁI NGUYÊN

ĐC: Xóm Dốc Châu, Thị trấn Chợ Chu, Định Hóa, Thái Nguyên
ĐT: (0280) 878319



***Giám đốc* : KS. HỨA ĐỨC TAM**

Lâm trường được thành lập từ 1972, đến 1996 mang tên Lâm trường Định Hóa tỉnh Thái Nguyên.

- Xây dựng, bảo vệ và phát triển gỗ rừng.
- Sản xuất kinh doanh nông, lâm sản.
- Khai thác, tổ chức thu mua gỗ và lâm sản chế biến.
- Lâm trường có biên chế 4 đội sản xuất; 2 xưởng :
  + Xưởng sản xuất đũa
  + Xưởng xẻ gỗ gia dụng.
- 4 đội khai thác nguyên liệu.
- Chăm sóc rừng trồng.
- Tham gia theo dự án 327 và hiện nay là dự án 661

NAVETCO

CÔNG TY THUỐC THÚ Y TW II

Trụ sở chính: 29 Nguyễn Đình Chiểu, Q.I, TP.Hồ Chí Minh.
ĐT:(84)8.8225063 - 8225955 **Fax:** (84)8.8225060
Email: Navetco@netnam 2org.vn
Chi nhánh: 40A Trường Chinh, Q. Đống Đa, TP.Hà Nội.
ĐT: (84)4.8691003
Giám đốc: BS. NGUYỄN TIẾN TRUNG

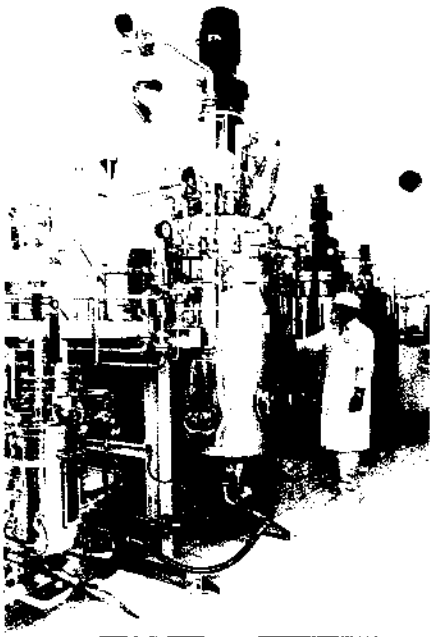

Công ty Thuốc thú y Trung ương II là một tổ hợp nghiên cứu và sản xuất hàng đầu, chuyên cung cấp các loại vắc xin và thuốc thú y chất lượng tốt nhất cho thị trường cả nước và xuất khẩu sang một số nước trong khu vực.

Công ty có 3 chức năng:

❶ NGHIÊN CỨU: Nghiên cứu, cải tiến nâng cao chất lượng và phát triển các sản phẩm mới phục vụ chăn nuôi. Trung tâm nghiên cứu được tổ chức thành 5 bộ môn : Vi trùng, Ký sinh trùng, Siêu vi trùng, Dược thú y và Hóa sinh miễn dịch.

❷ SẢN XUẤT: 14 vắc xin phòng bệnh và 62 sản phẩm Dược thú y phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm và tôm cá.

❸ KINH DOANH :

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm của Công ty.
- Nhập khẩu trực tiếp các loại nguyên liệu, thức ăn bổ sung và các loại vắc xin của nước ngoài.

Mục tiêu của Công ty : Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm vắc xin và thuốc thú y chất lượng cao, giá cả hợp lý, phục vụ tốt nhất cho khách hàng ở bất cứ nơi nào trên cả nước.



Phó thủ tướng NGUYỄN CÔNG TẠN thăm gian hàng của công ty tại triển lãm Nông nghiệp Hà Nội



Các sản phẩm Vắc xin

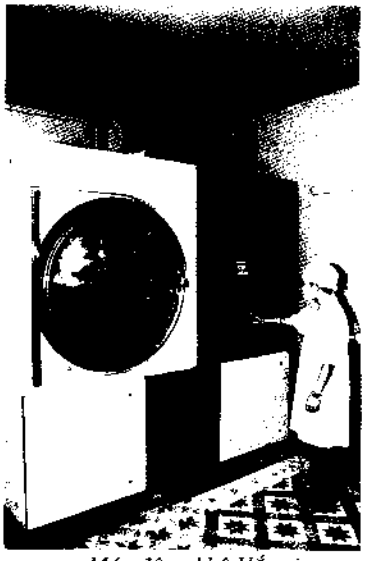

Máy đông khô Vắc xin

XÍ NGHIỆP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Đức Thượng - Hoài Đức -Hà Tây
Điện thoại : (034) 861337
***Giám đốc :* TRẦN KHÂM**



Chất lượng truyền thố

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Kinh doanh, sản xuất vắc xin và dược phẩm thú y.

TIỀM NĂNG, NĂNG LỰC VÀ KHKT:

Tổng số cán bộ: 200 người; Bác sĩ thú y: 20 người, kỹ sư kinh tế: 08 người; cơ điện: 02 người; hóa dược sĩ: 02 người; xây dựng: 01 người.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

Hàng năm vượt chỉ tiêu của Bộ Nông nghiệp và PTNT đề ra về doanh thu, lợi nhuận đóng góp cho Nhà nước.

Đã hợp tác sản xuất với một số công ty nước ngoài cụ thể công ty Merial (Mỹ – Pháp).



Bộ phận kiểm nghiệm vắc

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

- Luôn đi sát đời sống để sản xuất các loại vắc xin thú y.
- Mua công nghệ mới bắt kịp với trình độ cao của các nước tiên tiến.

Với truyền thống 40 năm hoạt động xây dựng và phát triển, xí nghiệp sản xuất đầy đủ các loại vắc xin, hầu hết các bệnh truyền nhiễm của gia súc, gia cầm, xí nghiệp đều có vắc xin phòng bệnh. Khi có yêu cầu của các địa phương cần một lượng nhỏ như vắc xin ung khí thán, Leptospira đều được xí nghiệp cung cấp. Riêng vắc xin xí nghiệp đang sản xuất là 20 loại.



Trụ sở xí ngh

- Chất lượng vắc xin luôn luôn được đặt lên hàng đầu, xí nghiệp chỉ cho xuất xưởng các lô vắc xin đã được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn. Số liều vắc xin trong 1 đơn vị đóng gói được chú ý cho phù hợp với từng đối tượng sử dụng.
- Công tác nghiên cứu các vắc xin mới là một đòi hỏi của công tác phòng chống dịch bệnh, đồng thời cũng là sự tồn tại và phát triển của nghiệp.

Xí nghiệp đã và đang đưa ra các vắc xin mới phục vụ tích cực cho chăn nuôi hàng hóa g phần tích cực phòng chống các bệnh do chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp.

- Xí nghiệp với bề dày hơn 40 năm hoạt động đã tiếp nhận và đào tạo nâng cao các cán từ các trường đại học trong và ngoài nước, nhiều cán bộ kỹ thuật ở các viện nghiên cứ trung tâm thú y, các cơ sở sản xuất thuốc vắc xin thú y cả nước cũng đã trưởng thành xí nghiệp chúng tôi.

TRẠI CHĂN NUÔI HEO GIỐNG TƯ DOANH HƯNG VIỆT- BÀ RỊA VŨNG TÀU



Văn phòng

Địa chỉ : Ấp Tây - Xã Hòa Long - TX Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại : (064) 825176
***Giám đốc :* LÊ THỊ LONG TÀI**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

✚ Chăn nuôi heo giống, heo thịt.
✚ Chế biến thức ăn gia súc.

Doanh nghiệp sẵn sàng liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài tỉnh trên lĩnh vực cung ứng cho thị trường heo giống và heo thịt.



Trại chăn nuôi heo giống, thịt

TRUNG TÂM GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG



Giám đốc : KS. TRẦN QUỐC TÂN

Trung tâm được thành lập năm 1978.

NHIỆM VỤ :

- Sản xuất và cung ứng tinh lợn trên địa bàn tỉnh.
- Sản xuất và tiêu thụ liều tinh lợn.
- 1998 - 2000 bình quân hàng năm sản xuất và tiêu thụ trên dưới 128-150 liều tinh/năm.
- Trung tâm vừa hoàn thành 1 chuồng lợn đực, công nghệ mới hiện đại (dây chuyền thiết bị công nghệ của Mỹ) đã đưa vào sử dụng cho phép nuôi tất cả các giống lợn cao sản trên thế giới
- Ngoài ra còn cung ứng liều tinh bò và phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo cho bò, bình quân mỗi năm phối được từ 500-600 con bò.

Địa chỉ : Km 5 - Nguyễn Lương Bằng - Tp. Hải Dương.
Điện thoại : (0320) 890328

XÍ NGHIỆP GIỐNG LỢN NGOẠI

Địa chỉ: Phường Tràng Minh - Tp. Hải Phòng
Điện thoại: (031) 876616



Giám đốc: KS. VŨ NGỌC QUẾ

Chức năng nhiệm vụ:

✧ **Sản xuất và cung ứng giống lợn ngoại và móng cái thuần chủng.**

✧ **Sản xuất tinh dịch lợn và tổ chức phối giống cho các đàn lợn nái của thành phố.**

✧ **Kinh doanh các mặt hàng phục vụ chăn nuôi.**

✧ **Cung ứng giống lợn, trâu, bò và gia cầm trên địa bàn toàn tỉnh.**

CÔNG TY MUỐI NINH THUẬN (NISACO)

NINH THUAN SALT COMPANY

Địa chỉ: Đường Trần Phú, Phường Thanh Sơn
Thị xã Phan Rang. Tháp Chàm. Tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: (068) 825436- 825462
Fax : (068) 825494.
Giám đốc: NGUYỄN VĂN SANG



Trụ sở công ty

Chức năng nhiệm vụ :

✦ Sản xuất muối hạt công nghiệp hiện nay từ 80.000 đến 100.000 tấn/năm với các chỉ tiêu chất lượng như sau :

+ Hàm lượng NaCl 95 %.

+ Các yếu tố khác : SO_4^{2-}, Mg^{2+}, Ca^{2+}, tạp chất, độ ẩm : Đạt theo tiêu chuẩn muối loại I (TCVN).

✦ Sản xuất các sản phẩm từ Muối và sau muối : Muối lốt, muối xay, muối tinh, Thạch cao dạng thô, thạch cao tinh, phấn viết thạch cao, phấn viết không bụi, các sản phẩm từ thạch cao.

✦ Dịch vụ xuất nhập hàng hóa qua Cảng Muối Cà Ná với trọng tải tàu 1.000 tấn.

✦ Hàng năm chúng tôi có nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước từ 80.000 tấn đến 100.000 tấn muối hạt thô.

Rất mong được quan hệ hợp tác với mọi khách hàng trong và ngoài nước.



Vận chuyển muối



Sản xuất muối ở công ty muối Ninh Thuận

TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT PHÚ YÊN

Địa chỉ : Thị trấn Phú Lâm - Tuy Hòa - Phú Yên
Điện thoại : (057) 851380

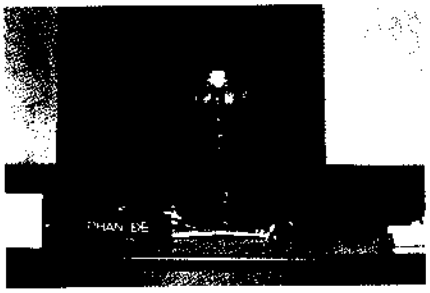

Hiệu trưởng: PHAN ĐỆ

Chức năng nhiệm vụ :

❖ Đào tạo người lao động có trình độ trung học chuyên nghiệp các ngành kinh tế, kỹ thuật phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nông thôn.
❖ Liên kết đào tạo đại học tại chức. Hướng nghiệp nghề cho học sinh phổ thông.
❖ Thực hiện, nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống.

Tiềm lực khoa học kỹ thuật:

Có đội ngũ giáo viên có khả năng đào tạo và liên kết đào tạo các ngành trồng trọt, chăn nuôi thú y , lâm sinh, quản lý đất đai, tài chính kế toán, tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề, triển khai các ứng dụng khoa học kỹ thuật. Có cơ sở thực hành, thực nghiệm phục vụ các ngành đào tạo.

Định hướng phát triển:

Năm 2000 - 2010: Mở rộng qui mô đào tạo, đa dạng hóa loại hình đào tạo. Chuẩn bị cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để mở thêm các ngành mới đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Những thành tích đạt được:

Đã đào tạo trên 1500 học sinh trung học chuyên nghiệp (chính qui, tại chức) tốt nghiệp ra trường, hàng trăm kỹ sư nông nghiệp, kinh tế nông lâm, quản lý đất đai tại chức (liên kết đào tạo) đã được Bộ Nông Nghiệp, Bộ Giáo dục đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên tặng nhiều bằng khen cho tập thể và cá nhân.

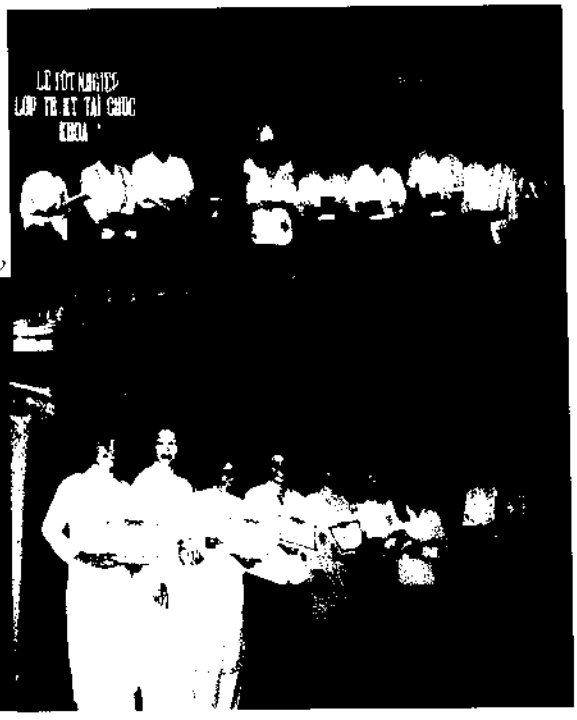

Lễ tốt nghiệp



TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT TỪ HIỆU - HƯNG YÊN

Địa chỉ: Xã Dân Tiến - Khoái Châu - Hưng Yên
Điện thoại: (0321) 713108

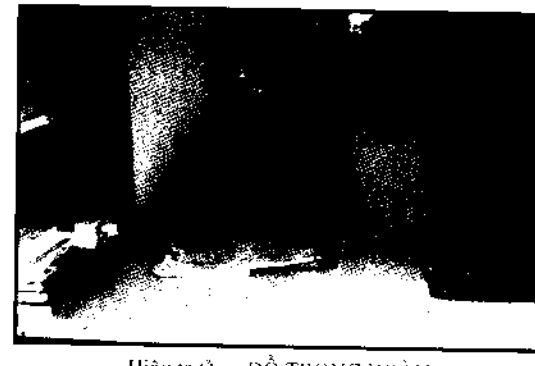

Hiệu trưởng: ĐỖ TRỌNG HOÀN

Chức năng nhiệm vụ:

- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ trung học, công nhân kỹ thuật và dạy nghề phục vụ các lĩnh vực kinh tế, xã hội.
- Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn cấp xã và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.
- Trực tiếp ký hợp đồng với các trường đại học để tổ chức các lớp đại học tại chức thuộc chuyên ngành của nhà trường.

Những thành tích đạt được:

- Từ 1960 đến nay, nhà trường đã đào tạo được 9.000 học sinh có trình độ từ trung học trở xuống. Liên kết với Trường đại học nông nghiệp I mở hệ đại học tại chức.
- Nhiều năm trường đạt danh hiệu Trường tiên tiến và tiên tiến xuất sắc; được UBND tỉnh, Ban Nông nghiệp TW, Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng nhiều bằng khen và cờ cho thành tích đào tạo; Trường được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3

Tiềm lực khoa học kỹ thuật:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên giàu kinh nghiệm làm công tác quản lý và giảng dạy: 100% giáo viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng, trong đó có 80% tốt nghiệp đại học: cơ cấu giáo viên của trường hợp lý phù hợp với các chuyên ngành đào tạo có thâm niên giảng dạy từ 15 năm trở lên: nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường, tỉnh và quốc gia.



Giám đốc:
ĐÀO XUÂN CHÍNH

TRUNG TÂM THỦY SẢN HƯNG YÊN

ĐỊA CHỈ: HUYỆN ÂN THI - HƯNG YÊN
ĐIỆN THOẠI: (0321) 830235

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- ➡ Sản xuất kinh doanh các loại cá giống.
- ➡ Đào tạo công nhân kỹ thuật nuôi trồng thủy sản trong Tỉnh.
- ➡ Khảo nghiệm và nghiên cứu các đề tài về nuôi trồng thủy sản.
- ➡ Chuyển giao công nghệ cho các hộ sản xuất.
- ➡ Tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

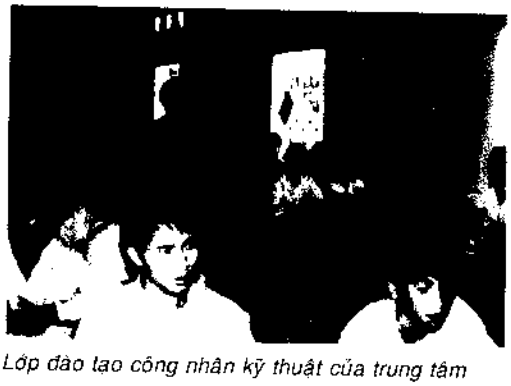

Lớp đào tạo công nhân kỹ thuật của trung tâm

TIỀM LỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT:

27 cán bộ công nhân viên gồm: 3 kỹ sư; 12 trung cấp; còn lại là công nhân kỹ thuật được đào tạo theo dự án của Thụy Điển.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

✓ Đến 2002 thực hiện xong dự án qui hoạch tổng thể cơ sở vật chất.

✓ Đến 2005 có thêm 5 cán bộ đại học, cán bộ quản lý có ít nhất 1 bằng đại học.

PHÂN BÓN SINH HOÁ HỮU CƠ KOMIX TRONG CHIẾN LƯỢC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ NĂNG SUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ CỦA VIỆT NAM(*)

Mục tiêu của nông nghiệp hữu cơ là tạo điều kiện để nông dân sáng tạo các biện pháp canh tác phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương. Nông nghiệp hữu cơ phải bảo đảm an toàn lương thực cho nông hộ và cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như bảo vệ môi trường, môi sinh.

Nền nông nghiệp hữu cơ phải đáp ứng đủ và cân bằng nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng yếu tố này được tính toán một cách khoa học giữa nhu cầu đầu vào (phân bón, nước) và tổng lượng lấy đi để cây trồng phát triển. Đất sẽ suy thoái và cây trồng có năng suất, chất lượng thấp nếu thiếu phân bón, ngược lại môi trường sẽ nhiễm độc hoặc hiệu quả kinh tế thấp nếu bón thừa.

Đáp ứng tối ưu nhu cầu dinh dưỡng cho cây trồng và xây dựng một nền nông nghiệp bền vững là hướng đi chủ đạo của nhà sản xuất phân bón sinh hóa hữu cơ KOMIX.

Công ty Sinh hóa Nông nghiệp và Thương mại Thiên Sinh - KOMIX sau hơn 10 năm nghiên cứu và phát triển sản xuất các loại phân hữu cơ cho cây trồng đã căn bản thỏa mãn được các yêu cầu chính của chiến lược sản xuất nông sản sạch tại Việt Nam.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY THIÊN SINH

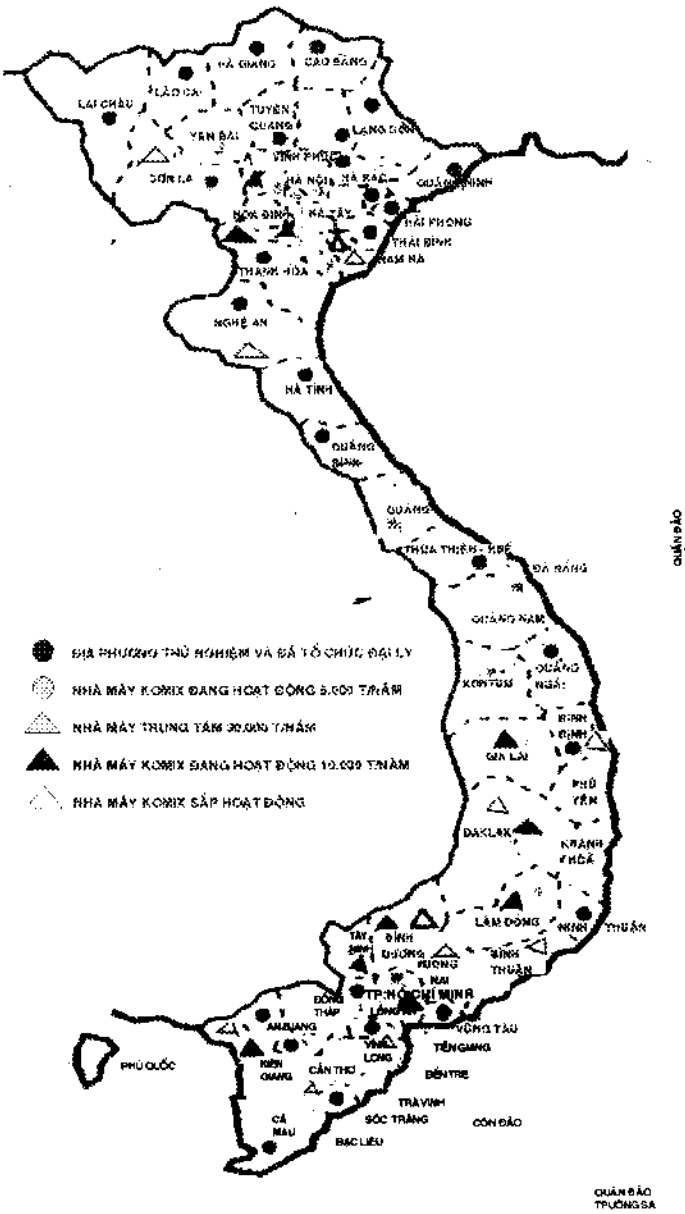

Hiện nay Công ty Thiên Sinh sản xuất trên 30 sản phẩm phân bón hữu cơ gồm 2 dạng: phân bón qua rễ và phân bón qua lá (dạng lỏng) đã được Hội đồng Khoa học Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là ***Tiến bộ kỹ thuật*** *và cho phép sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Những loại phân chuyên dùng gồm: phân bón cho cây lương thực, thực phẩm: lúa, rau, ngô, đậu...; cây công nghiệp: cao su, cà phê, tiêu, mía đường... phân bón cho cây lâm nghiệp, cây kiểng...phân lân hạ phèn - khử mặn, phân lân vi sinh.*

** **Vùng hoạt động và các nhà máy liên kết:***

- Nhà máy trung tâm đặt tại địa chỉ 426B Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP. HCM với công suất phân dạng bột: 100.000 tấn/năm, phân dạng lỏng: 1.200.000 lít/năm.

- 12 nhà máy vệ tinh đang hoạt động trên khắp cả nước có tổng công suất gần 100.000 tấn/ năm.

** **Phân bón Komix với môi trường sạch của các nhà máy đường:***

Ứng dụng công nghệ sinh học xử lý môi trường. Công ty ***THIÊN SINH*** *đã thành công trong chương trình sản xuất phân bón hữu cơ sinh học từ các chất thải và phụ phẩm của các nhà máy đường tại Khánh Hòa, La Ngà, Bến Tre, Cần Thơ, Tây Ninh, Bình Định, Hòa Bình...*

Hiệu quả của chương trình đã giúp cho các nhà máy đường chủ động được nguồn phân bón cho vùng mía nguyên liệu và giải quyết tốt môi trường tại nhà máy.

** **Komix trong chương trình phát triển vùng Tây Nguyên và Trung du Bắc bộ:***

- Với các nhà máy tại Gia Lai, Daklak, Lâm Đồng, Hoà Bình, Yên Bái... Công ty ***THIÊN SINH*** *đã góp phần xây dựng chương trình ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp ở vùng sâu vùng xa.*

** **Sản phẩm đặc chế Komix:** gồm polyhumat, các vi lượng, enzym, vitamin và hoạt chất cải tạo đất thích hợp cho từng loại cây trồng trên từng vùng thổ nhưỡng...*

Thành quả hoạt động :

- Các sản phẩm phân bón Komix đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận.

- Các công trình nghiên cứu và qui trình sản xuất được tặng giải thưởng ***Bông lúa vàng*** *Việt Nam.*

- Các sản phẩm được thưởng ***Huy chương vàng*** *tại các Hội chợ Nông nghiệp và Thương mại Quốc tế .*

** Công ty* ***THIÊN SINH*** *đã và đang hợp tác với các cơ quan khoa học kỹ thuật, Viện nghiên cứu, Trường Đại học, Trung tâm chuyên ngành tổ chức các lớp tập huấn và in ấn tài liệu kỹ thuật để chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân.*

Xây dựng nền nông nghiệp hữu cơ bền vững, duy trì độ phì nhiêu cho đất, nâng cao chất lượng và năng suất cây trồng, bảo vệ môi trường cho cộng đồng, mang lại hiệu quả tối ưu cho người nông dân là những mục tiêu mà Công ty Thiên Sinh - KOMIX đã và đang thực hiện.

(*) *Nội dung dự án UNCTAD/UNDP.VIE.98/036 và IFOAM - VFOAM*
Việt Nam Federation of Organic Agriculture Movement - Hà Nội 6.9.2000

MỤC LỤC

		Trang
1	Lời nói đầu	3
2	Bản đồ hành chính Nước CHXHCN Việt Nam	4
	PHẦN I: TỔNG QUAN	7
1	Bản đồ đất Việt Nam	8
2	Bản đồ phân vùng sinh thái nông nghiệp Việt Nam	9
3	Bản đồ phân vùng kinh tế nông nghiệp Việt Nam	10
4	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn *(Tổng Bí thư BCH TW Đảng Cộng sản VN Lê Khả Phiêu)*	13
5	An ninh lương thực Việt Nam – ASEAN *(Thủ tướng Phan Văn Khải)*	15
6	Thế kỷ 21 là thế kỷ rồng thiêng cất cánh đưa Việt Nam phát triển nhanh chóng và bền vững *(Phó Thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm)*	19
7	Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn *(Tiến sĩ Nguyễn Thiện Luân – Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*	31
8	Phát triển khoa học công nghệ trong nông nghiệp nông thôn đến năm 2010 *(Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Thế Dân – Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*	39
9	Chính sách thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp và bảo đảm an ninh lương thực *(Nguyễn Xuân Thảo – Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*	43
10	Phát triển lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long thập niên đầu Thế kỷ 21 *(Tiến sĩ Bùi Bá Bổng - Viện trưởng Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long)*	49
11	Sản xuất và phát triển cây ăn quả ở Việt Nam *(Tiến sĩ Nguyễn Minh Châu – Viện trưởng Viện cây ăn quả miền Nam)*	53

tUAN 1.doc

12 Những thành tựu của Ngành nông nghiệp Việt Nam trong thời kỳ đổi mới 57

(Kỹ sư Trần Thanh Cảnh – P. Giám đốc điều hành Trung tâm Thông tin và chuyển giao tiến bộ Sinh học Việt Nam)

13 Trang trại ở Việt Nam và một số vấn đề về trang trại. 67

(Phùng Hữu Hạt – Chủ nhiệm CLB Trang trại TP. HCM)

PHẦN II: THÀNH TỰU, TIỀM NĂNG, TRIỂN VỌNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT CỦA CÁC TỈNH, THÀNH TẠI VIỆT NAM. 73

1 Tiềm năng và định hướng phát triển kinh tế xã hội An Giang 75

(Vương Bình Thạnh – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT An Giang)

2 Bà Rịa – Vũng Tàu: Thành tựu và tiềm năng phát triển 78

(Nguyễn Văn Nhân – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

3 Thành tựu và định hướng nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn 81

(Nguyễn VănViệt - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn)

4 Phát huy nội lực để phát triển nông nghiệp nông thôn tỉnh Bạc Liêu 83

(Cao Văn On - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bạc Liêu)

5 Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Giang trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa 86

(Nguyễn Văn Liêm – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang)

6 Một số hình ảnh cơ bản ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Ninh 90

(Nguyễn Văn Thục – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh)

7 Tiềm năng và định hướng phát triển ngành nông nghiệp - phát triển nông thôn Bến Tre. 92

(Sở Nông nghiệp và PTNT Bến Tre)

8 Thành tựu qua 4 năm thực hiện và tiềm năng phát triển kinh tế ngành nông lâm nghiệp tỉnh Bình Phước. 95

(Nguyễn Văn Nguyện - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Phước)

9 Nông nghiệp - nông thôn Cần Thơ - Tiềm năng và triển vọng 100

(Phan Tấn Tiến - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Cần Thơ)

10 Cao Bằng trong công cuộc đổi mới nông lâm nghiệp 102

(Nguyễn Đình Chương - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Cao Bằng)

11 Dak Lak – Thành tựu, tiềm năng và những dự án đầu tư 106

(Nguyễn Văn Lạng – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Dak Lak)

12 Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp – Nhữngthành tựu và định hướng phát triển từ nay đến 2010 110

(Lê Văn Thôi – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Tháp)

13 Nông nghiệp tỉnh Gia Lai trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa 114

(Bùi Kế Nghiệp – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Gia Lai)

14 Nông nghiệp Hà Nam khắc phục khó khăn từng bước phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 117

(TS. Nguyễn Trí Ngọc - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nam)

15 Nông nghiệp Thủ đô – Những thành tựu và hướng đầu tư phát triển 121

(Nguyễn Tiến Dĩnh – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

16 Nông nghiệp Hà Tây qua 10 năm đổi mới 125

(Nguyễn Công Tít – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tây)

17 Nông nghiệp Hải Dương trên đường phát triển 128

(Mao Xuân Nung - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hải Dương)

18 Nông nghiệp TP. Hồ Chí Minh sau 25 năm xây dựng và phát triển 132

(Nguyễn Khắc Ngân – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT TP. Hồ Chí Minh)

19 Nông nghiệp và nông thôn Hòa Bình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa 136

(TS. Bùi Thanh Thu - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hòa Bình)

20 Thành tựu và định hướng phát triển Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa đến 2010 140

(Hoàng Văn Trường - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa)

21 Nông nghiệp Kiên Giang bước vào thế kỷ 21 146

(Thái Dắc Liệt – Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang)

22 Nông nghiệp Lạng Sơn hướng tới thế kỷ 21 150

(La Rinh – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Lạng Sơn)

23 Nông nghiệp Lào Cai – Thành tựu và phát triển 152

(KS. Ma Quang Trung - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Lào Cai)

24 Ngành nông nghiệp và nông thôn Lâm Đồng với những thử thách và vận hội mới trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21 156

(Nguyễn Văn Minh – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Lâm Đồng)

25 Thành tựu và tiềm năng phát triển nông nghiệp nông thôn Nam Định 160

(Trần Xuân Giai – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Nam Định)

26 Nông nghiệp nông thôn Nghệ An – Thành tựu và định hướng phát triển 163

(Nguyễn Đình Chi – P. Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An)

27 Ninh Thuận phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn 166

(Lưu Khoan – P. Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Thuận)

28 Phú Thọ với chương trình an toàn lương thực 169

(Trương Văn Khôi – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ)

29 Phú Yên với triển vọng phát triển nông nghiệp đa dạng và hiệu quả 172

(Đinh Thanh Tịnh – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Phú Yên)

30 Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam hướng tới tương lai 178

(Võ Văn Tiên – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam)

31 Thành tựu và định hướng phát triển nông nghiệp nông thôn Quảng Ninh 182

(Dương Kế Chư - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ninh)

32 Nông nghiệp Sóc Trăng – Những thành tựu và định hướng phát triển 187

(Quách Văn Nam – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Sóc Trăng)

33 Nông nghiệp Sơn La, phát huy nội lực và tăng cường hợp tác đầu tư 191

(Đỗ Hùng – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La)

34 Nông nghiệp Tây Ninh –Thành tựu, tiềm năng và cơ hội đầu tư 194

(Phan Văn Sử – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Tây Ninh)

35 Nông nghiệp Thái Bình – Thành tựu và tiềm năng 198

(Đào Trọng Thuần – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Bình)

36 Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thái Nguyên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 202

(Vi Văn Thư - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Nguyên)

37 Nông nghiệp Tiền Giang – Thực trạng, tiềm năng và định hướng phát triển 206

(Nguyễn Văn Khang - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Tiền Giang)

38 Thực trạng, tiềm năng và mục tiêu những năm tới của nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh 210

(Sở Nông nghiệp và PTNT Trà Vinh)

39 Tiềm năng và định hướng phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn Vĩnh Long 213

(Sở Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Long)

40 Sản xuất nông, lâm nghiệp Yên Bái – Hiện trạng và tiềm năng 216

(Trần viết Hưởng - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Yên Bái)

41 Nông nghiệp Hưng Yên vững bước tiến vào thế kỷ 21 219

(Hoàng Văn Thịnh - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hưng Yên)

42 Nông nghiệp nông thôn Vĩnh Phúc sau 3 năm tái lập tỉnh 224

(KS. Nguyễn Văn Hòa – Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Phúc)

PHẦN III: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM 229

1 Công ty Lương thực Cần Thơ 232

2 Nông trường Sông Bôi - Hòa Bình 233

3 Nông trường Thanh Hà - Hòa Bình 234

4 Nông trường Thống Nhất - Thanh Hóa 235

5 Nông trường Hà Trung - Thanh Hóa 236

6 Nông trường Lam Sơn - Thanh Hóa 237

7 Công ty Nông sản Bắc Ninh 238

8 Công ty Thủy nông Nam Đuống - Bắc Ninh 238

9	Công ty Thủy nông Bắc Đuống - Bắc Ninh	238
10	Công ty Giống cây trồng Bắc Ninh	238
11	Trung tâm Khuyyến nông Bắc Ninh	238
12	Chi cục Thú y Bắc Ninh	238
13	XN Cây ăn quả Cầu Xe Tứ Kỳ - Hải Dương	239
14	Công ty Lương thực Hà Giang	239
15	Nông trường Bình Minh - Ninh Bình	239
16	Nông trường Cao Phong - Hòa Bình	240
17	Nông trường Cửu Long Lương Sơn - Hòa Bình	240
18	Công ty Nông Lâm sản Kiên Giang	241
19	Nông trường Vân Du - Thanh Hóa	241
20	Nông trường Phong Hải - Lào Cai	242
21	Nông trường Tô Hiệu - Mai Sơn - Sơn La	242
22	Công ty Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bình Định	243
23	Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật I	244
24	Công ty Vật tư nông nghiệp Cao Bằng	244
25	Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật II	244
26	Cơ sở Thiên Hải Ngọc	245
27	Công ty Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Phú Yên	246
28	Công ty Phú Sơn - BIOCO	247
29	Phân bón Hữu cơ Sài Gòn	247
30	Cơ sở Hóa chất Phú Định	247
31	Công ty Dịch vụ Vật tư Kỹ thuật nông nghiệp Bạc Liêu	248
32	Công ty Phát triển kỹ thuật Vĩnh Long	248
33	Công ty Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Hà Tây	249
34	Công ty Vật tư kỹ thuật Ứng Hòa Hà Tây	249
35	Công ty Vật tư nông nghiệp Hà Tĩnh	250
36	Trung tâm Giống nông nghiệp Bạc Liêu	250
37	Công ty Cơ khí Thống Nhất - Dak Lak	250
38	Công ty Vật tư nông nghiệp Hưng Yên	251
39	Công ty Vật tư nông nghiệp Phú Thọ	251
40	Công ty Vật tư Nông Lâm nghiệp Quảng Ngãi	252

41	Công ty Vật tư nông nghiệp Thừa Thiên – Huế	252
42	Công ty Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Sơn La	253
43	Công ty Vật tư nông nghiệp Yên Bái	253
44	Tổng công ty Sản xuất Dịch vụ Đầu tư XNK Bình Định	254
45	Công ty Giống cây trồng và Dịch vụ nông nghiệp Hà Nam	255
46	Công ty Đầu tư Xây dựng Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	256
47	Xí nghiệp Cơ khí nông nghiệp Điện Biên - Lai Châu	257
48	Công ty Giống cây trồng Nghệ An	258
49	Công ty Giống cây trồng Quảng Bình	259
50	Cty Xây dựng, Dịch vụ và Hợp tác lao động với nước ngoài	260
51	Công ty Chế tạo và Sửa chữa thiết bị Thủy lợi	261
52	Công ty Thiết bị Phụ tùng Cơ điện Nông nghiệp	262
53	Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi 18	263
54	Công ty Vận tải và Đại lý vận tải	264
55	Công ty Quyết Thắng – Dak Lak	265
56	Công ty Giống và Dịch vụ nông nghiệp Trà Vinh	265
57	Xí nghiệp Sản xuất – Dịch vụ nông nghiệp Gia Lâm - Hà Nội	266
58	Công ty Giống cây trồng Hà Nội	266
59	Công ty XNK và Xây dựng Nông Lâm nghiệp Hà Nội	267
60	Công ty Đầu tư Khai thác Hồ Tây - Hà Nội	267
61	Công ty Giống cây trồng Hải Dương	268
62	Trung tâm Giống cây trồng Hưng Yên	268
63	Trung tâm giống Nông Lâm nghiệp và Vườn thực vật Kiên Giang	269
64	Công ty cấp thoát nước và VSMT nông thôn Kiên Giang	269
65	Công ty Khử trùng Việt Nam	270
66	Công ty Thiết bị và Vật tư nông sản	270
67	Công ty Nước ngầm II - TP. HCM	271
68	Công ty Khai thác nước ngầm I	271
69	Công ty Giống nông nghiệp Lai Châu	272
70	Công ty Giống cây trồng Quảng Ninh	272
71	Công ty Giống cây trồng TW I	273

72	Công ty Sản xuất và Dịch vụ Vật tư Kỹ thuật	273
73	Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn	274
74	Trung tâm Nước sinh hoạt & VSMT Bắc Kạn	274
75	Công ty Dịch vụ nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn	274
76	BQL công trình nông lâm nghiệp Hà Giang	275
77	Trung tâm Khuyến nông Hà Nam	275
78	Công ty Giống cây trồng và con nuôi Ninh Bình	275
79	Công ty Giống vật tư nông nghiệp Tuyên Quang	275
80	Công ty Dịch vụ nông nghiệp Hòa Bình	276
81	Công ty Giống cây trồng Vĩnh Long	276
82	Tổng Công ty Cơ điện và Thủy lợi	276
83	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Bạc Liêu	276
84	Tổng công ty chè Việt Nam	277
85	Công ty Cổ phần chè Kim Anh	278
86	Công ty Cà phê Yên Bái	279
87	Công ty Cao su Việt Trung Quảng Bình	280
88	Công ty Cao su Thống Nhất – Bà Rịa-Vũng Tàu	281
89	Công ty Cây công nghiệp Điện Biên - Lai Châu	281
90	Xí nghiệp Dâu tằm tơ Dak Lak	282
91	Công ty dâu tằm tơ lụa Đà Nẵng	282
92	Công ty Cao su Dak Lak	283
93	Nông trường cà phê Cư Pul - Dak Lak	283
94	Công ty Cà phê Buôn Ma Thuột – Dak Lak	284
95	Công ty Cà phê Phước An - Dak Lak	284
96	Công ty chè Phú Thọ	285
97	Công ty Chế biến xuất khẩu Chè Văn Hưng - Yên Bái	285
98	Công ty cà phê Tháng 10 - Dak Lak	286
99	Công ty Cà phê Thắng Lợi - Dak Lak	286
100	Công ty Cà phê II - Lâm Đồng	286
101	Công ty Chè Bảo Ái - Yên Bái	286
102	Công ty Cà phê EAPỐK – Daklak	287
103	Công ty Chè Tam Đường - Lai Châu	287

104	Công ty Lâm sản Dak Lak	287
105	Tổng công ty Lương thực miền Nam	287
106	Công ty Bia – Nước giải khát Đồng Nai	288
107	Công ty Chế biến xuất khẩu Nông sản thực phẩm Đồng Nai	289
108	Công ty Dầu thực vật Phú Yên	290
109	Công ty Chế biến Nông sản Thực phẩm xuất khẩu Quảng Nam	291
110	Công ty XNK Nông sản TP. Hà Nội	292
111	Công ty Mía đường Hòa Bình	293
112	Tổng Công ty XNK Nông sản và Thực phẩm Chế biến	293
113	Xí nghiệp Thực phẩm xuất khẩu Phú Thọ	294
114	Công ty Chế biến Nông sản thực phẩm xuất khẩu Ninh Bình	294
115	Công ty Kinh doanh chế biến lương thực Yên Bái	294
116	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	295
117	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Nam Hà Nam	296
118	Cty Quản lý khai thác công trình Thủy lợi Kẽ Gỗ - Hà Tĩnh	297
119	Công ty Quản lý khai thác thủy lợi Đa Độ - Hải Phòng	298
120	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	299
121	Công ty Thủy nông Đồng Cam - Phú Yên	300
122	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Quảng Nam	301
123	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải	302
124	Công ty Quản lý khai thác công trình thủy lợi Đà Nẵng	303
125	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai	303
126	XN Khai thác công trình thủy lợi Cẩm Giàng - Hải Dương	304
127	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Ân Thi - Hưng Yên	304
128	Cty Khai thác công trình thủy lợi Châu Giang - Hưng Yên	305
129	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lữ - Hưng Yên	305
130	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình	306
131	Công ty Quản lý Khai thác công trình thủy lợi Đông Triều - Quảng Ninh	306
132	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Nam Thạch Hãn - Quảng Trị	307

133	Công ty Khai thác công trình thủy lợi Gio Cam Hà - Quảng Trị	307
134	Công ty Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Tây Ninh	308
135	Công ty Tư vấn Xây dựng thủy lợi Tây Ninh	308
136	Công ty Xây dựng và PTNT số 1 Cao Bằng	309
137	Công ty Xây dựng và PTNT số 2 Cao Bằng	310
138	Công ty Tư vấn Xây dựng thủy lợi Hà Tây	311
139	Công ty Xây dựng thủy lợi Hà Tây	312
140	Công ty Tư vấn Xây dựng thủy lợi Hà Tĩnh	313
141	Công ty Thi công cơ giới và xây lắp nông nghiệp Hà Tĩnh	314
142	Công ty Tư vấn Xây dựng thủy lợi Hải Dương	315
143	Công ty Xây dựng thủy lợi Hòa Bình	316
144	Cty Tư vấn xây dựng Nông nghiệp và PTNT Thái Nguyên	317
145	Công ty Xây lắp Thủy lợi - Thủy điện Yên Bái	318
146	Công ty Tàu cuốc và Xây dựng	319
147	Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng	320
148	Công ty Tư vấn Khảo sát Thiết kế Thủy lợi - Thủy điện Bình Định	321
149	Công ty Xây dựng Thủy lợi Gia Lai	321
150	Công ty Tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và PTNT Cao Bằng	322
151	Công ty Xây dựng Thủy lợi I - Lạng Sơn	322
152	Công ty Xây dựng Thủy lợi Cà Mau	323
153	DNTN Nguyễn Văn Trấu - Cà Mau	323
154	Công ty Xây dựng Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	324
155	Công ty Xây lắp và Vật tư xây dựng 6	324
156	Công ty Xây dựng thủy lợi Hải Phòng	325
157	Công ty Xây dựng thủy lợi Quảng Ninh	325
158	Công ty Tư vấn Xây dựng thủy lợi II	326
159	Công ty Tàu cuốc II	326
160	Công ty Xây lắp Thủy lợi - Thủy điện Lào Cai	327
161	Công ty Xây dựng Thủy lợi - Cơ điện Phú Thọ	327
162	Công ty Xây dựng Công trình Bình Lợi Quảng Bình	328

163 Công ty Tư vấn Xây dựng thủy lợi Thừa Thiên - Huế 328
164 Công ty Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện Quảng Nam 329
165 Công ty Cơ điện Xây dựng và PTNT Quảng Nam 329
166 Công ty Xây dựng thủy lợi Quảng Trị 330
167 Công ty Tư vấn Xây dựng thủy lợi Quảng Trị 330
168 Cty Tư vấn Thiết kế Xây dựng Công trình Thủy lợi Sơn La 331
169 Công ty Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện 1 Sơn La 331
170 Công ty Tư vấn Xây dựng thủy lợi Thanh Hóa 332
171 Công ty Xây dựng Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa 332
172 Công ty Xây dựng Thủy lợi Thái Bình 333
173 Công ty Xây dựng Nông nghiệp và PTNT Thái Nguyên 333
174 Công ty Xây lắp - Xáng Trà Vinh 334
175 Công ty Xáng - Xây dựng và PTNT Cần Thơ 334
176 Công ty Xây dựng thủy lợi Phú Yên 334
177 Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi – Điện lực Yên Bái 335
178 Công ty Xây dựng Thủy lợi Tuyên Quang 335
179 Công ty Xây dựng Thủy lợi II Yên Bái 335
180 Công ty Xây dựng thủy lợi Bình Thuận 336
181 Tổng Công ty Xây dựng 4 - Bộ Nông nghiệp và PTNT 336
182 Cơ sở Phân bón Thiên Lộc - HVK 336
183 Công ty Việt Hà - Hà Tĩnh 337
184 Trung tâm Phát triển Lâm nghiệp Hải Phòng 338
185 Lâm trường Ninh Sơn - Ninh Thuận 339
186 Lâm trường Tân Tiến - Ninh Thuận 340
187 Lâm trường Bố Trạch - Quảng Bình 341
188 Lâm trường Bồng Lai - Quảng Bình 342
189 Công ty Sản xuất và XNK Lâm sản Quảng Trị 343
190 Công ty Lâm Công nghiệp Sơn La 344
191 Công ty Giống Lâm nghiệp TW 345
192 Lâm trường Bạch Thông - Bắc Kạn 346
193 Công ty Lâm sản Bắc Kạn 346
194 Lâm trường Qui Nhơn - Bình Định 347

195 Công ty Lâm sản xuất khẩu Đà Nẵng 347
196 Lâm trường Nghĩa Trung - Bình Phước 348
197 Công ty Khai thác Chế biến Lâm sản II - Lâm Đồng 348
198 Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Hà Giang 349
199 Lâm trường Phù Bắc Yên - Sơn La 349
200 Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình 350
201 Công ty Đầu tư XNK Lâm sản Chế biến 350
202 Lâm trường Điện Biên - Lai Châu 351
203 Lâm trường Bảo Yên - Lào Cai 351
204 Công ty XNK Lâm đặc sản Nghệ An 352
205 Công ty Kinh doanh Lâm nghiệp Thừa Thiên - Huế 352
206 Lâm trường Cẩm Phả - Quảng Ninh 353
207 Lâm trường Đông Triều - Quảng Ninh 353
208 Lâm trường Chí Linh - Hải Dương 354
209 Lâm trường Định Hóa - Thái Nguyên 354
210 Lâm trường Ngòi Lao - Yên Bái 354
211 Công ty Lâm nghiệp Chế biến XNK Lâm sản II - Yên Bái 354
212 Công ty Thuốc thú y TW II 355
213 Xí nghiệp Thuốc thú Y TW 356
214 Trại Heo giống Hưng Việt - Bà Rịa-Vũng Tàu 357
215 Trung tâm giống gia súc Hải Dương 357
216 Xí nghiệp giống lợn ngoại Hải Phòng 357
217 Công ty Muối Ninh Thuận 358
218 Trường Trung học Kinh tế Kỹ thuật Phú Yên 359
219 Trường Trung học Kinh tế Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên 360
220 Trung tâm Thủy sản Hưng Yên 360
221 Công ty Sinh hóa Nông nghiệp và Thương mại Thiên Sinh 361
MỤC LỤC 363

DANH HIỆU VÀ CHỨC NĂNG CÁC DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản : LÊ VĂN THỊNH

Biên tập : TRẦN THANH CẢNH
NGUYỄN ĐÌNH ANH
PHẠM KHÔI

Trình bày bìa : TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG YẾN

Sửa bản in : PHẠM VĂN THUẬT

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
D14 Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: (04) 5761075 - 8523887 Fax: (04) 5760748

CHI NHÁNH NXB NÔNG NGHIỆP
58 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Q.1 - Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 8299521 Fax: (84-8) 9101036

In 5000 bản khổ 19 x 26,5cm tại Xí nghiệp in Tân Bình.
Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 3/1415 do Cục xuất bản cấp ngày 21.11.2000.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 02 năm 2001.

KOMIX®

CÔNG TY SINH HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

THIÊN SINH

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

❖ Sản xuất phân bón sinh hóa hữu cơ **KOMIX** phục vụ sản xuất nông nghiệp trong nước và xuất khẩu.

❖ Sản xuất các loại bao bì nhựa cao cấp phục vụ cho ngành dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm...

❖ Khai thác và chế biến than bùn.

❖ Mua bán hàng phục vụ cho sản xuất và tiê dùng.

❖ Đại lý ký gởi hàng hóa trong và ngoài nước.



Các sản phẩm phân bó **KOMIX** của Công ty Thiên Sinh đ được tặng thưởng 20 Huy chương vàng và 6 Bông lúa vàng tại các k Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế v Thương mại Quốc tế.

Với đội ngũ cán bộ năng động nhiệt tình, dưới sự cố vấn của cá nhà khoa học nông nghiệp, Côn ty Thiên Sinh - **KOMIX** hân hoa đón tiếp, hợp tác, phục vụ các nh đầu tư, các nhà sản xuất, cá doanh nghiệp trong nước và quố tế cùng toàn thể bà con nông dâ khắp mọi miền đất nước.

Hãy đến với chúng tôi:

CÔNG TY SINH HÓA NÔNG NGHIỆP & THƯƠNG MẠI THIÊN SINH

Địa chỉ: 426B Nơ Trang Long - F13 - Q.Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 843 4133 - 841 0278 **Fax:** (84.8) 843 4136 **Email:** Thiensinh@ HCM.FPT.VN



